

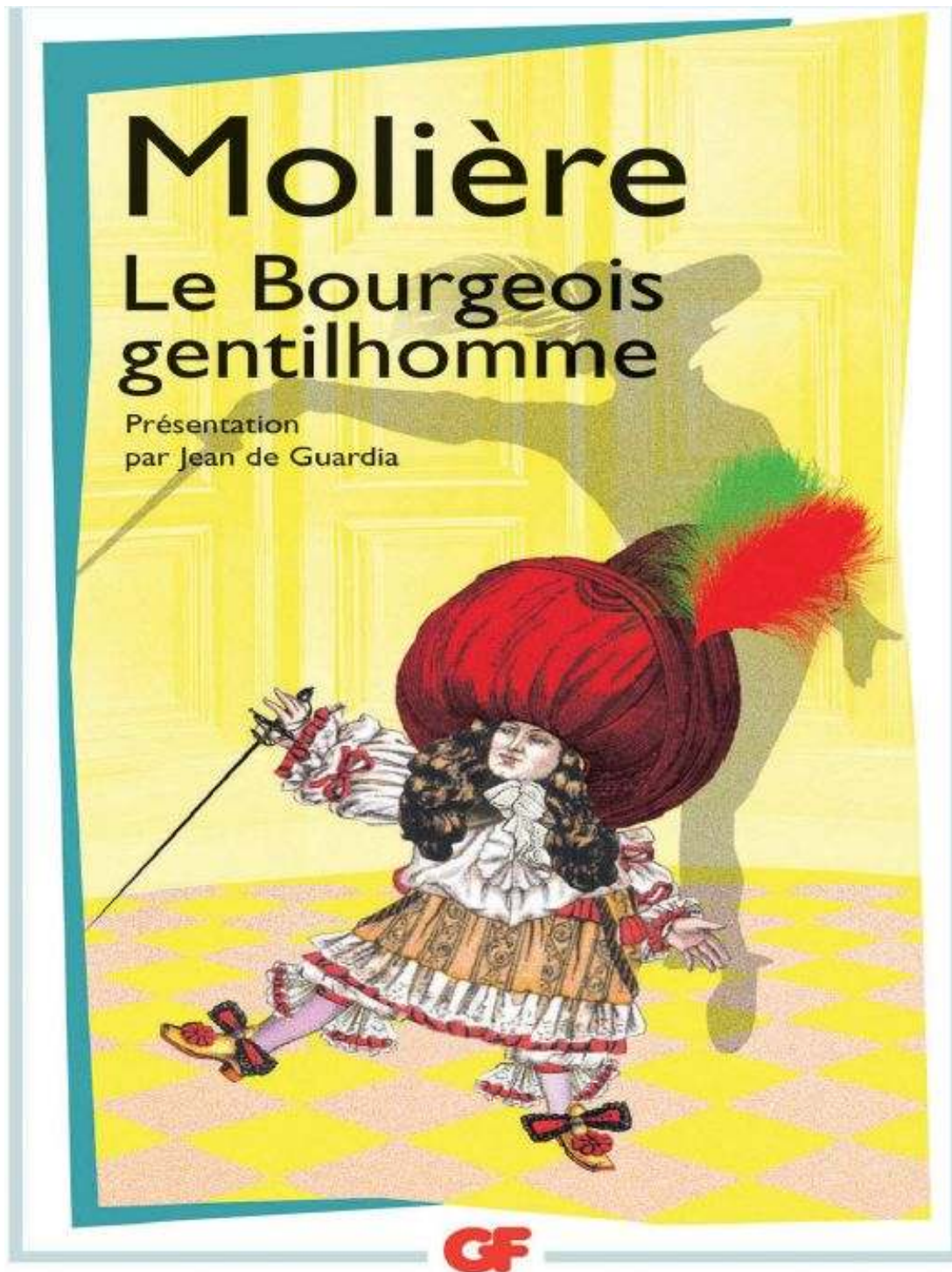
Firmament

Literary Quarterly

Review

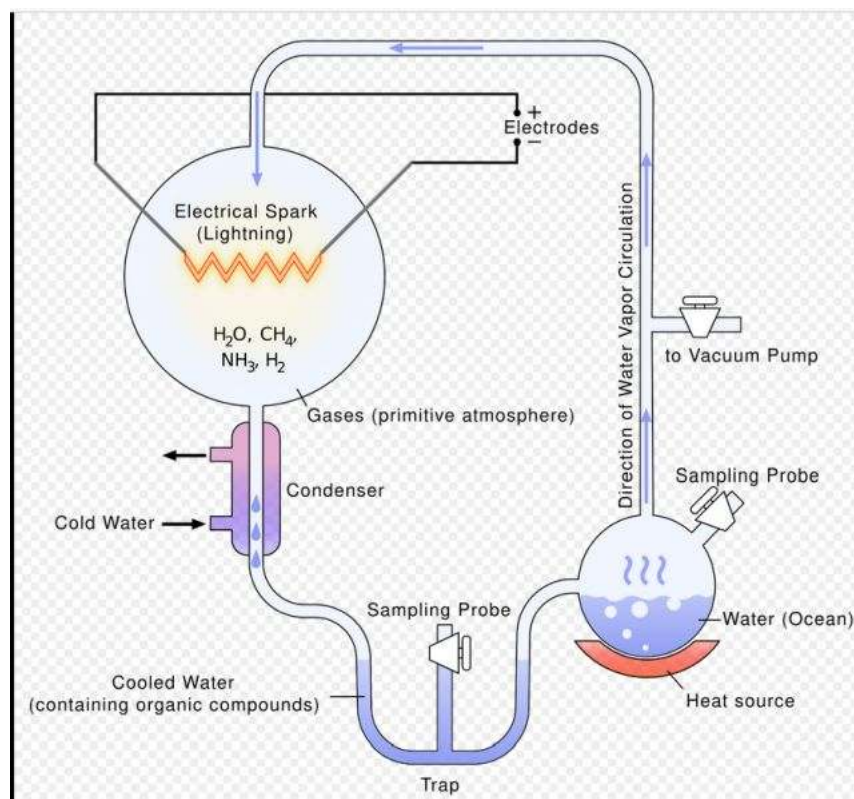
Read-Think-Write

Thế Hữu Văn Đàn
October 2025



Le Bourgeois gentilhomme par Molière (page 219)

<https://z-library.sk/book/12115798/24561b/le-bourgeois-gentilhomme-gf.html>



**Miller-Urey experiment in chemical synthesis:
methane (CH_4), ammonia (NH_3), hydrogen (H_2), in ratio 2:2:1,[3] and
water (H_2O) and electrical spark = amino acids (page 294)**

https://en.wikipedia.org/wiki/Miller%E2%80%93Urey_experiment

Contents

Nguyễn Lê-Hiếu. <i>Câu chuyện TRƯỞNG-CHI</i> trong văn-học Pháp-thoại	6
Lạp Chúc Nguyễn Huy. <i>Đạo trị quốc và đạo quân vương</i>	15
Lạp Chúc Nguyễn Huy. <i>Educational philosophy of Nguyễn Emperors</i>	22
Nguyễn Ngọc Hà. <i>La persuasion aux prises avec l'obstination</i>	30
Nguyễn Giụ Hùng. <i>Sơ Lược Thi Cử Ngày Xưa, Chương Bon</i>	34
Van Uu Nguyen. <i>Vietnamese Personal Pronouns and Their Noumenon</i>	57
Nguyễn Lê-Hiếu. <i>Truyện Trương-Chi Anh-ngữ</i>	82
Nguyễn Thị Mất Nâu. <i>Cóm</i>	89
Yên Sơn. <i>Vu Lan Nhớ Mẹ</i>	99
Phương Hoa. <i>Tiếng Việt Của Mẹ Tôi</i>	104
Kim Oanh. <i>St. Paul's Cathedral, London Và Niềm Tin Yêu Của Tôi!</i>	111
Cao My Nhân. <i>Goi Đi Xa</i>	128
Sóng Việt-Đàm Giang. Thomas D. Le. (Trans). <i>The Coffee We Poured</i>	132
Nguyễn Giụ Hùng. <i>Đi Chơi Chùa Hương Chương V Đường về nhà</i>	135
Trương Thiệu Hùng. <i>Cách cài đặt và sử dụng các bàn phím tiếng Việt</i>	141
Nguyễn Văn Ưu. <i>Vietnamese Personal Pronouns and Their Noumenon. Part 2/2</i>	154
Nguyễn Giụ Hùng. <i>Tiểu Bang Pennsylvania - Chương V - Longwood Gardens</i>	182
Nguyễn Cẩm Xuyên. <i>Có thi Có Sự Mảy May ...</i>	188
Vô Gia, Nguyễn Tuấn Huy. <i>Xã Hội Đen Chương Bốn - Trời Xanh</i>	191
Nguyễn Thị Mất Nâu. <i>Con Đường Cái Quan</i>	199
Nguyễn Giụ Hùng. <i>Dì Tô</i>	207
Poetry Corner	211
Nguyễn Ngọc Hà. <i>Pouquoi? Pouquoi?- Mon amie la Lune</i>	211
Phương Hoa. <i>Thơ Thế Hữu Văn Đàn , Ngày Mẫu Tử Nhớ Mẹ</i>	213
Yên Sơn. <i>Chiếc Lá Vàng Trước Gió</i>	215
Cao My Nhân. <i>Cô Độc Hành, Ở Kiếp tới . v.v</i>	216
Nguyễn Thị Mất Nâu. <i>Chuyện tình Ngưu Lang - Chức Nữ</i>	218
Molière. <i>The Middle-Class Gentleman, Le Bourgeois gentilhomme, Acts II-V The End</i>	219
Thomas D. Le. <i>Letters from Vincennes. Time-Consciousness, Mind, Brain (Cont'd)</i>	294
Thomas D. Le.. <i>Critical Thinking, Critical Thinking (Cont'd)</i>	324

To The Reader

Dear Friend and Reader,

Have ever wondered how the kings of Old Vietnam got educated in the art of governing? Then let former professor Lạp Chúc Nguyễn Huy enlighten with his lucid essay written in both Vietnamese and English. The “curriculum” consists of precepts derived from ancient Chinese texts embodying Confucian political theory. Each four-word precept lays down a set of related principles of government that when fully developed easily occupy hours of discussion on the theory and practice designed to guide the future leader. I was fascinated by its wide-ranging scope. If you are into the craft of government, your time will be well spent.

In a pithy, almost extempore essay in French and Vietnamese former academic Nguyễn Ngọc Hà expounds on the torture of trying to persuade an obstinate person. Don’t be fooled by its apparent off-the-cuff character. Dig a little deeper and you will be amazed by its profundity. The golden voice of a lowly fisherman captures the heart of a princess in her gilded palace until she sees him. The philosophical dimension of this tale is explored by the physician turned literary critic Nguyễn Lê-Hiếu. Yên Sơn and Phương Hoa each in his or her own way honored the memory of their respective mothers. The prolific Nguyễn Giũ Hùng continues to explore the old Vietnamese classical examination regime this time with a focus on poetry. His travels to the legendary Perfume Pagoda has reached the fourth chapter; his travel to Pennsylvania ends with a visit to these famous gardens, and his boyish fascination with a nubile girl many times his age offers interesting insights into juvenile psychology. The Vietnamese pronoun system is so intractable to foreigners that philologist Văn Ưu Nguyễn had to write a lengthy essay to explicate it. In another essay Văn Ưu discourses on the tree model of languages in historical linguistics. Computer guru Trương Thiệu Hùng is so tired of seeing Vietnamese written without tone marks that he developed a tutorial for those “tone-averse” Vietnamese writers. Scholar Nguyễn Cẩm Xuyên becomes philosophical with a brief discussion of “being and nothingness.” In this Black Society episode suspense writer Nguyễn Tuấn Huy describes a narrow escape of a con artist to China before the DEA closes on her for masterminding a multi-million-dollar medicine scam. Cao My Nhân wanders around the garden of Tang poetry while Kim Oanh chronicles her visit to a famous cathedral with a copious photo album. On her part Sóng Việt-Đàm Giang cherishes the coffee she shares with her imaginary paramour year round. Nguyễn Thị Mất Nâu delights in the intricacies of making a dish out of glutinous rice, and is overjoyed by the new Mandarin Road.

In poetry land, Nguyễn Ngọc Hà as an existentialist unabashedly asks that ultimate question “why am I here?”, and quickly retires in the cocoon of her faithful nocturnal companion. Cao My Nhân is obsessed with Thanatos and inconsolable. Phương Hoa still grieves the loss of her mother. And Nguyễn Thị Mất Nâu recalls a love that is consummated only once a year.

Moliere’s comedy-ballet *The Middle-Class Gentleman, Le Bourgeois gentilhomme (French version)* ends with this issue. Read the play after savoring the quite educational introduction.

In the Letters from Vincennes space, Thomas Le embarks on a quest for the origins of life. The Critical Thinking section is pure psychology dealing with stupid behavior and the opportunists: how to recognize and deal with them.

Firmament is an excellent read and deserves to be shared with pride. Will you distribute it among your friends and relatives? Happy reading! ■

Thomas D. Le, Editor, October 2025

Comments and submissions/commentaires et communications: thomasle22@yahoo.com . To join/pour vous inscrire à Thê Hữ Văn Đàn, email to: thehuuvandan+subscribe@googlegroups.com or firmament+subscribe@googlegroups.com

Link for download to all issues of Firmament: <https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament>

Câu chuyện TRƯƠNG-CHI trong văn-học Pháp-thoại và Sự tự-do trong sáng-tạo và thưởng-ngoạn

Nguyễn-Lê-Hiếu

Văn-học khởi đầu từ giai-đoạn truyền-khẩu rồi mới sang bộ-phận thành văn. Trong giai-đoạn truyền-khẩu, người xưa ưa dùng thể thơ-ca có vần điệu và điệp-khúc nhái-đi-nhái-lại cho dễ nhớ. Ca-dao tục-ngữ thường ngắn gọn, truyền lại các bài học, túi khôn từ đời xưa. Cổ-tích tương-đối dài hơn, dùng ngôn-từ kể-lê-trình-bày sự việc, nhắc chuyện xưa, cũng là để ghi-khắc trên ký-ức con cháu, một số hình-ảnh đặc-biệt cần trân-quý lưu-giữ tạo nên ký-ức bầy-nhóm. Cổ-tích có nhiều loại, nói về nguồn-gốc thần-thoại loài người, hay cội-nguồn bộ-tộc trong huyền-sử dã-sử, hay tìm cách diễn-giải hiện-tượng thiên-nhiên huyền-bí; nhưng gần-gũi tha-thiết hơn vẫn là tả tâm-tình tự-nhiên của con người. Cổ-tích thường tạo trên nền-tảng đời sống quen-thuộc thường ngày khiến người nghe dễ dàng nhận ra mình trong câu chuyện; nhưng lại cũng chứa những yếu-tố thần-kỳ hấp-dẫn gây ngạc-nhiên thích-thú cho người nghe. Xét một cổ-tích nên tìm-hiểu gốc loại của nó, nhận-định hoàn-cảnh xã-hội vào thời-điểm, nhận-diện thực-tế và phân-giải nét thần-thoại diệu-kỳ.

Tạm lấy câu chuyện Trương-Chi làm thí-dụ. Tưởng-tượng một buổi xế chiều, trên sân sau căn nhà trong xóm an-bình, cạnh khuôn cửa-sổ, có móc một cái võng đong-đưa; một phụ-nữ nằm thoải-mái, ôm-ấp bé nhỏ nằm xấp trên bụng. Mẹ—mà cũng có thể là bà hay dì—nhẹ-nhàng cất giọng:

- *Ngày xưa có anh Trương Chi,*

Người thì thậm xấu, hát thì thậm hay.

- *My-nương ở chốn lầu tây,*

Con quan Ngự-sử ngày rày cấm cung.

- *Trương Chi vốn ở ven sông,*

Chèo thuyền ngang dọc đêm đông dãi dầu.

- *Canh khuya, chàng hát một câu,*

Gió đưa thoang-thoảng tới lầu My-Nương.

9- My-Nương nghe hát thì thương,

Hầu trông thấy mặt anh chường lại chê.

11- Trương Chi buồn bã ra về,

Cắm sào giữa bến hát thề một câu:

13- Kiếp này đã dở dang nhau,

Thì xin kiếp khác duyên sau lại lành...

Có dị-bản đau-thương mang nặng nỗi bi-quan tuyệt-vọng

Có sang kiếp khác lấy nhau (cũng) không thành. (1)

Đời sau, có người lấy Kiều mà ghép thêm

Nợ tình chưa trả cho ai,

Khối tình mang xuống tuyền-đài không tan. (2)

Lại cũng có thêm đoạn-kết, ngọc quý đeo thành ly; để rồi khi My-nương rót nước vào thì thấy hình Trương-Chi chèo thuyền hiện ra; cô nhớ chuyện-cũ, nhỏ giọt lệ

*Không cảm đến chén thì thôi,
 Hễ cảm đến lại thấy người hò khoan.
 Mỹ-nương đau đớn can tràng,
 Hạt châu rơi xuống, vỡ tan thuyền tình.* ⁽³⁾

Sáu câu đầu giới-thiệu hai nhân-vật với chút thông-tin ít-ỏi nhưng quan-trọng: thứ nhất: tài hát thậm hay nhưng hình-hài thậm xấu, mâu-thuẫn oan-nghiệp giữa thánh và thị-giác, tài cao nhưng ngoại-hình kém; thứ hai: nếp sống khác-biệt đối-kháng: bên phóng-khoáng trên sông, bên kín-cổng-cao-tường. ⁽⁴⁾

Khung-cảnh và sự-việc nào đã khiến hai nhân-vật thuộc hai đẳng-cấp và hai dòng sinh-hoạt xa-cách bỗng cùng gặp nhau và tương-tác? Đó là giọng ca tuyệt-vời của anh chài, bay-bồng qua không-gian lọt vào lầu cao Mỹ-nương. Mấy câu bảy đến mười trình bày nút rôi của câu chuyện là Mỹ-nương thương giọng hát mà chê con người. Cổ-tích này mô-tả tình người trong cảnh éo-le của anh chàng yêu không phải chỗ! Đây là một chuyện tình quen-thuộc ta dễ gặp trong đời sống hàng ngày, trong xã-hội.

Câu mười-một tới mười-bốn là đoạn kết với kỳ-vọng ở kiếp sau—hay theo dị-bản, đau-thương chua-sốt, *Có sang kiếp khác lấy nhau (cũng) không thành.*

Nhưng ngay đó, cũng có những yếu-tố thần-kỳ hấp-dẫn quen-thuộc trong cổ-tích: ở đoạn kết: Mối tình tuyệt-vọng làm chai-đá thân-hình anh chài biến thành viên ngọc. Rồi giọt lệ xóa-bỏ nỗi hắt-hủi trước, và giải-gỡ nỗi hận-tình.

oOo

Khoảng từ giữa thế-kỷ trước cho tới khoảng 1940-45, có phong-trào Phục-hưng Phục-sinh, tìm về nguồn-cội, tự vấn mình về bản-sắc ta và dân thân đấu-tranh cho đất-nước nhà, có một số tác-giả đã giới-thiệu văn-hóa ta với chuyện Trương-Chi phổ-biến qua tiếng Pháp. ⁽⁵⁾

oOo

Phạm-Duy-Khiêm, bị lôi kéo giữa gốc-cội Việt và văn-minh thế-giới gốc Hy-La, cho xuất-bản cuốn *Cổ-tích thần-thoại miền đất an-bình* (1951) mở đầu với câu chuyện Trương-Chi, đặt nhan-đề *Khối ngọc tình*. ⁽⁶⁾ Chuyện khởi đầu,

Ngày xưa ngày xưa, một vị quan nọ có người con gái xinh đẹp vô-cùng...sống biệt-lập trong khuê-phòng trên một lầu cao...Cô thấy xa xa có một cái thuyền chài nhỏ, một anh chài...thường ca hát trên sông. (Tiểu-thư mê-say) giọng hát tuyệt-vời và điệu nhạc buồn...Bỗng mấy ngày anh chài thôi hát, thế là tiểu-thư se mình đau ốm...lượng-y bó tay không chữa-trị được cho đến một ngày kia, anh chài cất giọng lên ca-hát lại thì tiểu-thư bỗng bớt đau. Hầu-nữ báo sự-việc lên quan; quan cho đòi anh chài vào dinh hát. Nhưng khi thấy mặt anh chài, chuyện lạ xảy ra: tiểu-thư hết còn cảm-tình với giọng hát và không muốn nhìn mặt anh chàng xấu-xí.

Còn phía anh chài thì ngược lại, sau khi gặp tiểu-thư, anh bị sắc đẹp tuyệt-vời mê-hoặc nên mắc bệnh “tương-tư” rồi chết thảm. Về sau, khi cải-táng, thấy trong quan-tài có một tảng đá trong-sáng. Gia-đình đặt trên mũi thuyền. Vị quan mua viên ngọc, cho đẽo thành ly cho tiểu-thư. Khi rót nước vào, tiểu-thư thấy hình anh chài hiện lên; nhớ chuyện cũ, tiểu-thư giọt lệ làm ly ngọc tan.

Phạm-Duy-Khiêm dẫn hai câu thơ trong một đại-tác-phẩm Kim-Vân-Kiều, tóm-tắt nút rôi:
Nợ tình chưa giả cho ai,

Khối tình mang xuống thuyền-đài chưa tan.

Phạm-Duy-Khiêm suy-diễn sơ-khởi là cô gái “có nợ với anh chài” vì đã phụ tình khiến anh chàng chết, sau giọt lệ đã giải-tỏa nỗi sâu của ảnh, đã trả hết nỗi nợ tình.

oOo

Lê-Thành-Khôi, sau khi viết cuốn Việt-Nam: *Lịch-sử và Văn-minh* (1958) cũng giới-thiệu một số cổ-tích mà tiêu-biểu là cuốn *Le Pierre d'Amour*, (1959) mang tên của câu chuyện cuối về Trương-Chi. Cổ-tích cũng mở đầu và kết-thúc tương-tự như Phạm-Duy-Khiêm kể, ⁽⁷⁾

Xưa có cô con gái duy-nhất của một vị quan lớn sống trên một lầu cao bên ven sông...Một chiều, có tiếng hát từ sông vang lên...có anh chài đứng đầu thuyền trong những tia-sáng của mặt trời về chiều...

Rồi cũng si-mê tiếng hát, cũng cảnh tình vật ồm-đau; anh chài được gọi đến để chữa bệnh—và rồi thấy chính mình lại trầm bệnh tương-tư và rồi mất mạng. Họ chạm mặt mà không cảm-thông với nhau

Hai người đã sáp lại gần nhau một khoảng-khắc, giữa không-gian mênh-mông và trong khoảng thời gian vô-tận. Cái (duyên)-nợ vẫn còn đó, dai-dẳng; có thể là sau cuộc đời tạm-bộ này, sẽ còn một cuộc gặp-gỡ khác trong tương lai? Cái nợ-tình chưa được hoàn-tất nay kết-tinh để chờ ngày giải-thoát.

oOo

Trong cả hai văn-bản, mới nghe tưởng đơn-giản như là chuyện tình bé-tắc của đôi trai gái; hai nhân-vật là nạn-nhân của một cuộc tình lỡ. Thực ra, hai tác-giả diễn-giảng nút rồi là họ có duyên-nợ phải ở với nhau; một bên lỗi hẹn, bên kia mang mối tình lỡ-làng đã kết-tinh, chờ ngày được giải-thoát; theo Lê-Thành-Khôi, đó là một chuyện tình buồn, ly-cách, mong rằng có thể tái-hợp ở một kiếp sau. Phạm-Duy-Khiêm đào sâu thêm và viết,

Cho người nước nam an-bình, cổ-tích này mang ý-nghĩa sâu-sắc hơn. Theo họ, mọi mối tình đều được tiền-định, mọi kết-hợp đều là hậu-quả bó-buộc-sẽ-phải-đến của món nợ từ nhiều nhiều kiếp trước; một cặp chu-toàn việc kết-hợp với nhau là để thể-hiện một nhiệm-vụ (xum-hợp) chung...

Tiểu-thư phải gặp anh chài bất kể mọi ngăn-cách, từ nếp sống đến giai-cấp xã-hội; khi cô mê-mẩn tiếng hát và khi anh chài mơ-tưởng đến tiểu-thư, chính là lúc hai con-đường-định-mệnh đang mò-mẫm tìm đến nhau. Việc kết-hợp không thành nên nợ tình còn đó. Thần-kỳ là giọt lệ tình-cảm, tuy chậm-trễ, đã giải-thoát món nợ ngay từ trong kiếp này, chẳng đợi đến kiếp sau.

oOo

Trong thập-niên trước, 1945-1955, nước ta tái xuất-hiện như một quốc-gia trưởng-thành, đang phấn-đấu để cởi gỡ ách ngoại-trị: hai lần tuyên-ngôn độc-lập, vài hội-nghị cỡ quốc-tế ở Đà-lạt, Fontainebleau, Élysée và Geneva, chiến-tranh đòi độc-lập dẫn đến cảnh phân-chia Nam-Bắc nhưng cả hai miền đều xưng độc-lập. Lúc đó, người chiến-sỹ phục-quốc nay trở thành người chiến-sỹ văn-hóa: đó là thời-điểm “mang chuông đi đánh xứ người” và ta đã trưng-bày Viên ngọc tình-ái Trương-Chi như ở trên. ⁽⁸⁾

Hai thập-niên trước đó, 1925-1945, trước phong-trào canh-tân đất-nước, Nguyễn-Mạnh-Tường ⁽⁹⁾ viết về đường-hướng xây-dựng xã-hội mới, cổ-võ xu-hướng phục-hưng nhân-văn, con người Việt-Nam mới phải đứng lên, trong tinh-thần nhân-bản, nhận nhiệm-vụ lấy quyết-định cho mình, thực-hiện điều mình chọn lựa. Ông cũng đã chọn Trương-Chi để đề-cao vai trò con người nhân-bản trong hoàn-cảnh lúc đó của đất-nước.

Người trí-thức, theo ông, không thể thụ-động ngồi chồm chẵn mà chấp-nhận cái gọi là định-mệnh kiểu con-quay-búng-săn-trên-trời hay lò-cừ nung-nấu sự đời...Ông giấu anh chài và tiểu-thư, biến họ thành hai con mứa-rối mà mọi cử-động đều bị giật dây; họ nín thinh, không nói mà chỉ làm. Tác-giả thành người diễn-giải, biết rõ những trắc-trở ở đời nên khuyên cô gái đi vào khuê-phòng đừng đứng nghe tiếng hát, bảo cô gái đừng bắt tìm anh chài,

Cô gái ơi, chiều hôm xuống rồi. Sao hãy còn thơ-thẩn dưới mái hiên thường che-chở cho cô khỏi nám má hồng. Đã đến lúc cô trở bước quay về khuê-phòng tiếp-nối cuộc đời tối-tăm kín-đáo chỉ le-lói với những tia sáng công-dung-ngôn-hạnh; và đó chính là cuộc sống có-hữu của người phụ-nữ xứ ta...

Thôi đi, cô gái ơi! Về khuê-phòng đi thôi. Mơ-mộng một mình, lúc chiều tà, trong bóng tối là điều rất nguy-hiểm! Cô đòi-hỏi mơ-mộng một cuộc đời quá xa rời thực-tế. Những mơ-uớc trong thâm-tâm của người tuổi-mười-tám cho thấy rõ là tuổi trẻ không biết nhân-nhượng. Chớ có xây-dựng hạnh-phúc cả đời trên một cảm-thú giây-phút...

Ông lại can anh chài đừng tiến về nhà vị quan, cảnh-cáo anh chài không nên vào gặp cô gái, khuyên xin cô gái đừng hát-hủi anh chài,

Anh chài ơi, chậm chân lại, đừng vội-vã trên nẻo đường đưa anh tới sắc đẹp. Sắc đẹp là món quà tuyệt-vời và kinh-khủng mà Trời xanh trao cho để chúng ta được nếm niềm vui-sướng cùng chịu nỗi khổ-thương. Sắc đẹp theo cánh gió bay, chỉ dừng nơi vài người được hưởng đặc-ân, trong khoảng thời-gian ngắn-ngủi một đời hoa...

Cái nghiệp bí-ẩn của đam-mê đang chờ anh. Đừng tiến bước nữa anh chài ơi...Hỡi ơi, bản-năng thúc-đẩy anh, anh sẽ chẳng thoát được số-mệnh, và đây, giờ đây anh đã đứng trước sắc-đẹp!

Cô gái ơi, sao cô lại nhắm mắt lại, sao cô lại để tay lên ngực, sao cô lại ngoảnh mặt không đoái nhìn kẻ mà cô đã lòi ra khỏi vũng an-bình của hắn? Vậy đó, hắn chỉ là anh chài tội-nghiệp đáng thương đang chiêm-ngưỡng cô. Hắn vốn là người Trời ban cho món quà xấu-xí. Hắn không có cái nét bóng-bẩy của tuổi trẻ, cũng chẳng có cái dáng thanh-nhàn của kẻ phong-lưu...

Ông an-ủi anh chài nên quên hình-ảnh cô gái...toàn những khuyên can khôn ngoan.

Thôi, về đi, anh chài. Anh chẳng thấy là người ta phát tay xua đuổi sao?

Thôi về đi, anh chài, trở về mái nhà đi. Vợ con đang lo-lắng trông-chờ vì anh về trễ...Cái khoảng-khắc ngắn ngủi níu-kéo giữa sự sống với cái chết nó quý-giá biết ngần nào. (10)

Toàn những lời khuyên can khôn-ngoa, nhưng hai con rối rắn-đầu không chịu nghe theo mà cứ làm theo ý mình—nghĩa là ngược lại. Thoạt trông tưởng họ là hai con-rối mà mỗi-mỗi hành-động đều do bị giật-dây, nhưng không, con rối có ý riêng, quyết-định riêng, hành-xử theo ý riêng của chúng. Lời khuyên về nhân-bản của Nguyễn-Mạnh-Tường là *Học cho kỹ, nghĩ cho sâu, giữ ý-chí, nhận trách-nhiệm, làm lớp người mới đóng góp cho việc đổi mới trên đường xây-dựng phương đông.*

oOo

Trần-Huy-Minh (11) là một nữ văn-sỹ Pháp gốc Việt—hay là người Việt sinh và định-cư tại Pháp—gần-gũi chúng ta hơn; sinh sau cuộc chiến 55-75, gia-đình sung-túc tại Pháp; được cha mẹ và nhất là bà nuôi-nấng và che-chở từ nhỏ ở thành-phố, cô không biết mấy về “quê nhà Việt-nam”; vô-tình cô gặp một thanh-niên tên Nam—không phải là anh chài chèo thuyền mà là một ty-nạn đi-thuyền! Chuyện của nàng và chàng thuyền-nhân khởi đầu hồn-nhiên: gặp nhau trên một chuyến du-lịch học hè bên Anh-quốc, anh chàng săn-sóc và che-chở cô bạn mới bé-nhỏ như một ông anh lo cho người em—cô nghĩ anh ta đã trở nên thần hộ-mệnh ange gardien, suốt ngày bên cô, không rời bước. Sau cuộc du-học hè, trở về Pháp, họ gặp nhau nhiều hơn. Cô kể lại chuyện hai người, ngày càng thân-thiết qua bảy chương

sách; sau đó, anh bạn bỗng bỏ ra đi, để lại một cuốn sổ nhỏ bìa đen và mẫu tin ngắn: “*Tôi nghĩ chúng mình không nên liên-lạc với nhau nữa; bạn là người tốt mà tôi thì khác...*” Cuốn sổ nhỏ ghi vài chuyện cổ-tích, kỷ-vật của người em gái còn ở lại ở Việt-Nam, nay Nam để lại cho cô bạn nhỏ.

Đây là một chuyện lòng mà nhân-vật nữ cảnh-vàng-lá-ngọc gặp nhân-vật nam thuyền-nhân; trái-ngược với tích Trương-Chi cổ-truyền trong đó Mỵ-nương chê anh chàng, kết-cục ở đây là “anh chàng bỏ công-chúa”. Mở đầu mỗi chương, tác-giả ghi một đoạn ngắn-ngủi không liên-hệ tới chuyện trong chương; nhưng sau khi đọc-đi-đọc-lại, mới thấy đó là cổ-tích thứ hai, *Hòn Vọng-phu*, chuyện một người anh muốn tránh việc loạn-luân nên bỏ em ra đi. Dần-dần, nút rối gỡ ra: Nam thành thuyền-nhân để tránh cảnh loạn-luân anh-em ruột—huyết-thống—nay lại bỏ đi để tránh cảnh *loạn-luân trong tư-tưởng* với cô bạn gái mà Nam mến và coi như em mình. Trần-Huy-Minh lại kể thêm mối tình dang-dở của Mẹ với bạn hàng-xóm và liên-hệ đau-thương lơ-làng giữa Cha và người em họ... Tác-giả nhận ra chân-lý: Trong đời có những dang-dở chia-ly nó tự-nhiên đến rồi tự-nhiên đi mà người Nhật gọi là “*mono no aware*”, cảnh sớm-mở-tối-tàn mà nhà Phật gọi là “*vô-thường*”, một nhận thức sâu sắc về sự đi-đến-đến-đi của nhiều sự-việc trong đời; khiến ta nên học thêm chữ “*buông*”. (12)

o0o

Bài này viết lại hôm nay dựa theo một thuyết-trình giao-lưu văn-hóa trong thế-giới Pháp-thoại từ gần hai thập-niên trước. Do đó, bài dựa vào bốn bản Pháp-ngữ. Ngoài việc giới-thiệu văn-hóa Việt, lúc đó, chúng tôi cũng đưa ra vài nhận-xét:

- Cùng một câu chuyện cũ, cùng số dữ-kiện nhảm, người cầm-bút có quyền tự-do sáng-kiến để diễn-giải; cái đặc-biệt nằm ít nhất ở hai điểm: ý-kiến diễn-giải (suy-luận) và phương-cách trình-bày diễn-giải (nghệ-thuật). Bốn tác-giả kể trên dàn cảnh câu chuyện có những lựa-chọn khác nhau.

- Người cầm-bút có quyền tự-do trong sáng-kiến nhưng cũng chịu ảnh-hưởng của tiêu-chuẩn nghệ-thuật, trường-phái, mục-đích và hoàn-cảnh đương-thời. Nguyễn-Mạnh-Tường viết kịch múa rồi để minh-họa phương-hướng xây-dựng xã-hội phương Đông; Lê-Thành-Khôi đề-cao văn-hóa dân ta cho người Pháp dưới lăng-kính cổ-tích về chuyện tình lãng-mạn éo-le; Phạm-Duy-Khiêm giải-nghĩa tín-ngưỡng phương Đông so-sánh với tinh-thần phân-tách chi-ly Tây-phương; Trần-Minh-Huy thuộc dòng văn-học thời-thượng tha-hương (exile) hậu thuộc-địa (post-colonial) đượm chút thiền, khuyên không nên quá thiết-tha mà ta phải biết buông-thả trước cảnh vô-thường.

- Tương-tự, người đọc cũng có quyền tự-do thẩm-định, không nhất-thiết phải đồng-thuận hay chống-đối với người cầm-bút. Không cần—hay không nên—có phản-ứng mạnh; có thể đóng cuốn sách và nói nhẹ-nhàng: *A, tác-giả này—hay người viết kia— nhìn câu chuyện từ góc-cạnh này hay kiểu nọ! Cách nhìn đa-chiều, cùng hay cả!*

Lời kết: Khi viết lại bài cũ sang tiếng ta, chúng tôi cũng nghĩ và thử so-sánh đến bốn câu chuyện Trương-Chi viết bằng tiếng ta của Vũ-Hoàng-Chương, Nguyễn-Đình-Thị, Vũ-Khắc-Khoan và Nguyễn-Huy-Thiệp. Cũng đã có người phân-tích riêng-rẻ một hay hai truyện kể trên. Trong một dịp khác, ta có thể so-sánh đào sâu cả bốn văn-bản. Trong đoạn kết bài viết hôm nay, hãy tạm tóm-tắt ngắn gọn.

Vũ-Hoàng-Chương, được coi là thi-bá trong Làng Thơ Việt, viết kịch thơ Trương-Chi khoảng 1944; cho My-nương si-mê tiếng hát mà lãng-mạn tưởng-tượng thành *Chàng áo đẹp phát-phơ, nụ cười phong-nguyệt*... Còn tể-tướng đánh giá người nghệ-sỹ theo tiêu-chuẩn đời thường *Nếu như là con nhà... có văn-tài... có học-vấn... có phong-tư đài các thì ta cho kết lứa đôi*... Trong khi Trương-Chi, chỉ có mỗi giọng hát tuyệt-vời còn ngoài ra hình-hài không có chút gì hấp-dẫn, nên My-nương xua đuổi rồi than-thở *hóa ra Người bao đêm ta gửi mộng trao tình lại chính là gã bỉ-phu này*... Thi-bá họ Vũ cho Trương-Chi tự-tử; ông soáy vào cái *định-mệnh người nghệ-sỹ sở-hữu vẻ đẹp nghệ-thuật* (tiếng hát) còn về các mặt khác thì thua-thiệt với đời và rút cuộc, là kẻ cô-đơn, ái-ngại thấy thân-phận mình *chỉ là một kẻ si-tình ảo lá cuồng vọng mê người thâm-khuê lựa gấm son vàng*.

Vào khoảng mười năm sau, 1954, Vũ-Khắc-Khoan “kể chuyện” Trương-Chi cho một thanh-niên cỡ tuổi em mình đang hăm-hở dấn thân vào cuộc sống đấu-tranh chính-trị hiện-thời; ông chọn một Trương-Chi vốn có sẵn giọng hát quyến-rũ mê-hoặc người, lại được sư-phụ *huấn-luyện thêm để cảm thông được với gỗ-đá*; rồi sư-phụ cho xuống núi, dặn *chỉ hát cho người đồng-cảnh*, đừng để tiếng hát bị lợi dụng. Trương-Chi say rượu nhận hát cho nhóm chài địa-phương. Rồi My-nương đâm ra quyến-luyến anh chàng; bầy nhóm thuyền chài sợ mất Trương-Chi, bèn phao tin chàng bị phong, cần che mặt để hát. Trương-Chi che mặt mà hát... Dần dần giọng anh thành khan đặc, và dần-dần chính anh chàng hóa thân; soi mặt nước thấy mình lột sác thành gồ-ghề thô-kêch. Người kể chuyện tên là Khoan, khuyên người nghe nên thận-trọng khi lựa-chọn con đường tranh-đấu và dấn-thân; giữ lý-tưởng chứ đừng theo con đường do bầy-đàn phe-nhóm áp-đặt mà rồi sẽ thoái-hóa. Truyện Vũ-Khắc-Khoan mang *dấu-ấn chính-trị đương-thời*.

Bài viết của Nguyễn-Đình-Thị phân-tách tâm-lý hai nhân-vật: My-nương dằng-co giữa cái mâu-thuẫn *tài ca tuyệt-vời thậm-hay của nghệ-sỹ và cái hình-dáng tiều-tụy thậm xấu của anh chài*; còn Trương-Chi tương-tư mà chết do sự so-le giữa hình-hài thực-thể người nghệ-sỹ và kỳ-vọng quá cao của đời; Nguyễn-Đình-Thị chấm-dứt với một điểm lạc-quan: tình hai người sẽ còn mãi mãi, cả hai nhân-vật cùng khẳng-định như vậy.

Nguyễn-Huy-Thiệp vẽ ra một Trương Chi tâm-thường—có phần “hạ-cấp” thô-tục; trước kia vẫn chịu-đựng lướt qua các ước-lệ để mà sống yên-ôn “giữa bầy”, không suy-nghĩ nhiều, hát theo lệnh của bầy-nhóm. Nay khi biết yêu tuyệt-đối, chàng nhận-thức rằng mình đã chưa từng sống thật, đã tự tha-hóa mình từ thuở xa-xưa, đã đánh mất bản-sắc. Bây giờ chàng phải hát cho chính mình để tìm lại linh-hồn mình, đó là nghệ-thuật chân-chính—mà cũng là tình khao-khát tuyệt-đối của con người.

Vẫn thấy cái tự-do và thiên-tài sáng-tạo nắm phần quan-trọng hơn là sự-kiện trong tác-phẩm. ■

Ghi-chú

- Chúng tôi dẫn một trong nhiều bản dân-gian nghe thấy—và nhớ lại—chứ thực-sự có rất nhiều dị-bản, vì bài ca truyền-khẩu được nhiều người ghi xuống ở nhiều địa-phương, theo chiều dài thời-gian, thuộc nhiều thể-loại ca-hát. Người ta hay kể đến các bài thể-loại quan-hộ Bắc-ninh, thường trình-bày tập-thể, hát theo bè, nhiều “liền-anh liền-chị” biểu-diễn, nhạc-điệu du-dương nhịp-nhàng, kèm theo các lời đệm tình-tính-tang tang-tính-tình, văn-bản tương-đối vững-chắc, nhạc phụ-đệm tương-đối

phong-phú; trái lại, các bản xẩm, vài—hay có khi chỉ có một—nghệ-sỹ trình bày ở góc đường phố, xử dụng một hai cái đàn một giây, giọng nhiều lời ngâm ừ-ừ-ừ... Các bà mẹ hát theo trí nhớ và có khi sửa đổi vài tiếng cổ sang tân-văn... Một thí-dụ tôi thường nghe thấy là *Người thì rất xấu, hát thì rất hay*. Từ *rất* ngày nay thông-dụng chỉ về phẩm-chất cao hơn thường. Các bà lớn tuổi ngày xưa *không nói rất mà dùng cực* chỉ mức cao tuyệt-đối. Có các cụ ưa từ *thậm*; theo Khai-trí tiến-đức, thậm như là rất, lắm; theo cuốn tự-điển (mới nhất Lê-Văn-Thu & Nguyễn-Hiền, 2023) Việt-ngữ Phổ-thông thì thậm là quá-sức; nói chung là tốt-bực.

Dị-bản cũng tùy theo tâm-trạng độc-giả đời sau muốn chuyện có hậu *duyên sau lại lành* hay lâm-ly éo-le *lấy nhau cũng không thành*.

2- Phạm-Duy-Khiêm dẫn hai câu Kiều, 709-10, để nhấn mạnh vào chi-tiết thần-kỳ cho chuyện thêm hấp-dẫn; ông dịch thành “Tant que la dette d’amour demeure,

Au Pays des Sources, la pierre d’amour ne peut fondre.”

Chi-tiết thần-kỳ nay có thể do tích Trương-Chi My-nương bên ta hay chuyện Quan Diệp Nhược với thôn nữ Tần Thúy Hải bên Trung-quốc, thân-hình hay trái-tim đau-khổ hóa đá.

3- Bốn câu cuối vừa thần-kỳ vừa nặng tình lãng-mạn diễm-lệ, tạo ra cái kết có hậu.

4- Phần đầu giới thiệu hai nhân-vật với mâu-thuẫn: Trương-Chi có tài nhưng hình-dung khó coi (mâu-thuẫn theo phép bù-trừ bi-sắc-tư-phong) ; họ có hai nếp sống khác ngược, bên phóng-khoáng trên sông đối với bên kín cổng cao tường; mâu-thuẫn này có thể suy-diễn ra các nhân-vật thuộc hai đẳng-cấp khác nhau với hai văn-hóa khác nhau, điều Nguyễn-Huy-Thiệp sẽ khai-thác về sau, biến cái xấu hình-dung thành cái xấu văn-hóa, Trương Chi ăn-nói và hành-xử hơi ”thiếu văn-hóa”!

5- Sau sáu thập-niên chính-quyền Bảo-hộ tổ-chức hành-chánh và quản-trị nước ta, một số nhóm ảnh-hưởng dần-dần thành-hình: một là số công-chức có Tây-học sinh-hoạt trong guồng-máy cai-trị; hai là các doanh-thương-nhân bắt chước các sinh-hoạt dịch-vụ công-nghệ mới; ba là các trí-thức do hệ-thống giáo-dục Pháp-Việt đào-tạo, được một số sinh-viên du-học từ Pháp về tăng-cường. Trong sinh-hoạt văn-hóa, nhóm trí-thức chia đại-khái thành ba khuynh-hướng: bảo-thủ tiệm-tiến ôn-cổ TRI-TÂN, duy-tân theo mẫu Tây-phương THANH-NGHỊ và tự-lập HÀN-THUYỀN về tắm ao nhà. Dừng văn quốc-ngữ có các tác-phẩm lịch-sử và văn-học như Nam-hải dị-nhân, Rắn báo oán, Kho vàng Sầm-son, Quả dưa đỏ. *Một số tác-phẩm ra mắt bằng tiếng Pháp, giới-thiệu văn-hóa Việt* như kể trong thân bài.

6- Phạm-Duy-Khiêm: 1908-1974, là con nhà văn Phạm-Duy-Tốn và là anh nhạc-sỹ Phạm-Duy; đậu Thạc-sỹ văn-phạm ở Paris, về cùng viết cuốn *Việt-Nam văn-phạm* với Trần-Trọng-Kim và Bùi-Kỷ, đi dạy học ở các trường Bưởi và Albert Sarraut ở Hà-nội. Trong thế-chiến thứ hai, đầu quân đi đánh Đức “bảo-vệ văn-minh thế-giới”; 1954 đặc-nhiệm phủ Thủ-tướng thời Ngô-Đình-Diệm; sau làm Đại-sứ VN tại Pháp và Đại-diện thường-trực cạnh UNESCO. Năm 1951, ông cho xuất-bản cuốn *Légendes des terres sereines (Truyện cổ-tích trên xứ-sở an-bình)* gồm ba chục truyện ngắn, truyện đầu là về Trương-Chi; nhiều tác-phẩm khác tiếp theo trong đó có các cuốn *La place d’un homme* và *Nam et Sylvie*, cuốn sau này được giải-thưởng của Viện Hàn-lâm Pháp.

7- Lê-Thành-Khôi: 1923 –2025 là con GS Lê-Thành-Ý và rể DS Thắm-Hoàng-Tín; ông là một học giả đa-ngành, có nhiều văn-bằng thuộc nhiều ngành chuyên-môn đa-dạng như tiến sĩ về kinh tế học (1949 Paris), rồi Luật pháp quốc tế (La Haie, Hà Lan), cử nhân văn chương Sorbonne, học Hán ngữ Trường Ngoại ngữ phương Đông (Paris). Năm 1968, ông bảo-vệ cùng lúc 2 luận án tiến sĩ về công nghệ giáo dục và tiến sĩ ngành khoa học xã hội. Viết nhiều tác-phẩm lớn như *Le Việt Nam: Histoire et civilisation* (1955) và *Histoire du Việt Nam, des origines à 1858* (1982). Cuốn *Le Cristal d'Amour* gom nhiều cổ-tích mà truyện cuối kể về Trương Chi, dùng tên truyện làm tên chung cả cuốn sách. Mất tháng 2-2025, đại-thọ 101 tuổi.

8- Cho đến đầu năm 1945, nước ta còn bị phân-chia và là thuộc-địa. Trong năm 1945, hai lần tuyên bố Độc-lập (tháng 3 rồi tháng 9-1945); sau đó, tham-dự nhiều hội-nghị tầm-cỡ quốc-tế ở Đà-lạt (4-1946) rồi Fontainebleau (7-1946) rồi Élysée(1949) Pau (6-1950) rồi Geneva (1954). Khoảng giữa thế kỷ 20, có những tác-giả viết Pháp-văn giới-thiệu văn-hóa cho thế-giới bên ngoài.

9- Nguyễn-Mạnh-Tường: 1909—1997; lưỡng khoa tiến-sỹ ở tuổi 22-23, du-học ở Pháp về, chủ trương tạo lớp người mới để xây-dựng phương Đông theo mẫu cổ Hy-La, trình-bày trong bộ sách *Construction de L'Orient* hai cuốn. Theo ông, lớp người mới có tư-duy, biết suy-nghĩ lý-luận về thiên-nhiên và thế-giới thay vì nhắm mắt tin theo những lý-thuyết truyền-thống mơ-hồ huyền-bí. Họ cũng nên nhớ rằng con người gồm cả phần thể-xác và tinh-thần, nên giữ thăng-bằng, chẳng cần đi theo đường mòn khắc-kỷ hành xác vô-ích. Những giá-trị thời Phục-hưng ở Âu-châu dần biến-chuyển thành giá-trị nhân-bản, con người mới biết suy-tư, biết lựa-chọn và có ý-chí thực-hiện điều lựa-chọn; và nhận trách-nhiệm về việc lựa-chọn và thực-hiện. Kịch nhân-bản *Anh Chài Le pêcheur* minh-họa nếp văn-hóa *nhân-bản: do người (quyết-định) /bởi người (thực-hiện)/cho người (nhận trách-nhiệm hay chịu hậu-quả)*.

10- Kịch múa rối, *Un pêcheur* nằm trong cuốn *Le voyage et le sentiment*, 1943; tái-bản với bản chuyển-ngữ *Anh Chài*, 2015, Hoa-kỳ.

11- Trần-Huy-Minh, sinh năm 1979 ở vùng Paris, được bà nuôi và dạy-dỗ lúc nhỏ, biết về Việt-Nam qua bà kể lại, đặc-biệt là về phong-tục và cổ-tích. Nhưng sau khi đi học xa và làm công-tác văn-hóa, bà cảm thấy “dần dần xa bà” và xa những kỷ-niệm về Việt-Nam do bà kể. Để nhớ, bà đã viết một cuốn *Le Lac né en une nuit et autres légendes du Vietnam* (2008) và đầu năm nay, 2025, một cuốn nhớ về bà, *Ma grand-mère et le pays de la poésie*, (2025) được giải-thưởng tiểu-thuyết Marie Claire.

12- Mono no aware là một khái-niệm sống đẹp ở Nhật-bản từ thời trung-cổ, tương-đương với ý-tưởng mọi việc không trường-cửu hay vĩnh-viễn mà chỉ thoáng-qua trong khoảng-khắc. Phật-giáo gọi là vô-thường, dạy nên chấp-nhận và tránh sự tiếc-nuối bằng cách “buông”. Khái-niệm của Nhật ít chú-trọng vào việc tránh cái khổ vì nuối-tiếc mà lại chú-trọng vào trân-quý và sống hưởng hiện-tại (như hưởng-thụ mùa anh-đào ngắn-ngủi trước khi hoa tàn). Vậy Mono no aware coi như là gom khái-niệm vô-thường chung với quan-niệm sống vui hiện-tại carpe diem.



Đạo trị quốc và đạo quân vương

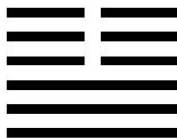
Lạp Chúc Nguyễn Huy

Việc dạy học các hoàng tử, hoàng thân nhỏ tuổi được trao cho một ban giảng huấn gồm các quan giáo đạo. “*Phàm việc giáo dục các tôn thân, những hoàng tử, hoàng thân thì có nhà Tập Thiện, có đặt các chức Tán thiện, Ban độc, Giảng tập, Chính tự, mà lấy quan đại thần kiêm làm sư bảo, dạy bảo để trọng đạo thầy*” (Hội Điện 1)¹.

Đến khi Thái Tử lên ngôi vua thì trước ngai vàng, vua luôn luôn nhìn thấy trước mặt bài học đạo trị quốc và đạo quân vương được ghi trên hai nghi môn (phương môn²) trên cầu Trung Đạo dẫn đến điện Thái Hòa³.

Vào thăm Hoàng Thành, đi qua cửa Ngọ Môn⁴, các du khách thì đi vội đến điện Thái Hòa để chiêm ngưỡng cái nguy nga tráng lệ của thời quân chủ; còn chúng ta, hỏi có mấy ai trong chúng ta qua cửa Ngọ Môn, bước tới cầu Trung Đạo ngó xuống hồ Thái Dịch rồi nhìn lên các Đại Tự trên các “*nghi môn*”⁵ (Cửa sau của cổng chính Ngọ Môn) mà hình dung được hình ảnh sau?

- Vua đi trên Dũng Đạo [甬道](#)⁶ là con đường lát đá ở giữa những biển dịch lớn lao (hồ Thái Dịch).
- Trên đầu vua là các đại tự khắc trên nghi môn hướng dẫn vua đi trên cầu bằng bài học trị quốc và tu dưỡng bản thân.



Địa Thiên Thái (footnote 3 below)

¹ Võ Hương An. Từ điển nhà Nguyễn, tập 1, Nam Việt XB, California, 2015, tr. 75

² Phương [方](#) là vương vấn, Môn [門](#) là cửa

³ Thái Hòa. 太 thái: cao, to, 和 Hoà: cùng ăn nhịp với nhau, vừa phải, không thái quá không bất cập (harmonie). Trong Kinh Dịch, Thái là tốt lành nên thường nói *Thái giả thông dã* (Thái là thông suốt). Vì vậy quẻ Thái là quẻ tốt lành nhất vì “*thiên địa giao Thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo...*” có nghĩa là nhìn vào hình dáng của quẻ Thái, thấy ý nghĩa tốt lành của Thái là do 3 hào dương nội quái Càn (trời, tượng trưng bởi 3 vạch liền nằm bên dưới hợp với 3 hào âm ngoại quái Khôn (đất, tượng trưng bởi 3 vạch đứt) nằm bên trên. Hình dáng quẻ Thái diễn tả khí trời giáng xuống dưới (hướng âm), khí đất xông lên trên (hướng dương), khí âm dương trong vũ trụ được giao hòa khiến cho vạn vật thành tựu vuông tròn...

⁴ Ngọ Môn 午門 (cổng tý ngọ): Giải thích theo thời gian: Ngọ là lúc mặt trời lên cao nhất. Ngọ môn ý nói vua đứng ở thời điểm cao nhất. Giải thích theo không gian: Căn cứ trên la bàn, phía nam thuộc hướng “ngọ” trên trục “tý – ngọ” (bắc – nam), vì thế, cái tên Ngọ Môn tức cửa Nam mang ý nghĩa về không gian, phương hướng. Ngọ môn có 5 cửa: Cửa chính giữa gọi là Ngọ Môn dành cho vua; hai cửa kế liền gọi là Giáp Môn dành cho quan lại còn hai cửa quanh ngoài rìa gọi là Dịch Môn dành cho binh mã. Về phương vị, chính Nam (正南) thuộc Ngọ (午), nên cửa chính Hoàng thành phía Nam còn được gọi là Đoan Môn (端門), “Ngọ Môn” (午門), hoặc “Ngọ Triều Môn” (午朝門). Theo “*Tiên Thiên Bát Quái*” (先天八卦), hướng Nam ứng với quẻ Càn (乾), tượng trưng cho Trời, nên Ngọ Môn chỉ dành riêng cho Đế vương, Thiên tử đi. Ngọ Môn có Lâu Ngũ Phụng mang ý nghĩa là nơi hội tụ hiền tài ví như chim phụng, bởi vậy, khoa thi năm Mậu Tuất 1898, đất Quảng Nam có đến 5 vị cùng thi đỗ đại khoa (2 Phó bảng, 3 Tiến sỹ) thì được vinh danh là xứ sở có “ngũ phụng tề phi” (5 chim phụng cùng bay lên).

⁵ Nghi môn [儀門](#) là cổng thứ nhì sau cổng ngoài. Nghi [儀](#) Phép tắc, khuôn mẫu để mọi người theo, nghi thức, lễ nghi, môn [門](#) là cửa. Nghi môn cũng hiện diện tại lăng Minh Mạng, Thiệu Trị

⁶ Dũng đạo: dũng [甬](#) ở giữa, đạo [道](#) đường. Dũng đạo chỉ đường đi ở giữa cung điện. Tại lăng vua thì gọi Thần Đạo, Còn đình, đền thờ thần thì gọi linh đạo



Nghi môn → Cầu Trung Đạo bắc trên hồ Thái Dịch → Điện Thái Hòa

Cầu Trung Đạo⁷ bắc qua hồ Thái Dịch⁸ trong Hoàng Thành, là đường dẫn từ [cửa Ngo Môn](#) vào điện Thái Hoà (太和殿) và nằm trên trục Dũng Đạo⁹ của hoàng thành.

Ở hai đầu cầu Trung Đạo có hai Nghi môn bằng đồng. Mỗi nghi môn gồm 3 phần:

- Cột đồng. Mỗi nghi môn được đỡ bởi 4 cột bằng đồng, hai cột ngoài chạm mây. Phần thân hai trụ giữa được đúc nổi đề tài “*long vân thủy ba*” với cặp hình rồng 5 móng (dành riêng cho vua) tượng trưng cho âm dương hòa hợp: Tượng hình long thăng (bên trái từ điện Thái Hòa nhìn ra, tượng trưng cho khí Dương đi lên), tượng hình long giáng (bên phải biểu tượng khí âm đi xuống).



Trang trí cột đồng và ô hộc bằng pháp lam

⁷ Trung 中: ở giữa. Đạo 道: Đường. Trung Đạo là con đường chính giữa ngụ ý trị quốc phải giữ đạo “*trung dung*” không được đi sang cực đoan. Không thiên vị, không quá đi, cũng không thiếu đi, thể hiện sự trung dung hài hòa, không cực đoan

⁸ Thái dịch 大易: Biến đổi lớn

⁹ Xuyên suốt cả ba tòa thành là trục Dũng đạo tức đường của khí mạch nhập vào đầu Rồng (Long nhập thủ). Con đường này chạy từ sông Hương, Nghinh Lương Đình, Phú Văn Lâu, Kỳ đài, Ngo Môn, điện Thái Hòa, điện Càn Chánh, điện Càn Thành, cung Khôn Thái, lầu Kiến Trung... Hai bên đường Dũng đạo là hàng trăm công trình kiến trúc bố trí hòa hài trong bố cục.

Ngạch cửa. Chung quanh các đại tự, các ngạch cửa được chia thành các ô học trang trí các đồ án hoa lá và bát bửu, mặt trời, mặt trăng¹⁰, đài mây, hoa sen ... đều được thể hiện bằng pháp lam¹¹. Ở cả hai mặt của ô nằm giữa mỗi nghi môn, đều có đúc nổi 4 chữ Hán trên nền Pháp lam.

- Đại tự. mỗi mặt nghi môn có đúc nổi 4 đại tự. Nội dung bốn câu trên hai Nghi môn này tóm tắt:

• **Đạo trị quốc:** Đường lối cai trị của triều đình nhà Nguyễn và con đường chính trị của triều đại, Hai mặt hướng nam (từ ngoài Ngọ Môn nhìn vào) là hai câu:

Chính trực đẳng bình 平等 直正
Cao Minh Du Cửu 高明悠久

- **Đạo quân vương:** Tư tưởng chỉ đạo, phương hướng tu dưỡng bản thân nhà vua và triều đình. Hai mặt hướng bắc (trong điện Thái Hoà nhìn ra) là hai câu:
Cư nhân do nghĩa 居仁由義
Trung hoà vị dục 中和位育.

Đạo trị quốc

Từ cửa Ngọ Môn đi vào điện Thái Hoà, tám đại tự trên hai nghi môn (quay về phía nam): **Chính Trực Đẳng Bình, Cao Minh Du Cửu** là tuyên ngôn về con đường chính trị của triều đại Nhà Nguyễn nhằm nhắc nhở vua quan cần ngay thẳng rõ ràng, bậc quân vương tuân theo điều nghĩa, không thiên lệch¹².

Chính trực đẳng bình 正直等平

Chính 正: Phải, Ngay thẳng, ở giữa, **Trực 直:** thẳng tới, **Đẳng 等:** Bực, thí dụ thượng đẳng 上等, trung đẳng 中等, hạ đẳng 下等, **Bình 平:** Bằng phẳng, yên ổn, bình thường, thí dụ Bình địa, Bình tâm, Bình thân.



Chính trực đẳng bình (phía nam)

¹⁰ Trong một lần tu sửa vào khoảng trước năm 1900 dưới thời vua Thành Thái, hai hình tròn mặt trời và mặt trăng (tượng trưng cho âm dương) đặt trên hai đài mây gắn liền bên trên mỗi ngạch cửa nằm giữa hai trụ chính đã bị giảm thiểu, chỉ còn hình mặt trời nằm ở giữa tòa các tia sáng ra chung quanh mà thôi.

¹¹ Pháp lam Huế trên nghi môn là đồ đồng được tráng men thời Nguyễn làm trang trí để tăng giá trị thẩm mỹ.

¹² Trong Kinh Thư đều có viết: "Chính trực đẳng bình, tuân vương chi nghĩa, tuân vương chi đạo, vương đạo chính trực". Đó là thực hành chính sự ngay thẳng, rõ ràng. Bậc quân vương tuân theo điều nghĩa, không thiên lệch.

Chính trực đẳng bình nghĩa là hành xử phải thẳng tới lẽ phải, ngay thẳng để đến bậc bình thường, yên ổn. Có nghĩa đường lối chính trị của vua quan là thực hành chính sự ngay thẳng, rõ ràng.

Cao Minh Du Cửu¹³

高明悠久



Cao Minh Du Cửu

Cao 高: Trái lại với thấp, như sơn cao thủy thâm [山高水深](#) núi cao sông sâu, **Minh 明**: Sáng, **Du 悠**: Nước chảy, **Cửu 久**: Lâu, lâu dài, thí dụ Trường cửu, Vĩnh cửu.

Cao Minh Du Cửu là tôn chỉ cho việc vận hành bộ máy nhà Nước. Mọi việc đều rõ ràng như ánh sáng trên cao tỏa ra vĩnh cửu như nước chảy, không có gì ẩn giấu mờ ám hay khuất lấp, trái đạo lý¹⁴.

Đạo quân vương

Khi vua từ ngai vàng đứng lên đi ra cửa Ngọ Môn thăm dân thì nhìn thấy các đại tự trên hai nghi môn tóm tắt đạo làm vua nhất là tình cảm của vua như sau:

Đạo làm vua phải biết tích trữ lòng thương yêu dân bằng cách làm việc nghĩa

Cư nhân do nghĩa

Muốn làm được việc yêu thương dân thì phải biết chế ngự thất tình

Trung hòa vị dục.

Cư nhân do nghĩa

居仁由義



Cư nhân do nghĩa

¹³ Trong một lần trùng tu trước năm 1975, 4 đại tự “Cao Minh Du Cửu” đã được thay thế bằng 4 đại tự 正大光明 Chính Đại Quang Minh được đúc trên nghi môn tại lăng vua Minh Mạng. Điều này đã được sửa lại nhưng vẫn gây sai lầm nhất là trên internet khi dịch Cao Minh Du Cửu là Chính Đại Quang Minh vì không kiểm tra lại hoặc không hiểu chữ nho

¹⁴ Bốn chữ này trong sách "Lễ Ký 禮記" xưa, có nghĩa là *cao đại quang minh* so với trời và *du cửu trường viễn* như cảnh giới vô hạn.

Cư 居: Tích chứa, **Nhơn** 仁: Lòng thương người mến vật; Nhân là tình thương yêu rộng lớn, **thiên về tình cảm**, **Do** 由: bởi (dùng như, bộ 田), **Nghĩa** 義: việc làm chánh đáng theo lẽ phải, **thiên về lý trí**.

Cư nhân do nghĩa: Bậc quân vương hành xử tuân theo điều nghĩa, không thiên lệch là để tích trữ lòng thương yêu dân (nhân).

Đây là bài học Nhơn Nghĩa nặng về tình cảm của vua quan đối với dân:

- Nhân là tình thương yêu rộng lớn, thiên về tình cảm.
- Nghĩa là việc làm chánh đáng theo lẽ phải, thiên về lý trí.

Bài học Nhơn Nghĩa đã được Nguyễn Trãi truyền lại trong bài Bình Ngô Đại Cáo¹⁵:

Thay trời hành hóa, hoàng thượng chiếu rằng,
Từng nghe:

*Việc **nhân nghĩa** cốt ở yên dân,
Quân điều phạt trước lo trừ bạo;*

*Đem đại **nghĩa** để thắng hung tàn,
Lấy chí **nhân** để thay cường bạo*

Nhân nghĩa là con đường thực hành nhân tính của vua quan¹⁶. Nhưng giữa Nhân và Nghĩa, Nhân được coi là cơ bản, Nhân là gốc của Nghĩa. Nhân là tình thương yêu rộng lớn, thiên về tình cảm. Nhân là đem ơn huệ cho mọi vật. Nghĩa là xét đoán thích đáng. Hay nói cách khác: Ôn huệ là Nhân, lẽ phải là Nghĩa. Hai mặt Nhân và Nghĩa cần đi liền với nhau, bổ sung cho nhau. Nhân là nơi ở yên ổn của người, Nghĩa là con đường chánh của người: ở thì theo đạo Nhân, đi thì noi đường Nghĩa¹⁷.

Trung hoà vị dục 中和位育

¹⁵ **Bình Ngô đại cáo** 平吳大誥 là bài cáo của Nguyễn Trãi viết bằng chữ Hán vào mùa xuân năm 1428, thay lời Bình Định vương Lê Lợi để tuyên cáo kết thúc cuộc kháng chiến chống Minh, giành lại độc lập cho Đại Việt.

¹⁶ Mạnh Tử giảng “*Quân nhân, mạc bất nhân; Quân nghĩa, mạc bất nghĩa*” nghĩa là nếu vua có lòng nhân thì không ai không theo nhân; Nếu vua đi theo nghĩa thì không ai không đi theo nghĩa. “*Cư nhân do nghĩa*” được ghi trên nghi môn để vua quan khi đi qua đây đọc được thì luôn ghi nhớ trong lòng.

¹⁷ Điều nhân nghĩa đức cũng thể hiện ở tên các cổng: hai cửa chính ra vào Kinh Thành được đặt tên là Thể Nhân Môn (thể hiện điều nhân nghĩa) và Quảng Đức Môn (mở rộng đức độ). Hai cửa hông ra vào Hoàng Thành được đặt tên là Hiền Nhân Môn (làm rõ điều nhân nghĩa) và Chương Đức Môn (làm rực rỡ đức độ). Trên cửa chính đi vào Tử Cấm Thành tức Đại Cung Môn, có khắc hai câu thơ về nhân nghĩa:

Nhất nhân thụ mệnh tri thiên hạ,

Thiên hạ nguyên phi phụng nhất nhân.

(Một người nhận mệnh trời để trị thiên hạ,

Thiên hạ vốn chẳng phải để đem ra cung phụng cho một người.)



Trung hoà vị dục

Trung: 中 ở giữa, **Hòa:** 和 Thuận thảo, điều hòa, **Vị:** 位 Ngôi vị, chỗ đứng, **Dục:** 育 Nuôi cho khôn lớn.

Từ ngôi vua nhìn ra Ngộ Môn, vua sẽ nhìn thấy trên nghi môn bốn đại tự 中和位育 Trung Hòa Vị dục mà hiểu rằng ngôi ở ngôi vị Vua (Vị: 位) và muốn ngôi vị ngày một vững chắc thì phải biết nuôi dưỡng (Dục: 育). Muốn nuôi dưỡng ngôi vị thì phải biết kiềm chế thất tình cho phát ra đúng tiết điệu hòa hài cảm ứng với nội tâm ngoại cảm, tình trạng đó gọi là Trung Hòa.

Muốn giữ được Trung Hòa thì phải kiểm soát được sự biểu lộ của thất tình : ái (yêu thương), ó (ghét), hỉ (mừng), nộ (giận), ai (buồn), lạc (vui sướng), cụ (sợ hãi). Khi thất tình chưa phát thì gọi là Trung, khi phát ra đúng tiết điệu hòa hài cảm ứng với nội tâm ngoại cảm gọi là Hòa. Trung Hòa là đạt đến yếu tố trong định ngoài an.

Nếu thất tình biểu lộ thái quá không kiềm chế được thì sẽ biến tình cảm (sentiment) thành xúc cảm (émotion) làm cho tinh thần bất ổn, hành động ngang trái. Điều này ai trong chúng ta cũng có thể tự kiểm chứng được thất tình thái quá tác hại đến Tinh Thần như thế nào.

- Giận quá thì can khí bốc lên, mặt mày đỏ kè, chân tay run rẩy làm tinh thần mờ ám, ngu dại làm điều trái đạo; theo đạo Phật nộ giận là một tội ác trong tam độc (tham, sân, si) và thập ác¹⁸,
- Buồn thái quá khiến khó thở, tinh thần suy nhược, yếm thế vì phế khí co lại và giáng xuống ;
- Vui thái quá muốn hóa điên cuồng, miệng nói tay múa vì khí của tim bị tán;
- yêu ghét, lo âu quá đáng thì tinh thần chán nản, mệt mỏi ;
- Sợ hãi quá thì mất hết ý muốn mạnh mẽ để đạt mục đích vì khí ở thận suy yếu.

Vì vậy, bài học Trung Hòa Vị Dục nhắc vua biểu lộ thất tình vui, giận... phải đúng tiết độ tức trong trạng thái Trung Hòa thì Vua mới an vị, đất nước thịnh vượng thanh bình, trời đất yên ổn, vạn vật sinh sôi nảy nở. Trung hòa vị dục¹⁹ có nghĩa là như vậy.

Tóm lại, bài học trị quốc và cách tu dưỡng bản thân của vua quan nhà Nguyễn là ánh đuốc soi sáng cho muôn đời về sau. Bài học này cũng đã giải thích tại sao lãnh thổ và ảnh hưởng chính trị của Đại Nam thời vua Minh Mạng lớn nhất trong lịch sử²⁰ và tại sao có những nhận xét sau của lịch sử:

¹⁸ Thập ác : 3 ác của thân (sát sanh, du đạo, tà dâm), 4 ác của khẩu (vọng ngữ, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu), 3 ác của ý (tham, sân, si)

¹⁹ Trung hoà vị dục trong sách Trung dung: Hoà dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã trí; Trung hoà, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên - Thực hiện được đầy đủ lễ trung hoà thì trời đất được an vị, vạn vật được sinh sôi nảy nở.

²⁰ Vua Minh Mạng lập các phủ Trấn Ninh, Lạc Biên, Trấn Định, Trấn Man nhằm khống chế Ai Lao; đánh bại Xiêm La; bảo hộ Chân Lạp, chiếm vùng Nam Vang (Phnôm Pênh ngày nay) và đổi tên thành Trấn Tây Thành; kết quả là nước Đại Nam thời đó có lãnh thổ rộng hơn cả hiện nay

« Triều đình nhà Nguyễn, có những nét sáng tạo riêng trong nền văn hóa chung của Trung Hoa và Ấn Độ²¹ »,

“Pháp luật, chế độ, điều gì cũng sửa sang lại cả, làm thành một nước có cương kỷ”
(Trần Trọng Kim). ■

²¹ Huỳnh Minh Đức, Từ Ngô Môn đến điện Thái Hòa, NXB Trẻ, 1994, tr.5. Trước năm 1975, GS Đức là cựu giáo sư ban Hán Văn trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn

Educational philosophy of Nguyễn Emperors

Lạp Chúc Nguyễn Huy

The teaching of the young princes was assigned to an instructional group that included several educators-mandarins. “*Phàm việc giáo dục các tôn thân, những hoàng tử, hoàng thân thì có nhà Tập Thiện, có đặt các chức Tán thiện, Ban độc, Giảng tập, Chính tự, mà lấy quan đại thần kiêm làm sư bảo, dạy bảo để trọng đạo thầy*” (Hội Diên 1)²² (Regarding the education of members of the royal family, of the princes, there was the Tập thiện house, with several officials called Tán thiện, Ban độc, Giảng tập, Chính tự selected from high-ranking mandarins, and responsible to teach them the way of the masters).

When the heir prince became the emperor, he would always see, straight from his throne, the lessons of how to govern the country, and how to be a ruler, which were recorded on the two gates called «*phương môn*»²³ on Trung Đạo Bridge leading to Thái Hòa Palace.²⁴

When visiting the Citadel, passing through the Ngọ Môn Gate²⁵, foreign visitors usually go directly to the Thái Hòa Palace in order to admire the splendor of the monarchy; for us, we wonder how many people who, passing through Ngọ Môn Gate, reaching Trung Đạo Bridge, looking down to Thái Dịch Lake, looking up to the big characters on the “*nghi môn*”²⁶ (back door of the main door of Ngọ Môn) and would be able to visualize the following images:

²² Võ Hương An. *Từ điển nhà Nguyễn*, tập 1, Nam Việt XB, California, 2015, tr. 75.

²³ Phương 方: square, Môn 門: gate

²⁴ Thái Hòa. 太 thái: high, great, 和 Hoà: in harmony. In the I Ching, Tàì (Thái) is good, excellent and that's why people used to say *Thái giả thông dã* (Thái is everything going smoothly). The hexagram Tàì (Thái, or Thiện Địa Thái), therefore, is the best one because “*thiên địa giao Thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo...*” i.e., looking at the picture of the hexagram Tàì, we can see its good characteristic comes from its combination of the trigram Heaven (Yang, 3 straight lines) at the bottom with the trigram Earth (

²⁵ Ngọ Môn 午門 Meridian Gate or South Gate. Explanation in accordance with the time: Ngọ is the time for noon; Ngọ Môn means that the emperor stands at the top. Explanation in accordance with the space: Based on the compass, the South is Ngọ on the axe of «*Tý-Ngọ*» (North-South) and thus, Ngọ Môn means the South Gate. Ngọ Môn has 5 doors: The door in the middle, called Ngọ Môn, is reserved for the emperor; the 2 doors next on both sides, called Giáp Môn, are reserved for the mandarins; the last 2 doors on both sides, called Dịch Môn, are reserved for the armed forces. In terms of direction, because, the South (chính Nam (正南) belongs to Ngọ (午), therefore, the main gate of the Imperial City facing the South is also called Đoan Môn (端門), “Ngọ Môn” (午門), or “Ngọ Triều Môn” (午朝門). According to “*Tiên Thiên Bát Quái*” (先天八卦, Pre-Celestial Bagua), the South corresponds to the Trigram Càn (乾), representing the Sky, and thus, Ngọ Môn reserved only for the emperor. Ngọ Môn has Lầu Ngũ Phụng (Five-Phoenixes Tower) meaning that it is the concentration place of the elites like the phoenixes; therefore, in the high examination of the Year of the Dog (1898), the province of Quảng Nam, which had a total of 5 candidates passing the exam and obtaining high degrees (2 Phó Bảng, and 3 Tiến Sĩ), was honorably called the land of “ngũ phụng tề phi” (5 phoenixes flying together to the sky).

²⁶ Nghi môn 儀門 is the second gate after the outer gate. Nghi 儀 is Rules, standards for people to follow; môn 門 is door, gate. Nghi môn is also present at the mausoleums of Emperors Minh Mạng, and Thiệu Trị.

- The emperor going on Dũng Đạo [甬道](#)²⁷ which was the stone way in the middle of big changes (Thái Dịch Lake),
- Above his head were big words engraved on nghi môn, which oriented him, while walking on the bridge, to learn the lessons of governing the country and of educating himself.



Nghi môn → Trung Đạo Bridge crossing Thái Dịch Lake → Thái Hòa Palace

Trung Đạo Bridge²⁸ across Thái Dịch Lake²⁹ in the Imperial City, is the way from Ngọ Môn to Thái Hoà Palace (太和殿) and located on the axe of Dũng Đạo³⁰ of the Imperial City.

Decoration of bronze pillars and squares

At the two heads of the Trung Đạo Bridge there are two bronze Nghi môn. Each Nghi môn includes 3 parts:

1) Bronze pillars: Each Nghi môn is supported by 4 bronze pillars, the two outer ones with engravings of clouds. The bodies of the two pillars in the middle were casted, using the theme of “*long vân thủy ba*” (dragon, cloud, waves) with a pair of dragons having 5 claws (reserved for the emperor) symbolizing the yin-yang harmony: one as symbol of long thăng (ascending dragon, on the left side of

²⁷ Dũng đạo: Dũng [甬](#) is in the middle, đạo [道](#) is way, road. Dũng đạo means the road in the middle of the palace. At the mausoleums of emperors, it is called Thần Đạo. At the village community halls, or at temples, it is called Linh đạo

²⁸ Trung 中: in the middle; Đạo 道: way, road. Trung Đạo: the way in the middle, meaning in governing the country the emperor should keep the way of “*trung dung*” not to go to the extremes. reflecting the harmony.

²⁹ Thái dịch 大易: Big changes

³⁰ Going through all three citadels is the axe of Dũng đạo, i.e., the way of the Chi (energy) entering the head of the dragon (Long nhập thủ). This way goes from the Hương River, to Nghinh Lương Đình, Phú Văn Lâu, Kỳ đài, Ngọ Môn, Thái Hòa Palace, Càn Chánh Palace, Càn Thành Palace, Khôn Thái Palace, Kiến Trung Tower ... On both sides of Dũng đạo are hundreds of architectural structures located in a very harmonious arrangement

Thái Hòa Palace looking out, representing the Yang going up), and one as symbol of long giáng (descending dragon, on the right side, representing the Yin going down).



2) Doorsill. Around the big words, the doorsills are divided into squares decorated with many different themes such as leaves/flowers and eight wonders (bát bửu), sun, moon³¹, clouds, lotus ... all of them are shown in pháp lam³². On both sides of squares located in the middle of each nghi môn, there are 4 big Chinese characters cast in relief on a pháp lam base.

3) Big Words. Each side of the nghi môn has 4 Big Chinese Characters cast in relief.

The contents of these Big Chinese Characters summarize the two following Ways:

- The Way of Governing the Country: The Nguyễn royal court's way of governing and the political way of the dynasty are reflected in the two following sentences on the South side (looking from Ngọ Môn):

Chính trực đẳng bình 平等直正
Cao Minh Du Cửu 高明悠久

- The Way of Being the Ruler: The leading thoughts, the orientation for the self-education of the emperor and the royal court are reflected in the two following sentences on the North side (looking from Thái Hòa Palace):

Cư nhân do nghĩa 居仁由義
Trung hoà vị dục 中和位育

The Way of Governing the Country

From Ngọ Môn Gate going to Thái Hòa Palace, the eight big words on the two Nghi Môn (looking to the South) **Chính Trực Đẳng Bình, Cao Minh Du Cửu**, in fact, can be considered as the manifesto of the political way of the Nguyễn Dynasty, reminding the emperor and the mandarins that their acts should be straight and clear, the ruler needs to observe integrity and impartiality³³.

³¹ During the renovation before 1900 under Emperor Thành Thái's reign, the two images of the sun and the moon (symbolizing yin-yang) on the base of clouds attached to the upper part of the doorsills in the middle of the two main pillars were reduced to just only one: the sun surrounded by the shining rays.

³² Huế pháp lam on nghi môn: under the Nguyễn Dynasty, these decorative bronze objects were enameled in order to increase their artistic values.

Chính trực đẳng bình 正直等平

Chính 正: Right, Correct, Straight, In the middle, **Trực 直**: Moving forward, **Đẳng 等**: Level, for example, thượng đẳng 上等 (high), trung đẳng 中等 (medium), hạ đẳng 下等 (low), **Bình 平**: Flat, peaceful, regular, for example, Bình địa (flat land), Bình tâm (calm), Bình thân (body in regular standing).



Chính trực đẳng bình (South side)

Chính trực đẳng bình means acting must be straight, moving forward to the reason, in order to reach the regularness, the peace. It means that the political policy of the emperor and the mandarins should be the practice of political clearness, rightness and straightforwardness.

Cao Minh Du Cửu³⁴ 高明悠久



Cao Minh Du Cửu

³³ The *Book of Documents* (Kinh Thư) includes this statement: "Chính trực đẳng bình, tuân vương chi nghĩa, tuân vương chi đạo, vương đạo chính trực." It is the practice of political straightforwardness, and clearness. The ruler must observe integrity and impartiality

³⁴ In a renovation before 1975, the 4 big words "Cao Minh Du Cửu" were replaced these 4 big words 正大光明 (Chính Đại Quang Minh) on the nghi môn at Emperor Minh Mạng's Mausoleum. This has been corrected but the misunderstanding remained: on the Internet Cao Minh Du Cửu was translated to Chính Đại Quang Minh because there was a lack of review or knowledge of Chinese characters

Cao 高: High, contrary to Low, for example, son cao thủy thâm 山高水深 (mountain high, river deep); **Minh** 明: Bright; **Du** 悠: Water flowing; **Cửu** 久: long-lasting, for example, Trường cửu (long-lasting), Vĩnh cửu (eternal).

Cao Minh Du Cửu is the guide for the administration of the governing machine. Everything must be clear like the light shining from above, and long-lasting like the flowing water, nothing should be hidden, shady, covered, and iniquitous³⁵.

The Way of Being the Ruler

When the emperor stands up from his throne and walks to Ngọ Môn Gate to see the people, he will see the big words on the two nghi môn summarizing the way of being the ruler as follows:

- Knowing how to accumulate the love for the people by acting in compassion and righteousness : **Cư nhân do nghĩa**
- Knowing how to self-control, i.e., controlling the 7 types of feelings (thất tình) in order to achieve the above-mentioned goal: **Trung hòa vị dục**.

Cư nhân do nghĩa
居仁由義



Cư nhân do nghĩa

Cư 居: Store, accumulate; **Nhân** 仁: Compassion, Love in general, leaning toward sentiment, feelings; **Do** 由: Because of; **Nghĩa** 義: righteousness, leaning toward reason.

Cư nhân do nghĩa: The ruler must act in accordance with righteousness, impartiality in order to accumulate the love for the people.

- This is the lesson of Nhân Nghĩa for the king and mandarins vis-a-vis the people:

Nhân is the love in general, leaning toward sentiment, feelings.

- Nghĩa is the right actions, leaning toward reason.

³⁵ These 4 big words were taken from the ancient book entitled "*Lễ Ký 禮記*": *Cao đại quang Minh* and *Du Cửu trường viễn*

This lesson of Nhân Nghĩa was cited by Nguyễn Trãi in the Bình Ngô Đại Cáo³⁶ (Great Proclamation of Defeating the Ngô ; Ngô = The Chinese):

*Việc **nhân nghĩa** cốt ở yên dân (In **Nhân Nghĩa**, the core is people's peace)*

Quân điều phạt trước lo trừ bạo (In military action, the first action is eliminating violence)

*Đem **đại nghĩa** để thắng hung tàn, (Use **Great Righteousness** to win over cruelty,)*

*Lấy **chí nhân** để thay cường bạo (Use **Ultimate Compassion** to replace brutality.)*

Nhân nghĩa is the way to practice humanness for the king and the mandarins³⁷. But between Nhân and Nghĩa, Nhân is considered as basic, Nhân is the root of Nghĩa. Nhân is love in general, leaning toward sentiment. Nhân is bringing favor to everyone and everything. Nghĩa is the appropriate judgement. In other words, Favor is Nhân, Reason is Nghĩa. The two sides of Nhân and Nghĩa must go hand in hand, supplementing each other. Nhân is the peaceful place for man. Nghĩa is the main way for man to go: to stay is in accordance with Nhân, to go is in accordance with Nghĩa³⁸.

Trung hoà vị dục 中和 位育



Trung hoà vị dục

³⁶ **Bình Ngô đại cáo** 平吳大誥 was written by Nguyễn Trãi in Chinese characters in the Spring of 1428, on behalf of Bình Định Vương Lê Lợi to declare the end of the resistance war against the Ming, regaining the independence of Great Việt

³⁷ Mencius wrote: “*Quân nhân, mạc bất nhân; Quân nghĩa, mạc bất nghĩa*” meaning if the king observes Nhân, everyone will follow and also observe Nhân; If the king observes Nghĩa, everyone will follow and also observe Nghĩa. The four big words “*Cư nhân do nghĩa*” are inscribed on nghi môn so that the king passes by, sees them and always remember.

³⁸ Nhân (Compassion), Nghĩa (Righteousness), and Đức (Virtue) were also reflected in the names of the gates of the Imperial City: the 2 main gates of the city were named Thể Nhân Môn (Thể nhân = Showing Compassion; Môn = Gate), and Quảng Đức Môn (Quảng Đức = Enlarging Virtue); the 2 side gates of the city were named Hiến Nhân Môn (Hiến Nhân = Charity, Compassion) and Chương Đức Môn (Chương Đức = Glorifying Virtue). On the main gate to the Forbidden City called Đại Cung Môn (Great Palace Gate), there were the 2 following sentences about Nhân Nghĩa:

Nhất nhân thụ mệnh tri thiên hạ, (One person chosen by God to serve the people)

Thiên hạ nguyên phi phụng nhất nhân. (The people are not to serve one person.)

Trung: 中 in the middle, **Hòa:** 和 agreeable, harmonic, **Vị:** 位 position, standing, **Dục:** 育 Raise and educate.

From the throne looking out to Ngọ Môn Gate, the emperor sees on the Nghi Môn the 4 big words 中和位育 (Trung Hòa Vị Dục) and understand that, in his position (Vị: 位), if he wants to solidly keep it, he must know to educate himself (Dục: 育), i.e., how to self-control (control of the 7 types of feelings: ái (yêu thương = love), ó (ghét = hate), hi (mừng = celebrate), nộ (giận = anger), ai (buồn = sadness), lạc (vui sướng = joy), cụ (sợ hãi = fear)) in order to reach the condition called Trung Hòa or harmony between the inner and outer feelings.

If the feeling is uncontrollably, exceedingly exposing the sentiment will become emotion and that will lead to very harmful instability.

An excessive **Anger** will cause the liver chi to rise up, to make the face reddened, the arms and legs trembling resulting in loss of judgement and having unreasonable acts. According to Buddhism, anger is a crime in tam độc (three poisons: tham (greed), sân (anger), si (passion) and in thập ác³⁹ (ten malefactions).

Exceeding **Sadness** will cause short of breath, being spiritually down, cynical because the lung energy is contracted and going down;

Exceeding **Joy** may lead to craziness with uninterrupted talking and hand waving because the heart energy is dispersed;

Exceeding **Love or Hate** will cause frustration, tiredness;

Exceeding **Fear** will cause loss of determination to obtain the objective because the kidney energy is weakened;

Therefore, the lesson Trung Hòa Vị Dục is aimed at reminding the emperor that he should keep his 7 types of feelings, joy, anger ... at the appropriate level, i.e., at the level of Trung Hòa in order to have his position safe, the country enjoying prosperity and peace, the world and everything blossoming nicely. That is the meaning of Trung hòa vị dục⁴⁰.

In summary, the lessons on governing the country and self-educating of the emperors and mandarins of the Nguyễn Dynasty are the torches showing the way for generations to come. These lessons also helped to explain why the territory and the political influence of Đại Nam (Great Nam) under the reign of Emperor Minh Mạng were the greatest in our history⁴¹, and why there are the following judgements in history:

«The Nguyễn Dynasty had its own specific creations within the common Indo-Chinese culture.»⁴²

³⁹ Ten malefactions: 3 by body (killings, theft, bad sexual desire), 4 by mouth (lying, two tongues, badmouthing), 3 by thoughts (greed, anger, passion).

⁴⁰ In Trung Dung (Doctrine of the Mean), one of the Tứ Thư (Four Books) Trung hoà vị dục was expressed as follows: Hoà dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã trí; Trung hoà, thiên địa vị yên, vạn vật dục yên (The realization of Trung Hòa will stabilize the nature, and everything will blossom nicely).

⁴¹ Emperor Minh Mạng established the provinces of [Trấn Ninh](#), Lạc Biên, Trấn Định, Trấn Man to control Laos; defeated Siam; turned Chân Lạp into a protectorate; occupied the Nam Vang region (Phnom Penh of today) and changed its name to Trấn Tây Thành; and the result was that Đại Nam's territory was even larger than Vietnam's current one.

⁴² Huỳnh Minh Đức, *Từ Ngọ Môn đến điện Thái Hòa* (From Ngọ Môn to Thái Hòa Palace), Trẻ Publishing House, 1994, p.5. Before 1975, Professor Đức was a former professor of the Chinese Section, Faculty of Letters, Saigon University.

“Law, regime, everything was renovated, and thus, making a nation having solid rule-of-law» (Trần Trọng Kim). ■

Lạp Chúc Nguyễn Huy

La persuasion aux prises avec l'obstination

Nguyễn Ngọc Hà

La persuasion est au cœur de la rhétorique: Elle en constitue l'essence même. Elle est digne d'intérêt et mérite qu'on s'y attarde, car elle sollicite nos facultés intellectuelles tout en respectant les valeurs morales, dans un but totalement désintéressé, à l'encontre de la manipulation et de la propagande.

Cet écrit ne cherche pas à remonter aux origines antiques de la persuasion pour louer les noms illustres d'Aristote, de Platon et de Cicéron. Il essaie plutôt de déceler les motifs secrets qui dictent l'attitude et la réaction typiques de l'obstiné.

Pour simplifier, désignons par A la personne qui persuade, avec l'obstiné représenté par B. On peut imaginer B écouter A, soit à contrecœur, avec réticence, l'air renfrogné, soit avec une attitude parfaitement détachée, désinvolte, et dans bien des cas, méfiante, voire hostile, ou pour tout dire, réfractaire à toute forme de coopération. Rien d'étonnant car l'obstiné "s'est persuadé" que la personne qui "persuade" s'est mis en tête de lui infliger un "lavage de cerveau" (brainwash). Ce qui pourrait, à la longue, irriter l'obstiné, car il ne peut souffrir aucune contrainte qui puisse l'amener à altérer ou renier son individualité. C'est comme s'il se met en garde contre un danger imminent sur le point d'envahir son intimité. On croit l'entendre, de temps à autre, s'insurger contre cette intervention indésirable : *"De quoi vous mêlez-vous ? Qui vous a donné le droit de vous poser en arbitre de ce qui ne vous regarde pas?"*

Tout revient à dire qu'il est nécessaire que A jouisse d'un prestige bien fondé, pour forcer le respect et gagner la confiance de B. De plus, A doit faire preuve de beaucoup de tact, de patience, de tolérance, et au besoin, avoir recours à un langage affectif qui va droit au cœur. Ainsi Albert Camus, dans "La Peste", recourt à la métaphore pour toucher l'homme en profondeur, pour le persuader indirectement en éveillant son empathie. Évidemment, il faut, par-dessus tout, utiliser des arguments de poids, irréfutables, destinés à soutenir un raisonnement logique, incontestable, infaillible.

B s'accroche toujours à des idées fixes et préconçues : il refuse d'en démordre et n'a foi qu'en elles. Il peut aussi parfois faire montre d'une arrogance démesurée: A doit alors envisager avec circonspection la manière d'aborder la question. Toutefois, B, obstiné mais pas dépourvu de bon sens, ne se laisse pas facilement amadouer par des paroles mielleuses ou un ton doucereux.

D'autre part, une personne obstinée n'abdique pas ses préjugés à la légère. Et si, en plus, elle est venue en ce monde avec un esprit contradictoire, c'est, pour la persuasion, un cas sans espoir de réussite. Doublé d'un esprit contradictoire, B ne peut réfréner son besoin constant de contredire A, ni résister à

l'envie de le tourner en dérision. Ainsi, B, marchant de pair avec un esprit contradictoire, semble prendre un malin plaisir à compromettre les bonnes intentions de A, à contrecarrer ses démarches pour le décourager, pour qu'il renonce à sa tentative de persuasion.

C'est pourquoi, si A doit faire face à B, un obstiné à l'esprit contradictoire, la persuasion est une entreprise qui s'avère aberrante, car B s'acharne à détruire ce que A s'efforce de construire : C'est quand même agaçant à la fin! B exagère vraiment! Bien des fois B choisit de faire la sourde oreille ou, comme un ennemi tapi dans l'ombre, guette la moindre occasion pour déjouer les plans de A, et finalement saboter ses projets.

L'obstiné a probablement, a priori, décidé de passer outre aux arguments de A, sinon de les combattre résolument. Quiconque, à la place de A, ne se sentirait terriblement frustré, voire écœuré, et parfois même envahi d'un sentiment d'amertume? Comme on le voit, une argumentation pourtant tout à fait convaincante ne produit pas toujours le résultat souhaité. C'est tellement regrettable et déplorable!

Cependant, d'un autre côté, on ne peut s'empêcher d'être littéralement fasciné, pour ne pas dire subjugué, entièrement captivé par des arguments rigoureux, incisifs et percutants, auxquels on adhère avec conviction, d'autant plus qu'ils sont soutenus par une éloquence remarquable. Rien ne vaut cette satisfaction authentique, exquise et profonde, à la fois intellectuelle et spirituelle!

Alors que, tout bien considéré, "la persuasion aux prises avec l'obstination" apparaît comme une lutte de longue haleine, opiniâtre, sans relâche, semée d'embûches et ... hélas si ingrate! Lorsque la persuasion se heurte à l'obstination, ce n'est plus une discussion: c'est une muraille infranchissable, un mur d'indifférence ou d'entêtement farouche, imperméable à la raison, selon toute apparence.

NB: Les opinions exprimées ci-dessus sont strictement personnelles.

Khi việc thuyết phục gặp phải sự cố chấp

Thuyết phục là trọng tâm cũng chính là bản chất thuần túy của tu từ học: Quá trình thuyết phục đáng được quan tâm và phân tích cẩn kẽ, vì nó vận dụng những khả năng trí tuệ của con người, đồng thời vẫn tôn trọng các giá trị đạo đức, với mục đích hoàn toàn vô vụ lợi, trái ngược hẳn với sự thao túng hay tuyên truyền.

Bài viết này không nhằm truy cứu nguồn gốc cổ xưa của nghệ thuật thuyết phục để ca ngợi tên tuổi lừng lẫy của Aristote, Platon và Cicéron. Thay vì thế, nó cố gắng khám phá những động cơ thầm kín chi phối thái độ và phản ứng điển hình của một người cố chấp.

Để đơn giản hóa, xin tạm gọi A là người thuyết phục, và B là người cố chấp. Bạn hãy tưởng tượng B lắng nghe A, hoặc một cách miễn cưỡng, gượng gạo, vẻ mặt cau có, hoặc với thái độ hoàn toàn thờ ơ, thiếu nghiêm túc, và lăm lăm nghỉ ngơi, thậm chí có ác cảm, hay nói cho cùng là chống đối lại mọi hình

thức hợp tác. Điều này chẳng có gì ngạc nhiên, bởi người cố chấp B đã "tự thuyết phục bản thân" rằng "người thuyết phục" A là kẻ đang toan tính tìm cách tẩy não mình. Điều này, về lâu về dài, có thể khiến B bức tức, vì anh ta không thể chấp nhận bất kỳ sự ép buộc nào khiến anh phải sửa đổi hoặc từ bỏ cá tính riêng của mình. Cứ như là B đang trong tư thế đề phòng một mối nguy hại trước mắt đang lăm le xâm nhập vào thế giới riêng tư của mình. Chúng ta như nghe B thỉnh thoảng quyết liệt phản đối sự can thiệp không được hoan nghênh đó: "Chuyện đó mắc mớ gì đến anh? Ai cho anh quyền tự xem mình là người phán xét việc chẳng liên quan gì đến anh?"

Nói tóm lại, A cần có uy tín vững vàng để buộc B phải tôn trọng mình, và tranh thủ lòng tin của B. Hơn nữa, A phải rất khéo léo và tế nhị, kiên nhẫn, bao dung, và khi cần, phải dùng ngôn ngữ giàu cảm xúc để chạm đến trái tim. Albert Camus, trong quyển truyện "La Peste/Dịch Hạch", cũng mượn hình thức ẩn dụ để gián tiếp thuyết phục con người bằng cách khơi dậy sự đồng cảm. Đương nhiên, trên hết, cần phải sử dụng các luận điểm có sức mạnh không thể bị phản bác, nhằm hỗ trợ một chuỗi lập luận hợp lý, hiển nhiên, tuyệt đối chính xác.

B luôn bám vào những ý tưởng cứng ngắc và định kiến có sẵn: anh ta không chịu từ bỏ chúng và chỉ tin vào chúng. Đôi khi B còn thể hiện sự kiêu ngạo quá mức: Trong trường hợp đó, A phải hết sức thận trọng khi đề cập đến vấn đề. Tuy nhiên, B, dù cố chấp nhưng vẫn đủ khôn ngoan để không dễ bị xiêu lòng bởi những lời ngon ngọt hay giọng điệu ru ngủ.

Mặt khác, một người cố chấp không dễ gì từ bỏ định kiến của mình. Và nếu người đó có tính cố chấp, bẩm sinh lại thích chống đối, thì việc thuyết phục không có hy vọng thành công. Vừa cố chấp vừa ưa phản bác, B không thể kiềm chế được bản thân, luôn thấy cần chống đối A, cũng như không thể cưỡng lại ý muốn giễu cợt A. Như vậy B, tính tình cố chấp đi đôi với tinh thần thích cãi ngược, có vẻ lấy làm khoái chí khi phá hỏng thiện chí của A, ra sức cản trở mọi nỗ lực của A, để làm cho A nản lòng và cuối cùng từ bỏ ý định thuyết phục của mình.

Chính vì vậy nên, nếu A phải đối mặt với một người như B, vừa cố chấp vừa thích cãi bướng, thì việc thuyết phục là một nỗ lực vô ích, không còn có ý nghĩa, bởi B luôn cố tình phá hủy những gì A đang cố gắng xây dựng. Cuối cùng thật là bức mình! B đúng là quá đáng! Nhiều lần B chọn giả vờ như không nghe thấy gì, hoặc như một kẻ thù ẩn nấp trong bóng tối, rình rập mọi cơ hội để phá hỏng kế hoạch của A, và cuối cùng làm tiêu tan mọi dự tính của A.

Rất có thể ngay từ đầu, B đã quyết định, nếu không cương quyết chống đối đến cùng, thì bỏ ngoài tai mọi lập luận của A. Bất kỳ ai ở địa vị của A mà không cảm thấy vô cùng hụt hẫng, thậm chí ngao ngán, và đôi lúc ngay chính trong lòng cũng tràn ngập cảm giác đắng cay? Rõ ràng là, dù lập luận có hoàn toàn thuyết phục đến đâu, không phải lúc nào cũng đều mang lại kết quả mong muốn. Điều này thật đáng tiếc và đáng buồn!

Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, ta không thể không bị mê hoặc theo đúng nghĩa, nếu không muốn nói bị chế ngự, hoặc bị hoàn toàn cuốn hút bởi những lập luận chặt chẽ, sắc bén và đanh thép, khiến ta dễ

dàng đồng tình, nhất là khi chúng được trình bày với một tài năng hùng biện xuất sắc. Không gì có thể sánh bằng cảm giác của sự thỏa mãn thuần túy, tinh tế và sâu sắc ấy, sự thăng hoa của trí tuệ lẫn tinh thần!

Trong khi đó, suy cho cùng, sự thuyết phục đối đầu với sự cố chấp là một trận đấu dai dẳng, kiên trì, không ngừng nghỉ, đầy chông gai, và ... hơi ơi quá đổi bạc bẽo! Khi việc thuyết phục gặp phải sự cố chấp, đó không còn là một cuộc tranh cãi nữa: Nó trở thành, theo những gì chúng ta thấy, một bức tường thành không thể vượt qua, một bức tường của sự thờ ơ hoặc cố chấp dữ dội, không cho lý trí thâm nhập vào.

Nguyễn Ngọc Hà (phỏng dịch)

Ghi chú: Những quan điểm trình bày trên đây hoàn toàn thuần túy mang tính cách cá nhân.

Phi Cũ Ngày Xưa

Nguyễn Giu Hùng

TÀI LIỆU

SƠ LƯỢC THI CỬ NGÀY XƯA

CHƯƠNG BỐN

VĂN CHƯƠNG THI CỬ (thời Nguyễn)

PHẦN 2

THƠ - PHÚ



DÀN BÀI

THƠ-PHÚ

A-THƠ

I- THƠ ĐƯỜNG LUẬT

1- Văn

a/ Thanh và âm

b/ Thanh bằng và thanh trắc

c/ Văn

2- Đối (Đối ngẫu)

a/ Các phép đối

- */ Phép *chỉnh đối*
- */ Phép *tả tự đối*
- */ Phép *bất đối chi đối*
- */ Phép *đối lưu thủy*
- */ Phép *cú trung đối*
- */ Phép *giao cổ đối*

b/ Luật đối trong thơ bát cú

3- Luật bằng trắc

a/ Luật

Luật trong thơ Ngũ ngôn bát cú (5 chữ, 8 câu)

- */ *Luật bằng vần bằng*
- */ *Luật bằng vần trắc*
- */ *Luật trắc vần bằng*
- */ *Luật trắc vần trắc*

Luật trong thơ Thất ngôn bát cú (7 chữ, 8 câu)

- */ *Luật bằng vần bằng*
- */ *Luật bằng vần trắc*
- */ *Luật trắc vần bằng*
- */ *Luật trắc vần trắc*

b/ Thất luật

c/ Bất luận và khổ độc

- */ *Bất luận*
- */ *Khổ độc*

4- Niêm

a/ *Hai câu niêm với nhau*

b/ *Thất niêm*

5- **Bố cục**

a/ *Đề*

b/ *Thực*

c/ *Luận*

d/ *Kết*

[TÓM LƯỢC]

6- **Thơ tứ tuyệt hay thơ tuyệt cú**

a/ *Thơ tứ tuyệt (tuyệt cú)*, ngắt ra từ thơ bát cú (8 câu)

b/ *Bố cục hay cấu trúc* tương tự như thơ bát cú

7- **Biến thể của thơ Đường**

II- **THƠ CỔ PHONG**

1- **Số chữ**

2- **Số câu**

3- **Cách gieo vần**

B- PHÚ

Bao gồm những điểm đặc biệt.

* * *

THƠ

Cuối đời Đông Châu, Khuất Nguyên ở bên Trung Hoa có bày ra *điệu Ly Tao*, ở giữa hay cuối câu ta thường gặp chữ “hề”. Nó mở đầu cho một thể thơ của Trung Hoa thời cổ xưa.

Rồi lần lượt mãi sau, mới có một lối thơ, hình thức thuần thực hơn, hạn định hơn, người ta gọi là *cổ thi*, *cổ thể* hay là *cổ phong*.

Rồi mãi tới đầu Đường có thi sĩ Lý Bạch đặt ra nhiều bài thơ có âm điệu hay, nhà vua mới cho một nhóm quan văn *lựa điệu, chọn âm* theo thơ Lý Bạch, đặt ra luật nhất định gọi là **Đường luật**. Thơ Đường luật phát xuất ra từ đây.

Tóm lại thơ Trung Hoa du nhập vào nước ta gồm *hai thể thơ* chính **dùng trong thi cử**:

- *Thể thơ Đường luật*, hay *cận thể* (gần đây), theo *vần, đối, luật* và *niêm* của Đường luật.
- *Thể cổ phong*, hay *cổ thể* (từ xưa) có trước thời nhà Đường, *không theo niêm, luật*.

Mỗi thể có hai loại:

- Mỗi câu có 5 chữ gọi là thơ *ngũ ngôn*
- Mỗi câu có 7 chữ gọi là thơ *thất ngôn*
- Mỗi bài có 4 câu gọi là thơ *tứ tuyệt*
- Mỗi bài có 8 câu gọi là thơ *bát cú*

Riêng thể *cổ phong* số câu có thể thay đổi, hoặc 8 hoặc 6 hoặc 12 câu, và những bài *thất ngôn* nào dài quá 8 câu, *ngũ ngôn* dài quá 16 câu gọi là “*trường thiên*” hoặc “*hành*”.

I- THƠ ĐƯỜNG LUẬT

Thể thơ Đường luật đã trở thành *thể thơ thi cử* của nước ta từ *cuối đời Trần*. Năm 1396, vua Trần Thuận Tông quy định thể lệ thi Hội “tứ trường”, trong đó có kỳ *đệ nhị* (kỳ 2) thí sinh phải làm *một bài thơ Đường luật* và *một bài phú*. Các khoa thi *Tiến sĩ* ở thời Lê Sơ, Mạc, Lê Trung hưng đều lấy thơ Đường luật để thi.

Thơ Đường luật gồm nhiều dạng, nhưng có bốn dạng chính:

- Ngũ ngôn bát cú* tức 5 chữ 8 câu
- Ngũ ngôn tuyệt cú* tức 5 chữ 4 câu
- Thất ngôn bát cú* tức 7 chữ 8 câu
- Thất ngôn tuyệt cú* tức 7 chữ 4 câu

Trong thơ Đường, dạng thức ***thất ngôn bát cú*** là dạng thức *thông dụng*.

Trong lối thơ Đường luật, dù ở dạng thức nào đều có 5 điều phải lưu tâm: ***vần, đối, luật, niêm*** và cách ***bố cục***.

1- Vần

Trước khi nói về *vần* ta cũng nên biết về *thanh* hay *âm*

a/ *Thanh* hay *âm*

Tiếng Việt là tiếng đơn âm, *dựa theo chữ quốc ngữ* bây giờ, có tiếng chỉ có 6 thanh, có tiếng có tới 8 thanh.

- Tiếng có 6 *thanh*, tùy thuộc vào 6 dấu như: *không dấu, huyền, ngã, hỏi, sắc, nặng*. Những thanh này gồm những tiếng (chữ) có một, hai hay ba *nguyên âm* ở sau cùng.

Thí dụ:

- ma, mà, mã, mả, má, mạ*
- đôi, đòi, đỏi, đỏi, đỏi, đội,*
- muôi, muôi, muỗi, muỗi, muối, muôi.*

- Tiếng có 8 *thanh* là những tiếng có một hoặc hai *phụ âm ở đằng sau*, cộng thêm 2 thanh của *dấu sắc* và *dấu nặng* và có những phụ âm *c, ch, p, t* sau cùng.

Thí dụ:

- Tiếng “*thiên*” có 8 thanh âm gồm: thiên, thiên, thiên, thiên, thiên, thiên, *thiết, thiết* (cuối là t)
- Hay tiếng “*tinh*” có 8 thanh âm gồm: tinh, tinh, tinh, tinh, tinh, tinh, *tích, tịch* (cuối là ch).

b/ Thanh bằng và thanh trắc

Tám thanh chia ra làm hai loại: *bằng* và *trắc*.

- *Bằng*, chữ Nho là *bình*, có hai thanh, là những thanh mà âm phát ra bằng phẳng đều đều gồm những tiếng viết thành chữ quốc ngữ có *dấu huyền* và *không dấu*.

- *Trắc*, có 6 thanh còn lại của 8 thanh sau khi *bỏ đi hai thanh bằng*. Đó là những thanh khi âm phát ra hoặc tự thấp lên cao, hoặc tự cao xuống thấp. Gồm những chữ quốc ngữ có dấu *ngã, hỏi, sắc, nặng*, và hai thanh theo quy định *dấu sắc* và *dấu nặng* có những thanh phụ cuối cùng là những chữ *c, ch, p, t*.

c/ Vần

*/ *Vần*, chữ Nho là *vận*, là những tiếng *thanh âm* đặt một cách hòa hợp vào hai hoặc nhiều câu thơ để hưởng ứng nhau.

*/ *Cách gieo vần*

-Thơ Đường luật *dùng vần bằng*, ít khi lắm mới dùng *vần trắc*. Có ý kiến, thật ra thơ Đường luật chỉ dùng vần *bằng* chứ không dùng vần *trắc*. Những bài thơ người ta gọi lầm là *thơ Đường luật vần trắc* chỉ là *lỗi thơ cổ phong* được làm bằng cách dùng thơ Đường luật đổi ra vần *trắc* chứ không phải thơ Đường.

-Suốt bài thơ Đường luật chỉ theo *một vần*, gọi là *độc vận*, và vì gieo vần vào *chữ cuối* câu **1, 2, 4, 6, 8** nên gọi là *cước vận*.

Thí dụ:

Chơi Núi An Lão

1. Khắc khoải sầu đưa giọng lừng *lơ*, (v)
2. Đây hồn Thục Đế thác bao *giờ*. (v)
3. Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
4. Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt *mơ*. (v)
5. Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
6. Hay là nhớ nước vẫn nằm *mơ*. (v)
7. Ban đêm rờn rã kêu ai đó,
8. Giục khách giang hồ dạ ngẩn *ngơ*. (v)

(Nguyễn Khuyến)

- Để xét vần gì, chỉ cần xét chữ cuối ở trong câu gọi là *cước vận* hay *túc vận*.

- Nếu vần đó là chữ thuộc thanh âm *bằng* thì gọi là *bình vận*.

- Nếu vần đó là chữ thuộc thanh âm *trắc* thì gọi là *trắc vận*.

Các nhà thơ sử dụng thường là vần bằng, rất ít khi dùng vần trắc. Năm thanh trắc này phải tránh *trùng vận*, nếu trùng âm thì phải khác nghĩa.

- Nếu vần được gieo giữa 2 câu liền kề nhau thì gọi là *liên vận*.

Thí dụ:

Khắc khoải sầu đưa giọng lửng lơ (câu số 1)

Đây hồn Thục Đế thác bao giờ (câu số 2)

- Nếu vần gieo giữa câu này và câu kia phải bị cách một câu chèn giữa như các câu số chẵn 2-4, 4-6, và 6-8 bởi những câu lẻ 3,5,7 thì gọi là *cách vận*.

Thí dụ:

Đây hồn Thục Đế thác bao giờ (câu số 2)

... (câu số 3)

Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ (câu số 4)

- Nếu gieo sai vần thì gọi là *lạc vận*.

Thí dụ:

1. *Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao*

2. *Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu*

...

(Thu Vịnh-Nguyễn Khuyến)

- Nếu gieo vần không sát gọi là *cưỡng vận* (ép vần).

2- ĐỐI (Đối ngẫu)

Đối là đặt hai câu đi song đôi cho ý và chữ trong hai câu ấy cân xứng với nhau. Vậy trong phép đối, vừa phải *đối ý*, vừa phải *đối chữ*. Đối chữ thì phải để ý tới đối cả về *thanh lẫn thể loại*. Với chữ quốc ngữ ngày nay phải kể đến *tự loại* như phải đồng là tĩnh từ, danh từ, động từ . . . đối với nhau.

Thí dụ:

Lắt léo cành thông con gió giật

Đầm đìa lá liễu hạt sương gieo

(Hồ Xuân Hương)

Nhà chửi rất nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, sẵn váy quai cồng, tất tưởi chân nam chân xiêu, vì tớ đỡ dần trong mọi việc.

Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá tọa, gật gù tay đưa tay chén, cùng ai kể chuyện trăm năm.

(Khóc vợ - Nguyễn Khuyến)

a/ Các phép đối (được phân loại theo nhà thơ Quách Tấn). Gồm 6 loại: (*)

**/ Phép chỉnh đối:* Đây là phép đối thông dụng nhất, các chữ của câu trên và câu dưới theo thứ tự đối nhau *từng chữ* một hay *từng cặp chữ* kếp một.

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

(dưới núi đối với bên sông)

(Bà Huyện Thanh Quan)

**/ Phép tá tự đối:* Đây là phép đối tiếng (chữ)

*Hai mái **trống** tung đành chịu dột*

*Tám giờ **chuông** điểm phải nằm co*

(trống đối với chuông)

(Trần Tế Xương)

**/ Phép bắt đối chi đối:* Không đối tự loại mà đối ý.

Bóng chiều đã ngả đâu quê cũ

Xưa nay chinh chiến mấy ai về

(Tổng trấn Nguyễn Văn Thành)

**/ Phép đối lưu thủy:* Ý câu dưới tiếp ý câu trên vì một mình câu trên không đủ nghĩa.

Thôi về bãi biển cho êm ái

Để mặc bên sông nó gặt gù

(Nguyễn Khuyến)

Tổng đốc vì thương người bạc mạng

Tiền Đường chưa chắc mộ hồng nhan

(Tản Đà)

**/ Phép cú trung đối:* Còn gọi là *tiểu đối*. Tự đối nhau trong từng câu. Câu trên tự đối, câu dưới cũng tự đối. Hai câu đều tự đối.

***Lấy của** **đánh người** quân tộ nhi*

***Xương gà da cóc** có đau không*

(Nguyễn Khuyến)

(Lấy của đối với đánh người. Xương gà đối với da cóc)

***Chim trời cá nước** duyên ai đó*

***Vía đại hồn khôn** chết dễ chơi*

(Tản Đà)

(Chim trời đối với cá nước. Vía đại đối với hồn khôn)

**/ Phép giao cổ đối:* Từng nhóm hay từng chữ của câu trên *đối chéo* với từng nhóm hay từng chữ của câu dưới

Chân bước vững** **đường chiều** **khấp khểnh

***Rừng cây rậm rạp** **trúc vươn** **cao**.*

(Trần Tuấn Ngọc)

(Chân bước vững của câu trên đối chéo với trúc vươn cao của câu dưới

- đường chiều khấp khểnh của câu trên đối chéo với Rừng cây rậm rạp của câu dưới)

b/ Luật đối trong thơ bát cú:

Những câu phải đối trong thơ *bát cú*, kể cả *ngũ ngôn* lẫn *thất ngôn*, trừ hai câu đầu và hai câu cuối, còn 4 câu giữa đối với nhau từng cặp,

-Câu 3 đối với câu 4 (3.4)

-Câu 5 đối với câu 6 (5,6)

Thí dụ:

Bạn Đến Nhà Chơi

- 1- Đã bấy lâu nay bác đến nhà,
 - 2- Trẻ thì đi vắng, chợ thì xa.
 - 3- Ao sâu nước cả, khôn chài cá, (Đối)
 - 4- Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà. (Đối)
 - 5- Cãi mới ra cây, cà chua nụ, (Đối)
 - 6- Bàu vừa rụng dón, mướp đương hoa. (Đối)
 - 7- Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
 - 8- Bác đến chơi đây ta với ta.
- (Nguyễn Khuyến)

Thăng Mỗ

- 1- Mỗ này cả tiếng lại dài hơi,
 - 2- Mẫn cán ra tay chẳng phải chơi.
 - 3- Mộc đặc vang lừng trong bốn cõi, (Đối)
 - 4- Kim thanh rền rĩ khắp mọi nơi. (Đối)
 - 5- Trẻ già thấy thấy đều nghe lệnh, (Đối)
 - 6- Làng nước ai ai phải cứ lời. (Đối)
 - 7- Trên dưới quyền hành tay cất đặt,
 - 8- Một mình một chiếu thành thoi ngồi.
- (Lê Thánh Tông)

3- Luật bằng trắc

(Dựa theo tài liệu về thơ Đường luật trong cuốn “Việt Thi” của Trần Trọng Kim và cuốn “Văn Học Việt Nam” của Dương Quảng Hàm).

a/ Luật

Luật thơ Đường là cách sắp đặt tiếng bằng, tiếng trắc trong các câu của một bài thơ thành khuôn mẫu hay công thức một cách chặt chẽ đã được định sẵn.

Có hai luật, **luật bằng** và **luật trắc**:

-Hễ chữ thứ hai câu thơ đầu tiên là *thanh bằng* thì bài thơ theo *luật bằng*

-Hễ chữ thứ hai câu thơ đầu tiên là *thanh trắc* thì bài thơ theo *luật trắc*

Nói cách khác:

- *Luật bằng* là luật thơ chữ *thứ hai câu đầu tiên* bài thơ là *thanh bằng*

- *Luật trắc* là luật thơ chữ *thứ hai câu đầu tiên* bài thơ là *thanh trắc*

Trong các bảng luật được liệt kê dưới đây,

- Những chữ “B” thay tiếng *bằng* và chữ “T” thay cho tiếng *trắc*

- Chữ “v” thay cho tiếng *vần*
- Những chữ **in đậm** (bold) là những tiếng **phải theo đúng luật**
- Những chữ thường (không đậm) thì *theo* đúng luật hoặc *không theo* đúng luật cũng được dựa theo lệ “*bất luận*” (sẽ nói sau).
- Chữ **màu đỏ** cho *luật*
- Chữ **màu xanh** cho *vần*

Luật trong thơ Ngũ ngôn bát cú (5 chữ, 8 câu)

**/ Luật Bằng vần Bằng*

- 1: B **B** T T **B** (v)
- 2: T T T **B** **B** (v)
- 3: T T B B T
- 4: B **B** T T **B** (v)
- 5: B B B T T
- 6: T T T **B** **B** (v)
- 7: T T B B T
- 8: B **B** T T **B** (v)

Tự trào

Phong **lưu** tính đã **quen**,
 Thằng tôi há chịu **hèn**.
 Bạc mở vung tẩn tẩn,
 Rượu đánh tít cù **đền**.
 Trên trời đứt dây xuống,
 Dưới đất chặt nẻ **lên**.
 Ao ước còn toan những,
 Có tiền dễ mua **tiên**.
 (Khuyết danh)

**/ Luật Bằng vần Trắc*

- 1: B **B** B T **T** (v)
- 2: T T B **B** **T** (v)
- 3: T T T B B
- 4: B B B T **T** (v)
- 5: B B T T B
- 6: T T B **B** **T** (v)
- 7: T T T B B
- 8: B B B T **T** (v)

Mùa Hạ

Tháng **tu** đầu mùa **Hạ**,
 Tiết trời thực oi **ả**.
 Tiếng dế kêu thiết tha,
 Đàn muỗi bay toì **tả**.
 Nỗi ấy biết cùng ai,
 Cảnh này buồn cả **dạ**.
 Biếng nháp năm canh chầy,
 Gà đà sớm giục **giã**.
 (Khuyết danh)

**/ Luật Trắc vần Bằng*

- 1: T **T** T **B** **B** (v)
- 2: B **B** T T **B** (v)
- 3: B **B** B T T
- 4: T T T **B** **B** (v)
- 5: T T B **B** T
- 6: B **B** T T **B** (v)
- 7: B **B** B T T
- 8: T T T **B** **B** (v)

Thu Giang

Một **thức** nước in **trời**,
 Đò ai chiếc lá **khơi**.
 Non xanh cao chót vót,
 Dòng nước chảy đầy **vơi**.
 Mảng khúc Thương lang hát,
 Ủa tình lữ khách **chơi**.
 Mong cho yên sóng gió,
 Qua lại mặc người **đời**.
 (Khuyết danh)

**/ Luật Trắc vần Trắc*

- 1: T **T** B **B** **T** (v)
- 2: B **B** B T **T** (v)
- 3: B **B** T T B
- 4: T T B **B** **T** (v)
- 5: T T T **B** B
- 6: B **B** B T **T** (v)
- 7: B **B** T T B
- 8: T T B **B** **T** (v)

Ngày Tết

Nhớ **tưởng** vào ngày **Tết**,
 Cứ ăn cũ nói **chết**.
 Com canh dọn đủ đầy,
 Bánh trái chưng không **hết**.
 Cha mẹ hân hoan nhiều,
 Cháu con làm chết **mệt**.
 Vui vầy bày cuộc chơi,
 Pháo chuột nổ xì **xẹt**.
 (Khuyết danh)

Luật trong thơ Thất ngôn bát cú (7 chữ, 8 câu)

**/ Luật Bằng Vân Bằng*

- 1: B **B** T T T B **B** (v)
- 2: T T B **B** T T **B** (v)
- 3: T T B **B** T T
- 4: B **B** T T T B **B** (v)
- 5: B **B** T T B **B** T
- 6: T T B **B** T T **B** (v)
- 7: T T B **B** T T
- 8: B **B** T T T B **B** (v)

Thu điều

Ao **thu** lạnh lẽo nước trong **veo**,
 Một chiếc thuyền câu bé tẻo **teo**.
 Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
 Lá vàng trước gió sẽ đưa **vèo**.
 Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt.
 Ngõ trúc quanh co khách vắng **teo**.
 Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
 Cá đâuớp động dưới chân **bèo**.
 (Tam Nguyên Yên Đổ - Nguyễn Khuyến)

**/ Luật Bằng Vân Trắc*

- 1: B **B** T T B **B** **T** (v)
- 2: T T B **B** B T **T** (v)
- 3: T T B **B** T T B
- 4: B **B** T T B **B** **T** (v)
- 5: B **B** T T T B B
- 6: T T B **B** B T **T** (v)
- 7: T T B **B** T T B
- 8: B **B** T T B **B** **T** (v)

Gheo cô hàng nước

Bán **hàng** nay cô đã mấy **tuổi**,
 Nước cô còn nóng hay là **nguội**?
 Lũng lẳng trên treo dăm nắm nem,
 Lơ thơ dưới móc một chuồng **chuối**.
 Bánh rán bánh dày đều xoa mỡ,
 Khoai nghiền khoai lang cũng chấm **muối**.
 Ăn uống xong rồi tiền chưa đủ,
 Biết nhau cho chịu một vài **buổi**.
 (Nguyễn Quỳnh)

**/ Luật Trắc vần Bằng*

- 1: T **T** B **B** T **T** **B** (v)
- 2: B **B** T **T** T **B** **B** (v)
- 3: B **B** T **T** B **B** T
- 4: T **T** B **B** T **T** **B** (v)
- 5: T **T** B **B** B **T** T
- 6: B **B** T **T** T **B** **B** (v)
- 7: B **B** T **T** B **B** T
- 8: T **T** B **B** T **T** **B** (v)

Qua đèo Ngang

Bước **tới** đèo ngang bóng xế **tà**,
 Cỏ cây chen đá, lá chen **hoa**.
 Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
 Lác đác bên sông rợ mấy **nhà**.
 Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
 Thương nhà mỏi miệng cái gia **gia**.
 Dừng chân đứng lại trời non nước,
 Một mảnh tình riêng ta với **ta**.
 (Bà Huyện Thanh Quan)

**/ Luật Trắc vần Trắc*

- 1: T **T** B **B** B **T** **T** (v)
- 2: B **B** T **T** B **B** **T** (v)
- 3: B **B** T **T** T **B** B
- 4: T **T** B **B** B **T** **T** (v)
- 5: T **T** B **B** T **T** B
- 6: B **B** T **T** B **B** **T** (v)
- 7: B **B** T **T** T **B** B
- 8: T **T** B **B** B **T** **T** (v)

Đến làng Tam Ché

Bóng **ác** non đoài ban xế **xế**,
 Bổng đầu đã tới miền Tam **Ché**.
 Mênh mang khóm nước nhuộm màu lam,
 Chận ngắt đỉnh non lòng bóng **quế**.
 Chợ họp bên sông gấm có chiều,
 Thuyền bày trên đất xem nhiều **thế**.
 Cảnh vật bằng đây họa có hai,
 Vì dân khoan giản bên tô **thuế**.
 (Lê Thánh Tôn)

b/ **Thất luật**

Một câu thơ đặt sai luật là *không* dựa trên khuôn mẫu quy định của luật đã nêu trên. Phải luôn tuân thủ luật *bằng, trắc*. Trong một câu thơ chữ nào đáng đặt tiếng *bằng* mà đặt tiếng *trắc*, hoặc ngược lại, đáng đặt tiếng *trắc* mà đặt tiếng *bằng* thì gọi là *thất luật*, không được.

c/ **Bất luận và khổ độc**

**/ Bất luận:* Cứ như theo đúng những *khuôn mẫu quy định* của luật bằng trắc thì *rất khó làm* nên có *lệ bất luận*, nghĩa là trong câu thơ có một vài chữ không cần phải đúng luật.

Như:

- Trong bài thơ *ngũ ngôn* thì chữ thứ nhất, thứ ba (**1,3**) không cần đúng luật tức “nhất, tam” *bất luận*
- Trong bài thơ *thất ngôn* thì chữ thứ nhất, thứ ba và thứ năm (**1,3,5**) không cần đúng luật, tức là “nhất, tam, ngũ” *bất luận*.

Thí dụ:

- *Bất luận* trong bài thơ *ngũ ngôn* “Luật Bằng vần Bằng”

- 1: **B B T T B** (v)

- 2: **T T T B B** (v)

- 3: **T T B B T**

- 4: **B B T T B** (v)

- 5: **B B B T T**

- 6: **T T T B B** (v)

- 7: **T T B B T**

- 8: **B B T T B** (v)

- *Bất luận* trong bài thơ *thất ngôn bát cú* “Luật Bằng Vần Bằng”

- 1: **B B T T T B B** (v)

- 2: **T T B B T T B** (v)

- 3: **T T B B B T T**

- 4: **B B T T T B B** (v)

- 5: **B B T T B B T**

- 6: **T T B B T T B** (v)

- 7: **T T B B B T T**

- 8: **B B T T T B B** (v)

**/ Khổ độc:* Những chữ có thể thay đổi theo lệ *bất luận* trong câu thơ, chữ *đáng trắc* đổi thành *bằng* thì bao giờ cũng được, ngược lại chữ *đáng bằng* mà đổi thành *trắc*, trong vài trường hợp không được vì sự thay đổi ấy trở nên khó đọc nên gọi là *khổ độc*.

Như:

- Trong bài thơ *ngũ ngôn*, chữ *thứ nhất* các câu *chẵn*, và chữ *thứ ba* của tất cả các câu *lẻ*, *đáng bằng* mà đổi ra *trắc* là *khổ độc* (1 chẵn, 3 lẻ).

- Trong bài thơ *thất ngôn*, chữ *thứ ba* của các câu *chẵn*, và chữ *thứ năm* của các câu *lẻ*, *đáng bằng* mà đổi ra *trắc* là *khổ độc* (3 chẵn, 5 lẻ).

Thí dụ:

- *Khổ độc* trong bài thơ *ngũ ngôn* “Luật Bằng vần Bằng”

- 1: **B B T T B** (v)

- 2: **T T T B B** (v)

- 3: **T T B B T**

- 4: **B B T T B** (v)

- 5: **B B B T T**

- 6: **T T T B B** (v)

- 7: **T T B B T**

- 8: **B B T T B** (v)

- *Khổ độc* trong bài thơ *thất ngôn bát cú* “Luật Bằng Vần Bằng”

- 1: **B B T T T B B** (v)

- 2: **T T B B T T B** (v)

- 3: **T T B B B T T**

- 4: **B B T T T B B** (v)

- 5: **B B T T B B T**

- 6: **T T B B T T B** (v)

- 7: **T T B B B T T**

- 8: **B B T T T B B** (v)

4- Niêm

Niêm nghĩa đen là *dính với nhau*, là *sự liên lạc về âm luật* của hai câu thơ trong bài thơ Đường luật.

a/ Hai câu thơ niêm với nhau

- Khi chữ *thứ hai* của hai câu cùng theo một luật, hoặc là *cùng bằng*, hoặc là *cùng trắc*, nghĩa là bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc theo *từng cặp đôi* “nhất bát, nhị tam, tứ ngũ, lục thất” tức những câu (1,8), (2,3), (4,5), (6,7).

Thí dụ:

Niêm của bài thơ *thất ngôn bát cú* “*luật bằng vần bằng*”. (Để ý đến vần bằng trắc của *chữ thứ hai* trong hai câu niêm với nhau).

-1: B **B** T T T B B (v)

- 2: T **T** B B T T B (v)

- 3: T **T** B B B T T

- 4: B **B** T T T B B (v)

- 5: B **B** T T B B T

- 6: T **T** B B T T B (v)

- 7: T **T** B B B T T

- 8: B **B** T T T B B (v)

Câu 1 niêm với câu 8

Câu 2 niêm với câu 3

Câu 4 niêm với câu 5

Câu 6 niêm với câu 7

Thu điều

Ao **thu** lạnh lẽo nước trong veo,
 Một **chiếc** thuyền câu bé tẻo teo.
 Sóng **biếc** theo làn hơi gợn tí,
 Lá **vàng** trước gió sẽ đưa vèo.
 Tầng **mây** lơ lửng trời xanh ngắt.
 Ngõ **trúc** quanh co khách vắng teo.
 Tựa **gối** buồn ngâm lâu chẳng được,
 Cá **đâu** đớp động dưới chân bèo.
 (Tam Nguyên Yên Đỗ - Nguyễn Khuyến)

Cái chòi

Lời **chúa** vâng truyền xuống ngọc giai,
 Cho **làm** lệnh tướng quét trần ai.
 Một **tay** vùng vẫy trời tung gió,
 Một **cối** tung hoành đất sạch gai.
 Ngày **vắng**, rủ mây cung bắc-Hán,
 Đêm **thanh**, tựa nguyệt chốn lâu đài.
 Ôm **lòng** gốc rễ, lâu càng dài.
 Mòn **mỏi** lâu còn một cái đài.
 (Lê Thánh Tôn)

b/ Thất niêm: Bài thơ không theo đúng niêm luật thì gọi là *thất niêm*, không được

5- Bố cục

Một bài thơ *bát cú* gồm bốn phần: *Đề, thực, luận* và *kết*.

a/ Đề gồm 2 câu gọi là *phá đề*

- Câu 1, gọi là *phá đề*, nói rõ cái đề tài để người đọc hiểu ngay mình muốn nói về cái gì
- Câu 2, gọi là *thừa đề*, nối ý câu phá đề nói cho rõ thêm ý của câu phá đề

b/ Thực gồm 2 câu gọi là *cặp trạng*

- Hai câu 3 và 4 giải thích đầu bài cho rõ ràng thêm ra.
- Câu sau phải đối với câu trước

c/ Luận gồm 2 câu gọi là *cặp luận*

- Hai câu 5 và 6 bàn luận rộng ra, hoặc khen, chê, so sánh ... và có thể dùng điển cố để giải thích, biện luận cho hết ý của đầu bài.

- Câu sau phải đối với câu trước

d/ Kết gồm 2 câu gọi là *thúc kết*

- Hai câu 7 và 8 tóm tắt hết ý nghĩa của bài thơ. Có khi còn khuyên, trách, mừng giận, hỏi . . .

Câu trúc của bài thơ Đường như ở trên được tóm tắt trong bài thơ sau:

*Câu đầu nói trống việc gần xa,
 Câu thứ đề bài phải chỉ ra.
 Trạng kể căn do cho đích xác,
 Đối khai thượng hạ chớ sai ngoa.
 Luận bàn mọi thứ thêm minh bạch,
 Trên dưới hai câu cũng xứng hòa.
 Sau kết vài lời cho hợp ý,
 Nên bài phong hóa dạy người ta.
 (Hồ Ngọc Cẩn)*

Thí dụ:

Đề miếu bà Trương

*Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương,
 Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
 Ngọn đèn dầu tắt đừng nghe trẻ,
 Làn nước chỉ cho lụy đến nàng.
 Chứng quả có đôi vầng nhật nguyệt,
 Giải oan chi mượn đến đàn tràng.
 Qua đây mới biết nguồn cơn ấy,
 Khả trách chàng Trương khéo phũ phàng.
 (Lê Thánh Tông)*

[TÓM LƯỢC những thành phần trong bài thơ Đường (thất ngôn bát cú)

***/ Luật về Vần**

- Trong một bài thơ thất ngôn bát cú, **vần**, thường là **vần bằng**, ít khi dùng **vần trắc**, được gieo ở cuối câu đầu và cuối những câu chẵn, tức là những câu 1, 2, 4, 6, 8. Suốt bài thơ chỉ gieo một vần gọi là **độc vận**, gieo vào cuối câu gọi là **cước vận**.

*/ *Luật về Đối*

Hai cặp câu 3, 4 và 5, 6 bắt buộc phải đối với nhau

*/ *Luật bằng, trắc*

Trong thơ Đường luật, có *luật bằng* và *luật trắc*

-Hễ chữ *thứ hai* trong câu thơ *đầu tiên* là thanh (tiếng) *bằng* thì bài thơ theo *luật bằng*

-Hễ chữ *thứ hai* trong câu thơ *đầu tiên* là thanh (tiếng) *trắc* thì bài thơ theo *luật trắc*

Bài thơ dù theo *luật bằng* hay *luật trắc* gồm hai quy định:

Quy định *hàng ngang* gọi là **Luật**:

-Những chữ 1,3,5 được tự do (nhất, tam, ngũ *bất luận*, những chữ bất luận đáng là *bằng* mà đổi thành *trắc* gọi là *khổ độc* vì khó đọc)

-Những chữ 2,4,6 phải đúng theo luật (nhị, tứ, lục *phân minh*) **không được đổi**.

Quy định *hàng dọc* gọi là **Niêm**

-*Bằng* niêm với *bằng*, *trắc* niêm với *trắc*

-Niêm, theo chữ *thứ hai* trong *mỗi câu*, và theo *từng cặp* (1,8),(2,3),(4,5),(6,7)

Sai về Luật gọi là *thất luật*. Sai về Niêm gọi là *thất niêm*. Cả hai đều **không được**.

*/ *Bố cục hay cấu trúc*

Một bài thơ *bát cú* gồm bốn phần, *mỗi phần hai câu*: Đề, thực, luận và kết]

6- Thơ tứ tuyệt hay tuyệt cú

Là loại thơ có 4 câu.

a/ Thơ tứ tuyệt (tuyệt cú) ngắt ra từ thơ bát cú

Đây là thơ bốn câu, *tứ* là bốn, *tuyệt* là dứt hay ngắt. Lối thơ này gọi là *tứ tuyệt* vì nó được *ngắt ra từng bốn câu thơ lấy từ bài thơ bát cú* Đường luật.

Có nhiều cách ngắt để trở thành những bài thơ tứ tuyệt.

- Ngắt ra 4 câu đầu (câu 1,2,3,4), gồm 2 câu đầu không đối và hai câu cuối có đối, gọi là *khai thừa song hợp*. Tương tự với hai cặp câu (1,2 và 5,6).

- Ngắt ra 4 câu cuối (câu 5,6,7,8), gồm 2 câu đầu có đối và 2 câu cuối không đối, gọi là *song khai chuyển hợp*.

- Ngắt ra 4 câu giữa (câu 3,4,5,6), gồm hai câu đầu có đối và hai câu cuối cũng có đối nhau, gọi là *song khai song hợp*.

- Ngắt ra lấy hai câu đầu và hai câu cuối (câu 1,2,7,8), gồm hai câu đầu và hai câu cuối, đều không có đối, gọi là *tuyên thủ thuận lưu*.

Thí dụ:

-*Khai thừa song hợp* (bốn câu đầu) hoặc (hai câu đầu và hai câu 5,6)

Dệt vải

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,

Vậy phải lên ngôi gỡ mối giường.

Tay ngọc lần đưa thoi nhật nguyệt, (đối)

Gót vàng giậm đạp máy âm dương. (đối)

(Lê Thánh Tông)

-*Song khai chuyển hợp* (bốn câu chót)

Tặng sách

Chung Tử gò Nam còn thấy mặt, (đối)

Bá Nha đàn Việt phải ra tay. (đối)

Còn non còn nước còn tương ngộ,

Tích cổ duy kim mới rỡ mày.

(Diên Hương)

- *Song khai song hợp* (hai câu giữa)

Tự cảm

Gió đưa dương liễu cành cành nguyệt, (đối)

Cụm tỏa ngô đồng lá lá sương. (đối)

Thuyền mọn năm canh người Bãi Hán, (đối)

Địch dài một tiếng khách Tầm Dương. (đối)

(Phan Thanh Giản)

- *Tuyên thủ thuận lưu* (hai câu đầu và hai câu cuối cùng-không đối)

Cái pháo

Xác không, vốn những cây tay người,

Bao nả công trình, tạch cái thôi.

Kêu lắm, lại càng tan tác lắm,

Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

(Nguyễn Hữu Chính)

Xét ra thì dùng dạng nào thì cũng lấy từ thơ *bát cú* mà ngắt ra nên thơ *tứ cú* gọi là *tuyệt cú* hay *tứ tuyệt*.

b/ *Bố cục hay cấu trúc, tương tự như thơ bát cú*

- Câu đầu, gọi là câu *đề*, để nói rõ đầu đề.
- Câu thứ nhì, gọi là câu *thực*, miêu tả cụ thể.
- Câu thứ ba, gọi là câu *luận*, để bàn rộng hoặc khen chê.
- Câu thứ tư, gọi là câu *kết*, để tóm tắt ý nghĩa của bài thơ.

7- Biến thể của thơ Đường

Có rất nhiều loại biến thể trong thơ Đường

- *Phá lục*: câu đầu 6 chữ, những câu sau 7 chữ như thường lệ
- *Yết hậu*: ba câu đầu đủ chữ, câu cuối cùng chỉ có một chữ “vận” (vần) mà thôi
- *Thủ vĩ ngâm*: Câu đầu và câu cuối giống nhau

- *Thủ vĩ liên hoàn*: câu “*kết*” (thúc kết) của bài 1 làm câu “*phá*” (phá đề) của bài 2; câu *kết* của bài 2 làm câu *phá* đề của bài 3; và tuần tự như thế *cho đến hết* thì lấy câu *phá* của bài 1 làm câu *kết* của bài chót.

Và còn nhiều loại biến thể khác nữa.

Thí dụ: bài thơ biến thể loại “*Yết hậu*”

- Anh nhè

*Sống ở nhân gian đánh chén nhè,
Thác về âm phủ cấp kè kè.
Diêm vương mới hỏi: “mang gì đây?”
Be!*

- Giữa ban ngày sãi ghẹo vãi

Sãi ghẹo vãi:

*Chùa vắng có ai mà!
Yêu nhau chút gọi là,
Rủ nhau ra hậu uyển,
ta ...*

Vãi mắng:

*Lẳng lơ cái mặt như ...
Cóc nhái cũng chẳng từ,
Tu hành đâu có thể!
hư!*

Tiểu tăng dọa:

*Hôm qua có chuyện hay,
Thầy ghẹo vãi ban ngày!
Bổn đồ không ai biết,
may!*

Sãi van:

*Chú tiểu thật là ngoan,
Chuyện thấy chớ nói càn!
Đêm rằm cho ăn oản,
van!*

(Tác giả (?))

Thí dụ: bài thơ biến thể loại “*Thủ vĩ ngâm*”

- Khóc ông Phủ Vĩnh Tường

*Trăm năm ông Phủ Vĩnh Tường ôi!
Cái nợ ba sinh đã trả rồi.
Chôn chặt văn chương ba tác đất,*

*Tung hê hồ thi bốn phương trời.
Cán cân tạo hóa rơi đâu mất?
Miệng túi càn khôn thất lại rồi.
Hăm bảy tháng trời đâu mấy chốc,
Trăm năm ông Phủ Vĩnh Tường ôi!
(Hồ Xuân Hương)*

II- THƠ CỔ PHONG

Thể thơ này có trước thơ Đường *chỉ cần có vần*, không cần đối, không cần theo niêm luật *bằng trắc* chặt chẽ, miễn sao *đọc cho êm tai* là được. Từ thời nhà Đường về sau vẫn được dùng, không theo Đường luật, hoặc nếu có thì chỉ một số câu theo luật mà thôi.

1- Số chữ

Lối này chỉ có số chữ trong câu là nhất định, hoặc *ngũ ngôn* (5 chữ) hoặc *thất ngôn* (7 chữ); ngoài ra, không phải theo thể lệ chặt chẽ như lối Đường luật, nghĩa là *không có niêm, luật, không phải đối* (một câu đôi khi có đối là tùy theo người làm thơ chứ không bắt buộc).

2- Số câu

Không hạn chế số câu: cứ từ *bốn câu trở lên*, muốn làm dài ngắn bao nhiêu cũng được. Các thi gia cũng thường hay làm một bài 4 câu (tứ tuyệt) hoặc 8 câu (bát cú), nhưng cũng có bài làm 6 câu hoặc 12 câu.

Những bài *thất ngôn* nào dài quá 8 câu, và *ngũ ngôn* dài quá 16 câu gọi là *trường thiên* hoặc *hành*.

3- Cách gieo vần

- Hoặc có thể cả bài dùng nguyên một vần tức *độc vận* (như lối thơ Đường)
- Hoặc dùng nhiều vần tức *liên vận*. Khi dùng liên vận thì:
 - hoặc *mỗi hai câu* mỗi đối vần tức mỗi cuối câu mỗi hạ vần,
 - hoặc *mỗi bốn câu* đối dùng một vần như lối thơ *tứ tuyệt*. Mỗi khi đối vần, câu thứ nhất hoặc có gieo vần hoặc không gieo vần cũng được

Thể thơ cổ phong đã dùng trong thi cử thời nhà Lý. Thời nhà Trần cũng vậy, trong kỳ thi có bài “ngũ ngôn trường thiên”. Ngũ ngôn trường thiên cũng được ra thi ở những khoa Đông các thời Hậu Lê.

Thí dụ:

**/ Ngũ ngôn cổ phong*

- Ngũ ngôn *tứ tuyệt độc vận*

Qui tiêu

*Rừng lau gió xao xác,
Chim hôm bay lác đác.
Gánh củi lưng thương vè,
Đường quen không sợ lạc.*

(Bùi Ưu Thiên)

- Ngũ ngôn *tứ tuyệt liên vận* (cứ 4 câu đối một vận)

Điền gia lạc (vui cảnh làm ruộng)

*Năm ngoài ruộng được mùa,
Nhà ta bốn cót thóc.
Ăn tiêu hãy còn thừa,
Bán cho con đi học.*

*Năm nay trời hạn hán,
Mười phần thu được ba.
Ăn tiêu đang lo thiếu,
May ra được mùa cà.*

*Con học không có tiền,
Cha phải đi vay nợ.
Nhà nghèo con học được,
Còn hơn tiền chôn lỗ.*

(Bùi Ưu Thiên)

- Ngũ ngôn *bát cú*

Đêm mùa hạ

*Tháng tư đầu mùa hạ,
Tiết trời thật oi ả!
Tiếng dế kêu thiết tha,
Dàn muỗi bay lả tả.
Nỗi ấy biết cùng ai?
Cảnh này buồn cả dạ!
Biếng nhắp năm canh chày,
Gà đã sớm dục đã
(Nguyễn Khuyến)*

*/ Thất ngôn cổ phong

- Thất ngôn *độc vận*

Tửu hữu (6 câu)

*Hôm qua có bạn, rượu lại hết,
Hôm nay có rượu, bạn không biết.
Cất đi đợi bạn đến lúc nào,
Cùng uống cùng vui trời đất tít.
Khi say quên cả ta là ta,
Còn hơn lúc tỉnh nhớ mà mệt.*

(Bùi Hữu Thiên)

- Thất ngôn *liên vận* (10 câu)

Cảnh tạo hóa

*Đá xanh như nhuộm, nước như lọc,
Cỏ cây hoa lá dẹt như vóc.
Trời quang mây tạnh gió dịu hiu,
Ai thấy cảnh này mà chẳng yêu.
Mới biết hóa công tay không vẽ,
Không mực không thuốc mà đủ vẽ.
Tay người điểm xuyết ra nước non,
Bể cạn non bộ nhỏ con con.
Sao bằng tiêu dao cùng tạo hóa.
Bốn mùa phong cảnh thật không giá.*
(Vô danh)

PHÚ

- Phú là loại *văn học cổ điển* của Trung Hoa có từ đời nhà Hán, du nhập vào nước ta từ đời nhà Đường, được dùng trong thi cử từ thời nhà Lý và được đặt trong vị trí rất cao.

- Phú thuộc thể loại “*bán thi bán văn*” tức nửa thơ nửa văn, mang tính lưỡng thể trong văn chương cổ và được phát triển song hành cùng với các thể thơ và văn khác.

- Phú có nguồn gốc từ *cổ thi* và *cổ văn*, thiên về trữ tình, triết lý, nghị luận dựa trên ngôn từ có vần và nhịp điệu.

Bao gồm những điểm đặc biệt:

- Trước hết phú là *tổng hợp* cả vần (vận), đối (biện văn), và tản văn (văn xuôi không vần không đối).

- Về *phong cách và thủ pháp*, phú mang tính cách khoa trương, phô bày cái vẻ đẹp của sự vật, sự việc và chí khí. Chính sự khoa trương ấy đã làm nên vẻ đẹp của thể phú. Và, người làm bài văn phú có thể vận dụng được tối đa tri thức, điển cố để cho nội dung triết lý, nghị luận trở nên vững chãi, rõ ràng và thuyết phục cao; làm cho ý tưởng tương đồng hay tương phản có lý lẽ thêm sắc bén trong nghị luận, tình cảm thêm sâu đậm trong tình cảm.

- Nhằm tăng tính cách trữ tình, bài phú có thể *chen vào những bài thơ ngắn* gọi là “*ca*”, cách gọi này để phân biệt thể phú và thơ.

- Một nét đặc biệt của phú là dùng những bài học lịch sử, thể nghiệm kim cổ đặt vào đoạn cuối bài nhằm để khuyên răn, đề bạt hay thỉnh nguyệt, dãi bày.

- Phú là thể loại văn chương thích hợp nhất để *thể hiện thực tài* và *có khả năng thẩm định giá trị của những bậc đại tài*. Như trường hợp Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi trong đời vua Trần Anh Tông. Trong khoa thi Thái Học Sinh năm 1304, do vì dáng người bé nhỏ và xấu xí nên vua không vừa lòng, không muốn bổ quan chức trong triều, Mạc Đĩnh Chi biết ý nên làm bài phú “*Ngọc tỉnh liên phú*” (Hoa

sen trong giếng ngọc) để tự ví mình dâng lên vua, được vua khen, thấy ông có thực tài nên phong chức tước. ■

NGUYỄN GIỤ HÙNG

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Tìm Hiểu Về Giáo Dục Và khoa Cử Thời Xưa - Trịnh Hoành (NXB Hồng Đức)
- 2- Bắc Kỳ Tập Lục a+b (người Pháp) - Phạm Văn Tuấn dịch (NXB Hội Nhà Văn)
- 3- Việt Nam Văn Học Sử Yếu - Dương Quảng Hàm (NXB Bộ Giáo Dục)
- 4- Văn Học Việt Nam- Dương Quảng Hàm (NXB Bộ Giáo Dục)
- 5- Việt Thi - Trần Trọng Kim (NXB Xuân Thu)
- 6- Phép Làm Thơ - Diên Hương (NXB Khai Trí)
- 7- Thơ Đường (Cuốn 1 & 2) - Trần Trọng san (NXB Bắc Đẩu)
- 8- Thơ Đường - Tản Đà (NXB Trẻ)
- 9- Tú Xương Con Người Và Tác Phẩm - Ngô Văn Phú (NXB Hội Nhà Văn)
- 10- Nguyễn Công Trứ Sự Nghiệp và Thi Văn - Nguyễn Xuyên (NXB Thời văn)
- 11- Lều Chông (Tiểu thuyết) - Ngô Tất Tố (NXB Đại Nam)
- 12- Bút Nghiên (Tiểu thuyết) - Chu Thiên (NXB Đại Nam)
- 13- Hồ Miền Nam - Huỳnh Ái Tông
- 14- Vài bài viết trên NET
- 15- Hình minh họa: trên NET

MỜI NGHE MỘT BẢN CA TRU

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH

Hát ca trù: Hương Sơn phong cảnh - Đào nương Vân Mai

VIETNAMESE PERSONAL PRONOUNS AND THEIR NOUMENON

Part 1/2

Van Uu Nguyen

ABSTRACT

This paper presents a compendium of Vietnamese personal pronouns, tracing their usage from historical to modern times. It demonstrates that these pronouns can be linked across languages, despite significant historical and geographical separation, even when they do not share the same grammatical function.

The etymological search for these pronouns often reveals that similarities do not stem from a common semantic root, but from a shared conceptual core, or **noumenon**—adapting Kant's concept of the unknowable "thing-in-itself" (as opposed to the *phenomenon*, which is reality as perceived and structured by the mind). To describe this, the paper introduces the new term **noumeme**, denoting lexicons from different languages that share a common noumenal origin. This concept provides an explanatory framework for phonetic and semantic similarities that traditional theories might dismiss as coincidental.

This fundamental distinction is further reflected in the contrast between the traditional Tree-and-Branch model of language evolution and the novel Tree-and-Soil Model proposed herein.

Study of the Vietnamese language has often overlooked the etymology and unique characteristics of its personal pronouns. This neglect may stem from the ongoing debate about the origins of the Vietnamese language itself and the lack of a reliable framework for etymological studies beyond the conventional distinction between Sino-Vietnamese and native Nôm vocabulary.

Recently, Nguyen [1] proposed a new approach—the **Admixture Theory**—based primarily on the *Tree-and-Soil* model, to explain the evolutionary formation of Vietnamese. According to this view, the language is a historical and evolutionary admixture of multiple languages and dialects, principally those in the surrounding region. The Tree-and-Soil model is interwoven with Kant's concept of the **noumenon** [2]—a non-descript term for “the thing in itself”—extended here to cover similarities between lexicons from different languages that share not only similar sounds but also a shared underlying meaning in their noumenon.

Of all the features of Vietnamese personal pronouns, two stand out as most distinctive:

1. Many pronouns are derived from kinship terms or the system of social-deference address.
2. The first-person plural pronouns (*we / us*) distinguish between inclusive and exclusive forms, marked by plural particles such as **chúng**, **tụi**, or **bọn**.

As will be shown below, both of these features have parallels in many languages and dialects of the region—parallels that, under the Admixture Theory, are considered constitutive components of Vietnamese in its evolutionary development.

This paper will examine some salient characteristics of Vietnamese personal pronouns, with reference to their counterparts in neighboring languages and dialects, followed by a brief description of the Admixture Theory of Language.

1. First-Person Pronouns

Vietnamese has a wide array of words for the first-person pronoun, including *Tôi*, *ta*, *tớ*, *tui*, *tao*, *mỗ*, *mình*, *miềng*, and *qua*. In addition, speakers often use terms that reflect their social role, such as kinship terms. These include *anh* (elder brother), *em* (younger sibling), *chị* (elder sister), *chú* (uncle), *cô/dì* (aunt), *cháu* (grandchild/niece/nephew), *Thầy/Cô* (teacher), *Bố/Ba* (Dad), *Mẹ/Má* (Mom), *Cậu* (uncle/young man), *Cô* (young lady), *Con* (son/daughter), and *Bác* (father's older brother/elder). The following section will examine the basic singular first-person pronouns, which are applicable to both genders

The pronouns *Tôi* and *Tớ* both mean "I/me." In some dialects, *Tôi* is often pronounced as *Tui*, which may follow a common linguistic rule of sound correspondence where the [u] and [ô] vowels alternate. The shift between [ô] (as in *tôi*) and [u] (as in *tui*) is thus linguistically natural and common across Vietnamese and other languages:

- *Kung Fu* ⇔ *công phu* (功夫)
- Mandarin 弓 [gong] ⇔ *cung* ("bow")
- Cantonese [jung] ⇔ *ông* 翁 ("mister" / "old man") ([ong] in Chaozhou Nanjing (elderly man, father) and Chamic (grand-father, old man))
- *tòng* ⇔ *tùng* (fir 松, subordination 从)
- *thúi* ⇔ *thối* (臭 [tə'iaũ] Wenzhou, [chiu] Hakka), etc.

This alternation supports the linguistic plausibility of **tui** being a natural phonetic variant of **tôi**.

However, historical sources suggest a different origin. Alexandre de Rhodes' dictionary [2] noted that in the 17th century, *Tui* was used mainly by country folk, and *Tôi* referred to a "servant" or "slave." For example, the terms *bầy tôi* (court gentry), *tôi tớ* / *tôi tá* (servant), and *tôi mọi* (slave/servant) all contained the pronoun. While it is commonly believed that *Tui* is a dialectal mispronunciation of *Tôi*, the two may have distinct etymological sources.

Applying Kant's concept of the noumenon [2] to understand the underlying meaning of related lexicons, it's possible that *tui* is a cognate of the Lao word *tua* (or Thai *dtua*), meaning 'self' or 'body.' This is similar to the Vietnamese pronoun *mình* (self, body). Conversely, *tôi* (the more formal "I/me" in modern times) may be related to the Hakka word *toi* (儔), which means "servant" and is pronounced as *đài* or *thải* in Sino-Vietnamese.

Early dictionaries, including Alexandre de Rhodes' *Annamite-Portuguese-Latin dictionary* [3], frequently identified terms like *tôi đòi*, *đầy tớ*, and *tôi tớ* (all meaning 'servant' or 'maid') as cognates of *Tôi* and *Tớ*. This is consistent with the modern Hakka and Cantonese pronunciation *toi* (儔), which also means "servant." The Mandarin pinyin for *toi* is *tái* or *dài*, corresponding to the Sino-Vietnamese *thải* and *đài*, which shows a clear connection between terms like *tôi đòi* and Mandarin *tai dai*.

Furthermore, *Tớ* appears to have phonetic similarities with several dialects, including Hakka [su] or [zut], Cantonese [syu] or [zeot], and Mandarin [zu] or [cu]. These pronunciations correspond to the characters 豎 or 卒, both of which mean "servant." A cognate of *Tớ* may also exist in the Hmong word *Tub*, with final 'b' as a rising tone marker, which is phonetically similar to the Vietnamese *Sắc* (acute) accent in *Tớ*. In the Tay-Nung dialect, *Khỏi* is equivalent to *Tôi*, carrying both the meaning of "I/me"

and "servant." However, when *Tớ* means "I/me," it could also be a cognate of the Lao word *to*: meaning "body" or "self."

In his work [3], Alexandre de Rhodes observed that the personal pronoun *Tớ* (I, me) was typically used to express anger, citing the example: "*Tớ đã làm chi người?*" (What have I done to you?). Here, *người* refers to a person of equal or lower social or kinship rank. However, this assertion appears to be at odds with both historical and contemporary evidence, as *tớ* is generally considered synonymous with *tôi*, a word that originally meant 'servant.' Supporting this, the Mường language [5] lists both [*tôi*] and [*tớ*] as 'servant,' while a plural form, *tàn tôi* or *chũng thôi*, denotes 'we/us.' The most commonly-used first-person singular pronoun in Mường is not *tôi* or *tớ*, but *Ho* (see below), whereas equivalent of *tôi* in Mường is *thôi*, which is *tôi* with an aspirated initial 't' [5].

The Vietnamese poet Nguyễn Du (1766–1820) consistently used *ta* (些) to mean 'I/me' in his epic poem, *The Tale of Kiều* [6]. This usage suggests a context of equality or a more impersonal sense of 'self,' similar to the English 'one' or the French 'on.' In contrast, he used *tôi* (碎) to indicate a lower social rank or to refer to the humble self or a servant. It is also worth noting that in *Kiêu*, there is no definitive evidence that [*tôi*] was the true pronunciation for the Nôm character 碎, as many Nôm dictionaries, such as [7], list this character for both [*tôi*] and [*tui*].

Historical and Regional Comparisons

Prior to the 19th century, words for the first-person pronoun included *Ta*, *qua*, *wa*, *tao*, *min*, *miềng*, and *mình* [5][12]. Notably, the formal lexicon for 'I/me'—*tôi*—was not among them until the 20th century. It was also common for terms like *mầy* and *tao* (you/me) to be used as intimate forms of address between spouses until the 20th century [8]. Interestingly, the Bengali language uses the phoneme [*tui*] for the second-person pronoun, equivalent to the archaic English word 'thou,' and Hindi तू (*tū*).

In modern Cantonese, the word 余 [*jy*] (Dư), also pronounced [*tseoi*], is a likely phonetic cognate of *Tôi* and is reserved for formal speech. In Minnan dialects, the pronunciation of this word is either [*y*] or [*i*], which is the same as 伊 [*i*], a phoneme for the third-person pronoun in various Chinese dialects and in Vietnamese (*y*). This is similar to the archaic Chinese word 予 [*yu*] (I/me), which has the sound [*y*] in Minnan—again similar to 伊 [*y*], which denotes the third-person pronoun—and [*hoo*], also in Minnan, which is very similar to the Mường word [*ho*] (I/me).

First-Person Pronouns and Social Status

The words *Tôi* and *Tớ* can also refer to a person's role as a servant, a concept that is concurrent with equivalent terms in other languages:

- **Khmer:** *kpom* [9] means 'I,' 'me,' 'my,' 'servant,' or 'slave.'
- **Lao:** *kʰápóm* [10] means 'I,' 'me,' 'servant,' or 'maid.'

Other languages also use humble terms in place of the first-person pronoun:

- **Chinese:**
 - 鄙人 [*bǐ rén*] (*bỉ nhân*) means 'your servant' or 'I/me.'
 - 妾 [*qiè*] (*thiếp*) means 'your concubine,' 'your humble wife,' or 'I/me.'
- **Persian:** *bandeh* means 'your servant' or 'I/me.'

- **Sanskrit:** While *aham* refers to the first-person pronoun 'I,' the word *dāsaḥ* is used to mean 'I/me' in the sense of 'servant' or 'slave' [11].

The Pronoun *Mỗ*

The pronoun **mỗ** is rarely used today as a first-person singular pronoun. It may be related to the Cantonese **mou** (某) and Minnan **mo**, which are general pronouns that can refer to a certain person. For example, *mỗ ông* (某翁) means "a certain old man." Huỳnh Tịnh Paulus Của's dictionary [12] lists **mỗ** (某) with multiple meanings: "I, me, I myself," or "that person/someone/a certain person." In Mandarin, the pinyin **mǒu** (mǒ) also means "a certain" or "some," but it can also be used to refer to oneself, similar to Vietnamese **mỗ**.

Interestingly, the Chinese compound *mo liàn* (磨练), which means "to forge (steel)" or "to temper," has *mo* (磨) pronounced similarly to **mỗ** and is often translated into Vietnamese as *tôi luyện* rather than *mỗ luyện*. This suggests that at some point, **mỗ** and **tôi** were interchangeable. It's worth noting that many 20th-century dictionaries listed *ma luyện* (磨练) as the formal Sino-Vietnamese equivalent of the Chinese term, perhaps unaware of the semantic connection between **mỗ** and **tôi**. In fact, the *ma* (磨) in *ma luyện* could be related to the Fujian and Chaozhou pronunciation **mua**, while **mỗ** is more similar to the pronunciation **mo** found in other dialects like Cantonese, Hakka, Minnan, Suzhou, Nanjing, and Wenzhou [4].

It's also interesting that **mỗ** as a first-person pronoun could correspond to **mó** (I / me) in Mường, **mo**: in Lao, which denotes a third-person pronoun (he, she, they) but can also more generally mean "physician" or "magician" [10]. Additionally, over a long distance, the sound of **mỗ** is similar to the French *moi* ("me") and is identical to the Tiv (Nigeria) word **mo** ("I/me").

The Pronoun *Mình*

In the Mường language and in some parts of Vietnam, **mình** is pronounced **miềnh** or **miềng** and means "I/me." In the 17th century, it was pronounced **mềnh** or **min** [3], and it primarily referred to the "self" or "body." As a first-person pronoun, **mình** is phonetically close to the Nanjing and Minnan pronunciation **ming** (面), which means "face" or "identity." These meanings align with the noumenal concept of **mình** as the self or as a word for the first-person pronoun. The Minnan, Mandarin, and Nanjing pronunciations for **ming** (面) is **mian**, which is very close to the Mường word **miềnh**.

The spelling **miềnh** is not permitted in the modern alphabetic Vietnamese script, which follows the orthography established by Pigneau de Béhaine and Taberd [13]. In terms of identity, **mình** can refer to one's body (*thân mình*), which is similar to the semantic connection between the Vietnamese *tui* ("I/me") and the Thai word **dtuaa** for "human body." (Note: According to the Admixture Theory, this similarity does not imply that one word is a loanword from the other. Instead, it suggests that the constituent language(s) that used **dtuaa** in Thai may be the same as the one that gave rise to **tui** in Vietnamese, with **tui** being an innovation that evolved from a word for "self" or "body." Practically this means **tui** and **tôi** may have different etyma.)

In modern usage, **mình** is typically used among people in a close relationship. It can sometimes be a second-person pronoun, as in "*Mình ơi, mình ở đâu?*" ("Darling, where are you?"). Lexically and noumenally, **mình** could be related to the Khmer word **miing** [9], which means "aunt" or can be a second- or third-person pronoun for an older woman. It could also be linked to the Mon word **min** [14], which is a demonstrative pronoun meaning "this" or "that." Additionally, the Mon phoneme **mìn** can mean "clasp to one's body." In Japanese, the word for body, 身 (*shin*) [thân], has the pronunciation *mi*

(み), which is phonetically very similar to the Vietnamese word **mình**, or second-person pronoun **mi** (you).

The Pronouns *Ta* and *Tao*

It is highly likely that both **Ta** and **Tao** (or **Tau**) have strong ties to the Mon-Khmer language family.

The archaic Burmese words for "I/me" are *Tjano* and *Tjama*, depending on the speaker's gender. The initial syllable, **Tja**, is very close to the Vietnamese **Ta**. The Lao word [*at-ta*] or Khmer [*?atta?*], which contain the sound **ta** and mean "self" or "soul" from the Pali word *atta* [15], could also be cognates of the Vietnamese first-person pronoun **Ta**. Other connections include the main Chamic word for "I/me," which is *tahlă'* (or *dahlak*). The Chamic phrase *khaol ita* (**chúng ta** in Vietnamese, or "we/us") contains the sound **ita**, which is very similar to the Vietnamese **ta**. Similarly, **Ta** has direct sound correspondences with Shanghainese *tza* (咱), Cantonese *zaa* (咱), Wenzhou *tsa* (咱), archaic Fujian *sa* (洒), and Cantonese *saa* (洒) [5], all of which mean "I/me."

Interestingly, the phoneme **ta** is also close to the Okinawan word *taa*, which is an interrogative pronoun like the English "who" or Vietnamese *ai*. The word 咱 (*zan*), which means "I/we," has a Cantonese pronunciation of *zaa* and a Shanghai pronunciation of *tza*, both of which are similar to the Vietnamese phoneme **ta**. This word is more common in northern China and is equivalent to 我 (*wo*, "I/me") or 我们 (*women*, "we/us"). In Vietnamese, **ta** can mean "I/me" as well as "we/us," especially when used with a plural marker like **chúng ta** ("we" inclusive), which is semantically and phonetically similar to 咱 (*zan*) or 咱们 (*zanmen*).

In the Zhuang language, **ta** is equivalent to the phoneme *gou*, which corresponds to the Tay-Nung sound *câu* for **ta**, as in *Boong Câu = Bọn Ta, Bọn Tao* ("we/us"), where *boong* is the equivalent of Vietnamese *bọn*. As previously mentioned, Nguyễn Du used **ta** interchangeably with **tôi** throughout *The Tale of Kiều* [6] as a common first-person pronoun, albeit with a slight difference in connotation. Intriguingly, the phoneme **ta** has an equivalent in the Shona language (Zambia), also named **Ta**, which denotes the first-person plural pronoun "we." While **ta** and **tao** are semantically equivalent, the plural form **chúng ta** is inclusive, whereas **bọn tao** ("we") is generally exclusive. The sound **tao** or **tau** is close to the Burmese *taw* ("I/me") and the Lao *tu*: ("we, us, I, me"). It is nearly identical to the M'nong word *tao*, which is a derogatory term for "you." Likewise, the Bahnar word for "you" is *to:j*, which is very close to the Vietnamese **tôi** ("I/me").

The Pronoun *Qua*

The pronoun **qua** is perhaps the least understood in Vietnamese. It is often mistakenly seen as a peculiar regional dialect word, likely because it is a homophone for the verb **qua** ("to cross, to pass by"). In reality, it has many cognates across a great distance. First, the Mường dialect has similar words, **Qua** or **Wa**, for the first-person pronoun "I/me," though they are more commonly used for the plural "we/us." Similarly, 我 (*gua*) is a Fujian word for "I/me," corresponding to Chaozhou *ua* and especially Hainanese *wa* (我), as well as the Mon word *oa* ("I/me"). The Chaozhou *ua* (我) could be noumenally related to the term *ga gi* (家己), which means "self."

In Alexandre de Rhodes' dictionary [3], **qua** is listed as equivalent to **tôi**, the first-person pronoun used for a speaker of a higher social rank. The same dictionary also contains a similar phoneme, **Ua**, which denotes the singular third-person pronoun (*nó*) and is the spelling for the modern word **va** ("he/him"). Interestingly, the Japanese language seems to have combined **Wa** and **Ta** into a single word for the first-person pronoun: *watashi* (私).

The phoneme **wa** itself could be connected to the archaic Chinese term *wo ren* (倭人), which denotes Japanese people, with *wo* pronounced as *wa* (わ) in Japanese. Alternatively, it could be related to the Chamic word *wa*, which means "uncle" or "aunt" (*wa likei* for father's older brother, *wa kamei* for mother's older sister), or the Burmese word *a-hpwa* for "grandfather" or "grandmother." In a similar vein, the phoneme **waa** in Bahnaric can also mean "uncle."

Finally, it is possible that the orthography of **qua** arose in place of **wa** due to the chosen alphabet of early Vietnamese script codifiers, such as Alexandre de Rhodes [3] and Pigneaux & Taberd [13]. Their alphabet excluded the consonant "w," which would have been appropriate for the sound [wa] but was rarely used in European languages. For example, French word *Ouolof* (in West Africa) is spelled *Wolof* in English, *William* in English is equivalent to *Guillaume* in French, and *wagon* in English could be spelled *ouagon* in French.

The Pronoun *Anh*

A relatively common first-person pronoun in Vietnamese, *anh* is typically used by a male speaker who is older than the listener, or to address an older male. It appears to be etymologically linked to forms such as [ʔənh], [ʔɛŋ], [ʔaŋ], [ʔéɛŋ], [ʔa:u], and [ʔaj] found in the Mon-Khmer language family, all of which denote "I" or "me," or [êŋ] in Chamic, denoting "self" as in [tahlāk êŋ] (I myself), [hâ êŋ] (You yourself). Related forms include *enh* in Mường and *ani* in Japanese, and more distantly, *ainé* in French, meaning "older."

Phonetically, *anh* may also connect to [hǎŋ] in Weitou (a Southern Cantonese dialect), which corresponds to 兄 [xiong] (Vietnamese: *huynh*), and to Lao [ʔây] or [ai], both meaning "older brother" or "older male." The Lao [ʔây] is close to Chamic [ai], which denotes either older brother or sister, and this Chamic [ai] resembles Munda [ai], referring to a maternal (younger) aunt.

In speech, *anh* conveys respect and seniority, and as an address term, it is noumenally equivalent to *ông* 翁, pronounced [ang] in Minnan, which closely resembles *anh*.

In Mường, the most common word for "I/me" is *ho* (used across *anh*, *chị*, *em*), which is phonetically similar to [hōo] 𑜋𑜰𑜫 (also pronounced [y]) in Minnan, and [hây] in Tày-Nùng. These forms are cognates for the first-person pronoun. Mường *ho* also resembles Shan [haw] [17], meaning "we/us" or "I/me". However, in Tày-Nùng, *hō* means "fellow" rather than "I/me." The Vietnamese *họ* ("they/them") corresponds to Tày-Nùng [hâu], while "I/me" in Tày-Nùng is expressed as [Ngỏ] or [Cầu], and "you" as [Ni], which are close to Cantonese [Ngho] 我 and [Ni] 你, respectively. Note that phoneme [ni] denoting *You* is the same for both Chinese (你 [nǐ]) and Tamil [nī].

Mường *ho* also shares phonetic similarity with [o] in Nanjing and Cantonese, dialectal pronunciations of 我 [ngo], the formal Chinese word for "I/me" (Mandarin: *wo*). In Vietnamese, *o* meaning "aunt" (*bà cô*) may be an innovation linked to Nanjing [o]. The Vietnamese *o* (paternal aunt) could also relate to Cantonese 阿姑 [aa gu], where 阿 [a] is pronounced [oo] in Minnan and [o] in Cantonese and Nanjing—identical to Vietnamese *o*. The structure of *o* (aunt) from [oo koo] (o cô) 阿姑 (Minnan) resembles that of *dù / ô*, abbreviated from 雨傘 [yu san] (Vietnamese: *vũ tán*), see below.

Metaphorically, the word *anh* (older male) may be linked to Khmer [ʔaŋ], Khmu [ʔe:ŋ], and Mon [ʔéɛŋ], which are close to Vietnamese *enh*, all denoting "I/me".

The Pronoun *Em*

The pronoun *em* refers to a younger male or female, typically a younger sibling. It has phonetic parallels with Mường *Ẽn*, and especially Khmer [ʔoon], which denotes the speaker as a younger

sibling. Interestingly, *em* may also be noumenally related to *enh* (Mường), denoting an elder male, and to Mon-Khmer [ʔe:n] (I/me) or Khmu [ən] (third-person singular).

In meaning, *em* is associated with youth, as in *em bé* ("baby"), and corresponds to Thai [awn]. Cognates include 嬰 in Chaozhou [êng], Hakka [en], and 儿 [er] in Mandarin. The Vietnamese *bé* in *em bé* may relate to 啤 [be] in Cantonese, a phonetic transliteration of "baby" or French *bébé*. (Note: Hakka pronunciation of 啤 [be] is [bia], also used for "beer.")

In the **Katu** and **Bru** languages, [ʔeem] or [ʔeim] means "younger brother or sister." This sound is similar to the Khmer term [ʔoon], a self-address term meaning "I" or "me" when speaking to an older person. The Vietnamese term **em** (I/me, used when speaking to an older person) has a similar sound to the Cantonese term 俺 [yim] and the Vietnamese term *yêm* meaning *tôi đây* (here I am), where the character 俺 [yim] in **Cantonese** can mean "I," "me," "younger brother," or "younger sister."

An archaic term for *em* is *tam*, which may be phonetically linked to 仔 [zai] in Cantonese and Vietnamese *tẻ/tử*, as well as Thai [aawn] and Lao [ɔ:n], all meaning "young" or "junior." The phoneme *tam* may also relate, more directly, to Hakka/Minnan [tiam] 梏, meaning "junior" (archaic). The poet-general Nguyễn Trãi (1380–1442) used *anh tam* (Nôm: 嬰三) in place of *anh em* (brothers) in his *Quốc Âm Thi Tập* (Collected Poems in the National Language):

"Núi láng giềng, Chim bầu bạn, Mây khách khứa, Nguyệt anh tam" ("Mountains as neighbors, Birds as friends, Clouds as guests, Moon as senior/junior brotherhood")

Here, *anh tam* (嬰三) reflects the Confucian concept of 长幼有序 [zhǎng yòu yǒu xù] (Vietnamese: *trưởng ấu hữu tự*), meaning "senior-junior order." The character 三 [tam] is phonetically equivalent to Hakka [tiam] 梏, which also means "junior." Nguyễn Trãi appears to be the only writer in the old literary world to use *anh tam*, as seen again in *Bảo kính cảnh giới* - Bài 47 (寶鏡警戒 - 第四十七 - Mirror of Wisdom, Poem 47) [33]: "Tuy rằng bốn bể cũng anh tam" (雖浪眾波共英三) ("Though the four seas are vast, all people are like brothers")

The Pronoun *Chị*

The pronoun *chị* (elder sister) has cognates such as [tsi], [chi], [zi] or [tse], [che] (姊) in Minnan (Fujian), the last [che] pronounced similarly to Vietnamese [ché], and comparable to Khmer [cae]. The Sino-Vietnamese reading of 姊 is *tỉ*, phonetically close to Minnan [tsi] and Vietnamese *chị*. The pairing of Vietnamese initial [ch] (as in *chị*) and Sino-Vietnamese [t] (as in *tỉ*) is also reflected in other word pairs like 茲 *từ* (now) and chữ/ 字/ 词 *từ / tự* (word) and *chữ* [18].

The Pronoun *Ai*

The pronoun *ai* is equivalent to "who" in English, used as an interrogative: *Ai đó?* ("Who is that?"). It shares the vowel [ai] with Thai [krai], Lao [phai], and Polynesian forms like [ai], [wai], and [hai] in Samoan, Māori, and Tongan. In Vietnam, [ai] appears in the Mạ and Kha ethnic groups, and is related to *aku* in Malay and *au* (I/me) in Polynesian languages.

In Chamic, [ai] denotes "older brother or sister" (*anh/chị*). It also relates to Bahnar [ʔaj] and English "I," as well as Palaung [aj], meaning "we two." Interestingly *ai* in Albanian is the third-person pronoun *He*, and in Bengali phoneme [ai] means *that*.

The phoneme [ngai] (我) with vowel [ai] in Hakka, used for "I/me," corresponds to the Vietnamese second-person pronoun *Ngài*, a respectful form akin to "Your Excellency" in English. *Ngài* may also relate to Cantonese 雙 [ngai], referring to "people of talent and virtue". The term *ngài* also exhibits

phonetic parallels with 位 (*wai*) in Cantonese, *ui* in Minnan/Chaozhou, and *vị* in Vietnamese, all of which convey a sense of respect when referring to a person. The sound [ngai/ or [ngaj] further resembles *người* (person/human being) in Vietnamese and its cognate in **Mường**, a closely related language.

This linguistic pattern extends to several ethnic minorities in Vietnam, where similar phonetic forms denote "person" or "human":

- **Nguồn, Sách, Mày, Rục**: [ngàj]
- **Sedang (Xơ Đăng)**: [môngê]
- **Ko Tua (CƠ TU)**: [moi ngàj]
- **Dêh, Triêng, Bahnar**: [ngaj] (Bahnar: [mơ-ngaj])
- **H'reh/Gie-Trieng**: [ma ngaj] [24].

As an interrogative, *ai* is equivalent to *đứa*:

Ai đã vào phòng này? – Đứa nào đã vào phòng này? ("Who entered this room?" – "Which person entered this room?")

Note that *đứa* must be paired with the interrogative particle *nào*, whereas *ai* can stand alone. Noumenally, *đứa* is cognate with Thai [dtuaa] and Lao [tua], meaning "self" or "body."

2. Second-Person Pronouns

Vietnamese second-person pronouns are deeply influenced by kinship and social hierarchies, a characteristic shared with many languages in the Mon-Khmer family and the wider region. Instead of a single "you," a person's kinship or social role relative to the speaker is often used. Some common examples include:

- **Anh**: Elder brother
- **Em**: Younger sibling
- **Ông**: Mr., Grandpa
- **Bà**: Mrs., Grandma
- **Cô**: Aunt
- **Chú**: Uncle

This system is similar to Khmer, which has 17 different words for "you" [25]. The Khmer words [bpaa] (father) and [bpuu] (uncle) are similar in both sound and meaning to the Vietnamese *cha* and *chú* (father and uncle), respectively.

Kinship Terms and Their Origins

Many Vietnamese kinship terms have clear links to other Asian languages:

- **Bác** (father's elder brother) and **Cậu** (maternal brother) have Cantonese cognates: [Baak] 伯 and [Kau] 舅.
- **Chú** (father's younger brother) appears to be a blend of the Cambodian [Bpuu], Fujian [chek] [su], Hakka [shug] and Mandarin [shu] 叔, which is *Thúc* in Sino-Vietnamese and [suk] in Cantonese and Hakka.
- **Thím** (wife of father's younger brother) is a sound correspondence of Hakka [tsim] and Minnan [chim] 嬭.
- **Cô** (father's sister) traces its origin to Wu [ku] or Fujian [kou] 姑.
- **Di** (mother's sister) comes from Mandarin, Hakka, and Cantonese [yi] 姨.

- **Mợ** (maternal brother's wife) has a cognate, [mou], in Cantonese, from 舅母 [kau mou], maternal uncle's wife

The Evolution of Pronouns

Modern Vietnamese, after more than two centuries of contact with the West and increasing urbanisation, has adopted more universal forms of second-person pronouns—similar to "You" in English or "Vous/Tu" in French. These include:

- **Bác**, originally meaning "father's older brother," now used to address older individuals with respect and/or courtesy, or close friends.
- **Chú** or **Cậu**, originally referring to "father's younger brother" or "mother's brother," now used for younger people or close friends.
- **Bạn**, originally meaning "friend," now commonly used to address peers or acquaintances, or as a general term equivalent to **You**.

These terms function as second-person pronouns, generally for males, and reflect a simplification of kinship terms. For example, **Bác** may refer to both paternal and maternal elder uncles, and sometimes even aunts or in-laws. Similarly, **Chú** is used for younger uncles, and **Cô** for aunts—paralleling kinship simplifications found in many Asian languages, especially in urban settings.

Thím: The wife of **Chú** (father's younger brother) is called **Thím**, which corresponds phonetically to Hakka [tsim] and Minnan [chim] 嬸. These forms also relate to Cantonese [sam] 孃, which influenced the Vietnamese word *xăm*, denoting a local Chinese woman. **Cô** (father's sister) has etymological roots in Wu [ku] or Fujian [kou] 姑, while **Di** (mother's sister) derives from Mandarin, Hakka, and Cantonese [yi] 姨, and Fujian [i]. The term **Mợ** (maternal uncle's wife) is cognate with Cantonese [mou], from [kau-mou] 舅母 or [kam mou] 妯母 [19].

Cụ is widely used to address elderly individuals, typically those of grandparental or parental age. It can denote a venerable old man (*Cụ Ông*) or woman (*Cụ Bà*), and is often interchangeable with *Ông* 翁 [weng], which shares the sound [ong] in Chaozhou, Minnan, and Chamic. *Ông* also corresponds to the Japanese kanji 翁 [okina]. While *Cụ* is traditionally linked to 故 [gu] (cố), meaning "deceased" or "past," this association conflicts with its respectful usage. A more plausible origin is 舊 [jiu] (old), with Minnan and Chaozhou pronunciations [ku] or [gu], closely resembling [cụ], as in 舊儒 [jiu ru], meaning "venerable Confucian scholar," equivalent to 宿儒 [su ru] (túc nho) [20].

Ngoại (maternal grandparent) originates from Chinese 外 [wai] in Mandarin and [ngoi] in Hakka, while **Nội** (paternal grandparent) comes from 內, pronounced [noi] in Cantonese. Interestingly, the CCDICT Chinese Dictionary (circa 2006) notes that 外 [ngoại] could also denote paternal relations, suggesting remnants of ancient matrilineal societies in China. Historically therefore, *ông ngoại* (外公 [ngoại gung], *ngoại công*), may have referred to the *paternal grandfather* in matriarchal times, contrasting with its modern usage for the *maternal grandfather*.

Vietnamese second-person pronouns and forms of social deference show similarities with Cantonese and Mùòng. One notable exception is the Cantonese [Nei] (Ni) and Mùòng [Da], used broadly across social ranks. For example:

- *Da ti no?* → *Mày đi đâu?* ("Where are you going?")
- *Da ăn chi?* → *Anh ăn gì?* ("What would you eat?")

However, *Da* may reflect a lexical shift, considering Hakka [za] for first- and third-person pronouns, and Vietnamese [ya] (va) for third-person pronoun. These phonetic similarities suggest metaphorical

transfers in pronoun usage, common in languages undergoing dialectal admixturing, or manifestation of shared *noumenon*..

A homonym of Mường *Da* ("you") in Vietnamese is *Da*, meaning "skin." Interestingly, *Da* (skin) corresponds to *Ta* in Mường and *Tao* in M'ong (a Mon-Khmer dialect), both of which are first-person pronouns in Vietnamese.

Ông / Bà: The most common respectful forms of "You" in Vietnamese are **Ông** (Mister) and **Bà** (Madam/Missus). *Ông*, meaning both Mister and Grandpa, has cognates in Thai [Ong], Chamic [Ong], and Burmese [U], all used to address elders. It also aligns with 翁 [weng] in Chaozhou, Minnan, Nanjing, and Wu dialects. *Bà*, meaning old lady, likely derives from regional terms for mother or elder woman, such as Indonesian [iBu], Thai/Lao [paa], and Southern Chinese dialects like Chaozhou [pua] or [bo] (婆), and [lao po] 老婆 (lǎo bà) for "wife."

Bạn: Ancient Vietnamese had a gender-neutral pronoun [Bau] [3], possibly related to Burmese [baun:] ("friend"). This evolved into *bậu bạn* or simply *bạn*, now used for addressing friends or acquaintances. *Bậu* may be a blend of [bạn] (朋) and [yêu] / [yǒu] (友 [hữu] [iu]), both meaning "friend." *Bạn* also relates to Khmer [bong] (senior), Cantonese [pang], and Shanghai [ban] for 朋 [peng], as well as Khmer [baan] (you/elder sibling). The compound *anh em* ("brothers") is equivalent to Chinese 兄弟 [xiong dì] (huynh đệ), and in Confucian contexts, denotes close friendship or colleagues, as seen in *anh tam* (嬰三) in Nguyễn Trãi's *Quốc Âm Thi Tập*.

Mi, Mà, Bay (Bây): These informal second-person pronouns are used for equals or inferiors. **Mà** may be linked to **Bay / Bây**, both bilabial in origin. In Mường, **Bay** corresponds to **Pay** (plural "you"), and resembles Mon [Bèh], used for inferiors. Alexandre de Rhodes noted **Bay** as less preferable than **anh em**. **Mi** is closely related to **Mình** (first-person "me") and shares phonetic ties with **Mi**, Mangic, Chamic and Mường second-person pronouns. Second-person pronoun *bây* and allomorph *bay* also correspond to 彼 [bi] (bì), meaning *that, that man, he /she, this* (*bây giờ*: now), pronounced [bei] in Cantonese and many other dialects.

Unlike kinship-based pronouns, **Mi/Mà/Bay** are "authentic" pronouns, lacking other semantic roles. Using noumenology and Kant's concept of the noumenon [2], the phoneme [bay] may connect to words for "two" in various languages: Basque [bi], Swahili [mbili], Khmer [bpee], Uganda [ibiri], Mon [ba], and the prefix bi- in European languages, e.g. bi-directional, bi-weekly, bi-monthly. This feature is very common in many languages, such as in Chinese, where the word for **You** (and **that**), 尔 [er], has similar sound to 二 [er] meaning number 2.

The phoneme [mi] in **Mi/Mà (You)** also appears in many languages as a pronoun: English: *me*, Czech: *mě*, Mongolian: *bi*, Dutch: *mij*, German: *mich*, Icelandic: *mig*, Irish: *mise*, Sanskrit: *mine*, Manx: *mish*, Serbian: *mi* (us), Mongolian: *mi* (we), Hungarian: *mi* (we), Russian: мы (we), Tagalog/Indonesian: *kami* (we), Finnish: *me* (we), Greek: εμεῖς (*emeis*) (we), etc.

Interestingly, second-person pronouns **Mi, Mà, and Bay** may also correspond to **mi / mà / bài** denoting *eyebrow* being a main facial feature representing identity, and also a twosome, see below.

3. Vietnamese Third-person Pronouns

The third-person singular pronouns in Vietnamese—such as *He, She, Him, Her, and It*—illustrate the contributory influence of various dialects and languages in the formation of the Vietnamese lexicon. This linguistic diversity is particularly evident in the extensive range of synonyms and compound words found in Vietnamese, which reflect a rich history of ethnic and linguistic intermingling.

A notable example is the abundance of Vietnamese verbs that correspond to a single English verb. For instance, the verb “to throw” or “to cast” can be translated into at least eight distinct Vietnamese verbs: *ném*, *liệng*, *quăng*, *chọi*, *đôi*, *thảy*, *vứt*, and *phóng*—each of which may trace its origin to different regional languages or dialects. Similarly, the verb “to carry” or “to bring” has no fewer than 30 Vietnamese equivalents, including: *ẵm*, *bồng*, *bé*, *mang*, *đem*, *chở*, *đèo*, *tải*, *vác*, *khuân*, *kiêng*, *xách*, *kèm*, *chuyển-vận*, *chuyên-chở*, *đeo*, *cầm*, *dẫn*, *đái* (*đôi*), *đảm*, *công kênh*, *ôm*, *công*, *quẩy*, *gánh*, *bê*, *độ*, *cáng-đáng*, *tha*, *bưng*, *mang*, *đội*, and *kẹp*. These verbs can be categorized according to their linguistic origins, underscoring the depth of cross-cultural influence.

Compound (or disyllabic) words are also prevalent in Vietnamese, often combining two synonymous elements derived from different linguistic sources. Examples include *đường xá* (road), *chín muồi* (ripe), *thân thể* (body), *thẳng tắp* (straight), *chia sẻ* (share), *tâm địa* (mind/heart), *chậm trễ* (late), and *xe cộ* (vehicles). For instance, in *đường xá*, *đường* may derive from Cantonese 衢 [dung] (alley, lane) or 堂 [tang] as in 弄堂 [long tang] (alley), while *xá* has cognates in Fijian [sala], Champa [salan], and Cantonese 岔 [cha] (forked road). In *chín muồi*, *chín* may relate to Cantonese [cing] 成 and Hakka [shin] 成, as in 成熟 [cheng shu] (mature, ripe), while *muồi* likely shares roots with Burmese [hmède], Tongan [momoho], French *mûr*, and Tamil [mudirnda].

This phenomenon of lexical contribution from diverse tongues is also reflected in Vietnamese third-person pronouns. Vietnamese generally lacks gender distinction in third-person singular pronouns, though certain terms are more commonly used to refer to males, such as *hắn*, *kẻ*, *gã*, *y*, and *va* (*ya*). However, when paired with demonstratives like “this” or “that”, gender is often implied through the accompanying noun. Examples include *ông kia* (that man), *cô ấy* (that young lady), *bà này* (this lady), and *anh nọ* (that young man), where *kia*, *ấy*, *này*, and *nọ* function as demonstratives.

Nó: Perhaps the most commonly used third-person singular pronoun in Vietnamese is *nó*, which is gender-neutral and frequently applied to both humans and animals, including birds and fish.

The Vietnamese third-person singular pronoun *nó* has cognates across a wide array of languages and dialects, reflecting deep historical and regional linguistic connections. In Mường, it appears as *nả*; in Hmong, *neu*; in Katu, *naw*; in Tongan, *ne*; in Mongolian *nar*; and in Chamic, *nyu* or *nau*, all denoting “he” or “she.” Interestingly, in Shanghaiese, the pronoun 儂 (*nong*) is used to denote “you” (both singular and plural), showing a phonetic resemblance to *nó*.

Among the P’u-Noi, an ethnic minority residing near the Vietnam–Laos border, the second-person pronoun *no* [26] is used to mean “you,” similar to Shanghaiese *nong* (儂), and phonetically identical to Vietnamese *nó*, which denotes the third person. Additional parallels include the Fuzhou phoneme *nũ* (汝) and Suzhou *ne* (侬), both of which resemble *nó* in sound but function as second-person pronouns. Interestingly second-person pronoun 汝 [rǔ] has Cantonese pronunciation [jy] very close to *You* in English. In Chamic, *nau* (he / him) corresponds to the Vietnamese *nẫu*, which also means “he/him” like *nó*, but carries a derogatory connotation.

Drawing from Kant’s concept of the *noumenon* [2], being the *thing-in-itself*, the pronoun *nó* can be etymologically linked to terms that denote individuals of lower social status. For example, the Chinese character 奴 [*nú*] (*nô*) appears in expressions like 其奴 ([*qí nú*] “that guy”; Japanese: そいつ *soitsu*) and 此奴 (*cǐ nú*, “this fellow”; Japanese: こいつ *koitsu*), where *nú* / *nô* connotes servitude or subordination, as in 家奴 (*jiānú*, “domestic slave” or “servant”). This semantic association suggests that *nó* may have historically carried implications of social hierarchy (see Table I).

Remarkably, the phoneme *nó* also exhibits long-distance historical and geographic resonance. In Sumerian, the pronouns *ni* or *na* denote “he” or “she,” [22] further reinforcing the cross-cultural continuity of this sound pattern.

From a noumenal perspective, *nó* (he, she, it) is closely related to demonstrative pronouns signifying “that.” The Chinese 那 (*na*, “that”) is pronounced *no* in Cantonese, nearly identical to Vietnamese *nó*. Similar phonetic forms appear in Bahnar as *nɛː*, in Old Khmer as *nɔh*, and in Vietnamese as *nọ*, all conveying the sense of “that.”

Thằng (as in *thằng đó*): Not a standalone pronoun, but used with demonstratives to mean “that guy,” often derogatory. Possibly derived from 童 [dong] (boy), pronounced [tang] in Minnan, very close to *thằng*. The disyllabic term *thằng tưng* used to denote a young Chinese boy in Vietnam has [tưng] close to Cantonese [tung] also written as 童 [dong] (boy). *Thằng* could also have cognate in *thange* (Burmese) denoting *boy* [21].

Hắn: Often conveys disdain. May be linked to 漢 [han] (fellow/guy), with dialectal pronunciation [héng]. It resembles *Han* or *Hann* (*He*) in Scandinavian languages (Danish, Norwegian, Icelandic).

Họ (they): Similar in sound to Maltese *hu* (he). In Mường, *Ho* (without tone) means “I/me.” Mường also uses *Lữ* for “they/them,” synonymous with Vietnamese *bọn* and *chúng*. *Lữ* may correspond phonetically to 婁 [lij] in Shanghai and [lei] in Cantonese, though [lei] in Wenzhou and Cantonese, though denoting paternal aunt-in-law. In the Wu language, 婁 (lǐ) is primarily used in the term 阿婁 (ā lǐ), meaning “wife”, but it is **not** typically used as a third-person pronoun. Hainanese phoneme [lu] (close to *lữ*) corresponds to 你 [ni] being second-person pronoun (*You*). Over long distance, *Lữ* evokes a similar sound [lu] in Sumerian [22] meaning *man*, *human being*, and *lui* (him) in French, whereas *Y* (see below) and *Hắn* have similarity with French *Il* and English *He / Him*.

Nàng: Third-person pronoun equivalent to *She / her*. **Nàng** has cognate in 娘 [niáng] with Cantonese sound [noeng] close to Sino-Vietnamese [nường], whereas phoneme *nàng* is close to Chaozhou [niang] and Weitou [nōng] [4]. Word 娘 [niáng] means *wife*, *married woman*, *young woman*, while Viet *nàng* is used as a literary and poetic term, carrying a sense of elegance, gentleness, and sometimes melancholy. For example, in Nguyễn Du’s *Truyện Kiều* (The Tale of Kiều): “**Nàng** rằng: ‘Lồng lộng trời cao, / Hại nhân nhân hại, sự nào tại ta?’” - 娘浪弄弄至高 / 害人人害事市在些 (**She** said: “The vast heavens above, / Harming others, others harm—was it my fault?”) [31].

Kẻ and Gã: The Vietnamese pronouns *kẻ* and *gã* exhibit notable phonetic and semantic parallels with pronouns across various regional languages. *Kẻ* corresponds phonetically to [ke], [kii], [goat], [kee], and [kei] in Khmer, and to [kəː] and [gəə] (meaning “he”) in Khmu [16]. Cognates also appear in Cantonese as [kei], [keoi], and [gei] (佢), and in Chaozhou as [ke] (渠), all denoting “he” or “she.” The Cantonese third-person pronoun 佢 (*keoi*) may be metaphorically or noumenally linked to 軀 (*keoi*), meaning “human body,” and shares semantic resonance with Lao [ka:y] and Burmese [kou], both of which also denote “body.”

The Chinese character 其 (*qi*, *ji*) functions as a third-person pronoun in both singular and plural forms. Its phonetic variants—Cantonese [gei], [kei], and Minnan [gi], [ki]—align with the Vietnamese *gã* and *kẻ*. Additionally, *gã* resembles [gar] in Palaung, which denotes the dual third-person pronoun “they two,” and [gà] in Akha meaning *a man*, *a guy*. From a noumenal perspective, *kẻ* may be related to [keh] in Katu, [ke] in Aslian, or *kia* in Vietnamese, meaning “that” [16].

Further connections emerge with Hmong pronouns *koj* and *kuv* (I/me), and Chamic *kow* (I/me), suggesting that *kẻ* may have historically encompassed broader personal reference. In Mường, *kẻ* is pronounced *ké*, and shares phonetic similarity with Rapanui *Ko ia* and Fijian *O Koya*, where *Koya* may also involve the phoneme *ya*, linking to the Vietnamese third-person pronoun *ya* or *va* (he/him).

Kẻ and *gã* are often used with demonstratives such as *ấy* and *đó*: *kẻ ấy*, *gã đó*. In Mường, the equivalent of *ấy* or *đấy* is *đi* [5]. For example, *ông đấy* (Vietnamese) becomes *ông đi* (Mường), and *bà ấy* becomes *mẽ đi*. Notably, the Vietnamese *sắc* tone typically corresponds to the *hỏi* tone in Mường: *đấy* → *đi* (“that”), *tiếng* → *thiêng* (“language/speech”), *nó* → *nà* (“he/she”), *chúng* → *chùng* (“they”), *đột phá* → *đột phá* (“breakthrough”). This tonal correspondence also appears in the Tây-Nùng language: *đỏ chói* (“bright red”) becomes *đeng chói*, and *chúng* (“group”) becomes *chùng* [23].

In compound form, *kẻ sĩ* (耆士) denotes a Confucian scholar (*nhà Nho*), with *kẻ* functioning as a homophone of the personal pronoun *kẻ* (佢). The character 耆 (*qi*, pronounced [kei] in Cantonese) originally meant “elder” or “scholar.” The disyllabic term *kẻ sĩ* is a Vietnamese innovation equivalent to *nho sĩ* (儒士), where *kẻ* (耆) replaces *nho* (儒, [jyu] in Cantonese), or to *sĩ giả* (士者), where *kẻ* assumes the lexical and grammatical role of *giả*. Lexically, *kẻ* and *gã* are interchangeable (*gã đó* = *kẻ ấy*), but their collocational usage differs. For example, one says *kẻ sĩ* (Confucian scholar) and *kẻ trộm* (thief), but not *gã sĩ* or *gã trộm*—the latter is more appropriately *gã ăn trộm*.

Importantly, *gã* can function as a standalone third-person pronoun, whereas *kẻ* typically cannot. For instance, in Vũ Trọng Phụng’s *Số Đó* (*Dumb Luck*):

“Gã tưởng mình khôn lắm, nào ngờ lại bị lừa như một thằng ngốc.” (“The guy thought he was so clever, but he ended up being fooled like an idiot.”) Here, *gã* is used independently, whereas *kẻ ấy* would not be interchangeable.

In Nguyễn Huy Thiệp’s *Tướng Về hưu* (*The Retired General*), *gã* is followed by epithets, again showing its distinct usage:

“Gã con trai hần cũng chẳng ra gì, suốt ngày đòi chia đất.” (“That son of his was no better—just whining all day about inheriting land.”)

TABLE 1: Guy / Fellow in 12 languages

English	Norwegian	Luxembourgish	Chinese	Dutch	Japanese
Guy	Fyr	Kärel	家伙 <i>jia¹ huó</i>	Kerel	そいつ ³
Fellow	Kar	Kolleg	伙计 <i>huó jì²</i>	Kerel	こいつ ⁴
Viet	Tatar	Cantonese	Bengali	Frisian	Acehnese
<i>gã</i>	Eget	傢伙 <i>gaa fo</i>	গৈ <i>gai</i>	Keardel	Agam
<i>kẻ</i>	Iptäš	哥仔 <i>go zai</i>	Shônggi	Keardel	Rakan

NOTES: 1. 家 [*jia*] = [*gaa*] in Cantonese; 2. 计 [*ji*] = *kẻ* (~ *kẻ*); Also: 哥们 [*gemen*]: fellow, dude; 3. Soitsu 其奴 [*qi nú*] = that guy; 4. Koitsu 此奴 [*cǐ nú*] = this fellow

Etymologically, *kẻ* and *gã* relate to two distinct roots: the Cantonese third-person pronoun 佢 (*keoi*), and the Chinese character 耆 (*qi*, pronounced [kei] in Cantonese and [ki] in Vietnamese), meaning “elder” or “senior,” as in 耆士 (*kẻ sĩ*, *kẻ sĩ* - Confucian scholar) or 耆宿 (*kẻ tú*, *túc nho* - respected intellectual). This leads to innovative Vietnamese expressions such as *kẻ trộm* (thief), loosely equivalent to 耆賊 (*kẻ tặc*, thief).

The character 其 (*qi*, Cantonese [kei])—a homophone of 耆 [*kí*—is used in Classical Chinese in conjunction with 奴 [*nú*] to form 其奴 [*qi nú, kì nō*], meaning “that guy,” pronounced ぞいつ [*soitsu*] in Japanese (see Table I). In some dialects of the Wu language group, 其 [*jí*] also functions as a third-person singular pronoun.

***Y* and *Va*:** The Vietnamese third-person pronouns *Y* and *Va* (he/him) exhibit phonetic and semantic correspondences with numerous languages across Asia and beyond.

- ***Y* and Its Linguistic Parallels**

The pronoun *Y* is derived from the Chinese character 伊 (*yí*), meaning “he,” and is pronounced [y] in Hakka, [i] in Fujianese, [ee] in Hainanese, and [i] in Sino-Korean. It also corresponds to [i] in Khasi (denoting “he/she”) and [i] in the Pirahã language of the Amazon, where it refers specifically to the female third-person pronoun (“she”). In some Shanghainese dialects, 伊 [*yí*] denoting *he / she*, is pronounced [hi] almost identical to English *he*. In some languages in West Africa, such as the Mande family (Mauritania, Mali, Senegal, Gambia), phoneme *I* [i:] is used as second-person singular pronoun, compared to English *I* (first-person pronoun), pronounced [i:] before the Great Vowel Shift, taking place between the 15th and 18th centuries.

Semantically, *Y* in Chinese can be interpreted as equivalent to the Vietnamese demonstrative *ấy* (“that”), as seen in the phrase *y nhân* (伊人), meaning “that person” or “he/she.”

- ***Va* and Its Evolution**

The pronoun *Va* appears in Alexandre de Rhodes’ dictionary as *UA* ([wa]), denoting the third-person pronoun equivalent to *Nó* or *Y*. The sound [ua] may be spelled as *wa*, which is also related to the first-person pronoun *qua*. While *Va* and *UA* do not appear in Taberd’s dictionary, they are recorded in Huỳnh Tịnh Của’s dictionary as 搗 [*va*], meaning “that person,” i.e., *nó* (he), alongside its more common meaning of “strike,” “hit,” or “collide” (*va chạm*).

The initial *V* in *Va* resembles the Khmer pronunciation [vie], which denotes “he,” “she,” “they,” or “it.” The Nôm character 搗 [*va*] is identical to the Chinese 搗 ([xuei]/[wei]), though the pronunciation and meaning differ. In Vietnamese, *va* as in *va chạm* (to collide) is a homonym of *va* (he/him), with its etymological root likely found in Khmer ប៉ះ [*pah*], meaning “to touch,” “collide,” or “come into contact”—closely aligned with *va chạm*. This nuance extends to expressions like *vả tai*, *tát tay*, or *bạt tay* (slap on the face).

- **Dialectal Shifts: *Va*, *Ya*, and *Da***

In the 20th century, *Va* was sometimes spelled and pronounced as *Ya* or *Da*, denoting *Nó* or *Y* (he/she). This shift may be attributed to the confusion between [ua]/[va] and [bya] (ba) in Taberd’s dictionary, where words beginning with 𑜋 (pronounced [by]) were transcribed with an initial 𑜊, leading to a phonetic transformation from 𑜋 [by] to 𑜊. Thus, *va* became *ya* through dialectal evolution influenced by alphabetic codification.

The phone *ya* for the third-person pronoun aligns with [‘ja] (he) in Old Mon, and *Da* in Mường, which denotes the second-person pronoun (“you”). This pronunciation also corresponds to:

- Cantonese [zaa] 𠎎 (“we,” “I,” “me”)
- Malay *dia* or *ia* (“he/she”)
- Tongan *ia* (he / she)
- Sinhalese *eya* (“he/she/it”)

- Polynesian *ia* (“he/she”)
- Hindi 3rd person singular (he/she/it): वह (vah) (formal/distant) and यह (yah) (proximate)

Vietnamese *Va* or *Ya* also shares cognates with Cantonese [ja] 𠵿 or 𠵿, older forms of 咱 (*za*), denoting a dual pronoun (“I/you”), equivalent to Vietnamese *ta* (“I/me/we/us”). Interestingly, *ja* or *ya* (he/him) also resembles West Frisian *hja*, meaning “they/them” or “she.”

Occasionally, *Yả* is used instead of *Ya* to emphasize “that fellow,” following constructions like *anh = anh ấy* (“that guy”), *cô = cô ấy* (“that girl”).

• *Ta* and Its Broader Connections

Vietnamese *ta* corresponds to 咱 [*za*] in Cantonese, denoting both singular and plural first-person pronouns (“I/me/we/us”). Its archaic forms 𠵿 or 𠵿 [*ja*] represent a dual pronoun (“I/you”). Phonetically, *ta* in Vietnamese closely resembles 他/她/它 [*tā*], the standard Chinese pronouns for “he/she/it.” The character 他 [*ta*] also conveys the meaning “other,” as in 他人 (*ta ren / tha nhân*) —“other people” or *người ngoài / người khác*.

The Sino-Vietnamese *tha* (他) is nearly identical to *tha* in the Wu dialect group, including Wenzhou [t’a]. The Tày-Nùng dialect also features the sound [te], similar to *ta*, denoting “he/she.”

• Demonstratives and Classifiers: *Cái, Kia, Ấy, Đây, Nọ, Nó*

Cái is commonly known in Vietnamese as a classifier (e.g., *một cái bàn*—“one table,” *sáu cái ghế*—“six chairs”) [27][28]. Though often thought to derive from Sino-Vietnamese *cá* (Mandarin [ge] 個), both *cá* and *cái* share identical sounds in Hakka ([ka], [kai]), corresponding to Mandarin [ge] and Sino-Korean [kay]/[gae]. These function as counting adjuncts to demonstratives like *này* (this) and *kia* (that): *cái này* (“this thing”), *cái kia* (“that thing”).

Demonstratives such as *kia*, *ấy*, *này*, *ni*, *nọ*, and *nó* have sound correspondences in various Chinese dialects:

- *Kia* aligns with Hakka [kia] 其 (that) being the same character used for *kẻ* and *gã* (he/she).
- *Ấy* corresponds to 伊 (*yī*), meaning both “that” and “he/she,” and is equivalent to *Ái* in Tày-Nùng.
- *Này*, *Ni*, *Nọ*, and *Nó* match Chinese 呢 (Hakka [ni], Cantonese [nei]—“this”) and 那 (Hakka/Cantonese [no], [naa]—“that”); Cambodian *nih* (“this”) and *nuh* (“that”), and Lao [*nî*] (this, that, here.)

Over long distances in geography and history, words like *nó* or *nọ* resemble Sumerian *ne* (“this one” or “that one”), while *na* or *ni* in Sumerian denote “he/she,” with *ni* also meaning “body.”

• Tonal Merging and Pronoun Formation

In some regions, the demonstrative *ấy* or *ý* merges with the preceding noun, often resulting in a single word with a *hỏi*-tone (*hook-accent*). This tonal shift is logical, as the *hỏi*-tone approximates a *huyền*-tone (*grave-accent*) followed by a *sắc*-tone (*acute-accent*). Examples include:

- *Thầy ấy* → *Thầy ý* → *Thầy* (that teacher)
- *Thằng ấy* → *Thằng ý* (that boy, that guy)
- *Bên ấy* → *Bển* (that side, that place)
- *Cô ấy* → *Cổ* (that girl)
- *Bà ấy* → *Bả* (that woman, that lady)

4. Plural Personal Pronouns

A common way to make Vietnamese personal pronouns plural is to add a plural marker like **chúng**, **các**, **bọn**, or **tụi** to the beginning of the singular pronoun. For instance, **tôi** (I) becomes **chúng tôi** (we). This is different from languages like Chinese, where a suffix is added to the end of the pronoun, such as 我 **wǒ** (I) becoming 我们 **wǒmen** (we). A summary of principal plural markers for Vietnamese personal pronouns is given in Table II.

TABLE II: Vietnamese Plural Personal Pronouns

	Singular	Plural (Markers)	NOTES
First-person	Tôi, tớ, qua ¹ , tui ² , mỗ, ta, tao, mình, em, anh, chú, bác, ...	Chúng ³ , Bọn ⁴ , Các, Quý, Tụi, Mớ ⁵ , Đoàn, Nhóm, etc.	Chúng tôi: We, (exclusive); Chúng ta (We, inclusive)
Second-person	Mi, mày/ mầy, anh, chị, cô, chú, bác, Ông, Bà, Cụ, ...	As Above (generally)	Tụi này= we, exclusive. Này=ni= this.
Third-person	Nó, cô ấy, anh ấy, hã, kẻ đó, gã, Y, va (ya), ...	As Above, generally. See also <i>Họ</i> and <i>Đứa</i> below.	Bọn đó= Bọn nó= they. Đó= that; nó: he/she ⁶

NOTES: 1. Mừng *qua* denotes *chúng tôi*, *chúng tao*, *chúng em*, *chúng tớ* (first-person plural pronouns) [5], with no clear distinction as to *inclusive* / *exclusive*, and possibly equivalent to *tụi qua* or *mớ qua* in Viet. Use of *qua* denotes person of higher social ranking [3]; 2. *Tui* though equivalent to *tôi*, often has *tụi tui* as plural form. Likewise, *mỗ* does not seem to have plural form; 3. *Chúng tôi* (We) is *exclusive*, whereas *chúng ta* (We) is *inclusive*; 4. *Bọn* plural marker for personal pronouns is equivalent to *Boong* in Tay-Nung: *Boong Hây* (We, inclusive) / *Boong Câu* (We, exclusive), *Boong Mầu* (You, plural), *Boong Te* (They), equivalent to, respectively, *Puak Ku* (We), *Puak Mừng* (You), *Puak Nò* (They), with *Te* and *Nò* being third-person singular pronouns (He/She/It); 5. *Mớ qua* (exclusive)= *chúng tôi* (We/Us) [3]; 6. *Bọn* is **not** collocatively used with *gã* or *kẻ*, as *bọn gã* / *bọn kẻ*, to form third-person plural pronoun *they* / *them*.

It is noteworthy that many Vietnamese plural markers for personal pronouns have linguistic connections to various Chinese dialects:

(i) Structural Parallels in Chinese Dialects

Chinese plural pronouns typically use suffixes as plural markers:

- **Mandarin:** The suffix 们 [men] forms plurals such as 我们 [women] (we/us) and 她们 [tāmen] (they/them, female). The sound [men] closely resembles the English word “men,” the plural of “man.”
- **Cantonese:** The suffix 哋 [dei] follows the singular pronoun, e.g., 我哋 [ngo dei] (we/us), 你哋 [nei dei] (you, plural). The character 哋 combines 口 [kou] (mouth/person) and 地 [dei] (land/group), symbolizing a collective.
- **Shanghainese:** Uses 拉 [la] as a general plural suffix, e.g., 阿拉 [ala] (we/us), 伊拉 [yila] (they/them). The suffix 拉 implies extension, fitting its pluralizing role.
- **Hainanese:** Employs suffixes [nang] or [ni]: 我依 (wa-nang) / 我们 (wa-ni) (we/us); 汝依 (lu-nang) / 汝们 (lu-ni) (you); 伊依 (i-nang) / 伊们 (i-ni) (they/them).

- **Chaozhou (Teochew):** Uses 人 [nang] (persons) as a suffix: 我人 (ua-nang) (we/us), 伊人 (i-nang) (they/them). The sounds [ua] and [i] correspond to Vietnamese *qua* (tôi – I/me) and *y* (nó – he/she).

(ii) **Quý (貴) as a Prefix for Respectful Second-Person Pronoun**

Quý is traditionally used to show respect in second-person pronouns. Derived from the Chinese character 貴, it means “esteemed” or “honorable,” and is pronounced [gwi]/[kwui] in Hakka, [kui] in Fujian, and [kwi] in Sino-Korean.

(iii) **Các (各) for Second-Person Plural**

Các denotes “many,” “every,” or “all,” and is used almost exclusively for second-person plural pronouns. It closely resembles 各 [gag] in Chaozhou and 各 [gog] in Hakka. For example, *các vị* (you ladies/gentlemen) corresponds to 各位 [gag ui] in Chaozhou. As a respectful prefix, *các* (閣) appears in *các hạ* (閣下 – Your Excellency, Sir), being a term of address reserved for the other person of higher social status..

(iv) **Bọn (幫 / 班) as a Group Marker**

Bọn means “group” and aligns with Cantonese 幫 [bong], Wu 幫 [paon], and 班 [baan]. It corresponds to *Boong* in Tày-Nùng, used in plural pronouns like *Boong Hây* (we), *Boong Câu* (we), *Boong Mầu* (you), *Boong Te* (they).

The word *Boong* (group) in Tày-Nùng resembles Khmer *Bouung* (friend). Tày-Nùng does not differentiate between [N] and [NH] endings, e.g. ‘an’ and ‘anh’, ‘tin’ and ‘tinh’, a distinction prominent in Fujian dialects.

(v) **Tụi (隊) as a Plural Marker**

Tụi (隊), pronounced [tui] in Hakka, means “team” or “group.” It is commonly used with first-person pronouns: *tụi tôi* (we/us). For third-person plural, demonstratives are added: *tụi đó*, *bọn ấy* (they/them), where *đó* and *ấy* are demonstratives meaning *that*.

(vi) **Lũ as a Third-Person Plural Pronoun**

Similar to *tụi* and *bọn*, *lũ* appears in *lũ ấy*, *lũ đó* (that bunch). It may be linked to 囍 [dūlu], meaning “cluster” or “noisy bunch,” or cognate of 佬 [lu] meaning a guy, fellow, bloke, similar to [lu] in Sumerian, denoting *a male, human being*.

(vii) **Chúng (眾) Meaning “Crowd”**

Chúng means “many” or “crowd,” and is pronounced [chung] (眾) in Hakka. It corresponds to *chúng* in Tày-Nùng and *chững* in Mường, metaphorically linked to *chủng* (種 – race).

(viii) **Đoàn / Đàn and Mường Tàn**

Đoàn and *Đàn* correspond to *Tàn* in Mường, used in plural pronouns like *Tàn Miềnh* (we), *Tàn Ha* (we), *Tàn Pay* (you), *Tàn nả* (they). Lexical correspondence of these words is: *Tàn Miềnh*= *chúng tôi* (We) → *chúng mình / chúng tôi* (Viet); *Tàn Ha*= *Tàn Qua* → *Chúng Ta* (We /us) (Viet); *Tàn Pay* (You) → *Chúng bây / chúng mày* (Viet); *Tàn nả*= *Tàn lũ* (They) → *chúng nó* (they), where ‘Tàn’ is equivalent to Vietnamese *Đàn* or *Đoàn* or *toán*, Sino-Korean [tan], related to Chinese character 團 [tuan], or 啍 [tan], meaning ‘group’ or ‘many’, respectively. Though no longer used to form pronouns

in modern Vietnamese, *Đàn* retains meaning in phrases like *Đàn Chim* (flock of birds), *Đàn Bà* (women), *Đàn Ông* (men), *Đoàn Thanh Niên* (youth group).

(ix) *Liên Ông – Liên Bà* in *Quan Họ* Folk Singing

In expressions such as *liền anh / liền chị* (brothers/sisters) or *liền ông / liền bà* (gentlemen/ladies), the term *liền* may be derived from the Chinese character 連 (*lián*), which conveys meanings of continuation, relay, or connection. This interpretation aligns with a defining feature of *Quan họ* folk singing—its alternating call-and-response format between male and female singing groups.

In this context, *liền* functions as a substitute for *đàn*, *đoàn*, or *toán*, and is semantically linked to various pronunciations of 連 (*lián, liǎn, liàn, làn*), all of which emphasize the notion of sequence, teamwork, or relay. A fitting example is the phrase *tiếp nhị liền tam* (接二連三), i.e. *tiếp hai liền ba*, meaning “connect two, link three,” or metaphorically, “events happening one after another.” *Liền* in *liền ông / liền bà* could also be connected with 联 [*lian*] denoting *continuation, connection* or *union*, such as in *bộ liễn* being 对联 *đối liễn* (couplets) or 四联 *tứ liễn* (quadruplets) hung in walls, as part of literary and decorative culture.

Thus, *liền ông* can be understood as equivalent to *đàn ông* (men), and *liền bà* to *đàn bà* (women), with the added nuance of coordinated or alternating group participation—particularly relevant in the performative and communal setting of folk singing.

(x) *Mớ* as an Archaic Plural Prefix

Another “archaic” prefix used to form the plural of personal pronouns is *Mớ*, as documented in both Alexandre de Rhodes’ and Huỳnh Tịnh Của’s dictionaries [3][12]. For example: *Mớ Tôi* = *Mớ qua* = *Chúng Tôi* (we/us), and *Mớ Anh* = *Các Anh* (you, plural). The use of *Mớ* to denote plural pronouns appears to have been lost in translation during the rise of *quốc ngữ* (alphabetic Vietnamese). Similar to *Đàn* (or *Tàn*) mentioned earlier, *Mớ* eventually became restricted to specific collocations, such as: *Mớ quần áo kia* (those clothes), *Mớ tiền dành dụm* (the money saved), *Mớ cơm còn lại* (the rice left over).

In terms of sound correspondence (see Table II), *Mớ* aligns with Mandarin pinyin [*mǐ*] 彌 or 沘, which corresponds to Cantonese [*mei*], Khmer [*mii*] (មី), and Vietnamese *mấy*, meaning “many” or “numerous,” among other interpretations.

A comparable prefix used to form plural pronouns is [*mya*] in Burmese. For instance: *kyunaw* (I) becomes *kyunaw-mya* (we), and *khinbya* (you) becomes *khinbya-mya* (you all). The suffix *-mya* in Burmese also conveys the meaning of “many,” much like *mớ* or *mấy* in Vietnamese.

Additionally, the Burmese suffix *-mya* is equivalent to *-dō*, which is also used to indicate plurality: *kyunaw* (I) becomes *kyunaw-dō* (we), and *thu* (he/she) becomes *thu-dō* (they). The suffix *-dō* may be etymologically linked to the Chinese word 多 (*duō*) (pronounced [*do*] in Hakka, Chaozhou, and Cantonese), which also means “many.”

(xi) *Nhóm* as a Collective Pronoun

The term *nhóm*, as used in expressions like *nhóm tôi* (we, exclusive), *nhóm (các) anh* (you, plural), and *nhóm các chị đó* (they), does not appear to have direct cognates in Chinese dialects. However, it is closely related to lexical items denoting assembly, gathering, or collective action—such as [*ho:m*] or [*ɲũm*] in Lao [10], and *nhóm* in Mường, as in *nhóm củi lải* (Mường) = *nhóm củi lại* (Vietnamese), meaning “to gather firewood together.” In this *gathering* sense, *nhóm* could be cognate of 撿 [*jian*] pronounced like [*yiam*] in Hakka, close to *nhóm* (i.e. *nyóm*).

Additionally, the disyllabic word *nhóm họp* (to meet or convene) reflects this semantic field. The component *hợp* is etymologically linked to *hạp*, *hợp*, and *hiệp* (合), all conveying the idea of union or agreement. The pronunciation of *hợp* is notably close to [ho] in Nanjing dialect, or [hap] in Hakka [4].

(xii) *Họ* as a Standalone Third-Person Pronoun

The third-person plural pronoun *Họ* can be used both in speech and writing as a stand-alone form—without any plural marker, prefix, or suffix. As previously mentioned, *Họ* (they/them) corresponds to *Ho* in Mường, which traditionally means "I/me" in the context of siblings (brother or sister). The phonetic form [ho] (I/me) in Mường is also close to [hōo] 予 (also pronounced [y]) in Minnan, as well as [hây] in Tày-Nùng—these are likely cognates for "I/me." In Vietnamese, *Họ* (they/them) may also be cognate with 戶 [hu], which in Fujian dialect is pronounced [ho], nearly identical to Vietnamese [họ], and denotes a household or all members within it—i.e., "they/them," with its variant *hộ* 戶 (family / home).

(xiii) *Đứa* as Plural Pronoun or Interrogative Pronoun

Another word used in plural pronouns is *đứa*, which is noumenally connected to Thai [dtuaa] and Lao [tua], both meaning "self" or "body." As a plural pronoun, *đứa* is commonly used with numerals, such as:

- 2 *đứa này* – "Two of us," "Both of us," "We two," "Us two", "You two"
- 5 *đứa đó* – "Five of those guys," "Those five guys"
- 2 *đứa mày* – "You two," "Both of you"
- *Mấy đứa kia* – "Those fellows"

Đứa also functions as an equivalent to the interrogative pronoun *Ai* (who), as in: *Đứa nào lấy sách của tôi?* = *Ai lấy sách của tôi?* – "Who took my book?" This usage aligns with its noumenon association with "self" or "body" in Thai and Lao. Furthermore, *đứa* may be cognate with Chamic *dua*, a plural suffix—as in *anak* (child) becoming *anakdua* (many children)—suggesting a substrate link to the concept of body or self.

(xiv) Inclusive We and Exclusive We

A notable feature of Vietnamese first-person plural pronouns is their ability to distinguish between inclusive and exclusive contexts.

- **Inclusive We** refers to usage that includes both the speaker and the audience. Examples include: *Chúng ta*, *Chúng mình*, *Tụi mình*, *Bọn mình*, *Hai ta* (you & me). The dual form *Hai ta* is comparable to inclusive dual pronouns found in many languages, such as Hmong and Polynesian languages (Tahitian, Samoan, Tongan, Fijian, and Māori). In Cantonese, the equivalent "we two" (you & me) is written as 𨮒 and pronounced [zaa], which closely resembles Vietnamese *Ta*. In the Cham language, Inclusive We (*Chúng ta*) is expressed as *Khol ita* or *Khol Trey*, with *Khol* corresponding to *Chúng* in Vietnamese.
- **Exclusive We** excludes the audience from the reference group. Examples include: *Chúng tôi*, *Tụi tôi*, *Bọn tôi*, *Hai đứa tôi* (we two), *Hai đứa này*, *Bọn này*, *Tụi này*, *Tụi mình*, etc. In Chamic, the Exclusive We (*Tụi tôi*) is rendered as *Khol Tahlăk*.

5. Kinship Terms

A summary of Vietnamese Kinship Terms is given in Table III. Most of these terms can be used in place of first- or second-person pronouns, and sometimes third-person pronouns.

A brief examination of Table III above could reveal the complex etymological roots of Vietnamese lexicons. In particular, the prevailing view that many Vietnamese words, particularly kinship terms and everyday lexicons, are purely indigenous (**Thuần Nôm/Thuần Việt**) is a simplification. In reality, these words often have deep connections to other languages and dialects in the region. These connections aren't limited to similarities in pronunciation and meaning but extend to how words are formed and adopted.

It is apparent from Table III that many monosyllabic Vietnamese words were formed from disyllabic words in other languages through a process of lexical transfer. This process can be observed with the words **Mợ** (uncle's wife) and **Dượng** (aunt's husband):

- **Mợ**: This word likely originated from the Cantonese phrase 舅母 [kau mou / cậ mợ] (uncle's wife), where 母 [mou], evolving into **Mợ**, means "wife" or "mother," but retains the meaning of 舅母 [kau mou] as *uncle's wife*.
- **Dượng**: This term is believed to come from the Minnan phrase 姑丈 [go diong / cô dượng] (paternal aunt's husband) or the Cantonese 姨丈 [ji zoeng / dì dượng] (maternal aunt's husband), where 丈 [zoeng], evolving into **Dượng**, means "husband," but retains the meaning of 姑丈 [go diong] as *aunt's husband*.

Table III: Summary of Kinship Terms

Vietnamese	Sound Correspondence ¹	Sino-Viet.	汉语 ¹	Chinese Sound
Cậu	kau (C) / maternal uncle	cầu	舅	kiu (H) giu (Mi)
Mợ	mo (H)/maternal uncle's wife	mẫu/ mô 母	母	mou (C) mo (H)
Bác	baak (C)/ older paternal uncle	bá / bách	伯	baa (C) paq (Sh)
Chú	shu(N) su (Mi)/younger uncle	thúc	叔	suk (C)
Thím	sim (H) (T)/ uncle's wife	thăm / xăm	婶	sam (C)
Ông	ong (Mi)/ grandfather	ông / ôn	翁	ong (Mi)(T), on (W)
Cô	kou (W) gu (H)/ paternal aunt	cô	姑	ku / kou (W) gu (H)
Dì	yi (H)(C) / maternal aunt	đi	姨	yi (H)(C)(W)
Dượng	dióng (Mi) / aunt's husband	trượng 丈	姑丈	zoeng (C) (cô trượng)
Cha / Tía	tia, dia (T, W) ya (H) ² /father	đa, đả, da	爹, 爺	dia (T) ya (W)
Bố / Ba	baa (C) ba (T/Mi) bo (N)/Dad	ba (bố)	爸爸	ba-ba (T/Mi), papa (F)
Mẹ/Má/Mợ	maae(Th)maa(C)mātu(P)/Mom	má/mẫu/mô	媽/母	ma (Mi)mou (C) mo(N)
Anh	?anh (K) ³ /elder brother	huynh	兄	hiung (H), hang (We)
Chị	zi (C)(T) / older sister	tì	姊	tsy (W)
Em	?eem (Katu) ⁴ / brother, sister	đệ / đễ	弟	de (Mi)(T)(W)
Nội	noi (C) /paternal grandparents	nội 內	內	noi (C)
Ngoại	nguai (H)/maternal grandparent	ngoại	外	nguai (H) ngoi (C)
Cụ	[ku] Minnan /venerable, elderly	cụu	舊/旧	kiu (H) ⁵
Cổ	gô [koo] (Mi) great grandparents	cổ	故	[go] [koo] (Mi) ⁵

NOTES: 1. W: Wu language group, **Mi:** Minnan, **C:** Cantonese, **H:** Hakka, **T:** Teochew (Chaozhou), **N:** Nanjing, **We:** Weitou, **Sh:** Shanghai, **K:** Khmer, **F:** French, **P:** Pali, **Th:** Thai, 汉语: **Hanyu** (Chinese); **2.** In **Shanghai**, the character 爹 is pronounced [tia]. In **Nanjing**, it's pronounced [die]. Both

sounds are similar to the Vietnamese word for father, **tía**. In the **Wu language group**, the phone [tya] 爹 for "father" is closer in sound to the Vietnamese word **cha**. Another character 爺 or 爷 (ye) can denote the paternal side of the family or father. For example, in **Teochew**, 爷 is pronounced [dia] (father), very close to **tía**, and 爷爷 [yaya] means paternal grandfather. **3.** The Japanese *kunyomi* reading of 兄 [ani] (older brother) corresponds in sound to the Khmer term [ʔanh], which is a self-address term, equivalent to *I / me*, used when speaking to younger people. **4.** In the **Katu** and **Bru** languages, [ʔɛm] or [ʔɛim] means "younger brother or sister." This sound is similar to the Khmer term [ʔoon], a self-address term meaning "I" or "me" when speaking to an older person. The Vietnamese term **em** (I/me, used when speaking to an older person) has a similar sound to the Cantonese term 俺 [yim] and the Vietnamese term *yê*m meaning *tôi đây* (here I am). The character 俺 [yim] in **Cantonese** can mean "I," "me," "younger brother," or "younger sister." **5.** **Cự** is related to 舊/旧 [ku] in Minnan, [kiu] in Hakka and [cự] in Viet, whereas **Cố** corresponds to 故 [go] [koo] in Minnan, with 故老 [cố lão] referring to an elder with good experience and knowledge. Both **Cự** and **Cố** are Vietnamese innovation using Chinese lexicon.

Further evidence of this is seen in the word 丈 [**zoeng**] itself, which means "husband." Its pronunciation in different Chinese dialects shows clear similarities to various Vietnamese words for "husband":

- Cantonese [zoeng] 丈 is close to Vietnamese **Dượng**.
- Minnan [diong] [tiong] and Weitou [zöng] 丈 are similar to the Sino-Vietnamese word **trượng** (as in **trượng phu** 丈夫).
- Hakka [chong] 丈 is very close to the common Vietnamese word **chồng** (husband).
- Wu [jan] 丈 is similar to **đôn**, another word for "husband."

This pattern of adoption from two-syllable phrases and subsequent phonetic assimilation into single syllables is not consistent with traditional etymological methods. Instead, it aligns with a **Pidgin-Creole** process involving lexical admixture and absorption, where the new word doesn't necessarily retain the full meaning and sound of the original. A classic example of this is the word for "umbrella," where the Vietnamese words for umbrella, **đù** or **ô**, serve as a prime example of this admixture process. Their origins are not in a single, simple root, but rather in disyllabic Chinese words like 雨遮 [**yu zhe**] (rain cover) or 雨傘 [**yu san**] (rain umbrella). The Vietnamese words **đù** and **ô** are phonetic transfers of only the first syllable, 雨 [**yu**], which means "rain." See below.

Similar phonetic correspondences are found in other fundamental Vietnamese words:

- **Tía**: The Vietnamese word for "father," **Tía**, has a sound similar to 爹 / 爺 [dia] [tia] in the **Chaozhou** and **Minnan** dialects.
- **Cha**: Another word for "father," **Cha**, is phonetically similar to [tia] [tya] [ya] in the **Wu** language group for 爺 / 爷 [ye].
- **Bố**: The word **bố** (father) has a sound correspondence with Nanjing [bo] 爸.
- **Ngoại**: The word **ngoại** (maternal grandparents) is linked to Hakka [nguai] 外.
- **Cự**: The word **Cự** (great-grandparent) can be traced to 舊/旧 [jiu], pronounced [kū] in Minnan, which closely resembles the Vietnamese pronunciation [cự].

- **Cố:** The word **Cố** (great-grandparent) is believed to come from 故 [gù] [gǔ], pronounced [kòo] [go] in Minnan, which is phonetically very close.

In all, Table III shows that phonetic correspondence between Quốc Ngữ (alphabetic Vietnamese) and Chinese dialects represents a dimension often overlooked in traditional etymology. Another dimension, explored in the main text, involves analyzing meaning through usage and collocation.

Let us illustrate novel dimensions in etymological research informed by noumenology, using the lexical transfer of the Chinese terms 雨遮 [yǔzhē] or 雨傘 [yǔsǎn] into the Vietnamese words for 'umbrella'—*dù* or *ô*—as a case study.

Word *dù* or *ô*, denoting *umbrella*, is merely phonetic transfer of the first word 雨 [yu] meaning *rain*. The essence of Vietnamese term *dù* or *ô* meaning *umbrella* could be interpreted as lexicon being *inert*, like the assertion “A is A”. In fact, both sounds, *dù* and *ô*, relate to the Vietnamese word **vũ** (雨), which means “rain.” Specifically, the sound of **vũ** is very close to the Wenzhou sound [wu] or Hakka sound [vu] for the same character 雨 [yu]. The words *dù* and *ô* are a shortened form of the Hokkien term 雨遮 [yu zhe], pronounced [ô zia], or the Cantonese phrase 雨遮, pronounced [jyu ze] (*dù che*, *vũ che*) which literally means “rain cover.” So, the sounds [dù] and [ô] correspond to the word **vũ** (rain) (雨), while the full two-syllable word **vũ già** (雨遮) means “a thing that covers from the rain.” Another word for *umbrella*, equivalent to 雨遮 [yu zhe], is 雨傘 [yu san], where only the second word 傘 [san], as a picture of *umbrella*, has the meaning of *umbrella*. The first word 雨 [yu] only denotes *rain*, pronounced [wu] in Wenzhou, [vu] in Hakka, close to [vũ] in Sino-Vietnamese, [yu] in Shanghainese, [jyu] in Cantonese, like **dù** in Vietnamese, and [hO] in Fujian or [u] in Chaozhou, similar to *ô* (umbrella) in Vietnamese.

It's interesting to note that the Mường language doesn't use the words **dù** or **ô** for “umbrella,” but instead uses the word **dà**. Although **dà** appears to be inert, it is actually the word **già** written in Vietnamese (from **vũ già**). This corresponds to the Hakka sound [za] or the Hokkien/Teochew sound [zia] for the character 遮 [zhe] (i.e. *che*), which means “to cover.” The Vietnamese “Nôm” sound for 遮 [che] corresponds to the sounds [ze] and [zhe] in Cantonese, Mandarin, or Nanjing, all of which mean “to cover.” The Mường language also uses two other words for “umbrella”: **dân dă** and **dân dù**. The word **dă** in **dân dă** is the same as **dà**, which corresponds to **già** in **vũ già** (雨遮), just like the Hakka sound [vu za] which means “rain cover.” The word **dân** in **dân dă** or **dân dù** is very likely to correspond to the sound [yang] in 洋傘 [yang san], which means “a Western-style umbrella.”

Analyzing the etymology of **dù** and **ô** (umbrella) requires a few different approaches:

- First, we shouldn't focus on an inert meaning where **dù** or **ô** simply translate to “rain cover.” This is similar to how the French words *parapluie* (rain cover) and *parasol* (sun cover), or the English word *umbrella* (shade cover), or the Cantonese word 雨遮 [jyu ze] (rain cover) are not the sole focus.
- Second, we shouldn't get caught up in the distinction between Sino-Vietnamese and purely Vietnamese words. This distinction, being *inert* in character, only tells us that the Sino-Vietnamese word for the character 雨 (rain) is **vũ**, and only **vũ**. This distinction can't tell us that **dù** or **ô** correspond to **vũ**, or that **vũ** is a sound very close to the Hakka sound [vu] or Wenzhou [wu] [4] for the character 雨 [yu] (rain).
- Third, we shouldn't focus on whether Vietnamese and Chinese belong to the same language family, or which words were borrowed.

- Fourth, the varied pronunciations of **dù**, **vũ**, **yũ**, **yù**, **vú**, **ô**, and **hô**, all corresponding to the character 雨 [yǔ] [yù], arise from a broad and multi-faceted linguistic analysis. All the possible Vietnamese pronunciations, **dù**, **vũ**, **yũ**, **yù**, **vú**, **ô**, and **hô**, corresponding to 雨 [vũ], have 4 different tones in all, while **vũ** and **vú** (雨) are identified as Sino-Vietnamese readings [20], likely reflecting phonetic transcriptions of Mandarin **yǔ** and **yù**. Both **vũ** and **vú** also align with the Hakka pronunciation [vu] or the Wenzhou form [wu], though **vú** is seldom, if ever, used. These distinctions—extending beyond variation in Chinese dialects—underscore the dualistic character of alphabetic Vietnamese, which typically enforces a one-word-one-tone orthography and pronunciation, exemplified by **vũ** serving as the standard Sino-Vietnamese rendering of 雨 [yǔ]/[yù]. This contrasts with the more “non-dualist” tendencies of Chinese characters or Nôm script, where tonal and phonetic variation is accommodated with greater flexibility.

To add more detail, **dù** corresponds to **ô**, just as [yu] corresponds to [o]. Both of these sounds correspond to the sound of 雨 [jyu] in 雨遮 [jyuze] (Cantonese) or 雨 [o] in 雨遮 [o zia] (Minnan), meaning "rain cover," which is what an umbrella is. In contrast, and it's worth repeating, the Mường language calls an umbrella **đả** or **đã**. This corresponds to the Vietnamese sound [già] or the Teochew sound [jia], which is the word *che* (遮), pronounced [ze] (遮) in Cantonese, being "(a thing to) cover from rain" (雨遮).

In summary, there are more than three different languages that help explain the organic and meaningful coincidence of the words **dù** and **ô**. The sounds of these words are different, and they are also different from the sound of **vũ** which corresponds to the character 雨 [yu] (rain), and different from the Vietnamese word **vũ** (雨) which corresponds to the Hakka [vu] or Wenzhou [wu] for the word 雨 [yu] meaning *rain*.

Different from traditional etymological search, the search for etymon of **dù** and **ô** (umbrella) is similar to that of *Dượng* (aunt's husband) above, and relies on the concurrence of sound correspondence between **dù** and 雨 [yu] (Shanghainese), [jyu] (Cantonese) AND **ô** and 雨 [hoo] [u] Minnan, both related to **vũ** (雨 (rain)) being similar in sound to Hakka [vu] and Wenzhou [wu], being part of **vũ già** 雨遮 [yǔzhē] or **vũ tản** 雨傘 [yǔsǎn], denoting *umbrella*.

The "dù" / "ô" structure (in place of "vũ tản" 雨傘 [yǔsǎn],) is very similar to the use of the French abbreviation "télé" for TV, which in turn stands for television. This "dù" / "ô" structure has also been used to find the etymology of "biển" (sea) and "bể" (sea), or of "chồng" (husband), "chàng" (young man), or "dượng" (uncle/stepfather).

According to this structure, it's highly likely that the Vietnamese word for the *sea*, "biển" or "bể", is a shortened form of the Chinese words 海邊 [hǎi biān] or 水邊 [shuǐ biān], meaning basically *sea* or *water borderline*. The pronunciation of [biān] corresponds to [biển], while in Cantonese, 海皮 [hoi pei] has the sound [pei], which is close to [bể]. All these terms mean "coast," "seaside," or "coastal area." The character 邊 [biān] (biên) has a Hakka pronunciation very close to [biển] and a Wu-Yue pronunciation [pie] similar to [bể]. The sound [bể], replacing [biển], is also very close to 皮 [pei] in Cantonese 海皮 [hoi pei] (seashore/coast). This corresponds to [pe] in Hokkien, pế in Mường (as in *rêu pế* meaning "seaweed"), and [bi] in the Wu language.

It's important to note that the Taberd writing system did not allow for the initial consonant [p] to be followed by a vowel, like [pế]. That is, a labial-labial consonant followed by a vowel must be [b] (bể) or [ph] (phê). Another example is the word **đậu phộng** (peanut). Today, we can trace **lạc** = **phộng** =

bổn by combining the noumenon (essence) with an understanding of the Taberd system's rules, which did not permit the consonant [p] to be followed by a vowel. The noumenon of **đậu phộng** reveals that it's a type of legume/bean that grows in clusters with the roots of the plant. The word for "root" in Thai is **[raak]**. The initial sound of this word can shift between [r] and [l], both of which are alveolar sounds, resulting in **[lạc]** (a type of legume that grows on the roots). The connection **lạc = rễ** (root) can be verified through the word **phộng** in **đậu phộng**, because **phộng** is a phonetic transcription under the Taberd system where the initial sound [p] is forced to change to the aspirated [ph], such as in **phải trái** (Mường: **phải trái**), or to [b], such as in **bưng bít** (Mường: **pâng pít**), meaning *to conceal*. The word "root" corresponds to the Chinese character 本 **[bễn]**, which means "bổn," "bản," "vốn" (origin, root, capital). It has two main meanings, "stem" and "root," and has many different pronunciations in various local languages, such as **[ben]**, **[beng]**, **[bung]**, **[bun]**, **[pen]**, **[pon]**. A sound like **[pen]**, **[pon]**, or **[pong]**, when transcribed using the Taberd national language codification system, would most likely become **phộng**, which carries the meaning of "root," just like **lạc**. Therefore, **đậu phộng** can also be called **lạc**.

6. Admixture Theory and the Tree-and-Soil Model

The analysis of personal pronouns, especially in Vietnamese, shown above, reveals several key characteristics:

- **Shared Linguistic Roots:** A Vietnamese pronoun's sound may be similar to a pronoun in another, historically or geographically distant language. These "counterpart" pronouns may not be the same grammatical type. This suggests that these similarities stem from a shared core concept, or "noumenon," that is not a direct phonetic or grammatical connection.
- **Noumenal Origins:** The shared "noumenon" is the underlying concept from which the word for the pronoun is derived.
 - Many pronouns originate from words for parts of the body, soul, or concepts like self and identity.
 - Specifically, second- and third-person pronouns often come from demonstrative words like **"this"** and **"that"** or from words related to the number two (2).
 - It is thus possible to coin a new term, being **noumeme** which can be used to depict lexical relationship between:
 - the Old English word *wæt*, meaning "wet", and *wæter* being *water*, in modern English, *wiet* and *wetter* in Frisian, respectively, correspond to the Vietnamese word *ướt* (wet) and *nước* (water), all being *noumemes* of one another. Interestingly *ướt* (wet) was originally spelled as **uốt** (wet) equivalent to **wót** [3], which is very close to Old English *wæt* for **wet**.
 - The Vietnamese word *Bắc* (North) and the English word *back* (as in "back of the body") [32], or *nóng* (hot) and the phoneme [nong] in *Shennong* (神農), the ancient deity of agriculture and **fire**. Here *nóng* (hot) and [nong] in *Shennong* are said to be **noumemes**.
 - Sharing the same *noumenon*: **nhật** (sun), 日 [rì] [mì] and **nhật** (heat) 热 [rè], similar to Kanji 日 (**nichi**, Sun) and 热 (**netsu**, heat) in Japanese.
 - English word **heat** and **hot**, **heat** and **Heol** (Sun in Breton), **Heol** (Breton) and 열 [Yeol] (*heat* in Korean) and **Ilios** (Sun in Greek).

- In Chinese, the word for "ear" is 耳仔 [er zai] [er zi] (Cantonese pronunciation: [ji zai]). The first character 耳 [er] phonetically resembles 二 [er], meaning "two." This similarity suggests a conceptual link between "ear" (two ears) and the number "two," implying a shared noumenon rather than mere coincidence. The second character 仔 [zai], pronounced [tsai] or [zai] in Hakka, closely resembles the Vietnamese word *tai* (ear).
- In Vietnamese, 耳 [er] corresponds to *nhĩ* (Hakka: [gni]), and 二 [er] (two) to *nhị* (Hakka: [gni]). Most notably, the phoneme [er] 耳 in Chinese, meaning "ear," closely resembles the English word *ear*, Swedish *öra*, German *Aur*, and Danish *øre*, among others. The character 耳 [yi], meaning "earlobe," is pronounced [hei] in Cantonese, which closely resembles the Vietnamese word *hai* (two). In the Tay-Nung language, *Hai* refers to the moon, which is considered **second** to the sun. Interestingly, the Tay-Nung word *nhĩ* is used to denote the number two, and the phrase “hai nhĩ” refers to the waning moon or the second phase of the lunar month.
- **Kinship and Social Influence:** Many Vietnamese pronouns are derived from kinship terms or social titles, which is a common feature in many languages in the region. However, increasing urbanization and contact with Western languages are leading to a simplification of these terms.
■

Part 2 to be continued below.

Van Uu Nguyen

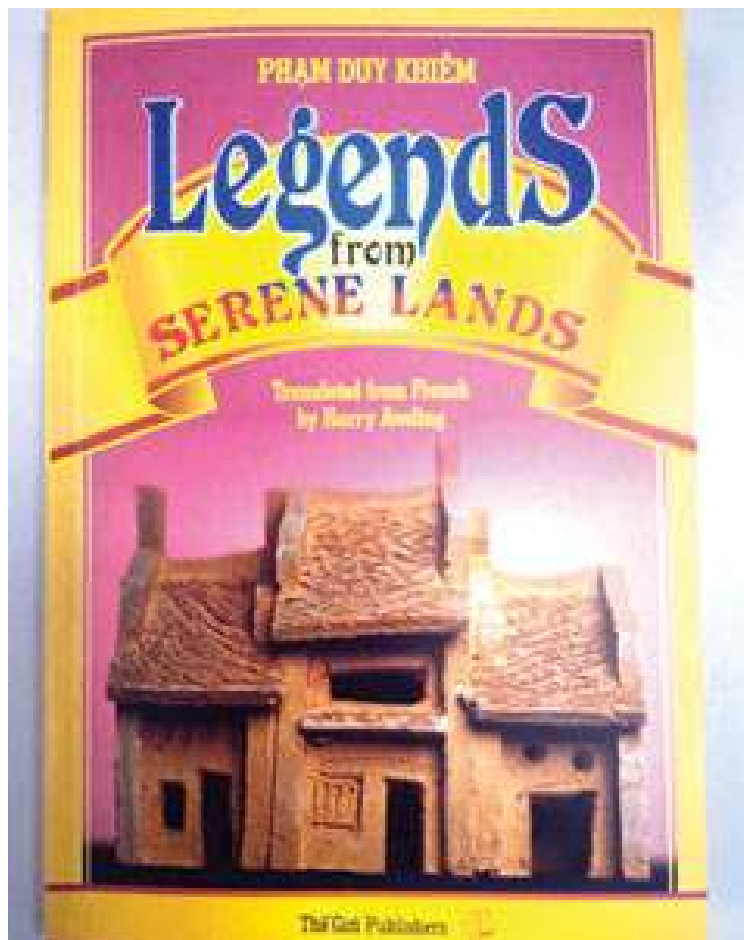
Truyện Trương-Chi Anh-ngữ

Nguyễn-Lê-Hiếu

Nhân đọc bài *Trương-Chi*, học-giả Hà từ bên Úc góp ý “*Bài viết giới hạn trong ‘Pháp thoại’... nhưng ông Harry Aveling đã tìm thấy truyện Trương Chi là một truyện Tàu! Như vậy là (nên bàn thêm) Anh Pháp Việt Hân một nhà, càng vui.*” Rồi học-giả chuyển cho tài-liệu liên-hệ, “*The Princess and the Fisherman*” do Aveling viết, in trên UNITAS ⁽¹⁾ như gián-tiếp khuyến-kích học-hỏi tìm-hiểu thêm.

Tác-giả Harry Aveling trước đây đã dịch cuốn *Légendes des Terres Sereines* của Phạm-Duy-Khiêm ⁽²⁾; rồi viết bài nghiên-cứu *Love’s Crystal (Khối tình)* ⁽³⁾... Lần này, ông tu-bổ bài-viết cũ với nhan-đề như ghi ở trên. Ông là giáo-sư phụ-động (Adjunct Professor) của trường Đại-học (ngoại)-ngữ, Văn-chương, Văn-học và Ngôn-ngữ-học của Monash University ở Victoria, Úc. Ông nghiên-cứu nhiều về văn-hóa văn-chương Đông-Nam Á, đặc-biệt là Indonexia (Nam-dương), Mã-lai-Á và Việt-Nam. Chúng tôi viết tiếp bài này để tri-ân sự ân-cần chỉ-bảo và thúc-dục của học-giả Hà.

Công-trình của GS Harry Aveling rất bao-quát. Không những chỉ dịch sang Anh-ngữ cuốn sách của Phạm-Duy-Khiêm—Aveling chú-trọng đặc-biệt vào chuyện đầu-tiên, *Le crystal d’amour*, trong đó chỉ ghi hai nhân-vật chính là *le pêcheur* và *la fille* lúc trẻ ở thời-điểm đầu sau thay bằng *la femme* ở giai-đoạn cuối; nhưng ở Việt-Nam, ai cũng biết đó là truyện Trương-Chi và My-nương—Aveling lại nghiên-cứu rộng-rãi trong khi dịch, và đã phát-hiện ra là câu chuyện đầu kể trong cuốn *Légendes* (1942) thực-sự đã được trình-bày trên đài phát thanh từ bốn năm trước, năm 1938, trước thế-chiến thứ hai. Bài phát-thanh được ghi lại trên báo *Le Monde Illustré*, tháng 5 năm 1938, dưới nhan-đề *một truyền-thuyết An-nam (Une légende Annamite)*. Thế là ông lại dịch thêm cả bản trước, mà ông gọi là bản dài (Longue Version LV) còn bản in sau đã dịch, ông gọi là bản ngắn (Short Version SV). Trong quá-trình nghiên-cứu, ông xếp hai bản LV và SV trên trang giấy, trong hai cột song-song để so-sánh từng đoạn của mỗi bài.



Bài nghiên-cứu So-sánh hai bài nói và viết của Phạm-Duy-Khiêm.

Ông chia bản dài LV thành 17 đoạn; nếu bản dài LV có 17 đoạn thì bản ngắn SV chỉ có 14, nghĩa là thiếu ba đoạn: đoạn 1, 11 và 15. Đoạn 1 là đoạn giới-thiệu diễn-giã; bản ngắn SV không có đoạn 1; có nhiều lý-do chính-đáng: SV trong cuốn sách có ghi rõ tác-giả là ai; còn với đài-phát-thanh—lúc đó chưa có phát hình—thì cần có phần giới-thiệu diễn-giã. Đoạn đó cũng là cơ-hội cho diễn-giã tự giới-thiệu và định-vị, cho mình là *thầy giáo già* chuyên về các môn thường coi là khô khô, đứng trên bực cao để nói “*xuống*” với khán-giả Pháp (và cả Việt nữa); Aveling suy thêm rằng Phạm-Duy-Khiêm xếp dân Việt ngang hàng với dân Pháp—và có thể còn cao hơn nữa về mặt văn-hóa. Phạm-Duy-Khiêm nói nhiều lần—giải-thích nhiều lần, và có phần “*khoe-khoang*”—vài nét đặc-thù về nếp sống văn-hóa ta cho khán-giả/độc-giả Pháp lãnh-hội. Ông tự cho mình là *một giáo già dạy nhiều môn có tiếng là khó* nhưng lúc đó, ông mới có 30 tuổi đời; vậy cái tính-từ *già* ở đây chỉ vào kinh-nghiệm giảng-dạy chứ không phải theo tuổi-tác thực ngoài đời. ⁽⁴⁾

Đoạn 11 cũng vắng ở bản SV; còn bên bản LV, đó là lúc Phạm-Duy-Khiêm tiếp-tục trình-bày sơ-sơ cho thính-giả Pháp, tâm-hồn của người người Việt ta, tuy sống chốn xa-xôi nhưng lúc này, cũng cùng chung văn-hóa, và đọc các sách chung với người Pháp; nói cách khác, *không ai thua kém chi ai*! ⁽⁵⁾

Đoạn 15 không có ở bản SV là vì đó là lúc ở bên bản LV, diễn-giã Phạm-Duy-Khiêm giải-nghĩa hai cụm-từ “*ngợ-tình*” và “*khối-tình*” trong hai câu Kiều trích-dẫn.

Đại-khái bản SV thiếu ba đoạn ngắn có lý-do hiểu được; thiếu ba đoạn 1, 11 và 15 đã đành nhưng ngay trong cả 14 đoạn hiện-hữu ở cả hai bản thì nhiều đoạn trong SV cũng viết ngắn và gọn hơn; còn trong LV, Phạm-Duy-Khiêm có nói hơi dông-dài. So-sánh giữa bản SV và LV thì đoạn 14 SV chỉ bằng nửa đoạn 14 LV (4 dòng so với 10 dòng), đoạn 12 (2 dòng so với 8), đoạn 8 (7 dòng so với 21).

Aveling ôn lại tỉ-mỉ và kỹ-lưỡng từng đoạn một; và đưa ra nhận-xét—*hay suy-diễn*—rằng Phạm-Duy-Khiêm muốn đòi-hỏi vị-thế ngang-bằng với người chủ “*thuộc-địa*” (*to claim equality with the colonial master*) và có khi còn muốn chơi trội hơn (*push for the superiority of a people whom the French may at first consider inferior to themselves*). Nói chung, Aveling phê-bình văn-bản SV trầm-tĩnh ngắn-gọn trong cuốn sách (khác hẳn trong văn-bản dông-dài LV) là do sự thỏa-hiệp nội-tâm để cân-bằng những yếu-tố bản-sắc đa-nguyên cá-nhân: Phạm-Duy-Khiêm tựa như mang mặc-cảm, thấy mình là người Việt, có nền giáo-dục Pháp và hãnh-diện về dân mình và văn-hóa dân-tộc mình, không thua người Pháp. ⁽⁶⁾



Khảo-cứu về tích Khôi-tĩnh

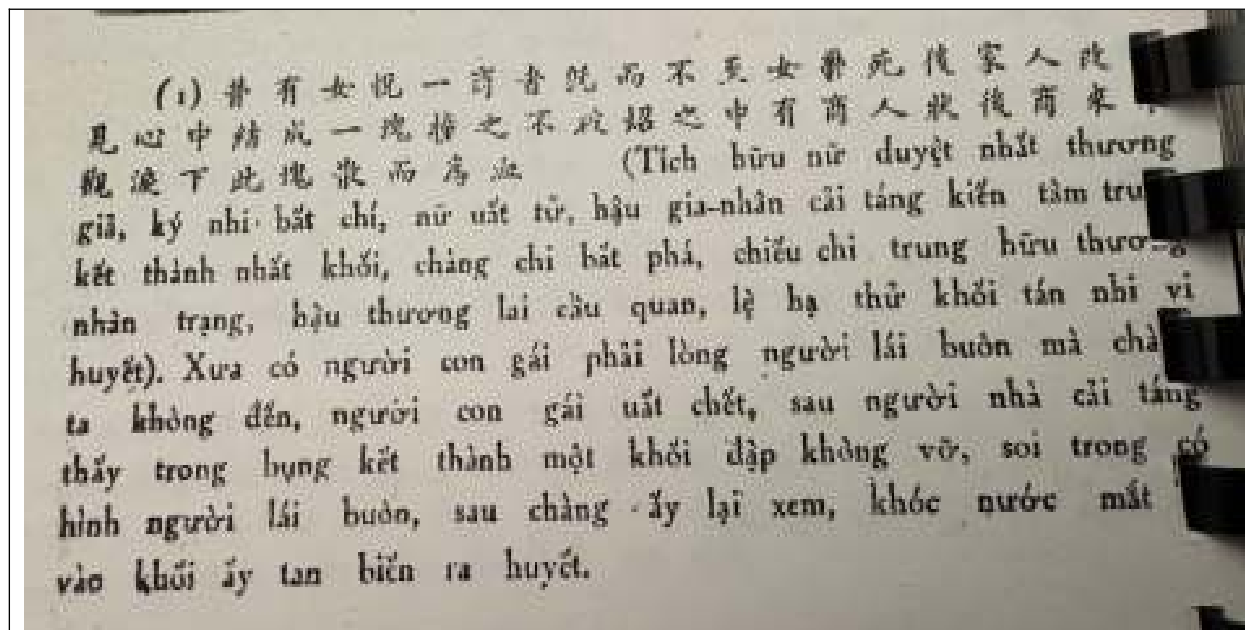
Tìm ra bản phát-thanh là nghiên-cứu về chiều rộng của vấn-đề. Công-cuộc khảo-cứu lại đào thêm chiều sâu, đi tìm gốc-tích *khôi-tĩnh* trong hai câu 709-10 trong truyện *Kiều* mà Phạm-Duy-Khiêm đã nhắc tới trong cổ-tích Trương-Chi. Theo Phạm-Duy-Khiêm, hai câu: *Nợ tình chưa trả cho ai, Khôi tình mang xuống tuyền-đài chưa tan* (do Kiều thốt lên trước khi ngất xỉu trong đêm sau khi sắp-xếp xong việc bán mình chuộc cha) có gợi ý tới chuyện Trương Chi (*deux vers font allusion à cette légende*). Dựa vào thông tin đó, Aveling đã đi tìm thấy nguồn gốc chuyện trái tim hóa đá; và kể ra câu chuyện có tên *Hóa Thiết* (hóa ra sắt) dài hơn một trăm từ, trong cuốn *Ch'ing Shih* (Tĩnh-sử). Đó là một công-trình lớn-lao khác: Aveling đã dựa chính vào luận-án tiến-sỹ của Hua-yuan Li Mowry, nhan-đề *Ch'ing-Shih and Feng Meng-long*.⁽⁷⁾

Phần lớn các sách diễn-giải *Kiều* tiếng Việt đều ghi là tích *khôi-tĩnh* dựa vào một chuyện tình ngang-trái cổ; có bản tóm tắt chuyện; nhiều bản ghi rõ gốc từ cuốn *Tĩnh-sử*, nhưng ít bản nào đi tìm sâu-xa kỹ-lưỡng nguồn gốc đó, như Aveling đã làm. Huyền-Mặc Đạo-nhân nói rõ gốc *chuyện tình cổ xưa*.⁽⁸⁾ Mấy cuốn tương-đối thuộc vào loại diễn-giảng cổ và kỹ nhất nhì như của Trần-Trọng-Kim và Bùi-Kỷ và của các nhóm hiệu-đỉnh Viện Văn-học (Nguyễn-Văn-Hoàn 1965?), Đào-Duy-Anh và nhóm hiệu-đỉnh (Thế-Lữ, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Chế-Lan-Viên v.v., 1979) ghi rõ gốc từ cuốn *Tĩnh-sử*.⁽⁹⁾ Riêng cuốn của Bùi-Khánh-Diễn⁽¹⁰⁾, tuy không nói rõ gốc *Tĩnh-sử* nhưng lại có ghi câu chuyện, ngắn gọn; tương-đối chưa dài bằng nửa bản Aveling dẫn.

Appendix: The Original Chinese Text

化铁

昔有一商，美姿容，泊舟于西河下。而岸上高楼中，一美女相视月余，两情已契，为十目十手所隔，弗得遂愿。迨后其商货尽而去，女思成疾而死。父焚之，独心中一物，不毁如铁。出而磨之，照见其中有舟楼相对，隐隐如有人形。其父以为奇，藏之。后商复来访，其女已死，痛甚。咨諏博询，备得其由。乃献金于父，求铁观之，不觉泪下成血，血滴于心上，其心即灰矣。



Hai bản cho là gốc; bản trên do Aveling dẫn từ cuốn *Ch'ing-Shih* (*Tình-sử*); bản dưới do Bùi-Khánh-Diễn dẫn (không chỉ rõ nguồn)

Có thể là Aveling đã tìm thấy và trích-dẫn từ nguyên-bản trong cuốn *Tình-sử* trong khi Bùi-Khánh-Diễn trích-dẫn một bài tóm-tắt có trước (nhưng không dẫn rõ nguồn?)

Từ *Tình-sử* sang Trương-Chi đến phép lấy Kiều.

Từ trước, gốc chuyện Khôi-tình vẫn coi là chuyện tình oan-trái cổ. Phạm-Duy-Khiêm dẫn hai câu *Nợ tình...khối tình* trong khi kể chuyện Trương-Chi nên gây lẫn-lộn. Họ Phạm viết “*deux vers font allusion à cette légende.*”

Trước khi đi xa hơn nữa, hãy nói qua về chuyện **lấy Kiều** mà người nước ta thường dùng nhưng người nước ngoài có khi chưa nắm vững. Lấy Kiều là *trích-dẫn xa-gần một hai câu thơ Kiều để áp-dụng vào một hoàn-cảnh không liên-hệ đến truyện Kiều*. Đó là vì ảnh-hưởng Kiều quá mạnh trong dân-gian ta, đã tự biến thành một thước chuẩn cho đời sống hàng ngày, hay một kho thành-ngữ dân-gian, người nói nào, tại nơi nào, trong hoàn-cảnh nào, cũng có thể trích-dẫn ví-von thêm vào cho câu chuyện đang nói tăng thi-vị. Thí-dụ như có hai nhân-vật xuất-sắc trong hai môn văn-ngệ hay thể-thao, người kể chuyện dẫn thêm “đúng là mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười!!!” dựa đúng hoàn-cảnh trích-dẫn. Có khi chỉ dùng ý nửa vơi, không hoàn-toàn trọn- vẹn, như ông Tú viết câu đối Tết, quay ra hỏi vợ : “có hay không?”. Đáp “*Rằng hay thì thực là hay...*” lấy ý hay nhưng bỏ lửng ý *ngậm đắng nuốt cay thế nào*. Có khi đi ngược hẳn ý câu Kiều trích-dẫn: khen thành chê chẳng hạn, gặp thẳng con búống-bình không nghe lời, bà mẹ Việt-nam trách: “nói mà chẳng chịu nghe, cứ trơ như đá vững như đồng...”.

Đây là chuyện trong dân-gian nhưng với các bậc văn-sỹ, nho-sỹ chữ-ngữ đầy mình mà nói hay viết theo Kiều cũng là thường. Cụ Đồ-Chiêu hạ bút: c.430: “*chữ tài chữ mệnh xưa hòa ghét nhau*”, c.164: *Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi*, c.1624: “*ngày xanh mon-mỏi má hồng phôi-pha*” nghe phảng-phất có Kiều ở đâu đây... Gần hơn có Hồ-Biểu-Chánh viết *U-tình lục* bằng văn Quốc-ngữ, dưới tên tác-giả Hồ-Văn-Trung, cũng thấy có nhiều câu quen-quen; như c. 20 *Bốn phương lặng-lẽ, các nơi thái-bình*; c.31 *Rốt lòng có một con trai*, c.1067, 68: *Khi sao phong trướng xù màn, Chừ sao tan-tác giữa đàng chơi-vơi*; c.63-4: *Khi dưới cột, khi trước hiên, khi xem hoa nở, khi biên câu đề...* và đặc-biệt hai câu chót: *Quê mùa lợm lặt ít lời, canh khuya giải muộn giúp người đồng văn*.

Các nhà thơ và dân-gian, thấy cảnh đời nhiều lúc giống trong truyện Kiều; và nhiều khi nghe Kiều lại thấy hợp với việc ngoài đời.

Từ Tình-sử sang Trương-Chi qua phép lấy Kiều

Phạm-Duy-Khiêm dẫn hai câu *Nợ tình...khối tình* trong khi kể chuyện Trương-Chi nên gây lẫn-lộn. Họ Phạm viết “*deux vers font allusion à cette légende.*” Allusion, theo Larousse, là *nói khéo liên-tưởng đến một việc gì nhưng mà chẳng nói rõ cho hết lời*, gốc la-tinh alludere có ý *nói đùa-bỡn (badiner)*. Allude, trong Webster, cũng nói gốc alludere (*joke*), và định-nghĩa là *gợi ý ám-chỉ ít đùng-dẫn về rờn-chơi (refer in a casual way)*. Đào-Duy-Anh chuyển ngữ thành *nói bóng, nói mảnh-khỏe ám-chỉ*.⁽¹¹⁾ Phạm-Duy-Khiêm viết hai câu (dẫn) *khiến liên-tưởng đến truyền-thuyết Trương Chi*. Ở đây, có hai cách hiểu, tùy theo trường-hợp khi nhắc đến: a- khi Nguyễn-Du viết hai câu gợi ý về điển-tích; hay b- khi dân-chúng đọc hai câu đó, họ lấy Kiều.

Aveling nghĩ đến trường-hợp a: hai biến-thể của một điển-tích: từ Hóa-thép tới Trương-Chi, nên nghĩ rằng Trương-Chi có nguồn gốc Trung-quốc, từ Tình-sử của Phùng-Mộng-Long (*Ch'ing Shih*, Feng Menglong). Đó là *suy-diễn có cơ-sở văn-bản*; vì Phạm-Duy-Khiêm viết như vậy. Lại thấy thêm rằng Huỳnh-Sanh-Thông, khi dịch Kiều sang Anh-ngữ, theo ấn-bản 1983, Yale, cũng nhắc đến một câu chuyện tương-tự, Trương-Chi (Aveling cho ghi-chú 182 về câu 710: 182n710)⁽¹²⁾

Người Việt-Nam ta, dễ-dàng chấp-nhận trường-hợp b- hơn; dân-gian nghe chuyện Trương-Chi và trái tim hóa đá thường lấy Kiều *Khối tình mang xuống tuyến-dài chưa tan*; và ngược lại, khi nghe hai câu thơ sẽ nhanh-chóng liên-tưởng đến chuyện Trương-Chi.⁽¹³⁾ Cả hai thuyết a- và b- này, đều có lý-do minh-chứng. Chúng ta không thể nhất-định quyết-đoán rằng người xưa nghĩ đến thuyết nào; mà cũng không còn cơ-hội hỏi các tác-giả: Nguyễn-Du mất năm 1820, Phạm-Duy-Khiêm năm 1974, và Huỳnh-Sanh-Thông, 2008. Thế cho nên phải suy-diễn!

Kết

1- Công-trình khảo-cứu của Aveling đáng khâm-phục vì nhiều mặt. Về chiều dài, ông dịch toàn cuốn sách và sau đó lại tiếp-tục tìm hiểu thêm nhiều chuyện khác. Về chiều rộng, ông phát-hiện ra bài phát-thanh cùng đề-tài rồi dịch thêm ra luận và đem so-sánh hai phiên-bản, một đọc trên đài, một in thành sách. Về chiều sâu, ông công-phu tìm ra bản gốc của tích *Tình-sử*, cho phổ-biến. Đó là những kết-quả rất quý-giá ông phát-hiện và không có chi phải cãi-bàn.

2- Dựa vào các dữ-kiện mình phát-hiện, so-sánh hai bản nói và viết của Phạm-Duy-Khiêm, Aveling đã *suy-diễn* rằng Phạm-Duy-Khiêm có phần nào mang chút mặc-cảm, văn có tính-chất *hậu thuộc-địa*, (*postcolonial writer, post-colonial negotiation of Khiêm's own identity...*), do đó, Khiêm hay đề cao văn-hóa ta, bằng—hay đôi khi có thể còn cao hơn—trình-độ người Pháp, kín-đáo chê trách Pháp (*rejection of the culturally ignorant and emotionally insensitive colonial master*).

3- Aveling cũng công-bố tài-liệu gốc của điển-tích; rồi từ đó, ông *suy-diễn* ra rằng chuyện Trương-Chi cũng là một dị-bản điển-tích về khối-tình mà gốc chính do mình phát-hiện từ gốc *Tình-sử*.

4- Chúng ta nên tôn-trọng mọi suy-diễn, không vội-vàng lý đến nó đúng hay sai, kỳ-lạ ngán nào...*một suy-diễn đứng vững-chắc hay kém vững-chắc là do những điểm nội-bộ trong quá-trình suy-diễn ăn-khóp chặt-chẽ hay lỏng-lẻo.*

5- Năm 2009, Cơ-sở Truyền-Trông bên Canada có ra một số đặc-biệt (34 & 35) nói về khái-niệm văn-hóa *hậu-thuộc-địa PoCo* (tại Gia-nã-đại, Ấn-độ, Phi-châu, Úc) trỗi lên vào các thập-niên 1980⁽¹⁴⁾. Trong thế-giới Pháp-thoại, mức đầu hậu-thuộc-địa có thể sớm hơn với bản *Discours sur le Communisme* do Aimé Césaire thảo vào giữa thế-kỷ, khoảng 1955⁽¹⁵⁾. Hai bản văn của Phạm-Duy-

Khiêm nói vào năm 1938 (phần cuối của thời Hoa-Mỹ *La Belle Époque* giữa hai thế-chiến) và in vào năm 1942, đều viết trước khi chế-độ thuộc-địa lung-lay và chưa thực-sự sụp-đổ vì ba năm sau nước ta mới có tuyên-ngôn độc-lập vào tháng 3 1945; nghĩa là câu chuyện nói rồi viết trước thời Hậu-thuộc-địa. Ở đời sau, dùng khuôn-thước hậu-thuộc-địa phân-tách văn người xưa, không là điều dễ-dàng. Còn suy-diễn rằng Trương-Chị có gốc từ *Tinh-sử* cũng là điều khả-đĩ, có thể có; nhưng xét cho cùng, *Tinh-sử* của Phùng-Mộng-long là một cuốn sách khá quen-thuộc vào cuối thời Minh; mà Nguyễn-Du kể chuyện cô Kiều lại cũng vào thời Gia-tĩnh triều Minh; và cô Kiều là người *tài-tử* thời nhà Minh, khi quá đau-buồn mà than-vãn thì chắc hẳn *Tinh-sử Hóa-thiết* hơn là kể chuyện anh lái đò xấu-số thời xưa nào đó, ở vùng đất xa-xôi Lĩnh-nam đâu đó! ■

Nguyễn-Lê-Hiếu

Ghi-chú

1- "The Princess and the Fisherman", *A Comparative Study of the Two Francophone Versions of the Story by Vietnamese Author Pham Duy Khiem* (Unitas)

2- *Legends from Serene Lands: Classical Vietnamese Stories*, translated from French by Harry Aveling. GS Aveling đến Việt-Nam dạy học khoảng 2002; ông không biết tiếng Việt; nhà thơ Bảo-Chân giới-thiệu cho ông cuốn *Légendes des Terres Sereines*, tiếng Pháp. Ông để ba năm để dịch cuốn sách sang tiếng Anh và cho Prestige Books International Publishing ở Sydney xuất-bản vào năm 2011; rồi đến 2016, nhà xb Thế-Giới phát-hành ở Hà-nội.

3- *Love's Crystal: A comparative Study of a Chinese Tale and Two Francophone Versions by Vietnamese Author Pham Duy Khiem*, in PORTAL Journal of Multidisciplinary International Studies, Vol 15, No. 1/2 Aug 2018.

4- Tự giới-thiệu: "I have become an old professor who teaches Greek, Latin and French to young French students like you and to Annamites of your age. I must, to that end, read many books..." Lúc đó, Phạm Duy Khiêm mới 30 tuổi đời.

5- "...you will recognize at the same time, a little of the profound soul of that (Annamite) race, who live far from you and who now read the same books as you do. Aveling suy-diễn thêm các điều đó ám-chỉ là giống An-nam, tuy bị Pháp khinh chê, họ có nền văn-minh ít ra cũng ngang-ngửa như Pháp vậy: *whole level of civilization is at least equal to yours* (French men) *but whom you despise*. Nhà phê-bình Thụy-Khê cũng suy-diễn theo nhân-quan thuộc-địa và hậu-thuộc-địa đó (colonial and postcolonial approach) *Làm thân-phận người dân bản-xứ, Phạm-Duy-Khiêm muốn chối-bỏ điều-kiện sống của người bị-trị (Trăm Hoa Đua Nở)*. Người viết bài này không chia-sẻ quan-điểm đó.



- 6- Aveling coi văn-phong ngắn-gọn của cuốn sách so với bài nói dài-dòng ở đài phát-thanh như là tiến-bộ sau khi xóa-bỏ được mặc-cảm và lấy lại được niềm tự-tin bản-sắc *We may see these (mature style) as the fruit of a post-colonial negotiation of Khiêm's own identity...*
- 7- Hua-yuan Li Mowry, 1976: *Ch'ing-Shih ang Feng Meng-long*, Doctoral dissertation, UC Berkeley.
- 8- *Dẫn giải truyện Kim-Vân-Kiều* của Huyền-Mặc Đạo-nhân, Sài-gòn, c.1926-3?
- 9- Bản diễn-giảng của Bùi-Kỷ và Trần-Trọng-Kim, 1925; của Nhóm Nghiên-cứu Văn-bản Truyện Kiều, Nguyễn-Văn-Hoàn và đồng tác-giả, nxb Viện Văn-học, năm ?; Nhóm hiệu-đỉnh Đào-Duy-Anh, Thố-Lữ, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Chế-lan-Viên, v.v.; nxb Văn-học, Hà-nội, 1979.
- 10- *Kim Vân Kiều*, Bùi-Khánh-Diễn chú-thích, 1923-26 (?), Sống-Mới in lại, 1960.
- 11- Đào-Duy-Anh: *Pháp-Việt Từ-điển*, Huế, 1936.



- 12- Huỳnh-Sanh-Thông: *The Tale of Kiều*, by Nguyen Du, translated and annotated by H-S-T. Random House 1973. Aveling cho hay là Huỳnh-Sanh-Thông có nhắc đến một cổ-tích tương-tự Trương-Chị và Mỵ-nương ở một phiên-bản sau, Yale UP, 1983. Chuyện không có ở bản trước, nxb Random House, 1973.
- 13- Bản văn viết không rõ nên tạo ra cảnh có thể hiểu khác nhau theo hai trường-hợp a- & b-; tuy nhiên, nếu tham-khảo thêm trong bản nói trên đài phát-thanh thì trường-hợp b- (lấy Kiều) có vẻ hợp-tình-hợp-lý hơn. *Normally, an Annamite does not think of this folktale without immediately singing the well-known two lines of the verse.*
- 14- *Văn học hậu ngoại-thuộc*, Truyện-Thông, no 34 & 35, cũng nhắc đến dấu-ấn của thời ngoại-thuộc trên văn-học, kéo theo mảng văn-học ly-hương hậu-chiến, tìm lại bản-sắc, truy-tầm căn-tính; và cũng dẫn (? giả tự-truyện) *La princesse et le pêcheur*, tr. 275-91.

- 15- Aimé Césaire: *Discours sur le colonialism*, Présence Africaine, 1955.

Cốm **Nguyễn Thị Mắt Nâu**

**Cốm từ lúa nếp mà ra
Thơm ngon dịu ngọt thiên hà đắm say
Nhẹ nhàng quên cả đắng cay/
Hương thơm lúa mới từ tay người trồng**

Cốm là món ăn được rang chín từ lúa nếp và được sàng sảy cho hết vỏ trấu bên ngoài. Tuy nhiều tỉnh trên đất nước Việt Nam làm ra Cốm, nhưng món này đặc biệt thịnh hành trong nền ẩm thực bắc bộ, nhất là tại Hà Nội. Người Hà Nội thích thú và hãnh diện là nơi sản xuất ra loại thực phẩm thanh cao này. Lúa nếp để làm cốm là nếp non, hạt lúa còn bấm ra sữa, hạt sữa thơm tinh khiết cho con người cảm giác nâng niu trân trọng thú vị và quý giá

**Mùi thơm từ hạt sữa non/
Làm cho hương cốm được vương tròn/
Dẻo thơm tinh khiết từ bông lúa/
Trữ nặng trên đồng ngát mùi hương**

Đó là ý nghĩa về cốm của người miền bắc. Còn cốm ở người miền nam và miền trung, chỉ là một loại thành phẩm được sử dụng bằng nếp già, rang bung lên, ngào với đường và gọi là cốm. Từ đèo Ngang trở vào phía nam, đôi khi bánh cốm không chỉ làm bằng nếp già tháng, mà còn làm bằng ngô (bắp) rang nở phồng, sau đó trộn đường.

Theo kinh nghiệm của những người trong cộng đồng miền Bắc Việt Nam, loại cốm ngon nhất, phải được làm từ nếp cái hoa vàng, trong cả hai vụ mùa: Lúa Chiêm và Lúa Mùa (lúa mùa là lúa ở thời điểm cuối hè đầu thu, tức từ khoảng rằm tháng 7 đến hết tháng 9 âm lịch)

**Một năm vụ lúa hai mùa/
Lúa Chiêm là một lúa Mùa là hai/
Nông dân ròng rã trần ai/
Ra công cấy cấy miệt mài quanh năm.**

Vào tháng tư, tháng năm âm lịch, có những nơi như cánh đồng Gôi (Dịch Vọng, Từ Liêm Hà Nội), lúa thường gặt sớm, nên có cốm bán sớm, và cốm này được gọi là cốm Chiêm. Cốm Chiêm tuy chẳng khác cốm Mùa, nhưng có lẽ do thời tiết tháng tư còn nóng bức, có lẽ vì thế khiến người ăn cảm thấy cốm không ngon như cốm mùa thu.

**Cốm mùa thu được hương thu/
Ngát hương đắm thả thiên thu dịu dàng /
Gió mùa thu trở mùa sang/
Xu xê bánh cốm rộn ràng phụ thê**

Tại Hà Nội, nổi tiếng là cốm làng Vòng, bên cạnh là cốm Lũ và cốm Mễ Trì. Các bà, các mẹ bán cốm, thường ăn mặc theo lối xưa: khăn xếp, áo cánh (một loại áo bà ba) cổ lá sen. Gánh đôi thúng và một bó lạt bằng rơm nếp, nhuộm màu xanh lá mạ non, treo ở đầu quang gánh, một chiếc mẹt úp một bên thúng kia, cùng vài chiếc lá sen để gói cốm, trông giản dị và mang dáng vẻ nghệ thuật.

**Cốm Vòng gói bởi lá sen/
Nồng nàn hương vị thân quen dịu dàng/
Bầu trời đêm nhạt sương lam/
Trăng sao tình tự nồng nàn đắm say.**

Các dân tộc thiểu số, cũng có loại cốm tương tự như cốm của người Việt. Người Tày ở Yên Bái còn có lễ hội giã cốm mang tên là TẮM KHÀU MAU. Lễ hội được tổ chức vào tháng 9, hay tháng 10 âm lịch, là lúc lúa nếp vừa chín vào trắc, tức là hạt lúa ngả vàng nhạt, là thời điểm người dân tập trung vào việc làm cốm. Cốm được làm từ thóc nếp. Và để làm ra cốm, phải chọn lựa rất cầu kỳ, phải kén những hạt nếp mẩy (không lép) màu phải vàng đều

Muốn cho tốt đẹp phải công phu/

Ăn ngon mặc đẹp phải cần cù/

Chọn lựa kỹ càng không hấp tấp/

Ấy là phong thái đẹp thiên thu.

Cốm được làm theo hai cách, hoặc luộc thóc, hoặc rang thóc vừa chín, sau đó để nguội đem giã, sàng sảy loại bỏ những vỏ trấu xong, lại bỏ vào đùng giã tiếp. Dân tộc Mường tại Việt Nam có lễ hội giã cốm gõ máng, tổ chức vào mùa xuân. Dân tộc Thái tại huyện Phong Thổ có một lễ hội cốm mang tên KIN LẤU KHẤU MẤU, cũng là nơi người dân lập lễ hội để cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng được bội thu, vạn vật sinh sôi phát triển

Đời người mong muốn chỉ bấy nhiêu/

Ăn no mặc ấm cần nhiều làm chi/

Dư thừa cũng chẳng làm gì/

Ôm rơm nặng bụng mất đi thanh nhàn.

Lễ hội này không những để cầu mưa thuận gió hòa, mà còn là nơi phát triển và giao duyên giữa các cư dân địa phương với nhau. Lễ hội này đã có thời gian bị mai một vào năm 1946, nhưng gần đây được phục hồi, và được tổ chức vào rằm tháng 9 âm lịch... Cốm của dân tộc Thái cũng được làm từ lúa non như của người Việt miền Bắc, và được gọi là KHẤU HANG..... Còn cộng đồng người Khơ Mú ở Sơn La, thì vào tháng 8 tháng 9 âm lịch, họ lên nương trong vai gọi là "mẹ Lúa" (Ma Ngọ), cắt những bông xanh về làm cốm, bông vàng thì luộc chín phơi khô làm gạo luộc thóc non. Cốm và gạo non (thóc luộc) được dùng để làm lễ MAH QUAI, mang ý nghĩa là dâng cơm, dâng lúa non cho tổ tiên sản phẩm mạ của nhà

Người dân thiểu số nghĩa tình/

Lúa mạ luộc để lưu tình mẹ cha/

Cấy cấy vốn nghiệp nông gia/

Dâng lên tiên tổ chan hòa yêu thương

****Nguyên liệu và quá trình làm cốm được diễn tiến theo trình tự như sau:***

Trước hết, làm cốm trong cộng đồng người Việt thường dùng lúa non, nhưng một số địa phương sử dụng loại thóc già tháng hơn. Và những loại nếp có thể làm ra cốm như : lúa Lương Phượng, lúa nếp thơm, nếp tan, nếp quýt, nếp hoa... nhưng lúa nếp cái hoa vàng vẫn là loại cho ra thành phẩm thơm ngon đặc biệt. -Lúa gặt về, tuốt hạt, sàng bỏ rơm và bỏ hạt lép, đãi qua nước rồi cho vào chảo rang. Bếp lò để rang cốm, nếu đúng mức là phải đắp lò than, nhưng không đốt than mà đốt củi, và chảo bằng gang đúc

Muốn cốm ngon phải rang bằng lò đúc/

Đúc lò xong đốt củi mà rang/

Chảo rang thì phải bằng gang/

Rang cho nhỏ lửa thơm vàng mới nghe.

Cốm được rang lửa nhỏ, đảo liên tục cho nóng đều. Rang khoảng 30 phút xem thử bằng cách đặt 5 hạt lên miếng gỗ, dùng ngón tay miết mạnh, nếu "2 quăn 3 róc", tức 2 hạt chưa róc vỏ nhưng quăn lại, 3 hạt kia thì róc vỏ nhưng không bị quăn là được

Rắc rồi làm chi cái sự đời/

Hai quăn ba róc thật lười thôi/

**Người xưa nhàn hạ nên nhiều sự /
Kinh nghiệm nhiều khô thật về đời/
Thích nói dài dòng gây khó hiểu/
Để mà thách đố để mà vui.**

Ngày nay thời buổi máy móc hiện đại, cứ bỏ vào oven, canh nhiệt độ vừa đủ, gài sẵn bao nhiêu phút.... Nghe máy kêu cái tít ... thế là xong, chẳng quản chẳng róc chi cho mệt.

Thóc rang xong, đợi nguội, rồi cho mỗi mẻ áng chừng vài kilô vào cối, Giã cho đều, vừa tay, sàng trấu một lần nữa rồi giã tiếp, tùy độ non của lúa khi gặt, người giã cối ước tính giã trung bình khoảng 7 lần thì xong.

**Chao ôi công cán đường nào/
Muốn ăn ngon, mệt làm sao/
Giã đi giã lại càng xương sống/
Mới thấy người xưa cực biết bao/
Người ăn chỉ biết là ngon miệng/
Đâu biết nhà nông cực thế nào.**

Tại làng Vòng, một ngôi làng nổi tiếng cối ngon, người giã cối giã đến lần thứ 5 thì phân làm 3 loại : Cối rón, cối non và cối gốc. Sau đó mới giã riêng từng loại trong 2 lần cuối, tức là tổng cộng vẫn là 7 lần. -Cuối cùng cối thành phẩm, được gói trong hai lớp lá và buộc bằng lạt nếp màu xanh trước khi đến tay người tiêu dùng. Lớp trong là lá ráy xanh cho mát, giữ cho cối khỏi khô và không phai màu xanh ngọc. Lớp ngoài là lá sen để có hương thơm thoang thoang.

**Hương cối mùa thu của làng Vòng/
Bọc bằng lá ráy ở bên trong/
Xanh xanh vị cối màu lá mạ/
Thoang thoang mùi đồng nội mênh mông/
Đeo thơm thơm dẻo mùi hương cối/
Mùi thơm nếp mới cối làng Vòng**

Đó là nguyên liệu và quá trình làm cối.

* Nói về thành phẩm thì cối được chia làm 3 loại:

- 1/Cối đầu mùa: hạt mỏng, mềm, dẻo, thích hợp cho người ăn chay, hoặc cối dẻo này ăn kèm với chuối tiêu (người nam kêu chuối già).
- 2/Cối giữa mùa: thường dùng để làm chả cối.
- 3/Cối cuối nia: hạt thường to, dày, ăn hơi cứng, phù hợp cho việc nấu chè hay xôi cối.

*Một số trường hợp khác, phân cối làm 4 loại:

- Loại 1/Cối non: dùng nguyên liệu là nếp lúa vừa đông sữa, tuốt hạt, đem rang và giã sàng sảy để lấy cối.
- Loại 2/Cối già: là gặt lúa vừa qua giai đoạn đông sữa, tuốt hạt, luộc chín hong khô, sau đó giã, sàng giống như cối non.
- Loại 3/Cối mộc: được làm khi lúa đã thành hạt cứng hoàn toàn nhưng chưa đủ để gặt và hạt cũng không còn màu xanh đẹp nữa. Cối làm ở dạng này có màu vàng xanh ngả qua màu ngà ngà.

Cả 3 loại cối non, cối già, cối mộc đều cho ra thành phẩm như trên.

- Loại 4/Cối hồ: là loại sản phẩm khác hẳn, không phụ thuộc vào nguyên liệu lúa già hay non

**Màu cối nhẹ nhàng nhìn mát mắt/
Hương cối dẻo mềm ngọt tận chân răng/
Đêm rằm tháng tám trăng trắng/
Hương thơm của cối toại lòng phu thê.**

Dù tha phương, người Việt vẫn nhớ và thích dùng những nhãn hiệu bánh cốm bánh xu xê ngày cũ như: Bảo Hiên Rồng Vàng, Thiên Hương rồng vàng, hay bánh cốm Đông Hưng Viên ..vv..

Trong lễ cưới hỏi, bánh cốm bánh xu xê (mà người ta cho là từ chữ phu thê mà ra), vẫn là loại bánh đi đôi đi cặp trong mùa cưới, thường là vào tháng Tám âm lịch.

Bánh cốm bánh xu xê là một trong tục lệ đòi hỏi của tục hỏi cưới của người Việt Nam. Người ta tin phải có hai loại bánh này thì đám cưới mới được vuông tròn trọn vẹn cho đôi tân lang và tân giai nhân (tức cô dâu chú rể)

Lễ hỏi phải đòi bánh xu xê/

Cha mẹ cô dâu thách trăm bề/

Bánh cốm màu xanh xanh lá mạ/

Bánh vàng thơm dẻo ấy Xu xê //

Qua hải ngoại, nhiều gia đình Việt Nam vẫn duy trì đám hỏi cho con gái bằng thách cưới những phần bánh cốm bánh xu xê để chia cho họ hàng, coi như là để thông báo với thân thuộc "Con tôi đã có nơi có chỗ và đã có ý trung nhân".

Các chàng rể Mỹ muốn cưới vợ Việt Nam bây giờ cũng thông hiểu luật lệ này, vui vẻ đáp ứng đủ phần bánh phía nhà cô dâu đòi hỏi. Chẳng những thế các chàng còn lấy làm thú vị nữa là khác

Qua tới xứ người vẫn Việt Nam/

Anh chồng ngoại quốc cũng hân hoan/

Mệnh mang phong tục đòi dâu bề/

Giao ước phu thê trọn lời thề.

Khi nói đến cốm Vòng, người ta nghĩ ngay đến loại thành phẩm đặc sản của làng Vòng thôn Hậu, cách trung tâm Hà Nội 5-6km. Ngày nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy Hà Nội.

Có 2 câu thơ nói về các đặc sản mang tính địa phương

"Cốm Vòng, gạo tám Mễ Trì/ Tương Bần, húng Láng, còn gì ngon hơn"

Mỗi mảnh đất làng xưa, thường có mỗi truyền thuyết của địa phương - Có một truyền thuyết về cốm làng Vòng như sau:

Vào một mùa thu cách đây ngàn năm, khi lúa bắt đầu uốn câu thì trời bỗng đổ mưa, mưa thật to, gió thật lớn, đê vỡ, cánh đồng cao nhất trong các cánh đồng cũng chìm trong màn nước... Người làng Vòng năm ấy, đành mò mẫm ra cắt những bông lúa còn non ấy đem về rang khô ăn dần, chống đói. Không ngờ khi đem ra ăn ...Ồ, sản phẩm bất ngờ bất đắc dĩ ấy lại có hương vị cực kỳ hấp dẫn, khiến người làng Vòng từ đấy dùng làm đặc sản ăn chơi mỗi độ thu về. Rồi mỗi lần làm cốm, người dân lại thêm kinh nghiệm, để làm sao cho hạt cốm ngày càng xanh, càng thơm, càng dẻo

Mùa thu hương cốm làng Vòng/

Đặc sản Hà Nội trời trong nắng vàng/

Nhớ ngày mưa gió quan san/

Nhờ nếp chống đói cốm vang danh hòai.

Và rõ ràng: **Ăn là nghệ thuật bao đời/ Muốn ăn ngon chẳng thành thơ bao giờ/**

Và người dân làng Vòng tiết lộ cách thức làm cốm của họ qua nhiều công đoạn từ lúc gặt lúa nếp non, cho đến khi ra thành phẩm theo từng bước như sau:

-Bước 1:

Nguyên liệu làm cốm làng Vòng phải là lúa nếp non - Có thể dùng nhiều loại nếp như: lúa nếp thơm, lúa lương phượng, lúa nếp tan, nếp quít, nếp hoa, nhưng lúa nếp cái hoa vàng thì cho ra thành phẩm thơm nhất.

Kén nếp là bước đầu tiên/

Lúa non ngoan hiền phải mấy phải thơm/

Bao nhiêu loại nếp dọc đường/

Nhưng nhất nếp cái hoa vàng sắc vàng**-Bước 2:**

Sàng lọc và đãi thóc: Khi lúa mới gặt về cần được tuốt lúa lấy thóc. Sau đó sàng bỏ rơm, đãi qua nước để rửa sạch đồng thời loại bỏ những hạt lép. Những hạt thóc lép nổi trên mặt nước được vớt ra ngoài

Hạt lép thì vớt ra ngoài/

Đãi sạch rơm trấu chỉ xài những hạt to/

Tuốt lúa cũng cực ra trò/

Lông tơ của lúa gửi cho sừng người//.

-Bước 3:

Rang thóc: Thóc sau khi đãi sạch, cho vào chảo rang, phải đảo rang cho đều tay. Ngày nay chảo rang thóc làm cối có gắn máy đã tự động. Và cách 30 phút phải canh xem hạt thóc đã được chưa.

=Rang thì cũng phải đều tay/

Nếu không đều lửa có ngày ra tro/

Ngày nay có máy giúp cho/

Sức người đỡ mệt đỡ lo hơn nhiều

-Bước 4:

Giã cối: Cối rang để nguội rồi giã từng mẻ, Giã đều tay, độ mạnh vừa phải, sàng trấu xong lại giã tiếp tùy độ non của thóc, và giã chừng 7 lần thì được. Giã cối bằng sức người và giã cối bằng máy.

=Giã nhiều mẻ cũng mỏi tay/

Dân quê tay khỏe mặt mày tốt tươi/

Cốm xanh cốm đẹp tùy người/

Nhọc công mà giã cuộc đời chân quê//

-Bước 5:

Gói cối: Sau cùng cối được gói trong 2 lớp lá, lá ráy bên trong cho có màu xanh, lá sen bên ngoài cho có mùi thơm

Đó là sản phẩm cối làng Vòng/

Tuốt lúa, sàng lúa, đãi rơm, đem rang/

Bước từng giai đoạn gian nan/

Cho ra sản phẩm rõ ràng công phu.

Người dân thành thị, khi thường thức chỉ biết là ngon, nhưng chẳng mấy khi biết đến công phu của người làm ra thành phẩm để phải là như vậy. -Nhưng quá trình từ lúc tẽ hạt đến ra thành phẩm, chỉ gói gọn trong 24 giờ đồng hồ, hàng loạt các thủ thuật cổ truyền được nâng niu lên mức nghệ thuật.

Chẳng thế, chỉ có làng Vòng (Mai Dịch), cách Hà Nội 5 cây số, là có cối ngon và đặc sắc. Cối Vòng đã từng là quà quý tiến vua ở các triều. Từ 100 năm trở lại đây, vẫn chưa có loại cối nào địch lại cối làng Vòng, dù là cối các làng Lũ, làng Mễ Trì, cũng có tiếng nhưng vẫn kém xa.

Cầu kỳ cũng chỉ món ăn/

Ngày hai bốn tiếng nhọc nhằn lo toan/

Cốm xanh mềm mại dịu dàng/

Mễ Trì, làng Lũ mọi làng kém xa.

Cốm vàng thượng đẳng có màu xanh nhạt, mềm, ngọt, mát, thơm, đều hạt, màu cẩm thạch. NGười ta đánh giá Cốm Vòng là món quà vương giả, sang trọng, mà bình dân

Vừa vương giả lại bình dân/

Cốm Vòng cho cả vua dân đều dùng/

Vua là thiên tử chần dân/

Người dân cơ khổ bần cùng kiếm ăn

NGhệ thuật khi ăn cốm là phải được đặt trên tàu lá sen gợn phấn, có mùi vị hương đồng gió nội mới đúng điệu, người ta không để cốm vào đĩa Gang Tây hoặc đĩa sứ Bát Tràng. Bởi vì hương thơm, màu sắc của cốm và lá sen ăn ý nhau, hòa điệu với nhau làm tăng hương vị của nhau. Người sành ăn, không ăn kèm cốm với bất cứ thứ gì khác, người ta bảo như thế coi như là không biết thưởng thức và phụ lòng cốm.

TRộn pha là phụ lòng nhau/

Cốm dẻo cốm ngọt mang màu địa phương/

Hường đi trong cõi vô thường/

An nhiên tự tại mùi hương cốm vòng.

Tuy vậy một số người ăn cốm vòng với quả hồng chín đỏ trong như màu hổ phách, hoặc ăn với chuối tiêu trứng cuốc, tức là chuối chín có nổi đốm đen trên lớp vỏ.

Quả chuối đã nổi đốm trên vỏ thường rất ngọt, chính thế người Mỹ chỉ thích ăn chuối còn xanh xanh dột dột, hươm hươm, chứ chuối chín và nổi đốm đen là không ăn nữa

Cũng vì xứ sở khác nhau/

Một xứ thiếu thốn một xứ giàu/

Thành ra quan niệm khác nhau khá nhiều/

Thiếu thừa dinh dưỡng liêu xiêu/

Chỉ biết ăn cốm với chuối tiêu rất đảm.

Và Cốm đã được nằm trong danh mục món ngon nổi tiếng của Việt Nam.

-Trong ẩm thực Việt, nhiều món chế biến từ cốm như: Cốm xào, bánh cốm, chè cốm, chả cốm, cốm nén, vịt hầm cốm với hạt sen năm hương, cốm trộn mộc nhĩ (tức nấm mèo) đem nhồi chim ngói, và kem cốm...Chè cốm là một loại chè ngọt mát thơm, đòi hỏi phải có mùi hoa bưởi. Món chè này đủ sức đánh bại mọi loại chè khác. Và người ta gọi chè cốm là "Chè Giai nhân".

Chè mang tên gọi dễ thương/

Giai nhân có nghĩa sắc hương tuyệt vời/

Mọi loại chè chẳng thể sánh đôi/

Chè cốm sắc sảo người đời tôn vinh.

-Và cốm vòng được bán ở 36 phố phường Hà Nội, chẳng cần phải rao.

Các cô gái làng Vòng, quẩy hai thúng cốm, trên mẹt có vài lá sen xanh. Trên quang gánh buộc túm rơm vàng xanh để gói cốm. Chiếc đòn gánh trên vai cô hàng, một đầu cong vút như góc mái các đình chùa. Các cô mặc áo tứ thân, bước đi nhẹ nhàng, tung tăng tung tẩy khắp nơi trên hè phố.

Gánh hàng bán cốm điệu thế sao/

Tung tăng quẩy gánh chẳng mời chào/

Cong cong đòn gánh đầu cong vút/

Chân người nhún nhảy đẹp lao xao//

Cốm ra đời vào lúc thu vàng ươm trên các tàng lá. Hương cốm mùa thu trong làn gió se se lạnh. Đu đưa trong lá, có những trái hồng chín đỏ trong veo. Một bức tranh tuyệt tác của của đường phố giao hòa với vẻ đẹp thiên nhiên tạo hóa.

Hà Nội rưng rưng nổi nhớ trong trái tim văn học và nghệ thuật đương thời -Lá vàng của mùa thu Hà Nội trong tâm tưởng một thời, so ra có đẹp hơn lá vàng ở vùng đông bắc Hoa Kỳ không? -Văn thơ cũ đã thốt thức rằng

"Cỏ mơn thơm mãi dấu chân em / Gió thổi mùa thu vào Hà Nội"

Giấc ngủ thời gian hương đồng cỏ nội/

Hình ảnh xa rồi còn vương mãi đâu đây/

Tha hương như giấc ngủ ngày/

Bùng mắt dậy nôi kê thơm hương cốm.

Hương cốm mùa thu đã đi vào văn chương, đi vào văn hóa và văn học Việt Nam, cùng với nỗi băng khuâng xao xuyến của cô thiếu nữ chưa chồng, qua những dòng thơ văn trữ tình nơi các chàng trai phong lưu lãng tử. Khiến giây phút chờ mong để mang cốm với mang hồng đến nhà cô con gái, trở thành thiêng liêng và đẹp lung linh như ngọn nến hồng như trong văn thơ cổ tích "*Người ời biết có được không/ Để mẹ mang cốm mang hồng sang xin*".

Cốm là viên ngọc sáng, trong chuỗi ngọc âm thực Việt Nam. Mùa thu đẹp của Việt Nam, được gọi là mùa cốm, mùa hồng hoặc mùa cưới, như trong bài Lá Đổ Muôn Chiều của Đoàn chuẩn Từ Linh = "*Thu đi cho lá vàng bay/ Lá rơi cho đám cưới về/ Ngày mai người em nhỏ bé/ Ngồi trong thuyền hoa/ Tình yêu đành lỡ.../*"

-Rõ ràng chuyện tình yêu trong quá khứ đã có quá nhiều sự lỡ làng không ai biết trước. Nó bàng bạc trong thi ca và trong cả ca dao như =*Ba cô cùng chưa có chồng/ Để anh mua cốm mua hồng sang chơi/ Sang đến nơi cô đã có chồng/ Để cốm anh mốc, để hồng long tai/ Ai làm cái quạt long nhài/ Cái ô long díp, cửa cài long then//*.

Hay một lời trách móc nhau

Gắng công kén hộ cốm vòng/ Kén chồng Bạch Hạc cho lòng ai vui/

Trách ai lòng dạ đổi thay/ Hồng nay để thối cốm này để thiu.

Không chỉ là trách móc, mà còn cả đong đưa trữ tình và lãng mạn, xung quanh những tán tình của con trai con gái thời xưa, mệnh mang cùng mùi hương chanh cốm tha thiết nhẹ nhàng:

Hồi cô thắt lưng bao xanh/ Có về làm cốm với anh thì về//

Hay là ví von trao gửi tâm tình =*Làm trai lấy được vợ hiền/ Như cầm đồng tiền mua được miếng ngon/ Làm trai lấy được vợ khôn/ Như chĩnh vàng cốm đem chôn trong nhà//*.

- Hoặc ví von kiểu khác

=*Gái ngoan lấy được chồng khôn/ Như lọ vàng cốm để chôn đầu giường//*

- Rồi người ta thăng hoa quá trình làm cốm rằng =*Giã gạo thì ồm/ Giã cốm thì khỏe//* Hoặc =*Người bạo thì đâm cốm/ Người ồm thì nhồi dưa//*. Và rao tên các địa danh với những đặc sản mà rằng =*Cống Vòng, gạo tám Mễ Trì/ Tương Bần, húng Láng còn gì ngon hơn/ Gắng công mà kén cốm vòng/ Kén chồng bạch hạc cho lòng em vui//*.

Rồi chả hiểu sao lại phán một câu cụt ngủn =*Muốn ngon thì cốm đẹp/ Muốn đẹp thì cháo hoa//*

-Chắc ai cũng hiểu: cháo hoa là cháo trắng, một từ ngữ bóng bẩy văn hoa của người miền bắc.

Và cốm đẹp là cốm đặc sản của người dân tộc Khơme

=*Khơme là dân tộc gốc Chiêm/*

Lưu vong xứ Việt xuống miền sông nước Cửu Long/

Quanh đi cũng một dòng sông/

An Giang cá nước, lòng tong lượn lờ.

Nếu người Hà Nội tự hào vì có cốm làng Vòng, thì người Khơmer ở Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, cũng hành diện có món nếp dẻo thơm để mời khách phương xa mỗi khi đến thăm nhà vào đúng mùa gặt hái.

Theo truyền thống, mỗi vụ mùa nước khi thu hoạch lúa chín, người Khơmer ra đồng gặt nếp về làm "om bók SRÂU THMÂY " (tức cốm nếp đầu mùa). Người Khơme gọi cốm nếp là OM BỐC, Srâu Thmây là đầu mùa. Đặc sản có từ trăm năm trước, đến nay vẫn được dùng để cúng tế các vị thần như :Thần Neac (thần đồng). Thần Preas (thần mặt trăng), để tỏ lòng biết ơn cho một vụ mùa bội thu, đồng thời nguyện cầu cho năm sau thời tiết đất trời thuận lợi, mùa màng tốt tươi

Cốm đầu mùa cúng thần linh/

Người Khơmer cũng hữu tình gió trăng/

Thần đồng cho đến thần trăng/

Cầu xin qua mọi khó khăn đất trời.

Trước thu hoạch khoảng 10 ngày, thì nếp chưa già, gặt về, tuốt hạt, ngâm nước nửa ngày vớt ra để cho ráo. Ngâm nếp phải canh giờ, nếu ngâm lâu quá, hạt nếp sẽ mềm nhão, nếu ngâm chưa đủ, nếp khô cứng. Người rang nếp là người phải quen tay và rang trong nồi đất, mục đích là để giữ nhiệt độ được lâu hơn. Một lần rang rất mất thì giờ và công sức: chỉ một chén nếp, trút vào vừa đủ đầy cái nồi đất, giúp cho việc rang dễ dàng và hạt nếp nở chín đều. Như vậy khi nhâm nhi miếng cốm đẹp, mới cảm nhận được hết hương vị dẻo dai, ngọt, thơm nồng, béo và bùi trong từng hạt nếp.

Bông lúa là của trời cho/

Trân trọng từng hạt so đo cuộc đời/

Cuộc đời như ánh chiều rơi/

Như cơn gió thoảng chơi với muện màng.

- Khi nếp rang vừa nổ thì trút ra cối bông (cối bông là cối giã gạo ngày xưa nhưng cái lòng cối khoét rất sâu để vọt (tức là giã). Rồi chày vọt, cối, nạy (dùng để đảo cốm lúc giã), những dụng cụ được làm từ thân cây vú sữa già, bởi người Khơme quan niệm thân cây vú sữa có chứa dòng sữa của sự sinh sôi nảy nở, tốt cho mùa màng về sau. Vọt cốm (giã cốm) thường có hai người đứng đối diện nhau, mỗi người một chày. Vừa vọt vừa dùng cây nạy để hạt cốm không bị gãy nát.

Con người quý trọng sự sinh sôi/

Sinh sôi nảy nở cho đời ngát hương/

Cần khô héo ủa chán chường/

Như dòng sông cạn ăm ường cuộc đời.

-Vọt khéo thì hạt cốm đẹp tròn đều, mạnh tay quá thì hạt cốm vỡ nát mất đẹp. Cốm giã xong, bước sang công đoạn sàng sảy cho sạch trấu. Người Khơme dùng nia sàng sảy tấm, và cám trong cốm. Nếu có dịp về Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, và tham gia, hoặc tận mắt nhìn họ làm cốm, mới thấy kỳ công trong việc làm ra món ăn truyền thống này

Cốm đẹp trộn đường, trộn dừa trước khi ăn. Dừa nạo là dừa khô trái già, vỏ nâu cứng như gỗ - chẻ đôi trái dừa, dùng bàn nạo, nạo nhỏ trộn vào cốm. Dù trộn đường, vẫn rắc tí muối cho đậm đà. Ủ cốm với dừa nạo, với đường chừng hai giờ đồng hồ cho thấm vị từng hạt cốm, là có thể mang ra thưởng thức

Ăn chơi cũng lắm công phu/

Cốm đẹp thơm dẻo sương thu đầu cành/

Dừa khô nạo nhỏ mong manh/

Ngọt đường, đậm muối trong lành nếp tươi.

Ngày nay, một số gia đình Khơmer làm cốm đẹp bán, họ thêm đậu phộng giã cho thêm béo và bùi. Ngon nhất vẫn là cốm đẹp theo cách cổ truyền: Để một ít cốm đẹp lên miếng lá chuối, dùng tay nhúm bốc ăn, cảm nhận vị dẻo, ngọt thơm, nồng nàn trong từng hạt cốm. Tuyệt vời!! -Và cách ăn này vẫn duy trì trong lễ hội Om Bok (lễ cúng trăng tạ ơn và cầu mùa màng tốt tươi) của người Khơmer vốn cần cù chịu thương chịu khó ở vùng miền Tây như Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang nam bộ

Trăng thơ trắng đẹp trăng hiền/

Nàng trăng đẹp tựa cô tiên sáng ngời/

Vào mùa nước nổi ai ơi/

Nhìn trăng để thấy lòng chơi vơi sâu.

**Ngoài lễ hội Om Bok, các lễ hội khác ở Lai Châu đều mang tính đặc sắc của dân tộc thiểu số vùng tây bắc. Nơi đó, ngoài không gian hùng vĩ của núi rừng, còn những món ăn vô cùng độc đáo.

*Và một vài lễ hội được kể đến có liên quan đến mùa Cốm như :

-1/ Lễ hội Hoa Ban:

Tổ chức vào 13 tháng 2 âm lịch, cũng là thời điểm hoa Ban nở trắng rừng báo hiệu mùa xuân về. Lễ hội này để tưởng nhớ câu chuyện đôi trai gái yêu nhau, nhưng không đến được với nhau. Cô gái

sau khi chết đã hóa thành những bông hoa Ban nở trắng rừng. Lễ hội này trở thành mùa lễ tình yêu, với tiếng Pí, tiếng khèn, tiếng chiêng, với các cô con gái dập dìu múa điệu hái hoa.

Hoa Ban nở trắng khu rừng/

Mùa xuân đang nở từng bừng báo xuân/

Tình yêu trai gái hồng trần/

Đôi khi trắc trở băng khuâng đau buồn//.

-2/ Lễ hội nàng Han:

Nhằm tôn vinh và tri ân nàng Han, là nữ anh hùng có công đuổi giặc ngoại xâm của đồng bào thái trắng. Cũng là dịp mong cầu cuộc sống an lành, no ấm, mùa màng tươi tốt cho khắp buôn làng. Lễ hội tổ chức vào 15 tháng 2 hàng năm tại bản Tân An, xã Mường So. Lễ hội có 32 bài múa dân gian của những cô gái Thái đã được chọn và dày công tập luyện Ngoài ra còn có các bài tế lễ do các thầy mo đảm nhiệm. Phẩm vật dâng lễ là hoa quả, xôi gà, và giấy bạc của đồng bào Thái. Đúng ngày chính lễ, dân làng tập trung để xem tế lễ và múa hát. Đặc biệt là có màn thi bắt cá dưới suối, thu hút đông đảo các chàng trai làng dưới sự cổ vũ của người dân

Nàng Han đánh đuổi ngoại xâm/

Các cô Thái trắng thập phần oai phong/

Tình yêu bản thượng trong lòng/

Lễ hội qui tụ thật đông người về//.

-3/ Lễ hội Xên Mường:

Là một trong 5 lễ hội lớn ở vùng Lai Châu, nhằm tưởng nhớ công ơn các vị thần linh khai sáng ra Mường. Được tổ chức vào ngày Thìn tháng 2 âm lịch. Các trò chơi trong lễ hội là: ném còn, xòe vòng theo nhịp. Trước khi vào lễ, người Thái lập đàn tế dưới chân cột cao 15- 20m. Tham gia trò này là các thanh niên, ai ném rách tâm điểm trên đỉnh cột được coi là người hùng của hội.

Xên Mường nổi tiếng địa phương/

Các chàng trai trẻ tìm đường về đây/

Tham gia lễ hội phen này/

Ném rách tâm điểm cao tay cột cờ.

-4/ Lễ hội Han Khuống:

Lễ này chính là nơi hò hẹn, giao duyên bằng lời ca tiếng hát ngọt ngào của những chàng trai và các cô gái muốn tìm hiểu nhau. Một hình thức mang đậm tính văn hóa truyền thống của người Thái. Lễ tổ chức vào tháng 11 hàng năm. Lễ hội này được các chàng trai cô gái trong bản làng mong đợi nhất. Phía ngoài căn nhà sàn thân quen khi trời sang xuân, Các thanh niên Thái sẽ dựng sàn cao chừng 1,2m đến 1,5m. Rộng chừng 0,6m, dài chừng 0,5m, chung quanh trang trí hoa văn theo bản sắc dân tộc. Vào cuộc: một bên là các chàng trai Thái. Một bên là các cô Han Khuống. Đôi bên qua lại với những đối đáp tình tứ thể hiện thông minh và tài ba, được coi là thể hiện nét văn hóa độc đáo của người thiểu số. TRò này đã khiến cho lễ hội đông thêm du khách tới tham dự lễ hội.

Trai gái trông chờ lễ Han Khuống/

Hẹn hò tìm hiểu Thái và Mường/

Trai thanh gái đẹp từng mong đợi/

Vui vẻ hoan ca khắp bản mường.

-5/ Lễ hội Kín Lầu Khẩu Mầu:

Còn gọi là lễ hội Cốm mới, của người Thái trắng, xã Mường So, huyện Phong Thổ, có từ lâu đời. Lễ được tổ chức đều đặn vào rằm tháng 9 âm lịch hàng năm. Đây là thời điểm lúa non thích hợp nhất để chọn về làm cốm. Với tập tục cổ truyền, trước hôm lễ, dân làng chọn ra một cụ bà trong bản là người có kinh nghiệm, để khăn vái cho nghề làm cốm. Cũng là một nghi thức thể hiện lòng biết ơn đất trời đã cho một vụ mùa. Thêm nữa, lễ này còn hái những bó lúa non, và hái những bó lúa này, phải là các cô gái trong sáng, hoặc những phụ nữ có gia đình yên ấm, con cái khỏe mạnh.

Theo tín ngưỡng của người dân ở đây, những cô con gái hoặc những phụ nữ có gia đình tốt đẹp yên bình êm ấm, đi lấy lúa về làm cốm, mới thể hiện được sự trưởng thành và sự nguyên vẹn với thần linh

Tôn trọng thần linh với đất trời/

Là phải tâm thành chẳng phải chơi/

Tâm linh trong sạch trời phù hộ/

Ngạo báng thần linh khổ một đời/

Lúa non tay hái người thiếu nữ/

Tinh khiết dâng lên tạ đất trời.

- Đúng là

Tâm linh do ở tấm lòng/ Tâm đạo an bình sẽ thông dong/

An nhiên không dối trời gạt đất/ Ất sẽ an hòa thỏa ước mong-

-- Cốm, một sản phẩm tinh khiết, được làm từ hạt nếp non còn bụi sữa, để thấy cả một khung trời kỳ công diệu vợi thơm tho, cộng với những giọt mồ hôi của các nhà nông nhỏ giọt trên cánh đồng bao la, với lòng kính trọng...

Để trân quý những hạt ngọc thượng đế ban cho loài người.

Dù tha phương hải ngoại, dù đời sống vật chất dư thừa, đừng phung phí để tỏ lòng kính trọng, tôn trọng và không phụ ơn trời đất, đã ban cho loài người hạt sống bấy lâu nay

Chắp tay khẩn nguyện ông trời /

Ơn trời cộng với ơn người chẳng quên/

Nhân sinh thấp thoáng muện phiền/

Tha hương lòng vẫn chẳng quên quê nhà. ■

Nguyễn Thị Mắt Nâu

Vu Lan Nhớ Mẹ

Yên Sơn



Kính dâng hương linh Mẹ nhân Mùa Vu Lan 2025

“Chiếc lá úa trên cành – đã gắng gượng qua bao mùa mưa nắng”

Thu năm ấy về nhẹ nhàng như một tiếng thở dài. Thở dài để xả bớt những lo lắng trong lòng. Mẹ tôi lúc ấy đã bước vào tuổi hơn trăm. Căn nhà nhỏ nơi vùng South Beltway 8 vẫn đều đặn vang lên tiếng kinh Phật mỗi chiều, mỗi sớm và tiếng cười đùa của lũ cháu con trong những dịp giỗ chạp và mỗi cuối tuần.

Mẹ vẫn khỏe. Mẹ vẫn minh mẫn. Vẫn uống trà, tập thể dục, chép kinh, chép thơ và thậm chí còn rất hăng hái đánh bài cùng lũ con cháu. Mà lạ, mỗi khi đánh bài thì Mẹ khỏe hẳn ra – làm như những lá bài là liều thuốc khỏe không bằng. Vẫn “giương, thủ” rất “bài bản” trong khâu “xập xám”, vẫn có những con tây làm chúng tôi bật ngửa trong “xì-lát”. Khi Mẹ đánh bài thì y như một người ở tuổi 60-70; như thể vết thời gian chưa từng hằn lên con người Mẹ.

Tháng Tám 2023, đại gia đình tổ chức sinh nhật thứ 102 cho Mẹ. Dầu trong lòng ai cũng lo sợ nhưng chẳng ai dám nói ra. Không biết lần sinh nhật nào sẽ là lần cuối. Anh em bảo nhau luôn phải chuẩn bị tinh thần. Nhưng đâu ai có thể biết được, đây là lần sinh nhật cuối cùng của Mẹ.

Vâng, đó là sinh nhật cuối cùng mà không ai nghĩ tới. Mẹ mặc chiếc áo dài màu tím – màu ưa thích của Mẹ – móm mém cười trong khi chúng tôi thắp nến trên chiếc bánh kem. Mọi người hát chúc mừng sinh nhật. Mấy người lớn chụp hình đủ kiểu. Mẹ thổi phồng một cái tắt cả đèn tiêu biểu đều vụt tắt. Mẹ nói Mẹ rất vui, Mẹ cảm ơn đàn con lũ cháu.

Chiếc lá úa trên cành

Đã gắng gượng qua bao mùa mưa nắng

Lá thở phào khi gió mùa đi vắng

*Hoà nhịp ca cùng tàn lá chung quanh
Cười với lá xanh
Vui với những búp mầm tươi thắm*

Mẹ đã từng chống chọi vất vả với bệnh suyễn bao năm qua. Những lần nhập viện, Mẹ vẫn nhẹ nhàng bảo, “Cứ để Mẹ nằm đây vài hôm rồi về.” Mỗi lần xuất viện là mỗi lần Mẹ như chiếc lá vàng khẽ rơi, rồi lại bám cành, lại vươn lên trong gió. Nhưng những mệt ngợp kéo dài, hơi thở đứt quãng dần, dù đã dùng máy trợ thở hàng đêm. Thấy Mẹ yếu đi mau quá khiến lòng tôi chùng xuống vì lo sợ. Dù vậy, trước mặt lũ em, nhất là mọi người trong đại gia đình, tôi vẫn tỏ ra mạnh mẽ, lạc quan để làm chỗ dựa tinh thần cho họ. Mẹ biết chúng tôi lo nên thường trấn an:

*...Lá mỉm cười với ngôn ngữ từ bi:
“Dẫu có xôn xao ngấm có ích gì
Lẽ sinh diệt vẫn thường tình của tạo hoá
Sinh vật, con người, cỏ cây, hoa lá
Đến rồi đi đều tùy thuộc trần duyên”*

Nhưng mùa thu ấy, lá đã vàng đậm, lốm đốm những vết khô. Cuối tháng Mười, Mẹ nhập viện ICU. Bệnh tình trở nặng, không đủ dưỡng khí trong máu khiến Mẹ ngộp thở. Tôi cùng các em thay phiên túc trực bên giường bệnh, cầu mong phép màu như những lần nhập viện trước.

Thế nhưng, đầu tháng Mười Một, thời tiết đổi lạnh. Trời lạnh bao giờ cũng là nỗi lo cho người bệnh suyễn. Tình trạng sức khoẻ của Mẹ vẫn không sáng sủa chút nào. Rồi họ đưa Mẹ ra khỏi khu ICU nhưng vẫn nằm trong khu cần được chăm sóc đặc biệt. Họ đã thảo luận với chúng tôi việc đưa Mẹ qua hospice nhưng lũ chúng tôi không ai nỡ lòng, đành cố nài nỉ để họ cho Mẹ được theo dõi ở nơi này thêm một thời gian nữa.

Mẹ vẫn kiên trì, lúc tỉnh lúc mê. Lúc tỉnh thì Mẹ lầm rầm đọc kinh Phật, dặn con cháu vài điều cần thiết; lúc mê thì nói một vài điều nghe rất xa lạ. Tôi biết thời gian của Mẹ chỉ tính bằng giờ, bằng phút. Bỗng dưng tôi nhớ một đoạn lời ca tôi viết trong nhạc phẩm “Hành Trình Của Mẹ”. Nước mắt bỗng rung rung, lâm nhâm hát:

*...Nhìn Mẹ yêu,
khuya sớm cầu kinh,
móm mém nụ cười,
tóc trắng bạc đầu
Lòng con... thương quá Mẹ ơi,
nhắm mắt nguyện cầu
mong Mẹ sống đời,
vui vẻ nói cười
cùng đàn con.
Mẹ của con!*

Vài hôm trước, sau khi đọc xong một thời kinh, Mẹ nói với tôi, “Chắc lần này khó về quá hả con.” Tôi nhẹ nhàng nói với Mẹ, “Mẹ đừng lo, chắc Mẹ sẽ vượt qua như đã từng vượt qua bao nhiêu lần rồi!”

*Mùa thu trước màu lá vàng trở đậm
Lốm đốm đầy những vết khô
Lá thì thầm lời kinh kệ “nam mô”
Nằm im tiếng nghe thanh âm của gió*

*Có đôi lúc lá nhìn nghiêng sân cỏ
Như thăm dò một chỗ để rụng rơi*

Chiều ngày 8/11/2023, tôi vào với Mẹ thay cho các em. Mẹ đã không ăn uống gì được mấy ngày rồi. Khoảng 7g30 tối Mẹ bỗng nhiên cự quậy rất mạnh, cổ tình kéo phăng ống dưỡng khí; tôi gọi để y tá giúp đặt lại cho đúng và tôi ngồi bên giường giữ hai tay Mẹ. Mẹ cố vùng vẫy nhưng tôi lại cố giữ chặt trong khi nhờ y tá trực xem giúp, điều chỉnh độ dưỡng khí thêm. Y tá vẫn ra vô thường xuyên để theo dõi. Khoảng gần 8g tối thì thấy Mẹ nằm im, nhìn lên *monitor* thấy những dãy số đã giảm xuống những con số đã thấy mấy hôm nay, tôi yên tâm buông tay ra ngồi một bên canh chừng.

*Lại từng cơn gió chướng liên miên
Lá run rẩy, lá mệt nhoài... thương quá
Đến rồi đi – điều hiển nhiên của tạo hoá
Nhưng trước sinh ly tử biệt... ai đành*

Thế nhưng, đến 8g 08 thì mọi con số trên máy bỗng rơi tuột xuống số 0, chỉ còn đồ hình tim rất thưa thớt, cạn dần. Tôi hoảng hốt gọi y tá, bác sĩ tới khẩn cấp. Vài y tá chạy vào ngó qua vào rồi cấp tốc gọi cho bác sĩ trực. Vài bác sĩ chuyên môn tới nói chuyện với nhau... Cuối cùng đến 8g30 họ xác nhận Mẹ đã ra đi khi đồ hình nhịp tim hoàn toàn thẳng một hàng! Không lời trăng trối. Mẹ ra đi... nhẹ nhàng như thế. Nhẹ nhàng đến nỗi tôi không bật khóc như đáng lẽ. Tôi lầm nhảm đọc lời kinh Mẹ thường đọc. Không có nước mắt và trong thâm tâm như hoàn toàn chấp nhận số mệnh. Tôi chạnh lòng nghĩ, Mẹ cũng đã sống một cuộc đời đầy đủ, đã hơn một trăm năm can trường chiến đấu với cuộc sống nhọc nhằn. Chỉ là một chiếc lá cuối cùng rụng xuống trong lặng lẽ, bình an.

Tôi cố giữ bình tĩnh. Trong cái khoảnh khắc nặng nề ấy, tôi lấy điện thoại, gửi tin nhắn cho các em – cả những người còn ở Việt Nam – chỉ nói vồn vện, “Mẹ sợ không qua nổi hôm nay!” Tôi không dám nói thật, chỉ vì sợ các em không đủ vững để lái xe đến bệnh viện an toàn. Không muốn cô em còn lại bên nhà hoàn toàn tuyệt vọng.

Cô Út là người đầu tiên đến, vì nhà gần. Tôi đã lường trước được phản ứng của em, nhưng vẫn không đủ chuẩn bị cho cái thực tại xé lòng khi thấy Út òa lên trong tiếng gào đứt quãng, lao vào phòng bệnh rồi ngã quỵ cạnh giường. Em ôm lấy Mẹ mà khóc nức như một đứa trẻ bị lấy đi hơi ấm cuối cùng.

Út là người gần gũi Mẹ nhất. Bao nhiêu năm nay, một tay chăm Mẹ từng muỗng cơm, từng viên thuốc, từng thức trắng bao đêm để canh đồng hồ, giúp Mẹ sử dụng máy trợ thở, đưa Mẹ ra vô nhà vệ sinh... Hơn nửa năm qua, Mẹ đã dọn hẳn sang ở nhà để Út tiện việc chăm sóc cho Mẹ chu đáo và cũng không xao nhãng việc gia đình riêng.

Tôi ôm lấy em, nói những câu an ủi yếu ớt mà chính tôi cũng không còn tin vào. Bởi đau thương trong giờ phút ấy chẳng thể nào vơi bớt bằng lời. Mà thật lòng, tôi cũng chỉ đang cố gắng níu lấy chút bình tĩnh mỏng manh còn sót lại trong tôi.

Chưa đầy một tiếng sau, tất cả các anh chị em đều có mặt, kể cả nhà tôi xuống từ Kingwood. Chúng tôi – những đứa con – đứng lặng bên nhau như ngày xưa từng đứng bên Mẹ trong những lúc vui buồn – lặng lẽ nhìn thân xác Mẹ đang nằm bất động, lặng lẽ nhìn nhau. Chúng tôi gạt nước mắt, ôm lấy nhau, rồi bắt tay vào công việc hậu sự. Hoàn tất thủ tục, gọi nhà quản, theo xe đưa xác Mẹ về nơi tổ chức tang lễ. Trên đường nhà tôi đưa về, tôi không chịu nổi nữa. Nước mắt dâng trào, tôi bật khóc trong xe.

Lúc ấy, tôi lại nghe vang lên đầu đó – như một hồi tưởng từ xa xăm, một thước phim chiếu chậm về cuộc đời Mẹ – lời ca tôi viết cho Mẹ nhân ngày sinh nhật thứ 100:

*“Rời miền Trung, miền quê khô cằn sỏi đá
Mẹ dắt đàn con vượt ngàn đèo tìm tương lai...
Mẹ cùng Cha bỏ sau lưng mình quê nghèo
Bỏ cả người thân vì lũ con mình sau này...”*

Mẹ đã bắt đầu cuộc hành trình đời Mẹ bằng việc cùng cha làm một quyết định ngoài sức tưởng tượng của mọi người – bỏ lại tất cả anh em ruột thịt, bạn bè thơ ấu, bỏ lại một thời xuân xanh, sức khỏe, hy vọng riêng tư... tất cả chỉ để tìm tương lai cho bấy con dại. Từ ngôi làng khô cằn miền Trung, Mẹ cùng Cha bồng bế, dắt díu lũ “rồng rồng” đi về phương Nam.

Để rồi.

*Vào miền Nam quanh năm sương nắng trầm luân
Ngày ngày qua nuôi con khôn lớn nên người
Chinh chiến tràn lan, càng lúc đau lòng Mẹ hiền
Thương nước cùng non... gặt lệ đôi bước chân con
Quê hương ơi! Mưa nắng bao mùa
Quê hương ơi! Lửa khói ngập trời
Rời đến một ngày... Mẹ bật tin con*

Ngày tai họa đen tối của quê hương chụp xuống, trưa 29/4/1975, tôi vượt thoát cùng hai đứa em trai đang có mặt ở Saigon mà không có ý niệm gì cho việc rời bỏ nước cho đến vài năm sau ở Mỹ. Tôi đã không liên lạc được với gia đình cho mãi đến đầu năm 1978...

*Bao năm trôi qua thương nhớ mòn hơi,
Đau xót tình thâm, nước mắt khô cạn
Khi nghe tin con lưu xứ miền xa,
Mẹ khấp khởi mừng... lặn lội tìm con*

Anh em chúng tôi với bao nhiêu cố gắng mới làm đúng giấy tờ bảo lãnh cho Cha Mẹ – chỉ vì trong và sau chiến tranh, Cha Mẹ tôi và phần còn lại của gia đình đã bao lần thay đổi chỗ ở. Thế nhưng, khi gần tới ngày đi Mỹ thì Cha chúng tôi lìa trần đầu năm 1989. Lại phải tốn thêm một thời gian nữa mới điều chỉnh được giấy tờ. Cho đến tháng 8/1991 Mẹ và hai đứa em độc thân nữa mới đến Mỹ.

*Giờ đây, sau những trầm luân,
Mẹ yêu vui với đàn con
nhưng sức đã mòn
Tuổi đã xế chiều.
Trọn thế kỷ rồi.*

Và hôm nay, Mẹ lại rời đi. Có lẽ Mẹ đã được Cha bảo lãnh về một cảnh giới an bình hơn, nơi không có những âu lo, muộn phiền, đau khổ. Có lẽ Mẹ đã làm xong bổn phận lo cho đàn con đủ đầy có cuộc sống hôm nay!

* * *

Sau tang lễ, sau Lễ Thất Tuần, hài cốt Mẹ được mấy đứa em đưa về tận quê nhà, nơi Người đã cùng Cha đưa chúng tôi đi tìm tương lai. Ước nguyện cuối đời của Mẹ là được về nằm bên Cha, bên anh trên ngọn đồi thoải thoải ngó về rừng núi bạt ngàn của Xứ Võ Đất – nơi khởi nghiệp phương nam.

Ngôi nhà Mẹ ở hơn ba chục năm qua giờ đã trở nên vắng lặng, cửa đóng then cài. Ngôi nhà không còn là nơi thường mỗi cuối tuần đại gia đình họp mặt ăn uống, đánh bài với Mẹ; không còn là nơi nghe tiếng nói tiếng cười của con cháu như xưa. Ngôi nhà đã trở thành nhà thờ vì không ai nữa bán đi. Anh

chị em, con cháu chỉ họp mặt trong những ngày giỗ chạp. Xong việc là phần ai về nhà nấy với đời sống riêng tư của mỗi gia đình.

Những ngày đầu đông trôi qua trong trầm mặc, tôi trở về căn nhà để thấp nhang cho Ông Bà Cha Mẹ. Căn nhà im ắng quá. Căn bếp lạnh tanh. Chiếc bàn nhỏ nơi Mẹ ngồi giờ phủ đầy ánh nắng buồn buổi sáng. Tôi ngồi lại nơi Mẹ từng ngồi, khe khẽ, nghẹn ngào hát từng đoạn nhạc tôi viết cho Mẹ:

*...Bao năm trôi qua thương nhớ mồn hơi,
Đau xót tình thâm, nước mắt khô cạn
Khi nghe tin con
Lưu xứ miền xa
Mẹ khấp khởi mừng
Lặn lội tìm con...*

Nước mắt tôi lại ràn rụa. Tiếng hát không thoát ra thành lời. Tiếng hát gọi về một hình bóng thân yêu. Tôi tưởng như Mẹ đang bên cạnh. Vẫn cười. Vẫn hỏi tôi ăn gì chưa. Vẫn kể chuyện ngày xưa khi còn trông tin chúng tôi từng ngày...

Tết đầu tiên vắng Mẹ. Cây mai vẫn nở đúng hạn kỳ mà lòng người thì ngổn ngang. Mâm cơm cúng giao thừa đặt trước bàn thờ. Mọi người đứng quanh, không ai nói gì. Mắt ai cũng hoe đỏ. Tôi đến bàn thờ thấp nhang. Nhìn di ảnh Mẹ mỉm cười, tôi lại nhớ bài thơ “Chiếc Lá Vàng Trước Gió”, đoạn Mẹ từng thì thầm trong bệnh viện:

*“Dẫu có xôn xao ngấm có ích gì
Lẽ sinh diệt vẫn thường tình của tạo hoá...”*

Mẹ ơi! Con hiểu và con tin linh hồn Mẹ vẫn còn quanh quẩn đâu đây. Mẹ chỉ đổi hình hài. Mẹ đã thành nắng, thành gió. Mẹ là nụ mai lặng lẽ nở bên hiên. Mẹ là tiếng phong linh diu dặt trước hiên nhà, gõ từng hồi mỗi sớm trưa chiều tối. Mẹ đã đi qua một thế kỷ với trọn vẹn yêu thương. Và bây giờ, chiếc lá cuối mùa đã rụng xuống – không phải để tan biến – mà để hoá thành đất lành cho những nụ mầm tiếp nối đời sau.

*Mẹ của con!
Đến rồi đi – điều hiển nhiên của tạo hoá
Nhưng trước sinh ly tử biệt... ai dành!*

Mùa Vu Lan 2025

Yên Sơn

Mời thưởng thức Video Nhạc:

VU LAN NHỚ MẸ

Tiếng Việt Của Mẹ Tôi

Phương Hoa

Mẹ tôi quá vắng đã lâu. Tuy bây giờ mẹ không còn trên cõi đời này, nhưng nếu ai có hỏi, điều gì làm tôi nhớ nhất về mẹ, tôi sẽ trả lời ngay rằng: Mẹ tôi rất yêu Tiếng Việt.

Suốt cả cuộc đời, mẹ tôi rất thích thi ca, và lòng yêu tiếng Việt của mẹ thì ngút ngàn. Ngay còn sống, mẹ đã rất lo lắng, mong muốn con cháu phải giữ gìn tiếng Việt. Trước khi mẹ ngã bệnh, một đứa cháu bà con từ Úc về có ghé thăm. Thấy đứa con trai tám tuổi của cô ấy chỉ nói toàn tiếng Anh chứ không biết tiếng Việt, tôi rất khâm phục nên cứ tròn mắt lên mà nhìn, mong thằng bé nói nhiều thêm để tôi bắt chước cách phát âm tiếng Anh của nó. Nhưng khi bọn họ đi rồi, mẹ tôi lắc đầu than thở:

– Hồng rồi! Tiếng Việt là nguồn gốc của mình mà không biết nói, cái điều này về sau chắc mấy đứa nhỏ sống ở nước ngoài sẽ mất gốc hết.

Những ngày cuối đời của mẹ là thời gian gia đình nhỏ của tôi đang chờ làm thủ tục đi Mỹ đoàn tụ. Người cứ dặn đi dặn lại mãi: “Nếu sau này gia đình con sang Mỹ định cư, hãy nhớ dạy cho tụi nhỏ đừng quên nguồn gốc, nhất là đừng quên tiếng Việt, ngôn ngữ chính của mình. Đừng để tụi nhỏ giống như thằng con của con Thái!”

Thời trẻ, mẹ tôi không được may mắn cấp sách đến trường học chữ quốc ngữ. Ông tôi là một nhà nho, nên mẹ được ông dạy học quyển Tam Thiên Tự Kinh với ba nghìn chữ “Thiên-Trời, Địa-Đất...” và học thuộc lâu lâu Gia Huấn Ca của cụ Nguyễn Trãi. Ông tôi làm Hương Chức, nhà có nhiều ruộng đất nhưng con đông, ba nam năm nữ, nên bận rộn triền miên. Mẹ là chị cả, tình nguyện ở nhà phụ giúp ngoại nuôi các dì cậu tôi đi học. Bốn bà dì học chữ quốc ngữ đến biết đọc biết viết, dì út học được hết Tiểu Học rồi nghỉ, ba cậu tôi đều học đến nơi đến chốn và làm thầy giáo. Chỉ một mình mẹ tôi không biết chữ Việt tới khi lấy chồng.

Ba tôi là thầy giáo Pháp Văn. Sau khi cưới nhau rồi ra riêng, ba bắt đầu dạy mẹ học. Khi đó mẹ tôi bận rộn với nghề nấu rượu và nhuộm vải nên đôi khi lười biếng không chịu học bài. Biết điểm yếu của mẹ là không bao giờ muốn phung phí một thứ gì, nên mỗi lần mẹ xao lãng việc học ba làm bộ như muốn đốt sách vở đi. “Thế là mẹ vì tiếc tiền phải ráng mà học,” mẹ kể lại với tôi. Nhưng mẹ tôi rất thông minh, khi biết chữ quốc ngữ rồi bà rất thích đọc sách và ham học toán. Sau này ba mất, mẹ đã chỉ tôi làm những bài tập toán ở trường cho đến hết lớp 4 (lớp Nhì) mới nhờ đến các cậu dạy tôi.

Dù có tính tiết kiệm, nhưng mẹ không bao giờ tiếc tiền khi mua những quyển truyện thơ, những truyện cổ tích rất hiếm hoi thời ấy để đọc cho tôi nghe. Mẹ đọc thuộc lòng thơ Lục Vân Tiên, Thạch Sanh Lý Thông, Thoại Khanh Châu Tuấn, Lâm Sanh Xuân Nương, và Tấm Cám... đọc vanh vách cho tôi nghe mỗi tối mà không cần nhìn vào sách. Nhờ thuộc nhiều thơ ca nên mẹ tôi thường “ứng khẩu” thành những câu thơ đượm mùi ca dao tục ngữ.

Khi tôi vào tuổi thiếu niên, mẹ nói con gái không được ngủ trưa, phải dùng thời gian đó để học những thứ khác. Thấy tôi cứ mỗi lần ăn trưa xong là mắt riu lại, mẹ bèn viết hai câu thơ dán ngay bàn học của tôi: “Con gái đừng có ngủ trưa / Học hành, bếp núc, thêu thùa chỉ kim.”

Nhà tôi ở cạnh nhà ngoại, vườn tược cây trái sum suê, hàng rào tre bao quanh rậm rạp nên thỉnh thoảng có rết hoặc bò cạp hay là rắn roi lạc đường phang vào nhà. Mẹ dặn tôi trước khi ngủ nhớ giữ kỹ chiếu giường để phòng ngừa bị cắn. Một lần học khuya buồn ngủ quá tôi đã hấp tấp thay đồ rồi nhào vào giường ngủ mà không làm như lời mẹ dặn nên đã bị con bò cạp đốt cho một phát ngay bắp vế, đau đến bò lê bò cang. Sau đó mẹ làm hai câu thơ dán trên đầu giường của tôi: “Tối thì giữ chiếu móc mùng / Đề phòng rắn rết muỗi mòng hại thân.”

Mẹ tôi còn có một quyển tập rất dày, dành để ghi những bài thơ lục bát mẹ tự làm, dạy về cách nấu nướng như làm bánh tro, bánh ít lá gai, mứt cho ngày Tết, tương đậu nành, cơm rượu, dưa món... Thứ gì mẹ cũng cho vào thơ được hết, “để cho tụi bay dễ nhớ,” mẹ nói. Hãy nghe bài công thức làm đậu khuôn (đậu phụ) của mẹ tôi:

“Đậu nành (1 kg) ngâm nước một đêm
Bóc ra trộn nước (3 lít) xay mềm nhuyễn thôi
Bỏ vô nồi nấu cho sôi
Chờ cho nửa phút – phải coi chừng trào
Lược ra đậu xác để xào
Sữa còn thì lại đổ vào nấu thêm
Sôi lên tắt bếp để yên
Đổ vào nước muối (nước muối lâu năm/3 muỗng) trộn lên thật đều
Chờ cho kết tủa trút vào
Trong khuôn đập lại chờ chảo...đậu khuôn
Cắt ra từng miếng vuông vuông...”

Còn nữa, bài “Gia Huấn Ca” tự biên của mẹ tôi gồm những lời lẽ đơn giản bình dân nhưng ý nghĩa thâm trầm cũng đã được các cậu tôi “duyet” và khen hay, kêu con cái họ học thuộc. Gia đình chúng tôi thì dùng nó để làm kim chỉ nam cho cuộc sống:

“Nhớ lời mẹ dặn chớ sai
Làm người trung hiếu hai vai giữ đồng
Đừng làm nhục nhã gia phong
Gian tham trộm cắp mang gông có ngày
Gia đình lớn nhỏ sum vầy
Ngồi lê đôi mách sau này hư thân
Ông bà cha mẹ ân cần
Anh em hàng xóm bạn thân của mình
Nhớ đừng chống cự cãi kình
Chơi chung hòa thuận tâm tình làm vui
Bà con dòng họ tới lui
Nói dây liên lạc giống nòi tổ tông
Trong nhà anh ngã em nâng
Thương yêu đùm bọc chia phần đỡ ngon
Việc làng việc nước cho tròn
Học hành thành đạt là con hiếu nghi.”

Những năm tháng gần cuối cuộc đời, tuy mẹ tôi đã bảy mươi hai tuổi, thân đang bệnh hoạn, nhưng mẹ vẫn đọc báo, viết chữ không cần mang kính. Và “hồn thơ bình dân” của người cũng còn lai láng lắm.

Cả đời mẹ tôi luôn chú trọng đến việc học hành thành đạt của con cháu. Năm 1989, ông xã tôi vượt biên đến Philippines. Khi biết tin, thằng con đầu của chúng tôi nhất quyết đòi đi tiếp, vì nó không muốn để ba ở bên đó một mình. Ông Trời, qua bao sóng gió kinh hoàng, cuối cùng hai cha con cũng gặp nhau bình an và có thư về. Mẹ tôi mừng đến lệ rơi lã chã. Bà viết thư cho hai cha con, gửi chung với tôi, nhưng chỉ vốn vẹn là một bài thơ. “Viết chi nhiều nặng cân, tốn tiền gửi,” mẹ nói. Đây là bài thơ của mẹ mà đến giờ ông nhà tôi vẫn còn trang trọng giữ trong tập nhật ký vượt biển của ông cùng với thư từ của tôi và mấy đứa con gửi khi còn ở Việt Nam:

“Hôm nay ngoại có đôi lời
Cha con đã được phước trời ban cho
Khi đi bà ngoại quá lo
Nghe tin ổn định làm cho ngoại mừng
Xứ người phải nhớ giữ thân
Học hành chăm chỉ để cần về sau
Tương lai sự nghiệp làm đầu
Càng nhiều khó nhọc càng mau công thành.”

Tôi đã lớn lên cùng dòng thơ ca, văn chương thời ấy, những câu chuyện cổ tích kỳ diệu, và những bài thơ bình dân của mẹ đọc cho tôi nghe ngay từ khi tôi còn bé. Nghe riết rồi tôi cũng thuộc lòng rất nhiều truyện thơ, ca dao, và câu hò điệu hát miền quê của mẹ. Sau này khi xa quê, dù mẹ đã mất, tôi vẫn còn nhớ như in tiếng mẹ ru, “Chiều chiều ra đứng ngõ sau/Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.” Nó đã theo tôi đi tận cùng trời cuối đất. Khi mới đến Mỹ, chiều chiều tôi cũng thường ra đứng, không phải ngõ sau mà trước lan can nhà, để trông về cố quốc mà nhớ mà thương đến đau lòng thắt ruột.

Nhờ Mẹ mà tôi yêu sách yêu truyện ngay từ bé. Thời ấy, mỗi khi đi học về, tôi thường lên vào phòng sách của cậu tôi, người cậu thứ Chín làm hiệu trưởng bên trường Bình Lợi Tuy Hòa, mỗi khi cậu đi vắng, để đọc trộm sách. Tôi lén lấy ra mỗi lần một quyển, nhét một miếng bã mía vào chỗ sách bị trống rồi chui vào một góc nhà ngồi đọc, canh chừng lúc cậu gần về thì trả vào y chỗ cũ, rút bã mía ra. Cậu tôi không hề biết là hàng ngày có kẻ trộm vào lục lạo tủ sách của cậu. Thật ra mỗi lần đi “ăn trộm” sách, tôi sợ cậu thì ít mà sợ ông tôi thì nhiều. Cậu đi cả ngày mới về, nhưng ông ở nhà coi ngó những người làm ruộng, đi về bất thường. Một lần, ông về sớm nghe tiếng lục đục trong phòng sách nên đẩy cửa bước vào. Tôi hoảng hồn chẳng biết làm sao bèn chui trốn trong cái tủ đựng đựng quần áo.

Ông nhìn không thấy gì nên bỏ đi, tôi liền dọt lẹ ra ngoài vì ngộp thở. Thật xui xẻo, tôi đập nhầm con mực, và nó phản ứng bằng một cái tát vào bàn tay trái của tôi. Con mực ngoạm từ phía lưng bàn tay qua cái lòng bàn tay nhỏ xíu của tôi, và ngậm luôn không thả. Đau chí mạng, nhưng tôi chẳng dám kêu la, chỉ đứng đó cố gắng vạch cái miệng nó ra. Nhưng con chó khi gió lại tưởng tôi đùa với nó, nên càng cắn vào thật chặt. Cái đuôi nó thì ngúc ngoắc liên hồi, hai mắt nó long lanh nhìn tôi như thể muốn nói, “Bắt được rồi, giỏi thì chạy đi,” làm tôi tức muốn chết nhưng không dám đánh, sợ nó cắn mạnh thêm.

Cho đến khi bàn tay phải của tôi banh được cái miệng con mực tõe loe, và môi mép nó bị móng tay tôi bầu đến rướm máu, nó mới chịu thả. Nó cũng biết đau đấy chứ, vậy mà lại đi cắn người ta! Hai

vết cắn trên lưng bàn tay và lòng bàn tay sâu đến lòì thịt, máu ứa ra, mà tôi sợ bị rầy không dám khóc. Tôi âm thầm chạy đến cây “Thuốc dẫu” ở đầu hè, bẻ một nhánh non cho nhựa cây nhiều vào chỗ vết thương. Đến chiều khi ngồi ăn cơm mẹ tôi mới thấy thì vết cắn cũng đã khô mặt rồi. Cây thuốc dẫu quả là thần dược trị thương. Khi mẹ hỏi, tôi nói là giỡn chơi với con chó nên bị nó cắn. Con mực giò này đã theo mây khói nhưng hai vết sẹo dẫu răng của nó đến nay vẫn còn rất rõ trên bàn tay tôi.

Vậy mà đâu có chữa. Ngày qua ngày, năm từng năm, tôi vẫn lén lút đọc các loại sách trong cái tủ sách cao nghều nghều của cậu, hết quyển này tiếp đến quyển khác. Tôi đọc tất tần tật, vì đâu có ai chỉ cho tôi sách nào nên đọc sách nào chữa. May mà cậu tôi là nhà giáo nên tủ sách của ông không có sách “tào lao.” Khi đọc hết những quyển truyện tuổi thơ như “Đế Mèn Phiêu Lưu Ký” và những truyện của Tuổi Hoa, tôi bèn đọc đến truyện dịch, truyện khoa học dã tưởng, rồi đến tạp chí “Phổ Thông,” sách “Rèn Nhân Cách,” “Bí Quyết Thành Công,” mấy tập “Thi Nhân Tiền Chiến” và cả bộ “Tam Quốc Chí, Phong Thần” dày cộm như quyển tự điển tôi cũng nghiền ngẫm tới nơi luôn. Có lẽ nhờ ham mê đọc sách nhiều như vậy, nên về sau viết văn tôi ít khi nào có cái cảm giác bị...thiếu hụt từ ngữ.

Tôi bắt đầu bập bẹ tập làm những bài thơ con cóc từ năm học lớp Ba trường làng. Gần cuối năm đó là một đêm đông lạnh giá, tôi học bài xong tắt đèn nằm lăn trên bộ ván gỗ đặt gần bàn thờ của ba tôi. Ba tôi mất đã gần hai năm nhưng mẹ vẫn còn buồn nhớ khóc than hầu như mỗi tối. Đêm ấy trời lạnh thấu xương, nằm nghe mẹ trăn trở thút thít trong giường, lòng tôi cũng cảm thấy nhớ ba. Tôi ngồi dậy, lại bàn nước đốt lên cây đèn dầu bóng “hột vịt” rồi lấy vở lật trang giữa ra, viết viết xóa xóa cho đến khuya và nặn được một bài thơ. Bài thơ đầu tiên thời con nít ấy có nhiều chỗ chưa ổn, nhưng tôi vẫn thích nó nên không muốn sửa lại mà giữ làm kỷ niệm cho đến bây giờ:

Ba hồi ba à, ba ở đâu
Sao ba biệt dạng để má sầu
Nhà ta khôn khô vì ba vắng
Má khóc con buồn mãi đêm sâu

Đông hồi, đông này, hồi bác đông
Trong lòng bác có tội con không
Trẻ thơ côi cút vì ba mất
Lạnh quá làm sao đỡ giấc nồng.”

Sáng đi học, sau khi nộp xong bài tập toán trong lớp ba, tôi ngồi cặm cụi chép bài thơ ra một tờ giấy trắng cho sạch sẽ rõ ràng. Đột nhiên ông thầy bước lại. Tôi hoảng sợ tim đập thình thịch, mặt xanh dờn, mắt lăm lét nhìn vào miếng xơ mít trong góc tường, mà thầy dùng để phạt quỹ bọn con trai nghịch ngợm, khi thầy cầm lấy tờ giấy của tôi. Chết rồi. Chuyện này là “tiêu” hai cái đầu gối. Nhưng đọc xong bài thơ thầy xếp lại bỏ vào túi mà chẳng nói một lời. Thật hú hồn. Vẫn còn bản nháp, tôi về nhà đọc đi đọc lại hoài mà cũng không hiểu tại sao thầy tịch thu bài thơ đó.

Mãi cho đến mấy tháng sau. Một hôm mẹ tôi đi ăn đám giỗ nhà người bà con trong xóm rồi đem về cho tôi một gói bánh ít kèm theo tờ giấy có bài thơ của tôi. Mẹ ôm tôi nói:

– Con của má giỏi quá! Hôm nay thầy ba Ý (thầy thứ ba nên cả làng tôi đều gọi thầy một cách kính trọng như thế) đã đọc bài thơ của con trong đám giỗ cho mọi người nghe và khen con học giỏi làm má vui ghê!

Tôi được thầy khen nên phổng mũi, từ đó càng cố gắng chăm chỉ học hành. Ngoài toán, những bài luận của tôi cũng thường được điểm cao và những lời phê giỏi của thầy. Từ kinh nghiệm này, khi lớn lên tôi biết giá trị và hiệu quả của những lời khen đối với trẻ em nên tôi cũng dùng cách này để khuyến khích các con tôi học hành, và khi đi dạy học tôi cũng thường dùng với đám học trò nhỏ.

Không phải chỉ có mình tôi thừa hưởng cái vốn liếng tiếng Việt phong phú của mẹ tôi, mà tất cả mấy đứa con của tôi cũng được nhờ bà ngoại. Khi có cháu, mẹ tôi thường “bồn cũ soạn lại” hát hò, đọc thơ, đọc truyện, kể chuyện cổ tích, và đọc thơ của mẹ cho tụi nhỏ nghe ngay từ khi chúng vừa mới được sinh ra cho đến lúc chúng đi học. Mẹ tôi nói, “Con người có tánh linh do Thượng Đế ban cho, nên lúc mới sinh ra đã biết cảm nhận. Nếu người lớn thường hát cho chúng nghe, đọc sách, nói chuyện với chúng, thì về sau cái vốn ngôn ngữ của chúng sẽ phong phú lắm.”

Phương pháp dạy tiếng Việt bằng lời ru tiếng hát câu thơ của mẹ đem lại kết quả tuyệt vời. Các con tôi đã từng ngày lớn lên cùng văn thơ của ngoại ngày xưa nên cho đến bây giờ vốn liếng tiếng Việt của tụi nó vẫn còn khá lắm. Tuổi bắt đầu vào trường của mấy đứa đều nằm dưới thời “khăn quàng đỏ,” nếu không nhờ bà ngoại dạy tiếng Việt, truyền cái thú ham mê đọc sách của bà cho thì có lẽ văn chương Việt của tụi nó bây giờ cũng chỉ là “nhất trí, đồng ý, xử lý, quán triệt” mà thôi. Đám nhóc “đực rựa” nhà tôi không thật sự mê thơ thần như tôi, nhưng khi cần “đáp lễ” bạn bè hay có hoàn cảnh tình huống nào làm cho chúng xúc động, mỗi đứa cũng có thể “xuất khẩu” thành một vài bài “con cóc.”

Tôi rất mừng, vì hiện giờ mấy thằng nhóc nhà tôi đi làm hàng ngày nói tiếng Anh chứ không có cơ hội nói tiếng Việt, nhưng tụi nó chẳng những không quên tiếng mẹ đẻ mà còn có những nhận xét phê bình về văn chương Việt rất độc đáo mỗi lần tôi nhờ đọc bài viết của tôi. Những điểm hay điểm yếu khi tụi nó nêu ra là tôi luôn luôn “tâm phục khẩu phục.”

Tôi học ngành Giáo Dục Nhi Đồng, trường ở Mỹ dạy rất kỹ, đòi hỏi sinh viên ngành này phải đọc không biết bao nhiêu là trang sách về sự phát triển của trẻ con, thực hiện hàng lô hàng lốc cuộc nghiên cứu, cộng với thực tập cả năm trời tại lớp học, để biết cách làm sao dạy cho trẻ ham mê chữ nghĩa, thích học hành, để bộ óc non nớt của các em được phát triển nhanh chóng và trọn vẹn, nhất là về mặt nhận thức và thích đọc thích viết.

Theo nghiên cứu của các nhà khoa học và giáo dục nhi đồng, việc cha mẹ và những người lớn thường xuyên đọc sách, nói chuyện với các em bé ngay từ lúc mới sinh ra, thậm chí khi chúng còn ở trong bụng mẹ, có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công sau này của chúng. Người ta cũng đã tìm ra, não bộ của trẻ em phát triển tốt nhất, đến 90 phần trăm, là trong thời điểm không tuổi cho đến khi bé được năm tuổi. Nhiều kết quả nghiên cứu cho biết những tiếng khóc đầu đời, những âm thanh “u-e” rồi bập bẹ “ba-ba, ma-ma” là những tiếng nói, dấu hiệu của đứa trẻ muốn truyền đạt, nói chuyện, hay đòi hỏi để được thỏa mãn điều gì đó. Cho nên, đọc truyện cho trẻ nghe sẽ giúp trí óc chúng phát triển nhanh, giúp cho ngôn ngữ lưu loát, biết quan sát, và diễn đạt cảm xúc. Quan trọng hơn nữa, việc đọc sách và kể chuyện cho bé nghe, theo Giáo Sư Tiến Sĩ Perri Klass, khoa nhi đồng của New York University chia xẻ, chẳng những giúp cho trẻ phát triển về ngôn ngữ để chúng sẵn sàng khi đến tuổi đọc và viết, mà còn giúp cho tình cảm giữa cha mẹ và đứa trẻ được gần gũi hơn, gắn kết với nhau hơn nhờ những giờ phút yêu thương bên nhau đó.

Thật không ngờ cái kết quả quý giá mà các nhà khoa học và giáo dục đã bỏ bao thời gian, công sức tìm tòi nghiên cứu để khám phá ra, lại là những gì mẹ tôi đã làm từ đời nào đời nọ, bằng kinh

nghiệm đời thường của mẹ, bằng vào sự tin tưởng đơn thuần, “Con người có tánh linh do Thượng Đế ban cho, nên lúc mới sinh ra đã biết cảm nhận.”

Mẹ tôi là người chỉ “dạy trường nhà,” đầu tiên mẹ cho tôi vốn tiếng Việt và sau này đám “học trò nhí” của mẹ là mấy thằng nhóc con tôi. Tuy vậy, kinh nghiệm dạy ngôn ngữ Việt cho trẻ từ lúc mới lọt lòng của mẹ rất hiệu quả, nên được gia đình chúng tôi làm theo cho đến bây giờ.

Khi mấy đứa con tôi lập gia đình và có cháu, tôi luôn theo “sát nút,” giúp và khuyến khích tụi nó dạy tiếng Việt cho mấy đứa cháu nội theo cách của mẹ tôi, nói chuyện và hát ru bằng tiếng Việt cho chúng nghe ngay từ lúc mới sinh ra, kèm với kể chuyện cổ tích, tập hát và đọc tiếng Việt ngoài những lúc đọc sách tiếng Anh cho chúng. Nhớ lời mẹ, tôi khuyên các con tôi khi bọn nhỏ bắt đầu đến trường phải cho chúng cùng lúc đi học ở trường Việt ngữ.

Là một người Việt Nam, tôi biết rất rõ, muốn bảo tồn tiếng Việt, trước nhất phải khuyến khích cho trẻ học Việt ngữ vì chẳng những để giữ gìn ngôn ngữ mẹ, mà còn để sau này chúng đọc được những gì các bậc cha ông lưu lại.

Chuyện cho trẻ học tiếng Việt không quá khó khăn nếu chúng ta chịu tìm hiểu kỹ vấn đề. Các nhà khoa học đã nghiên cứu và khám phá ra trẻ em học hai, ba ngôn ngữ rất tốt cho sự phát triển trí óc của chúng, thậm chí tốt hơn những trẻ em chỉ nói một ngôn ngữ. Tiến Sĩ Judy Willis, nhà thần kinh học Hoa Kỳ người chuyên nghiên cứu về sự phát triển não bộ trẻ em, khuyên các bậc cha mẹ, những người phải nói thêm ngôn ngữ thứ hai, nên dùng ngôn ngữ chính ở nhà với con cái họ vì việc này sẽ giúp ích cho sự phát triển não bộ của các em. Bà cho biết, cũng giống như bắp thịt khi được tập luyện nhiều sẽ rắn chắc, não bộ của các bé nói hơn một ngôn ngữ phát triển khỏe mạnh hơn, chức năng làm việc cũng nhạy bén hơn.

Nhiều cuộc thí nghiệm cho thấy các trẻ sống trong môi trường nói hai hay ba thứ tiếng thực hiện những bài test về sự nhận thức, tập trung, và hồi đáp có mức điểm cao hơn các trẻ nói một ngôn ngữ. Hiện giờ người ta đang khuyến khích những gia đình chỉ nói một ngôn ngữ như tiếng Anh phải cho trẻ học thêm tiếng nước ngoài, hoặc tạo cơ hội để các bé thường xuyên tiếp xúc với những người nói khác ngôn ngữ, như ông bà nội ngoại, người giữ trẻ, sui gia, bạn bè, nhờ họ tập cho chúng hát, kể chuyện cho chúng nghe bằng ngôn ngữ khác để giúp cho bộ óc trẻ phát triển tốt hơn. Cũng theo Tiến Sĩ Judy, tạo cơ hội cho trẻ nói được nhiều hơn một ngôn ngữ, là cha mẹ đã tặng cho con họ một món quà quý giá mà họ không thể nào mua được bằng tiền.

Như những gì các nhà nghiên cứu giáo dục cho biết, học ngôn ngữ đối với trẻ con không khó, nếu người lớn chịu khó dạy dỗ, nói chuyện, tạo cho các em sự thích thú về việc học. Đó cũng chính là phương pháp dạy tiếng Việt đơn giản và hiệu quả của mẹ tôi, chúng tôi đã làm theo từ bấy lâu nay.

Nhưng đến tận bây giờ tôi mới nhận ra, mẹ tôi, người mẹ bình dân giản dị của tôi, qua đời đã để lại nguồn tiếng Việt phong phú và nhiều thơ ca cho con cháu. Tuy tiếng Việt mẹ tôi không uớt át điểm tình, không văn hoa trù tượng cao siêu, mà chỉ là những tác phẩm đơn giản bình dân, nhưng lại rất thật, rất gần gũi với đời thường, dạy cho con cháu biết tề gia nội trợ, làm người tốt, hiểu rõ đạo đức gia đình và xã hội.

Và cũng nhờ lòng yêu tiếng Việt của mẹ, mà khi lớn lên tôi mới có được cái đam mê viết lách như bây giờ. (Trích đoạn trong “Chung Một Ước Mơ” – Tuyển Tập truyện Ngắn xuất bản tháng 10, 2020).

TIẾNG VIỆT MẸ TÔI LƯU DẤU MUÔN ĐỜI

(Lục Bát Dĩ Đề Vĩ Thủ)

TIẾNG mình đẹp tựa muôn hoa
VIỆT Nam Quốc Ngữ như là gấm thêu
MẸ ơi! Con trẻ nhớ nhiều
TÔI luyện Việt Ngữ là điều mẹ mong
LƯU truyền đi khắp Tây Đông
DẤU yêu chữ ngọc quyện trong lời vàng
MUÔN trùng mẹ đã băng ngàn
ĐỜI con đời cháu vô vàn nhớ ơn...■

Phương Hoa

St. Paul's Cathedral, London Và Niềm Tin Yêu Của Tôi!

Kim Oanh



(St. Paul's Cathedral, London - 3.March.2025)

Khi định cư ở Úc năm 1979, vì lời khẩn cầu xin ơn bình an trong chuyến vượt biên. Tôi đã được Đức Mẹ xót thương và ban ân phúc. Kể từ lúc ấy tôi đã trở thành con chiên của Chúa. Tôi không bỏ sót một Thánh lễ nào, dù phải dùng phương tiện công cộng hay cuộc bộ xa xôi.

Nhưng khi lập gia đình, vật lộn với cuộc sống, mỗi 2 tuần phải làm một Chúa Nhật, thế là tôi không đi Lễ thường xuyên. Tuy nhiên tôi tha thiết cho con học trường Đạo, mỗi sáng thứ Hai có buổi lễ cầu nguyện trước giờ học, mặc đồng phục chỉnh tề, đồng phục tùy mùa Đông, Hạ và giờ thể thao, Môn giáo lý như môn Công Dân Giáo Dục ở Việt Nam trước 1975., với kỷ luật nghiêm minh, nữ học sinh không được trang điểm hoặc đeo trang sức, giống y thời tôi đi học trường Tổng Phước Hiệp ngày xưa ở Vĩnh Long vậy.

Khi các con ra trường thì công việc tất bật, việc đi lễ cũng thưa dần, tôi tùy vào con. Cứ ngỡ con sẽ quên dần theo năm tháng.



(St. Paul Cathedral, London 3.3.2025)

Cuối tháng 2 năm 2025 tôi và con gái đến Anh. Buổi tối hai đứa con đưa tôi đi dạo, đến nơi thấy đoàn người sắp hàng dài,. Tôi chưa hình dung được mình đi đâu, vì các con luôn dành cho tôi những bất ngờ, đây thú vị..

Đến 8 giờ 15 phút tối bước vào cửa, con trai kề tai nói. "Mẹ có biết đây là đâu không, hôm nay Vivân tặng mẹ món quà". Bất ngờ thật!. Rất xúc động, khi con cho biết là Nhà Thờ nổi tiếng nhất của Luân Đôn. Một "món quà đức tin", con gái hiểu mẹ cần gì và tha thiết điều gì cho đời sống tâm linh của mẹ.

Sẵn sàng chuẩn bị để xem Nhà thờ St Paul dưới một góc nhìn hoàn toàn mới. Tôi ngỡ ngàng với quang cảnh bên trong. Kỹ thuật ánh sáng mang đến sự kết hợp ngoạn mục giữa nghệ thuật, âm thanh và kiến trúc.





Chương trình này mang những dấu tích lịch sử phong phú, thăng trầm của bao triều đại và cả những cuộc chiến tranh thảm khốc xảy ra. Các bộ sưu tập và kho lưu trữ của Nhà thờ.



Chương trình âm thanh và ánh sáng (Luminous) sẽ làm say đắm và quyến rũ khán giả ở mọi lứa tuổi. Tuyệt vời cho các buổi tối hẹn hò, cùng gia đình hoặc chỉ một mình. Dù chúng ta đứng bất cứ góc nào trong nhà thờ, cũng có thể quay phim, chụp hình, chiêm ngắm vẻ đẹp lộng lẫy này.



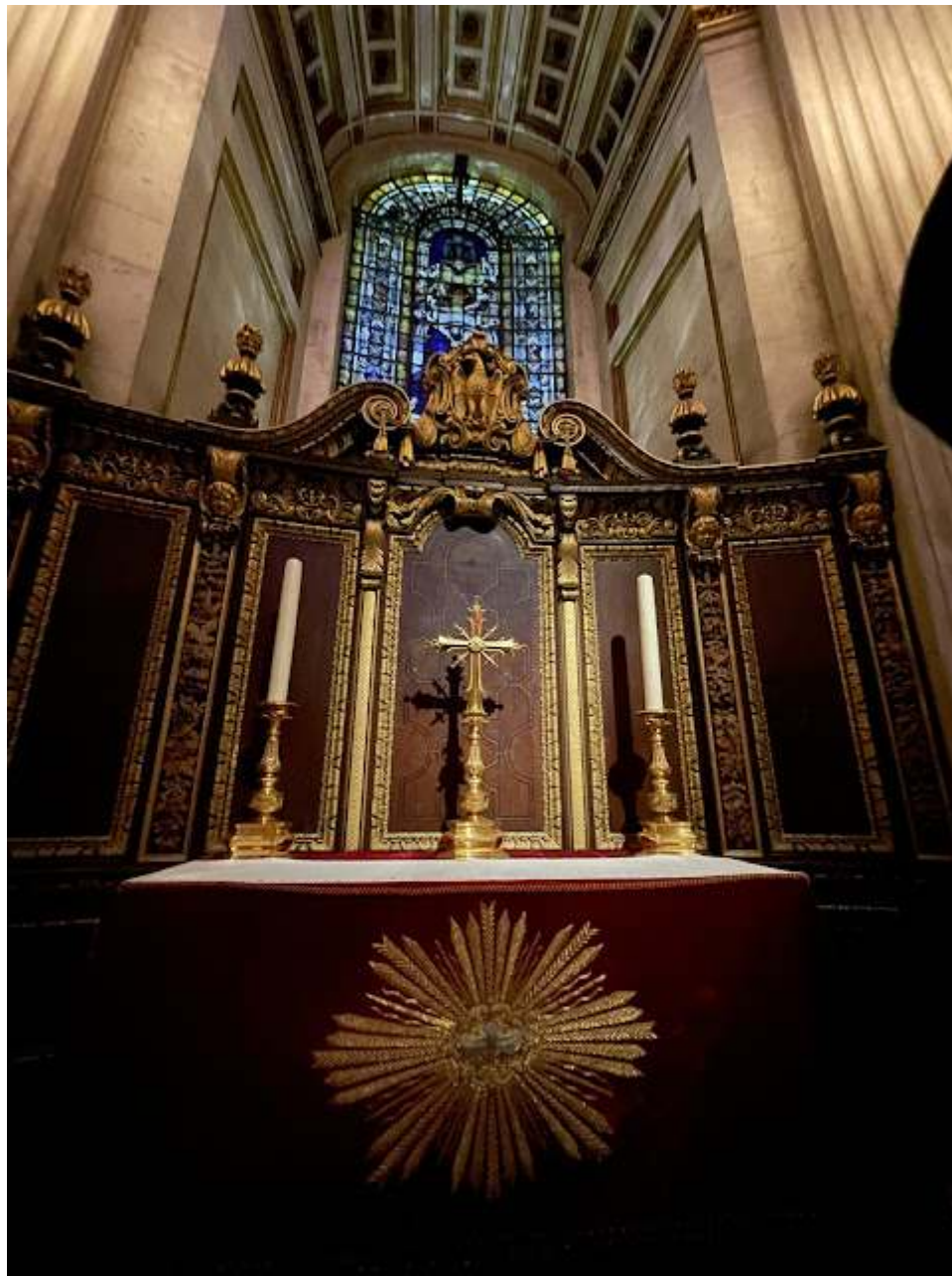
Màu sắc của ánh sáng diễn tả lại lịch sử của nhà thờ, từ khi bắt đầu được thành lập, qua trận hỏa hoạn, và được tạo dựng lại, để có một nhà thờ tráng lệ như hiện nay. Trong khung cảnh này chúng ta đắm mình vào nghệ thuật, kiến trúc lộng lẫy và cảm nhận được sự huyền nhiệm, thiêng liêng!..



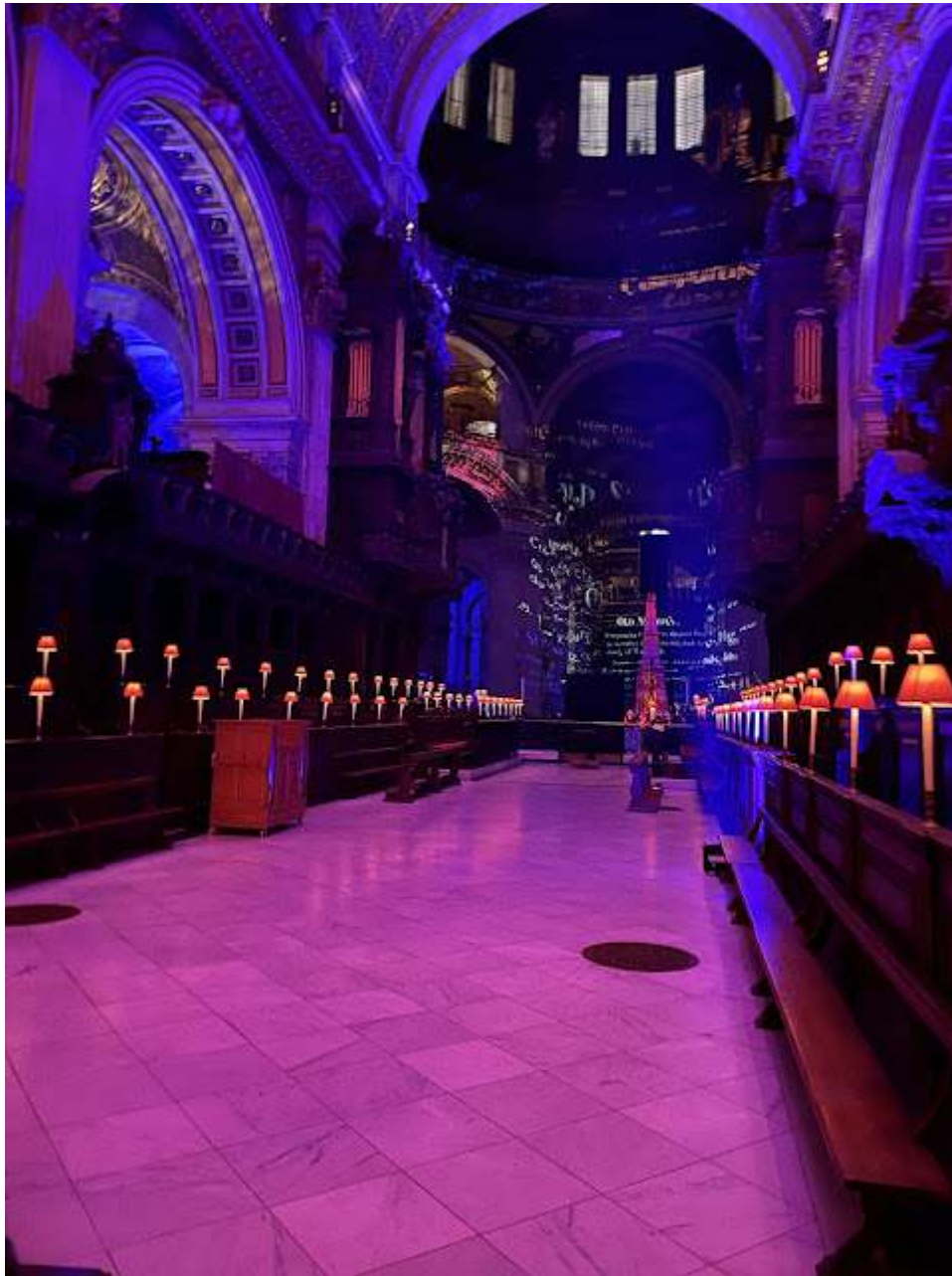
Buổi trình diễn tại Nhà thờ St Paul gần 1 tiếng đồng hồ, khi chấm dứt chương trình, chúng ta có thể thăm viếng xung quanh, mới khám phá ra một rừng khán giả ngồi trong Thánh đường, đông không tưởng, rất trật tự và dư âm vẫn còn nên họ còn sâu lắng trầm tư. Mỗi người đang theo đuổi suy nghĩ của mình. Con trai cho biết đêm nay có hơn 2 ngàn người đến viếng thăm và chiêm ngắm.



(Bàn thờ Cung Thánh)

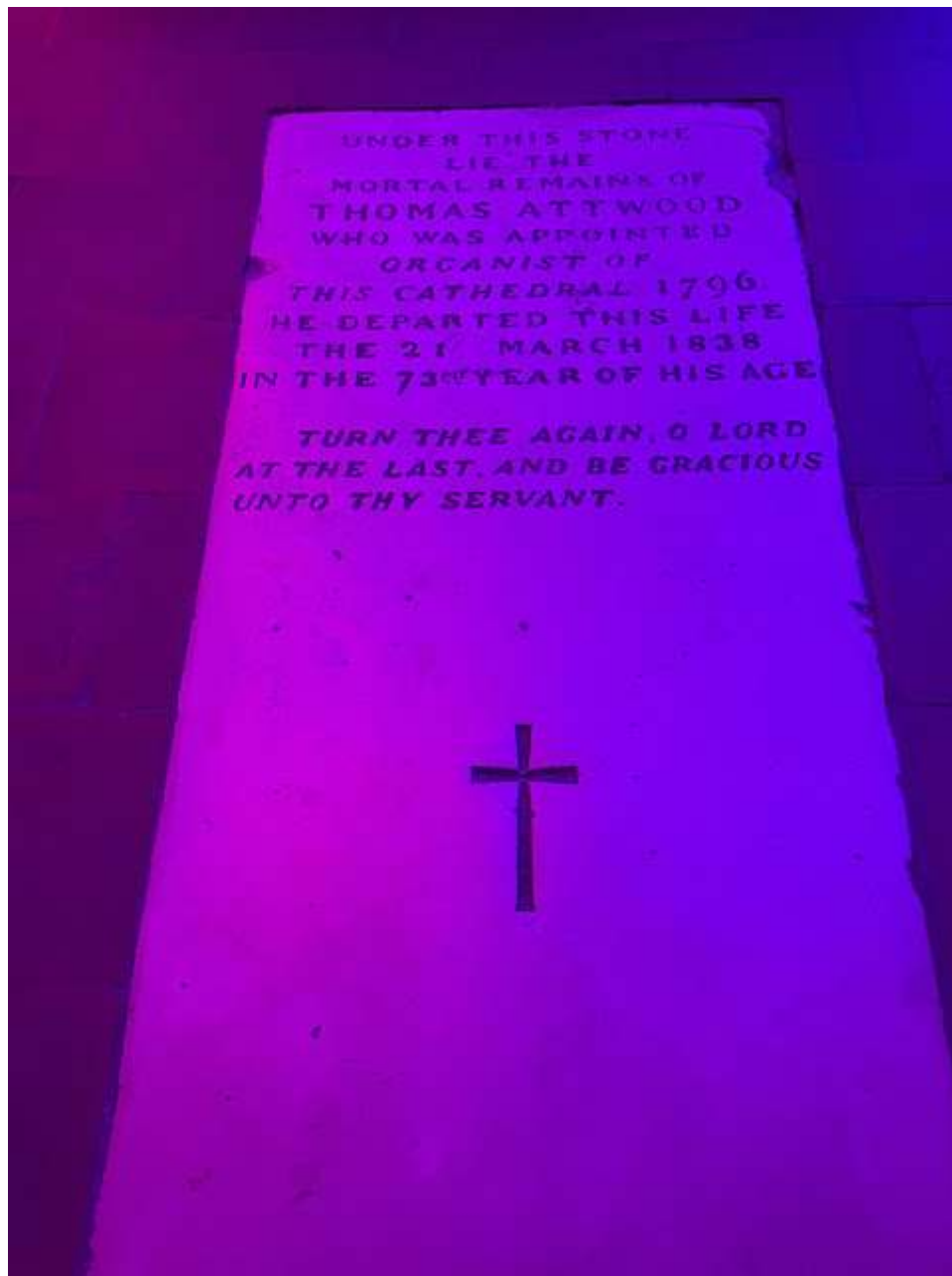


Bánh và Rượu nho. Chúa Kitô thực sự hiện diện trong hai chất thể. Có tin như vậy thì việc rước Mình, Máu Thánh Chúa mới thiêng liêng cho người lãnh nhận.



(2 Bên hàng đèn, nơi Ca Đoàn ngồi)

Con trai vui mừng cho biết " mẹ hên quá, hôm nay họ cho mình đến bàn thờ Cung Thánh và nơi Ca Đoàn ngồi", thường họ giăng dây không cho vào. Làm lòng tôi đầy hân hoan, thật diễm phúc, cười nói với con " Mẹ được ơn Thánh đó" và thầm tạ ơn trong lòng..



Sau đó chúng tôi đi xuống tầng dưới, nơi nhiều người lính, nghệ sĩ và những vị trí thức nổi tiếng đã được chôn cất trong hầm mộ, bao gồm cả Lord Nelson, Công tước Wellington, và Wren, một trong những người đầu tiên được chôn cất tại đây.





Phía trên nơi an nghỉ của ông là bia mộ của Wren, do con trai ông ghi lại, kết thúc bằng câu thường được trích dẫn

“Lector, si monumentum requiris, circumspice,” có thể dịch là *“Người đọc, nếu bạn tìm kiếm một tượng đài, hãy nhìn xung quanh bạn.”*



Thời gian có hạn, nhà thờ đóng cửa, tôi ra về trong tiếc nuối ngấn ngợ, lòng tràn đầy tin yêu và thanh thản. Ai trong đời một lần được " Mẫu nhiệm của yêu thương" sẽ cảm nhận được lòng tôi lúc này.





Mẹ cảm ơn con gái, đã cho mẹ một đêm thật hạnh phúc, bình an và thánh thiện! Một món quà tinh thần vô giá.

Con Tạ ơn Mẹ Maria và Chúa đã ban cho con, hai đứa con biết sống chân tình, thương yêu, chan hòa và cùng cảm nghiệm được mầu nhiệm ân Thánh Chúa và Mẹ Maria!

Xin mời xem đêm St Paul's presents 'Luminous' by Luxmuralis

https://youtu.be/fygB-Xuidj0?si=zNYXbKQ_yzg7su5H

Kim Oanh

London 3.March.2025

* Hình Ảnh: Kim Oanh

Gởi Đi Xa

Cao Mỹ Nhân

Thường trong văn chương Hán Nôm xưa, có những cảnh rất thực tế, mà cũng rất ...cổ phong. Tôi chẳng biết nói thế nào cho đúng, nhưng trộm nghĩ, dùng chữ "cổ phong" có vẻ được.

Số là tôi muốn kể một chuyện buồn... cổ phong, nhưng cũng đời nay. Hoá cho nên tôi sẽ dấu bớt những phong hoa tuyết nguyệt Đường thi, mà chỉ đề cập tới " chuyện như tượng niệm " một bậc nữ lưu nào khi đã âm dương cách trở.

Bắt đầu Tiêu Bích gởi cho tôi sau khi đọc 2 bài nhà thơ Trần Từ Mai dịch:

" Ký Viễn của Lý Bạch và Giang Lâu Thư Hoài của Triệu Hổ ".

Hôm nay đặc biệt chỉ nhắc tới Ký Viễn Lý Bạch mà nhà thơ Trần Từ Mai dịch là:" Gởi đi xa ".

Vậy nhà thơ Trần Từ Mai gởi gì, cho ai đi xa ?

Thì đang nói chuyện thơ, nên gởi thơ cho nhân vật nữ đi xa ,

" Chăn thêu cuốn gọn ai nằm
Ba năm vẫn lắng âm thầm dư hương..."

Trần Từ Mai

Nguyên bản là:

Sàng trung tú bị quyển bất tâm
Chí kim tam tải vẫn dư hương

Lý Bạch

Diễn nghĩa:

Trong giường chăn thêu đã cuốn lại, không ai nằm
Tới nay đã ba năm, vẫn còn nghe hương thừa

Trần Từ Mai

Hai câu này sui ta nhớ đến 2 câu vua Tự Đức khóc Bàng Phi:

" Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi..."

Vua Tự Đức

Tiểu Bích thẩm ý câu :

" Ba năm vẫn lắng âm thầm dư hương" nhà thơ Trần Từ Mai dịch, nói lên nỗi buồn trông vắng của một người nhớ một người, mà biết chắc không bao giờ gặp lại nữa .

Do đó, Tiểu Bích chia sẻ cho tôi đọc 2 bài thơ dịch của nhà thơ Trần Từ Mai viết, đặc biệt câu :

" Ba năm vẫn lắng âm thầm dư hương "

Được dùng làm tiêu đề cho nội dung thư qua thư lại giữa Tiểu Bích và tôi.

Tôi vốn sinh hồi âm kiểu thơ khứ hồi xướng họa này, tôi bèn viết bài thứ nhất gửi Tiểu Bích, ý nói về câu chuyện 3 năm trên.

BA NĂM HƯƠNG LỬA

Ba xuân nào đủ chuyện trăm năm
Chắc phải thiên thu ấm chỗ nằm
Khi cỏ vàng trời trên mộ đất
Lúc nàng xanh tóc buổi cài trâm
Người đi hoa úa tàn thương tiếc
Ta đợi trắng xa xót lỗi lầm
Khách vắng bao lâu chưa trở lại
Thời gian ập ù tháng ngày cam ...

Hawthorne. 12 .am. 23-7-2017

Cao My Nhân

Tiểu Bích hồi đáp :

...Chưa ngót đoá hương, chị đã xong nhất tuyệt tác...

...Bài của chị khiến em đọc xong lại ngẩn ngơ, mong bài thơ dài thêm...

Làm sao dài thêm được trừ phi MỸ tỹ làm thêm thử họa với chính mình .
Tự mình xướng họa không cô đơn đâu, mà chính là sự thanh vị tao nhã .
Chao ôi, người đẹp văn khoa Hán học này, khiến chi cũng có vẻ như ý thiên hạ quá .

Cao My Nhân lãnh ý đề bài tự họa ngay :

LĂNG ĐĂNG BÊN TRỜI

Khách vẫn bên trời rồn tháng năm
Cho ta hờn tủi nổi riêng năm
Đêm qua thơ đến còn chưa tạ
Sáng tới tình tan mãi thả trâm
Cứ tưởng xuân tàn, nên nhận lỗi
Nào hay tuổi ngọc, chắc không lầm
Người ơi, e cũng như mình nhi
Tuyệt đỉnh sầu thương bóng dáng cam ..

Hawthorne 11.11 am 23-7-2017

CAO MỸ NHÂN

Tiểu Bích xuất thân "Văn Khoa", là đệ tử của giáo sư Trần Huy Bích, tức thi sĩ Trần Từ Mai nêu trên , có lẽ cảm kích 2 bài dịch của giáo sư thi sĩ, nên có ý cho tôi và quý vị phụ nữ đọc để thấy cái hay, của một nhận định bao dung từ bậc thầy Tiểu Bích như sau:

...Tất cả những người nữ trong thế gian theo "giáo sư" trên, bất cứ người nữ nào sau khi từ biệt cõi đời này, cũng xứng đáng được chồng(hay ý trung nhân) nghĩ tưởng nhớ đến bằng những lời lẽ tình cảm chân thành như thế ...

Cuối cùng vị giáo sư thấy tôi múa gậy vườn...hoa (không phải vườn hoang đâu nhé) của anh, người đang luyện kiếm bên trời, nhân vật thơ của Cao My Nhân, giáo sư Trần Huy Bích bèn họa một bài cho đệ tử, cũng là nghĩa muối ông, để nàng chuyển cho Cao My Nhân tôi, làm tài liệu xướng họa cho vui.

TRẦN TỪ MAI KÍNH HOẠ

Đừng nói làm chi chuyện tháng năm
Nhân gian đâu phải chỗ vui nằm
Tam niên tam nhật là tiên cảnh
Ngàn dặm ngàn ly với bảo trâm

" Dao thảo ngọc sa" ghi chốn hẹn
" Chung minh đỉnh thực " tránh nơi lằm
Thầy Uyên vẫn đợi bên ngòi biếc
Hạc trắng loan vàng vốn chẳng cam .

23-7-2017

TRẦN TỬ MAI

Chú thích:

Ba năm chốn nhân gian là 3 ngày tiên giới.

Bảo trâm : với chiếc ngọc trâm của tiên tử ngàn dặm chỉ thu còn 1000 millimetre = 1 metre thôi .

Thế là mình cấp tốc gọi cho anh, thấy chưa, một nhà mô phạm khuôn vàng thước ngọc còn biết cảm thương người nữ mệnh chung, còn anh, chắc mình : " Khi cỏ vàng trời trên mộ đất" , anh cũng xem như ánh thép vụt ngang trời thôi...

Ô hay, người tình thì yên nghỉ ở mộ thơ, chứ mộ đất , mộ cát sao được, còn người thơ xin nằm dưới mộ hoa, biết thế rồi mà, nhưng người thơ đòi ở đời tới 105 tuổi, nhớ không ?

Anh sẽ trông cả một rừng hoa khi người thơ vắng thế ...Đẹp chưa? ■

Rancho Palos Verdes 14 - 8 - 2025

CAO MỸ NHÂN

Song Lyrics

The Coffee We Poured

Sóng Việt-Đàm Giang

Introduced and Translated by Thomas D. Le

Listen to the song written by **Phạm Anh Dũng**https://www.youtube.com/watch?v=J71YjGjzx7A&list=RDJ71YjGjzx7A&start_radio=1

The flavor and taste of this cake and tea triggered in this French author of the early twentieth century a flood of involuntary memory that inspired him to create what the *Guinness World Records* calls the longest novel ever. This cake is *la madeleine*, the writer Marcel Proust, and the book is *A la recherche du temps perdu*. Originally translated into English as *Remembrance of Things Past* the book now has a more literal title in English *In Search of Lost Time*. The book has roughly 9,690,000 characters corresponding with nearly 1,3 million words, and comprises seven volumes.

But it is not the size of the masterpiece that I am interested in; it's the long-term memory which evokes past experiences in a long train of images, sights, sounds, and emotions of a bygone time.

Sóng Việt-Đàm Giang must have a similar experience with involuntary memory when she penned this memorable poem. It is a record of recollections from the depths of her heart, clothed in supremely evocative expressions of personal emotions of the most spontaneous kind. It is more than a poem; it is her voice, her heart, and her being without fanfare.

The fragrance of love, the swirling steam, and the warmth that mingles with our breath. That, sweetheart, is the coffee we pour each other amidst variegated spring flowers, through the luminous summer days, while holding hands in the soft autumn drizzle, and huddled together against the gloomy winter cold.

Each season we make coffee our indissoluble bond; each day we make coffee our unbreakable ritual. How can I forget the moments we spent by each other's side, over the hot coffee, your arms around me, your eyes twinkling with happiness, and your laughs so vibrant with joy? I cherish those supreme moments of togetherness, and still bask in the glow of your radiant face.

As each day dawns I come to you with a rosebud in hand, an affectionate heart, and a cup of coffee that we share. More than just a brew, our coffee keeps us warm, together, and secure. Did you not say how comfortable you felt with me, and how thrilled you were with my touch that you call magic? That is, sweetheart, because the coffee I make is the daily love potion you want for us. Now and forever.

TDL

4 April 2004, augmented 10 September 2025

Cà Phê Mình Rót Cho Nhau***The Coffee We Poured***

Cà phê anh rót cho em
 Cho ta cùng uống những ngày đầu xuân
 Cà phê em rót cho anh
 Cho ta cùng uống những ngày hè vui
 Cà phê thơm ngát hương thu
 Cho nhau hơi ấm những ngày hàn đông.

*The coffee that I poured for you, my dear,
 Let's drink it up to those budding spring days.
 The coffee that you poured for me, my dear,
 Let's drink it up to merry summer days.
 The fragrance that graces the autumn brews
 Warms up our hearts through those cold winter hues.*

Anh nhớ mãi, mắt nhung huyền yêu dấu
 Êm như thơ, như mặt nước hồ thu
 Anh còn nhớ những phút giờ êm ái
 Em với anh quấn quýt tay trong tay.

*I will fore'er hold your lovely soft eyes
 As sweet poems reflect the autumn lake.
 I still recall those fond moments of days
 When you and I unite in tight embrace.*

Anh còn nhớ tiếng em cười em rộn rã
 Vui như oanh ca hát đón mừng xuân
 Anh còn nhớ những nụ hôn nồng cháy
 Mắt long lanh thiết tha trong tình say.

*I'll always remember your lively laughs
 Echo the oriole's spring song with grace.
 And I love those burning kisses of yours
 That make your eyes shine in ecstatic bliss.*

Anh đến với em,
 với hoa hồng sáng sớm
 Với cà phê, trong tình thắm vạn niên.

*I c I came to you gently, my sweetheart dear,
 Da Dainty rosebud in hand this morning clear,
 An And this coffee for our eternal love.*

Anh đến bên em,
 với tim nồng máu thắm
 Và tình yêu bất diệt không phai pha. ■

*I came to you my cherished darling dear,
 With my blood-red seething heart full of love,
 Undying tenderness year after year. ■*

SVDG. Hè 2003

TDL. 18 August 2003

Cà Phê Mình Rót Cho Nhau - The Coffee We Poured

Poem by Sóng Việt Đàm Giang
Music written by Phạm Anh Dũng
Arranged by Kim Tuấn
Interpreted by Quang Minh



Listen to the song

https://www.youtube.com/watch?v=J71YjGjzx7A&list=RDJ71YjGjzx7A&start_radio=1

CÀ-PHÊ MÌNH RÓT CHO NHAU

Thơ: Sóng Việt

Nhạc: Phạm Anh Dũng

andantino

Cà - phê anh rót cho em Cho ta cùng uống những ngày đầu
xuân Cà - phê em rót cho anh Đôi ta cùng uống cho trọn tình

moderato

nhau Anh nhớ mãi, mắt nhung huyền yêu dấu Em như mơ, như
mặt nước hồ thu Anh còn nhớ phút thần tiên êm ái Em với
anh quấn quít tay trong tay Anh nhớ mãi tiếng em cười rộn rã
Vui như oanh ca hát đón mừng xuân Anh còn nhớ những nụ hôn nồng

andante

cháy Mắt long lanh thiết tha trong tình say Anh đến với
em, với hoa hồng sáng sớm Với cà - phê trong tình
thắm vụn niên Anh đến với em, với tím nồng mầu
thắm Và tình yêu bất diệt không phai 2003



ĐI CHƠI CHÙA HƯƠNG

Truyện của NGUYỄN GIỮ HÙNG

CHƯƠNG IV

ĐƯỜNG VỀ NHÀ

Đường về nhà

Sáng dậy, mọi người thu xếp mọi thứ để lên đường về Hà Nội sớm. Trước khi rời khỏi nhà, Thi cầm hai chiếc vòng đá màu xám nâu mua hôm qua đưa cho tôi. Tôi nhờ Thi đeo cho Mơ một chiếc và đeo cho Uyên một chiếc.

Uyên và Mơ cảm ơn Thi rồi rít vì món quà bất ngờ vào giờ chót. Thi cười rồi chỉ vào tôi:

- Hai chị cảm ơn người này này! Ý kiến của anh ấy đây, tiền cũng của anh ấy nữa. Em chỉ giúp chọn mua dùm thôi.

Hai cô cùng cảm động. Mơ nắm tay tôi siết chặt.

Chúng tôi cùng ra bên xe. Mơ đi theo. Xe khách chưa tới, chúng tôi cùng nhau ghé vào quán hàng ăn sáng cho khỏi bị đói trên đường về Hà Nội. Chỉ cách Hà Nội có 60 cây số thôi mà chúng tôi phải mất tới hơn hai giờ đường.

Xe khách tới, tôi trả tiền cho bà bán hàng rồi cùng đứng dậy ra xe. Xe chưa có khách lên nên tôi hy vọng sẽ chọn cho Uyên và Thi chỗ ghế ngồi tốt, không bị nắng hắt soi vào mặt khi xe chạy. Trước khi bước lên xe, tôi dúm vội vào túi áo Mơ một số tiền mà tôi biết chắc, nếu tôi đưa trước cho Mơ, cô sẽ không nhận thù lao với số tiền nhiều như thế. Cũng may, từ khi học lên bậc tú tài rồi đại học, tôi tìm được những công việc đi dạy kèm cho “con em” nhà giàu, hay mở lớp luyện thi cho những nhóm nhỏ để kiếm tiền thêm nên sự chi tiêu cũng được có đôi phần rủng rinh hơn xưa.

Mơ cứ đứng dưới đất nói chuyện hồi lâu với Uyên qua khung cửa sổ xe. Khi khách đã lác đác lên xe Mơ mới vẫy tay chào chúng tôi rồi tắt motor về nhà hoặc trở lại bến đò Yên đón khách. Uyên và Thi cứ nhìn theo Mơ cho đến khi bóng dáng cô khuất sau dãy hàng quà.

Tôi ngồi bên Thi. Nàng nghiêm trang không nói. Uyên nhìn sinh hoạt ở bến xe một cách lơ đãng. Tiếng hành khách lên xe đã ồn ào, nói chuyện lao xao.

Xe đã đầy khách. Xe bắt đầu chuyển bánh, anh “lơ xe” đập tay “thùng thùng” vào sườn xe để mọi người dưới bến biết mà tránh ra xa. Vì là chuyến xe sớm, ít người qua lại gần đó nhưng anh vẫn vỗ, có

lễ anh ta vỗ vì thói quen, cứ xe chạy là phải làm cái “nghi thức” ấy. Chẳng khác gì anh “lơ xe”, bác “tài xế”, thỉnh thoảng cũng bấm vài tiếng còi inh ỏi. Tôi chẳng hiểu tại sao bác bấm nữa. Có lẽ bác bấm còi theo cái thói quen thường lệ, bấm còi mà không biết mình bấm, hay bấm chơi cho vui, hoặc cũng có thể bác cứ bấm còi cho chắc ăn. Chỉ có điều thật buồn cười, bác tài làm mấy con gà kiểem ăn bên kia hàng rào bên đường giật mình bay tán loạn bởi tiếng còi xe. Cái thói quen không cải sửa nên dễ trở thành cái tật. Thành “tật” rồi thì quả thật hết thuốc chữa.

Nhìn qua cửa sổ xe, mọi thứ như đang kéo nhau chạy lùi lại phía sau. Uyên ngồi bên cửa sổ, tới Thi rồi mới tới tôi trên cùng hàng ghế. Tôi nắm tay Thi để trên đầu gối tôi. Tôi cảm như thấy hơi ấm áp và sự mềm mại của bàn tay ấy đang truyền sang bàn tay tôi. Thỉnh thoảng tôi bóp nhẹ, nàng chỉ mỉm cười không nói.

Để giết thì giờ nhàm chán trên xe, tôi nói với Thi, cũng là để nói với Uyên về chuyến đi chơi chùa Hương hai ngày vừa rồi:

- Chúng ta đi chơi kỳ này thật vui và học hỏi được nhiều thứ lắm. Đặc biệt ta lại quen biết cô Mơ nữa, một người tiêu biểu cho người dân quê nước ta. Tuy họ có cuộc sống lam lũ nhưng bản chất lại là người thật thà, chất phác và hiếu khách nữa. Sức mạnh của dân tộc ta nằm ở chỗ những người ấy. Họ biết chịu đựng trong cuộc sống khó khăn, nhưng họ lại chính là những người biết hy sinh cho đại cuộc trước tiên khi đất nước cần đến. Thật đáng quý thay!

Thi chợt hỏi tôi:

- Em cứ nghe nói Phật Bà rồi Bà Chúa Ba về đây tu đắc đạo. Anh kể cho em nghe được không?

Tôi trả lời Thi:

- Theo cuốn *Nam hải Quán Thế Âm* kể lại, vào khoảng thế kỷ đầu Công nguyên, Hương Tích là nơi tu hành của Công chúa Diệu Thiện, con thứ ba của vua Diệu Trang, thuộc Vương quốc Hung Lâm bên Tây Trúc (Ấn Độ). Theo dân gian, người ta quen gọi công chúa Diệu Thiện là Bà Chúa Ba. Bà tu hành chín năm ở động Hương Tích, đắc đạo trở thành Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, sau trở về quê nhà diệt trừ cái ác, đáp hiếu cha mẹ, phổ độ chúng sinh.

Theo Phật thoại truyền miệng thì theo các cụ *bô lão làng Yên Vĩ* kể rằng vì bà quyết chí tu hành, không tuân theo lời cha, nên bị vua cha sai lính giết. Ngọc Hoàng sai thần linh hóa hổ cứu công chúa Diệu Thiện. Mãnh hổ công bà vào núi Hương Sơn. Chỗ bà xuống đầu tiên là hang Thánh Mẫu, còn gọi là am Phật Tích. Tương truyền trong hang còn dấu in một bàn chân của bà trên đá và am Phật Tích có tên từ đó. Bà sang tắm gội ở một vũng nước suối trong hang bên cạnh để rửa nỗi oan ức bụi trần. Chỗ đó sau thành chùa Giải Oan vì có giếng Giải Oan. Giếng này còn gọi là Thiên Nhiên Thanh Trì. Trước cửa hang có suối gọi là suối Giải Oan.

Cũng theo Phật thoại truyền miệng, các cụ *bô lão làng Phú Yên*, làng của tuyến Tuyết Sơn, kể có hơi khác rằng khi mãnh hổ công Bà Chúa Ba đến núi Hương Sơn, ban đầu bà tu hành ở chùa Hòa Quang, nay là nền đình làng Phú Yên, rồi bà lên núi tĩnh tâm, tu hành ở động Tuyết Sơn. Sau đó bà về tu ở động Hương Tích và bà thành đạo ở nơi đó.

Động Hương Tích còn có một lịch sử được ghi rõ ràng trong *cuốn thơ cổ “Quán Thế Âm Diệu Thiện”* Ngải Quán Thế Âm Diệu Thiện đắc đạo tại Hương Tích.

Hội chùa Hương được diễn ra gần như suốt mùa Xuân, từ *mùng 6 tháng Giêng cho hết tháng Ba*, tức hết quý đầu của vòng luân hồi Xuân, Hạ, Thu, Đông của một năm. Ngày mở hội Phật Bà rơi vào *ngày 19 tháng Giêng* hàng năm, tức ngày đản sinh của Bà Chúa Ba.

Các chùa ở Hương Sơn đều có tượng thờ Bà Chúa Ba. Ở đây, có 14 chùa thường được biết đến thì có 8 chùa nằm ngoài động, 6 chùa nằm trong động. Trong số chùa nằm trong động thì có 3 chùa chính là chùa Hương Tích, chùa Hình Bồng và chùa Tuyết Sơn.

Tôi cũng cho Uyên và Thi biết:

- Chùa Hương tức Hương Sơn, quả là một danh lam thắng cảnh, được coi như “son kỳ thủy tú”, “bồng lai tiên cảnh” trên đất nước ta. Chẳng thế, bao thi nhân của thời xưa cũng như thời nay đã để lại cho chúng ta biết bao nhiêu tuyệt tác về Hương Sơn. Những vị “thánh thơ” đóng góp vào đó phải kể đến là Tỉnh vương Trịnh Sâm, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, cùng với những bậc thi nhân xưa như Nguyễn Khuyến, Bùi Di, Nguyễn Cao, Vũ Phạm Hàm, Chu Mạnh Trinh, Dương Lâm, Nguyễn Thấu, Trần Huy Luyện, Tản Đà, Đoàn Như Khuê, và những thi nhân gần gũi quen thuộc với chúng ta sau này như Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Anh Thơ, Chế Lan Viên, Hoàng Cầm, Nguyễn Nhược Pháp, Hằng Phương ... và tất nhiên còn rất nhiều nhà thơ khác nữa trong tương lai.

Như để tóm tắt vài ý nghĩ của tôi cho chuyến đi:

- Tôi với chùa Hương như để ngắm nhìn cho thỏa thích một bức tranh thiên nhiên hoàn hảo của sự hài hoà giữa cái chập chùng, hùng vĩ của núi non với cái mềm mại của những dòng suối chảy quanh co, và hòa trong cái êm dịu của màu xanh cây rừng, đồng lúa, hay những thung mơn.

Tôi với chùa Hương là ta về với đất Phật nói chung hay với Phật bà Quán Thế Âm tức Bà Chúa Ba nói riêng. Ta đi hành hương chùa Hương là ta thực hiện được sự tiếp xúc giữa con người với thiên nhiên, con người trong tín ngưỡng; là ta tìm sự lắng đọng tâm hồn, tự gột rửa bản thân để hội nhập với cái chân, thiện, mỹ của vạn vật.

[Tôi với chùa Hương cũng thể hiện những khát vọng của đời thường. Chùa Hương mở rộng cửa cho mọi tầng lớp xã hội, không kể sang hèn, giàu nghèo. Trong tâm thức của đồng bào Phật tử, họ tin đây là đất Phật linh thiêng có thể giúp họ thực hiện được những ước mơ hay giải trừ cho họ được những kiếp nạn. Ở đây *nổi bật lên văn hóa phồn thực*, nghĩa là cầu xin cho sinh sôi nảy nở, như nhà nông cầu xin nhiều gạo cao như “đụn gạo”, cầu xin chuồng lợn đầy lợn, ao cá đầy cá. Kẻ buôn bán thì cầu xin tài lộc được như “cây vàng”, “cây bạc”. Kẻ có bệnh thì tin rằng “bầu sữa mẹ” có thể cho họ những giọt thuốc tiên để chữa lành bệnh. Kẻ hiếm muộn thì muốn “cô”, “cậu” theo về làm con. Kẻ có nhiều oan trái mong uống nước hay tắm gội với dòng suối “Giải Oan”. Do đó hội chùa Hương còn gọi là “*hội cầu may*”]⁽¹⁾

Dù nhìn dưới góc độ nào, người đến chùa Hương với nhiều mục đích khác nhau, nhưng những yếu tố kể trên đã kết hợp lại thành *văn hoá chùa Hương*.

Tôi đang thao thao nói thì tôi thấy đầu Thi dần dần dựa hẳn vào vai tôi. Nhìn ra, tôi đã thấy Thi ngủ. Tôi ngồi im lặng ngắm nhìn Thi, hai má nàng mịn hồng, những sợi gân xanh hiện mờ nhạt ẩn dưới làn da mỏng. Hơi thở nàng đều đều. Tôi nhẹ vén sang bên vành tai vài sợi tóc mai còn đang nhẹ bay bay phất phơ trên mặt nàng. Khuôn mặt thật hồn nhiên như trẻ thơ.

Tôi sẽ cúi xuống, lần tay xuống ba-lô lục lấy ra chiếc vòng đá xanh màu cẩm thạch tôi mua hôm qua, nhẹ đeo vào cổ tay Thi. Tôi nhìn Thi mỉm cười vì tôi nghĩ khi Thi tỉnh dậy sẽ rất sung sướng nhận ra trên cổ tay mình có chiếc vòng đá này.

Tôi chợt thấy Thi nói:

- Cảm ơn anh!

Tôi vẫn thấy nàng nhắm mắt yên bình. Liên sau đó, Thi chợt cựa mình, sửa lại thế ngồi cho thoải mái hơn, tất nhiên là đôi mắt vẫn nhắm và thở đều đều. Bây giờ thì Thi ngồi xích gần lại tôi, đầu vẫn tựa vai, hai tay nàng đang ôm lấy cánh tay tôi. Tôi nhìn Uyên nói nhỏ:

- Chắc Thi ngủ say rồi!

Uyên nhìn tôi rồi lại nhìn cô em, khẽ phì cười rồi lại quay đầu lơ đãng nhìn ra ngoài cửa xe. Uyên có cái đẹp của một người con gái đã trưởng thành, hiền dịu, đắm thắm và thật nhiều tình cảm. Tất nhiên là Uyên rất thương yêu và bảo vệ cô em gái của mình. Những sợi tóc dài của Uyên đang bay về phía sau gáy.

Xe vẫn chạy, Thi vẫn ngủ, thời gian cứ trôi đi. Tay tôi đã bắt đầu thấy mỏi. Tôi nhẹ rút tay tôi ra khỏi hai tay Thi đang ôm cứng. Tuy rất nhẹ nhưng cũng đủ làm Thi tỉnh dậy. Thi hỏi tôi:

- Sắp tới bến chưa anh?

Uyên trả lời thay tôi:

- Sắp tới nơi rồi. Ngủ gì mà say thế!

Thì ngược mắt lên nhìn tôi hỏi:

- Em ngủ say lắm hả? Có lâu không?

Tôi trả lời:

- Tất nhiên là ngủ say và lâu rồi! Tôi đùa chỉ lên mép thi:

- Lau nước dãi (nước miếng) đi em! Ở hai bên mép kìa.

Thì vội đưa tay lên chùi mép. Thấy không ướt, biết mình bị lừa nên cứ hai tay nằng đấm vào tôi và khê khê lên:

- Ghét anh lắm! Ghét anh lắm! Anh lừa em! ... Anh lừa em!

Tôi nghiêng mình sang bên cho Thi đánh rồi cười. Uyên cũng cười theo:

- Cô em này cũng dữ quá chứ hả! Đâu có vừa gì đâu!

Thì quay sang chị nói nhỏ như phân bua:

- Tại anh ấy chứ đâu phải tại em!

Tôi và Uyên lại cười. Tôi nhắc cho Thi nhớ:

- Có lần em cũng lừa anh như thế ở vườn sau nhà. Nhớ không?

- Em nhớ! Sao anh thù dai thế! Thi phụng phịu nói.

Thì tiện tay “véo” (nhéo) lên cánh tay tôi một cái nhẹ rồi mới chịu ngồi yên. Tôi nói đùa Thi:

- Anh phải đặt tên em là “Thì véo” mới phải.

Thì cười rồi véo tôi thêm cái nữa. Thì bỗng nhìn tôi với cặp mắt rất đáng “yêu”, vừa đưa chiếc vòng tay lên vừa nói:

- Cảm ơn anh đã tặng em chiếc vòng này! Em sẽ giữ nó mãi mãi!

Tôi lại đùa:

- Giữ mãi là phải rồi! Ai lại nỡ vứt đi chiếc vòng đẹp như thế này, trừ khi nó vỡ.

Tất nhiên là Thi lại “tặng” cho tôi thêm một cái véo nữa trước khi nói:

- Em thấy lúc anh mua chiếc vòng này với cái nhẫn. Anh nhìn trước nhìn sau rồi bỏ ngay vào ba-lô, mặt tỉnh bơ. Em buồn cười quá nhưng phải nín. Lúc đó em thấy cảm động lắm. Anh vờ cũng hay thật đấy!

Xe từ từ vào bến. Đợi mọi người xuống vãn, chúng tôi mới kiểm soát lại hành lý rồi cùng theo họ xuống bến xe. Chúng tôi thuê xe tay trở về nhà trọ.

Về tới nhà, mọi người đều thấy thật thoải mái với nơi ấm cúng của mình. Tôi về phòng riêng. Hai cô vội thay quần áo rồi chuẩn bị cho bữa cơm trưa. Chúng tôi trở lại bàn ăn. Cả hai cùng rạng rỡ, tươi mát trong bộ quần áo cánh mặc ở nhà.

Chúng tôi có cả gần một ngày để nghỉ ngơi.

* * *

Sau bữa cơm tối. Chúng tôi ra sân, cùng ngồi chơi dưới giàn hoa và dưới ánh đèn điện ngoài đường hắt vào mờ ảo như ánh sáng trăng. Chúng tôi lại nhắc tới cô Mơ. Tôi cho biết là tháng tới tôi sẽ trở lại Hương Sơn để đem Hội về giới thiệu cho Mơ. Hy vọng là hai người sẽ trở thành đôi bạn tốt của nhau.

Thì hỏi ngay:

- Thế họ không thành vợ chồng à?

Uyên phì cười, thay tôi trả lời:

- Cô này trẻ con thật. Cứ quen nhau là phải thành vợ chồng à! Mình đã nói là chỉ giới thiệu chứ mình có “làm mai” đâu nào.

- Ừ nhỉ, em quên! Thì tiu nguỉu trả lời.

Uyên quay lại nói với tôi:

- Khi nào anh đi, em sẽ mua quà và nhờ anh mang tặng chị ấy hộ em ít vải may quần áo nhé.

Thi cũng chen vào:

- Em sẽ tặng chị ấy đôi “guốc son” (guốc sơn đỏ), một chai nước hoa nhỏ với thỏi son.

Tôi và Uyên cùng cười rộ. Uyên nói:

- Em tặng quà cứ như cho người ở Hà Nội ấy. Mà thôi, như thế cũng được!

Những câu chuyện về chùa Hương được đem ra. Hai cô hỏi tôi những câu hỏi tưởng chừng như ngớ ngẩn và tôi có cảm tưởng hai cô đã coi tôi như chính là người đã xây dựng nên chùa Hương không bằng. Tuy nhiên tôi cũng rất hài lòng khi thấy hai cô đã tin tưởng nơi tôi với lòng ngưỡng mộ. Tôi tự mỉm cười với ý nghĩ “vơ vào” ấy.

Sau vài câu chuyện về dự định cho chuyến đi chơi trong những ngày nghỉ lễ tới. Uyên muốn đi ngủ sớm nên xin phép đứng lên vào nhà. Tôi và Thi còn ngồi lại ở ngoài sân. Tôi đang nghĩ lan man về một ngày nào đó Thi sẽ là vợ mình, sẽ có nhiều con, toàn những đứa con cầu tự thông minh, đẹp đẽ mà Thi đã vô tình “cầu xin” đầy một bụng ở chùa Hương đem về. Ôi, một gia đình hạnh phúc như đang lớn vồn trong trí óc tôi. Tôi ngây người như đang được hưởng hạnh phúc ấy.

Không biết tôi đang mơ mộng được bao lâu về những ngày hạnh phúc bên Thi. Chợt nghe tiếng nàng:

- Anh! ... Anh làm gì mà ngồi ngây người ra vậy! Anh buồn ngủ lắm rồi hả?

Tôi nghe thấy tiếng Thi gọi. Tôi bàng hoàng, giật mình như người tỉnh mộng. Thi ngồi bên cạnh nhìn tôi, cười hỏi:

- Anh đang suy nghĩ gì vậy?

Tôi sượng sùng trả lời trống không:

- Không! ... Thôi, ta đi ngủ đi!

Tôi và Thi cùng đứng dậy. Tôi đứng nhìn Thi bước tới cửa phòng nàng, tôi mới lững thững lên gác về phòng. Trước khi ngủ tôi vẫn thấy như còn văng vẳng bên tai những lời Thi nói, tiếng Thi cười, và vẫn lâng lâng về những ước mộng hạnh phúc bên Thi với đàn con ngoan. Tôi tự mỉm cười một mình trong bóng đêm.

*Mà vẫn bàng hoàng như giữa mộng,
Mơ hay là thực, hỡi hoa mơ?*

(Xuân Diệu)

Tôi thò tay vào túi quần lấy ra hai chiếc nhẫn, một cho tôi và một cho Thi, cất vào ngăn kéo trước khi trùm chăn kín đầu đi tìm giấc ngủ. “Thực” hay “mơ” đây?! Thực với mơ, sao tôi cứ tưởng chúng lòng làm một. *Thực mơ, mơ thực, âu chẳng qua cũng chỉ là ảo ảnh của cuộc đời chăng?* Tôi phì cười với cái ý nghĩ lẩm cẩm và có vẻ “triết lý vụn” của mình. Tôi ra lệnh cho tôi: Ngủ! Tôi ngủ thật. Tới sáng hôm sau tỉnh dậy, tôi mới biết mình đã làm một giấc ngủ thật say trong yên bình, và chẳng thấy Thi đâu. ■

Ghi chú:

- [] Dựa theo ý của tác giả Trần Lê Văn qua cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn”

Tài liệu tham khảo cho toàn truyện:

- “Thắng Cảnh Hương Sơn” của Trần Lê Văn - Công ty phát hành sách tỉnh Hà Tây (Tài liệu chính yếu được sử dụng).
- “Du Lịch Chùa Hương” của sở Du lịch Hà Nội - Nhà xuất bản Thông Tấn, Hà Nội (2009)
- “Chùa Hương”, tập thơ của Trần Lê Văn - Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Tây

- Tài liệu từ nhiều nguồn trên Internet, từ các công ty du lịch trong và ngoài Việt Nam.
- Từ chuyến đi *hành hương* tại chùa Hương của tác giả (NGH).

Hình ảnh được lấy từ:

- “Du Lịch Chùa Hương” của sở Du lịch Hà Nội (Được đánh dấu hoa thị *)
- Trên mạng Internet và các công ty du lịch quảng bá trong và ngoài nước.

Cách cài đặt và sử dụng các bàn phím tiếng Việt Telex và VNI trên Windows 10

Trương Thiệu Hùng

Mở đầu

1. Cách cài đặt bàn phím tiếng Việt trên computer (dùng Window10)
 - 1.1. Các bước cài đặt cần thiết
 - 1.2. Hướng dẫn chi tiết các bước
2. Cách chuyển đổi giữa các bàn phím tiếng Anh, tiếng Việt (Telex hay VNI)
3. Đánh bài tiếng Việt dùng bàn phím Telex:
4. Đánh bài tiếng Việt dùng bàn phím VNI:
5. Các công cụ có thể đánh bài viết tiếng Việt
 - Sử dụng các word processing như Ms-Word, LibreOffice ...
 - Sử dụng các công cụ có sẵn trên computer như Wordpad, NotePad ...
 - Sử dụng Google-doc
6. Cách sửa lỗi khi đánh password đúng mà không login được vào computer.

Kết luận

Mở đầu

Đã qua bao nhiêu năm sử dụng computer, một vài người bạn của chúng ta vẫn còn thói quen đánh tiếng Việt không dấu. Khi nhận được các bài viết hay các email tiếng Việt không đánh dấu này, người đọc phải cố gắng vận dụng đầu óc để hiểu câu văn cho đúng ý nghĩa mà người viết muốn truyền đạt. Một đôi khi người đọc hiểu lầm ý của người viết và đưa tới những hậu quả hay phản ứng đáng tiếc. Xin kể ra một số trường hợp có thể gây hiểu lầm do đánh tiếng Việt không dấu:

Tiếng Việt <u>không</u> dấu	Hiểu đúng	<i>Hiểu sai</i>
Tôi bị <u>mat</u> ngu	Tôi bị mất ngủ	Tôi bị <i>mắt</i> ngứa
Tôi bị <u>dau</u> bung	Tôi bị đau bụng	Tôi bị <i>đầu</i> bưng (nhức đầu)
Cam on da cho toi <u>thu</u>	Cảm ơn đã cho tôi thử	Cảm ơn đã cho tôi <i>thu</i> (thu âm nhạc)
Xe tai <u>cho</u> rau củ	Xe tải chở rau củ	Xe tải <i>cho</i> rau củ (cho/phát không)

Bo toi da bo <u>bo doi</u>	Bố tôi đã bỏ bộ đội	Bố tôi đã bỏ bồ dôi (<i>bỏ bạn gái</i>)
Co giao <u>dan</u> hoc sinh hat	Cô giáo đàn học sinh hát	Cô giáo đặng học sinh hát
Vo anh that la <u>dam dang</u>	Vợ anh thật là đám đang	Vợ anh thật là dâm dăng
Vo de, ve ngay	Vợ đê, về ngay	Vỡ đê, về ngay
Toi da <u>lam</u> roi	Tôi đã làm rồi	Tôi đã lầm rồi (nhầm lẫn)
Toi muon duoc <u>tu van</u>	Toi muốn được tư vấn	Tôi muốn được tự vấn (<i>tự tử</i>)
Toi dong y tra no	Tôi đồng ý trả nợ	Tôi đồng ý trả nó
Toi khong the <u>song</u> tiep	Tôi không thể sống tiếp	Tôi không thể sông tiếp (sông hơi để trị bệnh cảm cúm)
.....		

Một số các bạn đánh tiếng Việt không dấu này vì không có các software tiếng Việt, hay vì có thói quen dị ứng với những sự thay đổi, không chịu cập nhật hóa những điều mới, vẫn cứ tiếp tục đánh tiếng Việt không dấu, mặc kệ ai hiểu sao thì hiểu!

Trước đây chúng tôi có viết một bài đánh tiếng Việt trên Gmail, nhưng nếu các bạn không dùng Gmail thì làm sao đánh tiếng Việt?

Để giúp đỡ các bạn có phương tiện đánh tiếng Việt (không có các software đánh tiếng Việt như Unikey, VNI, Vietkey, GoTienViet ... , không dùng gmail ...), chúng tôi xin đưa ra một cách cài đặt các bàn phím đánh tiếng Việt trên computer mà không cần sự hỗ trợ của những thứ kể trên.

Bài này được viết trên computer dùng **Window 10**. Window 10 này chỉ hỗ trợ cho việc thiết lập hai bàn phím đánh tiếng Việt là **Telex** (Vietnamese Telex) và **VNI** (Vietnamese Number Key-based).

Lưu ý:

Quý bạn nào có cài đặt các software đánh tiếng Việt như Unikey, VNI..., để tránh xáo trộn, xin **đóng hay kết thúc** các software này lại trước khi thực tập bài mới này.

1. Cài đặt các bàn phím đánh tiếng Việt

1.1 Các bước cài đặt (install) các bàn phím đánh tiếng Việt

1.1.1. Nhấn Windows  + I để mở Settings (Cài đặt)

1.1.2. Click lên “Time & Language”²

1.1.3. Click lên Language³

1.1.4. Click Add a language⁴

1.1.5. Đánh chữ Tiếng Việt lên khung chữ nhật⁵, sau đó click lên Tiếng Việt^{5a}.

(Ta cũng có thể di chuyển con **chạy C** tới chỗ Tiếng Việt^{5a} và click lên chữ Tiếng Việt).

Click lên Next ^{5b}, Click Install ^{5c}.

1.2. Hướng dẫn chi tiết với các hình minh họa

1.2.1. Nhấn Windows  +I để mở Settings (cài đặt)

1.2.2. Click lên
“Time & Language” ²



1.2.3. Click lên Language ³,

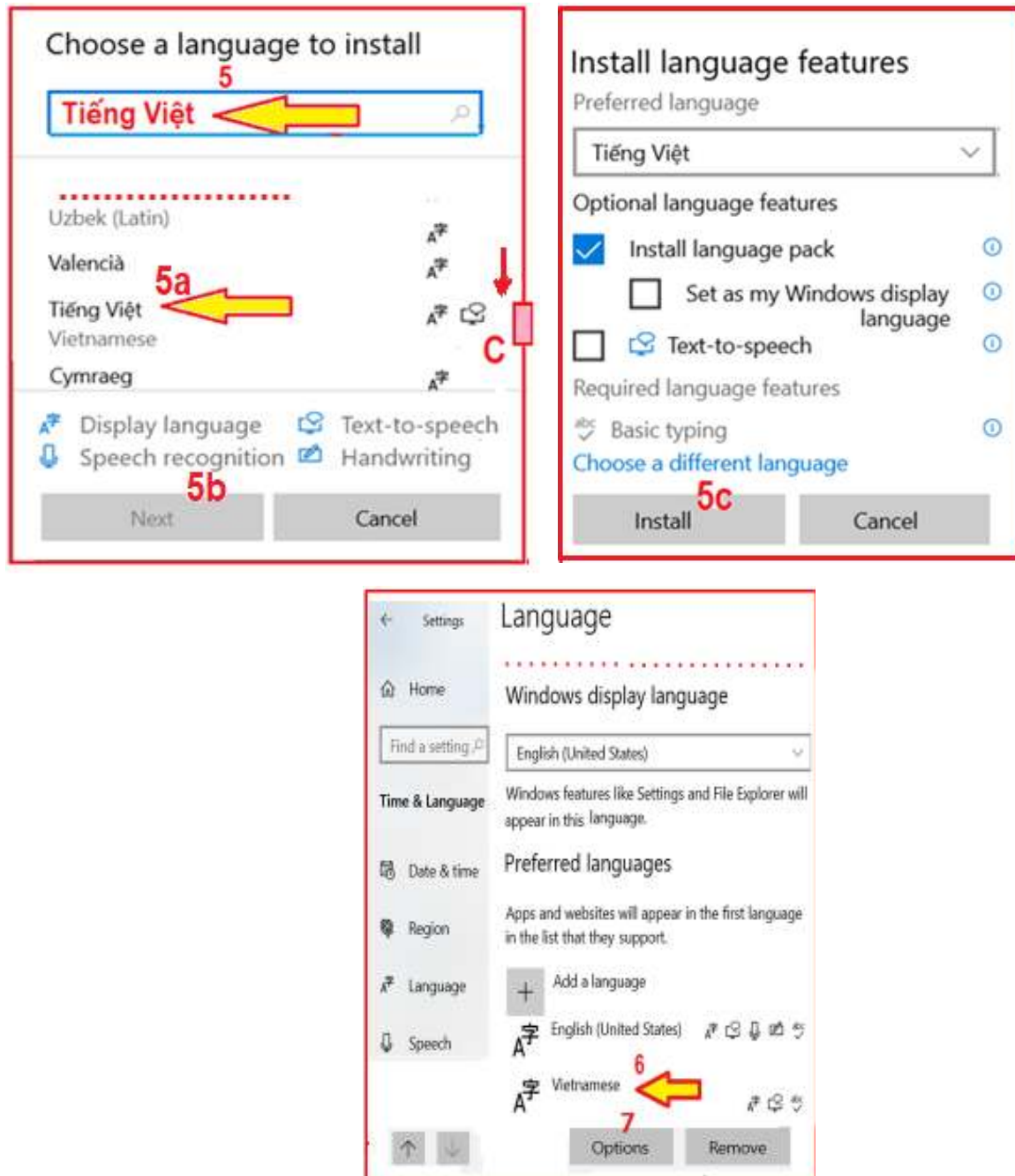
1.2.4. Click Add a language ⁴.



1.2.5. Đánh chữ Tiếng Việt lên khung hình chữ nhật ⁵, sau đó click lên Tiếng Việt ở ngay dưới.

(Ta cũng có thể di chuyển con chạy C tới chỗ Tiếng Việt ^{5a} và click lên chữ này).

Click lên Next ^{5b}, click Install ^{5c}.



1.2.6. Chọn lựa bàn phím

Sau khi cài đặt bàn phím tiếng Việt xong, click lên **Vietnamese** ⁶, click Options⁷.

- Tại phần **Keyboards**, nếu chưa có bàn phím, bạn muốn (Telex hoặc VNI), hãy bấm **Add a keyboard** ^{6a}.

- Chọn **Vietnamese Telex**^{6c} hoặc **Vietnamese Number Key-based (VNI)**^{6b}, hay có thể chọn cả 2.



2. Cách chuyển đổi giữa các bàn phím tiếng Anh, tiếng Việt Telex hay VNI

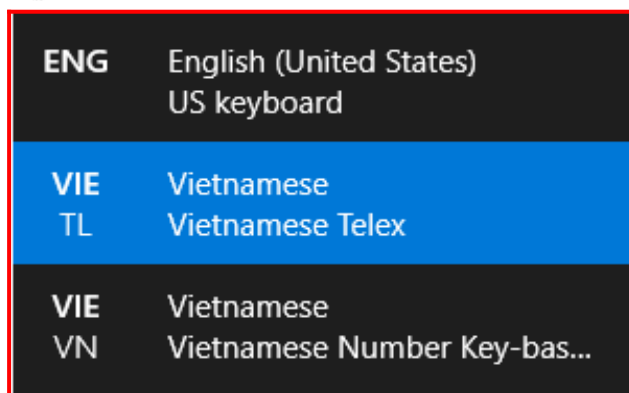
Nhấn Window



+

space bar

ta được:



Nhấn thêm Space bar một hay hai lần để chọn bàn phím thích hợp.

Bây giờ ta có thể mở bất cứ word processing nào như Ms-Word, LibreOffice, Google Doc ... để đánh bài tiếng Việt bằng cách dùng bàn phím đã chọn lựa ở trên.

3. Đánh bài tiếng Việt dùng bàn phím Telex

~	!	@	#	\$	%	^	&	*	(	)	-	+	←
`	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	-	=	Backspace
Tab	Q	W	E	R	T	Y	U	I	O	P	[	]	
		ơ		?							[	]	\
Caps Lock	A	S	D	F	G	H	J	K	L	:	"	'	Enter
		ư		ư			.			:	"	'	↵
Shift	Z	X	C	V	B	N	M	<	>	?	/	.	Shift
		~						,	.	/			↵
Ctrl	Win Key	Alt	aa → â ee → ê oo → ô dd → đ					Alt Gr	Win Key	Menu	Ctrl		

Dấu	Bỏ dấu	Tiếng Việt	Dấu ở giữa từ	Dấu ở cuối từ
Sắc ´	s	Máy móc	Masy mosc	Mays mocs
Huyền `	f	Vào hàng	Vafo hafng	Vaof hangf
Hỏi ?	r	Ảo ảnh	Aro arnh	Aor anhr
Ngã ~	x	Ngã vông	Ngax voxng	Ngax vongx
Nặng .	j	Nhịp mạnh	Nhipj majnh	Nhipj manhj
Mũ ^	aa,	Nông sâu	Noong saau	Nongo saua
ô	oo			
ê	ee	Lênh đênh	Leenh ddeenh	Lenhe denhde*
Dấu á ˆ	w	Ăn măng	Awn mawng	Anw mangw
Dấu móc ˆ	w	Lơ thơ	Low thow	Low thow
Chữ đ	dd	Đon đả	Ddon dđar	Dond dadr *
Dấu xóa	z	Toan ← Toaszn ← Toasn		
<u>Cách gõ nhanh:</u> aa → â oo → ô ee → ê dd → đ				

Nhận xét:

Lỗi đánh dấu ở giữa từ **ngay sau nguyên âm** thường cho kết quả chính xác hơn lỗi đánh dấu ở cuối từ (coi ✱)

Thực tập: Hãy đánh kiểu Telex các dòng chữ sau đây.

Hàng năm cứ vào cuối Thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường ...
(*Thanh Tịnh*)

Đánh kiểu Telex:

Hafng nawm cuws vafo cuoosi Thu las ngoaif dduowng rujng nhieefu, vaf treen khoong cos nhuwxng ddasm maay bangf bajc, lofng tooi lai nao nuwsc nhuwxng kyr nieejm hoang mang cura buoori tuwju truowfng .

4. Đánh bài tiếng Việt dùng bàn phím VNI



Nhấn window+ space bar và di chuyển con chạy để chọn lựa kiểu đánh chữ **VNI** (Vietnamese Number key-based).

~	!	@	#	\$	%	^	&Ơ	* 8	(	)	-	+	←
`	1	2	3	4	5	6	7	8	9	0	-	=	Backspace
Tab	Q	W	E	R	T	Y	U	I	O	P	{	}	
											[	]	\
Caps Lock	A	S	D	F	G	H	J	K	L	:	"		Enter
											;	'	↵
Shift	Z	X	C	V	B	N	M	<	>	?		Shift	
								,	.	/		↵	
Ctrl	Win Key	Alt	O7→Ơ, u7→ư							Alt Gr	Win Key	Menu	Ctrl

Dấu	Bỏ dấu dùng	Tiếng Việt	Dấu ở giữa từ	Dấu ở cuối từ
Sắc ' 2	2	Khách trú	Kha1ch tru1	Khach1 tru1
Huyền ` 1	1	Vào hàng	Va2o ha2ng	Vao2 hang2
Hỏi ? 3	3	Ảo ảnh	A3o a3nh	Ao3 anh3
Ngã ~ 4	4	Ngã vống	Nga4 vo4ng	Nga4 vong4
Nặng . 5	5	Nhịp mạnh	Nhi5p ma5nh	Nhip5 manh5
Mũ ^ 6	6	Nông sâu	No6ng sa6u	Nong6 sau6
Dấu á 8	8	Ăn măng	A8n ma8ng	An8 mang8
Dấu móc 7 ơ, ư o7, u7	7	Tư hồ lưng	Tu7 ho73 lu7ng	Tu7 ho73 lung7
Chữ đ d9 hay dd	d9 hay dd	Đêm đông	D9e6m d9o6ng	Dem96 dong96
Dấu xóa 0	0	Hoa	Hoa10	Hoa1

Hàng năm cứ vào cuối Thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường ...
(*Thanh Tịnh*)

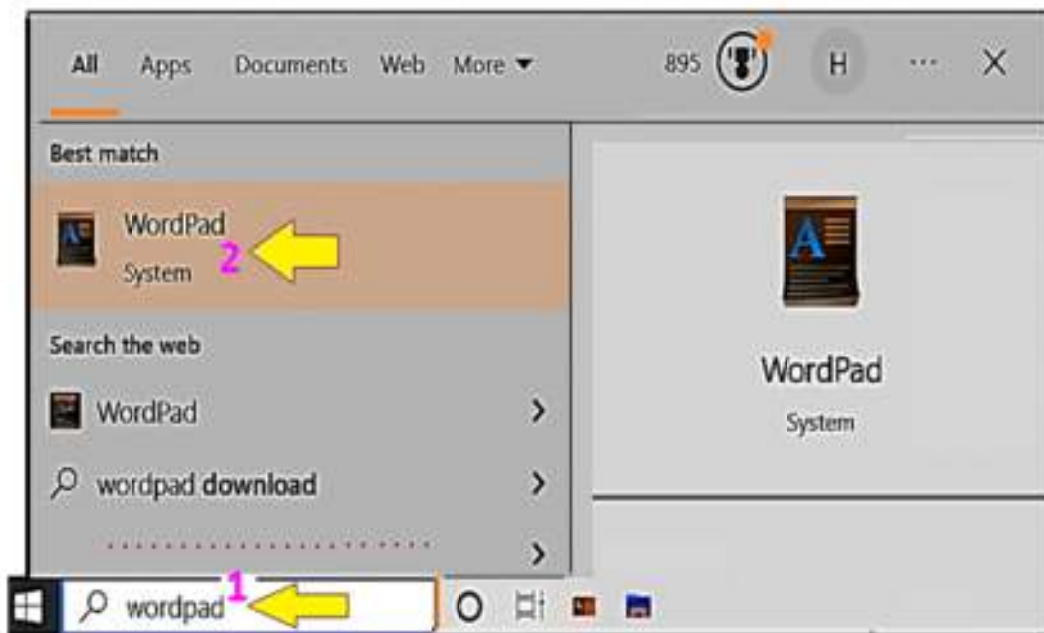
Ha2ng na8m cu71 va2o cuo61 Thu, la1 ngoa2i d9uo72ng ru5ng nhie62u va2 tre6n
kho6ng co1 nhu74ng d9a1m ma6y ba2ng ba5c, lo2ng to6i la5i nao nu71c nhu74ng
ky3 nie65m hoang mang cu3a buo63i tu75u truo72ng.

5. Các công cụ có thể đánh bài viết

- Nếu các bạn có **phần mềm xử lý văn bản** (word processing software) như Ms-Word, LibreOffice... xin mở các software này ra, sau đó nhấn Window + Space bar để chọn bàn phím đánh máy tiếng Việt Telex hay VNI và đánh liền bài viết của bạn.
- Nếu các bạn không có các software này thì làm sao đánh được tiếng Việt? Xin các bạn hãy dùng các công cụ có sẵn trong computer của các bạn như Wordpad, Notepad ...:

5.1. Sử dụng Wordpad:

5.1.1. Đánh chữ Wordpad trong ô Search ¹ (tìm kiếm).



5.1.2. Click lên Wordpad System ² => ta được màn hình như sau:



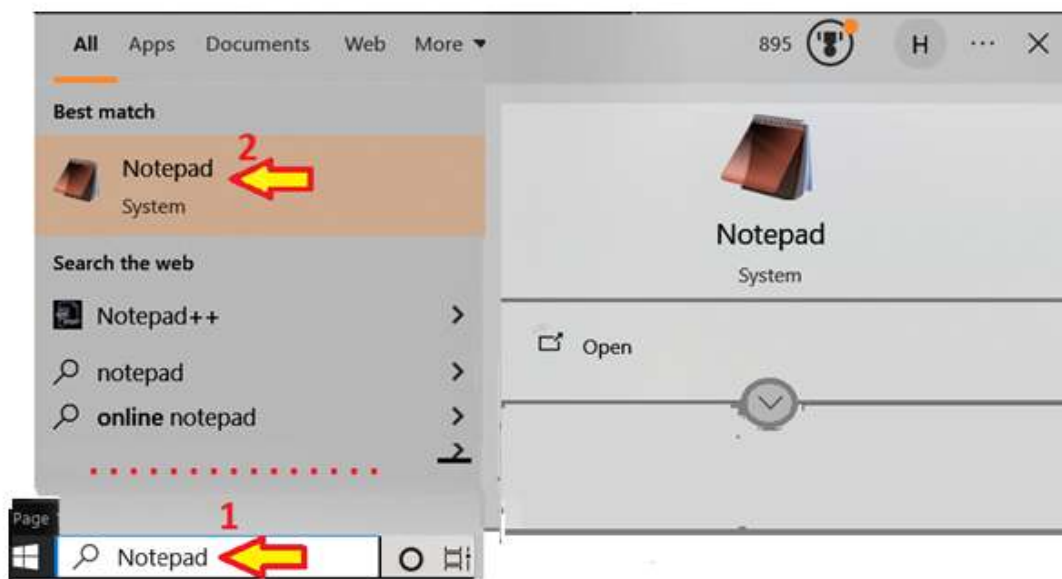
5.1.3. Nhấn **Window** (nhấn thêm Space bar nếu cần để làm đậm nét (highlight)), và chọn bàn phím Telex hay VNI.
Sau đó,  +  đánh bài tiếng Việt của các bạn.

5.2. Đánh bài trên NotePad

Làm công việc tương tự như Wordpad.



5.2.1. Đánh chữ Notepad trong ô Search (tìm kiếm)¹.



5.2.2. Click lên Notepad System ² => ta được màn hình như sau:



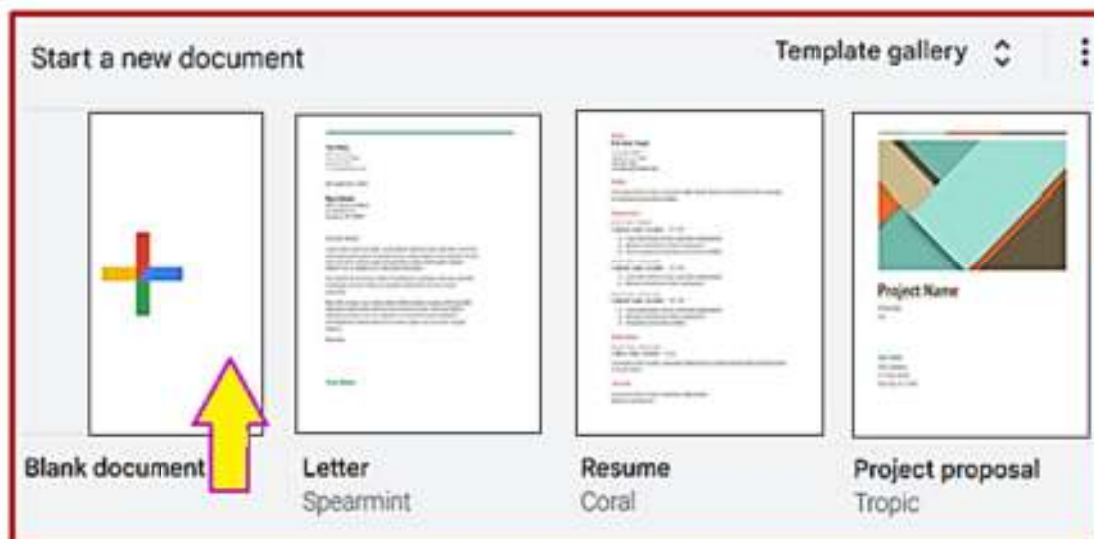
5.2.3. Nhấn **Window** , + **space bar** (nhấn thêm space bar nếu cần để làm

đậm nét (giống như highlight) và chọn bàn phím tiếng Việt Telex hay VNI.
Tiếp theo là đánh bài tiếng Việt của các bạn trên Notepad.

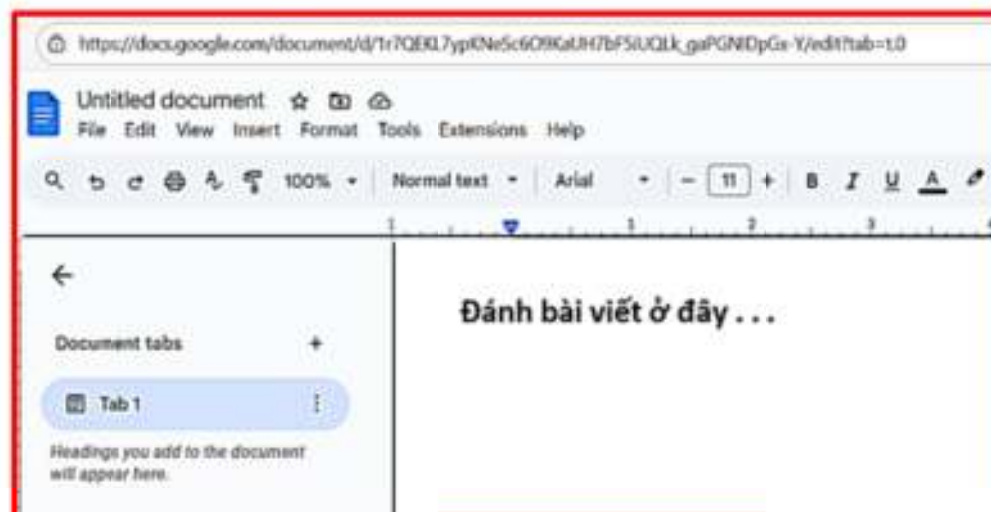
5.3. Đánh bài tiếng Việt trên Google-doc

Nếu các bạn không có một word processing nào như MS-Word, LibreOffice ..., các bạn có thể dùng Google-doc để đánh bài. Các bạn làm như sau:

- Mở Microsoft Edge, Firefox , Chrome ...
- Đánh command : **Docs.google.com** trên address line, ta được màn hình sau:



Click lên “Blank document”, ta được màn hình tương tự như Ms-Word, và có thể đánh bài trên màn hình này.



6. Sửa lỗi khi đã đánh password đúng mà không login được vào computer

Trong khi đánh bài ta đã dùng Window để chọn lựa kiểu đánh

chữ Việt Telex, VNI hay English. Ví dụ ta  + space bar chọn VNI và quên trở lại bàn phím English. Khi Restart hay Shutdown, computer có thể vẫn còn giữ nguyên bàn phím đánh chữ Việt VNI đó, và khi đánh password ta không thể mở computer được. Không thể mở computer được là vì password lúc đó đã có các ký tự lạ (tạo ra

bởi bàn phím VNI). Nếu gặp trường hợp này, xin Quý bạn đừng hốt hoảng, đừng tưởng computer đã bị virus xâm nhập, hay đã bị hư hỏng rồi

Các bạn bình tĩnh làm như sau:

- Nhấn **Window** ,  +  (nhấn thêm space bar nếu cần để làm đậm nét (giống như highlight) và chọn bàn phím **ENG** (English). Sau đó các bạn đánh password vào khung hình chữ nhật để Login thì sẽ mở được computer.

Cũng có thể kiểm soát lại password trước khi nhấn Enter bằng cách như sau:

- Click lên dấu hiệu “con mắt”  sẽ thấy password đã đánh từ trước hiện ra.
- Sửa đổi các chữ đánh sai nếu cần.
- Nhấn Enter để Login.



Kết Luận

Window 10 chỉ hỗ trợ 2 bàn phím tiếng Việt Telex (Vietnamese Telex) và VNI (Vietnamese Number key based). Ta có thể chọn kiểu đánh chữ với keyboard Telex hay VNI bằng cách nhấn  +  Window .

Sau khi đã chọn kiểu bàn phím  +  rồi, ta mở phần mềm xử lý văn bản (Word processings) đã được cài đặt thêm vào computer như Ms-Word, LibreOffice Writer ... để đánh tiếng Việt.

Nếu không có các software trên, ta cũng có thể đánh bài bằng tiếng Việt trên các công cụ có sẵn trên computer như WordPad, NotePad ...

Ngoài ra có thể sử dụng trực tuyến (online) các công cụ khác như Google-doc (miễn phí, lưu trữ Online), Zoho Writer (online, hỗ trợ công tác và lưu trữ trên đám mây Icloud).

Việc đánh dấu các nguyên âm có thể thực hiện ngay sau nguyên âm hay ngay sau chữ có chứa nguyên âm đó, nhưng lối đánh dấu ngay sau nguyên âm có nhiều sự chính xác hơn.

Cả hai lối đánh chữ Việt Telex và VNI đều được dùng trong các cell phone (điện thoại cầm tay), nhưng cách đánh Telex có vẻ thuận tiện hơn (?).

Chúng ta cũng phải biết cách thay đổi bàn phím (nhấn Window key+Space bar...) khi đã đánh đúng password mà không login được vào computer vì bàn phím (đang ở dạng VNI hay Telex) đã cho thêm các dấu hay các chữ khác vào, làm sai lệch password).

Làm quen với kiểu đánh tiếng Việt không khó khăn mấy, nhưng cần phải thực tập nhiều về cách đánh dấu cho mỗi loại bàn phím tiếng Việt Telex và VNI.

Chúc các bạn kiên nhẫn và mau chóng thành công. ■

Trương Thiệu Hùng

Tham khảo

1. Đánh Tiếng Việt - Cách Cài Đặt và Sử Dụng Bộ Gõ Tiếng Việt Dễ Dàng
<https://rdsic.edu.vn/blog/blog-4/dinh-tieng-viet-vi-cb.html>
2. Cách gõ Tiếng Việt trên máy tính Windows, cầm nang gõ nhanh cho học sinh, sinh viên và dân văn phòng
<https://fptshop.com.vn/tin-tuc/thu-thuat/go-tieng-viet-tren-may-tinh-181861>
3. Hướng dẫn Gõ Tiếng Việt trên Máy Tính - Cho người mới bắt đầu
<https://www.bing.com/videos/riverview/relatedvideo?q=Go+tieng+Viet+tren+computer&mid=3998EC80AEB63FFDC28D3998EC80AEB63FFDC28D&FORM=VIRE4>.
4. Cách cài đặt và sử dụng bàn phím tiếng Việt Telex và Number Key-based
<https://support.microsoft.com/vi-vn/windows/c%C3%A1ch-c%C3%A0i-%C4%91%E1%BA%B7t-v%C3%A0-s%E1%BB%AD-d%E1%BB%A5ng-b%C3%A0n-ph%C3%ADm-ti%E1%BA%BFng-vi%E1%BB%87t-telex-v%C3%A0-number-key-based-968ba67e-0e19-f004-dc5a-abcacef5048b>
5. Branah.com - Vietnamese Keyboard - Việt Keyboard
<https://www.branah.com/vietnamese>
6. Hướng Dẫn Cách Gõ Tiếng Việt TELEX và VNI Trên Windows Không Cần Phần Mềm
<https://www.vnkeys.net/blog-huong-dan-cach-go-tieng-viet-telex-va-vni-tren-windows-khong-can-phan-mem-42.htm>

Vietnamese Personal Pronouns and Their Noumenon

The Tree-and-Branch Model in Language Study, etc.

Van Uu Nguyen

Part 2/2

The Underlying Premise of the Analysis

The theory posits that for over 95% of its history, the Vietnamese language existed primarily in its spoken form, and its modern, alphabet-based written version doesn't accurately reflect its past. It also emphasizes the inherently organic nature of language. Humans are a unique species that require at least a decade of apprenticeship from birth to learn how to live. This apprenticeship necessitates the transfer of knowledge through language, a process that has occurred since time immemorial, regardless of language's form.

This historical context reveals a key observation: the study of the Vietnamese language has been heavily influenced by dualism, a fundamental human way of thinking. In linguistics, this dualistic approach is often seen in the Tree-and-Branch model, a hierarchical language classification system. As a product of dualistic thinking, this model has historically and practically aligned with hierarchical power structures. It has been used to help forge national identities in newly formed or "regained" nation states.

Limitations of the Tree-and-Branch Model in Language Study

It can be noted that Vietnamese language studies, which, due to its Western influence, is heavily reliant on the **tree-and-branch model**. This model is based on several dualistic features: **structuralism, historicism, linearity, universality, oversimplification, complexity, consequentiality, and orthodoxy**. When combined with limited evidence, such as samples from a single dialect, these features can lead to ambiguous or presumptive conclusions.

The Problem of Linearity and Ambiguity

A core characteristic of the tree-and-branch model is **linearity**, as shown in Figure 1(a). This linearity imposes a specific, yet often ambiguous, relationship between dialects and a national language.

The ambiguity arises from the difficulty in determining which came first: the dialects or the national language. Did a dialect, or a group of dialects, pre-date the national language, or was it the other way around? This challenge is not easily resolved by simple evolutionary principles that could be inferred from the **Tree-and-Branch Model**.

Referring to Figure 1, which illustrates the tree-and-branch model, we observe a conceptual oscillation between the elevation sketch shown in Figure 1(a) and the circular representation of a crisp set in Figure 1(b). The latter can be interpreted as a plan view of the former. The tree-and-branch model is traditionally employed to implicitly represent either a language group or a national language, with the branches symbolizing individual languages within the group or dialects of the national language, respectively.

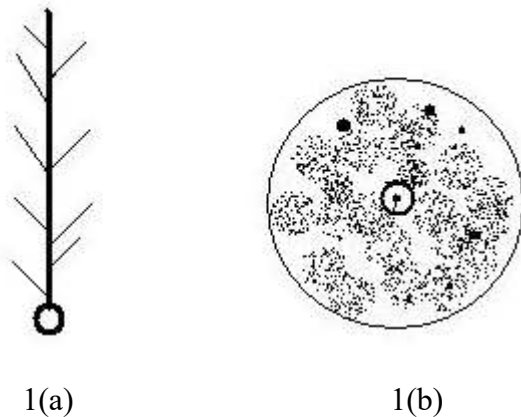


Figure 1: Model underlying language studies, vacillating between tree-and-branch structure (1(a)) and crisp set represented by a circle (1(b)).

As previously noted, one of the model's defining characteristics is its linearity (Figure 1(a)), which implies a linear—albeit ambiguous—relationship between dialects and the national language. This ambiguity is captured in the well-known adage, “A *language* is a *dialect* with an army and a navy,” commonly attributed to Max Weinreich (1894–1969). The uncertainty stems from the difficulty in distinguishing between origin and offshoot—a challenge often exacerbated by the lack of evolutionary markers, except when viewed through the lens of consequentiality.

In the context of a single language, the central question is whether one or more dialects preceded the emergence of the national language, or whether the reverse is true. Likewise, within a broader language group, the issue revolves around identifying which language constitutes the primary trunk. The situation is inherently complex; yet, a simplified interpretation emerges once the direction of linguistic transmission is assumed—from the trunk of the tree to its branches.

Consequently, the plan-view model of a crisp set (Figure 1(b)) is generally preferred. In this representation, all branches are depicted as discrete points or elements, mutually disconnected yet enclosed within the set, thereby avoiding the hierarchical implications of the linear model.

Further ambiguity arises from the inconclusive and often unclear conceptualization of the fusion between written and spoken language, as depicted in Figure 1(b). In this representation, the written language—serving as the *lingua franca*—is positioned at the center of the circle, and is sometimes implicitly symbolized by the small circle at the base of the tree in Figure 1(a), gradually evolving into the tree's main trunk.

However, the foundational assumption of a seamless fusion between written and spoken forms is difficult to reconcile with the linguistic history of Vietnamese. The language underwent significant transformation—both structural and symbolic—through rapid alphabetization within the span of one or two generations [43]. This shift stands in stark contrast to its long-standing oral tradition, which persisted for millennia and was typically expressed through a diverse array of *Nôm* spellings for individual words [7].

The inadequacy of the model becomes particularly evident when considering that, until the early twentieth century, Vietnam had a high rate of illiteracy, and its standardized written language was still

in its infancy. These historical realities challenge the model's assumptions and highlight the limitations of applying a linear or centralized linguistic framework to the Vietnamese context.

The root of this ambiguity—and arguably a broader misconception—stems primarily from the presumed universality of linguistic models derived from European languages. These models, particularly those grounded in alphabetic systems, assume a seamless fusion of spoken and written language that has evolved over more than a millennium. This assumption, however, does not translate well across linguistic contexts, especially when applied to languages with markedly different historical trajectories.

Compounding the ambiguity is the tendency of linguistic theories and paradigms to oscillate between extended creationist and evolutionist frameworks—more familiarly known as Intelligent Design and Natural Selection. Within the alphabetic tradition, the *lingua franca* is often conceptualized, albeit erroneously, as the product of both design and evolutionary processes. Theoretical gaps within this school of thought are frequently patched by invoking one framework or the other, depending on convenience.

Consider, for example, the discontinuities between the morphological representations in Alexandre de Rhodes' first "Vietnamese" dictionary [3], the pronunciation and orthographic conventions of the *Nôm* system, and the contemporary form of the Vietnamese language. These gaps have largely been overlooked, dismissed as falling outside the scope of descriptive linguistics, or rationalized through notions akin to the "missing link" in evolutionary theory. Explanations have ranged from imperfect codification during *de Rhodes'* era, to the informal and non-institutionalized nature of *Nôm* scripts, or a combination of these factors. Yet, meaningful analysis of the anomalies—particularly those concerning the efficiency and universality of orthographic systems—has remained conspicuously absent within the alphabetic school.

The assumption of fusion between written and spoken language, often made without regard for statistical evidence on illiteracy or the complex nature of underlying dialects, has become a foundational axiom in linguistic studies. This axiom has enabled theoretical progress, especially in the absence of critical data, much like the interpretive leaps required in the decipherment of lost languages [40]. Nevertheless, and despite the enduring appeal of the "army and navy" catchphrase, which itself lacks rigorous scrutiny, the fusion remains a dynamic and incomplete process—marked by both convergence and divergence. As such, the fusion axiom continues to represent a significant theoretical gap within the alphabetic paradigm.

The Nature of Loanwords and Language

Central to language studies using the Tree-and-Branch Model is the Lexical Borrowing Hypothesis, commonly known as Loanwords. The nature of a **loanword** is perhaps linked to two other properties of a linguistic model. First, loanwords often belong to the same language group. Second, vocabulary is typically inert and arises from arbitrary conventions rather than being organic, such as the relationship between blood and the color red [1], or between the Vietnamese word for "North" (*Bắc*) and the English word "back," meaning the rear (see [32]). The hyphenated link between the word *và* (and) in Vietnamese and *va* in Persian (Farsi), or between the number 2 (*dva*) in Russian and *dwa* in Chamic, as well as many similarities in vocabulary and syntax between geographically and historically distant languages, could be seen as exceptions or coincidences if one uses the loanword hypothesis.

It's important to remember that historical connections or historical communication are often used as basic evidence or premises for loanwords. The historical communication often used is a history of political or military interaction recorded in ancient books or documents. It can be noted that some

histories, when updated, for example in [41], may show significant differences from histories recorded in ancient books. The history in ancient books can also be different from a non-historical kind of history, one that was rarely or never recorded in the past but is not nonexistent.

The Role of Unwritten History

This kind of history is often related to commercial or cultural interactions (which are very likely to always be accompanied by language) among common people, and rarely involves officials or historians of the past. This unwritten history often involves migration, fleeing war or harsh climates, escaping inhospitable environments, or running from famine—in general, escaping places lacking security and food. Unwritten history also involves, most importantly, the whole process of growing up and living, which invariably demands the use of language on a daily basis. This kind of history, or more accurately, these past social events or changes, are typically not easy to record in documents or books, especially in areas where writing was not widely used or was only used by a small elite.

An additional reason is that this history of migration is often not the work of historians; it would need to be written by the migrants themselves, which was an impossible task in ancient times. The story of migration, which is often not recorded in history books, actually has a great influence on changing the languages of both the destination and the origin. Linguistic changes due to interactions between a native language and many other languages do not conform to the commonly used tree-and-branch model. This is because this kind of interaction has many characteristics of a **Pidgin-Creole** language [32][42], with the basic feature being that the native language always rapidly assimilates with the incoming language, often within one or two generations [43].

This issue, along with the link between language and DNA, does not pose a problem for the **tree-and-soil** language model.

This model, summarized in the diagrams in **Figure 2**, differs from the **tree-and-branch** model. These diagrams are reproduced from [1].

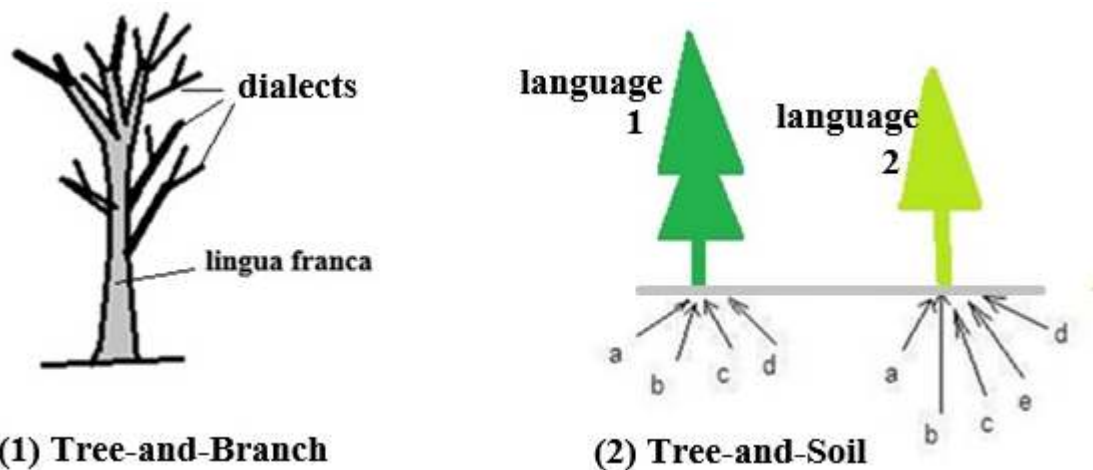


Figure 2: Schematic sketch of the Tree-and-Branch and the Tree-and-Soil Models

The **tree-and-branch** model (Figure 2(1)) has been the dominant model in linguistics and the humanities—including the field of Hán Nôm—from antiquity to the present day. This model aligns with the "one nation, one language" principle. Under this framework, the language of a people is often depicted as a branch or twig of a larger tree or trunk, with the entire tree representing a language

family. Alternatively, the branches can represent different dialects, with the tree signifying the national language or *lingua franca*.

It can be noted that the tree-and-branch model always implies the existence of a single root language, from which many other languages in the same language family emerged, much like the story of the Tower of Babel, which speaks of a common language at the very beginning [29].

The main difficulty with the tree-and-branch model, therefore, is the problem of tracing the language's roots—that is, which language, or a language from where, gave birth to or started the other languages of the same language group, standing at the position of the root. An important corollary of the tree-and-branch model is that two geographically distant language groups have almost no interaction with each other, especially interaction between a language of one group and one or more languages of another group. Examples of this include the word *Han* in Danish and *Hán* (he/it) in Vietnamese, or the phoneme [va] in Persian and the word *và* in Vietnamese, or the phoneme [mu] in Sumerian in the Middle East (around 5000 BCE) [22] and the word *Mu* in Vietnamese, or the phoneme [U] in Sumerian and the same phoneme [u] in Akha in Laos, both referring to the sun or sky.

Other similarities include the Arabic word [ḥamida] (to praise, to thank) and the Korean word *gamsahamnida* (감사합니다) meaning "thank you sincerely." Or the similarity of the verb "to be" (*là*) in Vietnamese with the phoneme [la] in Shanghainese, a language of the Wu (吳) group in Zhejiang and Jiangsu, which also means "to be" and is represented by the Chinese character 拉 [la] with a pronunciation [la], almost like Vietnamese, in Shanghainese and many other dialects. Or the similarity between the English word *cut* and the Vietnamese word *cắt*, or [kat] in Telugu or [kaattana] in Hindi, etc., as shown in the Comparison Table of the word "cắt" in 21 languages, presented in [1].

In the present context, the Admixture Theory proposes that the Vietnamese lexicon—especially its personal pronouns—is shaped not only by surface-level etymological connections (*etymon*) but also by deeper organic, semantic and cultural substrates. Accordingly, at the heart of Admixture Theory is Kant's concept of the *noumenon*, applied to lexicon and etymology. In simple terms, the *etymon* or *cognate* of a word—such as *tôi* (I/me)—is proposed to be 僮 [tai], meaning "servant." This connection is based on both semantic and phonetic alignment: *tôi* in Vietnamese and 僮 [tai] in Hakka (or Cantonese) share the same meaning ("servant") and similar pronunciation ([toi]).

In contrast, the term *Cụ*—used as a respectful address for an elderly man or woman—is said to share its *noumenon* with 舊 [jiu] (旧), rather than the more conventional cognate 故 [gu]. While both 舊 [jiu] and 故 [gu] convey the meaning "old" (*cũ*, *già*), 故 [gu] also carries the additional meaning "deceased," which makes it less suitable in this context. Word 舊 or 旧 [jiu], on the other hand, appears in collocations that imply respect and scholarly status, such as 舊學 [jiu xue] ("classical studies") and especially 舊儒 [jiu ru], "*Cụ Nho*", "*Cụ Đồ*" ("senior scholar"). Moreover, 舊 [jiu] is pronounced [ku] in the Fujian dialect, which closely resembles the Vietnamese *Cụ*. (Note the word *Đồ* in *Cụ Đồ* could correspond to 徒 [du] (*đồ*) having a meaning as *disciple* or *follower of a religion or doctrine*.)

Take another example about Vietnamese word *dù* or *ô* denoting *umbrella*. It was shown that *dù* or *ô* was and is dialectal pronunciation equivalent to *vũ* (雨 (rain)) in 雨遮 [yu zhe] *vũ già*, or 雨傘 [yu san] *vũ tán*, where *vũ* (雨 [yu]) is merely Sino-Vietnamese word for *rain*. Under the traditional **Tree-and-Branch** model and the **Hán-Nôm School**, i.e. Chinese-Vietnamese school, *dù* and *ô* would be classified as *Thuần Nôm* (Pure Vietnamese), whereas *vũ* (雨 [yu]) is Sino-Vietnamese, equivalent to Sino-Korean **u**. The present **Tree-and-Soil Model**, by dismantling boundaries created by *structuralism*

and *historicism*, showed that *dù* (umbrella) is cognate of many Chinese dialects, like Cantonese [jju], Mandarin [yu], Shanghai [yu], Suzhou [yu], Wuxi [yu]; *ô* (umbrella) has similar sound to [u] [ho] [hou] (雨) in Minnan or Chaozhou, and [u] in Sino-Korean; while *vũ* (雨) has semantic and phonemic cognate in Hakka [vu] or Wenzhou [wu] (雨), then and now. Reliance on *structuralism* and *historicism* has enabled the **Tree-and-Branch Model** to reconstruct Middle Chinese using Vietnamese phonology data observed through *quốc ngữ* (Alphabetic Vietnamese) in the 20th century. In this model, the Tang-era Chinese pronunciations (**Late Middle Chinese**) are thought to have been transmitted into (Old) Vietnam, where they were preserved intact. Even after those pronunciations evolved further in China, the earlier forms remained embedded in Vietnamese as Sino-Vietnamese (*Hán Việt*) readings.

For example, the Sino-Vietnamese word **vũ** (雨 yǔ, “rain”) points to a reconstruction of the Late Middle Chinese form [wuǎ] [34], represented by the character 雨 [yu]. In contrast, **vũ** more closely aligns phonetically with Hakka [vu] and Wenzhou [wu] for the same character 雨 [yu], both historically and in modern usage, consistent with the **Tree-and-Soil Model**.

Another example is **nguyệt** (月, “moon”). Reconstructions of Middle Chinese suggest that the Tang-era pronunciation of 月 (*yuè*) may have been [ɲyat] [34], a form quite close to *nguyệt*. Once introduced into Vietnam, this pronunciation was preserved, while northern Chinese dialects eventually shifted toward the modern [yuè].

Comparison with modern Sinitic languages shows how close the Sino-Vietnamese forms remain to other dialectal survivals: *nguyệt* parallels [ngiet] in Hakka, [nguat] in Southern Min, [ghuêh] in Teochew, and [jyut] in Cantonese, then and now.

Another example is **nhị** (二 “two”). Tang-era reconstructions suggest a pronunciation similar to [nyijH] [35]. This form was brought into (Old) Vietnam and survives to this day as *nhị* (二). In contrast, northern Chinese evolved the form into modern Mandarin [èr].

With the comparative knowledge available in the 21st century, it is striking to note that similar forms appear far beyond East Asia. For instance, [nyi] or *nhị* occurs in the Sulung language of India with the meaning “two” [36]. Meanwhile, the modern Mandarin form [èr] (number 2) aligns phonetically with [a:r] in Bantu languages of Africa [36], as well as [aar] in Khasi and [ər] or [ar] in Palaung [16].

The Etymology of 'Tự Sướng'

The Vietnamese word **tự sướng**, a 21st-century coinage for “selfie,” provides a great example of the **Tree-and-Soil Model** for forming new words. The term appears to be a Vietnamese innovation derived from the Cantonese phrase 自拍相 [*ji paak soeng*]. While most Chinese dialects, including Cantonese, typically use 自拍 [*zi pai*] or 自己拍 [*zi ji pai*] for “selfie,” the Vietnamese term specifically incorporates the element 相 (*soeng*), pronounced as *sướng*.

The word's structure closely resembles the Cantonese phrase 自相 [*zi soeng*], where 自 (*zi*, *tự* in Vietnamese) means “self” and 相 (*soeng*, *sướng* in Vietnamese) means “photo.” This is where the

model gets interesting: the use of *sướng* also creates a clever pun. It's a **homophone** for the word *sướng* in *sung sường* (Cantonese: 充暢 [cung coeng]), which means "joy" or "happiness."

Exploring the Admixture Theory

The search for a word's origins under the **Admixture Theory** isn't limited by the strict rules of structuralism, historicism, or universalism that are often found in traditional language studies. To illustrate this point, we can look at the relationships between the etymon (original form) and the noumenon (the concept or meaning) for singular personal pronouns in Vietnamese, as summarized in Table IV.

Table IV: Summary of Etyma/Cognates and Noumena of Pronouns

*	Pronoun	Etymon / Noumenon	Remarks
1	tôi / tui	[toi] Hakka, Cantonese, dtuaa (body) Thai	servant / body
1	tở	tub (Hmong), 鑿 [shu] 卒 [zu]	servant
1	ta / tao	atta / Pali (self), 咱 [tsa] Wenzhou, Burmese [taw]	self / I / we
1	mở	mo (Tiv (Nigeria)), moi (French)	I/me
1	qua	ua (Mon), wa, qua (Mường)	I/me /we/ us
1	minh/miêng	mệnh, miềnh, 面 mian (diện, miển) (face, identity)	self / body / face
2	ông ¹	翁 [ong] Chaozhou, Minnan, Nanjing, Wu / Cham	old(er) male
2	anh	翁 [ang] Minnan, 兄 [hang] Weitou / [ʔaŋ] Khmer ²	翁 [ang] ~ anh
2	bà	婆 [pua] [bo] Chaozhou, [iBu] (mother) Malay	lady, woman
2	bạn	朋 [ban] Shanghai, [baang] (senior) Khmer (You)	modern usage
2	bác	伯 [baak] Cantonese: You	courteous/senior
2	cụ ³	舊 [ku] Minnan (venerable, elderly)	respect
2	mày / bay	[mi] Cham, Palaung, [pay] Mường, [peh] Mon ⁴	eyelid, eyebrow
3	y	伊 [i] Chaozhou, Fujian, [i] Pirahã, Khasi, etc	he / she
3	va / da / ya	𑄓: (pah) Khmer, ua, [ʔja] Old Mon, ta Malay ⁵	he / she
3	nó ⁶	[naw] Katu, [nau] Chamic, [nô] Mường, 那 [lo] [na]	he / him
3	hắn	Han (Danish, Norwegian), 漢 [han] (guy, fellow)	he / him
3	kẻ / gã	佢 [keoi] [gei] Cantonese, [ke] [kɛ] [goat] Khmer 其 [kei] / 囉 [go] ⁷	

NOTES: * 1 = first-person pronoun, 2 = second-person pronoun, etc. 1. 翁 [weng] is pronounced [ong] or [on] across many dialects in China, and also in Vietnamese (ông / ôn) and in Chamic [ong]. Pronunciation [ang] (翁) in some Minnan dialects has similar sound and denotation to anh in Vietnamese. Sound [ong] is also related to Lao [oŋ] denoting *body* (Buddha, bonze, king); 2. [ʔaŋ] Khmer: I / me, similar to [êŋ] (self) in Chamic; 3. 舊 [ku] suggested to replace old use of 故 [gu] (deceased); 4. [pay] Mường: you. Phone [mi] / [mày] and [bi] / [bay] have complex *noumenon* features, apart from representing second-person pronoun as *twosome* (see text). *Bây / Pay* (Mường) can be also used as second-person plural pronoun. 5. *Da* (Mường) denotes *you*; *ua* (wa) listed in Alexandre de Rhodes' dictionary as *third-person pronoun*; 6. Portuguese *nós* / Latin *nos*: We (first-person plural pronoun) // 那 [na] means *that*, pronounced [lo] in Nanjing, [nô] in Vietnamese, meaning *that* corresponding to nó (he/she). 7. Noumenally *kẻ* may be related to *kia* (that). Cantonese 佢 [keoi] (he / she) has similar sound to Chamic [keu] denoting first-person pronoun *I / me*. Cantonese third-person pronoun 佢 [keoi] is noumenally related to 軀 [keoi] denoting *body* // Character 其 [qi] [ji] or 囉 [ge] (*that*) functions as a third-person pronoun in both singular and plural forms. Its phonetic variants—

Cantonese [gei], [kei], and Minnan [gi], [ki]—align with Vietnamese *gã* and *kẻ*. *Kẻ* & *gã* often used with demonstratives (*ấy, đó*) or epithets (*gã con trai hăn*= *his son*).

For example, etymological connection between third-person pronoun *Han* (*he*) or *Hun* (*she*) in Danish and its Viet counterpart *Hăn*, or Viet *Y* (*he / she / him / her*) with *I* [ee] (伊) in Chaozhou/Fujian, denoting third-person pronoun, and [i] in Pirahã for *she*. This phoneme [i:] can also be found in languages of the Mande family in West Africa, as second-person pronoun (*You*). Noumenally, third-person pronoun *Y* (*he / she*) could be linked with demonstrative *ấy* (伊 [yi]) meaning *that*.

Connection between etymology and noumenology, used in the Admixture Theory, is also manifested in close sound between [keoi] (佢) for Cantonese third-person pronoun and the same phone [keoi] (軀) denoting *body*, or word like *kẻ / gã* (*he / him*) with demonstrative *kia* (*that*), or *Y* (伊) with *ấy* (*that*).

It can be seen from Table IV that general features of the search for the origins of lexicon according to the Admixture Theory are different from those of conventional methodology. Most importantly, etymology under the Admixture Theory is, where possible, coupled with *noumenology* where a word in one language may come from another, or from itself, merely with shared *noumenon* being Kant's concept of a non-descript *thing in itself* applied to a much more general meaning, customarily encompassing *metaphoric generalization*.

Let us examine again second-person pronouns *mày / mi / bay* in the search for their etyma, through *noumenology*. Table V gives tabulation of word *eyebrow* (*mày* in Vietnamese, *mi* 眉 in Sino-Vietnamese) in 18 languages.

Based on Table V, the Vietnamese second-person pronoun *bay* (or *bây*) is bilabial, sharing a similar sound to *mày* (*you*). This pronoun's pronunciation [bay] is also close to the Fujian word [bâi] and the Teochew (Chaozhou) word [bhai], both of which are used in words for "eyebrow" in their respective languages.

In addition, the Vietnamese word for "eyebrow," *mày* (from Chinese 眉), is very close to the [mei] pronunciations in Mandarin, Nanjing, and Cantonese. The Sino-Vietnamese pronunciation [mí] is nearly identical to the pronunciations in Shanghai, Suzhou, Wuxi, Hakka, and Minnan [4], while the reconstructed Middle Chinese sound [mij] (眉) [35] is identical to today's Shanghainese pronunciation [4].

Table V: Word *eyebrow* in 18 languages

English	Viet	Hindi	Lao	Hakha Chin	Khasi
eyebrow	mày (mi 眉)	bhaun	tata	mithmai	ka khmat
Pashto	Chinese	Russian	Danish	Japanese	Burmese
ibro	眉毛 meimao	brov'	øjenbryn	眉毛 mayuge	myet-hkone
German	Fujian	Khmer	Wolof	Teochew	Scots Gaelic
Augenbraue	眉毛 bák-bái	p ^h eaʔmuu ¹	bët	目眉 mak bhai	mala

1. From Pali **bhamu** (bhrū+mukha)

So, why would the words for "eyebrow" and the pronoun "you" be so similar? An etymological study [39] suggests an answer. The ancient word **broue** (related to the Sanskrit **bhrus**) originally meant "the arch of hair over the eye," but its meaning evolved to include the "forehead" and, eventually, "the general expression of the face." Since the eyebrow is crucial for expressing identity, it's plausible that the word for it became a metaphor for a person themselves, evolving into a personal pronoun.

This connection is also evident in Khmer. The Khmer word for "eyebrow," [phea?muul], is a cognate of the Pali word [bhamu]. This term is a compound of two parts: **bhrū**, the Sanskrit word for "eyebrow," and **mukha**, the Pali/Sanskrit word for "face," "mouth," or "opening." The combination essentially describes the eyebrow as a key facial feature that, through a metaphorical extension, could become representative of a personal pronoun.

Noumenology employed in association with *etymology* could reveal the organic nature of language at its roots. For example, when tracing the etymology of the word *diplomat* (meaning "envoy" or "ambassador") using online etymology dictionaries, we find that it is linked to many other words from Latin, French, etc. All these root words, as well as *diplomat* itself, carry an **inert** quality—meaning *diplomat* is simply an English word used to denote an ambassador or envoy (*A is A*).

However, if we examine the **organic** nature of a diplomat—someone who must carry official credentials issued by their government to serve as a representative in another country—we see an essential characteristic: they must possess a letter of authorization. Unfortunately, today, this document is called a *letter of credence* or *letter of credentials*, typically presented by an ambassador to the host country's head of state upon assuming office. It is highly likely that, in the past, this document was called a *diploma*, which later evolved into *diplomat*.

Diploma originally meant a "certificate"—specifically, the document a diplomat must carry. Its modern meaning refers to an academic diploma or credential (usually post-secondary but distinct from a bachelor's degree). In summary:

- *Diplomat* is **inert** when understood merely as "envoy," with an etymology tied to phonetically similar words in other languages.
- Yet, it becomes **organic** when connected to *diploma*, emphasizing the indispensable document a diplomat must possess.

Another example: The word *capitulate* means "to surrender," similar to Vietnamese disyllabic word *đầu hàng* (surrender) describing two distinct actions within a single act:

- *Đầu* (投) means "to throw, discard, or cast" (e.g., *đầu phiếu* = "to cast a vote"), depicting the act of throwing down weapons.
- *Hàng* (降) means "to lower, bow down" (e.g., *cúi đầu* = "to bow one's head").

We can draw parallels:

- *Đầu* corresponds to *surrender* (French: *se rendre*).
- *Hàng* relates to *capitulate*, derived from Latin *caput* (head).

The act of surrendering (*đầu hàng*) seems to always involve two key motions:

1. Discarding weapons (*surrender, se rendre* → *đầu*).
2. Bowing the head (*capitulate* → *hàng*).

Why bow? The answer can be found in the 1961 film *The Guns of Navarone* (J. Lee Thompson), where Colonel Andrea Stavros (Anthony Quinn) feigns surrender—refusing to bow or raise his hands, even pretending to have a seizure—before suddenly seizing a German soldier's gun and turning the tables.

Discovering that *capitulate* originally meant "to bow the head" gives it an **organic** quality, unlike standard etymology (which treats *capitulate* as **inert**, linked phonetically to Latin words but lacking direct semantic ties to the act of bowing).

This method of tracing etymology focuses on the **primordial meaning** of words—rooted in the **dynamic actions of living beings and in life** rather than mere lexical or linguistic groupings. Once etymology incorporates **organic meaning**, any language can be used for comparison, because the language of human action is universal, typically exemplified by near universal methodology used in naming the four cardinal directions, East West North and South, see [32].

By dismantling the constraints imposed by structuralism and historicism—exemplified by the traditional *Tree-and-Branch* model—and introducing an additional dimension of **noumenology**, the *Admixture* or *Tree-and-Soil* model offers a transformative framework for etymological inquiry.

The Noumeme Connection Across Distant Lands

When **noumenology** is applied to etymological inquiry, it becomes clear that conventional linguistic tools—such as phonology and phonetics—must, for a time, be set aside. The emphasis instead falls on tracing connections between apparent “cognates” and underlying **noumena**: essential, often abstract conceptual roots that endure across wide spans of history and geography.

Recalling that two words from different languages are said to be **noumeme** of each other when they share a common *noumenon*, which may include similar sound or pronunciation, such as Old English *wæt* (wet) ↔ *wæter* (water), paralleling with Viet *ướt* (wet) ↔ *nước* (water),

Consider the following examples:

- **Monkey**

Vietnamese *khi* (monkey) ↔ Middle Egyptian [ky]. Similarly, *monkey* is called *Kera* in Malay, *Kra* in Chamic, *nKima* in Congo (East Africa), etc.

- **To Cut**

Vietnamese *cắt* ↔ English *cut*, Bengali *kaci*, Sinhalese *katura*, Fijian *i koti*, Minnan 割 [kat/gat], Telugu *kat*, Mon *kut*, Hindi *kāṭnā*, Portuguese *cortar*, Khmer *gaat*, French *couper*, Hakka & Fujian *kat* (割), New Guinea *katim*, etc., see [1].

- **To Split**

Vietnamese *tách* (split) ↔ Thai [dtaaek^L/jak^L], Minnan [tiak] 坼 (split open), Suzhou [tsah] 斫 (chop, carve wood), French *tailler* (to cut).

- **North (Bắc) as "Back"**

Vietnamese *Bắc* (North) ↔ English *back* (reflecting the orientation of a person in the Northern Hemisphere facing south).

Parallels: Middle Egyptian [pHww] (North) and [pHwy] (back); Chinese 背 [bei] (back) incorporates 北 [bei] (North), pronounced [bak] in Cantonese/ Minnan (akin to *bắc* (North) and *back*). For more details, see [32].

- **The Noumenon of "And" and "Two"**

Vietnamese *và* (and) ↔ Persian [va], Korean [gwa] ㅏ (and) ↔ Russian *dva*, Chamic *dwa* (two), suggesting a shared noumenon linking conjunction and duality.

- **Eye**

Vietnamese *mắt* ↔ Austronesian *mata* (Tongan, Tagalog, Malay, etc.), Tibetan *mig*, Chaozhou 目 [mag].

● Scabies

Vietnamese *ghẻ* (scabies) shares similar sound with *gaé* (Fulani, West Africa) [30], *gale* (French), 疥 [gai] (Cantonese, Hakka) [gue] (Minnan).

● Water Deity

Akkadian *Ea* (Water God) ↔ Old English *ēa* (water), Chamic *Aia/Ya* (water).

Old English word *wæt*, meaning "wet" ↔ Vietnamese word *ướt*, which was spelled "equivalent" to *wót*, i.e. *uót* in Alexandre de Rhodes' dictionary [3]. *Uót* (wet) [3] was later changed to *ướt* [13]. It's interesting to note: Old English *wæt* (wet) ↔ *wæter* (water), paralleling with Viet *ướt* (wet) ↔ *nước* (water), all being *noumemes*.

● Sumerian [šū] (hand) and Chinese [shǒu] 手

In Sumerian, a language spoken over 5,000 years ago, the phoneme [šū] [22] was used to denote "hand." This sound is strikingly similar to [shǒu] 手 in Chinese, which also means "hand." The interpretation of the Sumerian word [ussu], meaning "eight," can be explained mathematically as $8 = 5 + 3$. Thus, [ussu] may derive from [ía] ("five") and [eš] ("three") [22]. However, another interpretation suggests [ussu] = [eš] + [šū], or $8 = 3 + 5$, where [eš] means "three" and [šū], meaning "hand," metaphorically represents "five" (as in five fingers on a hand).

Also in Sumerian, *U* refers to the Sun, corresponding to *U* in Akha denoting *Sky Dome*.

● Copula "To Be"

Vietnamese *là* ↔ [la] in Shanghainese and some Northern Wu dialects, 辣 / 啦 / 拉 [la] (used phonetically, devoid of semantic meaning in this context). Apart from [la] 辣 / 啦 / 拉, another copula in Wu language for *to be* is [le] transcribed in Chinese character as 勒 [le]. Interestingly, *là* (to be) in Vietnamese and copula [la] or [le] in the Wu languages are similar to *la* or *le* in some West African languages (the Niger-Congo group), for *to be* ("la" is prominent in Fulani, Wolof, and some Yoruba dialects, whereas "le" appears in Soninke, Mandinka, and Bambara/Dyula (often as an emphatic marker). (These data are readily obtainable from many AI Chatbots.)

● Interrogative "How Much"

Vietnamese *bao nhiêu* ↔ English *how much*, Chinese 多少 (*duōshǎo*), all rooted in quantifiers for "little/much." This leads to the search for old and original meaning of *bao* (Viet) and *how* (English) as *little* or *few*, in construction of *bao nhiêu*, *how much*, and *duoshao* (多少), see [29] for details.

● River

Vietnamese *sông* ↔ Hakka [tson] 川, Malay *sungai* (river). This similarity is very similar to that of Vietnamese *bông* (flower) ↔ Malay *bunga*, Nanjing 瓣 [bang] (petal), Chamic *bingu* (flower).

The Sino-Korean pronunciation of 川 [chuan] (xuyên) is [cheon] (천) close to both *xuyên* and *sông* in Vietnamese, and corresponds to Japanese ON-reading [sen] セン [sen]. The Hakka pronunciation [con] [chon] or [tson] is very close to [sông] Vietnamese, [són] Lao, and may relate *sona* in Sanskrit, denoting all tributaries flowing into the Ganges [37]. This idea also appears as *samudda* in Pali, described as consisting of [saŋ] plus [udra] [37], where [saŋ] denotes *a large body of water*, such as the Ganges, the ocean or the sea, with sound close to [són] Lao, [sɔŋ] Mon, [sungai] Bahasa, [con] Hẹ, and

[sông] Vietnamese. Pali *samudda* is related to *Samudra* in Hindi meaning *river, body of water*, and is linked to the Deity who presides over the Ocean in Hindu mythology.

● Interrogative Particles: A Cross-Linguistic Noumenon

The particle *[ka]*—a recurring interrogative marker—exemplifies the *Tree-and-Soil* model's premise of shared linguistic substrata:

- Japanese: *Nan desu ka?* (What is it?)
- Vietnamese: *Sao vậy cà?* (Why is that?)
- Malay: *-kah* (e.g., *Awak ada rumahkah?* – "Do you have a house?")
- Strikingly, in Wenzhou dialect (historically linked to the ancient Âu Việt / Ou Yue 甌越), the Chinese interrogative 何 (*hé*) is pronounced *[ɣa]*, i.e. *[gha]*, phonetically proximate to *[ka]*. This suggests *[ka]* functions as a "nourishing" linguistic element permeating unrelated languages.

● The Symbolism of [KA]

The hieroglyph [KA] (𓆎), depicting raised arms in Ancient Egyptian, symbolizes the "soul" or the "other" (duality). Its association with the number *two* may underlie its role in marking interrogatives (contrasting declaratives, aligned with *one* in a noumenal sense).

● Number 1 and Number 2

- In Line 28 of the Tale of Kiều [31] “*Sắc đành có một, tài đành họa hai*” (Beauty is ranked first, but talent is only second to it), the two words “**một**” (沒) and “**hai**” (二) carry the meanings of both cardinal and ordinal numbers, similar to ancient times before language was fully refined. The word “**một**” is written in Chinese characters and has a Vietnamese pronunciation identical to that, closely resembling the sound *[mut]* *[mog]* (沒) in Chinese dialects, and notably sharing the pronunciation *[mat]*, like “**mặt**” in **mặt trời** (Sun), in Wu-Yue and Hakka dialects.
- In the usage of “**một**” there is “**mai một**,” a disyllabic word written as 埋沒 *[mai một]*, used in phrases like “*tài năng mai một*,” meaning talents that wither or disappear when unused. The semantic meaning of 沒 *[mei]*, with sound *[mut]* *[mog]* (沒) in Chinese dialects close to “*một*,” on the surface, does not resemble the numerical sense of “**one**” (1). However, all meanings of 沒 *[mộ]* from Chinese dictionaries—such as “no,” “none” (negative form), “sink,” “end,” “death”—align with the metaphorical notion of the sun's “movement,” along with the idea of the sun's position at the dawn of language. These details will be revisited in a future article.
- In summary, according to the theory presented here, centering on *noumenon* and *noumenology*, “one” and “two” in many languages correspond to symbols of the sun and the moon. For example, the French word for Monday, “Lundi,” sounds like “lune” (moon), and “Monday” resembles “Moon,” while the word “hai” (two) in Tay-Nung languages means “moon.” The character for “hai” (2) in Nôm script is written as 𠂇 *[hai]*, composed of 台 *[tai]* for the sound *[ai]* and 二 *[er]* for the meaning of the number 2.
- In reality, it cannot be said that “*một*” (1) is purely a Nôm word, as the sound *[mot]* is the phonetic form for the number 1 in the language of the First Nations people (formerly

called Aborigines and/or Torres Strait Islanders) in Australia. The equivalent phonetic form for "one" is [motu], identical to [môt] in [lawitbarimot], meaning the number 3, where [lawitbari]= 2 [38], and it can be deduced that [mot]= 1, since [lawitbarimot] (3) equals [lawitbari](2) + [mot](1).

● Number 1, Individuation, Change of State and The Sun

The interpretation presented here for the Vietnamese word "môt" (one) focuses on the noumenon meaning of this phoneme, which lies outside the epistemological framework of Western linguistics as well as that of Sino-Nôm (*Hán-Nôm*) studies of Vietnamese. There are several key principles or premises underlying the approach used in the new interpretation presented here. Essentially, the new interpretation is not constrained by inherent premises such as: *one nation one language*, or language belonging to a language group, or depending on definitions like language being a social convention, etc. Most importantly, the premise does not focus on various standard pronunciations but emphasizes more on the fundamental meaning or noumenon. This means that the word or phoneme "môt" can correspond to sounds such as [mỗi], [moch], [mat], [bất], [mặt], [mất], [mot], [mut], [moti], [mỗ], [mo], [moa], [mono-], [muai], [muay], [bat], [moei], [moja], [mi], [mesa], etc., and the semantics can encompass many things, as long as they share the same noumenon meaning, typically represented by meanings that can be recursively interpreted [32] from the daily appearance and disappearance of the sun (sunrise and sunset). Summarizing some key meanings:

- Appearance and disappearance => hidden/visible => the sound [mất] (lost) is close to [mặt] (face) [mặt trời] (sun);
- The sound [mat] with the meaning of loss, disappearance, death is the dialectal sound for 沒 [môt] (die);
- The concept of individuation => number 1, the concept of unit => môt (1);
- Individuation => each (mỗi) => each resembles ichi (1) in Japanese, similar to East (direction);
- The sound [mỗi] resembles [moja] (number 1) in Swahili, or [moei] (1) in Alak;
- [mỗi] (each) also resembles [muay] (number 1) in Khmer;
- The sound [mo] 沒 [môt] (die), close to the sound [mỗ] indicating the first-person pronoun (I);
- The sound [moa] (1) in Mon, close to moi (French), meaning I, within the individuation framework;
- The sound [môt] (1) resembles the sound [mot] in Australian Aboriginal languages for number 1 [38];
- The sound [mi] (1) in Armenian, Amwi, close to the sound [mi] in Vietnamese, the second-person pronoun (you);
- *Han* (he) (Danish) close to *Hần* (Vietnamese), close to hann (Icelandic) (he), all three close to *Haul* (sun) in Welsh;

- The sound [il] in Korean for number 1 resembles Il in French, the third-person pronoun (he, it);
- The sound [il] in Korean also carries the meaning of sun, similar to the sound [ilios] in Greek;
- Old Thai has the sound [âai], meaning number 1, close to the pronoun [ai] (Vietnamese) and I (English) (derived from Ic), and Ic is close to [ik] (1) in Dogri [36], [ég] (I) in Icelandic, [ek] (1) in Hindi, or the sound [i] in Somali meaning me (I);
- [mi] is also a sound like [mat] [mut] in Hakka for 沒 [môt] (die);
- The sound [ichi] (1) in Japanese resembles Ich in German, meaning I, also originating from individuation;
- The initial sounds [b] and [m] are both bilabial sounds, so [mat] and [bat] interchange, resulting in:
 - Bat in Basque meaning number 1, similar to the sound [mat] (1) in Gimojan (Ethiopia);
 - The sound [bat], number 1 in Basque, close to the Hokkien sound [but] for the character 沒 [môt] (die);
 - The word *one* (1) in English is close to *only*, similar to *bat* (1) and *bakarrik* (only) in Basque;
 - *Un* (1) in Welsh and *unig* (only) also in Welsh;
 - Sun in Corsican is *Sole*, a sound close to *Solu* meaning only;
 - *Sol* (sun) in Galician close to the word *Só* meaning only;
 - *Soleil* (French), *Sol* (Galician) (sun) close to *seule*, *sole*, and *seulement*, *solely*;
 - *Jua* in Swahili (sun) resembles *Jour* in French (day);
 - *Tian* 天 (sky) also means *day*, *tomorrow*: 明天 [ming tian];
- A notable recursive transformation [32] of the character Tian (天) is *Nhị Thiên* in the context of *Nhị Thiên Đường* oil (*Đường* carries the meaning of *pharmacy*) meaning something indispensable, ranked second (Nhị) after the first indispensable thing, which is Heaven (天), i.e., *Nhất* (is) *Thiên* (Heaven ranked First).

• **A Common Noumeme for Third-Person Pronouns**

It has been shown in the above that there is a *noumenal connection* between third-person pronoun (he / she) and demonstrative *this / that*:

- Sumerian *ni/na* (he/she) ↔ Vietnamese *nó* (he/she), *nọ* (that) ↔ Chinese 那 [na/nuo] (that).
Here, the “initial *n-* + vowel” structure reflects a shared noumenon across languages.
- Vietnamese *kẻ* is noumenally associated with *kia* (that), and Y (伊) (he /she) with *ấy* (that).

- Second-person pronoun *Bay* or *bây* corresponds to 彼 [bi] (bì), meaning *that, that man, he / she, this* (*bây giờ*: now), pronounced [bei] in Cantonese and many other dialects.
- Miềng / Miềnh / Minh (I / me / myself) is related to [mian] (face) pronounced [mian] in Minnan, Nanjing, [ming] in Chaozhou, [min] in Minnan and Cantonese.

Based on the data collected from 15 languages, as presented in Table VI, a strong connection exists between third-person pronouns (*he / she*) and demonstrative pronouns (*this / that*). This link is evident in languages such as Greek, Pashto, Hmong, Manx, Tulu, Tongan, Albanian, Croatian, Corsican, Romanian, and Mongolian.

A fascinating observation from Table VI is the phonetic similarity between certain words. For example, the Tongan and Balinese word *ia* (*he / she*) and the Romanian word *ea* (*she*) are phonetically similar to the Vietnamese *ya* or *va*, which also serve as a third-person pronoun. This is particularly interesting in the case of Tongan, where the pronoun *ia* corresponds directly to the demonstrative phrase *ko ia*, meaning *that*. This suggests a potential shared etymological root or a parallel linguistic evolution across these diverse languages.

Table VI: *he / she* and *this / that*

English	Greek	Pashto	Hmong	Malay
he / she	aftós / afti	valagha/valagha	nws / nws	dia / dia
this , that	aftó, ekeino	da, valagha	yam no, ntawd	ini, itu
Manx	Armenian	Balinese	Tulu	Tongan
eshyn / ish	na / na	ia / ia	aye/ aye	ia / ia
shoh, shen	sa, ayn	ene, ento	undu, ā	ko eni, ko ia
Albanian	Croatian	Corsican	Romanian	Mongolian
ai / ajo	on / ona	ellu // ella	el / ea	ter / ter
kjo, ajo	ovo, ono	questu, quellu	asta, aia	ene , ter

The linguistic examples presented above suggest that vocabularies separated by vast spans of geography and history may still be interconnected through shared noumenal concepts. In some cases, these words may even function as *noumemes*—mutually reflective carriers of deep, abstract meaning. This perspective diverges sharply from conventional linguistic theories, which often attribute such similarities to coincidence, as framed by the Tree-and-Branch Model of language evolution.

Rather than viewing these lexical parallels as accidental, this approach invites us to consider the possibility of a deeper cognitive or cultural substrate—one that transcends linear descent and geographic isolation. It implies that certain core ideas, such as water, land, and identity, may have shaped language in ways that ripple across civilizations. These shared noumena could act as anchors for meaning, giving rise to phonetic echoes and semantic convergence across seemingly unrelated tongues.

The following example illustrates how the concept of the *noumeme*—a shared, abstract semantic core—can help explain lexical connections across languages separated by vast distances in both geography and time.

In Vietnamese, the word *nước* carries two distinct meanings: “water” and “country.” According to earlier academic perspectives, this homonymy reflects a deeper conceptual link between water and land, encompassing ideas such as nation, countryside, town, or any place where an organized community resides. The Chinese equivalent is 国 (*guó*), formerly written as 國 or 或 (*huò*), and

notably, during the Spring and Autumn and Warring States periods, any state—regardless of size—was referred to as *quốc* (國).

Exploring *nước* from a comparative linguistic angle reveals metaphorical connections between water and place across diverse languages. **Table VII** presents examples where terms for “water” and “country” share phonetic and semantic overlap—especially in Old English (*ea* / *eard*), Danish, Vietnamese, Jarai, Hmong, Mongolian, and Bahnar. Remarkably, the Old English *ea* (water) resembles [ia] in Jarai, [ýa] or [aia] in Cham, *air* in Malay and Indonesian, and *aye-da* in Sora (a Munda language).

Table VII: *nước* (water) / *nước* (country)

English	Viet	Hmong	Greek	Indonesian	Munda
water/ country	nước / nước	dej / teb	neró / chóra	air / negara	aye-da ¹ / desa
Akkadian	Jarai	Danish	Tamil	Mongolian	Bahnar/Khmu
mê, māmê/ mātu	ia / lôn ia	vand / land	nīr / nātu	us / uls	da:k / da:k ²
Cham ³	Assyria	Burmese	Old English	Tahitian	Welsh
aia, ýa/ aia, nagar	mie-ya / ia:	yei / pyei	ea / eard	pape / ai'a	dwr ⁴ / gwlad

NOTE: 1. In the Sora language: *aye-da* = *dak* = water; 2. [da:k] = water, river, land, village (Mường: *dác*); 3. *Land*: *bhum* (similar to *pum* in Khmer: village), *pari* // *palei*: hamlet, neighborhood, settlement; 4. The pronunciation [dwr] is very close to [dác] and [đước], and [dác] easily transforms into [nác] and [nước], similar to how [nón] (Vietnamese) relates to [don] (Cham)

Words like *nước* likely emerged early in human history, intimately tied to survival. With survival comes the need for foundational vocabulary—or conversely, foundational words give rise to language, which supports survival. Here, survival refers not to the dominance of a single tribe, but to the shared human experience. It is plausible that ancient phonemes such as [aye], [air], or [ea] were once names for water deities—such as *Ea*, the Akkadian god of water, previously known as *Enki* in the Sumerian civilization of southern Mesopotamia, dating back 5000–7000 years.

One interpretive path suggests that *nước* (water) preceded *nước* (country) in linguistic development. Settlements naturally formed around water sources, and the names of these places often retained the original term for water. Thus, the word for water became synonymous with land, village, or nation. The deity *Ea* may have influenced the Old English *ea*, and similar phonemes like *Ia* or *Ýa* appear in languages along the Pacific Rim.

Meanwhile, phonetic forms such as *nước*, *nác*, *dác*, or *dak* (as in Daklak) may be linked to the Indian water deity *Naga*, derived from the Sanskrit *nāgá*, meaning cobra. Table VIII below compares terms for water, country, and city with references to *Naga*, *nagar*, or *nagara*—words that denote urban centers or divine associations.

Table VIII: *nước* (water, country, town) and *naga*, *nagar*, *nagara*

Viet	Greek	Cham	Indonesian	Kannada	Sundanese	Aslian	Burmese
nước	nero ¹	nugār ²	negara ²	niru ¹	nagara ²	nengri ²	yei ¹ pyei ²
Pali	Chūt	Cham	Viet ³	Tamil	Burmese	Mon	Lao
nīra ¹	niók ²	aia ¹⁻²	Đàlat/Daklak	nīr ¹ nātu ²	Nain ngan ²	daak ¹	na ² /bā:n-nō:k ²

Notes: 1. Water; 2. Country/Place; 3. The names *Đà Lạt* and *Daklak* seem to have the same orthographic construction: *Đà* (or *Da/Ya*) or *Dak*, meaning dialectally *water, habitat, place*; and *Lạt* or *Lak* or *Lac* are names in Srê denoting *people that live in this area*.

The word *naga*, meaning serpent deity or water god, is likely a linguistic cousin to terms like *nước*, which carry meanings of both “water” and “country” across languages from East to West. The phoneme [naga] may also relate to the English word *snake*, reinforcing its mythological and semantic depth.

The derivation of *nước* (country) from *nước* (water) reflects a universal pattern: human settlements often form around rivers and water sources. In Coptic (ancient Egyptian), several words simultaneously denote both the Nile and the land of Egypt, further supporting this conceptual link.

Phonetic forms such as [naga], [nero], [nước], [nác], or [dak] gain cultural authority and are more readily adopted, possibly due to their association with divine or ancestral figures like the water god Naga. According to this interpretation, the place names *Đà Lạt* and *Daklak* share a deep-rooted semantic structure predating the modern Vietnamese script.

The word *Đà* in *Đà Lạt*, rendered by the French as *Dalat*, may derive from *Yalat*. The Vietnamese phoneme [Da] can be read in French as [Da], equivalent to [Đa], and both may trace back to local sounds like [Ya] or [Đác], meaning water or habitat. Similarly, *Lạt* or *Lak* may stem from [Lat], [Lak], or [Lac], referring to tribal names or inhabitants of the region.

This structure parallels the place name *Nha Trang*, where the phoneme [nha], now transcribed as [nya], corresponds to [ya], meaning water. The consonant [nh] in *nha* follows Portuguese transcription conventions introduced by Alexandre de Rhodes [3]. This phoneme could be rendered as [gna] in French, [ña] in Spanish, or [nya] in various Asian phonetic systems.

The [nya] transcription aligns with the Chinese character 牙 (*ya*), meaning tooth or ivory. In Mandarin and Nanjing dialects, it is pronounced [ya], as in *nha sĩ* (dentist), while other Chinese dialects—Fujianese, Cantonese, Shanghaiese, and Hakka—pronounce it [nga], as in *ngà voi* (ivory).

In Moussay’s Cham dictionary [44], *Nha Trang* is transcribed as *Ýa trañ*, where [ýa] signifies water or land, and [trañ] may correspond to *Trang* or *Dran*, referring to a surface now associated with reeds. If we interpret *Nha Trang* as derived from a tribal-era phonetic structure like [ya ‘rang], then [‘rang] or *trang* in modern Vietnamese may be linked to the Cham word *urang*, meaning person—*urang Lao* (Lao person), *urang Laow* (Chinese person).

Thus, one compelling interpretation is that *Nha Trang* originates from the deep-rooted phrase *ya urang*, where *ya* = *nha* = water, land; and ‘rang = *urang* = *trang* = person, or people in general.

Key Contributions of the Tree-and-Soil Model

- **Noumenological Unity:** This model identifies primal concepts—such as duality and orientation—that transcend specific linguistic families.
- **Beyond Phonetics:** It prioritizes the resonance of semantics and symbols over strict phonetic laws.
- **Interdisciplinary Synthesis:** By integrating fields like archaeology (e.g., the Egyptian concept of *ka*), anthropology, and comparative mythology, the model breaks down geographical and historical boundaries, examining connections over long distances and across vast periods.

This approach challenges Eurocentric etymological methods, offering a framework for reconstructing linguistic evolution through **cultural-cognitive invariants** rather than rigid genealogical trees.

This stands in contrast to the **Lexical Borrowing Hypothesis** (Tree-and-Branch Model), which views lexical development as a more linear process of inheritance and substitution. The core distinctions between the two models—**Lexical Admixture / Absorption** (Tree-and-Soil) versus **Lexical Borrowing** (Tree-and-Branch)—are outlined as follows.

Basically, the **Lexical Borrowing Hypothesis** (Tree-and-Branch Model) views language evolution much like a family tree, where new words are borrowed from a more dominant language during historical contact.

On the other hand, the **Lexical Admixture / Absorption Hypothesis** (Tree-and-Soil Model), as used in this article, sees language evolution as a process of mutual adaptation, much like plants absorbing nutrients from the soil. It is more holistic and incorporates a broader range of linguistic and historical factors. Main points of both hypotheses are summarized in the Tabulation below.

A major difference between the two models is the **Tree-and-Branch** model's inherent reliance on **probability and statistics** as tools for scientific inquiry, shown as item 7 in the Tabulation. The problem with this approach is that the data must conform to specific dimensions for analysis, making the already scarce pool of available historical data even more limited and less suitable for a meaningful study.

An example of the **dimension** of data can be seen in general elections in countries with a Westminster-style system, where there will be a difference in the election results between the number of seats won in parliament and the popular vote count. Similarly, in a U.S. presidential election, the number of electoral college votes may differ from the popular vote results. Another example is Napoleon's height, which would be considered normal when measured against the height of 19th-century French people, but slightly short if the statistical population were limited to the nobility and military.

Hand-in-hand with the nature of data dimensions, language studies also depend on the data itself, the events related to the data, and theories tied to probability. This means that long-standing written data is a prerequisite for conducting language research. And without such data, research directions that rely on data, statistics, or probability are at a dead end. Furthermore, one could argue that knowledge gaps often have a very natural structure because scientific models often begin with premises but rarely focus on them. Alternatively, the question for a premise is considered synonymous with truth, or it is merely one dimension or aspect of the truth.

TABULATION: Lexical Borrowing and Lexical Admixture / Absorption Hypotheses

	Lexical Borrowing Hypothesis (Tree-and-Branch)	Lexical Admixture / Absorption (Tree-and-Soil)
1	It assumes a clear distinction between a "language" and its "dialects," with words flowing in one direction.	It accounts for the mutual exchange of words between multiple languages.
2	Common language or <i>lingua franca</i> precedes dialects.	It suggests that dialects often form before a common language or <i>lingua franca</i> .
3	Loanwords are treated as distinct additions that retain their original meaning.	Model is influenced by Pidgin-Creole processes and includes the transfer of noumenal (conceptual) semantics, not just the words themselves.
4	The time it takes for a word to be borrowed is directly linked to the period of historical interaction.	Lexical absorption can happen very quickly, often within one or two generations, as seen in Pidgin-Creole processes ¹ .
5	The hypothesis is influenced by structuralism and historicism, often referencing established language groups.	It operates without the rigid boundaries of language groups, and it considers unrecorded history of human and lexical migration.
6	It has an implicit association with genetics, suggesting a direct link between a speaker's heritage and their language.	It has no association with DNA, as demonstrated by native-like second-generation speakers from immigrant families.
7	It relies on statistics and probability , which requires a large amount of data of the same type.	This hypothesis relies on possibility and the convergence of data from various sources or different dimensions.
8	This model suggests a long-term continuity of a <i>lingua franca</i> over time.	It suggests that many modern <i>lingua francas</i> have only emerged in the last few centuries.
9	The nature of this hypothesis is dualistic, and it views a lexicon's formation as generally arbitrary.	The background of this hypothesis is non-dualistic, and it views language as having an organic nature.

1. See [43]

It can also be noted that an analysis of language based on the **noumenon**, as presented in this paper, will, sooner or later, be in strong contrast with the common concepts used in linguistics. A typical example is the search for a single proto-language or the grouping of different languages into one family, following the **tree and branch model**, which is different from the **tree and soil model** used here [45]. The main reason is that once it is said that language develops strongly in its early stages through its **organic nature**—meaning language is tied to survival and life—then the language created by survival, as well as the language that always supports survival, and the fact that human survival must be the same everywhere, leads to the conclusion that language or the way of creating vocabulary must be the same between two different and distant places. This reasoning is largely based on **possibility**—that is, seeking an explanation based on what **could have happened**, rather than on a collection of disjointed data, some of which are **extrapolated** from a few existing data points, or from everyday observations.

The Principle of Possibility

Possibility, or **plausibility**, is very likely based on a few basic principles or logical arguments as follows:

- The vocabulary of the earliest language, from the primordial era of language, is very difficult to base on **arbitrariness**, unlike the way language is transmitted and acquired by children or learned as a foreign language by adults.
- Because the time it takes for humans to learn to live, to practice living, is quite long—around 10 years from birth, compared to many other creatures—language in its most rudimentary form must have existed since the dawn of humanity. The rudimentary form of language, especially the principle used to coin new words, is very likely the same between one tribal group and another. It is also very likely that language was transmitted over very long distances through a **chain reaction** or **domino effect**. Referring to Table VII, we observe that the sounds associated with words for “water” or “river” are strikingly similar to [aye] across many languages, despite vast geographical and historical separation. Notably, there is a resemblance between Chamic [aia], [ýa] (meaning “water”), Jarai [ia] (“water”), and Old English [ea] (“water”). These water-related terms often evolved into words signifying “settlement” or “village,” and eventually came to represent “country” or “nation.” For example, in Vietnamese, *nước* means both “water” and “country.” In some cases, the word for water became a suffix or prefix attached to terms denoting a nation or land. Consider *India*, whose name may derive from settlements near the Indus River, with [-ia] possibly reflecting this connection. Similarly, *Cambodia* (Kambuja) traces its name to the legendary ancestor *Kambu*, with [ja] signifying the land settled by his people.
- Beyond these examples, there is a compelling possibility that sounds like [ia], [aia], [ja] (as shown in Table VII), or [jala] (Bengali for “water”) may be etymologically linked to *Ea*, the Akkadian mythological god of water. The enduring influence of a deity’s name could explain the persistence and spread of these phonetic elements across cultures and languages.
- Language from tens of thousands of years ago had absolutely no connection with nations or ethnicities, because the concept of a nation, and the associated idea of language as a crucial component of national and ethnic **identity**, only became globally widespread in the last few centuries. In the context of **existence**, therefore, early language, especially its basic vocabulary, is very likely related to the tribal **ancestors** and/or great entities that influenced life in the surrounding environment.
- Language, therefore, in its primordial era, developed around the connection between language and supernatural entities beyond human control. This had two main purposes or characteristics: first, to express respect and knowledge of the ancestors, and second, to include supplication and to be easily accepted by the community and everyone using the language around them. The general meaning of this type of language development can also be seen as language being a kind of **science and technology** serving as the foundation for other “technical fields.” Used to support survival, the science and technology of language in prehistoric times very likely played the full role of all the “advanced” sciences and technologies of today. Importantly, language and the way new vocabulary was invented were always respectfully “copied” from one place to another. For example, consider the number two and the conjunction “and.” The sound for “and”

in several languages, like **[va]** in Persian, **[gwa]** in Korean, and *và* in Vietnamese, is phonetically similar to **[dwa]** for the number two in Cham and **[dva]** in Russian. This suggests a **noumenal connection**—where the concept of "and" or "joining" is tied to the concept of the number two. This connection might even extend to a major deity with a rank of two, named with a similar sound, such as **Deva**.

Possibility in Science and Linguistics

In fact, **possibility** is still often used in all fields of science, especially archaeology and even linguistics, for example [46]. The main characteristic of possibility is the **convergence** or **concordance** of a few different data points, rather than needing many different data points with a shared qualitative trend, as in probability and statistics. For example, in a criminal indictment for murder, the basis of the charge is that the defendant has three different components: first, motive or intent; second, opportunity; and third, means. The evidence for these three components does not need to be numerous, but it must be consistent with each other. A clear example of the use of possibility in this paper is tracing the origin of the word **dù** or **ô** (umbrella), from the word **vũ** (rain) of the two-syllable word **vũ tân** (雨傘), which means umbrella, where **vũ** only means rain, and only **vũ tân** carries the full meaning of an umbrella. The two words **dù** and **ô** are two words with different phonetics, often considered dialectal pronunciations of Vietnamese. But 21st-century data show a **convergence** between these two phonetics with two groups of phonetics from northern dialects corresponding to the character **vũ** (雨 - rain) from the two-syllable word **vũ tân** (雨傘) which means umbrella. The first group includes the sounds **[jyu]** **[yu]** **[yü]** **[bbu]** **[vu]** **[wu]**, corresponding to **dù** or **vũ** (or **ũ** [3]) (雨), and the second group has **[ho]** **[hōo]** **[u]** and **[ü]** (see [4]), corresponding to **ô** (雨), located in the two-syllable word 雨傘 [vũ tân] meaning umbrella. Or the word **dượng** (aunt's husband) derived from 姑丈 [gu zhang] [cô trượng] (aunt's husband), with the sound **[dượng]** close to **[zoeng]** in Cantonese and **[diong]** in Southern Fujianese, which means husband. This sound **[dượng]** converges with Hakka sounds **[chong]** (husband - *chông* in Vietnamese), Wu **[dzan]**, Min Nan **[tiong]** (husband), as well as Teochew **[ziang]**, Wuxi **[jan]** (husband), all of which correspond to the character **trượng** (丈) or **trượng phu** (丈夫) which has the meaning of husband. Or the Vietnamese words **biển** and **bể** (sea), from the sound **[bian]** of 海边 [hai bian] [hải biên] which gives **biển**, or the sound **[pei]** according to the two-syllable Cantonese word 海皮 [hoi pei] (sea skin / sea border) which gives **bể**. All of these carry the meaning of "etymology," or the internal meaning, which is the **border of the sea, the seashore**, etc.

A New Framework for Language Analysis

If we consider **language** to be both **an individual and a communal possession**, and scientific knowledge to be the most reliable kind of knowledge, then many of the mysteries or absolute truths held dear about language, as well as science in general, can be re-examined according to a **new structure**. The main characteristics of this new language structure, as presented above, can be summarized as follows:

- The **old structure** considers, for example, the two words *nước* (H₂O) and *nước* (country, nation) to be **homonyms with different meanings**, whereas the **new structure** posits that these two words are **linked through a noumenal meaning**, following a philosophical concept by Kant. This means that the word *nước* (country) is related by noumenon to the word *nước* (water)

source), or the area around a body of water, which gave the name to a tribe that once settled there during the time when language first came into widespread use. This implies that the name of a country is often attached to a phonetic sound for water (body of water, river), like the suffix **-ia**, in the name **India**, which refers to a country or nation that in ancient times had its source (settlement) near the Indus River.

- Language, at the time of its invention, was a tool of importance similar to "advanced" science and technology in recent centuries, because language is especially important and essential for humanity, for human life and survival. The **organic nature**, reflected in the link between survival and language, holds different levels of importance depending on the era, but it was particularly essential in the early stages of language.
- Language has two main parts: **speech and writing**. For many centuries and millennia, language in most parts of the world was only speech, leaving no trace before the time of recording devices. Writing in Vietnamese, such as **chữ Nôm** (Nôm script), was widespread only among the elite before the 19th century. By its nature, it could be pronounced in many different ways, unlike the way a common spelling system corresponds to a single pronunciation, such as in *Quốc ngữ* (Alphabetic Vietnamese). At the very least, therefore, it is very difficult to use *Quốc ngữ* as a standard when analyzing the language of chữ Nôm, because they are two different things in terms of the relationship between pronunciation and writing.
- Based on the **theory of possibility**, it can be seen that language in its early stages of invention and development was very likely based on the **order and knowledge of counting**, or rank, following the "model" of the 10 fingers, two hands, two feet, and celestial bodies or behaviors around them with **dualism**, such as sunrise and sunset, life and death, light and dark, land and sea, the sun and the moon, etc. These things lead to the observation that language has a basic model of numbers or ordinal ranks through observations of nature or surrounding objects.
- The structure for creating new words in the prehistoric era of language, as presented here, is based on **metaphor** and the **noumenon concept** of a substantive meaning, leading to a method of word creation using numbers or the ordinal rank of celestial bodies or deities—in short, numbers give rise to words. This type of vocabulary creation, where numbers give rise to words, seems to be the reverse of current scientific and technological progress, which transforms natural sensations and observations, through natural language, into numbers and numerical sequences. In short, it is **words becoming numbers**, which are installed in almost all machines, big or small, that humans need every day. Details of this will be presented in another article.

Dualism and Non-dualism

Dualism may be exemplified by the proposition "*A is B.*" Once a specific value of *B* is chosen, the formulation can collapse into the tautology "*A is A,*" which represents a form of *monism*. In this sense, dualism can manifest as monism, and monism as dualism; yet both remain distinct from *non-dualism*. *Non-dualism* is not *dualism*, but paradoxically it is a dualism of another order. It does not rest on a single dichotomy, nor on a single unifying principle, but may instead emerge from multiple sources across different times and places.

The essential thrust of a non-dualistic perspective is to begin afresh—testing whether a given word may connect with words elsewhere through phonetic affinities, without reliance on alphabetic orthography (*a-b-c*) as the primary framework of analysis.

One of the key aspects of the non-dualistic approach is its rejection of entrenched premises in traditional linguistic science—whether explicit or implicit—most notably the principle of “*one people, one language*,” which itself derives from the age-old observation “*one tribe, one tongue*.”

The problem of linguistic classification is deeply intertwined with the principles of dualism and monism, which appear across both Eastern and Western philosophies of science and existence. Dualism is often seen as a pathway toward monism, while monism is invariably linked with universality—one of the central aims of scientific inquiry. These conceptual frameworks are most clearly articulated in Western traditions, in contrast to non-dualism, which subsumes dualism, monism, and itself. The fundamental difficulty lies in the impossibility of grounding classification in the essence of things—understood here in the Kantian sense of the noumenon—because every object of inquiry contains an inherent paradox. Classification may serve as a provisional instrument for advancing understanding, but once the essence of a phenomenon is grasped, classification becomes superfluous.

Scientific knowledge is typically presented and explained in *dualistic* terms. The same characteristics of *dualism* or *monism* can be said of *scientific paradigm*, and yet, by and large *scientific inquiry* should rely on *non-dualism* at all times. The terms “dualism” and “non-dualism” used throughout this paper are not equivalent to the Vietnamese terms “nhị nguyên (dualism)” and “bất nhị (non-dualism),” as well as even the English “dualism” and “non-dualism,” because their explicit and implicit meanings overlap in some ways and diverge in others. Here, dualism is treated as a tendency that often replaces monism, which is usually tied to monistic truth. But in reality, monistic truth is hard to find, and few truths can truly be called monistic—like the idea that all humans eventually die.

An illustrative example of scientific knowledge expressed in dualistic form is the distinction between “*thing*” and “*being*.” In practice, “*being*” corresponds to dynamism, whereas “*thing*” corresponds to stasis. A parallel may be observed in French, where *le/un* marks the masculine and *la/une* marks the feminine—an instance of the dualistic formulation “*A is B*.”

From a non-dualist standpoint, however, the underlying question becomes: “*Is A truly B?*” or “*Is A in fact something else, merely designated as B?*” In other words, beyond the conventional association of gender with the deity presiding over a given phenomenon, might *le (un)* and *la (une)* signify something different—such as *one* and *two*, or *this* and *that*? They could instead represent alternative categories, such as *onesome* and *twosome*, subsequently overlaid with the labels masculine and feminine. This ambiguity is exemplified by *l’après-midi (afternoon)*, which may be used as either masculine or feminine depending on context, see [27][28].

Traditionally, elements that do not conform neatly to such classifications are treated as exceptions, or outliers in probability and statistics. Yet in practice, exceptions may outnumber the rules themselves. More broadly, dualism is a pervasive linguistic mode in academic disciplines—so pervasive that arguments often elide their foundational premises, reducing them to unexamined assumptions. Consequently, academic discourse frequently privileges logic, fluency, and rhetorical coherence, while leaving the structure of its **premises** insufficiently clarified.

Non-dualism, by contrast, tends to disregard conventional research frameworks found in textbooks and the nearly predetermined results they produce—especially classification systems or reasoning processes already embedded in scholarship. Instead, it emphasizes foundational premises and principles, and

employs new analytical approaches based on structures that differ from those commonly used in academia.

It is important to note that linguistics and the Sino-Vietnamese school may share many similarities, but they also diverge significantly—sometimes even contradicting each other. The most obvious similarity is that both often treat the one-to-one relationship between word and meaning as the final point, placing heavy emphasis on the standard relationship between pronunciation and orthography in Vietnamese vocabulary. Another similarity is the use of assumptions about borrowed words, which stem from the foundational principle of “one people, one language”—a principle that differs from the **Tree and Soil** model used here.

But the most significant and subtle parallel lies in the tendency to overlook the discontinuity between the Vietnamese *quốc ngữ* (alphabetic) script introduced in the mid-19th century and the Vietnamese language as it existed before that time. The former is inherently dualistic, while the latter is markedly non-dualistic. This discontinuity is difficult to recognize because the framework for studying and developing Vietnamese since the mid-19th century is built on an assumption of continuity with that new paradigm. That framework itself rests on the long-standing principle of “one people, one language,” and is shaped by dualistic thinking.

A clear example of how paradigm shapes theory is the long-standing claim that Vietnamese is a monosyllabic language. This notion, promoted by Western scholars after the adoption of the Latin alphabet, parallels the classification of Vietnamese as an isolating language. Both theories rely on the assumption that the written form of language provides the primary basis for understanding language itself.

In summary, the example words cited in this paper are drawn primarily from approximate phonetic forms rather than from standard or non-standard phonetics derived from post-19th-century quốc ngữ orthography. These words are understood to have been orally transmitted into Vietnamese long before the emergence of quốc ngữ writing and often bear traces of linguistic hybridization or admixture. Significantly, the notion of linguistic hybridization is seldom addressed in historical accounts of the origins of the Vietnamese people. From a non-dualist perspective, such hybridization is most plausibly interpreted as linguistic rather than genetic.

And the knowledge grooves carved by science often obscure both the phenomenon and the noumenon of the issue. Fundamentally, since Aristotle, science has categorized different entities (*katigoria*), but often overlooks the essential difference between individual and essence—centered on the question: *Is A truly A?*

In explanations where this question is paramount, words like those shown in this paper, all contain inner meanings that differ from their commonly understood or used meanings. These inner meanings may resemble or differ from their original or etymological meanings, because they all carry the ambiguous sense of non-dualism or Kant’s concept of noumenon. ■

REFERENCES

1. Nguyễn Văn Ưu (2025) Ngôn ngữ tên gọi các Món ăn (Language of Vietnamese Street Foods) *Firmament*, Volume 18, Issue 2, July 2025 – pp 34-75.
(<https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>)
Also: <https://heyzine.com/flip-book/b10615ba02.html>
2. Immanuel Kant (1781) *The Critique of Pure Reason*. Translated by J. M. D. Meiklejohn (2010-2013). The Electronic Classics Series.
3. Alexandre de Rhodes (1651) *Dictionarium Annamiticum – Lusitanum – Latinum*. Hiệu đính: Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính. Tái bản: Viện Khoa Học Xã Hội – HCM 1991.
4. 漢語方言發音字典 (Chinese Dialectal Pronunciation Dictionary):
<https://zh.voicedic.com/>
5. Nguyễn Văn Khang (chủ biên), Bùi Chỉ, Hoàng Văn Hanh (2002) *Từ Điển Mường-Việt*. Nxb Văn Hóa Dân Tộc (Hà Nội)
6. TRUYỆN KIỀU BẢN 1866: Bản Liễu Văn Đường–Nghệ An. Do Nguyễn Quảng Tuân phiên âm-khảo dị. Nxb Văn học & Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (2004):
<http://www.nomfoundation.org/nom-project/tale-of-kieu/tale-of-kieu-version-1866>
7. Vũ Văn Kính (2002) *Đại Tự Điển Chữ Nôm* (Comprehensive Nôm Dictionary). Publisher: Văn Nghệ - TP HoChiMinh.
8. Nguyễn Văn Sâm, Lăng Hồ, Nguyễn Hiền Tâm and Nguyễn Văn Trang (Editors) (2008) *Trương Ngáo – Người đi đòi nợ Phật* (Buddha’s creditor asking for repayment) – A Classical Opera in Nôm of the 19th Century. *Institute of Vietnamese Studies* – California (USA).
9. SEAlang Library Khmer (2007): <http://sealang.net/khmer/dictionary.htm>
10. SEAlang Library Lao (2007): <http://sealang.net/lao/dictionary.htm>
11. Arthur Anthony Macdonell: *A Practical Sanskrit Dictionary* (2020). Digital Dictionaries of South Asia: <https://dsal.uchicago.edu/dictionaries/macdonell/>
12. Huỳnh Tịnh Paulus Của (1895) *Đại Nam Quốc Âm Tự Vị*. Imprimerie Rey, Curiol & Cie. Tái bản: Nhà Xuất Bản Trẻ, 1998.
13. P.J. Pigneaux & A J. L. Taberd (Editor) (1838) *Dictionarium Anamitico-Latinum*. Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học – Nhà Xuất Bản Văn Học tái bản (2004). Bản Điện Tử: The Vietnamese Nôm Preservation Foundation:
<http://nomfoundation.org/nom-tools/Taberd-Dictionary?uiLang=vn>
14. SEAlang Library Mon (2009): <http://sealang.net/mon/dictionary.htm>
15. *TamilCube Pali Dictionary*:
<https://dictionary.tamilcube.com/pali-dictionary/?term=soul>

16. SEAlang Mon-Khmer Languages Project:
<http://sealang.net/monkhmer/dictionary/>
17. SEAlang Library Shan (2008): <http://sealang.net/shan/dictionary.htm>
18. Nguyễn Văn Ưu (2022) Thử tìm nghĩa gốc của vài từ ngữ quen thuộc. *Firmament* (Thế Hữu Văn Đàn), Vol.14, No. 4, January 2022, pp 64-74:
<https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>
19. CantoDict Project: Cantonese-Mandarin-English Dictionary:

<http://www.cantonese.sheik.co.uk/scripts/wordsearch.php?level=0>
20. Từ Điển Hán Việt Trích Dẫn: <http://www.vietnamtudien.org/hanviet/>
21. SEAlang Library Burmese (2006):
<http://sealang.net/burmese/dictionary.htm>
22. John A. Halloran: Sumerian Lexicon (Version 3.0):
<http://www.sumerian.org/sumerian.pdf>
23. Hoàng Văn Ma - Lục Văn Pảo – Hoàng Chí (1974) Từ Điển Tày – Nùng - Việt (Tay-Nung-Viet Dictionary). Published by Viện Ngôn Ngữ Học (The Linguistics Institute)
24. Trần Trí Dõi (2001) Ngôn ngữ và sự phát triển Văn Hoá Xã Hội (Language and Socio-Cultural Development. Publisher: Văn Hoá Thông Tin.
25. Richard K. Gilbert and Sovandy Hang (2004) Cambodian for Beginners. Paiboon Poomsan Publishing – Bangkok (Thailand).
26. Henri Roux (1954) Quelques Minorités Ethniques du Nord – Indochine. France-Asie Revue Mensuelle de Culture et de Synthèse Franco-Asiatique. Tome X – Janvier-Février 1954 (92-93).
27. Nguyễn Văn Ưu (2022) Quan sát về *Cái* và *Con* – Phần 1 (Some observations on *Cái* and *Con* – Part 1). *Firmament* (Thế Hữu Văn Đàn), Vol. 15, No. 2, July 2022, pp. 103-115.
28. Nguyễn Văn Ưu (2023) Quan sát về *Cái* và *Con* – Phần 2 (Some observations on *Cái* and *Con* – Part 2). *Firmament* (Thế Hữu Văn Đàn), Vol. 15, No. 4, January 2023, pp. 45-59.
(<https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>)
29. Nguyễn Văn Ưu (2023) Tháp Babel và Ngôn Ngữ Ngày Xưa (The Tower of Babel and the Languages of Ancient Times). *Firmament* (Thế Hữu Văn Đàn), Volume 16, No. 3, October 2023, pp 70-92.

(<https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>)
30. Le Colonel Frey (1892) *L'Annamite – Mère des Langues*. Librairie Hachette et Cie. 286pp. Internet Archive:
https://archive.org/stream/LAnnamiteMereDesLangues/L_annamite_m%C3%A8re_des_langues_djvu.txt

31. Truyện Kiều Bản 1870: Bản Kinh đời Tự Đức – Nguyễn Quảng Tuân phiên âm – khảo dị (The Tale of Kiều - The Imperial Edition from the Tự Đức Era. Transliterated and Annotated by Nguyễn Quảng Tuân. Published by Văn học & Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (2003)
- <https://www.nomfoundation.org/nom-project/tale-of-kiieu/tale-of-kiieu-version-1870>
32. Nguyễn Văn Ưu (2024) Ngôn Ngữ của Đông Tây Nam Bắc (The Language of North South East West). *Thế Hữu Văn Đàn (Firmament)*:
- Part I: Volume 17, No. 1, April 2024, pp. 220-236
 - Part II: Volume 17, Issue 3, October 2024, pp. 293-317
- <https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>
- <https://www.dropbox.com/scl/fi/klx5cl8500ruwtp1bcud0/4-Cardinals.pdf?rlkey=85uiuhud7m3u52nfegf53x356&dl=0>
33. Vietnamese Nôm Preservation Foundation: Nguyễn Trãi: *Bảo Kính Cảnh Giới – Bài 47* (Mirror of Wisdom – Poem 47 (by Nguyễn Trãi)):
- https://www.nomfoundation.org/nom-tools/QATT/QATT/?qatt_group_idx=9&poem_id=174&uiLang=vn
34. Edwin G. Pulleyblank (1991) *Lexicon of Reconstructed Pronunciation in Early Middle Chinese, Late Middle Chinese, and Early Mandarin*. UBC Press (Vancouver). 497pp
35. Baxter, W. H., & Sagart, L. (2014). *Old Chinese: A New Reconstruction*. Oxford: Oxford University Press. 449pp
36. Mark Rosenfelder (Compiled by): Numbers from 1 to 10 in over 5000 languages
- <https://www.zompist.com/numbers.shtml>
37. Digital Dictionaries of South Asia: <https://dsal.uchicago.edu/dictionaries/>
38. A.W. Reed (2006) *Aboriginal Words of Australia*. Reed New Holland. 124pp
39. Online Etymology Dictionary: <http://www.etymonline.com>
40. Andrew Robinson (2002) *Lost Languages – The Enigma of the World’s Undeciphered Scripts*. Tess Press (Black Dog & Leventhal Publishers, Inc.)
41. Po Dharma (2013) *Vương Quốc Champa – Lịch Sử 33 Năm Cuối Cùng (1802-1835)*. The Council for the Social-Cultural Development of Champa (Champaka).
42. Nguyễn Văn Ưu (2024) Xem lại thuyết tiếng Việt Đơn Âm. *Firmament* (Thế Hữu Văn Đàn), Volume 16, No 4, January 2024, pp 75-91 + Volume 17, No 1, April 2024, pp 61-84:
- <https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>

43. Danièle Moyal-Sharrock (2016) Universal Grammar: Wittgenstein versus Chomsky. IN: A Companion to Wittgenstein on Education: Pedagogical Investigations. Eds, M. A. Peters & J. Stickney (Springer, 2016), pp. 573-600.
44. Gerard Moussay, Nại Thành Bô, Thiên Sanh Cảnh, Lưu Ngọc Hiến, Đảng Năng Phương, Lưu Quang Sanh, Lâm Gia Tịnh, Trương Văn Tồn (1971). Tự Điển Chàm-Việt-Pháp (Champa-Vietnamese-French Dictionary). Trung tâm Văn-hóa Chàm - Phan-Rang.
45. Nguyễn Văn Ưu (2022) Từ vựng cũ, phân tích mới (Old vocabulary, new analysis). *Firmament (Thế Hữu Văn Đàn)*, Volume 15, No. 1, April 2022, pp 88-115.
<https://vietnampoetry.wordpress.com/firmament/>
46. André-Georges Haudricourt (2018) The origin of tones in Vietnamese. 2018. HAL Id: halshs-01678018 (<https://shs.hal.science/halshs-01678018v1>). Original: *De l'origine des tons en vietnamien*, Journal Asiatique 242: 69-82 (1954).



CUỐI NGŨ A XEM HOA

TIỂU BANG
PENNSYLVANIA

CHƯƠNG V
VƯỜN HOA LONGWOOD
(Longwood Gardens)

NGUYỄN GIỤ HÙNG

Chúng tôi lại tiếp tục lên đường để đến thăm vườn hoa Longwood Gardens.

Longwood Gardens

Longwood Gardens là một “vườn hoa” không những nổi tiếng của tiểu bang Pennsylvania mà còn là một trong vài vườn hoa nổi tiếng nhất của cả nước Mỹ.

Vườn hoa được xây dựng trên một thửa đất rộng 1.077 mẫu Tây, với trên 11.000 loại hoa và thảo mộc khác nhau được trồng ở đây. Thật là một cảnh trí với bao “kỳ hoa dị thảo” được đem từ nhiều nơi trên đất Mỹ cũng như trên thế giới về đây. Bên cạnh đó là những vòi phun nước, những thảm cỏ xanh, hồ nước. Người thưởng ngoạn còn được xem trình chiếu về phim, nhạc với số lượng khoảng 400 lần một năm gồm cả những buổi đốt pháo bông. Riêng mỗi ngày có chương trình “water dance” (múa nước) theo những điệu nhạc cổ điển Tây phương hay nhạc hiện đại đương thời.

Đứng về mặt lịch sử của vườn hoa. Khởi đầu vào năm 1700 khi một gia đình Quaker tên *Peirce* mua thửa đất này từ chủ nhân là *William Penn*. Dòng họ Peirce đã xây dựng thành một *trang trại* trồng cây vào năm 1798. Đến năm 1850 trại trồng cây được coi như một trại cây suu tầm được nhiều loại cây quý giá nhất của quốc gia. Nó cũng đã mau chóng trở thành một “công viên” công cộng có giá trị cả về

phương diện mỹ thuật lẫn giá trị về nghiên cứu thực vật. Sau đó trại cây được bán cho gia đình *Pierre du Pont* (gốc Pháp) vào năm 1906, lúc đó Pierre 36 tuổi.

Kể từ năm 1907 tới năm 1930 ông Du Pont đã xây dựng nên một *vườn hoa* đẹp đẽ với kiến trúc và sự bố trí quang cảnh thành *nhiều khu* vườn hoa gần giống như những gì ta thấy ngày nay. Vì đi nhiều nơi trên thế giới nên ông đã có cơ hội tìm hiểu, học hỏi về một số công trình nổi tiếng từ những vườn hoa, lâu đài, hoàng cung sang trọng vùng Âu Châu, Á Châu, Trung Đông, hay từ các vùng tuyết lạnh tới vùng nhiệt đới, sa mạc. Ông đã mang về đây không biết bao nhiêu kiến thức và cây thảo mộc quý hiếm từ những vùng ông đã đi qua để xây dựng riêng cho mình một cảnh quang hỗn hợp, hài hòa riêng biệt cho vườn hoa.

Tới năm 1946, vườn hoa được hoạt động như một “foundation” dưới tên Dupont. Ông Dupont qua đời vào năm 1954. Sau khi ông Dupont chết, người ta phải mướn một “giám đốc” để thay thế ông trông nom. Và cũng từ đó trở đi, vườn hoa đã trở nên một nơi tuyệt đẹp để mọi người đến thưởng lãm và học hỏi.

Chúng tôi vừa tới cổng khu vườn hoa Longwood Gardens đã thấy ngay một khu đất phía trước và bên hông cổng vào, được trồng nhiều loại hoa màu sắc thật rực rỡ làm du khách cảm thấy thích thú ngay từ giây phút ban đầu.

Vừa mua vé xong, chúng tôi được hướng dẫn vào *phòng chiếu phim* kế bên để xem một đoạn phim dài chừng mười phút. Đoạn phim này, trước tiên giới thiệu lịch sử vườn hoa Longwood từ ngày mới thành lập tới nay. Sau đó là phần giới thiệu quang cảnh vườn hoa thay đổi theo bốn mùa. Mỗi mùa có những loại hoa, cảnh trí, màu sắc và sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật theo từng mùa ấy. Và cuối cùng của đoạn phim là phần hướng dẫn du khách đi thăm ngôi “nhà kính” to lớn và kỳ thú, rồi nào nhạc viện, những con đường thơ mộng uốn lượn theo những bờ hồ, rồi nào hồ xây gạch có vòi phun nước “water dance” tân kỳ với điệu múa nước nhún nhảy theo điệu nhạc, lung linh dưới sự thay đổi của ánh đèn màu chiếu vào.

Cũng kế ngay phòng chiếu phim là *phòng tiếp khách* (lobby) và ngay đằng sau quầy bán vé là một phòng lớn cung cấp những chi tiết hay tin tức (information) mà du khách muốn biết. Tại đây cũng bán hàng lưu niệm và sách có liên quan đến vườn hoa Longwood Gardens.

Khi vừa qua khu vực bán vé chúng tôi bước vào trong sân khu vườn. Vườn hoa được mở rộng ra. Trong vườn, nhiều con đường gạch đỏ hay trắng xi măng chạy theo một lộ trình đầy nghệ thuật. Bên dọc các con đường ấy là những vườn hoa nhỏ đủ loại, đủ màu sắc được sắp xếp sao cho những “mảng” màu sắc ấy thật hài hòa với nhau. Để thưởng thức cho hết cảnh đẹp ấy và để chụp hình chúng ta cũng phải mất cả giờ đồng hồ.

Càng đi về phía sâu của vườn, chúng ta càng thấy mình đi gần với cảnh trí thiên nhiên: nào với những cây lớn mọc rải rác trên đồi xanh; nào với những cây liễu rủ bên hồ. Trong hồ vài con ngỗng trắng hay thiên nga bơi lội thành thoi trong đó. Rải rác đây đó vài khu có nhiều cây cao hợp lại như một “cánh rừng” nhỏ nhỏ. Vào mùa thu như lúc này, những cây lá đỏ, lá vàng làm rực rỡ cả khu rừng ấy. Ngồi trên ghế đá, dưới tàn cây lớn, nhìn sóng nước lăn tăn trong hồ, nhìn những con thiên nga bơi lờ lững và nghe chim hót thì quả thực đó là thời gian mà ta có thể tận hưởng được sự thanh bình đến lắng đọng.

Chúng tôi cứ thành thoi đi thong dong trong khu vườn rộng. Sau đó ghé vào ngôi “nhà kính” lớn có kiến trúc rất đẹp, đồ sộ, mái thật cao và được trang trí thật nguy nga. Trong ngôi “*nhà kính*” này cũng có hồ xây, có suối nhỏ luồn lách và nước chảy róc rách qua những thác nhân tạo.

Ngôi nhà kính được chia ra làm nhiều khu vực. Có khu trồng những loại hoa lan, có loại ta thường gặp, có loại hiếm quý; khu trồng những cây miền hàn đới; khu trồng những cây thuộc vùng Địa Trung Hải và vùng sa mạc nơi ta được thấy nhiều cây “xương rồng” có hình dáng kỳ lạ mà ta có thể chưa từng gặp bao giờ; khu trồng những cây vùng nhiệt đới rất quen thuộc với tôi, có lúc tôi đứng lặng trước vài khóm cây mà tôi thường gặp ở quê nhà; khu triển lãm hàng vài chục cây “bonsai” lâu đời hàng trăm năm. Có khu khi ta bước chân vào cứ tưởng như ta đang bước vào vườn “thượng uyển” của một cung điện bên Âu Châu. Nhiều thứ để xem lắm. Nếu chúng ta đi cho hết ngôi “nhà kính” này thì cũng phải mất đến cả giờ.

Chúng tôi ra khỏi “nhà kính”, ngồi nghỉ chân trên một “*terrace*” ngay phía trước nhà kính. Trên “*terrace*” có nhiều hàng ghế dài được xếp ngay ngắn và có hàng lối. Từ đây ta có thể nhìn xuống một *khu vườn cây* cảnh rộng lớn ngay phía dưới. Những cây cảnh này gồm những cây xanh được cắt tỉa theo những hình khối kỷ hà, vuông, chữ nhật, tròn, hình côn hay xoắn ốc đầy nghệ thuật, trông rất đẹp và lạ mắt.

Chúng tôi xuống khu vườn cây phía dưới chụp vài tấm ảnh rồi lững thững ra về trong nuối tiếc và tự hứa sẽ có ngày trở lại để thăm tiếp vườn hoa Longwood Gardens này.

Cũng thật tình cờ một cách thích thú là khi đi ngang qua “*nhạc viện*”, chúng tôi được xem một màn múa nước “*water dance*” thật ngoạn mục vừa bắt đầu khởi diễn. Nước được phun lên từ hồ phun nước (fountain) bằng một hệ thống “thủy động lực” (hydraulic) qua 750 vòi phun với áp suất cao. Nước có thể phun cao lên tới 130 feet. Hồ phun nước này là *hồ phun chính* của vườn hoa. Được xem những “show” nước nhảy múa này làm tôi liên tưởng tới hồ nước phun tương tự như ở Las Vegas trước khách sạn Bellagio, nhưng tất nhiên là hồ nước phun ở vườn hoa này thì nhỏ hơn. Ngồi nhìn nước múa theo nhạc điệu của những bản nhạc cổ điển Tây phương êm dịu cũng đủ mang đến cho du khách nhiều thích thú. Màn biểu diễn múa nước vừa rồi như gửi đến chúng tôi một lời tạm biệt trước khi chúng tôi rời nơi đây.

Chúng tôi lái xe tới thành phố lớn để thuê khách sạn nghỉ lại đêm nay và cũng để chuẩn bị cho cuộc hành trình ngày mai, tiếp tục tiến về phía Bắc của miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

Trên đường lái xe về chúng tôi không quên ghé vào một thị trấn nhỏ mang tên *Hershey* để thăm một cơ xưởng sản xuất kẹo “chocolate” mang hiệu *Hershey* trên đường Chocolate Avenue.

Hãng chocolate này do ông *Milton Hershey Snavely* thành lập vào năm 1903.

Khi vừa bước vào văn phòng tiếp khách, chúng tôi thấy ngay một bức ảnh 3 chiều (3D) in hẳn lên một bức tường lớn. Bức ảnh chụp ông Hershey với vài thanh thiếu niên. Bức ảnh nhìn thật sống động và nổi bật lên như thật. Tôi “quê mùa” định ghé ngồi nghỉ chân vào thềm đá thì mới giật mình biết là đó chỉ là tấm ảnh phẳng.

Chúng tôi được dẫn đi xem những thiết bị, máy móc được triển lãm trong phòng trưng bày “lịch sử” của hãng kẹo chocolate Hershey. Trong phòng trưng bày, ta có thể hình dung và gợi nhớ lại một số hình ảnh của những thời kẹo được sản xuất từ những năm rất xa xưa với giá tiền chỉ tính bằng xu (cent). Chúng tôi được xem phim ảnh chiếu giới thiệu tiến trình sản xuất của vài loại kẹo thường gặp.

Bên cạnh phim ảnh với nội dung về sản xuất kẹo chocolate, chúng tôi còn được xem một đoạn phim rất thích thú với những hình ảnh mà hãng kẹo Hershey đã chăm lo cho công nhân làm việc của họ ra sao. Ngay từ ban đầu, khi vừa lập hãng xưởng sản xuất, ông Hershey đã tạo nhiều phúc lợi, điều kiện tiện nghi và xây dựng một cộng đồng tốt đẹp cho công nhân làm việc ở đây. Ông đã phục vụ công nhân bằng cách xây cất những khu nhà khang trang bán trả góp với giá trả hàng tháng thấp hơn đi thuê, trường học cho con em, câu lạc bộ thể thao, nhà nuôi trẻ mồ côi, “nhà hát lớn” rộng tới 6 mẫu tây với rạp chiếu phim và cả phòng khiêu vũ sang trọng và sân vận động có thể dùng làm nơi hòa nhạc ngoài trời ... Cộng đồng công nhân ấy vẫn tiếp tục phát triển cho tới ngày nay.

Chúng tôi cũng được thực tập, mỗi người làm một cái kẹo chocolate hình “bán cầu” to bằng nắm tay, có thành rất mỏng như nửa quả bóng cao su nhỏ.

Kết luận cho toàn chuyến đi chơi tiểu bang Pennsylvania

Sau vài ngày lang thang trên tiểu bang Pennsylvania chúng tôi gặt hái được nhiều điều thích thú, được xem nhiều cảnh đẹp, được chiêm ngưỡng nhiều di tích lịch sử, biết được những khó khăn của thời lập quốc cùng với bao sự hy sinh của những lớp người đi trước. Cách đây cả hơn 200 năm, có những khối óc tuyệt vời đã xây dựng cho đất nước này một nền tảng căn bản cho hệ thống điều hành quốc gia “*tự do dân chủ*” trong tinh thần của một chính quyền mạnh *của dân, do dân và vì dân* với một *hiến pháp* dựa trên *tam quyền phân lập* một cách phân minh mà nhiều quốc gia trên thế giới ngày nay đang noi theo như một kim chỉ nam trên con đường tạo dựng nền tự do dân chủ cho xứ sở mình. Chúng tôi được đến thăm những địa danh lịch sử nổi tiếng mà ở nơi đó đã từng diễn ra những trận chiến khốc liệt nhưng cũng đầy oanh liệt của thời kỳ Chiến Tranh Cách Mạng và của thời Nội Chiến Hoa Kỳ.

Chúng tôi cũng được tìm hiểu về nền văn hóa và cách sống hết sức đặc biệt của người Amish; được đi thăm vườn hoa Longwood Gardens nổi tiếng về đẹp và lâu đời; một cơ sở sản xuất công nghiệp có một tổ chức “*an sinh phúc lợi*” tuyệt hảo cho công nhân từ những ngày trước cuộc Cách mạng Liên Xô xảy ra năm 1917.

Tôi nghĩ cho vui, phải chi ông Lenine đến đây thăm cộng đồng công nhân Hershey này trước khi ông hô hào đập đổ hệ thống Tư Bản để thiết lập một xã hội Cộng Sản. Tuy nhiên, *ngày nay, người Cộng Sản nói “đổi mới” có nghĩa là họ quay trở lại với những gì mà họ đã từng hô hào ra sức đập đổ trước đó, và quay trở về với cộng đồng nhân loại văn minh.*

Và vượt lên trên tất cả, trong chuyến đi thăm tiểu bang Pennsylvania là chúng tôi thật vui sướng khi được gặp lại gia đình người bạn Chấn Oanh mà chúng tôi đã từng quen biết và đã trở thành những người bạn tri kỷ của nhau trong suốt hơn 50 năm qua. Cảm ơn bạn Chấn đã tặng tôi một bài thơ nói về tình bạn, một bài thơ mà tôi sẽ không bao giờ có thể quên được. *Thật quý thay cho một tình bạn vĩnh cửu!* ■

NGUYỄN GIỰ HÙNG

Tài liệu tham khảo:

- Những dữ kiện lịch sử trong bài này được người viết sưu tầm, chọn lọc và dịch hoặc phỏng dịch từ những nguồn sử liệu Hoa Kỳ.
- Hình ảnh lấy từ Internet.

HẾT

Vài hình ảnh trong vườn hoa Longwood Gardens



CÓ THÌ CÓ TỰ MÀY MAY, KHÔNG THÌ CẢ THẾ GIAN NÀY CŨNG KHÔNG.

(Kiến thức ngày nay số 812, ngày 01.3.2013)

Nguyễn Cẩm Xuyên

Con người từ ngàn xưa vẫn khắc khoải mãi sự hiện hữu: Cả vũ trụ này và cả thân ta đang sống, suy nghĩ, hoạt động... có thực sự là “có” hay chỉ là “trò hư ảo”?

Triết lí Đông, Tây xưa đã bàn nhiều đến điều này. Thế kỉ XVII, René Descartes vừa là nhà toán học, khoa học thực nghiệm vừa là triết gia đặt nền móng cho triết học mới phương Tây đã khẳng định với thái độ duy lí: “*Trong khi tìm kiếm đường thẳng đến chân lý, ta không cần để ý những điều mà chúng ta không nắm được một cách chắc chắn như việc chứng minh bằng đại số và hình học...*”. Quyết là phải rành mạch như khoa học, Descartes trải qua nhiều bước suy niệm rồi mới mới chứng minh được: Tôi hiện hữu – Tôi có thực, tôi không hư ảo chút nào...! Và từ đây cả nhân loại đã biết đến câu nói “*Je pense donc je suis*” – Tôi suy nghĩ, vậy tôi hiện hữu.

Quả là rắc rối chuyện “có” hay “không có”.

“CÓ” VÀ “KHÔNG” TRONG TRIẾT HỌC TRUNG HOA

Trung Hoa xưa đã có 2 luồng tư tưởng cố gắng lí giải vũ trụ: Luồng tư tưởng thứ nhất tìm thấy trong thiên “*Hồng Phạm*” của Kinh Thư (khoảng thế kỉ IV tr. CN) giải thích vũ trụ bằng *ngũ hành*; luồng tư tưởng thứ hai tìm thấy trong “*Dịch Truyện*” (văn bản khởi nguồn của *Kinh Dịch*) giải thích bằng *âm dương*. Riêng thiên *Hệ Từ* của *Kinh Dịch* lí giải vũ trụ như sau: “*Dịch có Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái*”. Về sau hai luồng tư tưởng này kết hợp lại bởi Tư Mã Đàm. Đến Lão tử: gọi *hữu thể* đầu tiên là “*Đạo*”. “*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*”. “*Đạo*” là cái tự nhiên mà có. “*Đạo*” chỉ có thể trực giác để biết chứ không thể giải thích, truyền đạt: “*Đạo khả đạo phi thường đạo*”. “*Đạo*” vì thế mà “*vô danh*”. “*Vô danh thiên địa chi thủ*” (Cái không tên là nguồn gốc của trời đất)⁽¹⁾. Từ “*Đạo*”, Lão tử bàn đến “*Vô*”. Lão tử *Đạo Đức Kinh* chương 40 viết: “*Thiên hạ chi vật sinh ư hữu, hữu sinh ư vô*” (Mọi vật trong trời đất sinh từ “*có*”, “*có*” sinh từ “*không*”). Đến Trang tử, *Nam Hoa kinh* cũng nói nhiều đến “*Đạo*”, đến “*vô danh*” nhưng chủ yếu là đề cao việc thuận theo lẽ tự nhiên trong đời sống chứ không có tham vọng bàn đến hữu thể đầu tiên của vạn vật. *Nam Hoa kinh* kể: Liệt tử hỏi: *Trời đất có tận cùng không? có huỷ hoại không?* Trang tử đáp: *Điều đó không biết được*. Trang tử lại kể chuyện nằm mộng hóa bướm, lúc tỉnh dậy cứ suy nghĩ mãi không biết Trang Chu đã nằm mộng thấy mình hóa bướm hay là mình đang là bướm đây và đang nằm mộng hóa Trang Chu. Suy nghĩ của Trang tử và Descartes giống nhau ở chỗ cùng nghi ngờ về sự hiện hữu của mình nhưng Trang tử khác Descartes ở chỗ chỉ dừng ở nghi vấn mà chưa giải quyết triệt để.

Vũ trụ luận của Trung Hoa về sau được bàn thêm bởi nhiều nhà tư tưởng: Hàn Dũ, Lý Ngao, Chu Đôn Di, Thiệu Ung, Trương Tải, Trình Hạo, Trình Di... Cũng như *Âm dương gia*, một trong “*bách gia*” thời Tiên Tần, họ cố gắng giải thích vũ trụ theo cách nhìn tạm gọi là “*khoa học*” của thời này nhưng trước hết đã mặc nhiên chấp nhận “*có*”, chấp nhận *hiện hữu*; ngoài ra, nhìn tổng thể thì dù giải thích nguồn gốc tạo vật như thế nào đi nữa, triết học Trung Hoa xưa đều xem tất cả mọi hiện hữu cũng như mọi vận hành của vũ trụ là xuất phát từ “*Trời*”, và “*Trời*” liên quan mật thiết đến người (*thiên nhân hợp nhất, thiên nhân tương đắc*). “*Trời*” chính là hữu thể, là cái “*có*” đầu tiên của vạn vật.

Đền tư tưởng Phật giáo, đặc biệt là Thiền tông phát triển tại Trung Hoa từ thế kỷ V, đời Bồ Đề Đạt Ma (470-543) là Tổ thứ 28 sau Phật Thích Ca và là Sơ tổ của Thiền tông Trung Quốc⁽²⁾ thì vấn đề “*có*” và “*không*” lại được bàn đến nhiều và sâu sắc hơn.

“*Có*” trong tư tưởng nhà Phật là “*vô thường*” luôn luôn biến dịch giống như chiếc bánh xe luôn quay hoặc như một dòng suối triền miên tuôn chảy, dù trong một khoảnh khắc thật ngắn vẫn chuyển tiếp đến sự kế tục. *Vô thường* chính là vạn vật biến dịch, nó phát sinh từ cái khác rồi lại chuyển biến thành cái khác nữa; không những *vô thường* trong từng năm, tháng, ngày, giờ mà còn *vô thường* trong từng *sát-na* sanh diệt luân hồi và đau khổ triền miên.

“*Không*” chính là Niết-bàn, là đối xứng của *vô thường*. Niết-bàn là *thường hằng, bất biến, lạc, ngã, tịnh*. Trung Quán tông (sa. *mādhyamika*) cho rằng Niết-bàn là sự “chấm dứt cái biến dịch thiên hình vạn trạng”, cái chấm dứt đó là sự vắng bóng của mọi ràng buộc thế gian.

“CÓ” – “KHÔNG” TRONG TƯ TƯỞNG THIỀN TÔNG VIỆT NAM: BÀI KỆ CỦA ĐẠO HẠNH THIỀN SƯ



Chùa Thầy ở chân núi Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội (trước đây thuộc Hà Tây)
xây từ thời nhà Lý, thờ Đạo Hạnh Thiền sư.

(ảnh Trần Chung - <https://plus.google.com/photos>)

Đạo Hạnh Thiền sư tức Từ Đạo Hạnh (1072-1116) là Thiền sư đời Lý. Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp, Việt Điện U Linh của Lý Tế Xuyên và nhiều bộ sử như Đại Việt sử lược, Việt sử tiêu án, Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí... đều có chép chuyện Từ Đạo Hạnh. Về sau Phan Kế Bính đã đúc kết lại mà viết truyện Từ Đạo Hạnh trong Nam Hải Dị Nhân liệt truyện với nhiều chi tiết linh dị kèm bài kệ:

勿有爲作
著空空有
有如一塵
空水切沙
空月空有

Tác hữu trần sa hữu;
Vi không nhất thiết không.
Hữu vô như thủy nguyệt.
Vật trước hữu không không. ⁽³⁾

Bài kệ được Phan Kế Bính dịch thơ:

*Có thì có tự mây may,
Không thì cả thế gian này cũng không.
Thử xem bóng nguyệt dòng sông,
Ai hay không có, có không là gì?*

Bài dịch thơ thật hay nhưng vì dịch thuật là sáng tác mới nên đã thoát đi nhiều ý. Hãy xem từng câu chữ của nguyên tác: Cho là “có” thì hạt cát, hạt bụi cũng là “có”. Quyết là không thì tất cả đều “không”. “Có”-“không” như bóng trăng dưới nước. Chớ cho rằng cái “không” là có.

Quả là như vậy bởi Phật cho rằng cái “hữu” là “không” (Sắc tức thị không) và cái “không” lại cũng là “không” nốt cho nên nếu cố chấp ở cái “không” hiện hữu là đã rơi vào một sai lầm mới. Triết lí nhà Phật chủ trương “không-không” (néant) tĩnh tại và an lạc.

Một bài kệ đã gom được hết ý cơ bản của Thiền tông. ■

(Bài đã đăng trên tạp chí Kiến thức ngày nay ngày 01.3.2013)

CHÚ THÍCH:

(1) Chương I của Lão tử Đạo Đức kinh: “Đạo khả đạo phi thường đạo; danh khả danh phi thường danh. Vô danh thiên địa chi thủy; hữu danh vạn vật chi mẫu...” nghĩa là Đạo mà truyền đạt được không phải là đạo thường hằng. Danh mà gọi tên được không phải là tên thường hằng. “Không tên” là nguồn của trời đất; “có tên” là mẹ của vạn vật....

(2) Thiền tông phát huy lối truyền dạy bí truyền của Phật Thích Ca: Đơn truyền Tâm ấn. Phật chân truyền đạo cho đệ tử. Đệ tử này lại truyền cho đệ tử khác... cứ thế cho đến Bồ Đề Đạt Ma là đệ tử thứ 28. Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa và trở thành Sơ tổ Thiền tông; vậy nhưng theo Phùng Hữu Lan - Trung Quốc triết học sử đại cương; Chương XXI - thì do Sử Kí Tư Mã Thiên chép truyện Lão Tử có câu: “...Lão Tử ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy bèn bỏ đi... về sau không ai biết chết như thế nào...” nên bọn Đạo gia hăng hái vẽ vời truyền thuyết cho rằng Lão tử đi qua phương tây, tới Ấn Độ, dạy cho Phật và những người Thiên Trúc khác... đệ tử gồm tất cả được chín mươi hai người. Họ lại suy ra rằng giáo lí trong kinh điển Phật gia chỉ là dị bản hải ngoại của sách Lão tử Đạo Đức kinh.

(3) Bài kệ có tên là 有空 HỮU-KHÔNG. Có lẽ đây chỉ là tên do người chép sử, chép truyện đời sau đặt chứ thực sự kệ của Thiền tông là lời ứng khẩu của Thiền sư về Đạo pháp, không có đầu đề.

Xã Hội Đen

Chương Bốn - Trời Xanh

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

Đồng hồ báo thức ở đầu giường chỉ hai giờ sáng khi bác sĩ Wong bật mình thức dậy. Dạo này bác sĩ Wong hay bị chứng mất ngủ vào ban đêm. Đêm nào ông ngủ được hơn năm tiếng đồng hồ là thấy nhiều lắm rồi. Ban đầu ông còn uống thuốc an thần để ru giấc ngủ. Nhưng uống vào rồi, ông chỉ cảm thấy mệt mỏi mà vẫn không chợp mắt được. Buổi sáng ông lại càng cảm thấy mệt mỏi hơn đến nỗi không muốn ra khỏi giường. Vì vậy ông không dám uống thuốc an thần nữa. Ông có đi một bác sĩ chuyên chữa bệnh mất ngủ. Sau khi làm đủ mọi khám nghiệm, ông bác sĩ này tuyên bố một câu xanh rờn: mất ngủ do bị nhiều căng thẳng. Cách chữa trị hữu hiệu nhất là giảm stress. Bác sĩ Wong nằm mở mắt thao láo nhìn lên trần nhà. Bên cạnh ông, người vợ đang ngáy nho nhỏ. Bà vợ trẻ đẹp này ngày xưa là mối tự hào của ông. Bây giờ bà chính là nguyên nhân làm cho ông mất ngủ. Ông thở dài ngồi dậy rồi bước ra khỏi giường vì biết ông sẽ không tài nào ngủ trở lại. Ông khoác áo choàng ngủ rồi đi qua bên phòng bên cạnh mở máy computer đọc những tài liệu nghiên cứu về y khoa. Chỉ khi nào tập trung trí óc, chăm chú đọc những bài viết chuyên môn này, bác sĩ Wong mới có thể không có những ý nghĩ tiêu cực về người vợ và cuộc đời của mình.

Năm 26 tuổi anh thanh niên Danny Wong, người Mỹ gốc Trung Hoa tốt nghiệp bằng bác sĩ y khoa từ Đại Học Y Khoa Texas. Sau hai năm làm bác sĩ nội trú và hai năm làm nghiên cứu sinh, anh Danny được chính thức làm bác sĩ điều trị cho nhà thương Methodist tại Houston. Làm bác sĩ thường trực cho nhà thương được hai năm, anh Danny vẫn còn độc thân mặc dù tiền bạc ra vào thoải mái. Từ lúc học trung học lên tới đại học rồi vào trường y khoa cho đến khi làm bác sĩ, anh Danny chỉ có biết học và nhà thương. Ngoài ra anh không còn màng gì đến chuyện khác. Bố mẹ anh Danny nhờ người mai mối cho anh một cô gái từ Trung Hoa Lục Địa. Khi bố mẹ đưa cho anh coi hình cô gái, anh Danny chịu ngay vì cô ta đẹp như một người mẫu. Cô Tiểu Ngọc vừa mới tốt nghiệp trường đại học năm 22 tuổi với số điểm trung bình. Cô biết với học lực trung bình của mình, cô khó có thể kiếm việc làm tại một trong những thành phố lớn ở Trung Hoa. Vì vậy khi có người đến làm mối cho cô lấy một bác sĩ ở Mỹ, cô nhanh chóng nhận lời. Anh Danny mê sắc đẹp của Tiểu Ngọc trong hình nên hồi gia đình hai bên cử hành hôn nhân ngay lập tức mà không cần phải bay qua Trung Hoa để coi mắt cô gái. Lần đầu tiên anh Danny và gia đình bay qua Thượng Hải cũng là dịp họ tổ chức đám cưới cho hai người.

Ngày thành hôn tâm hồn anh Danny vui sướng giống như chữ “Song Hỷ” to lớn được treo trên sân khấu của nhà hàng. Ước mơ của mỗi người đàn ông Trung Hoa là được đỗ làm quan và lấy vợ đẹp như trong câu truyện của Vương An Thạch. Danny cảm thấy hạnh diện vì không thua kém gì ông quan tể tướng triều Tống này. Anh vừa là bác sĩ nội khoa cho một bệnh viện lớn ở Mỹ và vừa lấy được một cô vợ xinh đẹp như người mẫu mà còn lại trẻ hơn đến anh mười tuổi. Những năm đầu lấy nhau, tuy bận rộn với công việc ở bệnh viện nhưng anh dành tất cả thời giờ còn lại cho vợ. Mỗi năm họ dẫn nhau đi du lịch hai lần ở khắp nơi trên thế giới. Đến năm thứ ba, bác sĩ Danny Wong nghỉ làm việc ở nhà thương để cùng với một bác sĩ bạn hùn tiền mở phòng mạch riêng. Họ xây một văn phòng y tế rộng lớn dư chỗ để cho một chuyên viên vật lý trị liệu thuê chỗ mở phòng trị liệu. Lúc bác sĩ Wong bận rộn nhất thì Tiểu Ngọc cũng có bầu với cô con gái đầu lòng. Anh bỏ mặc cho bố mẹ mình chăm sóc vợ con dùm trong khi anh làm việc suốt ngày tại phòng mạch vừa mới mở. Mặc dù vậy, sự có mặt của đứa con gái

vẫn làm cho tình cảm hai vợ chồng khản khít. Chỉ từ khi anh làm ăn khá khá và Tiểu Ngọc ăn xài nên mới đưa đến tình trạng căng thẳng bây giờ.

Mọi sự khởi đầu từ lúc người trình dược viên từ hãng thuốc Purdue Pharma ghé văn phòng bác sĩ Wong để giới thiệu sản phẩm của hãng là thuốc giảm đau OxyContin. Những người trình dược viên này khi ghé phòng mạch, không bao giờ họ đi tay không. Thường thì họ hay đến vào gần giờ trưa và mang đồ ăn trưa đến cho cả văn phòng. Nhân viên ai cũng thích nên cứ để cho họ đến mà không từ chối. Bác sĩ Wong đành phải bỏ ra vài phút để tiếp họ và nghe giới thiệu về thuốc giảm đau OxyContin. Ban đầu thì bác sĩ Wong cũng không thích thuốc này vì nghe nói nó dễ làm cho người ta bị nghiện vì nguyên liệu chính thuốc này là cùng loại với thuốc phiện. Tuy nhiên đến lần thứ ba, người ta hỏi tại sao bác sĩ Wong vẫn chưa chịu viết toa thuốc này cho bệnh nhân. Vì đã trót ăn đồ ăn của họ đến ba lần nên bác sĩ Wong đành miễn cưỡng phải chấp nhận viết toa. Khi có được sự chấp thuận của bác sĩ Wong, bên văn phòng vật lý trị liệu liền gửi bệnh nhân qua phòng mạch của bác sĩ Wong lấy toa mua thuốc OxyContin để điều trị đau.

Khi bác sĩ Wong bắt đầu viết toa thuốc OxyContin thì một nhân vật thứ hai xuất hiện tại văn phòng của bác sĩ. Cô Ruthia He là một phụ nữ người Mỹ gốc Hoa giống như bác sĩ Wong. Cô ta cũng trạc tuổi bác sĩ Wong. Ở lứa tuổi 35 nhìn cô Ruthia vẫn còn xinh đẹp và quyến rũ như một người mẫu. Tuy ở Mỹ nhưng cô Ruthia vẫn có thể nói tiếng Quan Thoại lưu loát. Cô Ruthia và bác sĩ Wong cùng trò chuyện với nhau bằng tiếng Hoa giống như hai người đã quen biết nhau từ lâu. Đây là một trong những cái hay của người Trung Hoa. Đi đến đâu, họ cũng cố gắng đoàn kết, lập ra những bang hội, xây những trung tâm văn hóa để dạy tiếng Trung Hoa cho con em và bảo tồn văn hóa. Vì vậy sau gần hai trăm năm sống ở xứ Hoa Kỳ, cộng đồng di dân người Trung Hoa vẫn còn bảo tồn được văn hóa và tiếng nói của họ trên đất người. Điều này không khác gì những người Hoa sống ở trong khu Chợ Lớn ngày xưa vẫn còn nói được tiếng Quảng, tiếng Triều. Vì cũng là người đồng hương với nhau, cô Ruthia thuyết phục được bác sĩ Wong gửi những bệnh nhân cần thuốc giảm đau đến hiệu thuốc Blue Sky Pharmacy, có nghĩa là nhà thuốc tây Trời Xanh. Nếu muốn dịch một cách văn chương hơn nữa theo kiểu chữ Nho thì có thể gọi là Thiên Thanh Đường. Cô Ruthia hứa với bác sĩ Wong là sẽ chia lại cho văn phòng hai mươi đô la cho mỗi một toa thuốc OxyContin mà văn phòng gửi đến. Bác sĩ Wong không ngờ rằng ông đã bán linh hồn của mình cho một con quỷ đội lớp mặt một cô gái xinh đẹp với giá hai mươi đô la một bệnh nhân.

Ban đầu mỗi ngày bác sĩ Wong chỉ viết khoảng chừng mười toa thuốc OxyContin đặc biệt chỉ có thể mua được tại nhà thuốc Trời Xanh. Nhưng càng ngày bệnh nhân đến không phải để khám bệnh mà chỉ để xin toa thuốc OxyContin. Bác sĩ Wong ham tiền nên cho phép nhân viên cấp toa mà không cần phải lấy hẹn khám bác sĩ. Mỗi ngày văn phòng bác sĩ Wong kiếm được thêm khoảng hai ngàn đô la cho dịch vụ này. Tính ra hằng năm bác sĩ Wong kiếm thêm được gần nửa triệu đô la từ mối quan hệ với nhà thuốc Trời Xanh mà không phải đóng thuế. Số tiền này còn nhiều hơn lợi tức mà bác sĩ Wong kiếm được từ phòng mạch. Hằng năm văn phòng bác sĩ phải đóng thuế hết 35% nên nếu trốn được thuế là một mối lợi lớn. Bác sĩ Wong biết mình cũng đã đem lại một mối lợi lớn cho nhà thuốc Trời Xanh nên ông không bao giờ cảm thấy áy náy. Thêm nữa, mỗi năm vào dịp Giáng Sinh và Tết, nhà thuốc Trời Xanh và cô Ruthia đều biếu văn phòng những giỏ quà tặng cho các bác sĩ và các nhân viên một cách hậu hĩnh nên ai cũng yêu thích nhà thuốc Trời Xanh.

Từ ngày có thêm được tiền ăn chia của nhà thuốc Trời Xanh, cô Tiểu Ngọc cũng bắt đầu thích ăn diện như vợ của một đại gia. Tuy nhiên số lương của bác sĩ Wong không thấm thía gì so với lợi tức của những đại gia đích thực. Nhưng những bộ quần áo thời trang, vật trang sức, giày dép, bóp ví đắt tiền kết hợp với sắc đẹp sẵn có của Tiểu Ngọc làm cho cô trở nên như một ngôi sao sáng trong giới thượng

lưu người Hoa ở thành phố Houston. Các tổ chức, các hội đoàn hay mời bác sĩ Danny Wong đến tham dự những buổi tiệc tùng. Đi bên cạnh bác sĩ là bà phu nhân rực rỡ tựa một viên ngọc lấp lánh như cái tên Tiểu Ngọc mà cha mẹ đã đặt cho cô. Bên ngoài bác sĩ Wong rất hãnh diện về vẻ đẹp của người vợ mình. Nhưng ở bên trong, bác sĩ Wong lo sợ về mức độ tiêu xài cho hàng hiệu của cô nàng. Ban đầu Tiểu Ngọc vui vẻ, hạnh phúc với những đồ hiệu như Gucci, Louis Vuitton. Từ từ cô bắt đầu chơi hàng cao cấp hơn như Chanel và Celine. Hiện tại Tiểu Ngọc đang muốn làm khách hàng quen thuộc của Hermes để được mua túi xách tay mẫu Birkin của hiệu Hermes.

Một túi xách tay Hermes giá bắt đầu từ 10K và lên cho đến hai triệu đô la. Tuy nhiên không phải ai cũng có thể bỏ ra mười ngàn là có thể mua được một cái túi xách tay rẻ nhất của hiệu. Vì túi xách hiệu Hermes nó không phải chỉ là một túi xách thôi mà còn là một biểu tượng địa vị. Hãng Hermes hạn chế số lượng túi xách nên nó rất khan hiếm trên thị trường. Cho dù muốn mua lại cũng khó, trừ phi ai muốn bỏ ra gấp ba, gấp bốn lần giá chính thức để mua lại. Mặc dù vậy cũng ít người chịu bán lại vì nếu hãng Hermes biết được ai đã bán lại, họ sẽ loại trừ người đó ra khỏi danh sách khách VIP của họ. Đúng vậy, chỉ có những khách VIP mới được mời mua túi xách tay mà thôi. Cô Tiểu Ngọc muốn được vào danh sách VIP này nên cô không ngại bỏ ra hàng chục ngàn đô để mua sắm những sản phẩm khác tại cửa hàng của Hermes trên khắp thế giới. Cô mơ đến ngày cô được sở hữu một túi xách tay Birkin để có thể nở mày nở mặt với những phu nhân khác trong những buổi dạ tiệc.

Dạo này xã hội Mỹ xôn xao với nạn chết vì dùng thuốc quá liều nhất là thuốc phiện fentanyl. Thông thường là những người bị chấn thương do tai nạn được bác sĩ cho thuốc giảm đau như OxyContin. Từ đó họ bắt đầu nghiện thuốc giảm đau này. Sau khi những thuốc giảm đau này không còn đủ phê, họ tăng dose và bắt đầu dùng những loại thuốc phiện mạnh hơn như fentanyl. Fentanyl được sản xuất bất hợp pháp, không có ai kiểm soát và thường được pha chế thêm nên hay đưa đến những trường hợp tử vong vì dùng quá liều. Lương tâm của người y sĩ đánh động bác sĩ Wong. Ông biết mình đang góp phần vào trong nạn giết người này khi cho toa Oxycontin một cách vô trách nhiệm chỉ vì ham tiền. Ông biết mình phải chấm dứt mối liên hệ với nhà thuốc Trời Xanh nhưng ông biết đó cũng không phải là một chuyện dễ. Thứ nhất là nếu mất đi mối thu nhập này thì không thể đáp ứng được cho lối sống của Tiểu Ngọc. Thứ hai ông biết Ruthia He cũng sẽ không thể chấp nhận cho ông ngưng một cách dễ dàng. Ông có cảm tưởng họ không khác gì như băng đảng Trung Hoa với những quy luật lệ giang hồ rõ rệt.

Đang lúc bác sĩ Wong lo lắng đến mất ngủ thì ông lại mắc thêm chứng bệnh liệt dương. Bao nhiêu thuốc Viagra uống vào cũng không làm cho ông cứng lên được. Tuy rằng bên ngoài Tiểu Ngọc vẫn tỏ ra không quan tâm đến chuyện chăn gối, nhưng bác sĩ Wong đi làm mà trong lòng cứ lo lắng không biết ở nhà vợ sẽ ngoại tình với một chàng trai trẻ nào không vì ông không thỏa mãn được nhu cầu sinh lý. Bác sĩ Wong còn nghĩ đến chuyện mượn thám tử theo dõi Tiểu Ngọc để biết chắc chắn là cô nàng không cảm sùng ông. Cái đỉnh cuối cùng đóng vào trong quan tài của bác sĩ Wong là sự xuất hiện của một người đàn ông Việt Nam tên là Minh Phạm. Hôm đó cũng như mọi ngày khác, bác sĩ Wong khám cho một người đàn ông Á Đông như những bệnh nhân khác. Bác sĩ Wong cũng hơi ngạc nhiên là tại sao bệnh nhân này lấy hẹn mà trong lúc khám bệnh, bác sĩ Wong không tìm thấy được một triệu chứng bệnh nào hết. Anh ta hỏi bác sĩ:

- Bác sĩ có chắc chắn là tôi không bị bệnh gì hết không?
- Nếu anh không cảm thấy bệnh hoạn ở trong người thì tôi chắc chắn là cơ thể của anh bình thường.
- Nếu tôi khỏe mạnh, không bệnh hoạn thì tại sao văn phòng bác sĩ lại cấp cho tôi một toa để mua thuốc OxyContin tại tiệm thuốc Trời Xanh?

Vừa nghe xong bác sĩ Wong cảm thấy ớn lạnh xương sống. Đã từ lâu, bác sĩ Wong cho phép nhân viên văn phòng cấp cái toa thuốc loại đặc biệt này mà không cần phải thông báo cho bác sĩ. Hôm nay có lẽ người ta đã gài bẫy nhân viên của văn phòng và bắt quả tang văn phòng cấp toa mà không có khám bác sĩ. Bác sĩ Wong cảm thấy mồ hôi chảy ướt hết áo ở sau lưng nhưng vẫn giữ sự bình tĩnh của một người bác sĩ khi khám bệnh. Ông chậm rãi hỏi lại:

- Ở đâu anh có được cái toa đó?

Người bệnh nhân mỉm cười không trả lời ngay câu hỏi của bác sĩ Wong. Anh móc ở trong túi quần một cái ví và mở ra cho bác sĩ Wong thấy cái thẻ bài đặc vụ DEA của mình rồi mới đáp:

- Tôi là tên Minh Phạm, đặc vụ của cơ quan bài trừ ma túy thuộc liên bang Mỹ. Tôi khuyên bác sĩ đừng nên làm tổn thời giờ của hai chúng ta mà hãy cộng tác với tôi để giúp tôi điều tra về nhà thuốc Trời Xanh. Một là bác sĩ cộng tác với tôi. Hai là tôi thông báo cho chính quyền tiểu bang về việc bác sĩ cho toa mà không có khám nghiệm. Họ sẽ lấy bằng hành nghề y khoa của bác sĩ và truy tố bác sĩ về tội gian lận. Bác sĩ muốn có sự lựa chọn nào?



Bị chết do dùng thuốc quá liều là một trong những tai nạn nguy hiểm của người nghiện ngập. Lý do đơn giản là ma túy thuộc loại thuốc cấm nên phải sản xuất lậu. Khi sản xuất lậu thì nó không được kiểm chứng chất lượng bởi những cơ quan chính phủ. Do đó việc xài ma túy là hên xui may rủi. Lỡ như có ai tham lam, vô lương tâm pha chế thêm bớt chất liệu, người sử dụng không biết, tưởng là dùng đúng liều nhưng thật ra là quá thể là chết như chơi. Hiện nay nạn chết vì dùng thuốc fentanyl quá liều là một mối vấn nạn lớn trong xã hội Mỹ. Riêng năm 2022, có khoảng 79 ngàn người chết vì sử dụng thuốc opioid fentanyl quá liều. Con số này nhiều gấp đôi con số 30 ngàn người bị chết vì sử dụng cocaine quá liều. Để so sánh, trong suốt 20 năm Hoa Kỳ tham chiến tại Việt Nam, có khoảng 58 ngàn lính Mỹ bị tử thương. Như vậy chỉ riêng con số người chết vì dùng fentanyl và cocaine quá liều trong năm 2022 đã gần bằng gấp đôi con số lính Mỹ bị tử trận trong suốt cuộc chiến kéo dài 20 năm. Vì vậy

đối với cơ quan DEA của Minh, bài trừ tệ nạn lạm dụng thuốc opioid như fentanyl, methamphetamine là một quan tâm lớn.

Khi nói đến nghiện ngập, người ta thường nghĩ đến những thanh thiếu niên bụi đời, thích chơi bời, chích choác. Nhưng làn sóng nghiện thuốc chống đau hiện tại đã làm thay đổi bộ mặt của những người nghiện ngập. Đa số những người nghiện thuốc chống đau thường là những người có cuộc sống rất bình thường. Bỗng nhiên một hôm họ bị tai nạn, bị bệnh cần phải mổ xẻ. Để giảm đau sau khi mổ xẻ, bác sĩ cho họ thuốc chống đau như Oxycontin. Ban đầu họ uống Oxycontin để chống đau, nhưng sau khi bình phục, họ lại trở thành nghiện thuốc này và tiếp tục tìm uống. Đến một lúc nào đó, thuốc không còn áp phê, họ phải tìm đến những loại thuốc kích thích khác như fentanyl. Từ đó đưa đến việc bị ngộ độc vì dùng thuốc quá liều. Một mặt cơ quan DEA truy lùng và bắt những băng đảng nhập thuốc fentanyl lậu vào trong Mỹ. Mặt khác cơ quan DEA tìm cách truy tố những bác sĩ, dược sĩ, nhà thuốc tây cung cấp thuốc chống đau một cách bất hợp pháp.

Ở bên nhóm chỉ điểm đã báo cho Minh biết nhà thuốc Trời Xanh thường cung cấp thuốc Oxycontin cho những người nghiện ngập. Tuy nhiên nhà thuốc này bán thuốc theo toa đúng luật lệ nên Minh không có bằng chứng gì để bắt họ. Trừ khi nào Minh có thể chứng minh rằng nhà thuốc này đã mua chuộc các bác sĩ để cho toa mà không có lý do chính đáng. Minh biết được cô Ruthia He là chủ nhân của nhà thuốc này. Minh tin rằng cô Ruthia đã hối lộ với bác sĩ để viết toa gian lận cho khách hàng của Trời Xanh. Tuy nhiên Minh vẫn chưa nghĩ ra được cách để biết được Ruthia đã mua chuộc những bác sĩ này như thế nào. Nếu tìm được bác sĩ nào đã nhận hối lộ của Ruthia, Minh có thể lập bẫy để bắt được quả tang khi họ trao đổi tiền bạc với nhau. Công việc này không khác gì những lúc Minh lập bẫy để bắt quả tang những cuộc mua bán ma túy khác. Tuy nhiên chỉ có một trở ngại là luật HIPAA của Hoa Kỳ bảo vệ thông tin của bệnh nhân nên không cho phép những cơ quan hỗ trợ tư pháp như DEA được coi hồ sơ của bệnh nhân trừ khi có trát của tòa. Minh biết không có ông thẩm phán nào dám ký trát cho phép Minh xem hồ sơ của ai trừ khi có khả nghi bệnh nhân này đã khai gian để mua thuốc. Hơn nữa có cả hàng ngàn bệnh nhân mua thuốc tại Trời Xanh, Minh biết chọn ai để theo dõi bây giờ.

Minh về nhà than với vợ về luật lệ bảo vệ quyền lợi người dân của Mỹ làm cho công việc bắt tội phạm của mình khó khăn hơn những quốc gia khác. Linh bảo:

- Tại sao anh không đi tìm xem những ông bác sĩ nào viết nhiều toa cho Oxycontin nhất ở Houston rồi điều tra những ông đó.

Minh không ngờ cô vợ làm nghề kế toán của mình lại có một giải pháp thông minh và đơn giản để giải quyết vấn nạn của mình. Hôm sau, Minh liên lạc với hãng thuốc Purdue Pharma. Với uy lực của một nhân viên pháp lực liên bang, Minh liền có sự cộng tác của công ty. Họ đưa cho Minh một danh sách tên của những bác sĩ viết nhiều toa thuốc nhất và một danh sách những hiệu thuốc tây mua nhiều thuốc OxyContin nhất trong thành phố Houston. Minh tính đi thăm văn phòng của năm ông bác sĩ đứng đầu danh sách này. Nhưng khi điều tra thêm, Minh thấy có bốn ông là bác sĩ chuyên chữa trị bệnh đau nhức. Chỉ có bác sĩ Danny Wong là bác sĩ nội khoa duy nhất. Minh thắc mắc tại sao một ông bác sĩ nội khoa mà lại cho thuốc giảm đau nhiều bằng mấy ông bác sĩ đau nhức kia. Minh nghi rằng bác sĩ Danny Wong chính là con mồi mà Minh cần phải bắt để bẫy được Ruthia He. Giống như một người muốn đi câu cá cần phải đi đào giun, Minh ghé thăm phòng mạch của bác sĩ Danny Wong và giả làm một người bệnh nhân cần phải mua thuốc giảm đau.

- Cô ơi, bạn của tôi giới thiệu tôi đến văn phòng của cô để xin toa thuốc OxyCotin. Nó nói rằng văn phòng của cô làm việc uy tín, đảm bảo kín đáo và đáng tin cậy.

Người nhân viên văn phòng nhìn Minh như để đánh giá lời nói của anh. Cô hỏi lại:

- Anh có cần phải gặp bác sĩ không?
- Không. Tôi chỉ cần toa thuốc mà thôi. Trong người tôi đang đau. Tôi không cần phải gặp bác sĩ để biết điều này.

Một lần nữa người nữ nhân viên nhìn Minh như thể đang làm một bài toán ở trong đầu. Cuối cùng cô ta đã tìm được một đáp số chính đáng. Cô nói:

- Tiền phải trả cho bác sĩ là 25 đô la. Phải trả bằng tiền mặt. Toa thuốc chỉ có giá trị ở tiệm thuốc Trời Xanh. Địa chỉ được ghi ở trên toa. Nếu có gì trở ngại, anh có thể gọi điện thoại cho chúng tôi. Chúc anh may mắn.

Minh cảm ơn cô ta rồi rít rồi bước ra. Anh đã nắm được bằng chứng nối kết văn phòng bác sĩ Danny Wong và tiệm thuốc Trời Xanh ở trong tay. Bây giờ anh cần phải nghiên cứu thêm về hai con mồi của mình là Danny Wong và Ruthia He để nắm bắt yếu điểm của họ. Giống như một con sư tử đi săn. Nó cũng khôn lắm nên nằm ở xa quan sát đàn nai. Khi nào nó nhận ra được con nai yếu nhất ở trong đàn nó mới nhào vô bắt con đó. Thấy sư tử đến, bầy nai bỏ chạy tán loạn. Nhưng chỉ có con nai yếu ớt nhất không chạy nhanh bằng những con nai khác mới bị sư tử tóm. Con sư tử không đủ sức để bắt những con nai khỏe mạnh có thể chạy nhanh hơn nó. Vì vậy Minh không dám khinh thường đối thủ mà phải cẩn thận, nghiên cứu cho kỹ để cho đối thủ không có thể thoát khỏi vòng vây của chàng. Giống như một con sư tử cứ bò dần dần và tiến sát lại đàn nai lúc nào mà mấy con nai kia không hay biết. Đến khi con sư tử nhảy lên vô thì lúc đó con mồi không còn chạy kịp.

Bác sĩ Danny Wong đang sống trong một căn nhà gần hai triệu đô. Minh biết không một ông bác sĩ nội khoa nào có thể mua căn nhà hai triệu nếu không có sự gian lận ở trong đó. Minh chán mấy ông bác sĩ giàu có này. Lúc ban đầu thì ai cũng nói rằng mình muốn học y khoa để sau này ra trường giúp người. Sau vài năm làm bác sĩ, lúc nếm được mùi của cuộc sống vương giả rồi thì lúc đó chỉ có tiền là trên hết. Họ bán lương tâm để gian lận với bảo hiểm, kiếm mọi cách để làm tiền bệnh nhân một cách trắng trợn. Họ tự cho là mình xứng đáng được hưởng sự giàu có vì họ đã chữa bệnh cho thiên hạ với tài năng của họ. Nhưng thật ra thì họ cũng chỉ là những tên làm tiền đẳng cấp với văn bằng bác sĩ mà thôi. Minh thấy những người thích khoe khoang sĩ diện như bác sĩ Wong rất dễ hù dọa vì họ sợ tai tiếng và sợ mất đi những gì mà họ đang có. Minh mỉm cười thì nhìn thấy hình của Tiểu Ngọc. Nhất định là bác sĩ Wong sẽ cụp đuôi, van xin Minh để không phải bị đi tù khi chàng dọa bác sĩ. Có cho tiền bác sĩ Wong cũng không dám để cô vợ xinh đẹp này sống một mình. Biết đâu được khi bác sĩ Wong ra khỏi tù thì cô ta đã đi theo một thằng bác sĩ khác. Minh tin là mình đã tìm được con mồi lý tưởng để làm người hợp tác bắt Ruthia He.

Cũng giống như bác sĩ Wong, Ruthia He ở trong khu nhà mà căn hộ nào cũng vài triệu đô la trở lên. Cô ta cũng lái một chiếc xe Mercedes để chứng tỏ mình là người có tiền. Ruthia chỉ khác với bác sĩ Wong là cô ta vẫn sống độc thân. Người ta nói trong cuộc sống vợ chồng khi nghèo thì người đàn bà hay bị cám dỗ. Đến lúc giàu có thì đến phiên người đàn ông hay bị cám dỗ. Điều này có nghĩa đàn bà thì thích người đàn ông giàu có hơn chồng còn đàn ông giàu có thì thích gái đẹp hơn vợ. Có lẽ cô Ruthia đam mê làm giàu hơn là đời sống tình cảm. Loại người như cô khó mà kiếm được tay đàn ông có thể trị được cô. Những tay cao thủ họ thích kiếm gái trẻ đẹp để hưởng thụ. Ai dại gì mà đút đầu để cho con cọp cái nó hành xác. Có lẽ đó là lý do mà tuy rằng giàu có nhưng Ruthia vẫn còn sống một mình ở trong căn biệt thự to lớn như một lâu đài. Minh biết rằng những con cá già dặn và khôn ngoan như Ruthia sẽ rất khó câu. Thứ nhất là nó sẽ rất kén chọn mồi và không cắn khi vẫn còn nghi ngờ. Nó sẽ bơi vòng quanh con mồi để quan sát và chờ đợi. Đến khi nào chắc chắn là an toàn rồi nó mới đớp. Đến khi

đã cắn câu rồi, nó sẽ vẫn còn chống cự, vùng vẫy, kéo căng giây cước. Chỉ khi nào giây cước và cần câu mạnh đủ để không bị đứt hoặc gãy làm cho nó mới thấm mệt thì nó mới chịu thua mà thôi. Nếu không thì nó sẽ kéo cho đến khi người câu cá bỏ cuộc và để mất con cá.

Sau khi bị Minh dọa treo bằng và bỏ tù, bác sĩ Wong liền xuống nước và năn nỉ anh thông cảm cho mình. Bác sĩ xin Minh nghĩ đến gia đình của ông ta giống như chàng đã tiên đoán. Minh thâm nghĩ trong đầu. “Ông xin tôi thương hại đến gia đình của ông. Nhưng ông đã phá nát bao nhiêu gia đình khác khi ông giúp cho họ trở nên những con nghiện khác. Tại sao ông không nghĩ đến gia đình họ?” Minh hỏi:

- Tôi muốn biết cô Ruthia đã đưa tiền hối lộ cho ông như thế nào?
- Hàng tháng cô Ruthia cứ cho người đem đồ ăn đến cho văn phòng chúng tôi. Ở trong đó sẽ có một hộp bánh đặc biệt dành riêng cho tôi. Ở bên trong hộp bánh là tiền mặt của tháng đó.

Minh nghĩ nhanh ở trong đầu. Cho dù Minh có bắt quả tang bác sĩ Wong mở hộp bánh có tiền mặt ở trong đó, chàng vẫn không thể chứng minh trước tòa là tiền đó đến từ Ruthia. Chàng phải bắt được bằng chứng chính tay cô Ruthia trao tiền mặt cho bác sĩ Wong. Chàng hỏi bác sĩ:

- Có cách nào ông tìm cách để Ruthia trao tiền đến tận tay cho ông được không?
- Khó lắm. Cô ta không bao giờ tiếp xúc với tôi vì không muốn bị dính líu. Nhất là cô ấy sẽ không bao giờ đưa tiền trực tiếp đến cho tôi. Nhưng bây giờ tôi có thể hẹn cô ta ở một nhà hàng để nói chuyện về hợp đồng làm ăn. Mấy ông có thể thu bằng làm bằng chứng.

Minh suy nghĩ ở trong đầu. Chắc không còn cách nào khác rồi. Nếu bây giờ tự nhiên bác sĩ Wong nói Ruthia phải đưa tiền tận tay, thế nào cô ta cũng nhận thấy một điều nghi ngờ và sẽ không cắn câu. Nên chỉ còn cách giả vờ là bác sĩ Wong muốn thêm tiền nên đòi thương lượng lại hợp đồng thì mới có sự hợp lý trong cuộc gặp gỡ này. Minh nói:

- Đó là một ý kiến tốt. Ông liên lạc với Ruthia và lấy hẹn đi. Ông phải làm cho cô ta cảm thấy rằng ông muốn chia thêm tiền nên cần đòi thương lượng lại với cô ta. Ông phải làm cho cô ta tin và không có nghi ngờ gì. Nếu ông làm cho cô ta nghi ngờ và bỏ trốn là tôi sẽ bắt ông bỏ tù. Lúc đó cô Tiểu Ngọc sẽ đi theo thẳng khác. Ông không muốn mất vợ thì hãy thi hành theo lời yêu cầu của tôi.

Mọi việc sau đó xảy ra tốt đẹp giống như sự mong ước của Minh. Bác sĩ Wong đã dụ được Ruthia đến gặp mặt ở một nhà hàng kín đáo. Họ thương lượng về số tiền mà Ruthia sẽ trả cho mỗi toa thuốc mà văn phòng bác sĩ gửi đến. Minh thu âm toàn bộ cuộc đối thoại này. Với bằng chứng cụ thể này, Minh đã có lệnh bắt giữ Ruthia He của tòa án. Minh hẹn với sở cảnh sát sẽ đến bắt Ruthia tại tiệm thuốc tây vào chiều Thứ Sáu lúc mà tiệm đông khách nhất. Họ cố tình muốn bắt Ruthia trước mặt nhân viên và khách hàng để cảnh cáo những ai đã cộng tác với Ruthia trong việc buôn bán thuốc giảm đau bất hợp pháp. Con cá đã cắn câu. Bây giờ Minh chỉ có việc từ từ kéo nó lên.

Chiều thứ Sáu, Minh và một đồng nghiệp mặc áo chống gió có chữ DEA ở đằng sau cùng với bốn anh cảnh sát ập vào tiệm thuốc Trời Xanh. Khách hàng bỏ chạy tán loạn như bầy gián. Các nhân viên mặt xanh lè, run sợ ở phía đằng sau quầy. Cảnh sát đưa ra lệnh bắt giữ nhưng Ruthia He không có mặt ở đó. Họ chia ra thành hai nhóm. Nhóm cảnh sát ở lại niêm phong tiệm. Minh và đồng nghiệp lái xe đến nhà của Ruthia và chờ cô ta ở đó. Họ chờ đến khuya mà vẫn không thấy Ruthia về nhà. Minh gọi cho sở cảnh sát và báo cho họ bằng số xe của Ruthia để nhờ cảnh sát lùng bắt. Đến sáng hôm sau vẫn không có tin tức gì về Ruthia. Minh vào trong hệ thống của các hãng máy bay và biết được Ruthia đã bay đi Thượng Hải từ sáng Thứ Sáu. Minh bực mình nghĩ đến chuyện trả thù bác sĩ Wong vì đã để Ruthia trốn

mất. Nhưng suy nghĩ lại biết đâu Ruthia lúc nào cũng cảnh giác không tham lam, khờ dại như chàng tưởng. Nếu như Minh bắt Ruthia ngay sau khi có lệnh của tòa thay vì chờ đến Thứ Sáu thì Ruthia đâu có thời giờ để bỏ trốn. Cuộc đời có nhiều chữ “ngờ”. Lúc mà Minh tin chắc chắn nhất lại là lúc Minh lại tạo ra sơ hở ở trong công việc. Xếp của Minh an ủi anh và nói tuy không bắt được chủ tiệm nhưng mình cũng đã dẹp được tiệm thuốc tây Trời Xanh, bớt đi được một nơi cung cấp thuốc gian lận. Ông khen Minh là “You did a good job Minh”. Nhưng Minh vẫn hậm hực vì đã để xổng hết một con cá lớn chỉ vì quá tự tin vào khả năng của mình. ■

Xem tiếp Chương Năm - Tóc Trắng

Vô Gia Nguyễn Tuấn Huy

Ngày 17 Tháng 11 Năm 2024



Con Đường Cái Quan

Nguyễn thị Mắt Nâu

"Hỡi anh đi đường cái quan/ Dừng chân đứng lại cho em than đôi lời/ Đi đâu vội mấy anh ơi..."

Mượn câu hò cô con gái bắc trong trường ca "Con Đường Cái Quan" của nhạc sỹ Phạm Duy, để mở đầu câu chuyện Con đường Cái Quan của nước Việt Nam.

Nếu là cô gái miền nam, câu hò sẽ lạnh lốt: "Bớ anh đi đường vắng đường xa/ Dừng chừn đứng lại nghe em ca đôi lời/ Đi đâu gấp dzữ dzây anh ơi"..

Nếu là cô gái miền trung, câu hò sẽ điệu dàng: "Ai đi trên đường (là) dặm trường//Đi mô mà vội vã (là hò hò khoan nì)... Cho em xin có mấy lời, là hò hò khoan"

Dù giọng hò miền nào, cũng trữ tình... mang ngôn ngữ và tiết tấu địa phương.

Đường Cái Quan được gọi là đường Thiên Lý, cũng gọi là Quan Lộ hay đường Quan Báo.

Con đường xuyên Việt, chạy dài từ bắc vào đến miền nam Việt Nam.

Nói cách khác, con đường trải dài từ Ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, xây vào đầu thế kỷ 19.

Con đường thiên lý xa xôi

Con đường xuyên Việt một thời hôm xưa

Bao ngày đầu dài nắng mưa

Bắc Nam nối kết mây đũa theo trăng

Đường Cái Quan, do Hồ Hán Thương, vua thứ hai của nhà Hồ lập nên.

Năm Hán Thương Thiệu Thành, vua cho sửa con lộ từ Tây Đô đến Hoá Châu, dọc đường đặt các trạm thư tín, và gọi là đường thiên lý.

Con đường huyết mạch thông tin từ bắc vào nam thời ấy. Ngày nay gọi là quốc lộ 1A, chạy dài từ cửa khẩu Hữu Nghị Quan (Lạng Sơn), tính từ 0km đến 2301 km + thêm 340m tại thị xã Năm Căn, Cà Mau, được hình thành thời nhà Lý, kéo dài tới nhà Nguyễn.

Đường Cái quan đóng vai trò quan trọng trong kinh tế cũng như quốc phòng. Góp phần lớn trong công cuộc quản lý đất nước.

Nhà Nguyễn chú trọng đặc biệt về phát triển và xây dựng tuyến đường huyết mạch này, để thông tin liên lạc Bắc Nam..Và đường bộ ra đời.

Trước khi có đường cái quan, thời Lý Thái Tông, có hệ thống quan lộ. Mỗi tuyến đường chia ra từng cung, cắm biển gỗ (bảng gỗ), chỉ phương hướng, có người cai quản và đặt trạm, mỗi trạm cách nhau 15-20m, chủ yếu vận chuyển công văn, chuyển tài vật, từ kinh đô đi khắp nơi và ngược lại, đồng thời là nơi nghỉ chân cho các quan triều đình trên đường công cán (công tác).

Tuyến đường huyết mạch gian nan

Thông tin đường bộ cho quan triều đình

Cho người phu trạm xuôi kinh

Bớt gian bớt khổ điều linh một nhồi

Trong Phủ Biên Tạp Lục, ông Lê Quý Đôn mô tả 1 đoạn đường, núi, đèo, và đường đi hiểm trở cheo leo rằng:

"Ở Nghệ An, từ Thanh Chương xuống Hương Sơn, dọc đến Thanh Hà, theo dải Hoành Sơn vào Kỳ Hoa. Về phía nam, vượt Hoành Sơn là xã Phú Lưu, về châu Bố Chính, giáp Nghệ An, núi trùng điệp, nằm vắt ngang như trường thành.

Núi Đâu Mâu huyện Khang Lộc có một ngọn, rất nhọn rất cao, chân núi là sông Cá, nơi sinh ra loài trạch dài. Núi Thần Dinh huyện Khang Lộc, các ngọn hướng về tây nam, chỉ một ngọn hướng trái ngược, nên núi có tên Bất Nghĩa.

Núi Lỗi Lôi ở châu Bố Chính, là 1 dãy của Hoành Sơn, dài rộng, cùng với Tự Loan 2 bên tả hữu, có khe nước, thuyền bè đậu ở nơi đây".

(Văn xưa dài dòng, cho thấy sự hình thành đường Thiên Lý hết sức vất vả gian nan):

Mây núi chập chùng mây núi cao

Tại nghe gió núi thét với gào

Xung quanh không bóng người nào cả

Để lòng nghe trống vắng làm sao.

Lộ trình đường cái quan được ghi là Madarins' Road vào năm 1893, từ Cửa Hàn lên kinh đô nhà Nguyễn, vượt đèo Hải Vân. Lộ trình chập chùng mây nước, không bóng người, nhiều núi :

- Núi Mã Yên: ở đầu nguồn Lê Thủy, cao sừng sững trông như yên ngựa, nên có tên Thiên Mã.

- Núi Liệp Sơn: ở Minh Linh, ngọn núi tròn trĩnh và đẹp đẽ.

- Núi Thượng Sơn: đầu nguồn huyện Hương Trà, núi cao, đỉnh có giếng nước trong vắt và thơm.

- Núi Uyển Sơn: huyện Kim Trà, các ngọn trùng điệp như rồng đi hồ phục, kéo ra sông Cái, rồi vọt lên, tỏa tròn như cái chén.

- Núi Hải Vân: huyện Tư Vinh, chân núi ăn ra bể, ngọn cao tít từng mây, trở thành ranh giới của Thuận Hóa và Quảng Nam.

Có 2 cửa ải, 2 đồn binh canh giữ. Từ Hải Vân về Điện Bàn Duy Xuyên, phải mất 2 ngày đường.

Bao nhiêu ngọn núi bấy nhiêu đèo

Lồng lộng mây trời, gió hút theo

Long lanh đáy nước hồ im lặng

Hiểm hóc cheo leo nắng nhạt phèo

Ma thiêng nước độc buồn tê dại

Vắng vẻ điều hiu cảnh vắng teo..

Buổi đầu dựng nước, chuyên về nông nghiệp, dân sống theo kinh tế tự cung tự cấp. Nếu cần, các vùng trao đổi nhau bằng đường thủy.

Thời điểm các tổ phụ vào nam, khoảng từ 1566 đến 1579. Thời gian biến động lịch sử.

"Đàng ngoài" đất hẹp người đông, liên tục mất mùa. "Đàng trong", miền đất mới vẫy gọi, nhiều hứa hẹn, mưa thuận gió hòa, đất rộng người thưa, nhiều nơi hoang vu chưa người khai phá.

Từ Kỷ Mùi 1559 đến Mậu Thân 1608, vùng Thanh Hoá Nghệ An, năm thì lũ lụt hoành hành, năm thì hạn hán nghiêm trọng, giá gạo đắt đỏ, dân nghèo bỏ đi phiêu tán khắp nơi.

Trong bối cảnh đó, dân theo chiếu lệnh của vua Lê: "*Xứ Ô Châu dân Chiêm Thành bỏ đi hết. Dân các nơi không nhà cửa, không ruộng nương, của cải, chiêu mộ qui tụ cây bừa, khi đủ số đinh, đủ lập thành xóm làng mới đánh thuế*"...

Từ đó, đoàn di dân nam tiến, ùn ùn đổ vào miền đất mới. Theo tổ chức cũng có, khai hoang tự phát cá nhân cũng có.

Bất cứ cá nhân hay đoàn thể, vi phạm pháp luật sẽ bị lưu đày.

Người vào nam bằng đường biển, ven theo biển phía bắc, nhanh chóng tiếp cận các cửa sông, cửa biển, và khai canh làng xã theo dạng nghề làng chài, làng ghe, đánh bắt hải sản.

Số còn lại đường bộ. Đoàn di dân mở cõn bằng đường bộ, chỉ bằng bước chân trần, khởi nghiệp trên con đường thiên lý gian nan, với máu, mồ hôi, nước mắt, và cả sinh mạng để tìm miền đất hứa.

Cũng như sau bảy mươi lăm

Đi tìm đất hứa thật xa xăm

Lênh đênh đường thủy thì cướp biển

Lặn lội rừng sâu ấy bạo hành

Khai quang khởi nghiệp là đau khổ

Tìm chốn an toàn trong mong manh

Năm xưa đổi mạng, nay cũng vậy

Số kiếp con người sao lênh đênh .

Đoàn di dân, vũ khí thô sơ, chủ yếu là dao rựa, gậy gộc và giáo mác.

Ai có áo thì mặc áo, ai có quần thì mặc quần. Không có áo quần thì đóng khố. Đầu đội nón lá hoặc quần khăn. Hành lý sơ sài.

Năm ba người chung 1 cái hòm (rương) chính yếu là đựng thức ăn, các loại củ rừng, rau, măng.. thu thập dọc đường.

Săn bắt được con hươu con nai, hay hổ báo .. gánh theo làm thực phẩm dọc đường.

Gặp sông suối thì bắt cá bắt cua chờ bữa:

Dầu dãi phong trần với nắng mưa

Lênh đênh gió lộng đất giao mùa

Hoang sơ heo hút trời vắng vẻ

Ròng rã hành trình cuộc gió mưa.

Cứ thế đoàn di dân ngày đi đêm nghỉ. Gặp sông băng sông, gặp suối lội suối.

Gặp đình chùa miếu mạo, vào khấn vái cầu xin bình yên, cầu cho chân cứng đá mềm, đi đến nơi về đến chốn.

Rồi xin thần hoàng cho nghỉ tạm qua đêm.

Ban đêm giữa rừng sâu, đốt lửa phòng thú dữ, quây quanh đồng lửa, vừa ngủ vừa chia nhau canh gác.

Đi tìm cái sống trong cái chết

Phương tiện nghèo nàn của thời xưa

Lết lê nghiệp dĩ âm thừa

Xưa hay nay hồn cũng.. đông đưa điệu buồn.

Di chuyển rừng thiêng nước độc, nên ốm đau, sốt rét, là chuyện đương nhiên.

Không thuốc thang kịp, nhiều người nằm lại ven rừng, thành nấm mồ vô chủ.

Cũng có người đau ốm, cố lết chân yếu tay run, ngã xuống vực là chuyện không tránh được.

Đồng đội đành nhìn, không làm gì được.

Dù bây giờ tiến bộ văn minh

Nhìn cảnh xưa thấy giết mình xót thương

Lênh đênh trong kiếp vô thường

Năm mồ vô chủ đoạn trường thế gian.

* Về sau, khi có dịp đi trên đường cái quan tức con đường Thiên lý. Danh sĩ Nguyễn Thông viết:

"Về kêu tự chốn nào/ Về tối giọng thêm sâu/ Khách đi mệt muốn nghỉ/ Vắng vẻ chốn rừng sâu/ Bên đường hố đói thét/ Mảnh áo giọt sương châu". (Cuộc di dân nào cũng thảm)

- Từ Đèo Hải Vân về Điện Bàn (Duy Xuyên) mất 2 ngày. Chính thế những bước chân qua đèo đã mở trang sử mới, mở vùng đất mới. Cuối cùng sau nhiều tháng năm gai nếm mật, đoàn người đến được nơi họ ước mong.

- Và tổ phụ VN quyết định dừng tại hữu ngạn sông Thu Bồn, Phủ Kỳ (Gò Nổi) khai phá đất này. Trong bối cảnh ấy, Quảng Nam đã trải theo dòng lịch sử qua các giai đoạn đất nước như sau:

- 1555: Vùng đất từ Quảng Bình vào sông Thu Bồn thế kỷ 16. Sách Ô Châu Cận Lục của Dương Văn An, huyện Điện Bàn gồm nửa tỉnh Quảng Nam kể cả Đà Nẵng, thuộc phủ Triệu Phong, có 66 làng. Trong đó 30 làng vẫn còn tên tới nay.

Địa danh Đà Nẵng lần đầu được nhắc đến trong Ô Châu Cận Lục, khi nói đến ngôi đền Nguyễn Phúc cửa biển Đà Nẵng.

Nguyễn Phúc người đỗ tiến sĩ 1453, giữ chức Phi Vận tướng quân trong cuộc bình Chiêm của vua Lê Thánh Tông (1471).

Trên đường vận chuyển thuyền lương gặp bão, không tới kịp, quân sĩ đói. Ông bị bắt giam, bị chém. Khi vua hiểu cố sự, tức là hiểu được lý do trễ nải, truyền chỉ tha bổng, nhưng hơi ối án chém đã thi hành:

Chiếu lệnh vua quan thật nhứt đầu

Chưa cần thông hiểu ủa nhầu trần gian

Oan khiên lệ chảy hai hàng

Hồn kia sớm thác hồn mang oán hờn.

- 1558: Nguyễn Hoàng con thứ của Nguyễn Kim được phong Đoàn Quận Công, trấn thủ Thuận Hoá (Thừa Thiên Huế ngày nay) được vua Lê Anh Tông chấp thuận.

Ban đầu, Nguyễn Hoàng lập bản doanh ở Ái Tử bên bờ sông Thạch Hãn (Quảng Trị).

Bản tình ca nào đó vời vợi, với điệu Boléro: *"mẹ thương con ra cầu Ái tự. Vợ trông chồng lên núi Vọng Phu".*

- 1569: Nguyễn Hoàng ra Thanh Hóa yết kiến vua Lê tại hành cung An Trường (nay thuộc Nghệ An) được vua cho kiêm nhiệm 2 trấn Thanh Hoá và Quảng Nam. Quận công Nguyễn Bá Quýnh trấn Quảng Nam, đổi về trấn Nghệ An.

- 1572: Chúa Nguyễn Hoàng trấn giữ hơn 10 năm. Chính sự, quân lệnh nghiêm, an cư lạc nghiệp, chợ bán không 2 giá, không trộm cướp, thuyền buôn các nước đổ về. Hội An trở nên đô hội.

- 1576: Thương nhân Trung Hoa bắt đầu đến Hội An, Minh Mục Tông của Tàu mở lệnh cho phép dân xuất dương đi buôn, theo chiếu chỉ Minh Thái Tổ có từ 1371. (Mấy ông ba Tàu lúc nào cũng khệnh khạng quan liêu. Chậm như rùa và xì xằng hống hách):

Đáng ghét làm sao cái lũ tàu

Đẻ nhiều cho lắm, thật lau nhau

Lưu linh lưu địa toàn thế giới

Gieo rắc oan khiên thật thảm sầu

Ngày xưa cũng thế nay cũng vậy

Thế giới tây chạy, có sợ đâu

Gian thương gian lận, dân vẫn khổ

Đẻ lăm cho đông, cái lũ Tàu.

Hệ thống đường bộ, sử VN ghi đường Cái Quan tức đường Thiên Lý có từ thời Lý, con đường chia nhiều trạm xá, mỗi trạm cách nhau 15 đến 20km có phu trạm canh gác, mục đích để chạy công văn, và văn thư.

***Con đường thiên lý xa ngàn dặm
Trải suốt quê hương cả 3 miền
Con đường huyền ảo thần tiên
Lừng lơ câu hát đưa duyên ngọt ngào
Thương làm sao nhớ làm sao
Giọng hò cổ lý, thổi vào thân quen
Bắc trung nam vẫn ngọt mềm
Vượt qua đồng cỏ lúa êm cánh đồng
Vượt đèo vượt núi qua sông
Cái quan rộng mở trong lòng lãng du
Hương mùa thu lá mùa thu
Con đường thiên lý thiên thu bạt ngàn.***

Thời Lê 1471, triều đình cho đắp đường Thiên lý từ Thăng Long vào Bình Định.

Vua Gia Long thống nhất đất nước, lập nhà Nguyễn, con đường giao thông Nam Bắc được triều đình quan tâm, cho đắp lại. Chạy dài từ Nam Quan tới Hà Tiên.

Dọc theo con đường, cách 30 dặm lại đặt trạm xá, có viên chức địa phương trông coi.

Giữa thế kỷ 19, tính ra có 133 trạm, 6000 cai đội, phu trạm phục vụ. Hệ thống tin tức do ty Bưu Chính, công văn thì ty thông tin truyền bằng ngựa.

Từ kinh thành Huế tới Hà Nội, được qui định tối đa 4 hay 5 ngày.

Nếu quá hạn, phu trạm bị phạt. Trước thời hạn thì được thưởng:

***Thưởng phạt công minh cũng rõ ràng
Phu trạm dọc đường cũng thênh thang
Thư tín chuyển đi bằng sức ngựa
Ngồi cười trên lưng cũng lẹ làng.***

Những rạch ngòi nhỏ có cầu bắc ngang.

Chỗ sông lớn có bến đò qua sông.

Phu trạm khi chạy tin được ưu tiên qua đò.

An Nam Đại Quốc họa đồ năm 1838, ghi rõ con đường cái quan từ Huế ra Hà Nội, từ Hà Nội lên Lạng Sơn. Dọc đường đánh dấu từng trạm xá (Cursorum Publicurum Station).

Quốc lộ 1 ở thế kỷ 20, cũng chạy theo con đường thiên Lý lịch sử này.

Người phu trạm xưa, được coi là **tiền thân của ngành bưu chính Việt Nam**.

Ngày 6/6/1971, tổng cục bưu chính VNCH phát hành tem người phu trạm phi ngựa, kỷ niệm 20 năm bưu hoa VN.

Đường cái quan có giá trị đối với người Việt. .

Là lộ trình duy nhất cho dân 3 miền, và cho lũ khách nổi liền lòng người với cảnh đẹp quê hương.

Cảnh đẹp quê hương vốn tuyệt vời

***Trong mùi đất mẹ ấm và tươi
Thuốt tha trong nắng thơm mùi lúa
Thấp thoáng từ xa cảnh núi đồi
Qyê nghèo lấp ló những nương dâu
Xa xa khóm lá phủ màu thời gian
Ai làm đất nước ly tan
Con đường đứt quãng Cái Quan nhuộm sâu.***

Theo nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, đường cái quan chính thức xây năm Ất Mão 1375, nối liền kinh thành Thăng Long vào Thanh Hoá.

Đến đời nhà Hồ 1402, con đường nối tiếp vào Châu Hoá (Huế).

Năm Tân Mão 1471, vua Lê Thánh Tông bình Chiêm. Sau chiến thắng Chà Bàn, Quảng Nam được thành lập vào ngày 6 tháng 6 năm đó.

Vua tổ chức hệ thống giao thông từ Thăng Long đến phủ Hoài Nhơn (Bình Định) bằng đường bộ.

Năm Mậu Ngọ 1558, Nguyễn Hoàng, trấn nhiệm Thuận Quảng. Tiếp theo xảy ra tranh giành thế lực, sử cũ gọi là Trịnh Nguyễn phân tranh. Cuộc phân tranh kéo dài hơn 2 thế kỷ.

Để phục vụ chiến tranh, con đường được cả 2 bên Trịnh=Nguyễn, cùng mở rộng. Sau đó nối dài về phương nam theo sự kiện mở rộng đất nước vào năm 1757 thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, và con đường dẫn đến Hà Tiên.

***Làm đường phục vụ chiến tranh
Trịnh Nguyễn tranh giành sử sách còn ghi
Trăm năm thống khổ sâu bi
Đến khi nằm xuống còn gì nữa đâu
Xa trông nước biển xanh màu
Sắc không, không sắc, bể dâu hoang tàn.***

Năm 1792, chúa Nguyễn Phúc Ánh (sau là vua Gia Long) đắp đường từ Mỹ Tho qua giồng Kiến Định và bắc cầu Quy Tông.

Ông huy động dân binh đắp đường Thiên Lý phía nam từ Gia Định dọc theo giồng Cát xuống Trấn Định, qua Thủ Đoàn, giồng Cai Yển, giồng Tha La, giồng Kỳ Lân, Cai Lữ, Trà Luộc, Cai Lễ, Thủ Triệt, Cái Thia... với nhiều trạm kiểm soát.

Tóm lại Cái quan là con đường gắn liền với lịch sử thăng trầm của đất nước.

Là con đường xuyên Việt Bắc Nam. Còn gọi là đường Thiên Lý được hình thành từ đầu thế kỷ 19. Từ khởi nghiệp nhà Lý tới nhà Nguyễn, mục đích nối liền Nam Bắc, vận chuyển công văn, vận chuyển tài vật, kiểm soát hàng hóa từ kinh thành đến khắp miền đất nước và ngược lại.

Con đường huyết mạch, chính là quốc lộ 1, con đường gian nan, có tiếng người dân địa phương ca hát vui mừng chúc tụng sự nối liền lòng người, nối liền 3 miền đất đai tổ quốc.

Con Đường Cái Quan xuyên 3 miền bắc nam trung ... đồng thời là tên bản trường ca nổi tiếng của nhạc sỹ Phạm Duy.

Tác phẩm này n/s Phạm Duy viết xong phần đầu tại Paris 1954 (sau hiệp định Genève chia đôi đất nước). Viết để phản đối sự chia cắt đất nước.

Khi trở lại Saigon, nhờ kiến trúc sư Võ Đức Diên (chủ nhiệm tờ Sáng Dội Miền Nam), đã giúp phương tiện để nhạc sỹ đi từ Saigon ra Quảng Trị lấy cảm hứng, thì tác phẩm hoàn thành.

Như vậy trường ca Con Đường Cái Quan khởi đầu 1954, và hoàn tất 1960.

Khi hoàn tất, được in ngay trên tờ Sáng Dội Miền Nam với bản viết tay của chính tác giả:

*"Tôi đi từ Ải Nam Quan... Sau vài năm lẻ
Chia đôi một họ trăm con đã lên đường..."*

Gọi là trường ca, vì bài ca rất dài, được chia ra 19 bài hát nhỏ, có thể hát từng bài, như 19 bài riêng biệt

Nội dung gồm 3 phần chính với 19 đoạn khúc nói về du hành của người lữ khách xuyên Việt.

1/ Đi từ miền bắc: gồm những đoạn khúc :

Anh đi trên đường cái quan - Tôi đi từ ải nam quan - Đồng Đăng có phố kỳ lừa - Người về miền xuôi - Này người ơi - Tôi đi từ lúc trắng tờ...

Các đoạn khúc đi từ miền Bắc, rộn rịp, hào hùng của người khai sơn phá thạch băng hà.

2/ Qua miền trung: gồm các đoạn khúc:

Ai đi trong gió trong sương - Ai vô xứ Huế thì vô - Ai đi trên dặm đường trường - Nước non ngàn dặm ra đi - Gió đưa cành trúc la đà - Tôi xa quê nghèo ruộng nghèo..

Các đoạn khúc miền Trung, điệu ca trở nên ngọt ngào, tha thiết, đôi khi xót xa như bước chân đi của nàng Huyền Trân công chúa.

3/ Vào miền nam: gồm các đoạn khúc:

Anh đi đường vắng đường xa. Nhờ gió đưa về . Đi đâu cho thiếp theo cùng Đèo cao Châu Đốc gió độc Gò Công. Cừu Long Giang/ Về miền Nam. Giã ơn cái cối cái chày. Đường đi đã tới...

Vào miền Nam, dòng nhạc trở nên hoan lạc, đó là bước chân hân hoan của lữ khách đã hoàn tất chuyến đường diêu vợi gian nan, vượt núi vượt rừng, viên mãn.

* Giáo sư Trần Văn Khê đọc và hát đi hát lại nhiều lần, nhận định đại khái rằng:

"Đây là nhạc phẩm có giá trị cả về ý lẫn nhạc. Nghe xong, ai cũng muốn được là người lữ khách trên đường xuyên Việt, từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau.

Tác giả khéo gợi lại phong cảnh 3 miền. Từ biên ải quan san, có núi đèo, có nhịp cầu tả tơi. Có con sông Gianh. Có ải Chi Lăng. Có Thăng Long, có Hà Nội. Có người ở Đồng Đăng nhớ nàng Tô Thị với phố Kỳ Lừa...

Nhắc tới phố Kỳ Lừa và nàng Tô Thị, bài hát ru quen thuộc, khá nhiều người miền bắc biết :
"Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa, có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh, Ai lên xứ Lạng cùng anh, bồ công cha mẹ sinh thành ra em. Tay cầm bầu rượu nắm nem, mãi vui quên hết lời em dặn dò. Gánh vàng đi đổ sông ngô đêm năm mơ tưởng đi mò sông thương. Vào chùa thắp một nén hương, miệng khấn tay vái 4 phương chùa này. Chùa này có 1 ông thầy, có hòn đá tảng có cây ngô đồng. Cây ngô đồng không trồng mà mọc. Lá ngô đồng xẻ dọc xẻ ngang....vv...

- Phố Kỳ Lừa ở đâu? - Con phố nằm ngay trung tâm thành phố Lạng Sơn, mua bán sầm uất, là giao điểm của các dân tộc thiểu số, và lân cận.

- Tô Thị? - Ngọn núi có dáng như người mẹ bồng con, gắn liền mối duyên tình oan nghiệt của 2 anh em ruột và lòng thủy chung son sắt của người con gái Việt.

- Chùa Tam Thanh? - Ngôi chùa trong núi, rất đẹp. Thu hút khách vì dáng vẻ thiên nhiên và bức tượng Phật A di Đà nổi liền vách đá từ thế kỷ 15.

Phạm Duy cho lữ khách làm nhân vật chính, khởi đầu bước chân đi từ bắc vào trung... Chi Lăng, Thăng Long, Hà Nội ...

Ngọn trúc la đà, tiếng chuông Thiên Mục, dòng sông Hương lờ lững. Nhưng đất ruộng còn nghèo, ví von nổi hy sinh của công chúa Huyền Trân, cảm thương xót xa cây quế giữa rừng, đem hương sắc, ly tan đổi 2 châu Ô châu Rí, mở mang bờ cõi

.... qua cồn cát, vượt đèo Hải Vân. Vào cánh đồng sông Đồng Nai mũi Cà Mau... màu mỡ, cây ngọt trái lành.

Lữ khách gặp cô cắt cỏ, gặp cô lái đò, gặp bà mẹ và cô gái miền Nam, sau này trở thành vợ lữ khách. Cuối cùng đốt lửa vui, nối liền tình người và đất nước. Dừng chân địa phương nào, nghe ngôn ngữ miền đó.

Vài chữ sơ suất mất màu sắc lúc vào tới miền nam như trong bài "Nhờ gió đưa về": như con kinh/con kênh, ròn/giòn, giã ơn/ trả ơn cái cối cái chày/chày... chẳng hạn.

Nhưng vài sơ xuất nhỏ chữ địa phương không giảm giá trị của trường ca

Mọi thể điệu dân ca điệu hát ví, hát ru, hát lượn, của miền Bắc "Ai vô xứ Huế thì vô". "Ai đi trong gió trong sương". "Gió đưa cành trúc la đà"...Cái ai oán của nhạc Huế trong "giã ơn cái cối cái chày"

Trường ca Con đường Cái Quan, một giá trị lớn trong làng âm nhạc, vài tí vết không đáng kể.

Được Phạm Duy ghi bằng âm nhạc công phu, như lời nhận định của giáo sư Trần Văn Khê.

Nghe nó, hát nó... đa số thích thú khi thưởng thức dân ca 3 miền.

Nhưng ít ai tìm hiểu lịch sử con đường này.

Hôm nay ôn lại dòng lịch sử

Từ khai sơn lập quốc của người xưa

Mệnh mang đội lại âm thừa

Lòng se sắt buồn đông đưa nuôi tiếc

Dấu chân qua nào ai có biết

Biết là bao xương trắng ở ven rừng

Suối mồ hôi và máu đổ thành sông

Xác thân chết với nấm mồ vô chủ

Dấu oan khiên từ những ngày tháng cũ

Đã xa rồi nhưng như vẫn còn đây

Ơn tiền nhân sâu nặng cao đây

Xin thắp một nén hương tưởng niệm.

Đề cập về tình yêu 3 miền đất nước trong âm nhạc VN - Ngoài trường ca Con Đường Cái Quan.

Chúng ta không thể không kể

- Hòn Vọng Phu/ nhạc sỹ Lê Thương.

- Hội Trùng Dương/nhạc sỹ Phạm Đình Chương. ■

(Trích tập 9, bộ biên khảo **"Xã Hội VN Xưa và Nay"**

tác giả **Nguyễn Thị Mắt Nâu**. Phát hành 2016)



THƯ GỬI BẠN

DÌ TỒ

NGUYỄN GIỤ HÙNG

Cùng một sự việc giống như nhau, nhưng tùy theo *tuổi tác, hoàn cảnh* mà sự việc đó đôi khi được nhìn, được cảm nhận, được nhận thức hay bị phê phán, khen chê một cách khác nhau do những biến đổi *tâm sinh lý* ... của chúng ta tác động lên nó. Để làm thí dụ cho điều này tôi xin kể với các anh câu chuyện về Dì Tồ của tôi.

Tôi còn nhớ rõ lắm. Vào **cái tuổi thơ ấu của tôi**, đâu ba hay bốn tuổi thì phải, nghĩa là ở cái tuổi Dì có thể nhắc bồng tôi lên hay đuổi theo “đút com” cho ăn. Dì là người đàn bà Tàu xinh đẹp ở độ tuổi đôi mươi, tên Tồ. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao tôi lại gọi là Dì, có lẽ vì thua kém tuổi bố mẹ tôi chăng? Sau bao nhiêu năm tháng, nay ở cái tuổi đã cao mà tôi vẫn còn nhớ được tên Dì thì đủ biết tôi thương quý Dì là bao.

Dì Tồ là hàng xóm sát vách nhà tôi. Nhà tôi và nhà Dì nằm trong ngõ Đỗ Xá khang trang, thuộc thị xã Bắc Ninh, miền Bắc. Ngõ này đã để lại cho tôi biết bao nhiêu kỷ niệm của thời thơ ấu, lẫn lộn kỷ niệm bình thường của một đứa trẻ con, lại cộng thêm vào đó với những hình ảnh rất đậm nét của những chuyến mình đất nước trong thời kỳ đó, như nào là Nhật đến Pháp đi, Nhật đi Tàu đến, Tàu xéo Pháp lại quay về. Cái thị xã ấy cứ bị rồi mù lên. Tôi biết những hình ảnh lịch sử chỉ thuộc về thế giới của người lớn, nhưng sao chúng vẫn cứ ẩn hiện tiềm tàng trong ký ức tuổi thơ của tôi.

Ngõ Đỗ Xá luôn luôn là nơi chốn thanh bình, êm đềm của xã hội trẻ con chúng tôi. Tôi có những thằng bạn hàng xóm. Thằng bạn mà tôi hay chơi với nó nhiều nhất, đó là thằng Đức. Nó to hơn và hay bắt nạt tôi, nhưng nó cũng lại là dũng sĩ có thể bảo vệ tôi trước con “gà cồ” trụi lông, to lớn mỗi khi con gà đó với những bước chân nặng nề chậm chạp tiến về phía tôi làm cho tôi hoảng sợ. Hay nó giúp bê đít tôi lên để tôi có thể bám lấy chân song đu người lên thành cửa sổ. Những kỷ niệm thanh bình, êm đềm thời thơ ấu cứ bám chặt lấy tôi không rời xa theo thời gian. Và một trong những kỷ niệm đậm nét nhất của tôi nơi đó chính là hình ảnh Dì Tồ như đã được giới thiệu ở trên.

Dì Tô hình như sống độc thân hay chồng đi làm xa mà tôi không biết vì trong trí nhớ, tôi không hề thấy bóng dáng một người đàn ông nào bên cạnh Dì cả. Dì Tô, người cao cao, tóc uốn ngắn và thường mặc áo "xường xám" tay ngắn tới nách, màu xanh dương có hoa trắng nhỏ. Dì thường cho tôi ăn cơm. Dì cho tôi ăn món gì tôi không còn nhớ rõ, chỉ nhớ là cơm của Dì ngon hơn cơm ở nhà mình và cái "bát kiểu" cũng đẹp hơn nhiều. Dì hay chơi đùa với tôi mỗi khi Dì rảnh rỗi. Muốn vào nhà Dì tôi phải "bò" lên một bậc thềm rất cao. Trong nhà bày biện khang trang sạch sẽ với những bộ bàn ghế Tàu kiểu cổ. Tôi còn nhớ rõ như thế. Ngoài những chuyện Dì hay vật tôi ra cù làm tôi cười sằng sặc hay béo má tôi, Dì còn thường hay cho tôi ngồi trên ghế "xích đu" với Dì. Dì cứ vừa đu đưa vừa hát tiếng Tàu êm ái như ru. Có khi tôi dựa vào người Dì mà ngủ lúc nào không biết trong khi Dì lặng lẽ ngồi đan. Đời sống êm ả như thế của tôi cứ trôi đi như một dòng suối êm đềm chảy, còn Dì như rừng cây cổ thụ che mát cho dòng suối ấy.

Một lần, trong khi cùng ngồi trên ghế "xích đu" với Dì, tay tôi mân mê vuốt nghịch chùm lông nách thò ra khỏi áo xắm ngắn tay lúc Dì đang mãi mê đọc sách. Nếu tôi chỉ vuốt chơi chúng thôi thì cũng chẳng làm sao, nhiều lắm là Dì gạt tay tôi ra mỗi khi tôi làm Dì buồn hay nhột. Có lẽ vuốt mãi cũng chán nên tôi không biết nghĩ thế nào lại cố chọn lấy một sợi lông nách dài nhất nhỏ mạnh. Dì giật bắn mình vì đau. Tiện tay Dì tát tôi một cái thật mạnh. Tôi sững người nhìn Dì ngỡ ngác vì đó là cái tát đầu đời của tôi đến từ sự tức giận của người lớn khác không phải là bố mẹ mình. Tôi muốn khóc vì cái tát ấy. Có lẽ ân hận vì đã tát tôi đau như thế nên Dì đứng phắt dậy chạy nhún nhảy đong đưa, người uốn qua uốn lại, ngoái cổ nhìn tôi như muốn nói "đuổi đi ... đuổi đi". Tôi nhìn Dì ngập ngừng rồi quên ngay đi cái tát vừa mới xảy ra và tôi vụt chạy đuổi theo. Dì chạy trước tôi đuổi theo sau, trước chậm sau nhanh. Mỗi khi bắt được Dì, tôi cứ ôm chặt lấy đùi mà ôm cứng, đu người lên, lấy hai chân quặp lấy chân không cho Dì chạy thêm. Dì cúi xuống cù tôi, nhột quá tôi đành phải buông ra. Dì lại chạy, tôi lại đuổi theo. Dì nhảy lên chiếc ghế "trường kỷ" dài và cao, rồi cứ chạy đi chạy lại trên đó làm tôi không sao bắt được. Tôi mệt quá chịu thua. Và kể từ ngày ấy Dì không cho tôi có cơ hội vuốt hai chùm lông nách của Dì nữa.

Ngày tháng cứ trôi qua nhanh, nhanh quá. Biết bao biến đổi của cuộc đời mà nay ngồi nhớ lại, tôi vẫn thấy nhớ rõ hình bóng của Dì với hai chùm lông nách, đặc biệt là cái tát Dì dành cho tôi.

Mười mấy năm sau, ở **tuổi trưởng thành**, khi tôi còn là học sinh học gần xong bậc Trung Học ở Sài Gòn. Thỉnh thoảng tôi có dịp ghé uống nước mía trên đường Lê Lợi. Hiệu nước mía này thì ít ai không biết. Nó nổi tiếng ngang với những xe đẩy bán đu đủ bò khô dành cho các cô nữ sinh, hay mẹt phá lấu của chú Tàu dành cho các cậu thích ăn quà được bày bán gần đấy. Nước mía ở đây ngọt vì ép từ mía mật lại thoảng thêm tý hương vị thơm thơm của cam, hoặc quít được vắt vào.

Hình ảnh ly nước mía vừa ép xong còn sủi bọt ở phần trên như bọt của cốc bia lạnh, với nước mía màu vàng tươi mát, lờn vờn vài "tép" cam hay quít lẫn quần bên những cục nước đá trong vắt trông thật hấp dẫn là bao. Ly nước mía được đưa lên môi, hương thơm ngọt ngào thoảng lên mũi. Uống một ngụm nhỏ, nhỏ thôi như để thấm giọng. Nước mía mát lạnh tỏa lan trong miệng. Ôi cái vị nước mía đi đến đâu nó đem đến cho ta một cảm giác thật dễ chịu đến đó. Cứ từ từ uống, vừa để thưởng thức hương

vị của nước mía ngọt ngào thơm mát và cũng vừa để cảm ơn nó. Đừng uống vội vàng và cũng đừng uống ừng ực sẽ làm buồn lòng ly nước đáng yêu, *đáng yêu như cô hàng bán nước mía*.

Cô bán hàng ở đây, hình dáng và tuổi tác ra sao thì hẳn đa phần các anh đều đã biết rồi, tôi không cần phải tả ra hay nhắc tới. Nhưng có một điều tôi không biết các anh có lưu tâm đến hay không? Đó là cô có bộ lông nách rất đẹp. Bộ lông nách này đẹp chẳng thua gì bộ lông nách của Dì Tò. Bộ lông nách của cô bán hàng nước mía cũng luôn được thò ra khỏi cái áo xăm cộc tay màu vàng cam có đốm hoa trắng cô thường mặc.

Chùm lông nách, những sợi lông mịn màng đen bóng, không quá lăm mà cũng không ngay đờn; không dài quá, không ngắn quá, chỉ vừa đủ dài để tự cuốn mình thành những cuộn nhỏ như sóng nước. Những lượn sóng quay đầu vào trong nách chứ không hướng ra ngoài tua tủa. Nó ản mình e ấp, dịu dàng, kín đáo. Tuy kín đáo, thập thò nhưng nó không phải không khoe được những nét duyên dáng, quyến rũ, nhất là mỗi khi chiếc quạt máy từ phía sau lưng cô quạt tới làm cho những lượn sóng dưới nách nhẹ nhàng rung lên.

Tôi mấy lần định lên tiếng khen hai chùm lông nách của cô nhưng thật quá ngại ngùng vì chung quanh cô luôn có khách hàng hay người nọ, người kia. Khen như thế ở chỗ đông người, tôi e lời khen đó có thể trở nên sỗ sàng với cô chăng? May cho tôi, trong một buổi trưa hè, tôi ghé đó uống nước mía trong giờ vắng khách. Trong một lúc vắng người ngán ngủ, chỉ còn có tôi và cô bán hàng, tôi lấy hết can đảm để nói lên một điều mà tôi cứ giữ kín mãi trong lòng không thể nói ra được, thật là khó chịu. Nhân cơ hội ngàn năm một thuở, nếu tôi không nói ra lúc này thì có lẽ chẳng bao giờ có cơ hội nào nói nữa. Tôi vội lên tiếng sau khi hỏi mua một ly nước mía loại to.

- Cô có bộ lông nách đẹp quá!

Nói được câu đó, tôi như trút đi được một gánh nặng nghìn cân. Tôi nhìn cô một cách e dè và chờ đợi phản ứng của cô đối với câu khen bất ngờ đó. Tôi liên tưởng ngay tới cái tát của Dì Tò. Tôi đoán thế nào cô cũng phải nhăn mặt, chau mày, hay ít ra ly nước mía của tôi sẽ bị vơi đi so với thường lệ hay trong ly nước mía lại nổi lênh bênh xác con ruồi được ép lẫn vào với mía. Nhưng không, cô không nói câu nào. Cô đưa cho tôi ly nước mía với một nụ cười rất nhẹ, nhẹ như hương thơm của cam thoảng trong mùi thơm ngọt ngào của mía.

Đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng tôi khen cái vẻ đẹp đầy truyền cảm và đầy quyến rũ của bộ lông nách ấy. Và cũng từ hôm đó, mỗi khi tôi đến uống nước mía, cô không nói gì nhưng luôn dành cho tôi một nụ cười rất nhẹ và cũng nhẹ như cô đã dành cho tôi lần đầu, nhẹ như cơn gió thoảng của chiếc quạt máy sau lưng cô làm những sợi lông nách khẽ rung.

Ngoài tôi ra, còn có ai khen bộ lông nách của cô ta nữa không nhỉ? Có được một người, có lẽ không nhiều, biết khám phá, biết thưởng thức và biết trân trọng cái vẻ đẹp, cái duyên dáng dù chỉ là một phần nhỏ bé, e ấp kín đáo trên thân thể của cô. Hẳn cô đã nghĩ như thế, và tôi đoán, cô đã có thêm một niềm vui hơn trong ngày hôm đó và trong những ngày kế tiếp, hay ít ra là mỗi khi cô gặp lại tôi.

Tới nay, ở cái tuổi chưa già nhưng không còn trẻ nữa, mỗi khi tôi nhớ đến Dì Tò tôi lại nhớ đến cô hàng nước mía và tôi lại liên tưởng ngay tới những chùm lông nách xinh xinh xưa kia. Có lúc, tôi ngồi suy nghĩ vẩn vơ. Trong xã hội chúng ta đang sống, một xã hội văn minh hạng nhất hoàn cầu, mà sao những người phụ nữ phương Tây ở đây họ cứ tàn nhẫn chối bỏ những nét đẹp, nét duyên dáng của trời đất ban cho, đó là sự chối bỏ những chùm lông nách. Các bà các cô cứ phải bỏ công sức, tiền tài để tìm phương cách nhổ hay cạo hoặc tiêu diệt vĩnh viễn nó đi. Nách trở nên trơn trụi, bóng nhẫy. Những cô vũ công trên sân khấu, mỗi khi đưa cánh tay lên cao theo điệu múa, tôi không thể tìm thấy được những điểm đen duyên dáng trên những vùng nách ấy.

Không phải chỉ có lông nách, các bà các cô phương Tây còn cạo cả lông chân, lông tay, lông mặt. Chẳng biết những sợi lông có tội tình gì mà họ quyết tâm diệt chủng chúng đi. Một ngày nào đó, nếu những hành động diệt chủng này không được chấm dứt thì, theo thuyết Darwin, người lớn chẳng khác gì trẻ con. Tôi sợ cái viễn ảnh “trơ trụi” thuộc nhân chủng học sẽ xảy ra trong một ngày mai không xa lắm. Cười! Nhưng cũng may thay, còn có những bậc đại trượng phu hảo hán, những đấng mày râu lại trái ngược với các phụ nữ phương Tây, họ thích dùng những loại thuốc “bôi đâu mọc đấy” để áp dụng vào những nơi các vị thấy cần có nhiều tóc, nhiều râu. Cái “gene” của đàn ông là chủ yếu vì mạnh, cứ cho là như thế, nên ta vẫn còn hy vọng, còn tin tưởng là những bộ lông nách kia vẫn luôn luôn còn tồn tại với thời gian. Mừng thay!

Và tôi lại nghĩ lẩn thẩn thêm, kể từ ngày khôn lớn, chung quanh tôi có biết bao nhiêu cái này hay cái kia, điều này hay điều nọ, tôi thích tôi yêu mà tôi không dám nói dám làm, hay không dám rờ dám mó, hay có khi cũng không cả dù chỉ dám nghĩ dám bàn. Mà chỉ khi xưa, khi tôi còn bé thơ ngây, tôi mới dám vuốt và bứt lông nách của Dì Tò với cái bản năng trời sinh “nhân chi sơ tính bản thiện” (Mạnh Tử) vốn có của mình. *Tôi nhớ tới Dì, có phải chăng là tôi nhớ đến những ngày mà mọi suy nghĩ lẫn việc làm của tôi còn luôn luôn trong sáng hồn nhiên không nhỉ?*

Xin tạm chấm dứt ở đây.

NGUYỄN GIỰ HÙNG



Thơ Nguyễn Ngọc Hà



Hình lấy từ internet



Ảnh lấy từ Internet

Pourquoi, et pourquoi?

Pourquoi venir en ce monde sans y être invité?

Pourquoi envier ce que l'on ne peut posséder?

Pourquoi courir après l'insaisissable?

Comment expliquer l'inexplicable?

*

Pourquoi nos cheveux blanchissent-ils au fil des années?

Pourquoi, peu à peu, notre mémoire marche-t-elle à reculons vers le passé?

Pourquoi notre santé commence-t-elle à chanceler avec l'âge?

Mon amie La Lune

D'en haut la lune me sourit
Tendre et compatissante
Partageant mes peines et mes tourments
Et mes soucis dans la vie

*

Lune, ô Lune, ma chère amie
Ne me prive pas de ta fidèle compagnie
Je t'attends quand le soir descend
Brûlant d'impatience

*

La bonté primitive de l'homme s'est

Le temps passe, efface ... et tourne la page!

*

*Pourquoi rire aux larmes, et pleurer de joie?
Toute vérité n'est pas bonne à dire, pourquoi?
Pourquoi la haine est-elle parfois, en réalité,
l'autre visage de l'amour?
Ainsi le bien et le mal se côtoient tout au long
du jour*

*

*Pourquoi aimer en secret, si c'est pour
souffrir en silence?
Pourquoi vouloir oublier quelqu'un tout en
déplorant son absence?
Pourquoi prétendre détester quelqu'un qu'on
adore?
Car enfin personne n'échappe à son sort. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

*Les "Pourquoi" questions mettent en évidence
les multiples paradoxes de la vie ... et du cœur
humain.*

----oo0oo----

Tại sao, và tại sao?

*Tại sao không ai mời mà đến với thế giới này?
Tại sao thèm khát những gì mình không thể
có?*

*Tại sao đuổi theo những thứ mình không thể
bắt lấy?*

*Làm sao cắt nghĩa những điều không thể cắt
nghĩa đó*

*

*Tại sao tóc mình bạc trắng theo năm tháng?
Tại sao trí nhớ mình dần lui về dĩ vãng?
Tại sao sức khỏe mình bắt đầu loạng choạng
với tuổi tác?*

Thời gian qua đi, xóa nhòa ... và lật sang

émoussée

Au cours des années

*Les valeurs morales oubliées ou enfouies
Font place à des sentiments perversis*

*

*Tout dégénère entre les mains des hommes
Cela me désole autant que cela m'affole
Ta présence seule me console
Dans la nuit paisible quand les souffrances
s'envolent*

*

*Ta douce et suave clarté me reconforte
Comme un baume bienfaisant
Au royaume des beaux rêves tu ouvres la
porte
Et mon cœur s'ouvre aussi pour t'accueillir,
ma confidente. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

=====

Vầng trăng bạn
(Phỏng dịch)

*Từ trên cao trăng mỉm cười với tôi
Dịu dàng và đồng cảm
Sẽ chia nỗi thống khổ dần vật đeo bám
Cùng những lo âu trong cuộc đời*

*

*Trăng ơi trăng, bạn thân thiết của tôi ơi
Đừng để tôi mất đi niềm vui nhìn thấy
bạn thường xuyên mỗi tối
Tôi chờ bạn khi bóng chiều xuống dần
Bồn chồn nôn nóng, không sao kiên
nhẫn*

*

*Tính tốt bẩm sinh của con người đã nhạt
nhòa
Theo năm tháng*

trang khác!

*

*Tại sao cười ra nước mắt, và vui quá thành
khóc òa?*

*Tại sao không phải sự thật nào cũng nên nói
ra?*

*Tại sao đôi khi thù ghét thật ra là mặt khác
của tình yêu?*

*Cũng như thiện ác đồng hành với nhau sớm
chiều*

*

*Tại sao yêu thâm để rồi lặng lẽ đau khổ vì ai?
Tại sao muốn quên mà vẫn nhớ khi người ấy
vắng mặt?*

*Tại sao giả vờ ghét ai đó mình yêu sâu sắc?
Vì cuối cùng không ai thoát khỏi phần số đã
an bài. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

(phỏng dịch)

*Những câu hỏi “Tại sao” phơi bày ra ánh
sáng vô số điều
nghịch lý trong đời sống ... và trong lòng
người. ■*

*Những giá trị tinh thần cũng bị chôn vùi,
hay quên lãng
Nhường chỗ cho những tình cảm sai
lệch, biến hóa*

*

*Qua tay loài người mọi thứ đều thoái hóa
Điều đó khiến tôi đau lòng và cũng
hoảng sợ khôn xiết kể
Trăng của tôi ơi, chỉ có sự hiện diện của
bạn mới an ủi vỗ về
Trong đêm tối bình yên khi đau khổ bay
xa ...*

*

*Ánh sáng dịu dàng và êm ái của bạn xoa
dịu đời tôi
Như bầu linh dược tuyệt vời
Bạn mở cửa vương quốc của những giấc
mơ hoàn hảo
Và lòng tôi cũng rộng mở chào đón bạn,
người bạn tâm giao. ■*

Nguyễn Ngọc Hà

Thơ Phương Hoa

THƠ - THẾ HỮU VĂN ĐÀN

(Tư điệp THƠ)

Cali Phụng đồ ngút trời
VĂN ĐÀN THẾ HỮU rạng ngời danh
thơm
Ngày muôn hồng tía nở đơm
Đêm về nguyệt tỏ THƠ nhòm sao khuya

Thời gian biến chuyển từng mùa
Nhưng dòng THƠ mãi đầm đìa luân lưu
Nhạc vàng từng nốt chắt chiu
Âm thanh mùa hạ mỹ miều du dương

Trời hè nắng gọi nhớ thương
Mơ về chốn cũ sân trường lung linh
Hồn THƠ đậu bến sông tình
Nhờ duyên mây nước ta mình kết thân

Cali xa - bút mực gần
Từ THƠ hạnh phúc cõi trần mệnh mang
Văn chương THẾ HỮU huy hoàng
VĂN ĐÀN con cháu Hồng Bàng tiến lên.

■

Phương Hoa – AUG 1st, 2025

NGÀY MẪU TỪ NHỚ MẸ

Link nhạc: https://www.youtube.com/watch?v=1_QEoPByuZY

Từ xa con nhớ Mẹ nhiều
Mơ về cố quốc mỗi chiều quất quay
Hoàng hôn bảng lảng vàng mây
Hạc vàng xoải cánh chờ đây yêu thương

Ngày con từ biệt quê hương
Mẹ già tóc bạc sầu vương chập chùng
Đông Tây sương khói mịt mù
Bao năm chờ đợi tương phùng vẫn an

Nhà đưa tin đến bàng hoàng
Đất trời chao đảo hoang mang vô bờ
Từng mong từng ước từng giờ
Ước mong gặp Mẹ cơn mơ ngập sâu

Ai làm biển cả ruộng dâu
Mẫu tử vĩnh biệt lòng đau nghẹn ngào
Mộ phần hương khói ra sao
Đông tàn Xuân đến biết bao nỗi niềm

Chiều nay con nhớ Mẹ hiền
Từng cơn gió lượn ngoài hiên nào nề
Gian nan đời Mẹ trăm bề
Vì con vất vả không hề trách than

Mẹ đà vĩnh biệt trần gian
Bước chân con vẫn lang thang cõi nào
Hoàng hôn nắng trải xôn xao
Nhưng lòng con trẻ dạt dào nhớ thương

Chiều về giọt nắng buồn vương
Cầu nơi Cực Lạc Mẹ nương Phật Đà
Thân con, bốn biển là nhà
Nhân ngày Từ Mẫu, con nhớ Mẹ già, Mẹ ơi...■

Phương Hoa – Mother's Day 2025

Thơ Yên Sơn**Chiếc Lá Vàng Trước Gió***Viết về Mẹ yêu thương*

Chiếc lá úa trên cành
Đã gắng gượng qua bao mùa mưa nắng
Lá thờ phào khi gió mùa đi vắng
Hoà nhịp ca cùng tàn lá chung quanh
Cười với lá xanh
Vui với những búp mầm tươi thắm

Mùa thu trước màu lá vàng trở đậm
Lốm đốm đầy những vết khô
Lá thì thào lời kinh kệ “nam mô”
Nằm im tiếng nghe thanh âm của gió
Có đôi lúc lá nhìn nghiêng sân cỏ
Như thăm dò một chỗ để rụng rơi

Mùa đông qua chợt ảm cả đất trời
Mưa từng trận rạt rào trên phiến lá
Có nhiều chiếc lá vàng chung quanh rơi lả tả
Lá mỉm cười với ngôn ngữ từ bi:
“Dẫu có xôn xao ngấm có ích gì
Lẽ sinh diệt vẫn thường tình của tạo hoá
Sinh vật, con người, cỏ cây, hoa lá
Đến rồi đi đều tuỳ thuộc trần duyên”

Rồi xuân sang khí hậu tinh tuyền
Cho cây cỏ nảy mầm tươi tốt
Sức sống vươn lên, gió xuân nhẹ phớt
Lá hoà màu với từng khóm hoa tươi
Hoa đủ màu, hoa nở khắp nơi
Lá khẽ hát chào mùa xuân mới

Cơn gió hạ thay mùa chợp tới
Lá trở mình càng lúc khô thêm
Lại từng cơn gió chướng liên miên
Lá run rẩy, lá mệt nhoài... thương quá
Đến rồi đi – điều hiển nhiên của tạo hoá
Nhưng trước sinh ly tử biệt... ai đành
Lá lắt lay, lá gầy guộc
Không biết lúc nào sẽ lìa cành
Ve hoi hóp, ve ngập ngừng mỗi khi vang tiếng hót! ■

Cuối Tháng 6/2016

Thơ Cao My Nhân**CÔ ĐỘC HÀNH. CAO MY NHÂN**

A Di Đà A Di Đà
 Chị nằm đợi đi thật xa
 Một mình trong khu Hospice
 " ...Near The End of Life..."

Chung cuộc hay là kết thúc
 A Di Đà A Di Đà
 Hình như chị còn thao thức
 Lời kinh tán Phật hoan ca

Niềm đau chập chờn, khủng khiếp
 Nỗi buồn day dứt miên man
 Con mê hoang liêu đồng thiếp
 Chị sắp rời khỏi thế gian

Em không ở lại Hospice
 Sợ lắm chị ơi cạn tình
 Chị không có ai con cháu
 Không ai mong chị hồi sinh

Bởi vì chị không...tất cả
 Đã cuối hành trình cuộc đời
 Lệ rơi ...lệ rơi lã chã
 Chị về cõi phúc xa khơi ■

Cao My Nhân

ĐIỆN THƯ.

Xếp tư một lá thư tình
 Phần nào là góc của mình nơi anh
 Thư tình chẳng có giấy xanh
 Chữ không mực tím hiền lành thừa xưa

Email tình cũng gió mưa

Ở KIẾP TỚI. CAO MY NHÂN

**Anh đoán chắc kiếp tới ta gặp nhau
 Nếu em đi trước, chờ anh đến sau
 Tối hôm qua, em qua cơn ngất xỉu
 Đêm nghiêng vai gánh trọn một cơn sầu**

**Em ngại quá, không thấy anh đón đợi
 Bước em đi chùng xuống nỗi thiết tha
 Em dừng lại cuối đường xa diệu vợi
 Vội quay lưng, chạy trốn bến thiên hà**

**Xin đừng hẹn những đôi nhân tình
 muộn
 Không có gì ở kiếp tới đâu nghe
 Chỉ giả vờ mơ ước lúc đam mê
 Nơi đời khác, sẽ vô cùng say đắm**

**Rồi em gọi tên anh trong tĩnh lặng
 Sáng hôm nay nắng ấm nửa khung
 trời
 Tâm hồn chắc đang còn hoang vắng
 lắm
 Hỏi thăm mình: còn tiếp cuộc rong
 chơi. ■**

Cao My Nhân

Bấm sai một chữ là chưa thật lòng
Rõ ràng em quá nhớ mong
Nhưng anh cứ bảo là không khi nào

Thư xưa thủ thi buồn rầu
Tràn ra nét chữ đọng mầu nỉ non
Email giờ đẹp vẹn tròn
Mặt thư thẳng thớm lại còn sạch trơn

Lời nào thắm lệ cô đơn
Trên trang Ipad nên hồn giận khô
Thư đi khắp nẻo sông hồ
Anh cười : tình ý qua thơ điện rồi. ■

Cao My Nhân

Thơ Nguyễn Thị Mắt Nâu**Chuyện tình Ngưu Lang - Chức Nữ**

Ngày 7 tháng 7 hàng năm
Mưa Ngâu tầm tã trắng năm ủ ê
Đường dài trơn ướt lê thê
Thối trời thối đất náo nề dòng châu

NGười đời gọi đó mưa Ngâu
Tên chàng trai trẻ chẵn trâu cho NGọc Hoàng
Yêu nàng tiên nữ cao sang
Chức nữ dệt vải gái ngoan thiên đình

Mối tình xa vắng lung linh
Bị trời chia cắt ân tình chẳng phai
Bi thương khăng khít mệt nhoài
Mỗi năm gặp mặt chia hai nỗi sầu

Quạ đen Ô thước bắc cầu
Nỗi dài đến tận giang đầu nhớ nhung
Gặp nhau tay bắt mặt mừng
Yêu nhau vời vợi muôn trùng cách xa

Mưa rả tháng 7 nhạt nhòa
Ngưu Lang Chức Nữ biết là về đâu
Chuyện tình vương vấn nỗi sầu
Một năm mới được gặp nhau một lần

Tháng 7 âm lịch đường trần
Là lễ Thất tịch ái ân đoạn trường. ■

July 2025
Mắt Nâu



Molière

Le Bourgeois Gentilhomme

COMEDIE-BALLET EN CINQ ACTES, 1670

Partie 2/2
Actes II-V

<https://z-library.sk/book/4567265/caa198/le-bourgeois-gentilhomme.html>

Présentation

La première du *Bourgeois gentilhomme* fut glorieuse : elle eut lieu au château de Chambord, le 14 octobre 1670, devant Louis XIV et la cour¹. Molière est alors au sommet de sa carrière : il est le protégé du roi et l'un des principaux organisateurs des divertissements royaux. Sa pièce sera jouée quatre fois avec succès à Chambord², puis trois fois à Saint-Germain-en-Laye³, devant le même public élégant. On ne s'étonnera donc pas de ce que *Le Bourgeois gentilhomme* présente toutes les caractéristiques d'une comédie destinée à plaire à un public de courtisans et d'aristocrates. Du point de vue du genre, d'abord : il s'agit d'une comédie-ballet, intimement mêlée de musique et de danse, deux des principaux goûts de Louis XIV et du public qui se conforme aux préférences du roi. Du point de vue du ton, ensuite : c'est une comédie légère et gaie. Du point de vue de la matière, enfin : elle tourne en ridicule le projet d'accéder à la classe sociale fort fermée à laquelle appartenaient justement la majorité de ses premiers spectateurs.

On ne peut pas considérer pour autant que le spectacle ait été conçu par Molière uniquement pour un public de cour. On sait que les caisses de sa troupe ne se remplissaient pas ainsi, mais bien par la représentation de ses comédies à la ville, et que le principal public à conquérir était le public payeur, celui de la ville. Effectivement, dix jours après la dernière représentation à Saint-Germain-en-Laye, la pièce sera jouée au Palais-Royal, théâtre parisien de Molière. C'est alors un grand succès : les recettes sont très bonnes⁴ et la pièce tient l'affiche jusqu'au 17 mars 1671. Voilà donc une première bizarrerie et un premier mystère : *Le Bourgeois gentilhomme* eut d'emblée deux publics, celui de la cour et celui de la ville, qui furent tous deux enthousiastes devant cette histoire touchant de si près à la délicate question des « conditions ».

Affaires turques

Commençons par l'aspect le plus frappant et le plus original du *Bourgeois gentilhomme* : ses fameuses « turqueries », et plus précisément la « cérémonie turque » qui clôt l'acte IV. Covielle, le valet rusé de l'amoureux Cléonte, a imaginé une fourberie (une « bourle⁵ », dit-il) pour contourner le refus que Monsieur Jourdain oppose au mariage de sa fille avec un roturier. En déguisant Cléonte, Covielle le fait passer pour « le fils du Grand Turc » et, afin que Monsieur Jourdain devienne digne d'être son beau-père, il organise une cérémonie (turque, évidemment) pour l'« ennoblir⁶ » et le faire « Mamamouchi », c'est-à-dire « Paladin » (acte IV, scène 3).

Cette scène est pour le moins originale et les premiers spectateurs ont dû la trouver bien surprenante : jamais on n'avait vu de ruse si exotique chez Molière, où l'on trouve beaucoup plus volontiers des bourses dérobées et des jeunes filles enlevées (mais aussi quelques pirates). Et pour cause : ces étranges « turqueries » faisaient partie du cahier des charges de la commande royale qui fut à l'origine du *Bourgeois gentilhomme*.

En 1669, après une série complexe d'événements politiques et militaires qui avait abouti à une rupture des relations diplomatiques entre Louis XIV et le Grand Turc, Mehmed IV⁷, celui-ci voulut finalement renouer le dialogue avec une puissance qui avait été son alliée pendant si longtemps, et mandata en France un émissaire, un certain Soliman-Aga. L'envoyé arriva à Paris avec une suite qui, par son

exotisme et sa splendeur, marqua fortement l'imagination des Parisiens et de la cour. Mais pour des raisons protocolaires⁸, l'ambassade se passa très mal et les deux parties en sortirent mécontentes. Soliman-Aga fut très vexé du déroulement de son séjour et de la piètre estime dans laquelle on l'avait tenu, tandis que Louis XIV, de son côté, qui avait de sérieux doutes sur le rang de l'envoyé – avait-il vraiment le statut d'ambassadeur ? –, trouva *a posteriori* qu'il l'avait trop bien reçu et s'était ainsi humilié. Le chevalier d'Arvieux, grand connaisseur de l'Orient, par les *Mémoires* duquel nous connaissons cette aventure, conclut ainsi la relation de l'événement :

Comme l'idée des Turcs qu'on venait de voir à Paris était encore toute récente, il [le roi] crut qu'il serait bon de les faire paraître sur la scène. Sa Majesté m'ordonna de me joindre à Messieurs Molière et de Lully, pour composer une pièce de théâtre où l'on pût faire entrer quelque chose des habillements et des manières des Turcs¹.

Voilà donc comment un incident diplomatique franco-turc aboutit à la commande d'une comédie-ballet. Les motivations réelles de Louis XIV, sur lesquelles la critique a beaucoup glosé, restent sujettes à conjectures. Le plus probable est que le roi fut mécontent de l'épisode qui contrariait non seulement sa politique extérieure – l'ambassade fut un échec diplomatique –, mais aussi sa politique intérieure : la délégation turque avait produit une forte impression de puissance sur les Français, et l'image du Grand Turc en sortait grandie. Sans doute celui qui tenait à se faire nommer « le plus grand roi du monde » vit-il cela d'un mauvais oeil : il ne fallait pas laisser s'installer l'idée qu'il existait des princes aussi puissants que lui. La commande du *Bourgeois gentilhomme* relève ainsi probablement de la volonté de ridiculiser la puissance turque et son faste aux yeux de la cour, en la renvoyant à son exotisme et à sa bizarrerie.

À en croire le premier biographe de Molière, Grimarest, Louis XIV ne fut pas très satisfait du résultat. Il ne rit guère à la première représentation et n'en toucha pas un mot à Molière. Ce ne fut qu'à l'issue de la deuxième qu'il lui dit : « Je ne vous ai point parlé de votre pièce à la première représentation, parce que j'ai appréhendé d'être séduit par la manière dont elle avait été représentée² » – propos pour le moins sibyllin. On peut en tout cas imaginer les raisons de la déception du roi : s'il s'agissait de ridiculiser les Turcs par une comédie de mœurs moquant leurs coutumes exotiques, représenter l'histoire de bourgeois français se déguisant en Turcs, au lieu de vrais Turcs, n'en était pas le meilleur moyen. Mais là encore, nous sommes réduits aux hypothèses.

La commande royale n'est pas le seul facteur qui explique que Molière ait utilisé ces exotiques turqueries. En effet, il obéissait en 1670 à une véritable mode artistique et littéraire, qui durait au moins depuis les années 1640. Depuis cette époque, l'Empire ottoman, au faîte de sa puissance, fascinait l'Occident. La connaissance que l'on en avait devenait plus précise, en particulier grâce aux nombreux récits de voyage qui circulaient, et aux récits de captivité. Rien d'étonnant, donc, à ce que l'inspiration turque soit extrêmement fréquente dans la littérature de l'époque. On en trouve notamment de nombreux exemples dans la tragédie : *Ibrahim* de Scudéry (1643), *Perside* de Desfontaines (1644), *Osman*, de Tristan l'Hermite (1656), etc. Cela dit, la plupart du temps, l'optique choisie n'est pas celle du ridicule, mais bien celle de la fascination de l'ailleurs. En cela, *Le Bourgeois gentilhomme* est original.

Un spectacle total

En 1661, une décennie avant *Le Bourgeois gentilhomme*, Molière avait inventé, avec *Les Fâcheux*, un nouveau genre théâtral : la comédie-ballet. À l'origine, comme il le dit dans l'« Avertissement » de cette pièce³, l'idée était simplement de « séparer » les entrées⁴ de ballet afin que les danseurs puissent se reposer, pour cela, Molière les plaça dans les entractes de la comédie. Mais très vite, la musique vocale s'invite dans le genre, qui devient véritablement celui de l'union entre les arts, un spectacle total composé de comédie, de musique, de danse et de chant mêlés. À partir de 1664, Lully se joint à Molière pour créer ces comédies-ballets dont le public de cour et celui de la ville sont friands. Les deux hommes, qui portent le même prénom, sont alors des amis si proches qu'on les appelle communément « les deux Baptiste ». Ensemble, ils développent et perfectionnent le genre. *Le Bourgeois gentilhomme* sera l'accomplissement de leur collaboration. La pièce est en effet unanimement considérée par la critique, depuis cette époque, comme le chef-d'oeuvre du genre. Cet apogée sera aussi un chant du cygne : les deux Baptiste vont très vite se brouiller, dans des conditions obscures, Lully se dirigeant nettement vers la création de l'opéra français, tandis que Molière restera attaché à une forme de spectacle dans laquelle la musique et la danse sont soumises à la comédie.

Le Bourgeois gentilhomme est considéré comme le sommet de la comédie-ballet pour deux raisons touchant à sa composition : d'une part, les chants et les danses y sont d'une extrême diversité ; d'autre part, cette même variété musicale et chorégraphique s'intègre excellemment dans la comédie. Molière et Lully parviennent ici à concilier les deux contraintes esthétiques très lourdes de ce genre hybride : la comédie exige par nature la continuité dramatique (la motivation des éléments), tandis que le ballet nécessite la multiplicité générique des danses. Cette contradiction est le problème fondamental de la comédie-ballet : comment, au sein d'une bonne logique dramatique, amener des genres chorégraphiques et musicaux si différents ? Dans *Le Bourgeois gentilhomme*, Molière et Lully ont mis en oeuvre un nouvel arsenal de solutions à ce problème essentiel. Pour bien comprendre la structure de la pièce, il faut donc recenser rapidement les genres musicaux et chorégraphiques qui y sont utilisés⁵ et examiner comment ils s'intègrent à l'action dramatique, tout en gardant à l'esprit le principe général de la disposition de la comédie-ballet : dans les entractes, on trouve uniquement des entrées de ballet, et au sein des actes, uniquement des airs chantés, sans danse.

Au milieu de la scène 2 de l'acte Ier, le maître de musique fait jouer et chanter devant Monsieur Jourdain un air de sérénade à l'un de ses élèves : il s'agit d'un air galant de style français. Un peu plus loin dans la même scène, sur l'ordre du même maître, trois musiciens font entendre au bourgeois un dialogue pastoral mis en musique et composé de trois airs, très influencé par le genre de l'air de cour. Enfin, l'intermède qui clôt l'acte fait intervenir la danse : il est constitué d'une « scène à fragments », entrée de ballet qui juxtapose des mouvements de différentes danses et qui constitue une sorte de démonstration systématique de la virtuosité technique des danseurs. Pour ces trois premières pièces, deux musicales et une chorégraphique, l'intégration des autres arts dans la comédie est excellente. En effet, Monsieur Jourdain les a toutes trois commandées pour accompagner le « cadeau » (le déjeuner de fête) qu'il doit donner plus tard à Dorimène, et il veut très logiquement, en client-mécène qu'il est, les entendre avant.

L'intermède qui clôt l'acte II est constitué quant à lui d'une gavotte, dansée par les garçons tailleurs qui ont cousu les nouveaux vêtements du bourgeois. Cette danse légère et très gaie est présentée comme spontanée et non pas comme chorégraphiée par un artiste professionnel ; elle entre en agréable contraste avec la précédente. Elle a bien une motivation dramatique : à la dernière scène de l'acte II, un garçon tailleur flatte le snobisme de Monsieur Jourdain en lui donnant toutes sortes de titres nobiliaires

absurdes, et le Bourgeois le récompense en lui donnant un pourboire à la hauteur des titres donnés. La joie provoquée par cette somme mirifique rend vraisemblable la danse des garçons tailleurs.

L'entrée de ballet qui sépare les actes III et IV est nettement moins bien intégrée. Elle est dansée par les cuisiniers qui ont préparé le festin destiné à Dorimène. S'il y a bien variation par rapport à l'entrée de ballet précédente, l'insertion dramatique n'est guère travaillée : le passage de la marche à la danse n'est, pour ainsi dire, pas motivé, et la comédie-ballet cède alors à son vieux démon, la tentation de la juxtaposition pure et simple.

Ce mauvais pas est heureusement vite oublié. Au sein de l'acte IV, celui du festin donné par Monsieur Jourdain à Dorimène, deux musiciens chantent deux airs à boire : un duo bachique et un *carpe diem*. Le passage de la parole au chant est de nouveau bien motivé, car l'air à boire était un genre très prisé au XVII^e siècle, et une pratique festive fréquente. C'était d'ailleurs une manière traditionnelle d'intégrer la musique dans la comédie, que l'on trouvait déjà dans *Le Médecin malgré lui* de Molière (acte I^{er}, scène 5) et d'autres pièces de l'époque. C'est à la fin de cet acte IV qu'intervient la fameuse « cérémonie turque », en costumes exotiques, chantée et dansée. Cette entrée, contrairement aux autres, est de nature burlesque, tant par sa musique que par sa chorégraphie ou son texte. Musicalement, elle est largement homophonique, c'est-à-dire qu'elle consiste en une scansion sur une seule note par douze voix d'hommes, sans mélodie réelle ; c'est la musique imaginaire et burlesque d'un Orient de fantaisie. Du point de vue chorégraphique, les pas, notamment ceux qui sont dansés par Lully lui-même, qui joue le Mufti, ne relèvent d'aucun genre connu (puisque'il s'agit de pas turcs...). Enfin, le texte de cette entrée est écrit non pas en turc, comme il le prétend, non pas même en *lingua franca*, ce mélange de français et d'italien utilisé par les marchands du bassin méditerranéen, mais dans un sabir qui cherche à l'imiter. Ce charabia est absolument transparent pour le public, mais apparemment opaque pour le pauvre Jourdain, qui n'a pas le don des langues. La cérémonie turque, entrée beaucoup plus développée que les autres, produit une rupture tonale nette, un fort effet de contraste avec les divers genres musicaux français utilisés auparavant dans la pièce. À tous points de vue, c'est là le clou du spectacle, tout à fait inattendu pour ses premiers spectateurs. Burlesque dans tous ses aspects, la cérémonie turque est sans doute une tentative très novatrice de Lully et de Molière : ils entendent intégrer *tonalement* le ballet dans la comédie, tout simplement en le rendant lui-même comique, chose assez rare dans l'histoire du genre. Cependant, au regard de l'économie dramatique générale, la cérémonie semble s'intégrer assez mal. D'une part, thématiquement : pourquoi diable faire intervenir des Turcs alors que, depuis la scène d'exposition, il n'a été question que de bonne bourgeoisie parisienne ? D'autre part, dramaturgiquement, du point de vue de la motivation causale des événements : pour que se fasse le mariage entre Lucile et Cléonte, il suffisait que celui-ci passe pour le fils du Grand Turc aux yeux du Bourgeois, et il n'était nul besoin que Jourdain lui-même devienne un gentilhomme, ce qui rend superflue la cérémonie d'anoblissement. Au total, la couture entre ballet et comédie reste très visible.

Enfin, le très long « Ballet des nations » en cinq entrées, d'un raffinement et d'une complexité extraordinaires selon les musicologues, vient prolonger la représentation de trois quarts d'heure. Il forme un véritable spectacle dans le spectacle, et son lien avec la structure générale de la comédie-ballet n'est pas évident. L'ambiance turque présente dans la comédie permettait sans doute cet enchaînement thématique flou sur un défilé des « nations ». Mais l'impression qui domine est que cette séquence finale abandonne la logique esthétique de l'enchaînement dramatique pour finir par la juxtaposition pure et simple du ballet et de la comédie.

La comédie des classes sociales

Au sein de la production moliéresque, *Le Bourgeois gentilhomme* s'inscrit dans un cycle de trois comédies qui traitent des structures profondes de la société du temps, et plus précisément des rapports des groupes sociaux entre eux. Deux ans avant *Le Bourgeois gentilhomme*, *George Dandin* avait porté un regard cru sur les relations intéressées que la noblesse de province désargentée, représentée par la famille Sotenville, entretenait avec les riches roturiers, alors incarnés par Dandin. Les deux pièces sont thématiquement très proches : elles posent – de manière plus réaliste dans la première – la question précise de l'ascension sociale. En 1671, un an après la représentation du *Bourgeois gentilhomme*, *La Comtesse d'Escarbagnas*, sur un ton beaucoup plus badin, analysera les rapports entre cette même noblesse de province, représentée par la comtesse, et l'aristocratie de cour. Ces trois pièces « sociales » ne doivent toutefois pas être comprises comme des pièces « engagées » avant la lettre. Elles ont pour points communs notables d'être des commandes royales directes et d'avoir été créées à l'occasion de fêtes à la cour. C'est à ce titre qu'elles sont mêlées de chants et de danses. Les problèmes sociaux sont plutôt abordés du point de vue de l'aristocratie de cour, donc dans un cadre qui les désamorce. On ne s'étonnera pas de ce que la seule classe qui sorte à peu près indemne de ce jeu de massacre du ridicule moliéresque soit bien la haute aristocratie elle-même.

La spécificité du *Bourgeois gentilhomme* est qu'on s'y intéresse dans le détail à la classe bourgeoise et à sa culture, mise en regard avec la culture aristocratique. La bourgeoisie est incarnée par Madame Jourdain, la noblesse de cour par Dorante et Dorimène. Entre ces deux pôles, Monsieur Jourdain, qui se rêve transfuge social, cherche maladroitement à passer d'un espace à l'autre. Grâce à ce principe dramatique simple, Molière peut dresser deux tableaux symétriques : d'une part, celui des valeurs bourgeoises, transgressées par Monsieur Jourdain, mais défendues et explicitées par sa femme ; d'autre part, celui des valeurs de l'aristocratie, incarnées par les personnages nobles que Jourdain rencontre, maladroitement imitées par lui, et explicitées par la galerie des professeurs qui se pressent chez lui. Mais comme toujours chez Molière, ce sont surtout les infractions qui permettent de voir fonctionner les systèmes axiologiques.

Ce double tableau est centré sur la question du rapport à l'argent. Comme on peut s'y attendre, du côté bourgeois l'*économie* est une vertu cardinale. Ce que Madame Jourdain reproche avant tout à son mari, ce sont les dépenses qu'il réalise pour sa lubie plus encore que la lubie elle-même : « Il vous sucera jusqu'au dernier sou », « Allez, vous êtes une vraie dupe »⁶. En effet, la seule coutume aristocratique que Monsieur Jourdain a vraiment bien assimilée, c'est celle de la dépense d'apparat : frais de vêtements, leçons diverses, mécénat artistique ; mais surtout dépenses galantes : « cadeaux » (repas de fête, musiciens...) pour la marquise Dorimène, etc. Madame Jourdain est furieuse, alors même qu'elle ne connaît qu'une partie de la somme (Monsieur Jourdain a surtout acheté un diamant à Dorimène, dont le coût est d'un tout autre ordre de grandeur...). Le second aspect du rapport à l'argent de la classe bourgeoise est l'*honnêteté*, non pas au sens social qui a cours dans l'aristocratie, mais au sens financier ; cette vertu est le principe même de la réputation commerciale. Lorsque Madame Jourdain s'inquiète des conséquences d'un mariage de sa fille en dehors de sa classe sociale, elle imagine immédiatement les « caquets » du voisinage :

Elle n'a pas toujours été si relevée que la voilà, et ses deux grands-pères vendaient du drap auprès de la porte Saint-Innocent. Ils ont amassé du bien à leurs enfants, qu'ils payent maintenant peut-être bien cher en l'autre monde, et l'on ne devient guère si riches à être honnêtes gens¹.

Pour Madame Jourdain, on ne saurait être « honnêtes gens » dans les deux sens du terme. Bénéficier d'une promotion sociale comporte des risques : il faut accepter de renoncer à sa réputation d'honnêteté commerciale, et donc se voir radier purement et simplement de la classe bourgeoise.

Économie et honnêteté commerciale : voilà les deux fondements du rapport bourgeois à l'argent. Ceux de la classe aristocratique sont strictement symétriques. Dorante a tant pratiqué les dépenses somptuaires qu'il est ruiné et vit à crédit (en l'occurrence aux crochets de Monsieur Jourdain) comme toute une partie de l'aristocratie de l'époque. Sa dette auprès du bourgeois est considérable : 18 000 francs (quelque chose comme 50 000 euros d'aujourd'hui). De plus, le jeu que joue l'aristocrate désargenté est moralement très ambigu. D'un côté, la dépense somptuaire est une valeur en soi et il n'est pas honteux de vivre à crédit, de l'autre, l'aristocrate est rattrapé par la figure sociale et littéraire du parasite dès que le Bourgeois résiste un peu et qu'il faut lui extorquer l'argent en question. Dorante, à la scène 4 de l'acte III, rejoue ainsi avec Madame Jourdain la scène très ambiguë de Dom Juan avec Monsieur Dimanche², et apparaît comme un personnage assez louche. Si finalement il se marie avec Dorimène, qui est veuve, c'est grâce à une fourberie : la belle marquise le croit très riche, alors qu'il lui a fait sa cour avec l'argent de Monsieur Jourdain.

À bien des égards, il se dégage de la pièce une impression de « conservatisme » social, si tant est que ce mot puisse avoir un sens dans le contexte du XVII^e siècle. Et ce, d'abord sur la question, centrale en comédie, du mariage. Deux ans plus tôt, la « leçon » bien explicite de *George Dandin* était qu'il est très dangereux de vouloir sortir de sa condition par un mariage aristocratique :

GEORGE DANDIN Ah ! Qu'une femme demoiselle est une étrange affaire, et que mon mariage est une leçon bien parlante à tous les paysans qui veulent s'élever au-dessus de leur condition, et s'allier, comme j'ai fait, à la maison d'un gentilhomme¹ !

Dans *Le Bourgeois gentilhomme*, comme dans *George Dandin*, l'exogamie est présentée comme un danger, non seulement social, mais aussi individuel, un véritable principe de discorde :

MADAME JOURDAIN C'est une chose, moi, où je ne consentirai point. Les alliances avec plus grand que soi sont sujettes toujours à de fâcheux inconvénients. Je ne veux point qu'un gendre puisse à ma fille reprocher ses parents, et qu'elle ait des enfants qui aient honte de m'appeler leur grand-maman¹.

Le mariage qui triomphera finalement, celui de Lucile et de Cléonte, sera bien une union bourgeoise. Cette endogamie est lourdement présentée par Madame Jourdain comme un gage d'harmonie et de concorde :

Je veux un homme, en un mot, qui m'ait obligation de ma fille, et à qui je puisse dire : « Mettezvous là, mon gendre, et dînez avec moi. »¹.

Une jeune bourgeoise est en droit d'aspirer à épouser un « honnête homme » et non un « gentilhomme », selon la distinction faite par la même Madame Jourdain :

Il faut à votre fille un mari qui lui soit propre, et il vaut mieux pour elle un honnête homme riche et bien fait, qu'un gentilhomme gueux et mal bâti¹.

Cléonte, sachant que le vrai pouvoir est du côté de Madame Jourdain, n'essaie pas de se faire passer pour le gentilhomme qu'il n'est pas, et se présente comme un bon bourgeois. Il obtient ainsi l'accord de Madame Jourdain, qui légitime clairement son projet amoureux aux yeux du spectateur, que ce dernier soit bourgeois ou aristocrate. Plus globalement, la démarche de Monsieur Jourdain, qui consiste à vouloir sortir de sa condition en adoptant un mode de vie aristocratique, est présentée comme vouée à l'échec. Le Bourgeois voit pourtant très juste quand il choisit les « disciplines » qu'il faut maîtriser pour être un parfait gentilhomme, et qu'il aborde une à une au début de la pièce : musique, danse, élégance vestimentaire, escrime, teinture de philosophie, art d'écrire dans un registre galant. C'est effectivement là l'éventail des compétences qui forment l'*habitus* aristocratique du XVII^e siècle, le programme de travail est bon. Mais un premier problème se pose : notre Bourgeois ne présente de dispositions pour aucune de ces disciplines. Pour la musique et le choix du vêtement, il manque de goût : il n'aime que la bonne vieille chanson française et les vêtements bariolés. Pour la danse et l'escrime, son corps est trop lourd et malhabile. Quant aux disciplines intellectuelles, son esprit est bien trop engourdi et il n'a la patience pour aucune d'elles. Le principe comique du début de la pièce consiste ainsi à mettre en scène une incompétence systématique et hyperbolique : en dehors de son talent de commerçant, qui l'a rendu riche, le Bourgeois est un strict bon à rien ! Tout en se ridiculisant lui-même, il dénature les délicates disciplines et toutes les pratiques aristocratiques auxquelles il se prête, et nous rions de cet éternel éléphant dans son éternel magasin de porcelaine. Ainsi, on peut lire très facilement *Le Bourgeois gentilhomme* comme une sorte de manuel de politesse aristocratique dont les leçons seraient dispensées par l'absurde : à chaque action du Bourgeois dans la comédie correspond une règle, qu'il met fort bien en valeur en l'enfreignant brutalement².

Plus profondément, Monsieur Jourdain se trompe sur le but de l'apprentissage aristocratique. Il en a une conception technique : la leçon devrait, selon lui, lui permettre d'atteindre immédiatement un certain résultat. Il dit ainsi à son maître d'armes : « De cette façon donc, un homme, sans avoir du coeur, est sûr de tuer son homme, et de n'être point tué³ ? » Il ne voit pas que l'escrime repose sur une logique inverse : elle doit mettre en valeur le « coeur » de celui qui la pratique, et son but est bien souvent d'être tué avec panache. L'enjeu n'est pas de faire, mais bien d'être : ces disciplines sont des pratiques éthiques, non des techniques. De plus, Monsieur Jourdain se méprend sur le fonctionnement de l'apprentissage aristocratique. Les gentilshommes ne se forment pas par leçons, mais par imprégnation : ils prennent teinture depuis leur tendre enfance, par mimétisme continu et naturel, de toutes ces disciplines. Seules certaines, extrêmement techniques, peuvent faire l'objet de leçons, notamment la pratique musicale et l'escrime. Bref, Monsieur Jourdain prend pour une technique ce qui est une pratique qui s'imite : là est son ridicule premier, d'où viennent tous les autres. L'aristocratie est ainsi proprement *inaccessible* par l'apprentissage. Monsieur Jourdain en a d'ailleurs l'intuition par deux fois. La première, quand on lui fait compliment de sa grotesque chanson : « C'est sans avoir appris la musique⁴ », répond-il superbement. La seconde, lorsqu'il a réussi à composer son billet absurde destiné à la marquise : « Cependant je n'ai point étudié, et j'ai fait cela tout du premier coup⁵. »

On est sans doute en droit de soupçonner Molière d'une certaine complaisance à l'égard des idées et des pratiques politiques de son commanditaire. L'idée qu'il existerait, entre la bourgeoisie et la noblesse françaises, une frontière étanche, car fondée en essence, n'était nullement, au XVII^e siècle, une évidence communément partagée. Jusqu'au XVI^e siècle compris, la noblesse, en tant que « qualité » juridique, était entièrement fondée sur un « genre de vie » et une « vertu » nobles⁶. Cela signifie d'une part qu'elle pouvait s'acquérir, certes au terme d'un long processus à l'oeuvre sur plusieurs générations, et d'autre part qu'elle n'était pas une création du prince, qui se bornait à reconnaître et à entériner un état de fait. Or, toute une partie de la politique des monarques du XVII^e siècle français a consisté à tenter de

rendre nette la limite traditionnellement floue entre les conditions, et à présenter la noblesse comme une qualité accordée par le prince. Les textes de loi sur l'« usurpation de noblesse », conçus sous Louis XIV pour faire la « chasse aux faux nobles », formaient ainsi une machine de guerre destinée à séparer clairement les classes. À la lumière de cette politique, *Le Bourgeois gentilhomme* prend des couleurs plus sombres : puisque le roi veut que l'anoblissement par la pratique de la « vie noble » devienne illégal, Molière va rendre cette pratique ridicule.

Langages

Plus profondément encore que sur le plan de l'argent, du mariage ou même du rapport au savoir, l'opposition entre les systèmes de valeurs bourgeois et aristocratique se joue dans le langage : la pièce met en scène une opposition frontale entre deux *langues*. La règle stylistique de « convenance », fondamentale au XVII^e siècle, impose au dramaturge de faire tenir à chaque personnage le langage qui correspond strictement à son statut social – Molière respecte toujours cette règle. Mais d'ordinaire, le personnel dramatique est assez homogène dans une même oeuvre, que ce soit pour la haute bourgeoisie dans la plupart des pièces (*L'Avare*, *Les Femmes savantes*...), ou pour l'aristocratie minoritairement (*Le Misanthrope*). Cette homogénéité du personnel dramatique entraîne une relative unité de registre. Ici, au contraire, la comédie, mettant face à face deux classes sociales, se fait polyphonique, et donne au spectateur des langages à comparer.

Du côté bourgeois, on remarque immédiatement l'importance des proverbes et autres tournures toutes faites dans le discours de Madame Jourdain : « Il me semble que j'ai dîné quand je le vois » (acte III, scène 3); « J'ai la tête plus grosse que le poing et si elle n'est pas enflée » (acte III, scène 5), etc. Pour le langage élégant, le proverbe est évidemment interdit ; il constitue une considérable faute de goût dans la bouche d'un aristocrate, comme le rappellent tous les manuels d'honnêteté. Le langage bourgeois, c'est aussi un lexique des objets et de la vie quotidienne. Lorsque Monsieur Jourdain découvre la différence entre la prose et les vers, la phrase qu'il choisit comme morceau de discours standard est : « Quoi ? quand je dis : “Nicole, apportez-moi mes pantoufles et me donnez mon bonnet de nuit”, c'est de la prose⁷ ? » Inversement, la langue de cour tend à effacer les références à la trivialité des choses, par imprégnation des pratiques langagières galantes et précieuses. Globalement, le rapport au langage des deux classes sociales se fonde sur une valorisation systématique du sens propre des mots du côté de la bourgeoisie, et du sens figuré pour l'aristocratie. Les différences entre la langue bourgeoise et la langue des grands seigneurs sont telles que Monsieur Jourdain, pour accéder à la nsphère à laquelle il aspire, devra entièrement réapprendre à parler. En effet, au cours de sa leçon de philosophie, Monsieur Jourdain, qui voulait apprendre les sciences complexes, s'aperçoit vite qu'elles sont hors de sa portée. Il lui faut d'abord en revenir à l'« orthographe », et plus précisément à la phonétique. Tel un enfant qui vient de naître dans ce tout nouvel espace social, notre Bourgeois va réapprendre à prononcer les sons fondamentaux qui constituent la langue, comme s'ils étaient différents dans la bouche des nobles. Ce n'est que dans un second temps qu'il pourra passer à l'apprentissage de la parole aristocratique, quand il s'exercera à écrire un billet à la marquise.

Plus largement, la juxtaposition des langages apparaît comme un principe de composition de la pièce. Aux scènes 9 et 10 de l'acte III, Molière met en scène un « dépit amoureux », type de scène dont il est spécialiste depuis le début de sa carrière. Parallèlement aux reproches galants que se font Lucile et Cléonte, Covielle et Nicole jouent leur propre scène en reprenant le texte des maîtres dans un registre populaire, créant un effet de burlesque :

LUCILE.

Quel chagrin vous possède ?

NICOLE.

Quelle mauvaise humeur te tient ?

LUCILE.

Êtes-vous muet, Cléonte ?

NICOLE.

As-tu perdu la parole, Covielle ?

CLÉONTE.

Que voilà qui est scélérat !

COVIELLE.

Que cela est Judas¹ !

Ainsi le texte même du *Bourgeois gentilhomme* reproduit-il le principe de mélange qui préside à sa composition mêlant danse et comédie : il présente à son spectateur un véritable spectacle polyphonique, sans équivalent dans le reste du théâtre de Molière.

Dramaturgie

Il faut pour finir nous intéresser de plus près à la structure logique de l'intrigue, sans nous contenter du constat évident qui est que cette intrigue est totalement invraisemblable. De ce point de vue, la première spécificité du *Bourgeois* réside dans son double fil. On sait que la plupart des comédies de Molière sont fondées sur un fil unique : le projet de mariage de deux jeunes amoureux, contrarié par un père qui souhaite un gendre ou une bellefille conforme à sa manie – manie qui n'est autre chose que son « caractère ». Cette opposition sert au dramaturge à exposer ledit caractère sous toutes ses faces, et à en exploiter tout le potentiel comique. Ainsi, le caractère du père maniaque ne crée pas de son côté un fil d'intrigue secondaire : il appartient pleinement au fil principal, car il en constitue le noeud, le blocage. Dans *Le Bourgeois gentilhomme*, le système dramatique est très différent : certes, Monsieur Jourdain s'oppose au mariage de sa fille (« Touchez là, Monsieur : ma fille n'est pas pour vous² »), et il faudra une fourberie pour lui extorquer un accord. Mais par ailleurs, Monsieur Jourdain nourrit un projet personnel très précis, qu'il veut mener à son terme et qui est totalement indépendant des amours de sa fille : il veut devenir *lui-même* gentilhomme, et il a même, de son côté, une ambition amoureuse. Les deux premiers actes se passent ainsi fort bien de l'intrigue amoureuse traditionnelle : Lucile et Cléonte n'y sont même jamais mentionnés. Il ne sera question d'eux qu'à la scène 7 de l'acte III, à peu près au milieu de la pièce, où l'on verra très nettement apparaître la couture :

MADAME JOURDAIN.

Ce n'est pas d'aujourd'hui, Nicole, que j'ai conçu des soupçons de mon mari. Je suis la plus trompée du monde, ou il y a quelque amour en campagne, et je travaille à découvrir ce que ce peut être. Mais songeons à ma fille. Tu sais l'amour que Cléonte a pour elle. C'est un homme qui me revient, et je veux aider sa recherche, et lui donner Lucile, si je puis¹.

Dramaturgiquement, *Le Bourgeois gentilhomme* a donc cette originalité d'être une pièce à deux fils. L'un est l'intrigue amoureuse traditionnelle, l'autre un projet d'ascension sociale un peu étrange, ou que Molière veut nous présenter comme tel.

Sa deuxième particularité structurelle est le caractère « sériel » de toute la première partie. Les deux premiers actes sont constitués de la série de leçons : chacun des maîtres vient à son tour faire son petit spectacle ridicule avec Monsieur Jourdain, sans qu'aucun lien proprement dramatique les unisse entre eux, sinon ce lien lâche et global que constitue le projet mégalomane du Bourgeois. À chaque leçon, Monsieur Jourdain commet une suite de fautes de goût, donne la preuve de son incompetence, et l'on passe à la leçon suivante. Ces deux actes semblent ainsi avoir été comme contaminés par la logique sérielle des entrées de ballet ; cette structure de défilé est bien plus proche du principe de ballet que l'enchaînement dramatique « nécessaire et vraisemblable » prôné par les doctes théoriciens. Sur ce point, *Le Bourgeois gentilhomme* se rapproche de la structure des *Fâcheux*, la première comédie-ballet de Molière, qui faisait défiler des importuns ridicules devant le pauvre Éraсте cherchant à rejoindre sa belle.

Dernière étrangeté structurelle de la pièce : les traces laissées par la redistribution importante dont elle a fait l'objet. En effet, la première version, celle dont rend compte le livret qui fut distribué aux spectateurs à la première, était composée en trois actes et non en cinq, comme celle qui serait publiée l'année suivante – celle que nous reproduisons. La pièce est donc formellement passée de la structure de la « petite comédie » à celle de la « grande comédie ».

- Aux actes Ier et II de la version publiée correspondait un seul acte dans la version de Chambord.
- L'acte II joué à Chambord correspondait à l'acte III publié et au début de l'acte IV, chansons à boire comprises.
- L'acte III correspondait à la fin de l'acte IV actuel et à l'acte V.

La structure dramatique de la version de Chambord paraît ainsi beaucoup plus naturelle du point de vue de l'enchaînement dramatique, et met au jour une des logiques profondes de la pièce. Tous les apprentissages du Bourgeois sont d'abord réunis en un seul acte : ils forment un cycle unifié, un véritable défilé des maîtres. Ensuite, l'acte central correspond strictement à la série des mises en application de ces leçons : test d'élégance (actuellement acte III, scène 2), phonétique avec Madame Jourdain (acte III, scène 3), escrime avec Nicole (acte III, scène 3), entreprise galante avec Dorimène (acte III, scène 16, et acte IV, scène 1), etc. À cette série d'exercices de noblesse il faut ajouter, comme il se doit dans un acte central, le noeud amoureux : les amours contrariées de Cléonte et Lucile, fort développées dans cette séquence. Enfin, l'acte III de Chambord couvre la totalité de la ruse turque et du dénouement qu'elle permet, évitant l'effet désastreux d'un acte V « vide » produit par la version imprimée. En effet, dans la version en cinq actes, le dernier donne l'impression étrange de se produire *après* le dénouement dramatique, tant la cérémonie turque a créé un effet de fin : il semble que la messe est dite, Monsieur Jourdain est bien Mamamouchi, et le spectateur doit encore assister à un acte entier. À tous points de vue, la structure de la version de Chambord est plus efficace et plus nette, et les ruptures d'acte correspondent à la véritable structure de l'action :

- acte Ier : apprentissage des pratiques aristocratiques ;
- acte II : mises en application et noeud ;
- acte III : ruse et dénouement.

Pourquoi donc l'avoir changée pour une structure moins efficace ?

La première raison probable est que Molière cherche ici, comme il l'a fait pendant toute sa carrière, à conférer de la noblesse et de la dignité au genre de la comédie en le calquant sur les structures de la tragédie, et notamment sur la structure canonique en cinq actes. Cet impératif n'est pas pressant au

moment de la représentation, puisque la cour considère, quoi qu'il en soit, ce type de pièce comme un « divertissement » ; mais au moment de la publication, il le devient, pour des raisons évidentes de légitimation dans le champ littéraire et théâtral. La seconde raison est sans doute que Molière a voulu rendre *Le Bourgeois gentilhomme* plus conforme à la structure originelle de la comédie-ballet, dans laquelle les entrées de ballet sont toujours placées dans les entractes. En effet, dans la version en trois actes, il y avait nettement plus de pièces chantées et dansées que d'entractes – qui n'étaient que deux, ce qui plaçait mécaniquement un grand nombre de pièces chantées ou dansées au sein même des actes. Multiplier les ruptures d'acte permettait de placer plus de ballets et de chants dans les entractes, et ainsi de mieux se conformer à la structure habituelle de la comédie-ballet. Il faut bien reconnaître qu'il y a un peu de tout dans *Le Bourgeois gentilhomme* : un bon bourgeois de Paris un peu toqué, beaucoup de Turcs et de la musique de Lully. On peut certes faire semblant de croire que tout cela va merveilleusement bien ensemble, et que Molière a créé, comme toujours, une harmonie unique – ce que la critique ne s'est pas privée de faire. On peut aussi éprouver un sentiment d'inévidente fertilité. Cette comédie laisse voir des coutures partout. Certes, il semble bien que le principe de rhapsodie des arts qui préside à la structure de la comédie-ballet ait gagné la structure dramatique elle-même. Mais c'est sans doute ce qui fait son charme particulier, et son ouverture aux multiples possibles de l'interprétation scénique.

Jean DE GUARDIA

Note sur l'édition

La seule édition revue par l'auteur est l'édition originale de 1671. C'est

celle que nous reproduisons, comme la plupart des éditeurs modernes. Nous corrigeons les très rares coquilles.

Pour faciliter la compréhension, nous modernisons systématiquement la graphie et la ponctuation. Les explications lexicographiques sont issues pour la plupart du *Dictionnaire de l'Académie française* de 1694 (première édition), abrégé *Académie*. Lorsque la définition provient d'une édition ultérieure, l'année de publication est mentionnée. Quelques explications sont tirées du *Dictionnaire universel* d'Antoine Furetière, de 1690, abrégé Furetière.

Le Bourgeois gentilhomme

Comédie-ballet

faite à Chambord,

pour le divertissement du Roi,

par J. B. P. MOLIERE

et se vend pour l'auteur

À PARIS,

Chez PIERRE LE MONNIER, au Palais,

vis-à-vis la porte de l'Église de la Sainte-Chapelle,

à l'Image S. Louis, et au Feu Divin

M.DC.LXXI

AVEC PRIVILÈGE DU ROI

Acteurs¹

MONSIEUR JOURDAIN ², bourgeois³.

MADAME JOURDAIN ⁴, sa femme.

LUCILE, fille de Monsieur Jourdain.

NICOLE ⁵, servante.

CLÉONTE, amoureux⁶ de Lucile.

COVIELLE ⁷, valet de Cléonte.

DORANTE, comte⁸, amant⁹ de Dorimène.

DORIMÈNE, marquise¹⁰.

MAÎTRE DE MUSIQUE.

ÉLÈVE DU MAÎTRE DE MUSIQUE.

MAÎTRE À DANSER.

MAÎTRE D'ARMES.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE.

MAÎTRE TAILLEUR.

GARÇON TAILLEUR.

DEUX LAQUAIS.

PLUSIEURS MUSICIENS, MUSICIENNES, JOUEURS D'INSTRUMENTS, DANSEURS, CUISINIERS, GARÇONS TAILLEURS, et autres personnages des intermèdes et du ballet¹¹.

*La scène est à Paris*¹².

Acte II⁴⁹**Scène première**

MONSIEUR JOURDAIN, MAÎTRE DE MUSIQUE, MAÎTRE À DANSER, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà qui n'est point sot, et ces gens-là se trémoussent bien.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Lorsque la danse sera mêlée avec la musique, cela fera plus d'effet encore, et vous verrez quelque chose de galant dans le petit ballet que nous avons ajusté⁵⁰ pour vous.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est pour tantôt au moins⁵¹ ; et la personne pour qui j'ai fait faire tout cela me doit faire l'honneur de venir dîner céans⁵².

MAÎTRE À DANSER

Tout est prêt.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Au reste, Monsieur, ce n'est pas assez : il faut qu'une personne comme vous, qui êtes magnifique et qui avez de l'inclination pour les belles choses, ait un concert de musique chez soi tous les mercredis ou tous les jeudis.

MONSIEUR JOURDAIN

Est-ce que les gens de qualité en ont ?

MAÎTRE DE MUSIQUE

Oui, Monsieur⁵³.

MONSIEUR JOURDAIN

J'en aurai donc. Cela sera-t-il beau ?

MAÎTRE DE MUSIQUE

Sans doute. Il vous faudra trois voix : un dessus⁵⁴, une haute-contre⁵⁵, et une basse⁵⁶, qui seront accompagnées d'une basse de viole⁵⁷, d'un théorbe⁵⁸, et d'un clavecin pour les basses continues, avec deux dessus de violon pour jouer les ritournelles⁵⁹.

MONSIEUR JOURDAIN

Il y faudra mettre aussi une trompette marine⁶⁰. La trompette marine est un instrument qui me plaît, et qui est harmonieux.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Laissez-nous gouverner⁶¹ les choses.

MONSIEUR JOURDAIN

Au moins n'oubliez pas tantôt de m'envoyer des musiciens, pour chanter à table.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Vous aurez tout ce qu'il vous faut.

MONSIEUR JOURDAIN

Mais surtout, que le ballet soit beau.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Vous en serez content, et, entre autres choses, de certains menuets⁶² que vous y verrez.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! les menuets sont ma danse, et je veux que vous me les voyiez danser.

Allons, mon maître.

MAÎTRE À DANSER

Un chapeau, Monsieur, s'il vous plaît. La, la, la ; la, la, la, la, la, la ; la, la, la, *bis* ; la, la, la ; la, la. En cadence, s'il vous plaît. La, la, la, la. La jambe droite. La, la, la. Ne remuez point tant les épaules. La, la, la, la ; la, la, la, la, la. Vos deux bras sont estropiés⁶³. La, la, la, la, la. Haussez la tête. Tournez la pointe du pied en dehors. La, la, la. Dressez votre corps.

MONSIEUR JOURDAIN

Euh ?

MAÎTRE DE MUSIQUE

Voilà qui est le mieux du monde.

MONSIEUR JOURDAIN

À propos. Apprenez-moi comme il faut faire une révérence pour saluer une marquise : j'en aurai besoin tantôt⁶⁴.

MAÎTRE À DANSER

Une révérence pour saluer une marquise ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui : une marquise qui s'appelle Dorimène.

MAÎTRE À DANSER

Donnez-moi la main.

MONSIEUR JOURDAIN

Non. Vous n'avez qu'à faire, je le retiendrai bien.

MAÎTRE À DANSER

Si vous voulez la saluer avec beaucoup de respect, il faut faire d'abord une révérence en arrière, puis marcher vers elle avec trois révérences en avant, et à la dernière vous baisser jusqu'à ses genoux.

MONSIEUR JOURDAIN

Faites un peu. Bon.

PREMIER LAQUAIS

Monsieur, voilà votre maître d'armes qui est là.

MONSIEUR JOURDAIN

Dis-lui qu'il entre ici pour me donner leçon. Je veux que vous me voyiez faire.

Scène 2

MAÎTRE D'ARMES, MAÎTRE DE MUSIQUE, MAÎTRE À DANSER, MONSIEUR JOURDAIN, DEUX LAQUAIS

MAÎTRE D'ARMES,

après lui avoir mis le fleuret à la main

Allons, Monsieur, la révérence. Votre corps droit. Un peu penché sur la cuisse gauche. Les jambes point tant écartées. Vos pieds sur une même ligne. Votre poignet à l'opposé⁶⁵ de votre hanche. La pointe de votre épée vis-à-vis de votre épaule. Le bras pas tout à fait si étendu. La main gauche à la hauteur de l'oeil. L'épaule gauche plus quartée⁶⁶. La tête droite. Le regard assuré. Avancez. Le corps ferme. Touchez-moi l'épée de quarte, et achevez de même. Une, deux. Remettez-vous. Redoublez de pied ferme. Un saut en arrière. Quand vous portez la botte⁶⁷, Monsieur, il faut que l'épée parte la première, et que le corps soit bien effacé. Une, deux. Allons, touchez-moi l'épée de tierce⁶⁸, et achevez de même. Avancez. Le corps ferme. Avancez. Partez de là. Une, deux. Remettez-vous. Redoublez. Un saut en arrière. En garde, Monsieur, en garde.

Le maître d'armes lui pousse deux ou trois bottes, en lui disant : « En garde ».

MONSIEUR JOURDAIN

Euh ?

MAÎTRE DE MUSIQUE

Vous faites des merveilles.

MAÎTRE D'ARMES

Je vous l'ai déjà dit, tout le secret des armes ne consiste qu'en deux choses, à donner, et à ne point recevoir ; et comme je vous fis voir l'autre jour par raison démonstrative⁶⁹, il est impossible que vous receviez, si vous savez détourner l'épée de votre ennemi de la ligne de votre corps : ce qui ne dépend seulement que d'un petit mouvement du poignet ou en dedans, ou en dehors.

MONSIEUR JOURDAIN

De cette façon donc, un homme, sans avoir du coeur⁷⁰, est sûr de tuer son homme, et de n'être point tué ?

MAÎTRE D'ARMES

Sans doute. N'en vîtes-vous pas la démonstration⁷¹ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui.

MAÎTRE D'ARMES

Et c'est en quoi l'on voit de quelle considération, nous autres, nous devons être dans un État, et combien la science des armes l'emporte hautement sur toutes les autres sciences inutiles, comme la danse, la musique, la...

MAÎTRE À DANSER

Tout beau, Monsieur le tireur d'armes : ne parlez de la danse qu'avec respect.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Apprenez, je vous prie, à mieux traiter l'excellence de la musique.

MAÎTRE D'ARMES

Vous êtes de plaisantes gens, de vouloir comparer vos sciences à la mienne !

MAÎTRE DE MUSIQUE

Voyez un peu l'homme d'importance !

MAÎTRE À DANSER

Voilà un plaisant animal, avec son plastron⁷² !

MAÎTRE D'ARMES

Mon petit maître à danser, je vous ferai danser comme il faut. Et vous, mon petit musicien, je vous ferai chanter de la belle manière.

MAÎTRE À DANSER

Monsieur le batteur de fer, je vous apprendrai votre métier.

MONSIEUR JOURDAIN,

au maître à danser

Êtes-vous fou de l'aller quereller, lui qui entend⁷³ la tierce et la quarte, et qui sait tuer un homme par raison démonstrative ?

MAÎTRE À DANSER

Je me moque de sa raison démonstrative, et de sa tierce et de sa quarte.

MONSIEUR JOURDAIN

Tout doux, vous dis-je.

MAÎTRE D'ARMES

Comment ? petit impertinent.

MONSIEUR JOURDAIN

Eh ! mon maître d'armes.

MAÎTRE À DANSER

Comment ? grand cheval de carrosse⁷⁴.

MONSIEUR JOURDAIN

Eh ! mon maître à danser.

MAÎTRE D'ARMES

Si je me jette sur vous...

MONSIEUR JOURDAIN

Doucement.

MAÎTRE À DANSER

Si je mets sur vous la main...

MONSIEUR JOURDAIN

Tout beau.

MAÎTRE D'ARMES

Je vous étrillerai d'un air⁷⁵...

MONSIEUR JOURDAIN

De grâce !

MAÎTRE À DANSER

Je vous rosserai d'une manière...

MONSIEUR JOURDAIN

Je vous prie.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Laissez-nous un peu lui apprendre à parler.

MONSIEUR JOURDAIN

Mon Dieu ! Arrêtez-vous⁷⁶ !

Scène 3

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE, MAÎTRE DE MUSIQUE, MAÎTRE À DANSER, MAÎTRE D'ARMES, MONSIEUR JOURDAIN, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN

Holà, Monsieur le philosophe, vous arrivez tout à propos avec votre philosophie. Venez un peu mettre la paix entre ces personnes-ci.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Qu'est-ce donc ? qu'y a-t-il, Messieurs ?

MONSIEUR JOURDAIN

Ils se sont mis en colère pour la préférence de leurs professions jusqu'à se dire des injures, et vouloir en venir aux mains.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Hé quoi ? Messieurs, faut-il s'emporter de la sorte ? et n'avez-vous point lu le docte traité que Sénèque a composé de la colère⁷⁷ ? Y a-t-il rien de plus bas et de plus honteux que cette passion, qui fait d'un homme une bête féroce ? et la raison ne doit-elle pas être maîtresse de tous nos mouvements ?

MAÎTRE À DANSER

Comment, Monsieur, il vient nous dire des injures à tous deux, en méprisant la danse que j'exerce, et la musique dont il fait profession !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Un homme sage est au-dessus de toutes les injures qu'on lui peut dire, et la grande réponse qu'on doit faire aux outrages, c'est la modération et la patience.

MAÎTRE D'ARMES

Ils ont tous deux l'audace de vouloir comparer leurs professions à la mienne.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Faut-il que cela vous émeuve ? Ce n'est pas de vaine gloire et de condition que les hommes doivent disputer entre eux ; et ce qui nous distingue parfaitement les uns des autres, c'est la sagesse et la vertu⁷⁸.

MAÎTRE À DANSER

Je lui soutiens que la danse est une science à laquelle on ne peut faire assez d'honneur.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Et moi, que la musique en est une que tous les siècles ont révérée.

MAÎTRE D'ARMES

Et moi, je leur soutiens à tous deux que la science de tirer des armes est la plus belle et la plus nécessaire de toutes les sciences.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Et que sera donc la philosophie ? Je vous trouve tous trois bien impertinents de parler devant moi avec cette arrogance, et de donner impudemment le nom de science à des choses que l'on ne doit pas même honorer du nom d'art, et qui ne peuvent être comprises que sous le nom de métier misérable de gladiateur, de chanteur et de baladin !

MAÎTRE D'ARMES

Allez, philosophe de chien.

MAÎTRE DE MUSIQUE

Allez, bêtête⁷⁹ de pédant.

MAÎTRE À DANSER

Allez, cuistre fieffé⁸⁰.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Comment ? maraudeurs que vous êtes...

Le philosophe se jette sur eux, et tous trois le chargent de coups, et sortent en se battant⁸¹.

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur le philosophe !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Infâmes ! coquins ! insolents !

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur le philosophe !

MAÎTRE D'ARMES

La peste l'animal !

MONSIEUR JOURDAIN

Messieurs !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Impudents !

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur le philosophe !

MAÎTRE À DANSER

Diantre⁸² soit de l'âne bête !

MONSIEUR JOURDAIN

Messieurs !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Scélérats !

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur le philosophe !

MAÎTRE DE MUSIQUE

Au diable l'impertinent !

MONSIEUR JOURDAIN

Messieurs !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Fripons ! gueux ! traîtres ! imposteurs !

Ils sortent.

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur le philosophe, Messieurs, Monsieur le philosophe, Messieurs, Monsieur le philosophe ! Oh ! battez-vous tant qu'il vous plaira : je n'y saurais que faire, et n'irai pas gâter⁸³ ma robe⁸⁴ pour vous séparer. Je serais bien fou de m'aller fourrer parmi eux, pour recevoir quelque coup qui me ferait mal.

Scène 4

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE, MONSIEUR JOURDAIN

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE,
en raccommodant son collet

Venons à notre leçon.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! Monsieur, je suis fâché des coups qu'ils vous ont donnés.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Cela n'est rien. Un philosophe sait recevoir comme il faut les choses, et je vais composer contre eux une satire du style de Juvénal⁸⁵, qui les déchirera de la belle façon. Laissons cela. Que voulez-vous apprendre ?

MONSIEUR JOURDAIN

Tout ce que je pourrai, car j'ai toutes les envies du monde d'être savant ; et j'enrage que mon père et ma mère ne m'aient pas fait bien étudier dans toutes les sciences, quand j'étais jeune.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Ce sentiment est raisonnable : *Nam sine doctrina vita est quasi mortis imago*⁸⁶. Vous entendez cela, et vous savez le latin sans doute ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, mais faites comme si je ne le savais pas : expliquez-moi ce que cela veut dire.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Cela veut dire que *Sans la science, la vie est presque une image de la mort*.

MONSIEUR JOURDAIN

Ce latin-là a raison.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

N'avez-vous point quelques principes, quelques commencements des sciences ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oh ! oui, je sais lire et écrire.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Par où vous plaît-il que nous commençons ? Voulez-vous que je vous apprenne la logique⁸⁷ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Qu'est-ce que c'est que cette logique ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

C'est elle qui enseigne les trois opérations de l'esprit.

MONSIEUR JOURDAIN

Qui sont-elles, ces trois opérations de l'esprit ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

La première, la seconde et la troisième. La première est de bien concevoir par le moyen des universaux⁸⁸. La seconde, de bien juger par le moyen des catégories, et la troisième de bien tirer une conséquence par le moyen des figures *Barbara, Celarent, Darii, Ferio, Baralipon*, etc.⁸⁹.

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà des mots qui sont trop rébarbatifs. Cette logique-là ne me revient point. Apprenons autre chose qui soit plus joli.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Voulez-vous apprendre la morale ?

MONSIEUR JOURDAIN

La morale ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Oui.

MONSIEUR JOURDAIN

Qu'est-ce qu'elle dit, cette morale ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Elle traite de la félicité, enseigne aux hommes à modérer leurs passions, et...

MONSIEUR JOURDAIN

Non, laissons cela. Je suis bilieux⁹⁰ comme tous les diables ; et il n'y a morale qui tienne, je me veux mettre en colère tout mon soûl, quand il m'en prend envie.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Est-ce la physique que vous voulez apprendre⁹¹ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Qu'est-ce qu'elle chante, cette physique ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

La physique est celle qui explique les principes des choses naturelles et les propriétés du corps ; qui discourt de la nature des éléments, des métaux, des minéraux, des pierres, des plantes et des animaux, et nous enseigne les causes de tous les météores⁹², l'arc-en-ciel, les feux volants⁹³, les comètes, les éclairs, le tonnerre, la foudre, la pluie, la neige, la grêle, les vents et les tourbillons.

MONSIEUR JOURDAIN

Il y a trop de tintamarre là-dedans, trop de brouillamini.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Que voulez-vous donc que je vous apprenne ?

MONSIEUR JOURDAIN

Apprenez-moi l'orthographe.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Très volontiers.

MONSIEUR JOURDAIN

Après, vous m'apprendrez l'almanach, pour savoir quand il y a de la lune et quand il n'y en a point.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Soit. Pour bien suivre votre pensée et traiter cette matière en philosophe, il faut commencer selon l'ordre des choses, par une exacte connaissance de la nature des lettres, et de la différente manière de les prononcer toutes⁹⁴. Et là-dessus j'ai à vous dire que les lettres sont divisées en voyelles, ainsi dites voyelles parce qu'elles expriment les voix, et en consonnes, ainsi appelées consonnes parce qu'elles sonnent avec les voyelles, et ne font que marquer les diverses articulations des voix. Il y a cinq voyelles ou voix : A, E, I, O, U.

MONSIEUR JOURDAIN

J'entends tout cela.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

La voix A se forme en ouvrant fort la bouche : A.

MONSIEUR JOURDAIN

A, A. Oui.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

La voix E se forme en rapprochant la mâchoire d'en bas de celle d'en haut : A, E.

MONSIEUR JOURDAIN

A, E, A, E. Ma foi ! oui. Ah ! que cela est beau !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Et la voix I en rapprochant encore davantage les mâchoires l'une de l'autre, et écartant les deux coins de la bouche vers les oreilles : A, E, I.

MONSIEUR JOURDAIN

A, E, I, I, I, I. Cela est vrai. Vive la science !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

La voix O se forme en rouvrant les mâchoires, et rapprochant les lèvres par les deux coins, le haut et le bas : O.

MONSIEUR JOURDAIN

O, O. Il n'y a rien de plus juste. A, E, I, O, I, O. Cela est admirable ! I, O, I, O.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

L'ouverture de la bouche fait justement comme un petit rond qui représente un O.

MONSIEUR JOURDAIN

O, O, O. Vous avez raison. O. Ah ! la belle chose que de savoir quelque chose !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

La voix U se forme en rapprochant les dents sans les joindre entièrement, et allongeant les deux lèvres en dehors, les approchant aussi l'une de l'autre sans les joindre tout à fait : U.

MONSIEUR JOURDAIN

U, U. Il n'y a rien de plus véritable : U.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Vos deux lèvres s'allongent comme si vous faisiez la moue : d'où vient que si vous la voulez faire à quelqu'un, et vous moquer de lui, vous ne sauriez lui dire que : U.

MONSIEUR JOURDAIN

U, U. Cela est vrai. Ah ! que n'ai-je étudié plus tôt, pour savoir tout cela !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Demain, nous verrons les autres lettres, qui sont les consonnes.

MONSIEUR JOURDAIN

Est-ce qu'il y a des choses aussi curieuses qu'à celles-ci ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Sans doute. La consonne D, par exemple, se prononce en donnant du bout de la langue au-dessus des dents d'en haut ! Da.

MONSIEUR JOURDAIN

Da, Da. Oui. Ah ! les belles choses ! les belles choses !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

L'F en appuyant les dents d'en haut sur la lèvre de dessous : Fa.

MONSIEUR JOURDAIN

Fa, Fa. C'est la vérité. Ah ! mon père et ma mère, que je vous veux de mal⁹⁵ !

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Et l'R, en portant le bout de la langue jusqu'au haut du palais, de sorte qu'étant frôlée par l'air qui sort avec force, elle lui cède, et revient toujours au même endroit, faisant une manière de tremblement : Rra.

MONSIEUR JOURDAIN

R, r, ra. R, r, r, r, r, ra. Cela est vrai. Ah ! l'habile homme que vous êtes ! Et que j'ai perdu de temps ! R, r, r, ra.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Je vous expliquerai à fond toutes ces curiosités.

MONSIEUR JOURDAIN

Je vous en prie. Au reste, il faut que je vous fasse une confidence. Je suis amoureux d'une personne de grande qualité, et je souhaiterais que vous m'aidassiez à lui écrire quelque chose dans un petit billet que je veux laisser tomber à ses pieds.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Fort bien.

MONSIEUR JOURDAIN

Cela sera galant, oui ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Sans doute. Sont-ce des vers que vous lui voulez écrire ?

MONSIEUR JOURDAIN

Non, non, point de vers.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Vous ne voulez que de la prose ?

MONSIEUR JOURDAIN

Non, je ne veux ni prose ni vers.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Il faut bien que ce soit l'un, ou l'autre.

MONSIEUR JOURDAIN

Pourquoi ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Par la raison, Monsieur, qu'il n'y a pour s'exprimer que la prose ou les vers.

MONSIEUR JOURDAIN

Il n'y a que la prose ou les vers ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Non, Monsieur : tout ce qui n'est point prose est vers ; et tout ce qui n'est point vers est prose⁹⁶.

MONSIEUR JOURDAIN

Et comme l'on parle, qu'est-ce que c'est donc que cela ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

De la prose.

MONSIEUR JOURDAIN

Quoi ? quand je dis : « Nicole apportez-moi mes pantoufles, et me donnez mon bonnet de nuit », c'est de la prose ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Oui, Monsieur.

MONSIEUR JOURDAIN

Par ma foi ! il y a plus de quarante ans que je dis de la prose sans que j'en susse rien, et je vous suis le plus obligé du monde de m'avoir appris cela. Je voudrais donc lui mettre dans un billet : *Belle Marquise, vos beaux yeux me font mourir d'amour* ; mais je voudrais que cela fût mis d'une manière galante, que cela fût tourné gentiment⁹⁷.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Mettre que les feux de ses yeux réduisent votre coeur en cendres ; que vous souffrez nuit et jour pour elle les violences d'un...

MONSIEUR JOURDAIN

Non, non, non, je ne veux point tout cela ; je ne veux que ce que je vous ai dit : *Belle Marquise, vos beaux yeux me font mourir d'amour*.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Il faut bien étendre⁹⁸ un peu la chose.

MONSIEUR JOURDAIN

Non, vous dis-je, je ne veux que ces seules paroles-là dans le billet ; mais tournées à la mode, bien arrangées comme il faut. Je vous prie de me dire un peu, pour voir, les diverses manières dont on les peut mettre.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

On les peut mettre premièrement comme vous avez dit : *Belle Marquise, vos beaux yeux me font mourir d'amour*. Ou bien : *D'amour mourir me font, belle Marquise, vos beaux yeux*. Ou bien : *Vos yeux beaux d'amour me font, belle Marquise, mourir*. Ou bien : *Mourir vos beaux yeux, belle Marquise, d'amour me font*. Ou bien : *Me font vos yeux beaux mourir, belle Marquise, d'amour*.

MONSIEUR JOURDAIN

Mais de toutes ces façons-là, laquelle est la meilleure ?

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Celle que vous avez dite : *Belle Marquise, vos beaux yeux me font mourir d'amour*.

MONSIEUR JOURDAIN

Cependant je n'ai point étudié, et j'ai fait cela tout du premier coup⁹⁹. Je vous remercie de tout mon coeur, et vous prie de venir demain de bonne heure.

MAÎTRE DE PHILOSOPHIE

Je n'y manquerai pas.

MONSIEUR JOURDAIN,

à son laquais

Comment ? mon habit n'est point encore arrivé ?

SECOND LAQUAIS

Non, Monsieur.

MONSIEUR JOURDAIN

Ce maudit tailleur me fait bien attendre pour un jour où j'ai tant d'affaires. J'enrage. Que la fièvre quartaine¹⁰⁰ puisse serrer bien fort le bourreau¹⁰¹ de tailleur ! Au diable le tailleur ! La peste étouffe le tailleur ! Si je le tenais maintenant, ce tailleur détestable, ce chien de tailleur-là, ce traître de tailleur, je¹⁰²...

Scène 5

MAÎTRE TAILLEUR, GARÇON TAILLEUR, portant l'habit de Monsieur Jourdain, MONSIEUR JOURDAIN, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN

Ah vous voilà ! je m'allais mettre en colère contre vous.

MAÎTRE TAILLEUR

Je n'ai pas pu venir plus tôt, et j'ai mis vingt garçons¹⁰³ après votre habit.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous m'avez envoyé des bas de soie si étroits que j'ai eu toutes les peines du monde à les mettre, et il y a déjà deux mailles de rompues.

MAÎTRE TAILLEUR

Ils ne s'élargiront que trop.

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, si je romps toujours des mailles. Vous m'avez aussi fait faire des souliers qui me blessent furieusement.

MAÎTRE TAILLEUR

Point du tout, Monsieur.

MONSIEUR JOURDAIN

Comment, point du tout ?

MAÎTRE TAILLEUR

Non, ils ne vous blessent point.

MONSIEUR JOURDAIN

Je vous dis qu'ils me blessent, moi¹⁰⁴.

MAÎTRE TAILLEUR

Vous vous imaginez cela.

MONSIEUR JOURDAIN

Je me l'imagine, parce que je le sens. Voyez la belle raison !

MAÎTRE TAILLEUR

Tenez, voilà le plus bel habit de la cour, et le mieux assorti. C'est un chefd'oeuvre que d'avoir inventé un habit sérieux qui ne fût pas noir ; et je le donne en six coups aux tailleurs les plus éclairés¹⁰⁵.

MONSIEUR JOURDAIN

Qu'est-ce que c'est que ceci ? Vous avez mis les fleurs en enbas¹⁰⁶.

MAÎTRE TAILLEUR

Vous ne m'aviez pas dit que vous les vouliez en enhaut¹⁰⁷.

MONSIEUR JOURDAIN

Est-ce qu'il faut dire cela ?

MAÎTRE TAILLEUR

Oui, vraiment. Toutes les personnes de qualité les portent de la sorte.

MONSIEUR JOURDAIN

Les personnes de qualité portent les fleurs en enbas ?

MAÎTRE TAILLEUR

Oui, Monsieur¹⁰⁸.

MONSIEUR JOURDAIN

Oh ! voilà qui est donc bien.

MAÎTRE TAILLEUR

Si vous voulez, je les mettrai en enhaut.

MONSIEUR JOURDAIN

Non, non.

MAÎTRE TAILLEUR

Vous n'avez qu'à dire.

MONSIEUR JOURDAIN

Non, vous dis-je ; vous avez bien fait. Croyez-vous que l'habit m'aille bien ?

MAÎTRE TAILLEUR

Belle demande ! Je défie un peintre, avec son pinceau, de vous faire rien de plus juste. J'ai chez moi un garçon qui, pour monter une rhingrave¹⁰⁹, est le plus grand génie du monde ; et un autre qui, pour assembler un pourpoint¹¹⁰, est le héros de notre temps.

MONSIEUR JOURDAIN

La perruque et les plumes sont-elles comme il faut ?

MAÎTRE TAILLEUR

Tout est bien.

MONSIEUR JOURDAIN,

en regardant l'habit du tailleur

Ah ! ah ! Monsieur le tailleur, voilà de mon étoffe du dernier habit que vous m'avez fait. Je la reconnais bien.

MAÎTRE TAILLEUR

C'est que l'étoffe me sembla si belle, que j'en ai voulu lever¹¹¹ un habit pour moi.

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, mais il ne fallait pas le lever avec le mien¹¹².

MAÎTRE TAILLEUR

Voulez-vous mettre votre habit ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, donnez-moi.

MAÎTRE TAILLEUR

Attendez. Cela ne va pas comme cela. J'ai amené des gens pour vous habiller en cadence, et ces sortes d'habits se mettent avec cérémonie. Holà ! entrez, vous autres. Mettez cet habit à Monsieur, de la manière que vous faites aux personnes de qualité¹¹³.

Quatre garçons tailleurs entrent, dont deux lui arrachent le haut-dechausses¹¹⁴ de ses exercices, et deux autres la camisole¹¹⁵ ; puis ils lui mettent son habit neuf ; et Monsieur Jourdain se promène entre eux, et leur montre son habit, pour voir s'il est bien. Le tout à la cadence de toute la symphonie.

GARÇON TAILLEUR

Mon gentilhomme¹¹⁶, donnez, s'il vous plaît, aux garçons quelque chose pour boire¹¹⁷.

MONSIEUR JOURDAIN

Comment m'appellez-vous ?

GARÇON TAILLEUR

Mon gentilhomme.

MONSIEUR JOURDAIN

« Mon gentilhomme ! » Voilà ce que c'est de se mettre en personne de qualité. Allez-vous-en demeurer toujours habillé en bourgeois, on ne vous dira point : « Mon gentilhomme ». Tenez, voilà pour « Mon gentilhomme ».

GARÇON TAILLEUR

Monseigneur¹¹⁸, nous vous sommes bien obligés.

MONSIEUR JOURDAIN

« Monseigneur », oh, oh ! « Monseigneur ! » Attendez, mon ami : « Monseigneur » mérite quelque chose et ce n'est pas une petite parole que

« Monseigneur ». Tenez, voilà ce que Monseigneur vous donne.

GARÇON TAILLEUR

Monseigneur, nous allons boire tous à la santé de Votre Grandeur¹¹⁹.

MONSIEUR JOURDAIN

« Votre Grandeur ! » Oh, oh, oh ! Attendez, ne vous en allez pas. À moi

« Votre Grandeur ! »

(Bas, à part.)

Ma foi, s'il va jusqu'à l'Altesse¹²⁰, il aura toute la bourse.

(Haut.)

Tenez, voilà pour « Ma Grandeur ».

GARÇON TAILLEUR

Monseigneur, nous la remercions très humblement de ses libéralités.

MONSIEUR JOURDAIN

Il a bien fait : je lui allais tout donner.

Les quatre garçons tailleurs se réjouissent par une danse¹²¹, qui fait le second intermède.

Acte III
Scène première
MONSIEUR JOURDAIN, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN

Suivez-moi, que j'aie un peu montrer mon habit par la ville ; et surtout ayez soin tous deux de marcher immédiatement sur mes pas, afin qu'on voie bien que vous êtes à moi.

LAQUAIS

Oui, Monsieur.

MONSIEUR JOURDAIN

Appelez-moi Nicole, que je lui donne quelques ordres. Ne bougez¹²², la voilà.

Scène 2
NICOLE, MONSIEUR JOURDAIN, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN

Nicole !

NICOLE

Plaît-il ?

MONSIEUR JOURDAIN

Écoutez.

NICOLE

Hi, hi, hi, hi, hi¹²³ !

MONSIEUR JOURDAIN

Qu'as-tu à rire ?

NICOLE

Hi, hi, hi, hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Que veut dire cette coquine-là ?

NICOLE

Hi, hi, hi. Comme vous voilà bâti¹²⁴ ! Hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Comment donc ?

NICOLE

Ah, ah ! mon Dieu ! Hi, hi, hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Quelle friponne est-ce là ! Te moques-tu de moi ?

NICOLE

Nenni¹²⁵, Monsieur, j'en serais bien fâchée. Hi, hi, hi, hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Je te baillerai¹²⁶ sur le nez, si tu ris davantage.

NICOLE

Monsieur, je ne puis pas m'en empêcher. Hi, hi, hi, hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Tu ne t'arrêteras pas ?

NICOLE

Monsieur, je vous demande pardon ; mais vous êtes si plaisant¹²⁷, que je ne saurais me tenir de rire.

Hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Mais voyez quelle insolence !

NICOLE

Vous êtes tout à fait drôle comme cela. Hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Je te...

NICOLE

Je vous prie de m'excuser. Hi, hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Tiens, si tu ris encore le moins du monde, je te jure que je t'appliquerai sur la joue le plus grand soufflet qui se soit jamais donné.

NICOLE

Hé bien, Monsieur, voilà qui est fait, je ne rirai plus.

MONSIEUR JOURDAIN

Prends-y bien garde. Il faut que pour tantôt tu nettoies...

NICOLE

Hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Que tu nettoies comme il faut...

NICOLE

Hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Il faut, dis-je, que tu nettoies la salle, et...

NICOLE

Hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Encore !

NICOLE

Tenez, Monsieur, battez-moi plutôt et me laissez rire tout mon soûl, cela me fera plus de bien. Hi, hi, hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

J'enrage.

NICOLE

De grâce, Monsieur, je vous prie de me laisser rire. Hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Si je te prends...

NICOLE

Monsieur... eur, je crèverai... ai¹²⁸, si je ne ris. Hi, hi, hi !

MONSIEUR JOURDAIN

Mais a-t-on jamais vu une pendarde¹²⁹ comme celle-là ? qui me vient rire insolemment au nez, au lieu de recevoir mes ordres ?

NICOLE

Que voulez-vous que je fasse, Monsieur ?

MONSIEUR JOURDAIN

Que tu songes, coquine, à préparer ma maison pour la compagnie qui doit venir tantôt.

NICOLE

Ah, par ma foi ! je n'ai plus envie de rire ; et toutes vos compagnies font tant de désordre céans¹³⁰ que ce mot est assez pour me mettre en mauvaise humeur.

MONSIEUR JOURDAIN

Ne dois-je point pour toi fermer ma porte à tout le monde ?

NICOLE

Vous devriez au moins la fermer à certaines gens.

Scène 3

MADAME JOURDAIN, MONSIEUR JOURDAIN, NICOLE, LAQUAIS

MADAME JOURDAIN

Ah ! ah ! voici une nouvelle histoire. Qu'est-ce que c'est donc, mon mari, que cet équipage-là ? Vous moquez-vous du monde, de vous être fait enharnacher¹³¹ de la sorte ? et avez-vous envie qu'on se raille partout de vous ?

MONSIEUR JOURDAIN

Il n'y a que des sots et des sottesses, ma femme, qui se railleront de moi.

MADAME JOURDAIN

Vraiment on n'a pas attendu jusqu'à cette heure, et il y a longtemps que vos façons de faire donnent à rire à tout le monde.

MONSIEUR JOURDAIN

Qui est donc tout ce monde-là, s'il vous plaît ?

MADAME JOURDAIN

Tout ce monde-là est un monde qui a raison, et qui est plus sage que vous. Pour moi, je suis scandalisée de la vie que vous menez. Je ne sais plus ce que c'est que notre maison : on dirait qu'il est céans carême-prenant¹³² tous les jours ; et dès le matin, de peur d'y manquer, on y entend des vacarmes de violons et de chanteurs, dont tout le voisinage se trouve incommodé.

NICOLE

Madame parle bien. Je ne saurais plus voir mon ménage propre, avec cet attirail de gens que vous faites venir chez vous. Ils ont des pieds qui vont chercher de la boue dans tous les quartiers de la ville, pour l'apporter ici ; et la pauvre Françoise est presque sur les dents, à frotter les planchers que vos biaux¹³³ maîtres viennent crotter régulièrement tous les jours.

MONSIEUR JOURDAIN

Ouais¹³⁴, notre servante Nicole, vous avez le caquet bien affilé¹³⁵ pour une paysanne.

MADAME JOURDAIN

Nicole a raison et son sens¹³⁶ est meilleur que le vôtre. Je voudrais bien savoir ce que vous pensez faire d'un maître à danser à l'âge que vous avez.

NICOLE

Et d'un grand maître tireur d'armes, qui vient, avec ses battements de pied, ébranler toute la maison, et nous déraciner tous les carreaux¹³⁷ de notre salle¹³⁸ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous, ma servante, et ma femme.

MADAME JOURDAIN

Est-ce que vous voulez apprendre à danser pour quand vous n'aurez plus de jambes ?

NICOLE –

Est-ce que vous avez envie de tuer quelqu'un ?

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous, vous dis-je : vous êtes des ignorantes l'une et l'autre, et vous ne savez pas les prérogatives de tout cela.

MADAME JOURDAIN

Vous devriez plutôt songer à marier votre fille, qui est en âge d'être pourvue.

MONSIEUR JOURDAIN

Je songerai à marier ma fille quand il se présentera un parti pour elle ; mais je veux songer aussi à apprendre les belles choses.

NICOLE

J'ai encore ouï dire, Madame, qu'il a pris aujourd'hui, pour renfort de potage¹³⁹, un maître de philosophie.

MONSIEUR JOURDAIN

Fort bien : je veux avoir de l'esprit, et savoir raisonner des choses parmi les honnêtes gens.

MADAME JOURDAIN

N'irez-vous point l'un de ces jours au collège vous faire donner le fouet, à votre âge ?

MONSIEUR JOURDAIN

Pourquoi non ? Plût à Dieu l'avoir tout à l'heure, le fouet, devant tout le monde, et savoir ce qu'on apprend au collège¹⁴⁰ !

NICOLE

Oui, ma foi ! cela vous rendrait la jambe bien mieux faite¹⁴¹.

MONSIEUR JOURDAIN

Sans doute.

MADAME JOURDAIN

Tout cela est fort nécessaire pour conduire votre maison.

MONSIEUR JOURDAIN

Assurément. Vous parlez toutes deux comme des bêtes, et j'ai honte de votre ignorance.

(À Madame Jourdain.)

Par exemple savez-vous, vous, ce que c'est que vous dites à cette heure ?

MADAME JOURDAIN

Oui, je sais que ce que je dis est fort bien dit, et que vous devriez songer à vivre d'autre sorte.

MONSIEUR JOURDAIN

Je ne parle pas de cela. Je vous demande ce que c'est que les paroles que vous dites ici.

MADAME JOURDAIN

Ce sont des paroles bien sensées, et votre conduite ne l'est guère.

MONSIEUR JOURDAIN

Je ne parle pas de cela, vous dis-je. Je vous demande : ce que je parle avec vous, ce que je vous dis à cette heure, qu'est-ce que c'est ?

MADAME JOURDAIN

Des chansons.

MONSIEUR JOURDAIN

Hé non ! ce n'est pas cela. Ce que nous disons tous deux, le langage que nous parlons à cette heure ?

MADAME JOURDAIN

Hé bien ?

MONSIEUR JOURDAIN

Comment est-ce que cela s'appelle ?

MADAME JOURDAIN

Cela s'appelle comme on veut l'appeler.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est de la prose, ignorante.

MADAME JOURDAIN

De la prose ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, de la prose. Tout ce qui est prose n'est point vers ; et tout ce qui n'est point vers n'est point prose.

Heu¹⁴², voilà ce que c'est d'étudier

(À Nicole.)

Et toi, sais-tu bien comme il faut faire pour dire un U ?

NICOLE

Comment ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui. Qu'est-ce que tu fais quand tu dis un U ?

NICOLE

Quoi ?

MONSIEUR JOURDAIN

Dis un peu U, pour voir !

NICOLE

Hé bien, U.

MONSIEUR JOURDAIN

Qu'est-ce que tu fais ?

NICOLE

Je dis U.

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, mais quand tu dis U, qu'est-ce que tu fais ?

NICOLE

Je fais ce que vous me dites.

MONSIEUR JOURDAIN

Ô l'étrange chose que d'avoir affaire à des bêtes ! Tu allonges les lèvres en dehors et approches la mâchoire d'en haut de celle d'en bas : U, vois-tu ?

U. Je fais la moue : U.

NICOLE

Oui, cela est biau.

MADAME JOURDAIN

Voilà qui est admirable.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est bien autre chose, si vous aviez vu O, et Da, Da, et Fa, Fa.

MADAME JOURDAIN

Qu'est-ce que c'est donc que tout ce galimatias-là¹⁴³ ?

NICOLE

De quoi est-ce que tout cela guérit¹⁴⁴ ?

MONSIEUR JOURDAIN

J'enrage quand je vois des femmes ignorantes.

MADAME JOURDAIN

Allez, vous devriez envoyer promener tous ces gens-là, avec leurs fariboles.

NICOLE

Et surtout ce grand escogriffe de maître d'armes, qui remplit de poudre¹⁴⁵ tout mon ménage.

MONSIEUR JOURDAIN

Ouais¹⁴⁶, ce maître d'armes vous tient fort au coeur. Je te veux faire voir ton impertinence tout à l'heure.

(Il fait apporter les fleurets et en donne un à Nicole.)

Tiens. Raison démonstrative, la ligne du corps. Quand on pousse en quarte, on n'a qu'à faire cela, et quand on pousse en tierce, on n'a qu'à faire cela. Voilà le moyen de n'être jamais tué ; et cela n'est-il pas beau d'être assuré de son fait, quand on se bat contre quelqu'un ? Là, pousse-moi¹⁴⁷ un peu pour voir.

NICOLE

Hé bien, quoi ?

Nicole lui pousse plusieurs coups.

MONSIEUR JOURDAIN

Tout beau, holà, oh ! doucement. Diantre¹⁴⁸ soit la coquine.

NICOLE

Vous me dites de pousser.

MONSIEUR JOURDAIN

Oui ; mais tu me pousse en tierce, avant que de pousser en quarte, et tu n'as pas la patience que je pare.

MADAME JOURDAIN

Vous êtes fou, mon mari, avec toutes vos fantaisies, et cela vous est venu depuis que vous vous mêlez de hanter¹⁴⁹ la noblesse.

MONSIEUR JOURDAIN

Lorsque je hante la noblesse, je fais paraître mon jugement¹⁵⁰, et cela est plus beau que de hanter votre bourgeoisie.

MADAME JOURDAIN

Çamon¹⁵¹ vraiment ! il y a fort à gagner à fréquenter vos nobles, et vous avez bien opéré avec ce beau Monsieur le comte dont vous vous êtes embéguiné¹⁵².

MONSIEUR JOURDAIN

Paix ! Songez à ce que vous dites. Savez-vous bien, ma femme, que vous ne savez pas de qui vous parlez quand vous parlez de lui ? C'est une personne d'importance plus que vous ne pensez, un seigneur que l'on considère à lacour, et qui parle au roi tout comme je vous parle. N'est-ce pas une chose qui m'est tout à fait honorable, que l'on voie venir chez moi si souvent une personne de cette qualité, qui m'appelle son cher ami, et me traite comme si j'étais son égal ? Il a pour moi des bontés qu'on ne devinerait jamais¹⁵³ ; et, devant tout le monde, il me fait des caresses dont je suis moi-même confus.

MADAME JOURDAIN

Oui, il a des bontés pour vous, et vous fait des caresses ; mais il vous emprunte votre argent.

MONSIEUR JOURDAIN

Hé bien ! ne m'est-ce pas de l'honneur, de prêter de l'argent à un homme de cette condition-là ? et puis-je faire moins pour un seigneur qui m'appelle son cher ami ?

MADAME JOURDAIN

Et ce seigneur, que fait-il pour vous ?

MONSIEUR JOURDAIN

Des choses dont on serait étonné, si on les savait.

MADAME JOURDAIN

Et quoi ?

MONSIEUR JOURDAIN

Baste, je ne puis pas m'expliquer. Il suffit que si je lui ai prêté de l'argent, il me le rendra bien, et avant qu'il soit peu.

MADAME JOURDAIN

Oui, attendez-vous à cela.

MONSIEUR JOURDAIN

Assurément : ne me l'a-t-il pas dit ?

MADAME JOURDAIN

Oui, oui : il ne manquera pas d'y faillir.

MONSIEUR JOURDAIN

Il m'a juré sa foi de gentilhomme.

MADAME JOURDAIN

Chansons.

MONSIEUR JOURDAIN

Ouais, vous êtes bien obstinée, ma femme. Je vous dis qu'il tiendra parole, j'en suis sûr.

MADAME JOURDAIN

Et moi, je suis sûre que non, et que toutes les caresses qu'il vous fait ne sont que pour vous enjôler.

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous : le voici.

MADAME JOURDAIN

Il ne nous faut plus que cela. Il vient peut-être encore vous faire quelque emprunt ; et il me semble que j'ai dîné quand je le vois¹⁵⁴.

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous, vous dis-je.

Scène 4

DORANTE, MONSIEUR JOURDAIN, MADAME JOURDAIN, NICOLE

DORANTE

Mon cher ami, Monsieur Jourdain¹⁵⁵, comment vous portez-vous ?

MONSIEUR JOURDAIN

Fort bien, Monsieur, pour vous rendre mes petits services.

DORANTE

Et Madame Jourdain que voilà, comment se porte-t-elle ?

MADAME JOURDAIN

Madame Jourdain se porte comme elle peut.

DORANTE

Comment, Monsieur Jourdain ? vous voilà le plus propre¹⁵⁶ du monde !

MONSIEUR JOURDAIN

Vous voyez.

DORANTE

Vous avez tout à fait bon air avec cet habit, et nous n'avons point de jeunesgens à la cour qui soient mieux faits que vous.

MONSIEUR JOURDAIN

Hay, hay¹⁵⁷.

MADAME JOURDAIN,

à part

Il le gratte par où il se démange.

DORANTE

Tournez-vous. Cela est tout à fait galant.

MADAME JOURDAIN

Oui, aussi sot par-derrrière que par-devant.

DORANTE

Ma foi ! Monsieur Jourdain, j'avais une impatience étrange¹⁵⁸ de vous voir. Vous êtes l'homme du monde que j'estime le plus, et je parlais de vous encore ce matin dans la chambre du roi.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous me faites beaucoup d'honneur, Monsieur.

(À Madame Jourdain.)

Dans la chambre du roi !

DORANTE

Allons, mettez¹⁵⁹...

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur, je sais le respect que je vous dois.

DORANTE

Mon Dieu ! mettez : point de cérémonie entre nous, je vous prie.

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur...

DORANTE

Mettez, vous dis-je, Monsieur Jourdain : vous êtes mon ami.

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur, je suis votre serviteur.

DORANTE

Je ne me couvrirai point, si vous ne vous couvrez.

MONSIEUR JOURDAIN

J'aime mieux être incivil qu'importun¹⁶⁰.

DORANTE

Je suis votre débiteur, comme vous le savez.

MADAME JOURDAIN

Oui, nous ne le savons que trop.

DORANTE

Vous m'avez généreusement prêté de l'argent en plusieurs occasions, et vous m'avez obligé de la meilleure grâce du monde, assurément.

MONSIEUR JOURDAIN

Monsieur, vous vous moquez¹⁶¹.

DORANTE

Mais je sais rendre ce qu'on me prête, et reconnaître les plaisirs qu'on me fait.

MONSIEUR JOURDAIN

Je n'en doute point, Monsieur.

DORANTE

Je veux sortir d'affaire avec vous, et je viens ici pour faire nos comptes ensemble.

MONSIEUR JOURDAIN

Hé bien ! vous voyez votre impertinence, ma femme.

DORANTE

Je suis homme qui aime à m'acquitter le plus tôt que je puis.

MONSIEUR JOURDAIN

Je vous le disais bien.

DORANTE

Voyons un peu ce que je vous dois.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous voilà, avec vos soupçons ridicules.

DORANTE

Vous souvenez-vous bien de tout l'argent que vous m'avez prêté ?

MONSIEUR JOURDAIN

Je crois que oui. J'en ai fait un petit mémoire¹⁶². Le voici. Donné à vous une fois deux cents louis.

DORANTE

Cela est vrai.

MONSIEUR JOURDAIN

Une autre fois, six-vingts¹⁶³.

DORANTE

Oui.

MONSIEUR JOURDAIN

Et une autre fois, cent quarante.

DORANTE

Vous avez raison.

MONSIEUR JOURDAIN

Ces trois articles font quatre cent soixante louis, qui valent cinq mille soixante livres.

DORANTE

Le compte est fort bon. Cinq mille soixante livres.

MONSIEUR JOURDAIN

Mille huit cent trente-deux livres à votre plumassier¹⁶⁴.

DORANTE

Justement.

MONSIEUR JOURDAIN

Deux mille sept cent quatre-vingts livres à votre tailleur.

DORANTE

Il est vrai.

MONSIEUR JOURDAIN

Quatre mille trois cent septante-neuf livres douze sols huit deniers à votre marchand.

DORANTE

Fort bien. Douze sols huit deniers : le compte est juste.

MONSIEUR JOURDAIN

Et mille sept cent quarante-huit livres sept sols quatre deniers à votre sellier¹⁶⁵.

DORANTE

Tout cela est véritable. Qu'est-ce que cela fait ?

MONSIEUR JOURDAIN

Somme totale, quinze mille huit cents livres.

DORANTE

Somme totale et juste : quinze mille huit cents livres. Mettez encore deux cents pistoles que vous m'allez donner, cela fera justement dix-huit mille francs¹⁶⁶, que je vous paierai au premier jour.

MADAME JOURDAIN

Hé bien ! ne l'avais-je pas bien deviné ?

MONSIEUR JOURDAIN

Paix !

DORANTE

Cela vous incommodera-t-il, de me donner ce que je vous dis ?

MONSIEUR JOURDAIN

Eh non !

MADAME JOURDAIN

Cet homme-là fait de vous une vache à lait.

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous.

DORANTE

Si cela vous incommode, j'en irai chercher ailleurs.

MONSIEUR JOURDAIN

Non, Monsieur.

MADAME JOURDAIN

Il ne sera pas content, qu'il ne vous ait ruiné.

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous, vous dis-je.

DORANTE

Vous n'avez qu'à me dire si cela vous embarrasse.

MONSIEUR JOURDAIN

Point, Monsieur.

MADAME JOURDAIN

C'est un vrai enjôleux¹⁶⁷.

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous donc.

MADAME JOURDAIN

Il vous sucera jusqu'au dernier sou.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous tairez-vous ?

DORANTE

J'ai force gens qui m'en prêteraient avec joie ; mais, comme vous êtes mon meilleur ami, j'ai cru que je vous ferais tort si j'en demandais à quelque autre.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est trop d'honneur, Monsieur, que vous me faites. Je vais quérir votre affaire.

MADAME JOURDAIN

Quoi ? vous allez encore lui donner cela ?

MONSIEUR JOURDAIN

Que faire ? Voulez-vous que je refuse un homme de cette condition-là, qui a parlé de moi ce matin dans la chambre du roi ?

MADAME JOURDAIN

Allez, vous êtes une vraie dupe.

Scène 5

DORANTE, MADAME JOURDAIN, NICOLE

DORANTE

Vous me semblez toute mélancolique : qu'avez-vous, Madame Jourdain ?

MADAME JOURDAIN

J'ai la tête plus grosse que le poing et si elle n'est pas enflée¹⁶⁸.

DORANTE

Mademoiselle votre fille, où est-elle, que je ne la vois point ?

MADAME JOURDAIN

Mademoiselle ma fille est bien où elle est.

DORANTE

Comment se porte-t-elle ?

MADAME JOURDAIN

Elle se porte sur ses deux jambes.

DORANTE

Ne voulez-vous point, un de ces jours, venir voir, avec elle, le ballet et la comédie que l'on fait chez le roi¹⁶⁹ ?

MADAME JOURDAIN

Oui, vraiment, nous avons fort envie de rire, fort envie de rire nous avons¹⁷⁰.

DORANTE

Je pense, Madame Jourdain, que vous avez eu bien des amants, dans votre jeune âge, belle et d'agréable humeur comme vous étiez.

MADAME JOURDAIN

Tredame¹⁷¹, Monsieur, est-ce que Madame Jourdain est décrépite, et la têtelui grouille-t-elle déjà¹⁷² ?

DORANTE

Ah ! ma foi ! Madame Jourdain, je vous demande pardon. Je ne songeais pas que vous êtes jeune, et je rêve le plus souvent. Je vous prie d'excuser mon impertinence¹⁷³.

Scène 6

MONSIEUR JOURDAIN, MADAME JOURDAIN, DORANTE, NICOLE

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà deux cents louis bien comptés¹⁷⁴.

DORANTE

Je vous assure, Monsieur Jourdain, que je suis tout à vous, et que je brûle de vous rendre un service à la cour.

MONSIEUR JOURDAIN

Je vous suis trop obligé.

DORANTE

Si Madame Jourdain veut voir le divertissement royal, je lui ferai donner les meilleures places de la salle.

MADAME JOURDAIN

Madame Jourdain vous baise les mains¹⁷⁵.

DORANTE,

bas, à Monsieur Jourdain

Notre belle marquise, comme je vous ai mandé¹⁷⁶ par mon billet, viendra tantôt ici pour le ballet¹⁷⁷ et le repas, et je l'ai fait consentir enfin au cadeau¹⁷⁸ que vous lui voulez donner.

MONSIEUR JOURDAIN

Tirons-nous¹⁷⁹ un peu plus loin, pour cause¹⁸⁰.

DORANTE

Il y a huit jours que je ne vous ai vu, et je ne vous ai point mandé de nouvelles du diamant que vous me mîtes entre les mains pour lui en faire présent de votre part ; mais c'est que j'ai eu toutes les peines du monde à vaincre son scrupule, et ce n'est que d'aujourd'hui qu'elle s'est résolue à l'accepter.

MONSIEUR JOURDAIN

Comment l'a-t-elle trouvé ?

DORANTE

Merveilleux ; et je me trompe fort, ou la beauté de ce diamant fera pour vous sur son esprit un effet admirable.

MONSIEUR JOURDAIN

Plût au Ciel !

MADAME JOURDAIN

Quand il est une fois avec lui, il ne peut le quitter.

DORANTE

Je lui ai fait valoir comme il faut la richesse de ce présent et la grandeur de votre amour.

MONSIEUR JOURDAIN

Ce sont, Monsieur, des bontés qui m'accablent ; et je suis dans une confusion la plus grande du monde, de voir une personne de votre qualité s'abaisser pour moi à ce que vous faites.

DORANTE

Vous moquez-vous ? est-ce qu'entre amis on s'arrête à ces sortes de scrupules ? et ne feriez-vous pas pour moi la même chose, si l'occasion s'en offrait ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oh ! assurément, et de très grand coeur.

MADAME JOURDAIN

Que sa présence me pèse sur les épaules !

DORANTE

Pour moi, je ne regarde rien¹⁸¹ quand il faut servir un ami ; et lorsque vous me fîtes confiance de l'ardeur que vous aviez prise pour cette marquise agréable chez qui j'avais commerce, vous vîtes que d'abord¹⁸² je m'offris de moi-même à servir votre amour.

MONSIEUR JOURDAIN

Il est vrai, ce sont des bontés qui me confondent.

MADAME JOURDAIN

Est-ce qu'il ne s'en ira point ?

NICOLE

Ils se trouvent bien ensemble.

DORANTE

Vous avez pris le bon biais pour toucher son coeur : les femmes aiment surtout les dépenses qu'on fait pour elles ; et vos fréquentes sérénades, et vos bouquets continuels, ce superbe feu d'artifice qu'elle trouva sur l'eau, le diamant qu'elle a reçu de votre part, et le cadeau que vous lui préparez, tout cela lui parle bien mieux en faveur de votre amour que toutes les paroles que vous auriez pu lui dire vous-même.

MONSIEUR JOURDAIN

Il n'y a point de dépenses que je ne fisse, si par là je pouvais trouver le chemin de son coeur. Une femme de qualité a pour moi des charmes ravissants, et c'est un honneur que j'achèterais au prix de toute chose.

MADAME JOURDAIN

Que peuvent-ils tant dire ensemble ? Va-t'en un peu tout doucement prêter l'oreille.

DORANTE

Ce sera tantôt que vous jouirez à votre aise du plaisir de sa vue, et vos yeux auront tout le temps de se satisfaire.

MONSIEUR JOURDAIN

Pour être en pleine liberté, j'ai fait en sorte que ma femme ira dîner chez sa soeur, où elle passera toute l'après-dînée.

DORANTE

Vous avez fait prudemment, et votre femme aurait pu nous embarrasser. J'ai donné pour vous l'ordre qu'il faut au cuisinier, et à toutes les choses qui sont nécessaires pour le ballet. Il est de mon invention ; et pourvu que l'exécution puisse répondre à l'idée¹⁸³, je suis sûr qu'il sera trouvé...

MONSIEUR JOURDAIN

s'aperçoit que Nicole écoute, et lui donne un soufflet

Ouais, vous êtes bien impertinente. Sortons, s'il vous plaît.

Scène 7

MADAME JOURDAIN, NICOLE

NICOLE

Ma foi ! Madame, la curiosité m'a coûté quelque chose ; mais je crois qu'il y a quelque anguille sous roche, et ils parlent de quelque affaire où ils ne veulent pas que vous soyez.

MADAME JOURDAIN

Ce n'est pas d'aujourd'hui, Nicole, que j'ai conçu des soupçons de mon mari. Je suis la plus trompée du monde, ou il y a quelque amour en campagne¹⁸⁴, et je travaille à découvrir ce que ce peut être. Mais

songeons à ma fille¹⁸⁵. Tu sais l'amour que Cléonte a pour elle. C'est un homme qui me revient, et je veux aider sa recherche¹⁸⁶, et lui donner Lucile, si je puis.

NICOLE

En vérité, Madame, je suis la plus ravie du monde de vous voir dans ces sentiments ; car, si le maître vous revient, le valet ne me revient pas moins, et je souhaiterais que notre mariage se pût faire à l'ombre du leur.

MADAME JOURDAIN

Va-t'en lui parler de ma part, et lui dire que tout à l'heure il me vienne trouver, pour faire ensemble à mon mari la demande de ma fille.

NICOLE

J'y cours, Madame, avec joie, et je ne pouvais recevoir une commission plus agréable. Je vais, je pense, bien réjouir les gens.

Scène 8 CLÉONTE, COVIELLE, NICOLE

NICOLE

Ah ! vous voilà tout à propos. Je suis une ambassadrice de joie, et je viens...

CLÉONTE

Retire-toi, perfide, et ne me viens point amuser¹⁸⁷ avec tes traîtresses paroles.

NICOLE

Est-ce ainsi que vous recevez... ?

CLÉONTE

Retire-toi, te dis-je, et va-t'en dire de ce pas à ton infidèle maîtresse qu'elle n'abusera de sa vie le trop simple Cléonte.

NICOLE

Quel vertigo¹⁸⁸ est-ce donc là ? Mon pauvre Covielle, dis-moi un peu ce que cela veut dire.

COVIELLE

Ton pauvre Covielle, petite scélérate ! Allons vite, ôte-toi de mes yeux, vilaine, et me laisse en repos.

NICOLE

Quoi ? tu me viens aussi...

COVIELLE

Ôte-toi de mes yeux, te dis-je, et ne me parle de ta vie.

NICOLE

Ouais ! Quelle mouche les a piqués tous deux ? Allons de cette belle histoire informer ma maîtresse.

Scène 9 CLÉONTE, COVIELLE

CLÉONTE

Quoi ? traiter un amant de la sorte, et un amant le plus fidèle et le plus passionné de tous les amants ?

COVIELLE

C'est une chose épouvantable, que ce qu'on nous fait à tous deux.

CLÉONTE

Je fais voir pour une personne toute l'ardeur et toute la tendresse qu'on peut imaginer ; je n'aime rien au monde qu'elle, et je n'ai qu'elle dans l'esprit ; elle fait tous mes soins¹⁸⁹, tous mes désirs, toute ma joie ; je ne parle que d'elle, je ne pense qu'à elle, je ne fais des songes que d'elle, je ne respire que par elle, mon cœur vit tout en elle : et voilà de tant d'amitié¹⁹⁰ la digne récompense ! Je suis deux jours sans la voir, qui sont pour moi deux siècles effroyables ; je la rencontre par hasard ; mon cœur, à cette vue, se sent tout transporté, ma joie éclate sur mon visage, je vole avec ravissement vers elle ; et l'infidèle détourne de moi ses regards, et passe brusquement, comme si de sa vie elle ne m'avait vu !

COVIELLE

Je dis les mêmes choses que vous.

CLÉONTE

Peut-on voir rien d'égal, Covielle, à cette perfidie de l'ingrate Lucile ?

COVIELLE

Et à celle, Monsieur, de la pendarde¹⁹¹ de Nicole ?

CLÉONTE

Après tant de sacrifices ardents, de soupirs, et de vœux que j'ai faits à ses charmes !

COVIELLE

Après tant d'assidus hommages, de soins et de services que je lui ai rendus dans sa cuisine !

CLÉONTE

Tant de larmes que j'ai versées à ses genoux !

COVIELLE

Tant de seaux d'eau que j'ai tirés au puits pour elle¹⁹² !

CLÉONTE

Tant d'ardeur que j'ai fait paraître à la chérir plus que moi-même !

COVIELLE

Tant de chaleur que j'ai soufferte à tourner la broche à sa place !

CLÉONTE

Elle me fuit avec mépris !

COVIELLE

Elle me tourne le dos avec effronterie !

CLÉONTE

C'est une perfidie digne des plus grands châtiments.

COVIELLE

C'est une trahison à mériter mille soufflets¹⁹³.

CLÉONTE

Ne t'avise point, je te prie, de me parler jamais pour elle.

COVIELLE

Moi, Monsieur ! Dieu m'en garde !

CLÉONTE

Ne viens point m'excuser l'action de cette infidèle.

COVIELLE

N'ayez pas peur.

CLÉONTE

Non, vois-tu, tous tes discours pour la défendre ne serviront de rien.

COVIELLE

Qui songe à cela ?

CLÉONTE

Je veux contre elle conserver mon ressentiment, et rompre ensemble tout commerce¹⁹⁴.

COVIELLE

J'y consens.

CLÉONTE

Ce Monsieur le Comte qui va chez elle lui donne peut-être dans la vue ; et son esprit, je le vois bien, se laisse éblouir à la qualité¹⁹⁵. Mais il me faut, pour mon honneur, prévenir l'éclat de son inconstance¹⁹⁶. Je veux faire autant de pas qu'elle au changement où je la vois courir, et ne lui laisser pas toute la gloire de me quitter.

COVIELLE

C'est fort bien dit, et j'entre pour mon compte¹⁹⁷ dans tous vos sentiments.

CLÉONTE

Donne la main à mon dépit¹⁹⁸, et soutiens ma résolution contre tous les restes d'amour qui me pourraient parler pour elle. Dis-m'en, je t'en conjure, tout le mal que tu pourras ; fais-moi de sa personne une peinture qui me la rende méprisable ; et marque-moi bien, pour m'en dégoûter, tous les défauts que tu peux voir en elle.

COVIELLE

Elle, Monsieur ! voilà une belle mijaurée, une pimpesouée¹⁹⁹ bien bâtie²⁰⁰, pour vous donner tant d'amour ! Je ne lui vois rien que de très médiocre, et vous trouverez cent personnes qui seront plus dignes de vous. Premièrement, elle a les yeux petits.

CLÉONTE

Cela est vrai, elle a les yeux petits ; mais elle les a pleins de feux, les plus brillants, les plus perçants du monde, les plus touchants qu'on puisse voir.

COVIELLE

Elle a la bouche grande²⁰¹.

CLÉONTE

Oui ; mais on y voit des grâces qu'on ne voit point aux autres bouches ; et cette bouche, en la voyant, inspire des désirs, est la plus attrayante, la plus amoureuse du monde.

COVIELLE

Par sa taille, elle n'est pas grande.

CLÉONTE

Non ; mais elle est aisée²⁰² et bien prise.

COVIELLE

Elle affecte une nonchalance dans son parler, et dans ses actions.

CLÉONTE

Il est vrai ; mais elle a grâce à tout cela, et ses manières sont engageantes, ont je ne sais quel charme à s'insinuer dans les coeurs.

COVIELLE

Pour de l'esprit...

CLÉONTE

Ah ! elle en a, Covielle, du plus fin, du plus délicat.

COVIELLE

Sa conversation...

CLÉONTE

Sa conversation est charmante.

COVIELLE

Elle est toujours sérieuse.

CLÉONTE

Veux-tu de ces enjouements épanouis, de ces joies toujours ouvertes ? Et vois-tu rien de plus impertinent que des femmes qui rient à tout propos ?

COVIELLE

Mais enfin elle est capricieuse autant que personne du monde.

CLÉONTE

Oui, elle est capricieuse, j'en demeure d'accord ; mais tout sied bien aux belles, on souffre²⁰³ tout des belles.

COVIELLE

Puisque cela va comme cela, je vois bien que vous avez envie de l'aimer toujours.

CLÉONTE

Moi, j'aimerais mieux mourir ; et je vais la haïr autant que je l'ai aimée.

COVIELLE

Le moyen²⁰⁴, si vous la trouvez si parfaite ?

CLÉONTE

C'est en quoi ma vengeance sera plus éclatante, en quoi je veux faire mieux voir la force de mon cœur à la haïr, à la quitter, toute belle, toute pleine d'attraits, toute aimable que je la trouve. La voici.

Scène 10 ²⁰⁵

CLÉONTE, LUCILE, COVIELLE, NICOLE

NICOLE

Pour moi, j'en ai été toute scandalisée.

LUCILE

Ce ne peut être, Nicole, que ce que je te dis. Mais le voilà.

CLÉONTE

Je ne veux pas seulement lui parler.

COVIELLE

Je veux vous imiter.

LUCILE

Qu'est-ce donc, Cléonte ? qu'avez-vous ?

NICOLE

Qu'as-tu donc, Covielle ?

LUCILE

Quel chagrin vous possède ?

NICOLE

Quelle mauvaise humeur te tient ?

LUCILE

Êtes-vous muet, Cléonte ?

NICOLE

As-tu perdu la parole, Covielle ?

CLÉONTE

Que voilà qui est scélérat !

COVIELLE

Que cela est Judas206 !

LUCILE

Je vois bien que la rencontre de tantôt a troublé votre esprit.

CLÉONTE

Ah ! ah ! on voit ce qu'on a fait.

NICOLE

Notre accueil de ce matin t'a fait prendre la chèvre207.

COVIELLE

On a deviné l'enclouure208.

LUCILE

N'est-il pas vrai, Cléonte, que c'est là le sujet de votre dépit ?

CLÉONTE

Oui, perfide, ce l'est, puisqu'il faut parler ; et j'ai à vous dire que vous ne triompherez pas comme vous pensez de votre infidélité, que je veux être le premier à rompre avec vous, et que vous n'aurez pas l'avantage de me chasser. J'aurai de la peine, sans doute, à vaincre l'amour que j'ai pour vous, cela me causera des chagrins, je souffrirai un temps ; mais j'en viendrai à bout, et je me percerai plutôt le coeur que d'avoir la faiblesse de retourner à vous.

COVIELLE

Queussi, queumi209.

LUCILE

Voilà bien du bruit pour un rien210. Je veux vous dire, Cléonte, le sujet qui m'a fait ce matin éviter votre abord211.

CLÉONTE

Non, je ne veux rien écouter.

NICOLE

Je te veux apprendre la cause qui nous a fait passer si vite.

COVIELLE

Je ne veux rien entendre.

LUCILE

Sachez que ce matin...

CLÉONTE

Non, vous dis-je.

NICOLE

Apprends que...

COVIELLE

Non, traîtresse.

LUCILE

Écoutez.

CLÉONTE

Point d'affaire.

NICOLE

Laisse-moi dire.

COVIELLE

Je suis sourd.

LUCILE

Cléonte !

CLÉONTE

Non.

NICOLE

Covielle.

COVIELLE

Point.

LUCILE

Arrêtez.

CLÉONTE

Chansons.

NICOLE

Entends-moi.

COVIELLE

Bagatelles.

LUCILE

Un moment.

CLÉONTE

Point du tout.

NICOLE

Un peu de patience.

COVIELLE

Tarare²¹².

LUCILE

Deux paroles.

CLÉONTE

Non, c'en est fait.

NICOLE

Un mot.

COVIELLE

Plus de commerce.

LUCILE

Hé bien ! puisque vous ne voulez pas m'écouter, demeurez dans votre pensée, et faites ce qu'il vous plaira.

NICOLE

Puisque tu fais comme cela, prends-le tout comme tu voudras.

CLÉONTE

Sachons donc le sujet d'un si bel accueil.

LUCILE

Il ne me plaît plus de le dire.

COVIELLE

Apprends-nous un peu cette histoire.

NICOLE

Je ne veux plus, moi, te l'apprendre.

CLÉONTE

Dites-moi...

LUCILE

Non, je ne veux rien dire.

COVIELLE

Conte-moi...

NICOLE

Non, je ne conte rien.

CLÉONTE

De grâce.

LUCILE

Non, vous dis-je.

COVIELLE

Par charité.

NICOLE

Point d'affaire.

CLÉONTE

Je vous en prie.

LUCILE

Laissez-moi.

COVIELLE

Je t'en conjure.

NICOLE

Ôte-toi de là.

CLÉONTE

Lucile.

LUCILE

Non.

COVIELLE

Nicole.

NICOLE

Point.

CLÉONTE

Au nom des dieux !

LUCILE

Je ne veux pas.

COVIELLE

Parle-moi.

NICOLE

Point du tout.

CLÉONTE

Éclaircissez mes doutes.

LUCILE

Non, je n'en ferai rien.

COVIELLE

Guéris-moi l'esprit.

NICOLE

Non, il ne me plaît pas.

CLÉONTE

Hé bien ! puisque vous vous souciez si peu de me tirer de peine, et de vous justifier du traitement indigne que vous avez fait à ma flamme, vous me voyez, ingrate, pour la dernière fois, et je vais loin de vous mourir de douleur et d'amour.

COVIELLE

Et moi, je vais suivre ses pas.

LUCILE

Cléonte.

NICOLE

Covielle.

CLÉONTE

Eh ?

COVIELLE

Plaît-il ?

LUCILE

Où allez-vous ?

CLÉONTE

Où je vous ai dit.

COVIELLE

Nous allons mourir.

LUCILE

Vous allez mourir, Cléonte ?

CLÉONTE

Oui, cruelle, puisque vous le voulez.

LUCILE

Moi, je veux que vous mouriez ?

CLÉONTE

Oui, vous le voulez.

LUCILE

Qui vous le dit ?

CLÉONTE

N'est-ce pas le vouloir, que ne vouloir pas éclaircir mes soupçons ?

LUCILE

Est-ce ma faute ? et si vous aviez voulu m'écouter, ne vous aurais-je pas dit que l'aventure dont vous vous plaignez a été causée ce matin par la présence d'une vieille tante, qui veut à toute force que la seule approche d'un homme déshonore une fille, qui perpétuellement nous sermonne sur ce chapitre, et nous figure tous les hommes comme des diables qu'il faut fuir ?

NICOLE

Voilà le secret de l'affaire.

CLÉONTE

Ne me trompez-vous point, Lucile ?

COVIELLE

Ne m'en donnes-tu point à garder²¹³ ?

LUCILE

Il n'est rien de plus vrai.

NICOLE

C'est la chose comme elle est.

COVIELLE

Nous rendrons-nous à cela ?

CLÉONTE

Ah ! Lucile, qu'avec un mot de votre bouche vous savez apaiser de choses dans mon coeur ! et que facilement on se laisse persuader aux personnes qu'on aime !

COVIELLE

Qu'on est aisément amadoué par ces diantres²¹⁴ d'animaux-là !

Scène 11

MADAME JOURDAIN, CLÉONTE, LUCILE, COVIELLE, NICOLE

MADAME JOURDAIN

Je suis bien aise de vous voir, Cléonte, et vous voilà tout à propos. Mon mari vient ; prenez vite votre temps²¹⁵ pour lui demander Lucile en mariage.

CLÉONTE

Ah ! Madame, que cette parole m'est douce, et qu'elle flatte mes désirs ! Pouvais-je recevoir un ordre plus charmant, une faveur plus précieuse ?

Scène 12

MONSIEUR JOURDAIN, MADAME JOURDAIN, CLÉONTE, LUCILE, COVIELLE, NICOLE

CLÉONTE

Monsieur, je n'ai voulu prendre personne pour vous faire une demande que je médite il y a longtemps²¹⁶. Elle me touche assez pour m'en charger moi-même²¹⁷ ; et, sans autre détour, je vous dirai que l'honneur d'être votre gendre est une faveur glorieuse que je vous prie de m'accorder.

MONSIEUR JOURDAIN

Avant que de vous rendre réponse, Monsieur, je vous prie de me dire si vous êtes gentilhomme²¹⁸.

CLÉONTE

Monsieur, la plupart des gens sur cette question n'hésitent pas beaucoup. On tranche le mot aisément. Ce nom ne fait aucun scrupule à prendre, et l'usage aujourd'hui semble en autoriser le vol²¹⁹. Pour moi, je vous avoue, j'ai les sentiments sur cette matière un peu plus délicats ; je trouve que toute imposture est indigne d'un honnête homme²²⁰, et qu'il y a de la lâcheté à déguiser ce que le Ciel nous a fait naître, à se parer aux yeux du monde d'un titre dérobé, à se vouloir donner pour ce qu'on n'est pas. Je suis né de parents, sans doute, qui ont tenu des charges honorables. Je me suis acquis dans les armes²²¹ l'honneur de six ans de services, et je me trouve assez de bien²²² pour tenir dans le monde un rang assez passable. Mais, avec tout cela, je ne veux point me donner un nom où d'autres en ma place croiraient pouvoir prétendre, et je vous dirai franchement que je ne suis point gentilhomme.

MONSIEUR JOURDAIN

Touchez là²²³, Monsieur : ma fille n'est pas pour vous.

CLÉONTE

Comment ?

MONSIEUR JOURDAIN

Vous n'êtes point gentilhomme, vous n'aurez pas ma fille.

MADAME JOURDAIN

Que voulez-vous donc dire avec votre gentilhomme ? est-ce que nous sommes, nous autres, de la côte de saint Louis²²⁴ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous, ma femme : je vous vois venir.

MADAME JOURDAIN

Descendons-nous tous deux que de bonne bourgeoisie ?

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà pas le coup de langue²²⁵ ?

MADAME JOURDAIN

Et votre père n'était-il pas marchand aussi bien que le mien ?

MONSIEUR JOURDAIN

Peste soit de la femme ! Elle n'y a jamais manqué. Si votre père a été marchand, tant pis pour lui ; mais pour le mien, ce sont des malavisés qui disent cela. Tout ce que j'ai à vous dire, moi, c'est que je veux avoir un gendre gentilhomme.

MADAME JOURDAIN

Il faut à votre fille un mari qui lui soit propre²²⁶, et il vaut mieux pour elle un honnête homme riche et bien fait, qu'un gentilhomme gueux et mal bâti²²⁷.

NICOLE

Cela est vrai. Nous avons le fils du gentilhomme de notre village, qui est le plus grand malitorne²²⁸ et le plus sot dadais que j'aie jamais vu.

MONSIEUR JOURDAIN

Taisez-vous, impertinente. Vous vous fourrez toujours dans la conversation. J'ai du bien assez pour ma fille, je n'ai besoin que d'honneur, et je la veux faire marquise²²⁹.

MADAME JOURDAIN

Marquise ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, marquise.

MADAME JOURDAIN

Hélas ! Dieu m'en garde !

MONSIEUR JOURDAIN

C'est une chose que j'ai résolue.

MADAME JOURDAIN

C'est une chose, moi, où je ne consentirai point. Les alliances avec plus grand que soi sont sujettes toujours à de fâcheux inconvénients. Je ne veux point qu'un gendre puisse à ma fille reprocher ses parents, et qu'elle ait des enfants qui aient honte de m'appeler leur grand-maman. S'il fallait qu'elle me vînt visiter en équipage de grand-dame, et qu'elle manquât par mégarde à saluer quelqu'un du quartier, on ne manquerait pas aussitôt de dire cent sottises. « Voyez-vous, dirait-on, cette Madame la Marquise qui fait tant la glorieuse²³⁰ ? c'est la fille de Monsieur Jourdain, qui était trop heureuse, étant petite, de jouer à la madame avec nous. Elle n'a pas toujours été si relevée²³¹ que la voilà, et ses deux grands-pères vendaient du drap auprès de la porte Saint-Innocent²³². Ils ont amassé du bien à leurs enfants, qu'ils payent maintenant peut-être bien cher en l'autre monde, et l'on ne devient guère si riches à être honnêtes gens. » Je ne veux point tous ces caquets et je veux un homme, en un mot, qui m'ait obligation de ma fille, et à qui je puisse dire : « Mettez-vous là, mon gendre, et dînez avec moi. »

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà bien les sentiments d'un petit esprit, de vouloir demeurer toujours dans la bassesse. Ne me répliquez pas davantage : ma fille sera marquise en dépit de tout le monde ; et si vous me mettez en colère, je la ferai duchesse²³³.

MADAME JOURDAIN

Cléonte, ne perdez point courage encore. Suivez-moi, ma fille, et venez dire résolument à votre père que si vous ne l'avez, vous ne voulez épouser personne.

Scène 13

CLÉONTE, COVIELLE

COVIELLE

Vous avez fait de belles affaires avec vos beaux sentiments²³⁴.

CLÉONTE

Que veux-tu ? j'ai un scrupule là-dessus, que l'exemple ne saurait vaincre.

COVIELLE

Vous moquez-vous, de le prendre sérieusement avec un homme comme cela ? Ne voyez-vous pas qu'il est fou ? et vous coûtait-il quelque chose de vous accommoder à ses chimères ?

CLÉONTE

Tu as raison ; mais je ne croyais pas qu'il fallût faire ses preuves de noblesse pour être gendre de Monsieur Jourdain.

COVIELLE

Ha, ha, ha !

CLÉONTE

De quoi ris-tu ?

COVIELLE

D'une pensée qui me vient pour jouer notre homme, et vous faire obtenir ce que vous souhaitez.

CLÉONTE

Comment ?

COVIELLE

L'idée est tout à fait plaisante²³⁵.

CLÉONTE

Quoi donc ?

COVIELLE

Il s'est fait depuis peu une certaine mascarade²³⁶ qui vient²³⁷ le mieux du monde ici, et que je prétends faire entrer dans une bourle²³⁸ que je veux faire à notre ridicule. Tout cela sent un peu sa comédie ; mais avec lui on peut hasarder toute chose, il n'y faut point chercher tant de façons, et il est homme à y jouer son rôle à merveille, à donner aisément dans toutes les fariboles qu'on s'avisera de lui dire. J'ai les acteurs, j'ai les habits tout prêts : laissez-moi faire seulement.

CLÉONTE

Mais apprend-moi...

COVIELLE

Je vais vous instruire de tout. Retirons-nous, le voilà qui revient.²³⁹

Scène 14

MONSIEUR JOURDAIN, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN

Que diable est-ce là ! Ils n'ont rien que les grands seigneurs à me reprocher ; et moi, je ne vois rien de si beau que de hanter²⁴⁰ les grands seigneurs : il n'y a qu'honneur et que civilité avec eux, et je voudrais qu'il m'eût coûté deux doigts de la main, et être né comte ou marquis.

LAQUAIS

Monsieur, voici Monsieur le Comte, et une dame qu'il mène par la main.

MONSIEUR JOURDAIN

Hé mon Dieu ! j'ai quelques ordres à donner. Dis-leur que je vais venir ici tout à l'heure.

Scène 15 DORIMÈNE, DORANTE, LAQUAIS

LAQUAIS

Monsieur dit comme cela qu'il va venir ici tout à l'heure.

DORANTE

Voilà qui est bien.

DORIMÈNE

Je ne sais pas, Dorante, je fais encore ici une étrange démarche, de me laisser amener par vous dans une maison où je ne connais personne.

DORANTE

Quel lieu voulez-vous donc, Madame, que mon amour choisisse pour vous régaler, puisque, pour fuir l'éclat²⁴¹, vous ne voulez ni votre maison, ni la mienne ?

DORIMÈNE

Mais vous ne dites pas que je m'engage insensiblement, chaque jour, à recevoir de trop grands témoignages de votre passion. J'ai beau me défendre des choses, vous fatiguez ma résistance, et vous avez une civile opiniâtreté qui me fait venir doucement à tout ce qu'il vous plaît. Les visites fréquentes ont commencé ; les déclarations sont venues ensuite, qui après elles ont entraîné les sérénades et les cadeaux²⁴² que les présents ont suivis. Je me suis opposée à tout cela, mais vous ne vous rebutez point, et pied à pied vous gagnez mes résolutions. Pour moi, je ne puis plus répondre de rien, et jecrois qu'à la fin vous me ferez venir au mariage, dont je me suis tant éloignée.

DORANTE

Ma foi ! Madame, vous y devriez déjà être. Vous êtes veuve, et ne dépendez que de vous. Je suis maître de moi, et vous aimez plus que ma vie. À quoi tient-il que dès aujourd'hui vous ne fassiez tout mon bonheur ?

DORIMÈNE

Mon Dieu ! Dorante, il faut des deux parts bien des qualités pour vivre heureusement ensemble ; et les deux plus raisonnables personnes du monde ont souvent peine à composer une union dont ils soient satisfaits.

DORANTE

Vous vous moquez, Madame, de vous y figurer tant de difficultés ; et l'expérience que vous avez faite ne conclut rien pour tous les autres.

DORIMÈNE

Enfin, j'en reviens toujours là : les dépenses que je vous vois faire pour moi m'inquiètent par deux raisons : l'une, qu'elles m'engagent plus que je ne voudrais ; et l'autre, que je suis sûre, sans vous déplaire, que vous ne les faites point que vous ne vous incommodiez²⁴³ ; et je ne veux point cela.

DORANTE

Ah ! Madame, ce sont des bagatelles ; et ce n'est pas par là...

DORIMÈNE

Je sais ce que je dis ; et, entre autres, le diamant que vous m'avez forcée à prendre est d'un prix...

DORANTE

Eh ! Madame, de grâce, ne faites point tant valoir une chose que mon amour trouve indigne de vous ; et souffrez... Voici le maître du logis.

Scène 16

MONSIEUR JOURDAIN, DORIMÈNE, DORANTE, LAQUAIS

MONSIEUR JOURDAIN,

après avoir fait deux révérences, se trouvant trop près de Dorimène

Un peu plus loin, Madame.

DORIMÈNE

Comment ?

MONSIEUR JOURDAIN

Un pas, s'il vous plaît.

DORIMÈNE

Quoi donc ?

MONSIEUR JOURDAIN

Reculez un peu, pour la troisième.

DORANTE

Madame, Monsieur Jourdain sait son monde²⁴⁴.

MONSIEUR JOURDAIN

Madame, ce m'est une gloire bien grande de me voir assez fortuné pour être si heureux que d'avoir le bonheur que vous ayez eu la bonté de m'accorder la grâce de me faire l'honneur de m'honorer de la faveur de votre présence ; et si j'avais aussi le mérite pour mériter un mérite comme le vôtre, et que le Ciel... envieux de mon bien... m'eût accordé... l'avantage de me voir digne... des²⁴⁵...

DORANTE

Monsieur Jourdain, en voilà assez : Madame n'aime pas les grands compliments, et elle sait que vous êtes homme d'esprit.

(Bas, à Dorimène.)

C'est un bon bourgeois assez ridicule, comme vous voyez, dans toutes ses manières.

DORIMÈNE

Il n'est pas malaisé de s'en apercevoir.

DORANTE

Madame, voilà le meilleur de mes amis.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est trop d'honneur que vous me faites.

DORANTE

Galant homme tout à fait.

DORIMÈNE

J'ai beaucoup d'estime pour lui.

MONSIEUR JOURDAIN

Je n'ai rien fait encore, Madame, pour mériter cette grâce.

DORANTE,

bas, à Monsieur Jourdain

Prenez garde au moins à ne lui point parler du diamant que vous lui avez donné.

MONSIEUR JOURDAIN

Ne pourrais-je pas seulement lui demander comment elle le trouve ?

DORANTE

Comment ? gardez-vous-en bien : cela serait vilain à vous, et pour agir en galant homme, il faut que vous fassiez comme si ce n'était pas vous qui lui eussiez fait ce présent. Monsieur Jourdain, Madame, dit qu'il est ravi de vous voir chez lui.

DORIMÈNE

Il m'honore beaucoup.

MONSIEUR JOURDAIN

Que je vous suis obligé, Monsieur, de lui parler ainsi pour moi !

DORANTE

J'ai eu une peine effroyable à la faire venir ici.

MONSIEUR JOURDAIN

Je ne sais quelles grâces vous en rendre.

DORANTE

Il dit, Madame, qu'il vous trouve la plus belle personne du monde.

DORIMÈNE

C'est bien de la grâce qu'il me fait.

MONSIEUR JOURDAIN

Madame, c'est vous qui faites les grâces ; et...

DORANTE

Songez à manger.

LAQUAIS

Tout est prêt, Monsieur.

DORANTE

Allons donc nous mettre à table, et qu'on fasse venir les musiciens.

Six cuisiniers, qui ont préparé le festin, dansent ensemble, et font le troisième intermède²⁴⁶ ; après quoi ils apportent une table couverte de plusieurs mets.

Acte IV

Scène première

**DORANTE, DORIMÈNE, MONSIEUR JOURDAIN, DEUX
MUSICIENS, UNE MUSICIENNE,
LAQUAIS**

DORIMÈNE

Comment, Dorante ? voilà un repas tout à fait magnifique !

MONSIEUR JOURDAIN

Vous vous moquez, Madame, et je voudrais qu'il fût plus digne de vous être offert.

Tous se mettent à table.

DORANTE

Monsieur Jourdain a raison, Madame, de parler de la sorte, et il m'oblige de vous faire si bien les honneurs de chez lui. Je demeure d'accord avec lui que le repas n'est pas digne de vous. Comme c'est moi qui l'ai ordonné, et que je n'ai pas sur cette matière les lumières de nos amis, vous n'avez pas ici un repas fort savant, et vous y trouverez des incongruités de bonne chère, et des barbarismes de bon goût²⁴⁷. Si Damis s'en était mêlé, tout serait dans les règles ; il y aurait partout de l'élégance et de l'érudition, et il ne manquerait pas de vous exagérer lui-même toutes les pièces du repas qu'il vous donnerait, et de vous faire tomber d'accord de sa haute capacité dans la science des bons morceaux, de vous parler d'un pain de rive²⁴⁸ à biseau doré, relevé de croûte partout, croquant tendrement sous la dent ; d'un vin à sève veloutée, armé d'un vert²⁴⁹ qui n'est point trop commandant²⁵⁰, d'un carré de mouton gourmandé²⁵¹ de persil ; d'une longe de veau de rivière²⁵², longue comme cela, blanche, délicate, et qui sous les dents est une vraie pâte d'amande ; de perdrix relevées d'un fumet surprenant ; et pour son opéra²⁵³, d'une soupe à bouillon perlé²⁵⁴, soutenue d'un jeune gros dindon cantonné²⁵⁵ de pigeonneaux, et couronnée d'oignons blancs mariés avec la chicorée. Mais pour moi, je vous avoue mon ignorance ; et comme Monsieur Jourdain a fort bien dit, je voudrais que le repas fût plus digne de vous être offert.

DORIMÈNE

Je ne réponds à ce compliment qu'en mangeant comme je fais.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! que voilà de belles mains !

DORIMÈNE

Les mains sont médiocres, Monsieur Jourdain ; mais vous voulez parler du diamant, qui est fort beau²⁵⁶.

MONSIEUR JOURDAIN

Moi, Madame ! Dieu me garde d'en vouloir parler, ce ne serait pas agir en galant homme, et le diamant est fort peu de chose.

DORIMÈNE

Vous êtes bien dégouté.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous avez trop de bonté...

DORANTE

Allons, qu'on donne du vin à Monsieur Jourdain, et à ces messieurs, qui nous feront la grâce de nous chanter un air à boire.

DORIMÈNE

C'est merveilleusement assaisonner la bonne chère que d'y mêler la musique, et je me vois ici admirablement régalée.

MONSIEUR JOURDAIN

Madame, ce n'est pas...

DORANTE

Monsieur Jourdain, prêtons silence à ces messieurs ; ce qu'ils nous diront vaudra mieux que tout ce que nous pourrions dire.

Les musiciens et la musicienne prennent des verres, chantent deux chansons à boire, et sont soutenus de toute la symphonie.

PREMIÈRE CHANSON À BOIRE²⁵⁷

Un petit doigt, Philis, pour commencer le tour.

Ah ! qu'un verre en vos mains a d'agréables charmes !

Vous et le vin, vous vous prêtez des armes,

*Et je sens pour tous deux redoubler mon amour :
Entre lui, vous et moi, jurons, jurons, ma belle,
Une ardeur éternelle.
Qu'en mouillant votre bouche il en reçoit d'attraits,
Et que l'on voit par lui votre bouche embellie !
Ah ! l'un de l'autre, ils me donnent envie,
Et de vous et de lui je m'enivre à longs traits :
Entre lui, vous et moi, jurons, jurons, ma belle,
Une ardeur éternelle.*

SECONDE CHANSON À BOIRE

*Buvons, chers amis, buvons :
Le temps qui fuit nous y convie ;
Profitions de la vie
Autant que nous pouvons.
Quand on a passé l'onde noire²⁵⁸,
Adieu le bon vin, nos amours ;
Dépêchons-nous de boire,
On ne boit pas toujours.
Laissons raisonner les sots
Sur le vrai bonheur de la vie ;
Notre philosophie
Le met parmi les pots.
Les biens, le savoir et la gloire
N'ôtent point les soucis fâcheux,
Et ce n'est qu'à bien boire
Que l'on peut être heureux.
Sus, sus²⁵⁹, du vin partout, versez, garçons, versez,
Versez, versez toujours, tant qu'on vous dise assez.*

DORIMÈNE

Je ne crois pas qu'on puisse mieux chanter, et cela est tout à fait beau.

MONSIEUR JOURDAIN

Je vois encore ici, Madame, quelque chose de plus beau.

DORIMÈNE

Ouais ! Monsieur Jourdain est galant plus que je ne pensais.

DORANTE

Comment, Madame ? pour qui prenez-vous Monsieur Jourdain ?

MONSIEUR JOURDAIN

Je voudrais bien qu'elle me prît pour ce que je dirais !

DORIMÈNE

Encore²⁶⁰ !

DORANTE

Vous ne le connaissez pas.

MONSIEUR JOURDAIN

Elle me connaîtra quand il lui plaira.

DORIMÈNE

Oh ! je le quitte²⁶¹.

DORANTE

Il est homme qui a toujours la riposte en main. Mais vous ne voyez pas que Monsieur Jourdain, Madame, mange tous les morceaux que vous touchez.

DORIMÈNE

Monsieur Jourdain est un homme qui me ravit.

MONSIEUR JOURDAIN

Si je pouvais ravir votre coeur, je serais...

Scène 2

MADAME JOURDAIN, MONSIEUR JOURDAIN, DORIMÈNE, DORANTE, MUSICIENS, MUSICIENNES, LAQUAIS

MADAME JOURDAIN

Ah, ah ! je trouve ici bonne compagnie, et je vois bien qu'on ne m'y attendait pas. C'est donc pour cette belle affaire-ci, Monsieur mon mari, que vous avez eu tant d'empressement à m'envoyer dîner chez ma soeur ? Je viens de voir un théâtre là-bas²⁶², et je vois ici un banquet à faire noces. Voilà comme vous dépensez votre bien, et c'est ainsi que vous festinez²⁶³ les dames en mon absence, et que vous leur donnez la musique et la comédie, tandis que vous m'envoyez promener ?

DORANTE

Que voulez-vous dire, Madame Jourdain ? et quelles fantaisies sont les vôtres, de vous aller mettre en tête que votre mari dépense son bien, et que c'est lui qui donne ce régale²⁶⁴ à Madame ? Apprenez que c'est moi, je vous prie ; qu'il ne fait seulement que me prêter sa maison, et que vous devriez un peu mieux regarder aux choses que vous dites.

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, impertinente, c'est Monsieur le Comte qui donne tout ceci à Madame, qui est une personne de qualité. Il me fait l'honneur de prendre ma maison, et de vouloir que je sois avec lui.

MADAME JOURDAIN

Ce sont des chansons²⁶⁵ que cela : je sais ce que je sais.

DORANTE

Prenez, Madame Jourdain, prenez de meilleures lunettes.

MADAME JOURDAIN

Je n'ai que faire de lunettes, Monsieur, et je vois assez clair ; il y a longtemps que je sens les choses, et je ne suis pas une bête. Cela est fort vilain à vous, pour un grand seigneur, de prêter la main comme vous faites aux sottises de mon mari. Et vous, Madame, pour une grand-dame, cela n'est ni beau ni honnête à vous, de mettre la dissension dans un ménage, et de souffrir que mon mari soit amoureux de vous.

DORIMÈNE

Que veut donc dire tout ceci ? Allez, Dorante, vous vous moquez, de m'exposer aux sottes visions²⁶⁶ de cette extravagante.

DORANTE

Madame, holà ! Madame, où courez-vous ?

MONSIEUR JOURDAIN

Madame ! Monsieur le Comte, faites-lui excuses, et tâchez de la ramener. Ah ! impertinente que vous êtes ! voilà de vos beaux faits ; vous me venez faire des affronts devant tout le monde, et vous chassez de chez moi des personnes de qualité.

MADAME JOURDAIN

Je me moque de leur qualité.

MONSIEUR JOURDAIN

Je ne sais qui me tient²⁶⁷, maudite, que je ne vous fende la tête avec les pièces²⁶⁸ du repas que vous êtes venue troubler.

On ôte la table.

MADAME JOURDAIN,

sortant

Je me moque de cela. Ce sont mes droits que je défends, et j'aurai pour moi toutes les femmes.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous faites bien d'éviter ma colère. Elle est arrivée là bien malheureusement. J'étais en humeur de dire de jolies choses, et jamais je ne m'étais senti tant d'esprit²⁶⁹. Qu'est-ce que c'est que cela ?

Scène 3

COVIELLE, *déguisé*, MONSIEUR JOURDAIN, LAQUAIS

COVIELLE

Monsieur, je ne sais pas si j'ai l'honneur d'être connu de vous.

MONSIEUR JOURDAIN

Non, Monsieur.

COVIELLE

Je vous ai vu que vous n'étiez pas plus grand que cela.

MONSIEUR JOURDAIN

Moi !

COVIELLE

Oui, vous étiez le plus bel enfant du monde, et toutes les dames vous prenaient dans leurs bras pour vous baiser.

MONSIEUR JOURDAIN

Pour me baiser !

COVIELLE

Oui. J'étais grand ami de feu Monsieur votre père.

MONSIEUR JOURDAIN

De feu Monsieur mon père !

COVIELLE

Oui. C'était un fort honnête gentilhomme.

MONSIEUR JOURDAIN

Comment dites-vous ?

COVIELLE

Je dis que c'était un fort honnête gentilhomme.

MONSIEUR JOURDAIN

Mon père !

COVIELLE

Oui.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous l'avez fort connu ?

COVIELLE

Assurément.

MONSIEUR JOURDAIN

Et vous l'avez connu pour gentilhomme ?

COVIELLE

Sans doute.

MONSIEUR JOURDAIN

Je ne sais donc pas comment le monde est fait.

COVIELLE

Comment ?

MONSIEUR JOURDAIN

Il y a de sottes gens qui me veulent dire qu'il a été marchand.

COVIELLE

Lui, marchand ! C'est pure médisance, il ne l'a jamais été. Tout ce qu'il faisait, c'est qu'il était fort obligeant, fort officieux ; et comme il se connaissait fort bien en étoffes, il en allait choisir de tous les côtés, les faisait apporter chez lui, et en donnait à ses amis pour de l'argent.

MONSIEUR JOURDAIN

Je suis ravi de vous connaître, afin que vous rendiez ce témoignage-là, que mon père était gentilhomme.

COVIELLE

Je le soutiendrai devant tout le monde.

MONSIEUR JOURDAIN

Vous m'obligerez. Quel sujet vous amène ?

COVIELLE

Depuis avoir connu feu Monsieur votre père, honnête gentilhomme, comme je vous ai dit, j'ai voyagé par tout le monde.

MONSIEUR JOURDAIN

Par tout le monde !

COVIELLE

Oui.

MONSIEUR JOURDAIN

Je pense qu'il y a bien loin en ce pays-là.

COVIELLE

Assurément. Je ne suis revenu de tous mes longs voyages que depuis quatre jours ; et par l'intérêt que je prends à tout ce qui vous touche, je viens vous annoncer la meilleure nouvelle du monde.

MONSIEUR JOURDAIN

Quelle ?

COVIELLE

Vous savez que le fils du Grand Turc²⁷⁰ est ici ?

MONSIEUR JOURDAIN

Moi ? Non.

COVIELLE

Comment ? il a un train²⁷¹ tout à fait magnifique ; tout le monde le va voir, et il a été reçu en ce pays comme un seigneur d'importance.

MONSIEUR JOURDAIN

Par ma foi ! je ne savais pas cela.

COVIELLE

Ce qu'il y a d'avantageux pour vous, c'est qu'il est amoureux de votre fille.

MONSIEUR JOURDAIN

Le fils du Grand Turc ?

COVIELLE

Oui ; et il veut être votre gendre.

MONSIEUR JOURDAIN

Mon gendre, le fils du Grand Turc !

COVIELLE

Le fils du Grand Turc, votre gendre. Comme je le fus voir, et que j'entends parfaitement sa langue, il s'entretint avec moi ; et, après quelques autres discours, il me dit : « *Acciam croc soler ouch alla moustaph gidelum amanahem varahini oussere carbulath ?* », c'est-à-dire : « N'as-tu point vu une jeune belle personne, qui est la fille de Monsieur Jourdain, gentilhomme parisien ? »

MONSIEUR JOURDAIN

Le fils du Grand Turc dit cela de moi ?

COVIELLE

Oui. Comme je lui eus répondu que je vous connaissais particulièrement, et que j'avais vu votre fille : « Ah ! me dit-il, *marababa sahem* » ; c'est-à-dire : « Ah ! que je suis amoureux d'elle²⁷² ! »

MONSIEUR JOURDAIN

Marababa sahem veut dire : « Ah ! que je suis amoureux d'elle » ?

COVIELLE

Oui.

MONSIEUR JOURDAIN

Par ma foi ! vous faites bien de me le dire, car pour moi je n'aurais jamais cru que *marababa sahem* eût voulu dire : « Ah ! que je suis amoureux d'elle ! » Voilà une langue admirable que ce turc !

COVIELLE

Plus admirable qu'on ne peut croire. Savez-vous bien ce que veut dire *cacaracamouchen* ?

MONSIEUR JOURDAIN

Cacaracamouchen ? Non.

COVIELLE

C'est-à-dire : « Ma chère âme ».

MONSIEUR JOURDAIN

Cacaracamouchen veut dire : « Ma chère âme » ?

COVIELLE

Oui.

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà qui est merveilleux ! *Cacaracamouchen*, « Ma chère âme ». Dirait-on jamais cela ? Voilà qui me confond.

COVIELLE

Enfin, pour achever mon ambassade, il vient vous demander votre fille en mariage ; et pour avoir un beau-père qui soit digne de lui, il veut vous faire *Mamamouchi*²⁷³, qui est une certaine grande dignité de son pays.

MONSIEUR JOURDAIN

Mamamouchi ?

COVIELLE

Oui. *Mamamouchi* ; c'est-à-dire, en notre langue, Paladin. Paladin, ce sont de ces anciens... Paladin enfin. Il n'y a rien de plus noble que cela dans le monde, et vous irez de pair avec les plus grands seigneurs de la terre.

MONSIEUR JOURDAIN

Le fils du Grand Turc m'honore beaucoup, et je vous prie de me mener chez lui pour lui en faire mes remerciements.

COVIELLE

Comment ? le voilà qui va venir ici.

MONSIEUR JOURDAIN

Il va venir ici ?

COVIELLE

Oui ; et il amène toutes choses pour la cérémonie de votre dignité.

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà qui est bien prompt.

COVIELLE

Son amour ne peut souffrir aucun retardement.

MONSIEUR JOURDAIN

Tout ce qui m'embarrasse ici, c'est que ma fille est une opiniâtre, qui s'est allée mettre dans la tête un certain Cléonte, et elle jure de n'épouser personne que celui-là.

COVIELLE

Elle changera de sentiment quand elle verra le fils du Grand Turc ; et puis il se rencontre ici une aventure merveilleuse, c'est que le fils du Grand Turc ressemble à ce Cléonte, à peu de chose près. Je viens de le voir, on me l'a montré ; et l'amour qu'elle a pour l'un pourra passer aisément à l'autre, et...

Je l'entends venir : le voilà.

Scène 4

CLÉONTE, en Turc, avec trois pages portant sa veste, MONSIEUR JOURDAIN, COVIELLE, déguisé

CLÉONTE

*Ambousahim oqui boraf, Iordina salamalequi*²⁷⁴.

COVIELLE

C'est-à-dire : « Monsieur Jourdain, votre coeur soit toute l'année comme un rosier fleuri. » Ce sont façons de parler obligeantes de ces pays-là.

MONSIEUR JOURDAIN

Je suis très humble serviteur de Son Altesse Turque.

COVIELLE

Carigar camboto oustin moraf.

CLÉONTE

Oustin yoc catamalequi basum base alla moran.

COVIELLE

Il dit : « Que le Ciel vous donne la force des lions et la prudence des serpents ! »

MONSIEUR JOURDAIN

Son Altesse Turque m'honore trop, et je lui souhaite toutes sortes de prospérités.

COVIELLE

Ossa binamen sadoc babally oracaf ouram.

CLÉONTE

*Bel-men*²⁷⁵.

COVIELLE

Il dit que vous alliez vite avec lui vous préparer pour la cérémonie, afin de voir ensuite votre fille, et de conclure le mariage.

MONSIEUR JOURDAIN

Tant de choses en deux mots ?

COVIELLE

Oui, la langue turque est comme cela, elle dit beaucoup en peu de paroles. Allez vite où il souhaite.

Scène 5 DORANTE, COVIELLE

COVIELLE

Ha, ha, ha ! Ma foi ! cela est tout à fait drôle. Quelle dupe ! Quand il aurait appris son rôle par coeur, il ne pourrait pas le mieux jouer. Ha, ha ! Je vous prie, Monsieur, de nous vouloir aider céans, dans une affaire qui s'y passe.

DORANTE

Ah, ah, Covielle, qui t'aurait reconnu ? Comme te voilà ajusté !

COVIELLE

Vous voyez. Ha, ha !

DORANTE

De quoi ris-tu ?

COVIELLE

D'une chose, Monsieur, qui le mérite bien.

DORANTE

Comment ?

COVIELLE

Je vous le donnerais en bien des fois, Monsieur, à deviner le stratagème dont nous nous servons auprès de Monsieur Jourdain, pour porter son esprit à donner sa fille à mon maître.

DORANTE

Je ne devine point le stratagème, mais je devine qu'il ne manquera pas de faire son effet, puisque tu l'entreprends.

COVIELLE

Je sais, Monsieur, que la bête vous est connue.

DORANTE

Apprends-moi ce que c'est.

COVIELLE

Prenez la peine de vous tirer un peu plus loin, pour faire place à ce que j'aperçois venir. Vous pourrez voir une partie de l'histoire, tandis que je vous conterai le reste. *La cérémonie turque pour ennoblir le Bourgeois se fait en danse et en musique, et compose le quatrième intermède. Le Mufti*²⁷⁶, quatre dervis²⁷⁷, six Turcs dansants, six Turcs musiciens, et autres joueurs d'instruments à la turque, sont les acteurs de cette cérémonie. Le Mufti invoque Mahomet avec les douze Turcs et les quatre dervis ; après on lui amène le Bourgeois, vêtu à la turque, sans turban et sans sabre, auquel il chante ces paroles²⁷⁸

:

LE MUFTI

Se ti sabir,

*Ti respondir ;
Se non sabir,
Tazir, tazir.
Mi star Mufti,
Ti qui star ti ?
Non intendir :
Tazir, tazir*²⁷⁹.

Le Mufti demande, en même langue, aux Turcs assistants de quelle religion est le Bourgeois, et ils l'assurent qu'il est mahométan. Le Mufti invoque Mahomet en langue franque, et chante les paroles qui suivent :

LE MUFTI

*Mahametta per Giourdina
Mi pregar sera é mattina :
Voler far un Paladina
Dé Giourdina, dé Giourdina.
Dar turbanta, é dar scarcina,
Con galera é brigantina,
Per deffender Palestina,
Mahametta, etc.*

Le Mufti demande aux Turcs si le Bourgeois sera ferme dans la religion mahométane, et leur chante ces paroles :

LE MUFTI

Star bon Turca Giourdina ?

LES TURCS

Hi valla.

LE MUFTI

danse et chante ces mots:

Hu la ba ba la chou ba la ba ba la da.

Les Turcs répondent les mêmes vers.

Le Mufti propose de donner le turban au Bourgeois, et chante les paroles qui suivent :

LE MUFTI

Ti non star furba ?

LES TURCS

No, no, no.

LE MUFTI

Non star furfanta ?

LES TURCS

No, no, no.

LE MUFTI

Donar turbanta, donar turbanta.

Les Turcs répètent tout ce qu'a dit le Mufti pour donner le turban au Bourgeois. Le Mufti et les dervis se coiffent avec des turbans de cérémonie ; et l'on présente au Mufti l'Alcoran²⁸⁰, qui fait une seconde invocation avec tout le reste des Turcs assistants ; après son invocation, il donne au Bourgeois l'épée, et chante ces paroles :

LE MUFTI

Ti star nobilé, é non star fabbola.

Pigliar schiabbola.

Les Turcs répètent les mêmes vers, mettant tous le sabre à la main, et six d'entre eux dansent autour du Bourgeois, auquel ils feignent de donner plusieurs coups de sabre. Le Mufti commande aux Turcs de bâtonner le Bourgeois, et chante les paroles qui suivent :

LE MUFTI

Dara, dara,

Bastonnara, bastonnara.

Les Turcs répètent les mêmes vers, et lui donnent plusieurs coups de bâton en cadence.

Le Mufti, après l'avoir fait bâtonner, lui dit en chantant :

LE MUFTI

Non tener honta :

Questa star ultima affronta.

Les Turcs répètent les mêmes vers.

Le Mufti recommence une invocation et se retire après la cérémonie avec tous les Turcs, en dansant et chantant avec plusieurs instruments à la turquesque.

Acte V Scène première MADAME JOURDAIN, MONSIEUR JOURDAIN

MADAME JOURDAIN

Ah mon Dieu ! miséricorde ! Qu'est-ce que c'est donc que cela ? Quelle figure²⁸¹ ! Est-ce un momon²⁸² que vous allez porter ; et est-il temps d'aller en masque ? Parlez donc, qu'est-ce que c'est que ceci ? Qui vous a fagoté comme cela ?

MONSIEUR JOURDAIN

Voyez l'impertinente, de parler de la sorte à un *Mamamouchi* !

MADAME JOURDAIN

Comment donc ?

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, il me faut porter du respect maintenant, et l'on vient de me faire *Mamamouchi*.

MADAME JOURDAIN

Que voulez-vous dire avec votre *Mamamouchi* ?

MONSIEUR JOURDAIN

Mamamouchi, vous dis-je. Je suis *Mamamouchi*.

MADAME JOURDAIN

Quelle bête est-ce là ?

MONSIEUR JOURDAIN

Mamamouchi, c'est-à-dire, en notre langue, Paladin.

MADAME JOURDAIN

Baladin ! Êtes-vous en âge de danser des ballets ?

MONSIEUR JOURDAIN

Quelle ignorante ! Je dis Paladin ; c'est une dignité dont on vient de me faire la cérémonie.

MADAME JOURDAIN

Quelle cérémonie donc ?

MONSIEUR JOURDAIN

Mahameta per Jordina.

MADAME JOURDAIN

Qu'est-ce que cela veut dire ?

MONSIEUR JOURDAIN

Jordina, c'est-à-dire Jourdain.

MADAME JOURDAIN

Hé bien ! quoi, Jourdain ?

MONSIEUR JOURDAIN

Voler far un Paladina de Jordina.

MADAME JOURDAIN

Comment ?

MONSIEUR JOURDAIN

Dar turbanta con galera.

MADAME JOURDAIN

Qu'est-ce à dire cela ?

MONSIEUR JOURDAIN

Per deffender Palestina.

MADAME JOURDAIN

Que voulez-vous donc dire ?

MONSIEUR JOURDAIN

Dara dara bastonnara.

MADAME JOURDAIN

Qu'est-ce donc que ce jargon-là ?

MONSIEUR JOURDAIN

Non tener honta : questa star l'ultima affronta.

MADAME JOURDAIN

Qu'est-ce que c'est donc que tout cela ?

MONSIEUR JOURDAIN

danse et chante

*Hou la ba ba la chou ba la ba ba la da*²⁸³.

MADAME JOURDAIN

Hélas, mon Dieu ! mon mari est devenu fou.

MONSIEUR JOURDAIN,

sortant

Paix ! insolente, portez respect à Monsieur le *Mamamouchi*.

MADAME JOURDAIN

Où est-ce qu'il a donc perdu l'esprit ? Courons l'empêcher de sortir. Ah, ah,voici justement le reste de notre écu²⁸⁴. Je ne vois que chagrin de tous les côtés.

Elle sort.

Scène 2 DORANTE, DORIMÈNE

DORANTE

Oui, Madame, vous verrez la plus plaisante²⁸⁵ chose qu'on puisse voir ; et je ne crois pas que dans tout le monde il soit possible de trouver encore un homme aussi fou que celui-là. Et puis, Madame, il faut tâcher de servir l'amour de Cléonte, et d'appuyer toute sa mascarade : c'est un fort galant homme, et qui mérite que l'on s'intéresse pour lui.

DORIMÈNE

J'en fais beaucoup de cas, et il est digne d'une bonne fortune.

DORANTE

Outre cela, nous avons ici, Madame, un ballet qui nous revient, que nous ne devons pas laisser perdre, et il faut bien voir si mon idée pourra réussir.

DORIMÈNE

J'ai vu là des apprêts magnifiques²⁸⁶, et ce sont des choses, Dorante, que je ne puis plus souffrir. Oui, je veux enfin vous empêcher vos profusions²⁸⁷ ; et, pour rompre le cours à toutes les dépenses que je vous vois faire pour moi, j'ai résolu de me marier promptement avec vous : c'en est le vrai secret²⁸⁸, et toutes ces choses finissent avec le mariage.

DORANTE

Ah, Madame, est-il possible que vous ayez pu prendre pour moi une si douce résolution ?

DORIMÈNE

Ce n'est que pour vous empêcher de vous ruiner ; et, sans cela, je vois bien qu'avant qu'il fût peu, vous n'auriez pas un sou.

DORANTE

Que j'ai d'obligation, Madame, aux soins que vous avez de conserver mon bien ! Il est entièrement à vous, aussi bien que mon coeur, et vous en userez de la façon qu'il vous plaira.

DORIMÈNE

J'userai bien de tous les deux. Mais voici votre homme ; la figure²⁸⁹ en est admirable.

Scène 3

MONSIEUR JOURDAIN, DORANTE, DORIMÈNE

DORANTE

Monsieur, nous venons rendre hommage, Madame et moi, à votre nouvelle dignité, et nous réjouir avec vous du mariage que vous faites de votre fille avec le fils du Grand Turc.

MONSIEUR JOURDAIN,

après avoir fait les révérences à la turque

Monsieur, je vous souhaite la force des serpents et la prudence des lions.

DORIMÈNE

J'ai été bien aise d'être des premières, Monsieur, à venir vous féliciter du haut degré de gloire où vous êtes monté.

MONSIEUR JOURDAIN

Madame, je vous souhaite toute l'année votre rosier fleuri²⁹⁰ ; je vous suis infiniment obligé de prendre part aux honneurs qui m'arrivent, et j'ai beaucoup de joie de vous voir revenue ici pour vous faire les très humbles excuses de l'extravagance de ma femme.

DORIMÈNE

Cela n'est rien, j'excuse en elle un pareil mouvement ; votre coeur lui doit être précieux, et il n'est pas étrange que la possession d'un homme comme vous puisse inspirer quelques alarmes.

MONSIEUR JOURDAIN

La possession de mon coeur est une chose qui vous est tout acquise.

DORANTE

Vous voyez, Madame, que Monsieur Jourdain n'est pas de ces gens que les prospérités aveuglent, et qu'il sait, dans sa gloire, connaître encore ses amis.

DORIMÈNE

C'est la marque d'une âme tout à fait généreuse.

DORANTE

Où est donc Son Altesse Turque ? Nous voudrions bien, comme vos amis, lui rendre nos devoirs.

MONSIEUR JOURDAIN

Le voilà qui vient, et j'ai envoyé quérir ma fille pour lui donner la main²⁹¹.

Scène 4

CLÉONTE, COVIELLE, MONSIEUR JOURDAIN, DORIMÈNE, DORANTE

DORANTE

Monsieur, nous venons faire la révérence à Votre Altesse, comme amis de Monsieur votre beau-père, et l'assurer avec respect de nos très humbles services.

MONSIEUR JOURDAIN

Où est le truchement²⁹² pour lui dire qui vous êtes, et lui faire entendre ce que vous dites ? Vous verrez qu'il vous répondra, et il parle turc à merveille. Holà ! où diantre²⁹³ est-il allé ?

(À Cléonte.)

Strouf, strif, strof, straf. Monsieur est un *grande Segnore, grande Segnore, grande Segnore* ; et Madame une *granda Dama, granda Dama. Ahi*, lui,

Monsieur, lui *Mamamouchi* français, et Madame *Mamamouchie* française :

je ne puis pas parler plus clairement. Bon, voici l'interprète. Où allez-vous donc ? nous ne saurions rien dire sans vous. Dites-lui un peu que Monsieur et Madame sont des personnes de grande qualité²⁹⁴, qui lui viennent faire la révérence, comme mes amis, et l'assurer de leurs services. Vous allez voir comme il va répondre.

COVIELLE

Alabala crociam acci boram alabamen.

CLÉONTE

Catalequi tubal ourin soter amalouchan.

MONSIEUR JOURDAIN

Voyez-vous ?

COVIELLE

Il dit : Que la pluie des prospérités arrose en tout temps le jardin de votre famille !

MONSIEUR JOURDAIN

Je vous l'avais bien dit, qu'il parle turc.

DORANTE

Cela est admirable.

Scène 5

LUCILE, MONSIEUR JOURDAIN, DORANTE, DORIMÈNE, CLÉONTE, COVIELLE

MONSIEUR JOURDAIN

Venez, ma fille, approchez-vous et venez donner votre main à Monsieur, qui vous fait l'honneur de vous demander en mariage.

LUCILE

Comment, mon père, comme vous voilà fait ! est-ce une comédie que vous jouez ?

MONSIEUR JOURDAIN

Non, non, ce n'est pas une comédie, c'est une affaire sérieuse, et la plus pleine d'honneur pour vous qui se peut souhaiter. Voilà le mari que je vous donne.

LUCILE

À moi, mon père !

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, à vous : allons, touchez-lui dans la main, et rendez grâce au Ciel de votre bonheur.

LUCILE

Je ne veux point me marier.

MONSIEUR JOURDAIN

Je le veux, moi qui suis votre père.

LUCILE

Je n'en ferai rien.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! que de bruit ! Allons, vous dis-je. Ça, votre main.

LUCILE

Non, mon père, je vous l'ai dit, il n'est point de pouvoir qui me puisse obliger de prendre un autre mari que Cléonte ; et je me résoudrai plutôt à toutes les extrémités, que de...

(Reconnaissant Cléonte.)

Il est vrai que vous êtes mon père, je vous dois entière obéissance, et c'est à vous à disposer de moi selon vos volontés.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! je suis ravi de vous voir si promptement revenue dans votre devoir, et voilà qui me plaît, d'avoir une fille obéissante.

Scène 6

MADAME JOURDAIN, MONSIEUR JOURDAIN, CLÉONTE, LUCILE, DORANTE, DORIMÈNE, COVIELLE

MADAME JOURDAIN

Comment donc ? qu'est-ce que ceci ? On dit que vous voulez donner votre fille en mariage à un carême-prenant²⁹⁵ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Voulez-vous vous taire, impertinente ? Vous venez toujours mêler vos extravagances à toutes choses, et il n'y a pas moyen de vous apprendre à être raisonnable.

MADAME JOURDAIN

C'est vous qu'il n'y a pas moyen de rendre sage, et vous allez de folie en folie. Quel est votre dessein, et que voulez-vous faire avec cet assemblage²⁹⁶ ?

MONSIEUR JOURDAIN

Je veux marier notre fille avec le fils du Grand Turc.

MADAME JOURDAIN

Avec le fils du Grand Turc !

MONSIEUR JOURDAIN

Oui, faites-lui faire vos compliments par le truchement que voilà.

MADAME JOURDAIN

Je n'ai que faire du truchement, et je lui dirai bien moi-même à son nez qu'il n'aura point ma fille.

MONSIEUR JOURDAIN

Voulez-vous vous taire, encore une fois ?

DORANTE

Comment, Madame Jourdain, vous vous opposez à un bonheur comme celui-là ? Vous refusez Son Altesse Turque pour gendre ?

MADAME JOURDAIN

Mon Dieu, Monsieur, mêlez-vous de vos affaires.

DORIMÈNE

C'est une grande gloire, qui n'est pas à rejeter.

MADAME JOURDAIN

Madame, je vous prie aussi de ne vous point embarrasser de ce qui ne vous touche²⁹⁷ pas.

DORANTE

C'est l'amitié que nous avons pour vous qui nous fait intéresser dans vos avantages²⁹⁸.

MADAME JOURDAIN

Je me passerai bien de votre amitié.

DORANTE

Voilà votre fille qui consent aux volontés de son père.

MADAME JOURDAIN

Ma fille consent à épouser un Turc ?

DORANTE

Sans doute.

MADAME JOURDAIN

Elle peut oublier Cléonte ?

DORANTE

Que ne fait-on pas pour être grand-dame ?

MADAME JOURDAIN

Je l'étranglerais de mes mains, si elle avait fait un coup comme celui-là.

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà bien du caquet²⁹⁹. Je vous dis que ce mariage-là se fera.

MADAME JOURDAIN

Je vous dis, moi, qu'il ne se fera point.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! que de bruit !

LUCILE

Ma mère.

MADAME JOURDAIN

Allez, vous êtes une coquine.

MONSIEUR JOURDAIN

Quoi ? vous la querellez de ce qu'elle m'obéit ?

MADAME JOURDAIN

Oui ; elle est à moi aussi bien qu'à vous.

COVIELLE

Madame.

MADAME JOURDAIN

Que me voulez-vous conter, vous ?

COVIELLE

Un mot.

MADAME JOURDAIN

Je n'ai que faire de votre mot.

COVIELLE,

à Monsieur Jourdain

Monsieur, si elle veut écouter une parole en particulier, je vous promets de la faire consentir à ce que vous voulez.

MADAME JOURDAIN

Je n'y consentirai point.

COVIELLE

Écoutez-moi seulement.

MADAME JOURDAIN

Non.

MONSIEUR JOURDAIN

Écoutez-le.

MADAME JOURDAIN

Non, je ne veux pas écouter.

MONSIEUR JOURDAIN

Il vous dira...

MADAME JOURDAIN

Je ne veux point qu'il me dise rien.

MONSIEUR JOURDAIN

Voilà une grande obstination de femme ! Cela vous fera-t-il mal de l'entendre ?

COVIELLE

Ne faites que m'écouter ; vous ferez après ce qu'il vous plaira.

MADAME JOURDAIN

Hé bien ! quoi ?

COVIELLE,

à part

Il y a une heure, Madame, que nous vous faisons signe. Ne voyez-vous pas bien que tout ceci n'est fait que pour nous ajuster aux visions de votre mari, que nous l'abusons sous ce déguisement, et que c'est Cléonte lui-même qui est le fils du Grand Turc ?

MADAME JOURDAIN

Ah ! ah !

COVIELLE

Et moi Covielle qui suis le truchement ?

MADAME JOURDAIN

Ah ! comme cela, je me rends.

COVIELLE

Ne faites pas semblant de rien³⁰⁰.

MADAME JOURDAIN

Oui, voilà qui est fait, je consens au mariage.

MONSIEUR JOURDAIN

Ah ! voilà tout le monde raisonnable³⁰¹. Vous ne vouliez pas l'écouter. Je savais bien qu'il vous expliquerait ce que c'est que le fils du Grand Turc.

MADAME JOURDAIN

Il me l'a expliqué comme il faut, et j'en suis satisfaite. Envoyons quérir un notaire.

DORANTE

C'est fort bien dit. Et afin, Madame Jourdain, que vous puissiez avoir l'esprit tout à fait content, et que vous perdiez aujourd'hui toute la jalousie que vous pourriez avoir conçue de Monsieur votre mari, c'est que nous nous servirons du même notaire pour nous marier, Madame et moi.

MADAME JOURDAIN

Je consens aussi à cela.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est pour lui faire accroire³⁰².

DORANTE

Il faut bien l'amuser avec cette feinte.

MONSIEUR JOURDAIN

Bon, bon. Qu'on aille vite quérir le notaire.

DORANTE

Tandis qu'il viendra, et qu'il dressera les contrats, voyons notre ballet, et donnons-en le divertissement à Son Altesse turque.

MONSIEUR JOURDAIN

C'est fort bien avisé : allons prendre nos places.

MADAME JOURDAIN

Et Nicole ?

MONSIEUR JOURDAIN

Je la donne au truchement ; et ma femme à qui la voudra.

COVIELLE

Monsieur, je vous remercie. Si l'on en peut voir un plus fou, je l'irai dire à Rome³⁰³.

La comédie finit par un petit ballet qui avait été préparé.

FIN

Première entrée³⁰⁴

Dialogue des gens qui en musique demandent des livres

Un homme vient donner les livres³⁰⁵ du ballet, qui d'abord est fatigué³⁰⁶ par une multitude de gens de provinces différentes, qui crient en musique pour en avoir, et par trois importuns, qu'il trouve toujours sur ses pas³⁰⁷.

TOUS

À moi, Monsieur, à moi de grâce, à moi, Monsieur :

Un livre, s'il vous plaît, à votre serviteur.

HOMME DU BEL AIR³⁰⁸

Monsieur, distinguez-nous parmi les gens qui crient.

Quelques livres ici, les Dames vous en prient.

AUTRE HOMME DU BEL AIR

Holà ! Monsieur, Monsieur, ayez la charité

D'en jeter de notre côté.

FEMME DU BEL AIR

Mon Dieu ! qu'aux personnes bien faites

On sait peu rendre honneur céans[309](#).

AUTRE FEMME DU BEL AIR

Ils n'ont des livres et des bancs

Que pour Mesdames les grisettes[310](#).

GASCON

Aho ! l'homme aux libres, qu'on m'en vaille !

J'ai déjà lé poumon usé.

Bous boyez qué chacun mé raille ;

Et jé suis scandalisé

De boir és mains[311](#) *dé la canaille*

Cé qui m'est par bous refusé.

AUTRE GASCON

Eh cadédis ! Monseu, boyez qui l'on pût estre :

Un libret, je bous prie, au varon d'Asbarat.

Jé pense, mordy, qué lé fat

N'a pas l'honnur dé mé connoistre.

LE SUISSE

Mon'-sieur le donneur de papier,

Que veul dir sty façon de fifre ?

Moy l'écorchair tout mon gosieir

A crieir,

Sans que je pouvre afoir ein lifre :

Pardy, mon foy ! Mon'-sieur, je pense fous l'estre ifre.

VIEUX BOURGEOIS BABILLARD

De tout ceci, franc et net,

Je suis mal satisfait.

Et cela sans doute est laid,

Que notre fille,

Si bien faite et si gentille,

De tant d'amoureux l'objet,

N'ait pas à son souhait

Un livre de ballet,

Pour lire le sujet

Du divertissement qu'on fait,

Et que toute notre famille

Si proprement s'habille,

Pour être placée au sommet

De la salle[312](#), *où l'on met*

Les gens de Lantriguet[313](#) :

De tout ceci, franc et net,

Je suis mal satisfait,

Et cela sans doute est laid.

VIEILLE BOURGEOISE BABILLARDE

Il est vrai que c'est une honte,

*Le sang au visage me monte,
Et ce jeteur de vers qui manque au capital*³¹⁴
*L'entend fort mal ;
C'est un brutal,
Un vrai cheval,
Franc animal,
De faire si peu de compte
D'une fille qui fait l'ornement principal
Du quartier du Palais-Royal*³¹⁵,
*Et que ces jours passés un comte
Fut prendre la première au bal.
Il l'entend mal ;
C'est un brutal,
Un vrai cheval,
Franc animal.*

HOMMES ET FEMMES DU BEL AIR

*Ah ! quel bruit !
Quel fracas !
Quel chaos !
Quel mélange !
Quelle confusion !
Quelle cohue étrange !
Quel désordre !
Quel embarras !
On y sèche.
L'on n'y tient pas.*

GASCON

Bentré ! jé suis à vout.

AUTRE GASCON

J'enrage, Diou mé damme !

SUISSE

Ah que ly faire saif dans sty sal de cians !

GASCON

Jé murs.

AUTRE GASCON

*Jé perds la tramontane*³¹⁶.

SUISSE

Mon foy ! moy le foudrois estre hors de dedans.

VIEUX BOURGEOIS BABILLARD

*Allons, ma mie,
Suivez mes pas,
Je vous en prie,
Et ne me quittez pas :
On fait de nous trop peu de cas,
Et je suis las
De ce tracas :
Tout ce fatras,*

*Cet embarras
Me pèse par trop sur les bras,
S'il me prend jamais envie
De retourner de ma vie
À ballet ni comédie,
Je veux bien qu'on m'estropie.
Allons, ma mie,
Suivez mes pas,
Je vous en prie,
Et ne me quittez pas :
On fait de nous trop peu de cas.*
VIEILLE BOURGEOISE BABILLARDE

*Allons, mon mignon, mon fils,
Regagnons notre logis,
Et sortons de ce taudis,
Où l'on ne peut être assis :
Ils seront bien ébaubis³¹⁷
Quand ils nous verront partis,
Trop de confusion règne dans cette salle,
Et j'aimerais mieux être au milieu de la Halle.
Si jamais je reviens à semblable régale³¹⁸,
Je veux bien recevoir des soufflets plus de six.
Allons, mon mignon, mon fils,
Regagnons notre logis,
Et sortons de ce taudis,
Où l'on ne peut être assis.*

TOUS

*À moi, Monsieur; à moi de grâce, à moi, Monsieur :
Un livre s'il vous plaît, à votre serviteur.*

Seconde entrée

LES TROIS IMPORTUNS dansent.

Troisième entrée

TROIS ESPAGNOLS chantent :

*Sé que me muero de amor,
Y solicito el dolor.
Aun muriendo de querer,
De tan buen ayre adolezco,
Que es mas de lo que padezco
Lo que quiero padecer,
Y no pudiendo exceder
A mi deseo el rigor.
Sé que me muero de amor,
Y solicito el dolor.
Lisonxeame la suerte
Con piedad tan advertida,
Que me asegura la vida
En el riesgo de la muerte.*

Vivir de su golpe fuerte

Es de mi salud primor.

Sé que, etc.[319](#).

TROIS MUSICIENS ESPAGNOLS

Ay ! que locura, con tanto rigor[320](#)

Quexarse de Amor,

Del niño bonito

Que todo es dulçura !

Ay ! que locura !

Ay ! que locura[321](#) !

ESPAGNOLS,

chantant

El dolor solicita

El que al dolor se da ;

Y nadie de amor muere,

Sino quien no save amar[322](#).

DEUX ESPAGNOLS

Dulce muerte es el amor

Con correspondencia yqual ;

Y si ésta gozamos o,

Porque la quieres turbar[323](#) ?

UN ESPAGNOL

Alegrese enamorado[324](#),

Y tome mi parecer ;

Que en esto de querer,

Todo es hallar el vado[325](#).

TOUS TROIS

ensemble

Vaya, vaya de fiestas !

Vaya de vayle !

Alegria, alegria, alegria !

Que esto de dolor es fantasia[326](#).

Quatrième entrée

ITALIENS

UNE MUSICIENNE ITALIENNE

fait le premier récit,

dont voici les paroles :

Di rigori armata il seno,

Contro amor mi ribellai ;

Ma fui vinta in un baleno

In mirar duo vaghi rai ;

Ahi ! che resiste puoco

Cor di gelo a stral di fuoco !

Ma sì caro è'l mio tormento,

Dolce è sí la piaga mia,

Ch'il penare è'l mio contento,

E'l sanarmi è tirannia,

*Ahi ! che più giova e piace,
Quanto amor è piu vivace*³²⁷ !
*Après l'air que la musicienne a chanté, deux Scaramouches, deux
Trivelins, et un Arlequin*³²⁸ *représentent une nuit*³²⁹ *à la manière des
comédiens italiens, en cadence.*

*Un musicien italien se joint à la musicienne italienne, et chante avec
elle les paroles qui suivent :*

LE MUSICIEN ITALIEN

*Bel tempo che vola
Rapisce il contento ;
D'Amor nella scola
Si coglie il momento*³³⁰.

LA MUSICIENNE

*Insin che florida
Ride l'età,
Che pur tropp' orrida
Da noi sen vâ*³³¹,

TOUS DEUX

*Sù cantiamo,
Sù godiamo
Nébei dí di gioventù :
Perduto ben non si racquista più*³³².

MUSICIEN

*Pupilla che vaga
Mill' alme incatena ;
Fà dolce la piaga,
Felice la pena*³³³.

MUSICIENNE

*Ma poiche frigida
Langue l'età,
Più l'alma rigida
Fiamme non ha*³³⁴.

TOUS DEUX

*Sù cantiamo, etc.*³³⁵.
*Après le dialogue italien, les Scaramouches et Trivelins dansent une
réjouissance*³³⁶.

Cinquième entrée

FRANÇAIS

PREMIER MENUET ³³⁷ DEUX MUSICIENS POITEVINS

dansent et chantent les paroles qui suivent :

*Ah ! qu'il fait beau dans ces bocages !
Ah ! que le Ciel donne un beau jour !*

AUTRE MUSICIEN

*Le rossignol, sous ces tendres feuillages,
Chante aux échos son doux retour :
Ce beau séjour,
Ces doux ramages,*

Ce beau séjour

Nous invite à l'amour.

SECOND MENUET

TOUS DEUX

ensemble

Vois, ma Climène,

Vois sous ce chêne

S'entre-baiser ces oiseaux amoureux ;

Ils n'ont rien dans leurs vœux

Qui les gêne ;

De leurs doux feux

Leur âme est pleine.

Qu'ils sont heureux !

Nous pouvons tous deux,

Si tu le veux,

Être comme eux.

Six autres Français viennent après, vêtus galamment³³⁸ à la poitevine,

trois en hommes et trois en femmes, accompagnés de huit flûtes et de

hautbois, et dansent les menuets.

Sixième entrée

Tout cela finit par le mélange des trois nations, et les

applaudissements en danse et en musique de toute l'assistance, qui

chante les deux vers qui suivent :

Quels spectacles charmants, quels plaisirs goûtons-nous !

Les dieux mêmes, les dieux n'en ont point de plus doux.

Letters from Vincennes

By

Thomas D. Le

The Big and Not-So-Big Questions

Time (continued)

Mind, Consciousness, Brain (continued)

Let's continue our fascinating journey of exploration starting where we left off in the last segment, even to the point of reviewing and, if needed, clarifying concepts already encountered.

Origins of Life

It is impossible to know how life began on Earth since no one was there to witness it. However, a number of scientists from different disciplines have been hard at work in their efforts to penetrate the mystery. Sciences like cosmology, astronomy, especially astrobiology, paleontology, chemistry, physics, biology, their sub-disciplines, laboratory experiments, and some other fields of investigation like philosophy and theology help scientists to formulate ever-increasingly refined, and plausible hypotheses over time. Philosophy with its stock in trade of asking perspicacious questions about anything that exists and doesn't exist helps guide directions of inquiry, all the while providing a healthy dose of questioning and skepticism. Even theology plays a helpful role in considering challenging questions beyond science.

Between cosmology and astronomy we know when and how the universe began, and what elements that make up all living and non-living things on Earth were formed. As the late famous astronomer Carl Sagan, whose 1980 TV series *Cosmos: A Personal Voyage* on PBS was watched by 500 million people in 60 countries, said dramatically, "We are made of star-stuff," (or more dramatically "star-dust"), linking humans with the cosmos because the atoms of carbon, oxygen, hydrogen, nitrogen, and so on contained in humans (and all living things) were formed in stars billions of years ago.

Paleontologists discover traces of ancient things ranging from fossilized amoebae to fossilized dinosaurs, and with the insight of the geologists and geoscientists, are able to fix tentative dates when, and the putative places where life first appeared. Chemists, together with anatomists and physiologists, describe the first level of organization of humans in chemical elements, especially the six so-called biogenic chemicals, CHONSP (carbon, hydrogen, oxygen, nitrogen, sulfur and phosphorus, the first four of which compose about 95% of the mass of animals and plants), and show that metabolism, indispensable for life, consists of chemical processes that create a need to acquire energy (anabolism), and to spend that energy (catabolism) to maintain and reproduce life. Physicists offer explanatory adequacy for atoms of elements, their particles, volume, movement,

pressure, temperature, energy, entropy, and much much more that are the signs of life within human bodies. Biologists, especially biochemists, try to find out the transition from chemistry to life by, among other things, laboratory experiments designed to create organic matter (life) and evolutionary processes out of inorganic compounds, and hopefully bridge the gap between chemistry and biology. The question of the origins of life is a crucial one as humans always yearn to know where they came from so they could make sense of life out of the welter of other questions besetting their daily lives.

In short, the question of origins of life requires a multi-disciplinary approach. To the cliché. “It takes a village to raise a child,” I beg to add very foolishly as a non-specialist, “It takes the whole world of researchers from many branches of knowledge to penetrate the enigma of life.” If I am not mistaken, Schrödinger and Roger Penrose believed physics and chemistry are enough, presumably because life is governed by the law of physics and chemistry. Are we close to a definitive answer about the origins of life? If history is any indication, I think the jury is still out on this score. But being human, researchers keep on researching.

Many hypotheses have been advanced over the centuries since Aristotle to explain the origins of life, essentially to bridge the gap between chemistry and biology. In the beginning when Earth was formed, there were just chemicals, volcanic eruptions, asteroids, water (from Earth itself and brought over by asteroids), fire, and lightning. Then the earth became habitable for life about three to four billions years ago.

I have time for just a few hypotheses and experiments, deemed sufficient to give enough incentive for you to explore further.

1. Spontaneous generation (in Wikipedia)

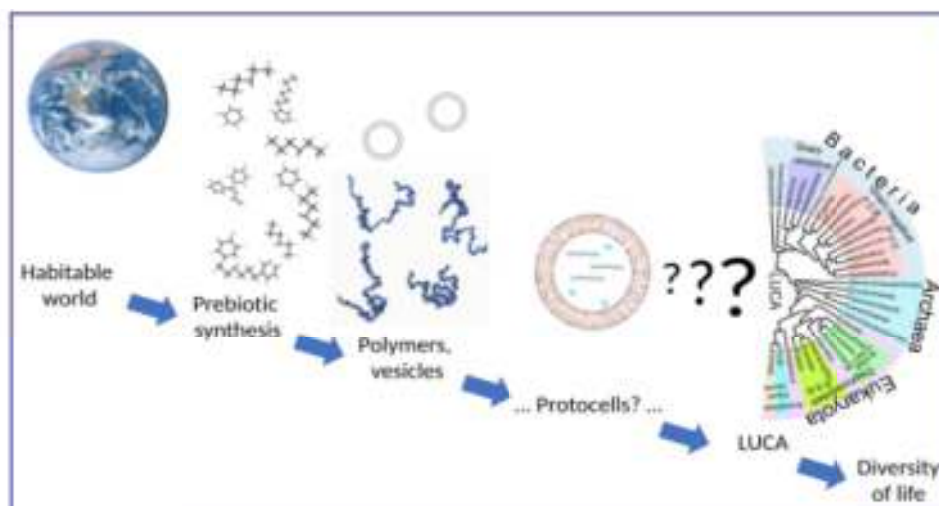
"Spontaneous generation" means both the supposed processes by which different types of life might repeatedly emerge from specific sources other than seeds, eggs, or parents, and the theoretical principles presented in support of any such phenomena. Crucial to this doctrine are the ideas that life comes from non-life and that no causal agent, such as a parent, is needed. Supposed examples included the seasonal generation of mice and other animals from the mud of the Nile, the emergence of fleas from inanimate matter such as dust, or the appearance of maggots in dead flesh.[2][3] Such ideas have something in common with the modern hypothesis of the origin of life, which asserts that life emerged some four billion years ago from non-living materials, over a time span of millions of years, and subsequently diversified into all the forms that now exist.[4][5]

The term *equivocal generation*, sometimes known as *heterogenesis* or *xenogenesis*, describes the supposed process by which one form of life arises from a different, unrelated form, such as tapeworms from the bodies of their hosts.[6][7] (Description Section, para. 1)

The idea is that life sprang from inanimate matter spontaneously without aid from any other agencies. This hypothesis of spontaneous generation was debunked over time. First, the Italian physician Francesco Redi (1668) showed that maggots did not spring from rotten meat but from flies. Then, the Italian biologist Lazzaro Spallanzani (1768) conducted experiments that showed that no microbial growth occurred in boiled broth contained in sealed jars, but it occurred in jars open to the air. Finally, in a similar experiment the French chemist Louis Pasteur (1962) used open flasks with long S-shaped neck. Then he boiled the broth in the flask to sterilize it. It remained clear, uncontaminated for long

periods because the dust and microorganisms in the air were trapped in the walls of the long curved neck. It did not take long after he broke the neck when the broth became cloudy with microbial contamination. He famously stated, "*Omne vivum ex vivo*" (life only comes from life), thus refuting spontaneous generation. Of course he did not touch the origins of life at all.

2. Abiogenesis (in Wikipedia)



Stages in the origin of life range from the well understood, such as the habitable Earth and the abiotic synthesis of simple molecules, to the largely unknown, like the derivation of the last universal common ancestor (LUCA) with its complex molecular functionalities.[1]

Abiogenesis, at times referred to as biopoesis, is the natural process by which life arises from non-living matter, such as simple organic compounds. The prevailing scientific hypothesis is that the transition from non-living to living entities on Earth was not a single event, but a process of increasing complexity involving the formation of a habitable planet, the prebiotic synthesis of organic molecules, molecular self-replication, self-assembly, autocatalysis, and the emergence of cell membranes. The transition from non-life to life has not been observed experimentally, but many proposals have been made for different stages of the process.

The study of abiogenesis aims to determine how pre-life chemical reactions gave rise to life under conditions strikingly different from those on Earth today. It uses tools from biology and chemistry, attempting a synthesis of many sciences. Life functions through the chemistry of carbon and water, and builds on four chemical families: lipids for cell membranes, carbohydrates such as sugars, amino acids for protein metabolism, and the nucleic acids DNA and RNA for heredity. A theory of abiogenesis must explain the origins and interactions of these classes of molecules.

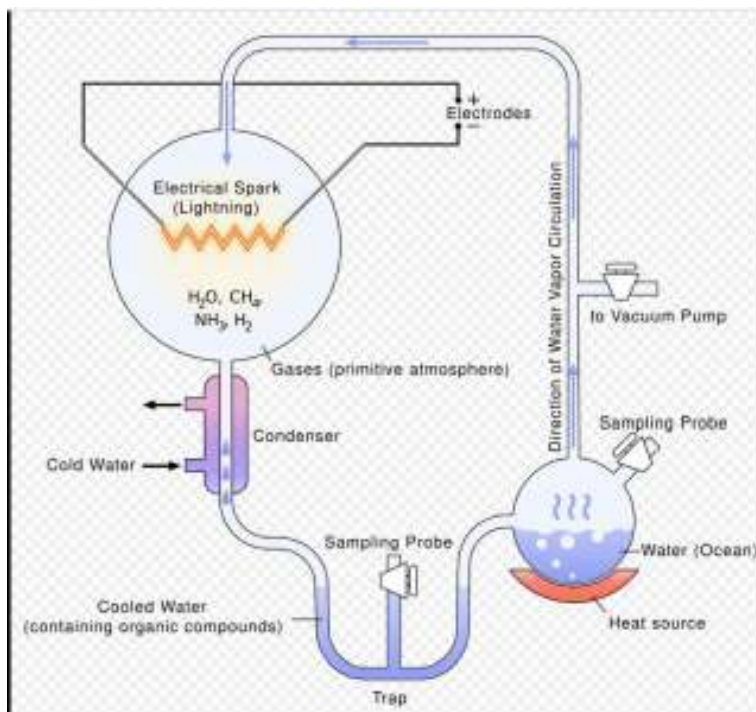
Many approaches investigate how self-replicating molecules came into existence. Researchers think that life descends from an RNA world, although other self-replicating and self-catalyzing molecules may have preceded RNA. Other approaches ("metabolism-first" hypotheses) focus

on how catalysis on the early Earth might have provided the precursor molecules for self-replication. The 1952 Miller–Urey experiment demonstrated that amino acids can be synthesized from inorganic compounds under conditions like early Earth's. Subsequently, amino acids have been found in meteorites, comets, asteroids, and star-forming regions of space. (paras. 1, 2 and 3).

If amino acids, which forms protein, are “found in meteorites, comets, asteroids, and star-forming regions of space,” they must originate from inorganic elements.

3. Miller-Urey experiment: Laboratory experiments that create amino acids from inorganic molecules (in Wikipedia)

Notable among the experiments carried out by scientists was the Miller-Urey experiment designed to show that organic compounds could be synthesized from inorganic molecules. As the Wikipedia article bearing the title *Miller-Urey experiment* describes it, “The experiment used methane (CH_4), ammonia (NH_3), hydrogen (H_2), in ratio 2:2:1[3], and water (H_2O). Applying an electric arc (simulating lightning) resulted in the production of amino acids.” (para. 1)



The Miller–Urey experiment was a synthesis of small organic molecules in a mixture of simple gases in a thermal gradient created by heating (right) and cooling (left) the mixture at the same time, with electrical discharges. (Wikipedia, The Miller–Urey experiment, para. 1)

As can be seen, amino acids are organic compounds. They were also found in comets, asteroids, and meteorites. They are the building blocks of proteins. Although 500 amino acids have been described, only 22 are identified as proteinogenic, i.e. as protein-building, precursors to proteins, (hence supporting life). “In 1902, Emil Fischer and Franz Hofmeister independently proposed that proteins are formed from many amino acids.” (*Wikipedia*, Amino acid, History section, para. 2).

4. Smith, R,(2022). *Extraterrestrial amino acids fall to Earth*.



Tarda meteorite

In Smith, R,(2022). *Extraterrestrial amino acids fall to Earth*, North Carolina Museum of Natural Sciences

According to the article, above is a meteorite resulting from a meteor falling to Earth on August 25, 2020, over the Moroccan Sahara near the village of Tarda, creating a trailing fireball. As it exploded, pieces of the rock that survived the journey were collected. The above Tarda meteorite is being studied by Dr. Rachel Smith of the North Carolina Museum of Natural Sciences. The Tarda meteorite contains amino acids and is believed to be very ancient probably 4 1/2 billion years old and originating from the asteroid belt between Mars and Jupiter or even beyond in the ice-rich comets of the Kuiper belt. The presence of amino acids that have survived billions of years in space points to the possible extraterrestrial origins of life.

Erwin Schrödinger, What Is life?

A Nobel laureate, physicist Erwin Schrödinger of Schrödinger's Cat fame was concerned enough with the question of life to author a short book growing out of his public lectures. He argued that physics and chemistry cannot now account for what happens in space and time in living organisms. (Schrödinger 1944)

The large and important and very much discussed question is: How can the events in space and time which take place within the spatial boundary of a living organism be accounted for by physics and chemistry?

The preliminary answer which this little book will endeavour to expound and establish can be summarized as follows:

The obvious inability of present-day physics and chemistry to account for such events is no reason at all for doubting that they can be accounted for by those sciences. (p. 6)

In other words, Schrödinger hasn't lost hope that physics and chemistry should be sufficient to solve the mystery of life (*with some concession to biology*-addition mine). The next section, as if he wanted to make the point, was titled *Statistical Physics*.

What is *Statistical Physics*?

It is not immediately clear to a non-specialist what Statistical Physics means. I know that statistics involves probability, and probability entails uncertainty and/or randomness. At first I could not but question what on earth probability is doing in physics. In classical physics one talks about accuracy and precision in all measurements. And the law of physics (the maths thereof) had better be precise or else we could not launch rockets to build the International Space Station, nor retrieve the astronauts living there. Then I remember that I was talking about classical (Newtonian) physics, which is very successful in dealing with macrostructures. But the realm of the very small entities like atoms, particles and electrons, one needs quantum physics, where uncertainty and probability reign. Biology certainly deals with microstructures such as cells and tissues. Certain cells are in the micron (one-millionth of a meter ($1\text{ }\mu\text{m}=10^{-6}\text{ m}$; $1\text{ }\mu\text{m}$ equals 10 to the negative 6 power m; $1\text{ }\mu\text{m}=10^{-6}\text{ m}$)) range while an egg yolk is one cell, and a human ovum is huge relatively the sperm that fertilizes it (see the figure in the frontispiece).

1. *Wikipedia. Statistical mechanics. (2025). (redirected from Statistical Physics.)*

In physics, statistical mechanics is a mathematical framework that applies statistical methods and probability theory to large assemblies of microscopic entities. Sometimes called statistical physics or statistical thermodynamics, its applications include many problems in a wide variety of fields such as biology,[1] neuroscience,[2] computer science,[3][4] information theory[5] and sociology.[6] Its main purpose is to clarify the properties of matter in aggregate, in terms of physical laws governing atomic motion.[7][8] (para. 1)

2. **The Schrödinger term *Statistical Physics* needs explaining.** As he put it, "the laws of physics and chemistry are statistical throughout." (p. 7). What did Schrödinger mean by "the laws of physics and chemistry are statistical throughout"? Below is the Google AI's reply:

What did Schrödinger mean by "the laws of physics and chemistry are statistical throughout"?

Erwin Schrödinger meant that the seemingly deterministic, reliable laws we observe in the macroscopic world emerge from the average behavior of enormous numbers of microscopic particles that individually behave according to probabilistic (statistical) rules.

In his influential 1944 book *What Is Life?*, Schrödinger explained this concept in the context of biology to highlight a crucial difference in the "statistical structure" of living matter compared to non-living matter that physicists had traditionally studied.

Key aspects of his meaning include:

- **Emergence of Order from Disorder:** Macroscopic physical laws (like the gas laws or thermodynamics) are not fundamentally deterministic in a classical sense. Instead, their high degree of predictability is a result of dealing with such vast numbers of atoms and molecules that individual random fluctuations average out.

- **The Role of Probability in the Microscopic World:** At the atomic and subatomic levels (quantum mechanics), events are governed by probability. We cannot predict the exact outcome of a single quantum event, only the probability of different outcomes.

- **The $1/\sqrt{n}$ Law:** Schrödinger pointed to the statistical

$1/\sqrt{n}$ / the square root of n end-root

$1/\sqrt{n}$ law, where " n " is the number of co-operating molecules. This means the relative error or fluctuation in a physical process decreases as the number of particles involved increases. For typical non-living matter (with a huge ' n '), the fluctuations are negligible, and the laws appear deterministic. (1)

- **Life as "Order from Order":** The core of Schrödinger's argument was that living organisms, particularly their genetic material, operate differently. Life depends on a relatively small number of atoms arranged in a highly specific, aperiodic structure (what we now know as DNA). The stability and function of this genetic code cannot rely purely on the "order from disorder" principles of equilibrium statistical mechanics. This suggested that a "new type of physical law" (later understood as the principles of information storage in an aperiodic crystal) must be at play in living systems, allowing for precise, non-statistical mechanisms to control development and function.

In essence, the phrase served to underscore the unique physical challenge posed by life's highly ordered, information-rich structure in a universe largely governed by the statistical tendency towards disorder (entropy).

(1) The relative statistical uncertainty in quantities like the energy and the number of particles is usually inversely proportional to the square root of the number of particles. If this uncertainty (or error, addition mine) is much smaller than the experimental resolution, it can be neglected. This leads to

thermodynamics, which is a description of the macroscopic properties that ignores small statistical fluctuations.

Schrödinger further elaborated:

For it is in relation to the statistical point of view that the structure of the vital parts of living organisms differs so entirely from that of any piece of matter that we physicists and chemists have ever handled physically in our laboratories or mentally at our writing desks. It is well-nigh unthinkable that the laws and regularities thus discovered should happen to apply immediately to the behaviour of systems which do not exhibit the structure on which those laws and regularities are based. (p.7)

Paul Nurse, What Is Life?

British geneticist, Professor of Biology, winner of 2001 Nobel Prize in Physiology or Medicine along with two other scientists according to Wikipedia, Paul Nurse characterized life in five ideas, in his book, *What Is Life? Understand Biology in Five Steps*. In its introduction, he declared that as a biologist he shied away from grand theories about life unlike physicists, owing to the astonishing diversity of life forms. Instead he proposed investigating five areas of biology, which he believed can provide an insightful look at the gap between chemistry and biology.

This volume is quite interesting in that the author approached the subject not with definitions or theories, but with questions along five dimensions on biology. We shall see what they are in the next segment. This promises to be quite exciting and fascinating. Stay tuned.

(To be continued.)

YouTube Videos

1. What Is Life? [https://www.youtube.com/watch?v= uAJY1mgtw4&t=19s](https://www.youtube.com/watch?v=uAJY1mgtw4&t=19s)

**2. Where Did Life Come From? (feat. PBS Space Time and Eons!)
[https://www.youtube.com/watch?v= uAJY1mgtw4&t=19s](https://www.youtube.com/watch?v=uAJY1mgtw4&t=19s)**

**3. How Did Life Begin? From Primordial Soup to DNA | Terra Sense
<https://www.youtube.com/watch?v=C04xourfjsE>**

**4. The Origins of Life on Earth How Chemistry Became Biology
[The Origins of Life on Earth How Chemistry Became Biology](#)**

Readings

1. Life in the universe. <https://www.hawking.org.uk/in-words/lectures/life-in-the-universe>

2. Making headway with the mysteries of life's origins
<https://www.pnas.org/doi/epdf/10.1073/pnas.2105383118>

Thomas D. Le
16 November 2025

Bibliography for This Segment of LFV

Abiogenesis (2025, November 4). In *Wikipedia*. Retrieved November 4, 2025 from
<https://en.wikipedia.org/wiki/Abiogenesis>

Amino acids (2025, October 15). In *Wikipedia*. Retrieved November 8, 2025 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Amino_acid

Anthony, C.P. (1975). *Textbook of Anatomy and Physiology. Ninth Ed.* [eBook edition]. Lippincott Williams & Wilkins. Retrieved September 18, 2025 from
<https://z-library.sk/book/72266317/a506e1/textbook-of-anatomy-and-physiology-ninth-edition.html>

Anthony, C.P. & Kolthoff, N.J.(1975). *Textbook of Anatomy and Physiology.* [eBook edition]. The C. V. Mosby Company .Retrieved September 18, 2025 from
https://welib.org/slow_download/2825ac092949d9328300f3a8358636e9/0/0

Ball, P. (2023). *How Life Works: A User's Guide to The New Biology.* [eBook edition] The University of Chicago Press. Retrieved October 11, 2025 from
<https://z-library.sk/book/26795935/52331a/how-life-works-a-users-guide-to-the-new-biology-2023.html?dsorce=recommend>

Bhuiyan, P.S., Rajgopal, L. & Shyamkishore, K. (eds) (2018). *Inderbir Singh's Textbook of Human Neuroanatomy (Fundamental and Clinical), tenth ed.*[eBook edition] The Health Sciences Publisher, Retrieved October 5, 2025 from
https://welib.org/slow_download/fb6f5cbe75179db1519d11c6c5871640/0/0

Cowen, R. (2005, orig, 1990). *History of life 4th ed.* [eBook edition] Blackwell Publishing Ltd. Retrieved October 23, 2025 from
<https://epdf.pub/queue/history-of-life.html>

- Gartner, L. P., Hiatt, J.I. & Strum, J. M. (2008). *BRS Cell biology and histology*. —[eBook edition]. Lippincott Williams & Wilkins. Retrieved September 18, 2025 from <https://epdf.pub/brs-cell-biology-amp-histology-6th-editionf448d83a9198049cde754353b7d3cf9e7553.html>
- Goodsell, D.S. (2009). *The Machinery of Life. Second Edition*. [eBook edition]. Elsevier .Retrieved October 8, 2025 from <https://z-library.sk/book/678638/789bd8/the-machinery-of-life.html?dsouce=recommend>
- Guénault, T. (2007, orig. 1988). *Statistical Physics, Second Revised and Enlarged Edition*. [eBook edition]. Springer. Retrieved October 19, 2025 from <https://epdf.pub/statistical-physics1a6c91b80f33a8b8c92b09647ac5127d28745.html>
- Heisenberg, W. (1958). *Science and Philosophy*. [eBook edition]. Harper & Brothers Publishers. Retrieved October 11, 2025 from <https://z-library.sk/book/14162433/4f57a8/physics-and-philosophy.html?dsouce=recommend>
- History of life (2025,). In *Wikipedia*. Retrieved October 23, 2025 from https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_life
- Huang, K.(2001). *Introduction to Statistical Physics*. [eBook edition]. Taylor & Francis. Retrieved October 19, 2025 from <https://epdf.pub/introduction-to-statistical-physics.html>
- Karp, G. (2010). *Molecular Biology: Concepts and Experiments 6th ed*. [eBook edition]. John Wiley & Sons, Inc.. Retrieved September 21, 2025 from <https://epdf.pub/queue/cell-and-molecular-biology-concepts-and-experiments.html>
- Khurana, I. & Khurana, A. (2012, orig,2006), *Textbook of Medical Physiology. 2nd ed..* [eBook edition]. Elsevier.. Retrieved September 28, 2025 from <https://pdfroom.com/books/textbook-of-medical-physiology/bG5wQBmlgq4/download>
- Lapres, L., Gunstream,S. & Benson, H.J. (2018),*Anatomy & Physiology Laboratory Textbook, Essentials Version. 7th Ed*. [eBook edition].McGraw-Hill Higher Education. Retrieved September 21, 2025 from <https://welib.org/md5/942ba69df2a1fe439708f8efcaa54c69>
- Lodish,H., Berc,A.,Krieger, M., Scott, M.P., Bretscher, A., Ploegh, H. & Matsudaira, P. (2008, orig, 1986) *Molecular Cell Biology, 6th ed*. [eBook edition].W.H. Freeman and Company, Retrieved September 24, 2025 from <https://pdfroom.com/books/molecular-cell-biology-lodish-5th-ed/jN2R0y7VdvW/download>
- Losch, A. (ed) (2017) *What is Life? On Earth And Beyond*. [eBook edition]. Cambridge University Press Retrieved October 5, 2025 from

<https://z-library.sk/book/5322249/23ac19/what-is-life-on-earth-and-beyond.html?dsource=recommend>

Luisi, P.L. & Chiarabelli, C. (2011). *Chemical synthetic biology*. [eBook edition]. John Wiley & Sons, Ltd. Retrieved September 18, 2025 from https://welib.org/slow_download/fd99f843bb2412cc02a668d694c90c53/0/0

Lurquin, P.F.(2008).*The origins of life and the universe*. [eBook edition]. Columbia University Press Retrieved November 5, 2025 from <https://epdf.pub/the-origins-of-life-and-the-universe5b38215a7d0b8e9f9568099720737ee28420.html>

Margulis, Lynn, & Sagan, D. (2000. orig. 1995) *What is life?* [eBook edition] University of California Press. Retrieved October 3, 2025 from

Martini, F., Nath.J.L. & Bartholomew,E.F. (2012) *Fundamentals of Anatomy & Physiology, 9th Ed.* [eBook edition].Pearson Benjamin Cummings,. Retrieved September 21, 2025 from <https://epdf.pub/fundamentals-of-anatomy-amp-physiology-9th-editiond91591256b9137262fc36ae5f40070de59320.html>

McGuinness, H. (2007), *Anatomy & physiology, therapy basics, 4th ed.* [eBook edition]. Retrieved September 21, 2025 from <https://epdf.pub/anatomy-amp-physiology-therapy-basics.html>

Miller-Urey experiment. (2025, November 6) In *Wikipedia*. Retrieved November 6, 2025 from https://en.wikipedia.org/wiki/Miller%E2%80%93Urey_experiment

Murphy, M.P. & O'Neill, L.A.J(). *What is Life? The Next Fifty Years: Speculations on the Future of Biology*. [eBook edition]. Retrieved October 8, 2025 from <https://z-library.sk/book/810152/326779/what-is-life-the-next-fifty-years-speculations-on-the-future-of-biology.html?dsource=recommend>

Nagel, Thomas. (2012). *Conception of Nature Is Almost Certainly False*. [eBook edition]. Oxford University Press Retrieved November 8, 2025 from <https://epdf.pub/mind-and-cosmos-why-the-materialist-neo-darwinian-conception-of-nature-is-almost.html>

Nurse ,P. (2020). *What is Life? – Understand Biology in Five Steps* [eBook edition]. David Fickling Books. Retrieved October 8, 2025 from <https://z-library.sk/book/5750225/6235ed/what-is-life.html>

Phelan, J, (2015, orig.2010). *What Is Life? A Guide to Biology, 3rd ed.* [eBook edition].W.H. Freeman and Company. Retrieved October 5, 2025 from https://welib.org/slow_download/3a9d93319edc25858e4a74f9e8f941a8/0/0

- Pross, A. (2012) *What is Life?:How Chemistry becomes Biology* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 2, 2025 from <https://z-library.sk/book/2361719/70a2bd/what-is-life-how-chemistry-becomes-biology-2012.html?dsourc=recommend>
- Rasmussen,S., Bedau,M. A., Chen,L., Deamer,D., Krakauer,D.C., Packard, N.H. & Stadler,P.F. (eds) (2009). *Protocells*, [eBook edition].The MIT Press. Retrieved November 4, 2025 from 10¹¹
- Rauchfussm H. (2008). *Chemical Evolution and the Origin of Life*. [eBook edition]. Springer-Verlag, Retrieved November 4, 2025 from <https://epdf.pub/queue/chemical-evolution-and-the-origin-of-lifeb1e6683375e3ea9e8ebb245490396a3013729.html>
- Rizzo, D.C.(2016, orig 2000). *Fundamentals of Anatomy and Physiology*, 4th ed.. [eBook edition]. Cengage Learning. Retrieved September 23 2025 from https://welib.org/slow_download/3daff01b690a5e4bade8605f74fef58d/0/0
- Ross, M. H. & Wojciech, P. (2011 orig. 1985). *Histology: a text and atlas: with correlated cell and molecular biology.—6th ed.* [eBook edition]. Lippincott Williams & Wilkins. Retrieved September 18, 2025 from https://welib.org/slow_download/0caf696674681bb148f085b67eab49a8/0/0
- Scanlon, V.A. & Sanders, T. (2007). *Essentials of Anatomy and Physiology* 5th ed, [eBook edition]. F.A Davis. Retrieved September 28, 2025 from <https://epdf.pub/queue/essentials-of-anatomy-and-physiology.html>
- Schrödinger, E. (1944). *What is Life?* [eBook edition].McGraw-Hill Higher Education. Retrieved September 21, 2025 <https://welib.org/search?page=1&q=What+is+life+ Schrödinger>
- Shier, D., Butler,J. & Lewis, R.(2010, orig. 2002). *Hole's human anatomy & physiology.12th ed.* [eBook edition].McGraw-Hill Higher Education. Retrieved September 21, 2025 from <https://epdf.pub/holes-human-anatomy-amp-physiology-twelfth-edition-pdf-5eccf1af32fde.html>
- Smith, R,(2022). *Extraterrestrial amino acids fall to Earth*, [eBook edition]. Retrieved November 8, 2025 from <https://naturalsciences.org/calendar/news/extraterrestrial-amino-acids-fall-to-earth/>
- Statistical mechanics. (2025).In *Wikipedia*. Retrieved October 22, 2025 from https://en.wikipedia.org/wiki/Statistical_mechanics
- Tate, P. (2009). *Seeley's Principles of Anatomy & Physiology*. [eBook edition].McGraw-Hill Higher Education. Retrieved September 21, 2025 from <https://epdf.pub/queue/seeleys-principles-of-anatomy-amp-physiology.html>

- Teerikorpi, P., Valtonen, M., Lehto, K., Lehto, H., Byrd, G. & Chernin, A. (2009). *The Evolving Universe and the Origin of Life: The Search for Our Cosmic Roots*. [eBook edition]. Springer. Retrieved November 10, 2025 from <https://epdf.pub/queue/the-evolving-universe-and-the-origin-of-life.html>
- Thorne, K.S. & Blandford, T.D. (2017) *Modern classical physics : optics, fluids, plasmas, elasticity, relativity, and statistical physics*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved October 25, 2025 from <https://z-library.sk/book/3638821/e37836/modern-classical-physics-optics-fluids-plasmas-elasticity-relativity-and-statistical-physics.html>
- Wickramasinghe, J., Wickramasinghe, C. & Napier, W. (2010) *Comets and the Origin of Life*. [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved November 4, 2025 from <https://epdf.pub/queue/astrobiology-comets-and-the-origin-of-life.html>.
- Yockey, H. P. (2005). *Information theory, evolution, and the origin of life* [eBook edition]. Cambridge University Press Retrieved November 4, 2025 from <https://epdf.pub/information-theory-evolution-and-the-origin-of-life.html>.
- Yoshioka, D. (2007). *Introduction to Statistical Physics*. [eBook edition]. Springer. Retrieved October 19, 2025 from <https://epdf.pub/statistical-physics-an-introduction759fe0a533d1244f62ff62c2393603cc7328.html>
- Young, B., O'Dowd, G. & Woodford, P. (2014, orig 1979). *Wheater's functional histology : A text and colour atlas*.—6th ed. [eBook edition]. Elsevier Churchill Livingstone, Retrieved September 19, 2025 from <https://z-library.sk/s/q=Wheater%27s+Functional+Histology%3A+A+Text+and+Colour+Atlas%2C+6th+Edition>



General Bibliography - The Big and Not-So-Big Questions - LFV

- Age of the universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Age_of_the_universe
- Anderson, E. (2017). *The Problem of Time: Quantum Mechanics versus General Relativity*. [eBook Edition], Springer. Retrieved May 31, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-problem-of-time-quantum-mechanics-versus-general-relativity-77e185955505.html>
- Anthropic principle. (2021, July 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 28, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Anthropic_principle

- Aspen Institute. (2015, July 10). *New Theories on the Origin of Life with Dr. Eric Smith*. [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=0cwvj0XBKIE>
- Barbour, J. (n.d.). *The Janus Point: A New Theory of Time*. [eBook edition]. Vintage. Retrieved April 8, 2024 from <https://z-library.se/book/24434075/187bc0/the-janus-point-a-new-theory-of-time.html?dsourc=recommend>
- Barbour, J. (1999). *The End of Time: The Next Revolution in Physics*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved April 8, 2024 from <https://z-library.se/book/1233896/10ef06?dsourc=recommend&afterGeoRedirection=1>
- Barrow, J.D. & Tipler, F. J. (1986). *The Anthropic Cosmological Principle*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-anthropic-cosmological-principle-e183647017.html>
- Bergson, H. (1965, orig, 1922). *Duration and Simultaneity with Reference to Einstein's Theory*. The Bobb-Merrill Company, Inc. [eBook edition]. Retrieved August 5, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/duration-and-simultaneity-with-reference-to-einsteins-theory>
- Big Bang. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bang
- Big Bounce. (2021, June 14). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Bounce
- Big History. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Big_History
- Big Rip, (2021, July 15). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Big_Rip
- Blackburn, S. (2018). *On Truth*, [eBook edition], Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/on-truth-d187537547.html>
- Bob, Petr. (n.d.). *Mind, Brain and Conscientiousness: Advances in Neuroscience Research*. [eBook edition]. Springer. Retrieved July 10, 2024 <https://epdf.pub/brain-mind-and-consciousness-advances-in-neuroscience-research.html>
- Boccardi, E. (2015). "Turning the Tables on McTaggart". *Semantic Scholar*. Retrieved July 20, 2022 from <https://www.semanticscholar.org/paper/Turning-the-Tables-on-McTaggart-Boccardi/af248ba64fcca43634f4fcd5b024a02390488cf8>
- Bolton, M. (2022). "Primary and Secondary Qualities in Early Modern Philosophy". *Stanford*

Encyclopedia of Philosophy. Retrieved January 15, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/qualities-prim-sec/>

Bostrom, N. (2002). *Anthropic Bias. Observation Selection Effects in Science and Philosophy*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 17, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/anthropic-bias-observation-selection-effects-in-science-and-philosophy-studies-in-philosophy-e156691550.html>

Brown, C.S. (2007). *Big History: From the Big Bang to the Present*. [eBook edition]. The New Press. Retrieved July 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/big-history-from-the-big-bang-to-the-present-e194403518.html>

Brumfiel, G. (2014, November 3). "New Clocks May End Time as We Know It." *npr Morning Edition*. Retrieved April 23, 2023 from <https://www.npr.org/2014/11/03/361069820/new-clock-may-end-time-as-we-know-it>

Buchanan, E. (1962). *Aristotle's Theory of Being*. [eBook edition]. University, Mississippi. Retrieved May 10, 2022 from <https://book4you.org/book/1249682/d4470d>

Buonomano, D. (n.d.). *Your Brain Is a Time Machine: The Neuroscience and Physics of Time*. [eBook edition]. Retrieved October 26, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/your-brain-is-a-time-machine-the-neuroscience-and-physics-of-time-3>

Calef, S.(n.d.). Dualism and Mind. *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 2, 2024 from <https://iep.utm.edu/dualism-and-mind/>

Callendar, C. (ed.) (2002). *Time, reality & experience*. [eBook edition]. Retrieved September 7, 2024 from <https://epdf.pub/time-reality-and-experience-roval-institute-of-philosophy-supplements.html>

Callendar, C. (2017), *What Makes Time Special?* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 31, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/s/?q=What+Makes+Time+Special%3F>

Callender, C. & Huggett, N. (eds) (2004). *Physics meets philosophy at the Planck scale*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 9, 2024 from <https://epdf.pub/physics-meets-philosophy-at-the-planck-scale.html>

Canales, J. (2006). *A Tenth of a Second: A History*. [eBook edition]. Chicago University Press. Retrieved October 29, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/a-tenth-of-a-second-a-history>

Canales, J. (2015). *The Physicist and the Philosopher: Einstein, Bergson, and the Debate That Changed our Understanding of Time*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved October 13, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-physicist-the-philosopher-einstein-bergson-and-the->

[debate-that-changed-our-understanding-of-time-e157932307.html](#)

Carlo Rovelli. (2021, October 17), In *Wikipedia*, Retrieved October 19, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Carlo_Rovelli**

Carroll, S. (2004). *Spacetime and Geometry: An Introduction to General Relativity*. [eBook edition]. Addison-Wesley. Retrieved January 13, 2024, from **<https://z-library.se/book/1020865/6945dc/spacetime-and-geometry-an-introduction-to-general-relativity.html>**

Carroll, S. (2010). *From Eternity to Here: The Quest for the Ultimate Theory of Time*. [eBook edition]. Dutton. Retrieved June 30, 2021 from **<https://www.pdfdrive.com/from-eternity-to-here-the-quest-for-the-ultimate-theory-of-time-e162012397.html>**

Carroll, S. (2016). *The Big Picture: On the Origin of Life, Meaning and the Universe Itself*. [eBook edition]. Oneworld Publications. Retrieved June 30, 2021 from **<https://www.pdfdrive.com/the-big-picture-on-the-origins-of-life-meaning-and-the-universe-itself-e158259011.html>**

Categories of Being. (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 11, 2022 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Category_of_being**

Chernyakow, A. (2006). *The Ontology of Time: Being and Time in the Philosophies of Aristotle, Husserl and Heidegger*. Springer. [eBook edition]. Retrieved October 13, 2021 from **<https://www.pdfdrive.com/the-ontology-of-time-being-and-time-in-the-philosophies-of-aristotle-husserl-and-heidegger-e175862163.html>**

Christian, D. (2004). *Maps of Time: An Introduction to Big History*. [eBook edition]. University of California Press. Retrieved July 4, 2021 from **<https://www.pdfdrive.com/maps-of-time-introduction-to-big-history-d158504984.html>**

Christian, D. (2008). *Big History: The Big Bang, Life on Earth, and the Rise of Humanity*. [eBook edition]. Retrieved July 2, 2021 from **<https://www.pdfdrive.com/big-history-the-big-bang-life-on-earth-and-the-rise-of-humanity-e12062963.html>**

Chronology of the universe. (2021, June 29). In *Wikipedia*. Retrieved June 30, 2021 from **https://en.wikipedia.org/wiki/Chronology_of_the_universe**

Commonwealth Club of California. (2020, February 28). *Brian Greene: Mind, Matter And The Search For Meaning*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from **<https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc>**

Consciousness. (2024, July 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 25, 2024 from **<https://en.wikipedia.org/wiki/Consciousness>**

Conseil économique social et environnemental. (2017, September 19). *"L'ORIGINE DE LA VIE"* -

Hubert REEVES, conférence exceptionnelle. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=X1yJsJxB82Y>

Coope, U. (2005), *Time for Aristotle: Physics IV.10–14*, [eBook edition]. Clarendon Press Oxford. Retrieved September 1, 2021 from <https://epdf.pub/time-for-aristotle-oxford-aristotle-studies.html>

Copernicus Center for Interdisciplinary Studies. (2019, March 24). *Daniel Everett, How Language Began: The History of Humanity's Greatest Invention* [reupload]. [Video]. YouTube. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1ALWRbmAwzY>

Copi, I.M., Cohen, G, & Macmahon, (2016). *Introduction to Logic, 14th ed.* [eBook edition]. Pearson College Division. Retrieved August 27, 2024 from <https://singlelogin.re/book/5888495/4ffbc6/introduction-to-logic.html?ts=0902>

Cordero, N-L. (2004). *By Being, It Is : The Thesis of Parmenides*. [eBook edition]. Parmenides Publishing. Retrieved April 27, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/by-being-it-is-the-thesis-of-parmenides-e157986438.html>

Correspondence Theory of Fact. (2022, October 22). In *Wikipedia*. Retrieved January 3, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Correspondence_theory_of_truth

Costa, D. (n.d.). “Persistence in Time” In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/per-time/>

Craig, W.M. & Smith, Q. (2008). *Einstein, Relativity, and Absolute Simultaneity*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved July 22, 2022 from <https://book4you.org/book/498934/7c1702>

Cummings. R. (n.d.). *The Girl in the Golden Atom*. [eBook edition]. Retrieved July 18, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-girl-in-the-golden-atom-d185154768.html>

Curtis, B. & Robson, B. (2016). *A Critical Introduction to the Metaphysics of Time*. [eBook edition]. Bloomsbury Academic. Retrieved October 31, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/s/A%20Critical%20Introduction%20to%20the%20Metaphysics%20of%20Time>

Dark Energy. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_energy

Dark Matter. (2021, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 2, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Dark_matter

Davies, P. (1995). *About Time: Einstein's Unfinished Revolution*. [eBook edition]. Simon & Schuster Paperbacks. Retrieved May 5, 2022 from <https://b-ok.cc/book/703367/03b6a5?dsourc=recommend>

Davies, P. (2006). *The Goldilocks Enigma: Why Is the Universe Just Right for Life?* [eBook

edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-goldilocks-enigma-why-is-the-universe-just-right-for-life-d158368729.html>

Dennett, D.C. (1991). *Consciousness Explained*. [eBook edition]. Little Brown & Company. Retrieved September 2, 2024 from <https://epdf.pub/queue/consciousness-explained.html>

Deppe, S. (2016). The Mind-Dependence of the Relational Structure of Time (or: What Henri Bergson Would Say to B-theorists), *KRITERION – Journal of Philosophy*. <https://doi.org/10.1515/krt-2016-300209>. Retrieved April 18, 2023 from <https://www.degruyter.com/document/doi/10.1515/krt-2016-300209/html>

Discovery Science. (2019, June 29). *Stephen Meyer: Fine-Tuning and the Origin of the Universe*. [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=GQ7GBZm087Y>

Dodd, J. (2008, orig. 2000). *An Identity Theory of Truth*. [eBook edition]. Palgrave Macmillan. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/an-identity-theory-of-truth-d190079513.html>

Dowden, B. (n.d.). "Time". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/time/>

Dowden, B. & Swartz, N. (n.d.). "Truth". *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 16, 2023 from <https://iep.utm.edu/truth/>

Dummett, M. (1989). *The Logical Basis of Metaphysics*. [eBook edition]. Harvard University Press. Retrieved July 29, 2024 from <https://z-library.rs/book/816017/642747/the-logical-basis-of-metaphysics.html>

Einstein, A. (1923). *The Meaning of Relativity*. Princeton University Press. [eBook edition]. Retrieved January 16, 2023 from <https://www.gutenberg.org/cache/epub/36276/pg36276-images.html#chap01>

Einstein Forum. (2018, November 12). *How Language Began. Homo erectus and the Origin of Language*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1hVijQZLEeM&t=1875s>

Emery, N. (2020). "Time". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/time/>

Englebretson, G. (2006). *Bare Facts and Naked Truths: A New Correspondence Theory of Truth*. [eBook] Ashgate Publishing Limited. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/bare-facts-and-naked-truths-a-new-correspondence-theory-of-truth-e181054469.html>

Epstein, R.L. (1990). *The Semantics Foundation of Logic. Volume 1: Propositional Logics*. SPRINGER-SCIENCE+BUSINESS MEDIA, B.V. [eBook edition]. Retrieved January 10,

2023 from

<https://www.pdfdrive.com/the-semantic-foundations-of-logic-volume-1-propositional-logics-e166072103.html>

Everett, D.L. (2017). *How Language Began: The Story of Humanity's Greatest Invention*. [eBook edition]. Liveright Publishing Corporation. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-language-began-the-story-of-humanitys-greatest-invention-e199784005.html>

Evident one9teen. (2019, December 6). *The Fine Tuning of the Universe | Intelligent Design - Dr. Frank Turek*. [Video]. YouTube. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=U5om87mchGs>

Fact. (2024, June 13). In *Wikipedia*. Retrieved July 10, 2024 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Fact>

Feynman, R., Leighton, R.B. & Sands, M., (2006, orig. 1963), *The Feynman Lectures on Physics, New Millennium Edition*. [eBook edition]. Basic Books. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-feynman-lectures-on-physics-vol-iiiiii-the-new-millennium-edition-d187899034.html>

Folger, T. (2007, December 19). "Newsflash: Time May Not Exist". *Discover Magazine*. Retrieved May 12, 2022 from <https://www.discovermagazine.com/the-sciences/newsflash-time-may-not-exist>

Frederick, S. (2017, August 22). Fine-Tuning. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 18, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/fine-tuning/>

Future of an expanding universe. (2021, July 11). In *Wikipedia*. Retrieved July 13, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Future_of_an_expanding_universe

Gambini, R. & Pullin, J. (2011). *A First Course in Loop Quantum Gravity*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved November 2, 2023 from <https://z-library.se/book/5102642/a11946?dsource=recommend&afterGeoRedirection=1>

Gasperini, M. (2008). *The Universe Before the Big Bang: Cosmology and String Theory*. [eBook edition]. Springer-Verlag. Retrieved June 1, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-universe-before-the-big-bang-cosmology-and-string-theory-d158498383.html>

Gewerth, A. (1953). "Aristotle's Doctrine of Being." *The Philosophical Review*, Vol. 62, No. 4 (Oct, 1953). 577-589. Retrieved May 10, 2022 from <https://book4you.org/book/1319466/2ea890>

Glanzberg, M (2018). "Truth". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/truth>

Gorbunov, D. S. & Rubakov, V. A. (2011). *Introduction to Theory of the Early Universe: The Hot Big Bang, 2nd Ed.* [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved May 31, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/introduction-to-the-theory-of-the-early-universe-hot-big-bang-theory-d162207165.htmls>

- Green, M. (2014). "Speech Acts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved December 28, 2022 from <https://plato.stanford.edu/archives/win2017/entries/speech-acts>
- Gribbin, J. (2017, orig. 1993). *In the Beginning: After COBE and Before the Big Bang*. [eBook edition]. Venture Press. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/in-the-beginning-after-cobe-and-before-the-big-bang-e157062592.html>
- Haasparanta, L. & Koskinen, H. J., eds. (2012). *Categories of Being: Essays in Metaphysics and Logic*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/categories-of-being-essays-on-metaphysics-and-logic-e188638353.html>
- Hafele, J.C & Keating, R.F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. *Science*, Volume 177, Issue 4044 , Retrieved May 1, 2023 from <https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168>
- Hafele, J.C & Keating, R.F. (1972, July 14). Around-the-Worlds Atomic Clocks: Predicted Relativistic Time Gains. *Science*, Volume 177, Issue 4044. Retrieved May 1, 2023 from <https://www.science.org/doi/10.1126/science.177.4044.168>
- Hartle, J. B.(2003). *Gravity: An Introduction to Einstein's General Relativity*. [eBook edition]. Pearson Educational. Retrieved January 4, 2024 from <https://z-library.se/book/915008/8709de/gravity-an-introduction-to-einsteins-general-relativity.html?dsourc=recommend>
- Hawking, S. (1993). *Hawking on the Big Bang and Black Holes (Advanced Series in Astrophysics and Cosmology, Vol 8)*. [eBook edition]. World Scientific Publishing Co. Pte. Ltd. Retrieved June 1, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html>
- Hawking, S. (1998). *A Brief History of Time*. [eBook edition]. Bantam. Retrieved May 20, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/a-brief-history-of-time-e193703119.html>
- Hawking, S. (2018). *Brief Answers to the Big Questions*. [eBook edition]. Retrieved May 20, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/brief-answers-to-the-big-questions-d196864263.html>
- Hawking, S. & Molodinow, L. (2010). *The Grand Design*. [eBook edition]. Bantam. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/stephen-hawking-the-grand-designpdf-d55020535.html>
- Herbert Dingle. (2023, February 11), In *Wikipedia*. Retrieved May 3, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Herbert_Dingle
- Heat death of the universe. (2021, July 30). In *Wikipedia*. Retrieved July 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Heat_death_of_the_universe

Heisenberg, W. (1958). *Physics and Philosophy: The Revolution in Modern Science*. [eBook edition]. Harper & Brothers Publishers. Retrieved May 31, 2002 from <https://www.pdfdrive.com/physics-and-philosophy-the-revolution-in-modern-science-e185068815.html>

History of loop quantum gravity. (2023, August 8). In *Wikipedia*. Retrieved November 2, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_loop_quantum_gravity

Hunter, J. (n.d.). "Time Travel". *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/timetrav/>

Inflation (cosmology). (2021, July 12). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation_\(cosmology\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Inflation_(cosmology))

Inflationary epoch. (2021, May 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 20, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Inflationary_epoch

Ingthorsson, R.D. (2016). *McTaggart's Paradox*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 7, 2022 from <https://u1lib.org/book/3618897/a1ce73>

Jaffe, A. (2018). Is Time an Illusion. *Nature* 556, (304-305). Retrieved April 24, 2023 from <https://www.nature.com/articles/d41586-018-04558-7>

James R. Killian, Jr. Lecture Series. (2015, November 10). *Language: The Cognitive Revolution - Noam Chomsky*. [Video]. YouTube. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Schttps://www.youtube.com/watch?v=0hzCOsQJ8Sc>

Jaszczolt, K. (ed.) (2023). *Understanding Human Time*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved November 24, 2023 from <https://z-library.se/book/25077640/09d76d/understanding-human-time.html>

Kahn, C. (2009). *Essays on Being*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 11, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/essays-on-being-d187989985.html>

Kelly, M. (n.d.). "Phenomenology and Time-Consciousness". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 1, 2021 from <https://iep.utm.edu/phe-time/>

Kennedy, J. B. (2003). *Space, Time and Einstein: An Introduction*. [eBook edition]. Acumen Publishing Limited. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/space-time-and-the-texture-of-reality-brian-greenepdf-d52141980.html>

Kirk, G.S., Raven, J.E. & Schofield, M. (1983, orig. 1957). *The Presocratic Philosophers, 2nd Ed.* Cambridge University Press.

Kirkham, R.L.(2001, orig, 1992). *Theories of Truth: A Critical Introduction*. [eBook Edition]. The

MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/theories-of-truth-a-critical-introduction-e183707329.html>

Koch, C. (2012). *Consciousness: Confessions of a Romantic Reductionist*. [eBook edition]. The MIT Press. Retrieved July 25, 2024 from <https://z-library.rs/book/5247900/e4b39c/rethinking-consciousness-a-scientific-theory-of-subjective-experience.html?dsorce=recommend>

Krishnamurti, J. & Bohm, D. (2014). *The Ending of Time: Where Philosophy and Physics Meet*. Revised and Expanded Edition. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved July 11, 2023 from <https://lib-p6micqnus2iwgif3hf2vcnpd.1lib.fr/book/5967983/1ff577?dsorce=recommend>

Kuhn, R. L. (2022, August 26). *The Illusion of Time: What's Real?*. Space.com, Retrieved March 23, 2023 from <https://www.space.com/29859-the-illusion-of-time.html>

Künne, W. (2003). *Conceptions of Truth*. [eBook Edition]. Oxford University Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/conceptions-of-truth-d191702904.html>

Lederman, L. (2006. orig. 1993). *The God Particle: If the Universe Is the Answer, What Is the Question*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Company. Retrieved July 12, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-god-particle-if-the-universe-is-the-answer-what-is-the-question-e194075715.h>

Le Poidevin, R. & Murray, M. (eds.) (1993). *Philosophy of Time*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 7, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-philosophy-of-time-d186430007.html>

Le Poidevin, R. (ed.) (1998). *Questions of Time and Tense*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved May 4, 2022 from <https://book4you.org/book/2039145/bea57b>

Le Poidevin, R. (2017). *The Images of Time: An Essay on Temporal Representation*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved October 21, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-images-of-time-an-essay-on-temporal-representation-d184483895.html>

Le Poidevin, R. (2019). The Experience and Perception of Time. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved October 20, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/time-experience/>

Library of Congress. *The Emergence of Life: On Earth (Session 1)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=DqigTtmGVM>

Library of Congress. (2017b, March 2). *The Emergence of Life: On Earth (Session 2)*. [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI>

Library of Congress. (2017c, March 2). *The Emergence of Life: Elsewhere & Closing Remarks*

- (Session 3). [Video]. YouTube. Retrieved July 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=JjKj7wn60sI>
- Lerner, E. J. (1991). *The Big Bang Never Happened*. Vintage Book. [eBook edition]. Retrieved July 9, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-big-bang-never-happened-d31616635.html>
- Loop Quantum Gravity. (2023, October 5). In *Wikipedia*. Retrieved November 2, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Loop_quantum_gravity
- LSE Philosophy. (2016, July 27). *Carlo Rovelli: "Why Physics needs Philosophy"*. [Video]. YouTube. Retrieved October 5, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=IJ0uPkG-pr4>
- Lynch, M. (2002). *The Nature of Truth: Classic and Contemporary Perspectives*. [eBook Edition]. The MIT Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-truth-classic-and-contemporary-perspectives-e158558163.html>
- MacBride, F. (2020). "Relations". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/relations/>
- Manning, L, Cassel, D. & Cassel, J.-C.. (2013). "St. Augustine's Reflections on Memory and Time and the Current Concept of Subjective Time in Mental Time Travel". *Behavioral Sciences*. 3, 232–243. Retrieved October 20, 2021, from <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4217622/>
- Marx, W. (1977). *Introduction to Aristotle's Theory of Being as Being*. [eBook edition] <https://book4you.org/book/5889233/03fbdc>
- McAndrew, A. (2003). "The Big Bang Is not a Myth". *Alec's Evolution Pages*. Retrieved July 9, 2021 from http://www.evolutionpages.com/big_bang_no_myth.htm
- McLure, R. (2004). *The Philosophy of Time: Time before times*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 8, 2021 from <https://epdf.pub/the-philosophy-of-time-time-before-times-routledge-studies-in-twentieth-century-.html>
- McNeill, D. (2012). *How Language Began: Gesture and Speech in Human Evolution*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-language-began-gesture-and-speech-in-human-evolution-d163303442.htm>
- McTaggart, J. E. (1908), The Unreality of Time. *Mind*, New Series, Vol. 17, No. 68 (Oct., 1908), pp. 457-74. Published by: Oxford University Press on behalf of the Mind Association. Stable URL: <http://www.jstor.org/stable/2248314> .
- McTaggart, J.E.M. (1921) *The Nature of Existence*. Vol I. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from <https://epdf.pub/the-nature-of-existence-vol-1.html>
- McTaggart, J.E.M. (1927) *The Nature of Existence*. Vol 2. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved Jul 11, 2022 from <https://epdf.pub/the-nature-of-existencevol-2.html>

- Mental state. (2022, December 27). In *Wikipedia*. Retrieved December 29, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Mental_state
- Merricks, T. (2007). *Truth and Ontology*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/truth-and-ontology-d159096120.html>
- Meyer, U. (2013), *The Nature of Time*. Oxford University Press. [eBook edition]. Retrieved October 18, 2021, from <https://www.pdfdrive.com/the-nature-of-time-d189004390.html>
- Michelson-Morley experiment. (2023, April 24). In *Wikipedia*. Retrieved May 5, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Michelson%E2%80%93Morley_experiment
- Mind (2024, June 26). In *Wikipedia*. Retrieved July 25, 2024 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Mind>
- Mind-body dualism (2024, August 1), In *Wikipedia*. Retrieved August 2, 2024 from https://en.wikipedia.org/wiki/Mind%E2%80%93body_dualism
- Mind-body problem (2024, July), In *Wikipedia*. Retrieved August 2, 2024 from https://en.wikipedia.org/wiki/Mind%E2%80%93body_dualism
- Moskowitz, C (2013, April 26). Controversially, Physicist Argues Time Is Real. *Live Science*. Retrieved April 24, 2023 from <https://www.livescience.com/29081-time-real-illusionsmoln.html>
- Muga, G, Mayato, R.S.& Egusquiza, I. (eds). (2002. orig. 2008). *Time in Quantum Mechanics, Vol 1, 2ed.* [eBook edition]. Springer. Retrieved November 2, 2023 from <https://epdf.pub/queue/time-in-quantum-mechanics79096.html>
- Muga, G, Ruschhaupt. A. & del. Campo. A.(eds). (2009). *Time in Quantum Mechanics, Vol 2.* [eBook edition]. Springer. Retrieved November 2, 2023 from <https://epdf.pub/time-in-quantum-mechanics53297.html>
- Mulligan, K. and Corriea. F. (2020). "Facts". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/facts/>
- Nathan, M,J. (2021, February 22). Does anybody really know what time it is? *Hist Philos Life Sci.* 2021; 43(1): 26. doi: 10.1007/s40656-021-00381-y. Retrieved April 26, 2023 from <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC7899069/>
- Newman, A. (2004). *The Correspondence Theory of Truth; An Essay on the Metaphysics of Predication..* [eBook Edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 3, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-correspondence-theory-of-truth-an-essay-on-the-metaphysics-of-predication-d188726392.html>
- New Scientist. (2020. April 10). *Carlo Rovelli: The nature of time.* [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from https://www.youtube.com/watch?v=NrjFE_Rd2OQ
- Noica, C. (), *Becoming within Being*. [eBook edition]. Marquette University Press. Retrieved May 11. 2022 from <https://book4you.org/book/847198/fdd482>

- Oaklander, L.N. (2004). *The Ontology of Time*. [eBook edition]. Prometheus Books. Retrieved April 4, 2024 from <https://epdf.pub/queue/the-ontology-of-time-studies-in-analytic-philosophy.html>
- Oaklander, L.N. (2020). *C. D. Broad's Philosophy of Time*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 2, 2024 from <https://z-library.se/book/6140699/223f1e/c-d-broads-philosophy-of-time.html?dsource=recommend>
- Osaka, N. ed.) (2002), *Neural Basis of Consciousness*. [eBook edition]. John Benjamins Publishing Company. Retrieved July 10, 2024 from <https://epdf.pub/neural-basis-of-consciousness-advances-in-consciousness-research.html>
- Owens, J. (1978, orig.1951). *The Doctrine of Being in the Aristotelian Metaphysics*. 3rd ed. [eBook edition]. Pontifical Institute of Mediaeval Studies. Retrieved May 10, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/doctrine-of-being-in-the-aristotelian-metaphysics-d162144333.html>
- Panek, R. (2011). *The 4 Percent Universe: Dark Matter, Dark Energy, and The Race to Discover the Rest of Reality*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved July 2, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-4-percent-universe-dark-matter-dark-energy-and-the-race-to-discover-the-rest-of-reality-e158339952.html>
- Penn State. (2007, July 3). What Happened Before The Big Bang?. *ScienceDaily*. Retrieved July 20, 2021 from www.sciencedaily.com/releases/2007/07/070702084231.htm
- Peruzzi, A.(ed.)(2004). *Mind and Causality*. [eBook edition]. John Benjamins Publishing Company. Retrieved July 10, 2024 from <https://epdf.pub/mind-and-causality-advances-in-consciousness-research-v-55.html>
- Pinker, S. (1999). *How the mind works*. [eBook edition]. Penguin Books. Retrieved August 4, 2024 from <https://www.pdfdrive.com/steven-pinker-d21033782.html>
- Price, H, (1997). *Time's Arrow and Archimedes' Point: New Directions for the Physics of Time* [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved July from <https://lip6micqnus2iwgif3hf2ycnpd.1lib.fr/book/941806/c1cefe?dsource=recommend>
- Pross, A. (2010). *What is Life? How Chemistry becomes Biology*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/what-is-life-how-chemistry-becomes-biology-e184595930.html>
- Quantum Gravity. (2013, October 28),. In *Wikipedia*. Retrieved October 31,2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Quantum_gravity
- Rasmussen, J. (2014), *Defending the Correspondence Theory of Truth*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/defending-the-correspondence-theory-of-truth-d157788079.html>

- Ray, C. (1991). *Time, Space and Philosophy: Philosophical Issues in Science*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved October 10, 2021 from <https://epdf.pub/time-space-and-philosophy.html>
- Reale, G. (1987). *A History of Ancient Philosophy: 1. From the Origins to Socrates*. State University of New York Press.
- Redshift. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Redshift>
- Reichenbach, M. (ed). (orig. 1956, 1971). *The Direction of Time*. [eBook edition]. The University of California Press. Retrieved April 19, 2024 from <https://epdf.pub/queue/the-direction-of-time.html>
- Reiser, O. L. (2006. May 26). Problems of time in science. *The Philosophical Review*, Volume 35, Issue 3, 236-252. Retrieved from <https://epdf.pub/problem-of-time-in-science-and-philosophy.html>
- Rescher, N. (1975). *A Theory of Possibility*. [eBook edition]. Oxford Basil Blackwell. Retrieved December 29, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/foundations-of-speech-act-theory-philosophical-and-linguistic-perspectives-d157200268.htm>
- Relations (philosophy). (2024, September 23). In *Wikipeda*. Retrieved November 20, 2024 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Relation_\(philosophy\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Relation_(philosophy))
- Roark, T. (2011). *Aristotle on Time: A Study of the Physics*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved September 1, 2021 from <https://epdf.pub/aristotle-on-time-a-study-of-the-physics.html>
- Robert, J. & Matton, P. (2004). *Du Big Bang au Village Planetaire*. [eBook edition]. Éditions MultiMondes. Retrieved June 1, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/du-big-bang-au-village-planetaire-e185519076.html>
- Ross, W.R. (1936). *Aristotle's Physics*. [eBook edition]. Oxford at the Clarendon Press. Retrieved October 26, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/aristotles-physics-e161913368.html>
- Robinson, H. (2020). Dualism, *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 2, 2024 from <https://plato.stanford.edu/entries/dualism/>
- Rovelli, C. (2004). *Quantum Gravity*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2024 from <https://epdf.pub/queue/quantum-gravity-5ea7b156886fd.html>
- Rovelli, C. (2008). Loop Quantum Gravity. *Living Review in Relativity*, 11, (2008), 5. Retrieved November 2, 2023 from <https://link.springer.com/article/10.12942/lrr-2008-5>
- Rovelli, C. (2014). *Seven Brief Lessons on Physics*. [eBook edition]. Penguin. Retrieved October 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/seven-brief-lessons-on-physics-d177768018.html>

Rovelli, C. (2016). *Reality Is not What It Seems: The Journey to Quantum Gravity*. [eBook edition]. Penguin. Retrieved October 26, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/5976675/e54d01>

Rovelli, C. (2018). *The Order of Time*. [eBook edition]. Riverhead Books. Retrieved October 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-order-of-time-e187552996.html>

Rowlands, M. (2001). *The Nature of Conscienciousness*. [eBook edition]. Cambridge University Press.. Retrieved July 10, 2021 from <https://epdf.pub/the-nature-of-consciousness.html>

The Royal Institution. (2017, November 22). *The Big Picture: From the Big Bang to the Meaning of Life - with Sean Carroll*. [Video]. YouTube. Retrieved July 10, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=2JsKwyRFiYY>

The Royal Institution. (2018, Jun 13). *The Physics and Philosophy of Time - with Carlo Rovelli*. [Video]. YouTube. Retrieved October 7, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=-6rWqJhDv7M>

The Royal Institution. (2019, December 19). *What is Life? Paul Nurse*. [Video]. YouTube. Retrieved July 3, 2021 from https://www.youtube.com/watch?v=_z-SUo2wP4I

The Royal Institution. (2020, March 5). *What Happened At The Beginning Of Time? - with Dan Hooper*. [Video]. YouTube. Retrieved July 16, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=dB7d89-YHjM>

Rundle, B. (2009). *Time, Space, and Metaphysics*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 4, 2024 from <https://epdf.pub/time-space-and-metaphysics.html>

Ryan, J.(tr) (1960). *The Confessions of Saint Augustine*. [eBook edition]. Doubleday. Retrieved June 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-confessions-of-saint-augustine-image-books-by-saint-augustine-and-translated-e157058700.html>

Sachs, J. (n.d.). "Aristotle: Motion". In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from <https://iep.utm.edu/aristotle-motion/>

Savitt, S. (2021). "Being and Becoming in Modern Physics". In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 7, 2022 from <https://plato.stanford.edu/entries/spacetime-bebecome/>

Schwartz, J.M & Begley, S. (2014), *The Mind and the Brain: Neuroplasticity and the Power of Mental Force*. [eBook edition]. HarperCollins ebooks. Retrieved July 25, 2024 from <https://z-library.rs/book/5249898/811973/the-mind-and-the-brain-neuroplasticity-and-the-power-of-mental-force.html>

Schrodinger, E. (1967). *What is life? : the physical aspect of the living cell ; with Mind and matter ; & Autobiographical sketches*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved June 22,

2021 from
<https://www.pdfdrive.com/what-is-life-the-physical-aspect-of-the-living-cell-with-mind-and-matter-autobiographical-sketches-e157900534.htm>

Searle, J. R. (2015). *Seeing things as they are: A theory of perception*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 2, 2024 from
<https://z-library.rs/book/2564639/e84fcf/seeing-things-as-they-are-a-theory-of-perception.html?dsorce=recommend>

Searle, J. R. (2004). *Mind: A Brief Introduction*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved July 29, 2024 from
<https://z-library.rs/book/851307/9bd953/mind-a-brief-introduction.html>

Second (2022, May 3). In *Wikipedia*. Retrieved May 12, 2022 from
<https://en.wikipedia.org/wiki/Second>

Serway, R. (2011). *College Physics, Ninth Edition*. [eBook edition]. Brooks/Cole. Retrieved October 19, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/2350163/c60f48>

Small, R. (2010). *Time and Becoming in Nietzsche's Thought*. [eBook edition]. Continuum International Publishing Group. Retrieved March 6, 2021 from
<https://epdf.pub/time-and-becoming-in-nietzsches-thought.html>

Smart, J.J.C. (2007, May 28, orig. 2000) The Mind/Brain Identity Theory. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 28, 2024 from <https://plato.stanford.edu/entries/mind-identity/>

Smolin, L. (2007). *The Trouble with Physics: The Rise of String Theory, the Fall of a Science, and what comes next* [eBook edition]. Houghton Mifflin and Company. Retrieved May 20 2025 from
<https://z-library.sk/book/3557855/2ed044/the-trouble-with-physics-the-rise-of-string-theory-the-fall-of-a-science-and-what-comes-next.html>

Smolin, L. (2013). *Time Reborn: From the Crisis in Physics to the Future of the Universe*. [eBook edition]. Houghton Mifflin Harcourt. Retrieved May 20, 2025 from
<https://z-library.sk/book/27326951/a80763/time-reborn-from-the-crisis-in-physics-to-the-future-of-the-universe-2013.html?dsorce=recommend>

Smith, Q & Jokic, A,(eds),(2001). *Consciousness:New Philosophical Perspectives*, [eBook edition]. Clarendon Press, Oxford. Retrieved July 10, 2024 from
<https://epdf.pub/queue/consciousness-new-philosophical-perspectives4eb5243f10f85bfc7a121bb3b973df4e46406.html>

Speech Acts. (2023, October 25). In *Wikipedia* . Retrieved December 28, 2022 from
https://en.wikipedia.org/wiki/Speech_act

Spenard, M, (2011). *Dueling with Dualism: The forlorn quest for the immaterial mind*. [eBook Edition}. Michael Spenard. Retrieved August 2, 2024 from

<https://www.pdfdrive.com/dueling-with-dualism-e49190829.html>

Stenger, V. J. (2011). *The Fallacy of Fine-Tuning: Why the Universe Is Not Designed for Us*. [eBook edition]. Prometheus Books. Retrieved May 23, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-fallacy-of-fine-tuning-why-the-universe-is-not-designed-for-use185931530.html>

Strumpf, S.E. (1994, orig. published 1971). *Philosophy: History and Problems*. 5th ed. McGraw-Hill.

TED . (2012, April 23). *Why is our universe fine-tuned for life? | Brian Greene*. [Video]. TED. Retrieved April 23, 2021 from https://www.youtube.com/watch?v=bf7BXwVeyWw&list=TLPQMTIwNzIwMjGKpSFpb4Ie_A&index=2

Textor, M. (2021, May 12). "States of Affairs". . *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/states-of-affairs/>

Thomasson, A. (2004, June 3). "Categories". *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 11, 2022 from <https://plato.stanford.edu/entries/categories/>

Thompson, A. (1996). *Critical Reasoning: A Practical Introduction*. 3rd ed. [eBook edition]. Routledge. Retrieved August 21, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/923584/b05f8f?dsource=recommend>

Time. (2021, August 5). In *Wikipedia*, Retrieved September 1. 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Time>

Tooley, M, (1997). *Time, Tense and Causation*. [eBook edition]. Clarendon Press. Retrieved January 21, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/time-tense-and-causation-d184119699.html>

Truth, (2022, December 29), In *Wikipedia*. Retrieved January 4, 2023 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Truth>

Turetzky, P. (1998). *Time*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 27, 2022 from <https://b-ok.cc/book/1045828/2a23e3>

Ultimate fate of the universe. (2021, July 10). In *Wikipedia*. Retrieved July 15, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Ultimate_fate_of_the_universe

Unger, R,M, and Smolin L. (2016). *The Singular Universe and the Reality of Time: A Proposal in Natural Philosophy*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved December 18, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-singular-universe-and-the-reality-of-time-a-proposal-in-natural-philosophy-e157920169.html>

University of Glasgow. (2020, October 6). *The Evolution of Language: From Speech to Culture | Gifford Lectures 2019 | Prof Mark Pagel | Pt 1*. [Video]. YouTube. Retrieved June 4, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=VOZe09ME9Dw>

University of Louisville Library (n.d.), *Critical Thinking and Academic Research: Assumptions*. Retrieved December 24, 2022 from <https://library.louisville.edu/ekstrom/criticalthinking/assumptions>

Van Gulick, R. (2024), Consciousness. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 20, 2024 from <https://plato.stanford.edu/entries/consciousness/>

Wegner, D.M. (2002). *The Illusion of Conscious Will*. [eBook edition]. The MIT Press. Retrieved August 3, 2024 from <https://www.pdfdrive.com/the-illusion-of-conscious-will-e160951498.html>

Weinert, F.(2013) . *The March of Time: Evolving Conceptions of Time in the Light of Scientific Discoveries* [eBook edition]. Springer. Retrieved October 17, 2021 from <https://pdfroom.com/books/the-march-time-evolving-conceptions-of-time-in-the-light-of-scientific-discoveries/j9ZdYea8dV4>

Weisberg, J. (n.d.). The Hard Problem of Consciousness. *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved September 3, 2024 from <https://iep.utm.edu/hard-problem-of-consciousness/>

Wondrium. (2018, August 7). *What Is Time? | Professor Sean Carroll explains the theories of Presentism and Eternalism*. [Video]. YouTube. Retrieved October 8, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=MAScJvxCy2Y>

World Science Festival. (2014, October 13). *A Matter of Time*. [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=G8FnFjqIAWs&t=1690s>

World Science Festival. (2020, January 17). *The Richness of Time*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=1FJWvEbeBps&t=1538s>

World Science Festival.(2020, July 30). *WSU: Space, Time, and Einstein with Brian Greene*. [Video]. YouTube. Retrieved June 30, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=Ti1bniNNCmc>

Wrenn, C. (2015). *Truth*. [eBook Edition] Polity Press. Retrieved from <https://www.pdfdrive.com/truth-d195171341.html>

YPO, (2019, March 8). *Carlo Rovelli – The Illusion of Time – YPO EDGE 2019*. [Video]. YouTube. Retrieved November 6, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=AumrYDQIuEc&t=727s>

Zeidler, E. (2006). *Quantum Field Theory I: Basics in Mathematics and Physics*. [eBook edition]. Springer. Retrieved January 18, 2024 from <https://epdf.pub/queue/quantum-field-theory-i-basics-in-mathematics-and-physics-a-bridge-between-mathem.html>

Critical Thinking

by Thomas D. Le

Critical Thinking (continued)

In the last segment we studied at length the personality traits of the die-hard ideologue and the sycophant. They are to be identified, understood, and avoided at all costs since both are impervious to persuasion and reason. A critical thinker should exercise caution when confronted with those types of individuals. We also learned how to deal with the sycophant if we had to.

In this segment we propose to study the stupid behavior and the opportunist. But since stupidity is not a personality type but a pattern of behavior, we will treat it as such. All of us, intelligent or otherwise, are vulnerable to doing stupid things, acting stupidly, behaving mindlessly, slow learning, poor judgment, miscalculation, stubbornness, excessive pride, excessive ambition, etc. But we also try to improve ourselves by learning to think critically and to avoid the pitfalls of stupidity.

Stupid Behavior

Stupid behavior is impossible to quell as long as people are emotional. It is characterized by slowness of learning, closed-mindedness, failure to recognize the true meaning of clues, overconfidence, inflexibility of mind, failure to apply lessons learned through experience, underestimating the opposing situation/adversary, overestimating one's own skills/ability, failure to adapt to new circumstances, shortsightedness, fear of change, obtuseness, stubbornness, boastfulness, excessive pride, ignorance, arrogance, self-delusion; the list goes on. All humans without exception are vulnerable to stupid behavior.

1. GoogleAI on stupid behavior

"Stupid behavior" generally refers to actions that show poor judgment, a lack of critical thinking, or a disregard for consequences. Examples often fall into categories of overconfidence, emotional decision-making, or a refusal to learn from mistakes.

Common examples of behavior widely considered "stupid" or unintelligent include:

In Personal & Social Situations

Talking more than listening: Someone who dominates conversations and doesn't actively listen may be perceived as insecure and not intelligent.

Bragging or constantly needing validation: People who frequently boast about their abilities or rely on external praise often appear less secure and intelligent than those who don't.

Lacking self-awareness or empathy: An inability to understand one's own internal states or put oneself in other people's shoes indicates low emotional intelligence.

Blaming others for failures: Refusing to take responsibility for mistakes and instead attributing them to external factors prevents personal growth.

Disregarding expertise or evidence: Falling for misinformation, conspiracy theories, or ignoring expert advice demonstrates poor critical thinking skills.

Burning bridges with contacts: Backstabbing or alienating professional or personal contacts for minor gains can have significant negative long-term consequences.

Acting on emotion rather than logic: Making impulsive decisions driven purely by feelings (anger, fear, etc.) without considering rational thought can lead to regrettable outcomes.

In Practical & Physical Situations

Ignoring one's health: Engaging in unhealthy habits like chronic sleep deprivation, poor diet, substance abuse (smoking, excessive alcohol), and minimizing physical activity can impair proper brain function and is often seen as poor judgment.

Refusing to learn from mistakes: Repeating the same actions while expecting different outcomes is a classic example of poor decision-making.

Failing to plan or think long-term: Making choices solely for immediate gratification without considering future consequences can lead to various problems (financial, health, etc.).

Putting oneself in obvious physical danger: Engaging in risky behaviors for no valid reason, such as ignoring safety rules or approaching wild animals like bears without caution, can lead to serious harm.

Lack of basic life skills/common sense: Examples include placing an electric kettle on a stovetop, using a plastic cutting board in an oven, or using a tennis racket to drain pasta (as found in humorous anecdotes).

These behaviors are considered "stupid" because they often lead to negative consequences that could have been avoided with more foresight, critical thinking, or self-awareness. However, performing a "stupid" action does not necessarily make a person entirely "stupid" if they are willing to recognize the misstep, correct it, and learn from it.

2. Wikipedia – Stupidity

Stupidity is a quality or state of being stupid, or an act or idea that exhibits properties of being stupid. [4] In a character study of "The Stupid Man" attributed to the Greek philosopher Theophrastus (c. 371 – c. 287 BC), stupidity was defined as "mental slowness in speech or action". The modern English word "stupid" has a broad range of application, from being slow of mind (indicating a lack of intelligence, care or reason), dullness of feeling or sensation (torpidity, senselessness, insensitivity), or lacking interest or point (vexing, exasperating). It can either imply a congenital lack of capacity for reasoning, or a temporary state of daze, or slow-mindedness. (Stupidity 2025, Definition Section, para. 1)

3. Two historical examples of stupidity

1. Napoleon Bonaparte was a brilliant military genius. He saved revolutionary France from the formidable coalition of other European powers by defeating their armies on the battlefields, earning him a reputation of invincibility. His Grand Armée at its apogee in 1812 was composed of some estimated 600,000 men consisting of 300,000 French, Belgian and Dutch troops, and the rest troops from at least half a dozen conquered European countries: Poland, Italy, Prussia, Austria, Bavaria, Saxony, and so on.

According to Wikipedia, he decided to invade Russia to force Tsar Alexander I to rejoin the Continental System of trade embargo against Great Britain. Being an agrarian country Russia needed to export raw materials and import manufactured goods. So the embargo hurt Russia too. The Tsar reneged on the embargo treaty with Napoleon. In June 1812, the fearsome French Grand Armée under Napoleon crossed the Neman River into Russia (now Belarus). The Grand Armée marched hundreds of miles through the vastness of the then western Russia and captured Vilna and Smolensk on the way to Moscow. The Russians put up a stiff but unsuccessful resistance at Borodino 70 miles west of Moscow, which he entered on 14 September 1812 only to find it empty and torched. Napoleon had the first taste of the Russian scorched-earth policy. Though the French army had suffered heavy casualties due to severe weather conditions, limited supplies, disease, and desertion, Napoleon stayed in Moscow five weeks waiting in vain the Russian peace proposals. Finally he was forced to withdraw from Russia by fighting his way back to France. At Smorgonie (now in Belarus) Napoleon left for Paris by sled, leaving the decimated Grand Armée under the command of subordinate generals. The Russian campaign, variously named the War of 1812, the Second Polish War, the Patriotic War on the Russian side, had cost the Grand Armée more than 300,000 dead, 180,000 wounded, 50,000 deserters, 100,000 prisoners, with only fewer than 100,000 survivors who had to battle winter cold, starvation, disease, lack of winter supplies, the Russian peasant guerrillas, the Cossacks all along the way back.

One irony is that the French Revolution, which Napoleon had saved from a coalition of European monarchies and whose aim was to abolish monarchy, was replaced by the Empire he founded through his initial victories. The revolutionary leaders killed one another so thoroughly, especially during the Reign of Terror, that what remained of the Revolution was scarcely more a slogan (Liberté, Egalité, Fraternité) and a sacrosanct Déclaration des droits de l'homme et du citoyen (Declaration of the rights of man and the citizen). Famous men like Mirabeau, Danton, Marat, Robespierre and thousands of other men and women, famous or not, lost their heads under the guillotine, which even severed that of its inventor Dr. Guillotin. Prominent political groups such as the Jacobins, the Girondins, the Montagnards had one by one disappeared under the First Empire.

Another irony occurred 130 years after Napoleon's misadventure; virtually the same behavior repeated itself when Hitler hurled three million armed men against the Soviet Union in June 1942 in a quest for lebensraum (living space) among other things. This time there was a big difference: The Germans were mechanized and had read about Napoleon. Yet the result was still a quagmire, as summer progressed into winter and the Germans were caught off guard. They too were short of winter clothes and supplies. Whether Hitler and his generals had prepared for Stalingrad and had counted on a quick victory, a hope fueled by the astounding success of the blitzkrieg against Poland in 1939, it was a miscalculation.

2. The second historical example was the Battle of Dien Bien Phu. Since this example is too close in time for comfort with many readers, I will try to be as dispassionate, to the point, and nonjudgmental as possible. The French forces in Vietnam, tired of the cat-and-mouse state of the war, decided on a bold

strategy: To lure the elusive Viet Minh forces into the open where their superior air and ground armaments would wreak devastating havoc, and at the same time sever the enemy's supply lines through Laos. The place they chose was an isolated valley 317 km from Hanoi in the northwest corner called Mường Thanh Valley, in the district of Dien Bien Phu. The bowl-shaped valley, about 10 km from the Lao border, was 12 km long and 6 km wide containing an old Japanese-built airstrip which the French forces expanded and fortified as an airbase. The valley is surrounded by forested hills perfect for hiding artillery, troops and their logistics. The French forces were protected by seven heavily fortified dug-in bunkers and trenches, strategically positioned to offer mutual support, all bearing French names of women who, according to one source, were the girl friends of the Commander of the base Colonel de Castries.

According to Wikipedia, the French had a peak strength of 12,000 combat personnel, 2,000 logistical support troops, (which does not add up to the total tally of 15,012 casualties including KIA, MIA, POW), 10 tanks reinforced by 34 transport airplanes and 600 other aircraft provided by the United States. The base was to be resupplied by air on the assumption that the Viet Minh had no air defense. The French forces were composed of French troops, foreign legionnaires, Algerian and Moroccan riflemen, and Indochinese recruits. The Viet Minh were numerically superior: 80,000 combat and support troops and had the help of tens of thousand civilians who served a transport function. Estimates of Viet Minh casualty figures are inconsistent and depend on the sources. Western and Asian historians' estimates tend to agree on about 23,000 casualties whereas the Viet Minh reported 13,930 casualties. The higher figures seem plausible because the Viet Minh troops had attacked the French fortifications en masse several times before relying more on trenches.

The battle of Dien Bien Phu was decisive and short lasting almost two months from 13 March to 7 May 1954. It put an end to French colonization in Viet Nam.

3. Conclusion

The French believed that the Viet Minh had no anti-aircraft guns, no heavy artillery, no transportation to gun positions in the surrounding forested hills. The battle started with heavy artillery barrages from the Viet Minh on the fortified positions and the airstrip in the valley rendering it unusable. Supplies had to be airdropped. French planes on a bombing run against the enemy's guns were met with fierce anti-aircraft fire. The French defensive positions were in a valley surrounded by high grounds which the Viet Minh had fortified and hidden to neutralize counterbattery fire. Also their tactic of firing a few salvos and moving the guns to alternate locations further confused the French. The Viet Minh intelligence was efficient: They knew the exact French artillery positions. The French had known to occupy high ground as they had earlier at Na San, but General Navarre decided to partially adopt the hedgehog (hérisson) concept, i.e., to establish a strong air-land base to lure the enemy out in the open where he can be destroyed by superior French air, armor and artillery power, this time without occupying high ground. Things did not turn out the way he had planned.



Psychological profile of opportunists Google AI

The psychological profile of an opportunist is primarily defined by self-interest and a lack of guiding principles or ethics, often involving traits associated with the "Dark Triad" of personality: Machiavellianism, narcissism, and psychopathy.

1. Core Traits

- **Selfishness:** The primary motivation is personal gain, with little to no regard for the interests, needs, or well-being of others.
- **Lack of Principles:** Opportunists place expediency and personal advantage above moral or ethical principles, changing their stance or loyalties to fit the circumstances.
- **Manipulativeness and Deceit:** They use manipulation, flattery, and deception to control and exploit others for their own benefit.
- **Lack of Empathy/Remorse:** Individuals with high levels of opportunism, especially those with psychopathic traits, often lack compassion or concern for the suffering of those they harm.
- **Flexibility and Adaptability:** They are highly flexible in their decision-making and behavior, quickly adapting to new situations to identify and exploit opportunities.
- **Transactional View of Relationships:** Relationships are not built on trust or sincerity but are seen as strategic tools or transactions for personal advancement. People are used as means to an end and discarded when no longer useful.

2. Associated Personality Traits (Dark Triad)

2.1. *Opportunism is strongly linked to the Dark Triad personality traits:*

- **Machiavellianism:** Characterized by a cynical worldview, a focus on manipulation, and a strategic approach to interactions to achieve power and control. Machiavellians are adept at using others and justifying their actions in the pursuit of their goals.
- **Narcissism:** Involves an inflated sense of self, a constant need for validation ("supply"), and a belief in their own superiority. Opportunists with narcissistic tendencies often feel entitled to use others and take credit for work they did not do.
- **Subclinical Psychopathy:** Associated with low anxiety, risk-taking, impulsivity, and a profound lack of remorse or guilt. These individuals are "natural born" opportunists who exploit others without a troubled conscience.

2.2 *Behavioral Patterns*

- **Charming Exterior:** To survive and exploit social situations, they can be charming and initially appear supportive to gain trust and access to resources.
- **"Grab and Run" Mentality:** They focus on short-term gains, often leaving behind damaged relationships and consequences for others when the opportunity has been exhausted.
- **Image Management:** Opportunists are often good at self-promotion and managing their image to appear competent or high-minded, even when their actions are self-serving.

In essence, an opportunist prioritizes their own immediate gain above all else, making them unreliable and potentially harmful partners in personal and professional relationships. Their behavior is guided by self-interest and expediency rather than integrity or mutual respect.

3. How can you identify and interact with opportunists?

Identifying and interacting with opportunists requires a combination of vigilance and strategic boundary-setting to protect your time, resources, and emotional well-being

3.1 How to Identify an Opportunist

Key indicators involve observing their patterns of behavior and the nature of their relationships:

- **Transactional Relationships:** They show interest and support only when they can gain something (money, social status, connections, etc.). Their affection wanes quickly once the "perks" are gone.
- **Selective Availability:** They are quick to ask for your help but mysteriously absent when you need assistance or are going through a difficult time.
- **Charming but Inconsistent:** They can be very charming and flattering initially to hook you in emotionally, but their words and actions don't align over time.
- **Credit-Takers:** In a professional setting, they may take credit for your ideas or accomplishments and align themselves with your success while avoiding responsibility for failures.
- **Lack of Empathy:** They struggle to show genuine concern for others' difficulties, often focusing the conversation back on themselves or how the situation impacts them.
- **Boundary Violations:** They often push boundaries and make unreasonable requests, then make you feel guilty or "too sensitive" for resisting them.
- **Gut Feeling:** Trust your instincts. If you consistently feel uneasy, drained, or used after interacting with someone, it is a strong indicator of an unhealthy dynamic.

4. How to Differentiate Opportunists from Authentic Individuals

Differentiating between an opportunist and an authentic individual involves observing the consistency of their behavior, their motivation for interaction, and their response to boundaries.

4.1. Key Differences

Feature	Opportunist	Authentic Individual
Motivation	Seeks personal gain, advantage, or resource exploitation.	Motivated by genuine connection, mutual respect, and shared values.
Consistency	Behavior changes depending on whether they perceive an opportunity for benefit. May act differently in public versus private.	Behavior is consistent across all situations, reflecting their true nature and principles.
Reciprocity	Takes advantage of resources without offering genuine support or reciprocity.	Values balanced relationships and mutual support.

Response to Boundaries	Negative reaction when boundaries are set or they are told "no". Their true character emerges when they don't get their way.	Respects boundaries and understands that "no" is a valid answer.
Focus	Short-term focus on immediate benefits, often disregarding long-term impact on others.	Focuses on building lasting relationships and considers the consequences of their actions.
Loyalty	Loyalty is conditional and quickly disappears when opportunities dry up.	Loyalty is consistent and enduring, appreciating even small acts of kindness.

4.2. How to Discern

Observe actions, not just words: Pay close attention to how a person's actions align with what they say.

An authentic person's actions and words will be in harmony.

Trust your instincts: Your gut feelings often recognize dishonesty before your conscious mind does. If something feels "off" about a person, pay attention to that feeling.

Set boundaries: A simple way to test a person's character is to set a boundary or say "no" to a request.

An authentic person will respect this, while an opportunist may show resentment or anger.

Evaluate their network: Observe who they associate with and how they treat people who cannot offer them anything. Opportunists often only surround themselves with people who can further their goals.

Check for humility: Authentic people are humble and acknowledge that external factors influence outcomes, while opportunists may take all the credit for success and blame others for failure.

By applying these observations, you can better protect yourself and foster genuine relationships built on trust and mutual respect.

4.3. Give some examples of how an opportunist's behavior differs from authentic people's

An opportunist's behavior consistently contrasts with that of an authentic person, primarily through their motivation, consistency, and how they treat others, particularly when things aren't going their way.

Here are specific examples of how their behaviors differ:

4.3.1. Networking and Relationships

- **Opportunist:** Views relationships as a means to an end. They actively seek out influential individuals, offering flattery and support, but might ignore or dismiss people they perceive as having no immediate value or status.
- **Authentic Person:** Builds a diverse network based on mutual interests and respect, regardless of social standing or potential benefits. They are just as kind and attentive to a service worker as they are to a CEO.

4.3.2. Credit and Acknowledgment

- **Opportunist:** Quick to take all the credit for group successes, often minimizing the contributions of others. When a project fails, they are the first to deflect blame onto colleagues.
- **Authentic Person:** Humbly acknowledges team contributions during success and takes personal responsibility for their role in failures, focusing on learning and improvement rather than blame.

4.3.3. Response to Boundaries

- **Opportunist:** Becomes visibly upset, resentful, or tries to guilt-trip you when you set boundaries or decline a request. They may repeatedly push the boundary, showing their primary interest was getting their way, not respecting you.
- **Authentic Person:** Respects your boundaries and personal needs without question. They understand that "no" is a valid answer in a healthy relationship.

4.3.4. Consistency in Behavior

- **Opportunist:** Their behavior and personality can dramatically shift depending on who is in the room. They might be charming and polite to a boss but dismissive and rude to their subordinates in private.
- **Authentic Person:** Exhibits consistent behavior regardless of the audience or situation. The person you meet in a casual setting is the same person you encounter in a professional environment.

4.3.5. Times of Need

- **Opportunist:** Disappears when you are going through a difficult time, or if their help offers no clear benefit to them. Their support is conditional on convenience and advantage.
- **Authentic Person:** Shows up for you during tough times, offering genuine support and a listening ear, without expecting anything in return. Their loyalty is consistent, even when it is inconvenient.

4.3.6. Flattery and Communication

- **Opportunist:** Uses excessive, insincere flattery to disarm you or get something they want. Their communication often feels manipulative and calculated.
- **Authentic Person:** Offers genuine, specific compliments when deserved. Their communication is honest, direct, and transparent, never leaving you second-guessing their intentions.

5. How to Interact with Opportunists

The goal is to minimize their impact on your life and protect yourself from exploitation.

- **Set Clear and Firm Boundaries:** Define what behavior you will and will not tolerate. Be consistent in enforcing these limits. For example, "I'm not comfortable sharing my personal finances" or "I need time to think before I can commit to that".
- **Limit Your Interactions:** Distance yourself when possible. Avoid involving them in your finances or sharing sensitive information that could be used against you.
- **Don't Feel Obligated to Say Yes:** Opportunists rely on your willingness to please. Learn to say "no" politely but firmly without feeling guilty.

- **Focus on Facts and Reason:** If a confrontation is necessary, remain calm, factual, and detached. Avoid getting drawn into emotional power struggles. Use "I" statements to describe how their behavior affects you, such as "I feel undervalued when my contributions are overlooked".
- **Put the Focus Back on Them:** Ask probing questions to highlight the inequity of their requests, such as, "Does that seem like a fair arrangement to you?" This might cause them to back down if they have some level of self-awareness.
- **Document Everything (Workplace):** If the opportunism is occurring in a professional setting, keep a paper trail of relevant interactions and issues. Focus on how their actions affect productivity to justify involving a supervisor or HR if necessary.
- **Build a Strong Support System:** Surround yourself with positive, trustworthy people who offer genuine, two-way support. Talk about your experiences with friends, family, or a therapist to gain perspective and avoid isolation.
- **Know When to Walk Away:** If the behavior continues despite your best efforts and boundaries are consistently disrespected, it may be time to cut ties, as your well-being should be a priority.

6. Give some examples of boundaries for different relationships

Setting clear and consistent boundaries is crucial for healthy relationships and particularly helpful when dealing with potential opportunists

. Boundaries can cover emotional, physical, financial, and time-related aspects of your interactions.

Here are examples of boundaries for different types of relationships:

Romantic Relationships

- **Emotional:** "I need space to process my feelings before discussing a conflict". This prevents the other person from demanding an immediate resolution.
- **Physical:** "I am not comfortable with physical intimacy (e.g., hugging, sex) until I am ready".
- **Financial:** "I prefer to keep separate bank accounts and make large purchases only with mutual agreement". This prevents a partner from overspending your shared or personal money.
- **Privacy:** "I'm not comfortable sharing my phone password or having my messages read".
- **Communication:** "I am not okay with name-calling or yelling when we argue. If it continues, I will end the conversation and we can talk when calm".

Family Relationships

- **Time:** "I can come over for the holiday dinner, but I will need to leave by 8 PM".
- **Emotional/Topics:** "I appreciate your concern, but I'm not comfortable discussing my personal relationships or finances".
- **Physical Space:** "Please call before you come over; I need advance notice before you stop by my home".
- **Material:** "I can't lend you any more money right now, but I can help you look for community financial resources".
- **Parenting:** "I appreciate your advice on my parenting, but I've got it handled. Please don't comment on how I raise my children".

Friendships

- **Emotional Energy:** "I can listen to you vent for a little while, but I need to set a limit of 15 minutes, as I have a lot on my plate today".

- Reciprocity: "I feel undervalued when our plans are always centered around your needs. Can we do something I want to do next time?"
- Gossip: "I'm not comfortable talking negatively about our mutual friends. Can we change the subject?"
- Lateness: "I'm willing to wait 15 minutes past our agreed time, but if you're later than that, I will head home/leave".

Workplace/Professional Relationships

- Time: "I don't respond to work emails or calls after 6 PM or on weekends".
- Workload: "I cannot take on that additional project right now; I am on several deadlines and need to prioritize my current tasks".
- Personal Information: "I prefer to keep my personal life separate from work and am not comfortable sharing those details".
- Physical Space: "I work best with my door closed, but I'm available to chat during my office hours".
- Credit/Effort: "To ensure clarity on responsibilities, I've created a shared document outlining project roles and deadlines".

Key Communication Tips

- Use "I" statements to express your feelings without blaming the other person (e.g., "I feel disrespected when you interrupt me").
- Be clear, calm, and direct in your communication.
- Be consistent in enforcing your boundaries to show you are serious.
- Have clear consequences and follow through if boundaries are repeatedly ignored (e.g., leaving the room, limiting contact).

7. What are some strategies for enforcing boundaries?

Enforcing boundaries requires consistency, clear communication, and follow-through. It is not enough to set a boundary; you must be prepared for pushback and have a plan to react when boundaries are crossed.

7.1 Here are strategies for enforcing boundaries effectively:

7.1.1. Communicate Clearly and Calmly

- Be Direct and Explicit: Don't hint at boundaries; state them clearly. "Please do not call me after 9 PM" is better than "It's hard for me to talk late at night."
- Use "I" Statements: This shifts the focus from accusing the other person to explaining your needs (e.g., "I feel overwhelmed when you drop by unannounced, so please call first").
- Remain Calm and Firm: Avoid getting emotional, yelling, or apologizing excessively. A calm, steady demeanor shows you are serious and in control.

7.1.2. Follow Through with Consequences

The most critical step in enforcement is following through with the consequences you established when the boundary was first set. Consequences should be reasonable and something you are willing to do.

- State the Consequence in Advance: When setting the boundary, briefly mention what will happen if it is crossed. For example, "If you yell at me, I will end the conversation."
- Implement the Consequence Immediately: The moment the boundary is crossed, act. If they yell, say, "I see you're yelling, so I am going to hang up now. We can talk later when you are calm," and then hang up the phone.

- **Consistency is Key:** Do not make exceptions. Every time the boundary is crossed, the consequence must follow. Inconsistency teaches others that your boundaries are flexible or can be ignored.

7.1.3. Manage Pushback and Resistance

Opportunists and boundary-crossers will often resist your limits. They may use manipulation or emotional tactics to make you back down.

- **Anticipate Guilt Trips:** They might say, "You're selfish" or "If you loved me, you would do this." Recognize these as manipulation tactics and do not let them sway you from your needs.

- **Don't Justify, Argue, or Defend (JADE):** You do not owe anyone an elaborate explanation for your boundaries. "This is what works for me" or "I've made my decision" are sufficient responses.

- **Reiterate and Re-Establish:** If they challenge a boundary, simply and calmly restate it. "As I said before, I am not discussing my finances."

7.1.4. Adjust the Relationship as Needed

If a person consistently refuses to respect your boundaries despite repeated enforcement efforts, you may need to reconsider the nature of the relationship.

- **Limit Contact:** Reduce the frequency and duration of interactions.

- **Change the Context:** Shift interactions to more public or professional settings where boundary-crossing is less likely.

- **End the Relationship:** For highly toxic or opportunistic individuals who cause persistent harm, the healthiest option may be to end the relationship entirely.

8. Summary of Enforcement Steps

1. Clearly state the boundary.
2. State the consequence.
3. Immediately implement the consequence when the boundary is crossed.
4. Do not JADE (Justify, Argue, Defend, or Explain).
5. Be consistent and persistent.

9. What's the role of non-verbal cues in enforcing boundaries?

Non-verbal cues play a crucial role in enforcing boundaries because actions often speak louder than words, conveying sincerity, confidence, and resolve. When your verbal message and body language are aligned (congruent), it increases clarity and trust; when they are misaligned, others are more likely to trust the non-verbal cues.

10. Here are key non-verbal cues and their roles in boundary enforcement:

10.1. Body Posture and Presence

- **Confident Posture:** Standing or sitting with an upright, stable posture projects confidence and self-assurance, which makes your boundary seem serious and non-negotiable.

- **Open Body Language (Initially):** While a closed-off posture (crossed arms, turning away) can signal disinterest or defensiveness, an open and calm posture while stating a boundary can help foster an environment for open dialogue. Once the boundary is crossed, a shift in posture to create physical distance becomes an enforcement tool.

- **Physical Distance (Proxemics):** Intentionally managing the physical space between you and the other person can communicate a need for boundaries. Taking a step back if someone is too close, or putting a hand up in a "stop" motion, clearly signals a limit.

10.2. Eye Contact

- **Maintaining Eye Contact:** Steady, appropriate eye contact conveys seriousness, sincerity, and engagement. It signals that you are confident in your needs and demands to be taken seriously.
- **Avoiding Staring:** Be mindful of cultural norms; you want to maintain sufficient eye contact to show attentiveness and sincerity without appearing aggressive or confrontational.

10.3. Facial Expressions

- **Firm and Composed Expressions:** A neutral or serious facial expression, as opposed to an apologetic smile or anxious look, helps convey the gravity of your boundary.
- **Expressing Discomfort:** A look of disapproval or a frown can signal when someone has crossed a line, even before you verbally enforce the consequence.

10.4. Voice Tone and Volume (Paralanguage)

- **Firm and Clear Tone:** The tone of your voice should align with your assertive words. A firm and steady tone projects authority and resolve, while a high-pitched or wavering voice may signal anxiety or a lack of conviction.
- **Appropriate Volume:** Adjusting your volume to be clear and audible demonstrates confidence. Speaking too softly may undermine your message.

11. Non-verbal actions that demonstrate the boundary are powerful enforcement tools.

- **Walking Away:** If someone begins yelling after you have stated the boundary "If you yell, I will leave the room," physically exiting the area is a powerful, wordless enforcement action.
- **Ending the Conversation:** Standing up and gathering your belongings at the pre-determined time is a non-verbal way of enforcing a time boundary in a meeting.
- **Combining clear verbal communication with consistent, aligned non-verbal cues** is the most sustainable and effective practice for enforcing boundaries and ensuring they are respected.

12. What are common challenges when enforcing boundaries, especially with opportunists?

Enforcing boundaries presents unique challenges, especially when dealing with manipulative or opportunistic individuals who actively seek to find weaknesses in your limits.

12.1. Common Challenges in Enforcing Boundaries

- **Guilt and Self-Doubt:** A primary challenge is the feeling of guilt that often arises when prioritizing your needs over others', especially if you have been conditioned to be a people-pleaser. Opportunists exploit this guilt by framing your boundaries as selfish or unfair.
- **Fear of Conflict or Rejection:** Setting boundaries often creates tension. Many people fear confrontation or worry that setting a limit will lead to the relationship ending, a fear that opportunists may leverage by threatening to leave or withdraw affection.
- **Inconsistency and Lack of Follow-Through:** Enforcing boundaries consistently requires effort. It's challenging to always follow through with consequences, and even a single instance of inconsistency can teach an opportunist that your boundaries are flexible.
- **Lack of Support System:** Without a strong support network of people who validate your feelings and boundaries, it can be easy to doubt yourself and succumb to an opportunist's narrative that you are the problem.
- **Internalized Beliefs:** Overcoming long-held beliefs that you are responsible for others' feelings or problems is a significant hurdle.

12.2 Specific Challenges with Opportunists

Opportunists are particularly skilled at making boundary enforcement difficult:

- **Gaslighting and Manipulation:** Opportunists frequently use gaslighting to make you question your own reality and needs. They may deny ever crossing a boundary or make you feel like you are overreacting or "crazy" for having certain limits.
- **Guilt-Tripping and Victimhood:** They are adept at playing the victim role, turning the situation around so you feel bad for setting the boundary. They might say, "You know I can't afford that, why are you being so heartless?"
- **Testing and Pushing Limits:** Opportunists constantly test boundaries to see how far they can push before there is a consequence. They are looking for loopholes and weaknesses in your enforcement.
- **Charming and Disarming Behavior:** They can quickly switch from a boundary-violator to a charming, apologetic person, making you drop your guard and second-guess your decision to enforce the boundary.
- **Emotional Blackmail:** They may implicitly or explicitly threaten the relationship if you hold firm to your boundaries, such as "If you can't help me with this, then I can't be in this relationship."
- **Focus on Short-Term Gain:** Because opportunists prioritize immediate personal gain, they have little regard for the long-term health of the relationship, making them less motivated to respect boundaries that interfere with their current objective.

13. What is gaslighting?

Gaslighting is a form of psychological manipulation and emotional abuse in which an abuser seeks to sow self-doubt and confusion in a victim's mind, making them question their own memory, perception, or sanity. This tactic is used to gain power and control over the victim, who, over time, becomes increasingly reliant on the abuser for their sense of reality.

The term originates from the 1938 play *Gas Light* (and subsequent film adaptations), in which a husband subtly dims the household gas lights while simultaneously convincing his wife that she is imagining the changes and losing her mind.

13.1. Common Tactics of Gaslighting

Gaslighting is a pattern of behavior that can be subtle at first and is distinct from an ordinary disagreement or conflict. Common tactics include:

- **Denial and Lying:** Flat-out denying events or statements, even when faced with proof (e.g., "That never happened," "You must be imagining things").
- **Trivializing Feelings:** Minimizing or dismissing the victim's emotions and experiences, often by calling them "too sensitive," "overreacting," or "crazy".
- **Countering:** Questioning the victim's memory of specific events or facts (e.g., "Are you sure about that? You have a bad memory").
- **Diverting and Blocking:** Changing the subject or refusing to engage in a serious conversation to avoid accountability.

- **Shifting Blame:** Making the victim responsible for the abuser's own actions or mistakes (e.g., "You made me act this way," "It's all your fault").
- **Isolation:** Suggesting that other people agree the victim is "crazy," thereby isolating the victim from their support network.

13.2. Signs of Being Gaslit

A person experiencing gaslighting may exhibit the following signs:

- Constantly second-guessing your own judgment and perceptions.
- Frequently apologizing for your actions or simply for being yourself.
- Feeling confused, anxious, or like you are "losing it".
- Withholding information from friends and family to avoid having to make excuses for the abuser's behavior.
- Having a sense that something is wrong, but being unable to articulate exactly what it is.
- Losing self-confidence and a previous sense of who you were.

13.3. Seeking Help

Gaslighting can happen in romantic relationships, families, friendships, and the workplace, and its effects on mental health can be severe, leading to anxiety, depression, and PTSD.

If you or someone you know is experiencing gaslighting, you can find confidential support and resources from organizations like the [National Domestic Violence Hotline](#) at **1-800-799-SAFE (7233)** or by texting "START" to 88788.

14. What are some techniques to counter gaslighting from an opportunist?

Countering gaslighting from an opportunist involves techniques focused on maintaining your sense of reality, limiting the manipulator's influence, and building external support.

14.1. Techniques to Counter Gaslighting

14.1.1 Reclaim Your Reality

- **Trust Your Instincts:** Pay attention to your "gut feelings." If something feels off, manipulative, or consistently makes you feel confused or "crazy," trust that instinct as a signal that something is wrong.
- **Document Everything:** Keep a private, factual record of conversations and incidents (dates, times, what was said, how you felt). This "paper trail" serves as an anchor to reality when the opportunist tries to deny or distort past events.
- **Use Grounding Phrases:** Have a few go-to statements ready to assert your perspective without getting drawn into a circular argument. Examples include:
 - "That's not how I remember it, and I trust my memory."
 - "My feelings are my feelings; this is how I feel."
 - "We can agree to disagree."
 - "I'm not going to debate my own experience."

14.1.2. Limit the Manipulator's Influence

- **Stop Arguing or Defending:** Opportunists thrive on drawing you into power struggles and emotional debates to wear you down. Refuse to get bogged down in trying to prove your perspective to someone committed to misunderstanding you.

- **Set and Enforce Boundaries:** Clearly state your limits and follow through with consequences if they are crossed. For example: "I will not engage in a conversation where I am being yelled at. I'm going to walk away now, and we can talk later when calm."

- **Minimize Contact:** Reduce the time you spend with the opportunist. If physical distance isn't immediately possible, create emotional or mental distance by disengaging from manipulative conversations.

14.1.3. Build External Support

- **Seek External Validation:** Gaslighting thrives in isolation. Talk to trusted friends, family members, or a mental health professional who can provide an objective, third-party perspective and validate your experiences.

- **Educate Yourself:** Learn about gaslighting tactics to better recognize them when they occur. Understanding the manipulation empowers you to respond more effectively and reminds you that you are not the problem.

- **Prioritize Self-Care:** Engage in activities that rebuild your self-esteem and sense of self, such as hobbies, exercise, or meditation. This strengthens your overall resilience against psychological manipulation.

If you are experiencing ongoing emotional abuse, a mental health professional or support group can offer valuable resources and guidance during recovery. You can find professional help via online directories or by consulting the National Domestic Violence Hotline (which addresses all forms of abuse, not just physical).

15.What are some common boundary violations by opportunists and how should they be addressed?

Opportunists often disregard personal limits to achieve their own ends, making boundary violations a common feature of interactions with them. These violations are often subtle at first but escalate over time.

15.1. Common Boundary Violations by Opportunists

Type of Violation - Examples by Opportunists

15.1.1. Expecting you to drop everything for their needs, but rarely or never returning the favor. They might show up uninvited or demand immediate responses to calls/texts regardless of your schedule.

Emotional & Social Guilt-tripping you into compliance, invalidating your feelings ("you're too sensitive"), and oversharing personal issues to elicit empathy and support without reciprocating. They may talk about you behind your back or share your private information with others.

15.1.2 **Financial & Material** Asking to borrow money or belongings without permission, or expecting you to cover their expenses. In the workplace, this manifests as taking credit for your work or pressuring you to do extra tasks without recognition.

15.1.3. Invading your personal space, touching you without consent, or going through your belongings (phone, mail, etc.) without permission.

Professional Bosses or co-workers contacting you outside of work hours for non-emergencies or ignoring your stated workload limits.

16. How to Address the Violations

Addressing these violations effectively requires firmness and consistency:

16.1 *Acknowledge the Violation*: Internally recognize that a line has been crossed and validate your own feelings. Do not immediately give the opportunist the benefit of the doubt.

1.6.2. *Use Clear "I" Statements*: State the boundary and the impact of the violation using "I" language. This avoids accusation and focuses on your experience.

◦ Example: "I feel disrespected when you show up without calling first. I need people to check with me before they visit."

16.3. *Implement Consequences Immediately*: If the behavior continues, follow through with the consequence you established.

◦ Example: If they show up uninvited, you can calmly say, "As I've said before, I need you to call first. I'm busy right now, so this isn't a good time." You can then choose not to open the door or end the interaction.

16.4. *Don't Justify, Argue, Defend, or Explain (JADE)*: Opportunists will try to draw you into a debate or use manipulation tactics (like gaslighting or victimhood) to make you back down. State your boundary simply and firmly, and then disengage from the argument.

16.5. *Document and Seek Support*: Keep a private, factual record of recurring boundary violations, especially in a workplace or potentially abusive situation. Seek support from trusted friends, family, or a professional to gain perspective and avoid isolation. A mental health professional can offer valuable guidance during recovery.

16.6. *Re-evaluate the Relationship*: If a person repeatedly violates your non-negotiable boundaries, the healthiest option may be to limit contact significantly or end the relationship.

Conclusion

We have covered a great deal concerning stupidity and opportunism. All of us are vulnerable to stupid behavior all along our lives. Therefore, we need critical thinking ability as a shield against stupidity. Never overestimate our ability to make judicious decisions at all time. Never underestimate the ability of others to do good or harm.

We also have learned a great deal about opportunists. They have an uncanny ability to cheat, and to take advantage of the unwary. Banks and financial institutions periodically warn their customers of scammers who take advantage of unwary people to part with their money, especially during the holidays. Hence, be aware, exercise caution, and think critically.



Psychological profile of opportunists Google AI

The psychological profile of an opportunist is primarily defined by self-interest and a lack of guiding principles or ethics, often involving traits associated with the "Dark Triad" of personality: Machiavellianism, narcissism, and psychopathy.

1. Core Traits

- **Selfishness:** The primary motivation is personal gain, with little to no regard for the interests, needs, or well-being of others.
- **Lack of Principles:** Opportunists place expediency and personal advantage above moral or ethical principles, changing their stance or loyalties to fit the circumstances.
- **Manipulativeness and Deceit:** They use manipulation, flattery, and deception to control and exploit others for their own benefit.
- **Lack of Empathy/Remorse:** Individuals with high levels of opportunism, especially those with psychopathic traits, often lack compassion or concern for the suffering of those they harm.
- **Flexibility and Adaptability:** They are highly flexible in their decision-making and behavior, quickly adapting to new situations to identify and exploit opportunities.
- **Transactional View of Relationships:** Relationships are not built on trust or sincerity but are seen as strategic tools or transactions for personal advancement. People are used as means to an end and discarded when no longer useful.

2. Associated Personality Traits (Dark Triad)

2.1. *Opportunism is strongly linked to the Dark Triad personality traits:*

- **Machiavellianism:** Characterized by a cynical worldview, a focus on manipulation, and a strategic approach to interactions to achieve power and control. Machiavellians are adept at using others and justifying their actions in the pursuit of their goals.
- **Narcissism:** Involves an inflated sense of self, a constant need for validation ("supply"), and a belief in their own superiority. Opportunists with narcissistic tendencies often feel entitled to use others and take credit for work they did not do.
- **Subclinical Psychopathy:** Associated with low anxiety, risk-taking, impulsivity, and a profound lack of remorse or guilt. These individuals are "natural born" opportunists who exploit others without a troubled conscience.

2.2 *Behavioral Patterns*

- **Charming Exterior:** To survive and exploit social situations, they can be charming and initially appear supportive to gain trust and access to resources.
 - **"Grab and Run" Mentality:** They focus on short-term gains, often leaving behind damaged relationships and consequences for others when the opportunity has been exhausted.
 - **Image Management:** Opportunists are often good at self-promotion and managing their image to appear competent or high-minded, even when their actions are self-serving.
- In essence, an opportunist prioritizes their own immediate gain above all else, making them unreliable and potentially harmful partners in personal and professional relationships. Their behavior is guided by self-interest and expediency rather than integrity or mutual respect.

3. How can you identify and interact with opportunists?

Identifying and interacting with opportunists requires a combination of vigilance and strategic boundary-setting to protect your time, resources, and emotional well-being

3.1 *How to Identify an Opportunist*

Key indicators involve observing their patterns of behavior and the nature of their relationships:

- **Transactional Relationships:** They show interest and support only when they can gain something (money, social status, connections, etc.). Their affection wanes quickly once the "perks" are gone.
- **Selective Availability:** They are quick to ask for your help but mysteriously absent when you need assistance or are going through a difficult time.
- **Charming but Inconsistent:** They can be very charming and flattering initially to hook you in emotionally, but their words and actions don't align over time.
- **Credit-Takers:** In a professional setting, they may take credit for your ideas or accomplishments and align themselves with your success while avoiding responsibility for failures.
- **Lack of Empathy:** They struggle to show genuine concern for others' difficulties, often focusing the conversation back on themselves or how the situation impacts them.
- **Boundary Violations:** They often push boundaries and make unreasonable requests, then make you feel guilty or "too sensitive" for resisting them.
- **Gut Feeling:** Trust your instincts. If you consistently feel uneasy, drained, or used after interacting with someone, it is a strong indicator of an unhealthy dynamic.

4. How to Differentiate Opportunists from Authentic Individuals

Differentiating between an opportunist and an authentic individual involves observing the consistency of their behavior, their motivation for interaction, and their response to boundaries.

4.1. Key Differences

Feature

	Opportunist	Authentic Individual
Motivation	Seeks personal gain, advantage, or resource exploitation.	Motivated by genuine connection, mutual respect, and shared values.
Consistency	Behavior changes depending on whether they perceive an opportunity for benefit. May act differently in public versus private.	Behavior is consistent across all situations, reflecting their true nature and principles.
Reciprocity	Takes advantage of resources without offering genuine support or reciprocity.	Values balanced relationships and mutual support.
Response to Boundaries	Negative reaction when boundaries are set or they are told "no". Their true character emerges when they don't get their way.	Respects boundaries and understands that "no" is a valid answer.
Focus	Short-term focus on immediate benefits, often disregarding long-term impact on others.	Focuses on building lasting relationships and considers the consequences of their actions.

Loyalty

Loyalty is conditional and quickly disappears when opportunities dry up.

Loyalty is consistent and enduring, appreciating even small acts of kindness.

4.2. How to Discern

Observe actions, not just words: Pay close attention to how a person's actions align with what they say.

An authentic person's actions and words will be in harmony.

Trust your instincts: Your gut feelings often recognize dishonesty before your conscious mind does. If something feels "off" about a person, pay attention to that feeling.

Set boundaries: A simple way to test a person's character is to set a boundary or say "no" to a request.

An authentic person will respect this, while an opportunist may show resentment or anger.

Evaluate their network: Observe who they associate with and how they treat people who cannot offer them anything. Opportunists often only surround themselves with people who can further their goals.

Check for humility: Authentic people are humble and acknowledge that external factors influence outcomes, while opportunists may take all the credit for success and blame others for failure.

By applying these observations, you can better protect yourself and foster genuine relationships built on trust and mutual respect.

4.3. Give some examples of how an opportunist's behavior differs from authentic people's

An opportunist's behavior consistently contrasts with that of an authentic person, primarily through their motivation, consistency, and how they treat others, particularly when things aren't going their way.

Here are specific examples of how their behaviors differ:

4.3.1. Networking and Relationships

- **Opportunist:** Views relationships as a means to an end. They actively seek out influential individuals, offering flattery and support, but might ignore or dismiss people they perceive as having no immediate value or status.
- **Authentic Person:** Builds a diverse network based on mutual interests and respect, regardless of social standing or potential benefits. They are just as kind and attentive to a service worker as they are to a CEO.

4.3.2. Credit and Acknowledgment

- **Opportunist:** Quick to take all the credit for group successes, often minimizing the contributions of others. When a project fails, they are the first to deflect blame onto colleagues.
- **Authentic Person:** Humbly acknowledges team contributions during success and takes personal responsibility for their role in failures, focusing on learning and improvement rather than blame.

4.3.3. Response to Boundaries

- **Opportunist:** Becomes visibly upset, resentful, or tries to guilt-trip you when you set boundaries or decline a request. They may repeatedly push the boundary, showing their primary interest was getting their way, not respecting you.

- **Authentic Person:** Respects your boundaries and personal needs without question. They understand that "no" is a valid answer in a healthy relationship.

4.3.4. Consistency in Behavior

- **Opportunist:** Their behavior and personality can dramatically shift depending on who is in the room. They might be charming and polite to a boss but dismissive and rude to their subordinates in private.
- **Authentic Person:** Exhibits consistent behavior regardless of the audience or situation. The person you meet in a casual setting is the same person you encounter in a professional environment.

4.3.5. Times of Need

- **Opportunist:** Disappears when you are going through a difficult time, or if their help offers no clear benefit to them. Their support is conditional on convenience and advantage.
- **Authentic Person:** Shows up for you during tough times, offering genuine support and a listening ear, without expecting anything in return. Their loyalty is consistent, even when it is inconvenient.

4.3.6. Flattery and Communication

- **Opportunist:** Uses excessive, insincere flattery to disarm you or get something they want. Their communication often feels manipulative and calculated.
- **Authentic Person:** Offers genuine, specific compliments when deserved. Their communication is honest, direct, and transparent, never leaving you second-guessing their intentions.

5. How to Interact with Opportunists

The goal is to minimize their impact on your life and protect yourself from exploitation.

- **Set Clear and Firm Boundaries:** Define what behavior you will and will not tolerate. Be consistent in enforcing these limits. For example, "I'm not comfortable sharing my personal finances" or "I need time to think before I can commit to that".
- **Limit Your Interactions:** Distance yourself when possible. Avoid involving them in your finances or sharing sensitive information that could be used against you.
- **Don't Feel Obligated to Say Yes:** Opportunists rely on your willingness to please. Learn to say "no" politely but firmly without feeling guilty.
- **Focus on Facts and Reason:** If a confrontation is necessary, remain calm, factual, and detached. Avoid getting drawn into emotional power struggles. Use "I" statements to describe how their behavior affects you, such as "I feel undervalued when my contributions are overlooked".
- **Put the Focus Back on Them:** Ask probing questions to highlight the inequity of their requests, such as, "Does that seem like a fair arrangement to you?" This might cause them to back down if they have some level of self-awareness.
- **Document Everything (Workplace):** If the opportunism is occurring in a professional setting, keep a paper trail of relevant interactions and issues. Focus on how their actions affect productivity to justify involving a supervisor or HR if necessary.
- **Build a Strong Support System:** Surround yourself with positive, trustworthy people who offer genuine, two-way support. Talk about your experiences with friends, family, or a therapist to gain perspective and avoid isolation.

- **Know When to Walk Away:** If the behavior continues despite your best efforts and boundaries are consistently disrespected, it may be time to cut ties, as your well-being should be a priority.

6. Give some examples of boundaries for different relationships

Setting clear and consistent boundaries is crucial for healthy relationships and particularly helpful when dealing with potential opportunists

. Boundaries can cover emotional, physical, financial, and time-related aspects of your interactions.

Here are examples of boundaries for different types of relationships:

Romantic Relationships

- Emotional: "I need space to process my feelings before discussing a conflict". This prevents the other person from demanding an immediate resolution.
- Physical: "I am not comfortable with physical intimacy (e.g., hugging, sex) until I am ready".
- Financial: "I prefer to keep separate bank accounts and make large purchases only with mutual agreement". This prevents a partner from overspending your shared or personal money.
- Privacy: "I'm not comfortable sharing my phone password or having my messages read".
- Communication: "I am not okay with name-calling or yelling when we argue. If it continues, I will end the conversation and we can talk when calm".

Family Relationships

- Time: "I can come over for the holiday dinner, but I will need to leave by 8 PM".
- Emotional/Topics: "I appreciate your concern, but I'm not comfortable discussing my personal relationships or finances".
- Physical Space: "Please call before you come over; I need advance notice before you stop by my home".
- Material: "I can't lend you any more money right now, but I can help you look for community financial resources".
- Parenting: "I appreciate your advice on my parenting, but I've got it handled. Please don't comment on how I raise my children".

Friendships

- Emotional Energy: "I can listen to you vent for a little while, but I need to set a limit of 15 minutes, as I have a lot on my plate today".
- Reciprocity: "I feel undervalued when our plans are always centered around your needs. Can we do something I want to do next time?"
- Gossip: "I'm not comfortable talking negatively about our mutual friends. Can we change the subject?"
- Lateness: "I'm willing to wait 15 minutes past our agreed time, but if you're later than that, I will head home/leave".

Workplace/Professional Relationships

- Time: "I don't respond to work emails or calls after 6 PM or on weekends".
- Workload: "I cannot take on that additional project right now; I am on several deadlines and need to prioritize my current tasks".
- Personal Information: "I prefer to keep my personal life separate from work and am not comfortable sharing those details".
- Physical Space: "I work best with my door closed, but I'm available to chat during my office hours".
- Credit/Effort: "To ensure clarity on responsibilities, I've created a shared document outlining project roles and deadlines".

Key Communication Tips

- Use "I" statements to express your feelings without blaming the other person (e.g., "I feel disrespected when you interrupt me").
- Be clear, calm, and direct in your communication.
- Be consistent in enforcing your boundaries to show you are serious.
- Have clear consequences and follow through if boundaries are repeatedly ignored (e.g., leaving the room, limiting contact).

7. What are some strategies for enforcing boundaries?

Enforcing boundaries requires consistency, clear communication, and follow-through. It is not enough to set a boundary; you must be prepared for pushback and have a plan to react when boundaries are crossed.

7.1 Here are strategies for enforcing boundaries effectively:

7.1.1. Communicate Clearly and Calmly

- Be Direct and Explicit: Don't hint at boundaries; state them clearly. "Please do not call me after 9 PM" is better than "It's hard for me to talk late at night."
- Use "I" Statements: This shifts the focus from accusing the other person to explaining your needs (e.g., "I feel overwhelmed when you drop by unannounced, so please call first").
- Remain Calm and Firm: Avoid getting emotional, yelling, or apologizing excessively. A calm, steady demeanor shows you are serious and in control.

7.1.2. Follow Through with Consequences

The most critical step in enforcement is following through with the consequences you established when the boundary was first set. Consequences should be reasonable and something you are willing to do.

- State the Consequence in Advance: When setting the boundary, briefly mention what will happen if it is crossed. For example, "If you yell at me, I will end the conversation."
- Implement the Consequence Immediately: The moment the boundary is crossed, act. If they yell, say, "I see you're yelling, so I am going to hang up now. We can talk later when you are calm," and then hang up the phone.
- Consistency is Key: Do not make exceptions. Every time the boundary is crossed, the consequence must follow. Inconsistency teaches others that your boundaries are flexible or can be ignored.

7.1.3. Manage Pushback and Resistance

Opportunists and boundary-crossers will often resist your limits. They may use manipulation or emotional tactics to make you back down.

- Anticipate Guilt Trips: They might say, "You're selfish" or "If you loved me, you would do this." Recognize these as manipulation tactics and do not let them sway you from your needs.
- Don't Justify, Argue, or Defend (JADE): You do not owe anyone an elaborate explanation for your boundaries. "This is what works for me" or "I've made my decision" are sufficient responses.
- Reiterate and Re-Establish: If they challenge a boundary, simply and calmly restate it. "As I said before, I am not discussing my finances."

7.1.4. Adjust the Relationship as Needed

If a person consistently refuses to respect your boundaries despite repeated enforcement efforts, you may need to reconsider the nature of the relationship.

- Limit Contact: Reduce the frequency and duration of interactions.

- Change the Context: Shift interactions to more public or professional settings where boundary-crossing is less likely.
- End the Relationship: For highly toxic or opportunistic individuals who cause persistent harm, the healthiest option may be to end the relationship entirely.

8. Summary of Enforcement Steps

1. Clearly state the boundary.
2. State the consequence.
3. Immediately implement the consequence when the boundary is crossed.
4. Do not JADE (Justify, Argue, Defend, or Explain).
5. Be consistent and persistent.

9. What's the role of non-verbal cues in enforcing boundaries?

Non-verbal cues play a crucial role in enforcing boundaries because actions often speak louder than words, conveying sincerity, confidence, and resolve. When your verbal message and body language are aligned (congruent), it increases clarity and trust; when they are misaligned, others are more likely to trust the non-verbal cues.

10. Here are key non-verbal cues and their roles in boundary enforcement:

10.1. Body Posture and Presence

- Confident Posture: Standing or sitting with an upright, stable posture projects confidence and self-assurance, which makes your boundary seem serious and non-negotiable.
- Open Body Language (Initially): While a closed-off posture (crossed arms, turning away) can signal disinterest or defensiveness, an open and calm posture while stating a boundary can help foster an environment for open dialogue. Once the boundary is crossed, a shift in posture to create physical distance becomes an enforcement tool.
- Physical Distance (Proxemics): Intentionally managing the physical space between you and the other person can communicate a need for boundaries. Taking a step back if someone is too close, or putting a hand up in a "stop" motion, clearly signals a limit.

10.2. Eye Contact

- Maintaining Eye Contact: Steady, appropriate eye contact conveys seriousness, sincerity, and engagement. It signals that you are confident in your needs and demands to be taken seriously.
- Avoiding Staring: Be mindful of cultural norms; you want to maintain sufficient eye contact to show attentiveness and sincerity without appearing aggressive or confrontational.

10.3. Facial Expressions

- Firm and Composed Expressions: A neutral or serious facial expression, as opposed to an apologetic smile or anxious look, helps convey the gravity of your boundary.
- Expressing Discomfort: A look of disapproval or a frown can signal when someone has crossed a line, even before you verbally enforce the consequence.

10.4. Voice Tone and Volume (Paralanguage)

- Firm and Clear Tone: The tone of your voice should align with your assertive words. A firm and steady tone projects authority and resolve, while a high-pitched or wavering voice may signal anxiety or a lack of conviction.

- **Appropriate Volume:** Adjusting your volume to be clear and audible demonstrates confidence. Speaking too softly may undermine your message.

11. Non-verbal actions that demonstrate the boundary are powerful enforcement tools.

- **Walking Away:** If someone begins yelling after you have stated the boundary "If you yell, I will leave the room," physically exiting the area is a powerful, wordless enforcement action.
- **Ending the Conversation:** Standing up and gathering your belongings at the pre-determined time is a non-verbal way of enforcing a time boundary in a meeting.
- **Combining clear verbal communication with consistent, aligned non-verbal cues** is the most sustainable and effective practice for enforcing boundaries and ensuring they are respected.

12. What are common challenges when enforcing boundaries, especially with opportunists?

Enforcing boundaries presents unique challenges, especially when dealing with manipulative or opportunistic individuals who actively seek to find weaknesses in your limits.

12.1. Common Challenges in Enforcing Boundaries

- **Guilt and Self-Doubt:** A primary challenge is the feeling of guilt that often arises when prioritizing your needs over others', especially if you have been conditioned to be a people-pleaser. Opportunists exploit this guilt by framing your boundaries as selfish or unfair.
- **Fear of Conflict or Rejection:** Setting boundaries often creates tension. Many people fear confrontation or worry that setting a limit will lead to the relationship ending, a fear that opportunists may leverage by threatening to leave or withdraw affection.
- **Inconsistency and Lack of Follow-Through:** Enforcing boundaries consistently requires effort. It's challenging to always follow through with consequences, and even a single instance of inconsistency can teach an opportunist that your boundaries are flexible.
- **Lack of Support System:** Without a strong support network of people who validate your feelings and boundaries, it can be easy to doubt yourself and succumb to an opportunist's narrative that you are the problem.
- **Internalized Beliefs:** Overcoming long-held beliefs that you are responsible for others' feelings or problems is a significant hurdle.

12.2 Specific Challenges with Opportunists

Opportunists are particularly skilled at making boundary enforcement difficult:

- **Gaslighting and Manipulation:** Opportunists frequently use gaslighting to make you question your own reality and needs. They may deny ever crossing a boundary or make you feel like you are overreacting or "crazy" for having certain limits.
- **Guilt-Tripping and Victimhood:** They are adept at playing the victim role, turning the situation around so you feel bad for setting the boundary. They might say, "You know I can't afford that, why are you being so heartless?"
- **Testing and Pushing Limits:** Opportunists constantly test boundaries to see how far they can push before there is a consequence. They are looking for loopholes and weaknesses in your enforcement.
- **Charming and Disarming Behavior:** They can quickly switch from a boundary-violator to a charming, apologetic person, making you drop your guard and second-guess your decision to enforce the boundary.
- **Emotional Blackmail:** They may implicitly or explicitly threaten the relationship if you hold firm to your boundaries, such as "If you can't help me with this, then I can't be in this relationship."

- **Focus on Short-Term Gain:** Because opportunists prioritize immediate personal gain, they have little regard for the long-term health of the relationship, making them less motivated to respect boundaries that interfere with their current objective.

13. What is gaslighting?

Gaslighting is a form of psychological manipulation and emotional abuse in which an abuser seeks to sow self-doubt and confusion in a victim's mind, making them question their own memory, perception, or sanity. This tactic is used to gain power and control over the victim, who, over time, becomes increasingly reliant on the abuser for their sense of reality.

The term originates from the 1938 play *Gas Light* (and subsequent film adaptations), in which a husband subtly dims the household gas lights while simultaneously convincing his wife that she is imagining the changes and losing her mind.

13.1. Common Tactics of Gaslighting

Gaslighting is a pattern of behavior that can be subtle at first and is distinct from an ordinary disagreement or conflict. Common tactics include:

- **Denial and Lying:** Flat-out denying events or statements, even when faced with proof (e.g., "That never happened," "You must be imagining things").
- **Trivializing Feelings:** Minimizing or dismissing the victim's emotions and experiences, often by calling them "too sensitive," "overreacting," or "crazy".
- **Countering:** Questioning the victim's memory of specific events or facts (e.g., "Are you sure about that? You have a bad memory").
- **Diverting and Blocking:** Changing the subject or refusing to engage in a serious conversation to avoid accountability.
- **Shifting Blame:** Making the victim responsible for the abuser's own actions or mistakes (e.g., "You made me act this way," "It's all your fault").
- **Isolation:** Suggesting that other people agree the victim is "crazy," thereby isolating the victim from their support network.

13.2. Signs of Being Gaslit

A person experiencing gaslighting may exhibit the following signs:

- Constantly second-guessing your own judgment and perceptions.
- Frequently apologizing for your actions or simply for being yourself.
- Feeling confused, anxious, or like you are "losing it".
- Withholding information from friends and family to avoid having to make excuses for the abuser's behavior.
- Having a sense that something is wrong, but being unable to articulate exactly what it is.
- Losing self-confidence and a previous sense of who you were.

13.3. Seeking Help

Gaslighting can happen in romantic relationships, families, friendships, and the workplace, and its effects on mental health can be severe, leading to anxiety, depression, and PTSD.

If you or someone you know is experiencing gaslighting, you can find confidential support and resources from organizations like the [National Domestic Violence Hotline](#) at **1-800-799-SAFE (7233)** or by texting "START" to 88788.

14.What are some techniques to counter gaslighting from an opportunist?

Countering gaslighting from an opportunist involves techniques focused on maintaining your sense of reality, limiting the manipulator's influence, and building external support.

14.1.Techniques to Counter Gaslighting

14.1.1 Reclaim Your Reality

- **Trust Your Instincts:** Pay attention to your "gut feelings." If something feels off, manipulative, or consistently makes you feel confused or "crazy," trust that instinct as a signal that something is wrong.
- **Document Everything:** Keep a private, factual record of conversations and incidents (dates, times, what was said, how you felt). This "paper trail" serves as an anchor to reality when the opportunist tries to deny or distort past events.
- **Use Grounding Phrases:** Have a few go-to statements ready to assert your perspective without getting drawn into a circular argument. Examples include:
 - "That's not how I remember it, and I trust my memory."
 - "My feelings are my feelings; this is how I feel."
 - "We can agree to disagree."
 - "I'm not going to debate my own experience."

14.1.2. Limit the Manipulator's Influence

- **Stop Arguing or Defending:** Opportunists thrive on drawing you into power struggles and emotional debates to wear you down. Refuse to get bogged down in trying to prove your perspective to someone committed to misunderstanding you.
- **Set and Enforce Boundaries:** Clearly state your limits and follow through with consequences if they are crossed. For example: "I will not engage in a conversation where I am being yelled at. I'm going to walk away now, and we can talk later when calm."
- **Minimize Contact:** Reduce the time you spend with the opportunist. If physical distance isn't immediately possible, create emotional or mental distance by disengaging from manipulative conversations.

14.1.3. Build External Support

- **Seek External Validation:** Gaslighting thrives in isolation. Talk to trusted friends, family members, or a mental health professional who can provide an objective, third-party perspective and validate your experiences.
- **Educate Yourself:** Learn about gaslighting tactics to better recognize them when they occur. Understanding the manipulation empowers you to respond more effectively and reminds you that you are not the problem.
- **Prioritize Self-Care:** Engage in activities that rebuild your self-esteem and sense of self, such as hobbies, exercise, or meditation. This strengthens your overall resilience against psychological manipulation.

If you are experiencing ongoing emotional abuse, a mental health professional or support group can offer valuable resources and guidance during recovery. You can find professional help via online directories or by consulting the National Domestic Violence Hotline (which addresses all forms of abuse, not just physical).

15. What are some common boundary violations by opportunists and how should they be addressed?

Opportunists often disregard personal limits to achieve their own ends, making boundary violations a common feature of interactions with them. These violations are often subtle at first but escalate over time.

15.1. Common Boundary Violations by Opportunists

Type of Violation - Examples by Opportunists

15.1.1. Expecting you to drop everything for their needs, but rarely or never returning the favor. They might show up uninvited or demand immediate responses to calls/texts regardless of your schedule.

Emotional & Social Guilt-tripping you into compliance, invalidating your feelings ("you're too sensitive"), and oversharing personal issues to elicit empathy and support without reciprocating. They may talk about you behind your back or share your private information with others.

15.1.2 Financial & Material Asking to borrow money or belongings without permission, or expecting you to cover their expenses. In the workplace, this manifests as taking credit for your work or pressuring you to do extra tasks without recognition.

15.1.3. Invading your personal space, touching you without consent, or going through your belongings (phone, mail, etc.) without permission.

Professional Bosses or co-workers contacting you outside of work hours for non-emergencies or ignoring your stated workload limits.

16. How to Address the Violations

Addressing these violations effectively requires firmness and consistency:

16.1 *Acknowledge the Violation*: Internally recognize that a line has been crossed and validate your own feelings. Do not immediately give the opportunist the benefit of the doubt.

1.6.2. *Use Clear "I" Statements*: State the boundary and the impact of the violation using "I" language. This avoids accusation and focuses on your experience.

◦ Example: "I feel disrespected when you show up without calling first. I need people to check with me before they visit."

16.3. *Implement Consequences Immediately*: If the behavior continues, follow through with the consequence you established.

◦ Example: If they show up uninvited, you can calmly say, "As I've said before, I need you to call first. I'm busy right now, so this isn't a good time." You can then choose not to open the door or end the interaction.

16.4. *Don't Justify, Argue, Defend, or Explain (JADE)*: Opportunists will try to draw you into a debate or use manipulation tactics (like gaslighting or victimhood) to make you back down. State your boundary simply and firmly, and then disengage from the argument.

16.5. *Document and Seek Support*: Keep a private, factual record of recurring boundary violations, especially in a workplace or potentially abusive situation. Seek support from trusted friends, family, or

a professional to gain perspective and avoid isolation. A mental health professional can offer valuable guidance during recovery.

16.6. *Re-evaluate the Relationship*: If a person repeatedly violates your non-negotiable boundaries, the healthiest option may be to limit contact significantly or end the relationship.

Conclusion

We have covered a great deal concerning stupidity and opportunism. All of us are vulnerable to stupid behavior all along our lives. Therefore, we need critical thinking ability as a shield against stupidity. Never overestimate our ability to make judicious decisions at all time. Never underestimate the ability of others to do good or harm.

We also have learned a great deal about opportunists. They have an uncanny ability to cheat, and to take advantage of the unwary. Banks and financial institutions periodically warn their customers of scammers who take advantage of unwary people to part with their money, especially during the holidays. Hence, be aware, exercise caution, and think critically. ■

(To be continued)

Thomas D. Le

24 November 2025

Bibliography for This Segment of CR

Gaslighting. (2025, November 9). In *Wikipedia*. Retrieved November 24, 2025 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Gaslighting>

Opportunism. (2025, May 25). In *Wikipedia*. Retrieved November 22, 2025 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Opportunism>

Stupidity. (2025, October 3). In *Wikipedia*. Retrieved November 22, 2025 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Stupidity>

General Bibliography for the Critical Thinking Section -- CR

- Agler, D.W. (2013). *Symbolic Logic: Syntax, Semantics, and Proofs*. [eBook edition]. Retrieved November 3, 2023 from <https://z-library.se/book/2352876/b24b56?dsource=recommendhttps://z-library.se/book/2352876/b24b56?dsource=recommend>
- Allen, M. (2004). *Smart Thinking: Skills for Critical Understanding and Writing*. [eBook edition]. Retrieved November 3, 2023 from <https://epdf.pub/smart-thinking-skills-for-critical-understanding-and-writing.html>
- Argument. (2020, July 1). In *Wikipedia*. Retrieved July 11, 2020 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Argument>
- Baert, P.J.N. (ed.) (2000). *Time in Contemporary Intellectual Thought*. [eBook edition]. Elsevier Science BV. Retrieved March 6, 2024 from <https://epdf.pub/queue/time-in-contemporary-intellectual-thought.html>
- Banaji, N.R. and Greenwald, A. G. (2013), *Blindspot: The Hidden Biases of Good People*. [eBook edition]. Delacroix Press. Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html>
- Barclay, D. A. (2018). *Fake News, Propaganda, and Plain Old Lies: How to Find Trustworthy Information in the Digital Age*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/fake-news-propaganda-and-plain-old-lies-how-to-find-trustworthy-information-in-the-digital-age-e157179037.html>
- Baronnett, S. (2015). *Logic. 3rd ed*, [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/3417932/f47b4e?dsource=recommend>
- Bassham, G., Irwin, W., Nardone, H. & Wallace, J.M.(2011). *Critical Thinking: A Student's Introduction, 4th ed*. [eBook edition]. McGraw-Hill. Retrieved July 30, 2023 from [https://pdfroom.com/search? query=Critical+Thinking%3AA+Student%27s+Introduction%2C4th+ed+Bassham](https://pdfroom.com/search?query=Critical+Thinking%3AA+Student%27s+Introduction%2C4th+ed+Bassham)
- Baudouin, B. (2014). *Le grand livre de la connaissance de soi De Confucius à Bergson*. [eBook edition]. Presses du Chatelet. Retrieved April 2, 2021 from [https://www.pdfdrive.com/le-grand-livre-de-la-connaissance-de-soi-de-confucius- %C3%A0-freud-d157871281.html](https://www.pdfdrive.com/le-grand-livre-de-la-connaissance-de-soi-de-confucius-%C3%A0-freud-d157871281.html)
- Bennett, B. (2012), *Logically Fallacious: The Ultimate Collection of Over 300 Logical Fallacies*. [eBook edition]. Ebook.com. Retrieved January 6, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/logically-fallacious-the-ultimate-coll-of-over-300-logical-fallacies-d196168785.html>

- Bernays, E (1928). *Propaganda*: [eBook edition]. Retrieved October 26, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/propaganda-edward-l-bernays-whale-d7878425.html>
- Bernays, E (2004, first published 1928). *Propaganda: Comment manipuler l'opinion en democratie*. [eBook [edition](#)]. Ig publishing. Retrieved October 26, 2021 from <https://pdfroom.com/books/edward-bernays-propaganda/vxdzZ9NEdRV>
- Bias. (2021, January 12). In *Wikipedia*. Retrieved January 12, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Bias>
- Burgis, T. (2024). *Cuckooland Where the Rich Own the Truth* [eBook edition]. William Collins. Retrieved May 9, 2024 from <https://z-library.se/book/27932414/814f0a/cuckooland-where-the-rich-own-the-truth.html?dsource=recommend>
- Bloom, B.S. (Ed.), Engelhart, M.D., Furst, J., Hill, W.H. & Krathwohl, D.R. (1956) *Taxonomy of educational objectives. Handbook I. cognitive domain*. [eBook edition]. Longman, Inc. <https://epdf.pub/queue/taxonomy-of-educational-objectives-handbook-1-cognitive-domain.html>
- Browne, M.L. and Keely, S.M. (2007). *Asking the Right Questions, 2nd ed.* [eBook edition]. Upper Saddle River, NJ: Retrieved September 25, 2020 from <https://epdf.pub/asking-the-right-questions-a-guide-to-critical-thinkinga2a9c31b91f7f935fe474f2153bbf2ff81430.html>
- Butterworth, H. & Thwaites, G. (2013, orig. 2005). *Thinking Skills: Critical Thinking and Problem Solving., 2ed.* [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 23, 2024 from <https://z-library.se/s/?q=Thinking+Skills%3A+Critical+Thinking+and+Problem+Solving+butterworth>
- Caverni, J.P, Fabre, J.M. & Gondalez, M. (Eds.).(1990). *Cognitive Biases*. [eBook edition]. North-Holland, Amsterdam. Retrieved January 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/cognitive-biases-e185159458.html>
- Cederblom, J. and Paulsen, D. (2001). *Critical Reasoning*. 6th ed. [eBook edition]. Thomson Wadsworth. Retrieved January 18, 2020 from <https://epdf.pub/criticalreasoning862ad392a127bfdeac2d97158bde312b86664.html>
- Center for Critical Thinking. (2021, February 17). *Critical Thinking for Today's Students*. [Video]. YouTube. Retrieved May 19, 2021 from <https://www.youtube.com/watch?v=hzf8Emtn2Ig>

- Chastenet, P. (2021). Jacques Ellul et la propagande. *Cahiers de Psychologie Politique*, (38). Retrieved April 17, 2022 from https://doi.org/10.34745/numerev_1398.
- Cialdini, R. (2004). *Influence et manipulation: Comprendre et maitriser les mecanismes et les techniques_de persuasion*. [eBook edition]. First Editions. Retrieved September 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/influence-et-manipulation-comprendre-et-ma%C3%Aetriser-les-m%C3%A9canismes-et-les-techniques-de-persuasion-d175328434.html>
- Cialdini, R. (2007, first published 1998), *Influence: The Psychology of Persuasion*. [eBook edition]. Harper Collins ebooks. Retrieved September 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/influence-the-psychology-of-persuasion-d60375002.html>
- Claim (philosophy), (2022,). _In *Wikipedia*. Retrieved August 1, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Claim_\(philosophy\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Claim_(philosophy))
- Clunan, A., Lavoy, P.R. & Martin, S (eds.). (2008). *Terrorism, War, or Disease?: Unraveling the Use of Biological Weapons*. [eBook edition]. Stanford Security. Retrieved August 7, 2022 from <https://book4you.org/book/21749535/0aef87>
- Cognitive bias. (2021, January 9). In *Wikipedia*. Retrieved January 12, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Cognitive_bias
- Cohen, S. (2009). *Critical Thinking Unleashed*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield Publishers, Inc. Retrieved August 24, 2023 from <https://epdf.pub/critical-thinking-unleashed.html>
- Copi, I & Cohen, C. (1994, orig.1968). *Introduction to Logic, 9th ed*. Prentice-Hall.
- Cotterell, S. (2005). *Critical Thinking Skills*. [eBook edition]. Palgrave Macmillan. Retrieved August 24, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/543814/1335e7?dsourc=recommend>
- Crews-Anderson, T. (2007). *Critical Thinking and Informal Logic*. [eBook edition]. Humanities-Ebooks.co.uk. Retrieved March 29, 2024 from <https://epdf.pub/critical-thinking-and-informal-logic.html>
- Critical Thinking. (2023, July 17). In *Wikipedia*. Retrieved July 29, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Critical_thinking
- Crowd Manipulation. (2022, December 16). In *Wikipedia*. Retrieved January 16, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Crowd_manipulation
- Culture Industry, (2022, November 21), In *Wikipedia*. Retrieved January 19, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Culture_industry

- D'ancona, M. (2017). *Post-Truth: The New War on Truth and How to Fight Back*, [eBook edition]. Ebury Press. Retrieved 1 May 2024 from <https://z-library.se/book/5921082/6bf43d/posttruth.html>
- Defining Propaganda I. (n.d.). *American Historical Association*.
[https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-\(1944\)/defining-propaganda-i](https://www.historians.org/about-aha-and-membership/aha-history-and-archives/gi-roundtable-series/pamphlets/em-2-what-is-propaganda-(1944)/defining-propaganda-i)
- DelViscio, J. (2020, July 20). A Nixon Deepfake, a 'Moon Disaster' Speech and an Information Ecosystem at Risk. *Scientific American. Computing*, July 20, 2020. Retrieved September 12, 2020 from https://www.scientificamerican.com/article/detecting-deepfakes1/utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=stories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2
- Deweese-Boyd, I. (2016). Self-Deception. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 12, 2020 from <https://plato.stanford.edu/entries/self-deception/>
- Dunning–Kruger effect. (2020, July 7). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/Dunning%E2%80%93Kruger_effect
- Dutihl Noveas, C. (2021). Argument and Argumentation. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/argument/>
- Eberhardt, J. L. (2019). *Biased : uncovering the hidden prejudice that shapes what we see, think, and do*. [eBook edition]. Viking, Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/biased-uncovering-the-hidden-prejudice-that-shapes-what-we-see-think-and-do-e195301338.html>
- Edward Bernays. (2021, September 21). In *Wikipedia*. Retrieved October 29, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Edward_Bernays
- Effingham, N. & Miller, K. (2023). *Does Tomorrow Exist?: A Debate*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved April 10, 2024 from <https://z-library.se/book/23841886/54bef8/does-tomorrow-exist-a-debate.html?dsource=recommend>
- Ellul, J. (1954). *La Technique ou l'enjeu du siècle*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from <https://book4you.org/book/4113994/9c8b68>
[https://monoskop.org/images/4/44/ellul_jacques_-_1954/la_technique_ou_lenjeu_du_siecle\(OCR_05\).pdf](https://monoskop.org/images/4/44/ellul_jacques_-_1954/la_technique_ou_lenjeu_du_siecle(OCR_05).pdf)

- Ellul, J. (1962). *Propagandes*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from https://monoskop.org/images/8/84/ellul_jacques_-_1962/propagandes.pdf
- Ellul, J. (1964). *The Technological Society*. [eBook edition]. Retrieved April 16, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-technological-society-e183821254.html>
- Ellul, J. (1965). *Propaganda: Formation of Men's Attitude*. [eBook edition]. Retrieved April 14, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/ellul-jacques-propaganda-e147929461.html>
- Emam, M.H (ed).(2011), *Are We There Yet? The Search for a Theory of Everything* [eBook edition]. Retrieved May 1, 2024 from Bentham Science Publishers Ltd. <https://z-library.se/book/23815798/021785/emam-moataz-h-ed-are-we-there-yet-the-search-for-a-theory-of-everything-bentham-science-publishers-l.html?dsourc=recommend>
- An Essay on Criticism. (2020, September 2). In *Wikipedia*. Retrieved July 18, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/An_Essay_on_Criticism
- Ewan,S. (1996). *PR!: A Social History of Spin*. [eBook edition]. Retrieved October 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/pr-a-social-history-of-spin-e189942551.html>
- Fallacy. (2021, January 11). In *Wikipedia*. Retrieved January 22, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Fallacy>
- Fisher, A. (2016. Orig. 2012). *Critical Thinking: An Introduction, 2nd ed.* [eBook edition] Cambridge University Press. Retrieved April 15, 2022 from <https://zlibrary-africa.se/s/critical%20thinking%20fisher>
- Fractals (2024, August 12, 2024). In *Wikipedia*. Retrieved August 13, 2024 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Fractal>
- Gambrill, E. & Gibbs. L. (2009). *Critical Thinking for Helping Professionals*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved November 3, 2023 from <https://epdf.pub/critical-thinking-for-helping-professionals-a-skills-based-workbook-5ea6a5b59c225.html>
- George Grant (philosopher). (2022, March 18). In *Wikipedia*. Retrieved April 15, 2022 from [https://en.wikipedia.org/wiki/George_Grant_\(philosopher\)](https://en.wikipedia.org/wiki/George_Grant_(philosopher))
- Groarke, L. (2017). Informal Logic. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 12, 2020 from <https://plato.stanford.edu/entries/logic-informal/>

- Groarke, L. A. & Tindale, C.W. (2004). *Good Reasoning Matters: A Constructive Approach to Critical Thinking, Third Edition*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved May 1, 2024 from <https://z-library.se/book/693689/610944/good-reasoning-matters-a-constructive-approach-to-critical-thinking.html>
- Guéguen, N. (2002). *Psychologie de la Manipulation et de la Soumission*. [eBook edition]. Dunod. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/psychologie-de-la-manipulation-et-de-la-soumission.html>
- Gudonis, M, & Jones, B. T. (eds). (2021). *History in a Post-Truth World: Theory and Praxis*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved May, 1, 2024 from <https://zlibrary.se/book/16587457/b721f6/history-in-a-posttruth-world-theory-and-praxis.html?dsourc=recommend>
- Gula, R. (2002). *Nonsense: A Handbook of Logical Fallacies*, [eBook edition]. Axios Press. Retrieved January 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/nonsense-a-handbook-of-logical-fallacies-d157118347.html>
- Halpern, D.F. (2003). *Thought and Knowledge: An Introduction to Critical Thinking, Fourth Edition*. [eBook edition]. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers. Retrieved January 24, 2021 from <https://epdf.pub/queue/thought-and-knowledge-an-introduction-to-critical-thinking.html>
- Halpern, D.F. (2014). *Thought and Knowledge: An Introduction to Critical Thinking, 5th ed.*, [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved February 1, 2024 from <https://pdfroom.com/books/thought-and-knowledge-an-introduction-to-critical-thinking-by-diane-f-halpern/Wx5aMDJI5>
- Handelman, S. (2009). *Thought Manipulation*. [eBook edition]. Praeger. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/thought-manipulation-the-use-and-abuse-of-psychological-trickery.html>
- Hanson, H. (2020). Fallacies. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved August 3, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/fallacies/>
- Harrington, A., Marshall, B.I, & Müller. H.P. (eds.) (2006). *Encyclopedia of Social Theory*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/encyclopedia-of-social-theory-d188594414.html>

- Hart, C. (2013). *High Price A Neuroscientist's Journey of Self-Discovery That Challenges Every thing You Know About Drugs and Society*. [eBook edition]. HarperCollins Publishers. <https://www.pdfdrive.com/high-price-a-neuroscientists-journey-of-self-discovery-that-challenges-everything-you-know-about-drugs-and-society-d196267373.html>
- Henderson, L. (2018). The Problem of Induction. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved January 4, 2021 from <https://plato.stanford.edu/entries/induction-problem/>
- Herf, J.(2006). *The Jewish Enemy: Nazi Propaganda during World War II and the Holocaust*. [eBook edition]. The Balknap Press of Harvard University Press . Retrieved April 23, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/the-jewish-enemy-nazi-propaganda-during-world-war-ii-and-the-holocaust-d186147277.html>
- Hitchcock , D. (2022, October 12, orig. 2018, July 21). Critical Thinking. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 25, 2023 from <https://plato.stanford.edu/entries/critical-thinking/>
- History of Propaganda.(2022, March 24) In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/History_of_propaganda
- Holiday, R. (2017). *Trust Me I'm Lying: Confessions of a Media Manipulator*. [eBook edition]. Portfolio / Penguin. Retrieved July 18, 2020 from <https://www.pdfdrive.com/trust-me-im-lying-confessions-of-a-media-manipulator-d193260698.html>
- Hoggan, J. (2009). *Climate Change Cover-Up: The Crusade to Deny Global Warming*. [eBook edition]. Greystone Books. Retrieved January 19, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/climate-cover-up-the-crusade-to-deny-global-warming-d193181626.html>
- Holyoak, K. & Morrison. R. (2005). *The Cambridge Handbook of Thinking and Reasoning*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved January 4, 2021 from <https://epdf.pub/queue/the-cambridge-handbook-of-thinking-and-reasoning.html>
- Horkheimer, M. & Adorno, T.W. (authors) Noerr, G.S. (ed.) .(2002). *Dialectic of Enlightenment:Philosophical Fragments*. [eBook edition]. Stanford University Press, Retrieved January 20, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/dialectic-of-enlightenment-d18744342.html>
- Howard, J.(2019). *Cognitive Errors and Diagnostic Mistakes: A Case-Based Guide to Critical*

Thinking in Medicine. [eBook edition]. Springer. Retrieved January 21, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/cognitive-errors-and-diagnostic-mistakes-a-case-based-guide-criticalthinking-in-medicine-d187170033.html>

Huber, R.B. & Snider, A. C. (2006. orig. 1964). *Influencing through argument, Updated Edition*. [eBook edition]. International Debate Education Association Retrieved November 5, 2023 from <https://epdf.pub/influencing-through-argument.html>

Hughes, J.L. & Doran, K. (2015). *Critical thinking : an introduction to the basic skills, Seventh edition* [eBook edition]. Retrieved August 3, 2023 from <https://pdfdrive.to/filedownload/critical-thinking-an-introduction-to-the-basic-skills-0>

IPCC Sixth Assessment Report. (2022, January 17). In *Wikipedia*. Retrieved January 20, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/IPCC_Sixth_Assessment_Report

Kelly, D. (2004). *The Art of Reasoning: An Introduction to Logic and Critical Thinking, 4th ed.* [eBook edition] W. W. Norton & Company. Retrieved August 26, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/4986820/54a393?dsource=recommend>

Kirby, G. R., Goodpaster, J. R. & Levine, M. (1999), *Critical Thinking, 2d ed.* [eBook edition]. Prentice-Hall, Inc. Retrieved April 24, 2022 from <https://epdf.pub/critical-thinking-uop-custom.html>

Konrad Kellen. (2022, January 12). In *Wikipedia*. Retrieved April 24, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Konrad_Kellen

Krathwohl, D.R., Bloom, B.S & Masia, B.B, (1964). *Taxonomy of educational objectives. Handbook 2. affective domain*. [eBook edition]. Longman, Inc. Retrieved January 26, 2024 from <https://epdf.pub/queue/taxonomy-of-educational-objectives-handbook-2-affective-domain.html>

Jacques Ellul. (2022, April 8). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Jacques_Ellul

Le Bon, G. (2009, orig. 1986). *The Crowd: A Study of the Popular Mind*. [eBook edition]. the Floating Press. Retrieved January 15, 2023 from <https://www.pdfdrive.com/the-crowd-a-study-of-the-popular-mind-e174363701.html>

Lie. (2021, September 7). In *Wikipedia*. Retrieved October 27, 2021 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Lie>

List of cognitive biases. (2021, January 9). In *Wikipedia*. Retrieved January 11, 2021 from

https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_cognitive_biases

List of fallacies. (2023, January 28). In *Wikipedia*. Retrieved August 8, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_fallacies

List of paradoxes. (2021, July 28). In *Wikipedia*. Retrieved January 22, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_paradoxes

Lunsford, A.A., Ruskiewicz, J.J. & Walters, K. (2013, orig. 2004). *Everything's an Argument with Readings*. 6th ed. [eBook edition]. Bedford/St. Martin's. Retrieved August 7, 2024 from <https://www.pdfdrive.com/everythings-an-argument-6th-edition-d31018370.html>

Lyu, S. (2020, July 20). Deepfakes and the New AI-Generated Fake Media Creation-Detection [deepfakes1utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-0721_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2](https://www.deepfakes1utm_source=newsletter&utm_medium=email&utm_campaign=tech&utm_content=link&utm_term=2020-0721_topstories&spMailingID=68049344&spUserID=NDQzNDc1MDA2MjYzS0&spJobID=1923085879&spReportId=MTkyMzA4NTg3OQS2)

MacDonald, C. & Vaughn, L. (2016, orig. 2008). *The Power of Critical Thinking: Effective Reasoning Ordinary and Extraordinary Claims* 5th Canadian ed. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 5, 2024 from <https://z-library.rs/book/11994155/279ba3/the-power-of-critical-thinking.html?dsouce=recommend>

Marcel, G. (n.d.). *Man Against Mass Society*. [eBook edition]. Gateway Editions. Retrieved January 20, 2023 from <https://docviewer.xdocs.net/view.php>

Mason, M. (ed.). *Critical Thinking and Learning*, [eBook edition]. Blackwell Publishing. Retrieved January 26, 2024 from <https://epdf.pub/critical-thinking-and-learning.html>

Mass Society. (2023, January 9), In *Wikipedia*. Retrieved January 15, 2023 from https://en.wikipedia.org/wiki/Mass_society

McInerney, D.Q. (2004). *Being Logical*. [eBook edition]. Random House. Retrieved October 22, 2020 from https://www.academia.edu/38188103/Being_Logical_A_Guide_to_Good_Thinking?email_work_card=view-paper

McKeon M. (n.d.). Argument. In *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 11, 2020 from <https://www.iep.utm.edu/argument>

- Mcmillan, K. & Weyers, J. (2013). *How to Improve Your Critical Thinking and Reflective Skills*. [eBook edition]. Pearson. Retrieved March 23, 2023 from <https://z-library.se/book/3680102/6de433/how-to-improve-your-critical-thinking-reflective-skills.html?dsource=recommend>
- McNeill, F.M. & Thro, E. (1994). *Fuzzy Logic*. [eBook edition]. Morgan Kaufmann Publishers. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/437577/7ab44c?dsource=recommend>
- McQuade, B. (2024). *Attack from Within: How Disformation Is Sabotaging America*. [eBook edition]. Seven Stories Press. Retrieved May 9, 2024 from <https://z-library.se/book/27916132/44825d/attack-from-within-how-disinformation-is-sabotaging-america.html?dsource=recommend>
- Mandelbrot set. (2024, July 29). In *Wikipedia*. Retrieved August 9, 2024 from https://en.wikipedia.org/wiki/Mandelbrot_set
- Merriam-Webster. (n.d.). Propaganda. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25, 2021 from <https://www.merriam-webster.com/dictionary/propaganda>
- Merriam-Webster. (n.d.). Propagate. In *Merriam-Webster.com dictionary*. Retrieved October 25, 2021 from <https://www.merriam-webster.com/dictionary/propagate>
- Milgram experiment. (2021, June 13). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Milgram_experiment
- Moon, J. (2008). *Critical Thinking: An exploration of theory and practice*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved March 23, 2024 from <https://z-library.se/book/860635/d6d33b/critical-thinking-an-exploration-of-theory-and-practice.html?dsource=recommend>
- Moore, B. N., & Parker. (2017). *Critical Thinking, 12th edition*. [eBook edition]. McGraw-Hill. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/5223642/45483c?dsource=recommend>
- Mozerky, M.J, (2015). *Time, Language, and Ontology: The World from the B-Theoretic Perspective*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved April 10, 2024 from <https://z-library.se/book/19092315/d2008e/time-language-and-ontology-the-world-from-the-btheoretic-perspective-oxford-studies-of-time-in.html?dsource=recommend>
- Mulnix, J. W. (2010). Thinking Critically about Critical Thinking. *Educational Philosophy and Theory*. Retrieved August 18, 2020 from https://www.academia.edu/678248/Thinking_Critically_about_Critical_Thinking

- Nadler, G. & Chandon, W. J. (2004). *Smart Questions: Learn to Ask the Right Questions for Powerful Results*. [eBook edition]. Jossy Bass.
<https://www.pdfdrive.com/smart-questions-learn-to-ask-the-right-questions-for-powerful-results-d161229615.html>
- Novella. S. (2012). *Your Deceptive Mind: A Scientific Guide to Critical Thinking Skills*. [eBook edition]. The Great Courses. Retrieved March 23, 2024 from
<https://z-library.se/book/3340174/e143ce/your-deceptive-mind-a-scientific-guide-to-critical-thinking-skills.html?dsourc=recommend>
- Oaklander, L.N. (2004). *The Ontology of Time*. [eBook edition]. Prometheus Books. Retrieved April 10, 2024 from <https://z-library.se/book/2441068/3d0e45/the-ontology-of-time-studies-in-analytic-philosophy.html?dsourc=recommend>
- Parkin-Gounelas, R. (2012). *The Psychology and Politics of the Collective: Groups, Crowds and Mass Identifications*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved January 17, 2023 from
<https://www.pdfdrive.com/search?q=The+Psychology+and+Politics+of+the+Collective%3A+Group%2C+Crowds+and+Mass+Identifi+cations&pagecount=&pubyear=&searchin=&em=&more=true>
- Paul, R. (1998). *Critical Thinking: What Every Person Needs to Survive in a Rapidly Changing World*. Revised Third Edition. [eBook edition]. Foundation for Critical Thinking. Retrieved August 21, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/25322362/9a5896>
- Paul, T. & Elder, L. (2006). *Critical thinking : learn the tools the best thinkers use . Concise ed*. [eBook edition] Pearson Education, Inc. Retrieved August 22, 2023 from
<https://zlibrary-africa.se/book/2722912/6f2a2f?dsourc=recommend>
- Paul, T. & Elder, L. (2019). *The Thinker's Guide for Conscientious Citizens on How to Detect Media Bias and Propaganda in National and World News*. [eBook edition]. The Foundation for Critical Thinking. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/24396000/6c740f>
- Pylkkanen, L (2008). *Introducing Arguments*. [eBook edition] The MIT Press. Retrieved January 25, 2024 from <https://epdf.pub/introducing-arguments.html>
- Pettit. M. (2013). *The Science of Deception*. [eBook edition]. University of Chicago Press. Retrieved July 19, 2023 from <https://pdfcoffee.com/the-science-of-deceptionpdf-pdf-free.html>
- Pohl, R.F. , ed. (2004). *Cognitive Illusions_A Handbook on Fallacies and Biases in Thinking, Judgement and Memory*. [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved March 28, 2020 from
<https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-a-handbook-on-fallacies-and-biases-in-thinking-judgement-and-memory-d184523053.html>
- Pohl, R.D. (ed.). (2016). *Cognitive Illusions: Intriguing Phenomena in Judgement, Thinking and Memory*. [eBook edition]. Psychology Press. Retrieved April 18, 2021 from

<https://www.pdfdrive.com/cognitive-illusions-intriguing-phenomena-in-judgement-thinking-and-memory-d158178910.html>

Polette, N. (2006). *Teaching Thinking Skills with Fairy Tales and Fantasy*. [eBook edition]. Teacher Ideas Press. Retrieved May 1, 2024 from <https://epdf.pub/teaching-thinking-skills-with-fairy-tales-and-fantasy560aee514b59e91c0113de1ca675703523723.html>

Pope, A. (n.d.). *An Essay on Criticism*. [eBook edition]. Project Gutenberg. Retrieved June 18, 2021 from <https://www.gutenberg.org/files/7409/7409-h/7409-h.htm>

Pratkanis, A.R. & Aronson. *Age of Propaganda: The Everyday Use and Abuse of Propaganda*, Revised Ed. [eBook edition]. University of California, Santa Cruz. Retrieved July 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/age-of-propaganda-the-everyday-use-and-abuse-of-propaganda-e195129684.html>

Prior, A. (1967). *Past, Present and Future*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved April 10, 2024 from <https://z-library.se/book/843488/4a5577/past-present-and-future.html?dsourc=recommend>

Propaganda.(2022, April 11). In *Wikipedia*. Retrieved April 22, 2022 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda>

Propaganda: The Formation of Men's Attitudes. (2021, October 30). In *Wikipedia*. Retrieved April 13, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Propaganda:_The_Formation_of_Men%27s_Attitudes

Public Relations. (2021, October 27) In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Public_relations

PSW Science. (2017, March 6). *PSW 2370 Particles and Nature of Nothing | David Kaplan*. [Video] YouTube. Retrieved June 17, 2022 from https://www.youtube.com/watch?v=-4Mz4OGVC_U

Que sais-je? (n.d.) Retrieved July 28, 2020 from <https://www.quesaisje.com>

Que sais-je? (2020, January 3). In *Wikipedia*. Retrieved July 16, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/Que_sais-je%3F

Raff, C. (2022). Aristotle's Rhetoric. In *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved May 8, 2024 from <https://plato.stanford.edu/entries/aristotle-rhetoric/>

- Ramage, J.D. (2010). *Writing Arguments: A Rhetoric with Readings*. [eBook edition] Pearson. Retrieved January 25, 2024 from <https://epdf.pub/writing-arguments-a-rhetoric-with-readings-5ea7aaa5a4ab3.html>
- Ramage, J., Callaway, M., Clary-Lemon, J., & Waggoner, Z. (2009). *Argument in Composition*. [eBook edition]. West Lafayette, IN: Parlor Press. <https://epdf.pub/argument-incomposition4589685156eef64fa4cfd9b5206eaa3a97066.html>
- Reader's Digest. (2022, October 16). In *Wikipedia*. Retrieved October 19, 2022 from https://en.wikipedia.org/wiki/Reader%27s_Digest
- Ridderbos, K.(ed) (2002). *Time*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved November 26, 2024 from <https://epdf.pub/time.html>
- Ross, H. (2014). *Everyday Bias : Identifying and navigating unconscious judgments in our daily lives*. [eBook edition]. Rowman & Littlefield. Retrieved April 18, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/blindspot-hidden-biases-of-good-people-e189362587.html>
- Rudinow, I. & Barry, V.E. (2008, orig, 2004). *Invitation to Critical Thinking, 6th edition* [eBook edition]. Thompson Wadsworth. [eBook edition]. Retrieved August 5, 2024 from <https://z-library.rs/book/1178440/31f3c2/invitation-to-critical-thinking-sixth-edition.html?dsorce=recommend>
- Ruggero, V.R, (2012). *Beyond Feelings: A Guide to Critical Thinking, 9th edition*. [eBook edition]. New York, NY: McGraw-Hill. Retrieved September 25, 2020 from <https://epdf.pub/beyond-feelings-a-guide-to-critical-thinking-ninth-edition-pdf-5eccd cf9c1e76.html>
- Russell, S.J. and Norvig, P. (2010). *Artificial Intelligence: A Modern Approach, 3rd ed.* [eBook edition]. Prentice-Hall. Retrieved from <https://epdf.pub/artificial-intelligence-a-modernapproach0ca11e5ddcab fa8e49892b6b1640c27014202.html>
- Salmon, M. H. (2013, orig. 2002). *Introduction to Logic and Critical Thinking, 6th ed.* Australia:Wadsworth Cengage Learning. [eBook edition]. Retrieved July 11, 2020 from <https://epdf.pub/introduction-to-logic-and-critical-thinking-6th-edition-pdf- 5eccf695f0c38.html>
- Self-similarity, (2020, May 19). In *Wikipedia*. Retrieved July 11, 2020 from <https://en.wikipedia.org/wiki/Self-similarity>
- Shabo, M. E. (2008). *Techniques of Propaganda and Persuasion*. [eBook edition]. Prestwick House, Inc.. Retrieved March 12, 2022 from <https://www.pdfdrive.com/techniques-of-propaganda-and-persuasion-e196250258.html>

- Shaw, J. (n.d). *The Memory Illusion: Remembering, Forgetting, and the Science of False Memory*. [eBook edition]. Rh Books. Retrieved March 28, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/the-memory-illusion-remembering-forgetting-and-the-science-of-false-memory-d156659567.html>
- Sinnott-Armstrong, W. & Fogelin, R, J. (2010), *Understanding Arguments: An Introduction to Informal Logic*, 8th ed, [eBook edition]. Wadsworth Cengage Learning. Retrieved August 1, 2023 from <https://epdf.pub/understanding-arguments-an-introduction-to-informal-logic-eighth-edition-pdf-5ecce352c290f.html>
- Smith, P. (2003). *Introduction to Formal Logic*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 17, 2023 from <https://zlibrary-africa.se/book/2327764/27f019?dsource=recommend>
- Sower, C. & Southward, J. (2020). *Critical Reasoning: A User's Manual, v.4.0., 4th ed.* [eBook edition]. Retrieved August 4, 2023 from https://scholars.fhsu.edu/philosophy_oer/2/
- Sparkman, R.B. (1978). *The Art of Manipulation*. [eBook edition]. The Dial Press. Retrieved July 24, 2021 from <https://epdf.pub/queue/art-of-manipulation.html>
- Spin (propaganda) (2021, June 25). In *Wikipedia*. Retrieved October 30, 2021 from [https://en.wikipedia.org/wiki/Spin_\(propaganda\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Spin_(propaganda))
- Stanley, J. (2015). *How Propaganda Works*. [eBook edition]. Princeton University Press. Retrieved July 19, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/how-propaganda-works-e166908680.html>
- Stumpf, S. E. (1994, orig. 1971). *Philosophy: History and Problems. Fifth edition*. McGraw-Hill.
- Swathridge, C. (2014). *The Oxford Guide to Effective Argument and Critical Thinking*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved January 22, 2021 from <https://www.pdfdrive.com/oxford-guide-to-effective-argument-and-critical-thinking-d177810963.html>
- Thompson, A. (2008). *Critical Reasoning: A Practical Introduction, 3rd ed.* [eBook edition]. Routledge. Retrieved August 16, 2021 from <https://zlibrary-africa.se/book/1126323/d79863?dsource=recommend>
- Tittle, P. (2011). *Critical Thinking: An Appeal to Reason*. [eBook edition]. Routledge. Retrieved November 4, 2023 from <https://pdfdrive.to/dl/critical-thinking-an-appeal-to-reason-0>

- Torches of Freedom. (2021, August 2), In *Wikipedia*. Retrieved October 29, 2021 from https://en.wikipedia.org/wiki/Torches_of_Freedom
- Tooley, M. (1997). *Time, Tense, and Causation*. [eBook edition]. Oxford University Press.. Retrieved April 10, 2024 from <https://z-library.se/book/696401/39e1eb/time-tense-and-causation.html?dsourc=recommend>
- Trachtman, J.P. (2013). *The Tools of Argument: How the Best Lawyers Think, Argue, and Win*. [eBook edition]. Retrieved August 7, 2024 from <https://www.pdfdrive.com/the-tools-of-argument-how-the-best-lawyers-think-argue-and-win-e185315586.html>
- Vaughn, L. (2008), *The Power of Critical Thinking*. [eBook edition]. Oxford University Press. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/queue/the-power-of-critical-thinking-effective-reasoning-about-ordinary-and-extraordin.html>
- Very Short Introductions. (2020, July 25). In *Wikipedia*. Retrieved July 26, 2020 from https://en.wikipedia.org/wiki/Very_Short_Introductions
- Waller, B. (2012, orig. 2001). *Critical Thinking: Consider the Verdict, 6th ed.* [eBook edition]. Pearson Education, Inc. Retrieved June 12, 2020 from <https://www.pdfdrive.com/critical-thinking-consider-the-verdict-sixth-edition-e20051184.html>
- Walton, D. (2006). *Fundamentals of Critical Argumentation*. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/fundamentals-of-critical-argumentation-critical-reasoning-and-argumentation.html>
- Walton, D. (2007). *Dialog Theory for Critical Argumentation*. [eBook edition]. Amsterdam: John Benjamins Publishing Company. Retrieved August 6, 2020 from <https://epdf.pub/dialog-theory-for-critical-argumentation-controversies.html>
- Walton, D. (2008). *Informal Logic: A Pragmatic Approach*. Second Edition. [eBook edition]. Cambridge University Press. Retrieved August 1, 2023 from <https://epdf.pub/informal-logic-a-pragmatic-approach-pdf-5eccd7d42b122.html>
- Watson, J.C. (n.d.). Critical Thinking. *Internet Encyclopedia of Philosophy*. Retrieved July 30, 2023 from <https://iep.utm.edu/critical-thinking/>
- Weinberg, G.,(2011). *An Introduction to General Systems Thinking*. [eBook edition]. Weinberg &

Weinberg. Retrieved November 5, 2023 from <https://pdfroom.com/books/an-introduction-to-general-systems-thinking/kM5rlJ8xgE3/download>

Weston, A. (2000). *A Rulebook for Arguments 3rd Ed.* [eBook edition] Hackett Publishing Company. Retrieved January 25, 2024 from <https://epdf.pub/arulebookforargumentsba7559e1e4b1e35095501bf5598bae8556331.html>

Yu, F.T.C. (1964). *Mass Persuasion in Communist China*. [eBook edition]. Frederick A. Praeger, Retrieved January 25, 2023 from <https://epdf.pub/queue/mass-persuasion-in-communist-china.html>